

MARIA MONTESSORI



Đạy con Trước tuổi Lên 3



NHÀ XUẤT BẢN
LAO ĐỘNG

**PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC CỦA
MONTESSORI**

Mục Lục

Lời mở đầu

Chương 1: Trẻ rời khỏi cơ thể mẹ

Tiếp nhận trẻ đến với thế giới này như thế nào?

Không nên trói buộc trẻ

Sự chào đời của trẻ

Giai đoạn trưởng thành khác nhau

Trẻ cần có sự tự lập

Sự khởi đầu của sinh mệnh

Chương 2: Sự trưởng thành của trẻ sơ sinh

Đôi tay và đại não

Sự phát triển trí lực

Nhận biết về trật tự thế giới bên ngoài

Trật tự bên trong

Bí mật của tâm hồn

Phôi thai của tinh thần

Giáo dục của phôi thai tâm lý

Chương 3: Các loại năng lực của trẻ và việc bồi dưỡng

Sự hình thành ngôn ngữ của trẻ

Sự hình thành tính cách của trẻ

Trẻ tự bồi dưỡng tính cách

Giáo dục ý chí của trẻ

Cần kiên trì rèn luyện ý chí

....

Chương 4: Chăm sóc trẻ

Chúng ta hãy trở thành người thầy tình yêu

Đề trẻ là chủ nhân của chính mình

Ba giai đoạn phục tùng ý thức

Sai lầm và biện pháp sửa sai

Giáo dục gia đình với trẻ nhỏ

Giáo viên cần chuẩn bị những gì

Giáo viên và kỷ luật

Chương 5: Yêu trẻ thế nào

Trí lực và tự do

Biện pháp thưởng phạt

Đề trẻ quay về với tự nhiên

Giáo dục bằng tình yêu

Những đứa trẻ gặp bất hạnh

Trẻ là gì?

.....

Chương 6: Phương pháp giáo dục trẻ Vận động

Tiết tấu

Sự trật tự

Huấn luyện “yên tĩnh”

Hoạt động không logic, không mục đích

.....

Chương 7: Khởi đầu của sinh mệnh

Lựa chọn là một kiểu hoạt động trí lực cấp cao

Từ người sáng tạo trở thành người làm việc

Ảnh hưởng của trở ngại đối với ngôn ngữ

Tưởng tượng và văn hoá

Phương hướng mới

Chương 8: Tôn trọng sinh mệnh

Nhận biết trẻ như thế nào

Nhân cách mang tính thay đổi

Điều kiện phát triển bình thường

Kỷ luật tự phát

MARIA MONTESSORI

DAY CON

TRƯỚC TUỔI LÊN 3

EDUCATIONAL SET OF MARIA MONTESSORI

**PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC
CỦA MONTESSORI**

Biên dịch: Việt Văn Book



NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG

Lời mở đầu

3 TUỔI QUYẾT ĐỊNH CUỘC ĐỜI TRẺ

Maria Montessori - một trong những nhà giáo dục vĩ đại nhất được công nhận ở thế kỉ XX - đã thành lập "*Children's House*" - "*Ngôi nhà của trẻ*" - trường học dành riêng cho trẻ em đầu tiên ở Rome, ngày 1 tháng 6 năm 1907. Bà cho rằng 3 tuổi quyết định cuộc đời trẻ, nên cần tiến hành giáo dục trẻ trước 3 tuổi.

Đằng những thực nghiệm thu được từ "*Ngôi nhà của trẻ*", Montessori đã đưa ra hàng loạt quy luật có liên quan tới sự phát triển và giáo dục trẻ nhỏ:

1. Thời kì phôi thai: Trẻ sơ sinh cần hình thành các loại năng lực của hoạt động phôi thai tâm lý nhờ vào việc liên tục tiếp thu những kích thích từ thế giới bên ngoài, phôi thai tâm lý là đặc trưng riêng của loài người.

2. Thời kì mầm mống: Trẻ ở giai đoạn này tràn đầy sức sống và hưng phấn trước mọi thứ, chúng học gì sẽ lập tức tiếp thu được ngay.

3. Các quá trình phát triển: Giai đoạn đầu tiên (0 - 6 tuổi) là thời kì hình thành các loại chức năng tâm lý của trẻ, trước 3 tuổi trẻ hoạt động chưa có ý thức, chúng chỉ có thể tiếp thu những thứ từ bên ngoài một cách vô thức, thời kì này gọi là "thời kì phôi thai tâm lý"; Giai đoạn thứ 2 (6 - 12 tuổi), lúc này tâm lý của trẻ phát triển dần dần ổn định; Giai đoạn thứ 3 (12 - 18 tuổi), tâm hồn và cơ thể của trẻ đều trải qua những biến đổi to lớn, suy nghĩ dần dần "chín chắn".

4. Trẻ trưởng thành từ trong "công việc": Hoạt động mà Montessori cho trẻ tiếp cận với các giáo cụ được gọi là "công việc", còn những hoạt động mà trẻ chơi với các trò chơi trong cuộc sống thường ngày gọi là "vui chơi". Bà cho rằng, sự phát triển về tâm hồn và thể xác của trẻ hoàn toàn dựa vào "công việc", mà không phải là "vui chơi". Bà còn chỉ rõ, vui chơi sẽ chỉ khiến trẻ có những ảo tưởng không sát thực tế, không thể tạo nên sự nghiêm túc, thành thực, chuẩn xác, tinh thần trách nhiệm và thói quen giữ kỷ luật của trẻ, còn "công việc" thì lại có thể làm được điều đó.

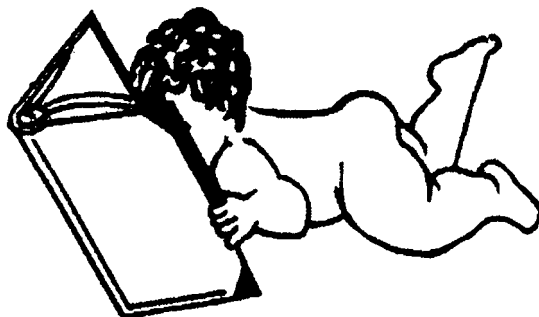


Sở dĩ phương pháp giáo dục của Montessori có thể gây ảnh hưởng tới đông đảo các bậc phụ huynh và giáo viên mầm non trên toàn thế giới, không chỉ vì bà từng sáng lập nên "Ngôi nhà của trẻ" (đã tích lũy được nhiều kinh nghiệm thực tiễn), mà quan trọng nhất, bà đã tổng kết và rút ra những tinh hoa từ suy nghĩ của các nhà giáo dục chủ nghĩa tự nhiên như Theodore Rousseau, J H Pestalozzi, F W A Froebel.

Montessori cho rằng, người lớn không thể đối xử với trẻ như một vật thể, mà nên nghiêm túc đối xử với trẻ như một con người "trưởng thành" đúng nghĩa.

CHƯƠNG 1

TRẺ RỜI KHỎI CƠ THỂ MẸ



TIẾP NHẬN TRẺ ĐẾN VỚI THẾ GIỚI NÀY NHƯ THẾ NÀO?

Cho đến khi chúng ta bắt đầu làm một số công việc chuẩn bị để đón tiếp vị khách quý - một đứa trẻ trong tương lai. Chúng ta mới xem xét lại, trong thế giới hàng hoá phong phú và xa xỉ của chúng ta, có những sản phẩm nào dành cho trẻ? Ở đây không có chậu rửa mặt và ghế sofa thích hợp với trẻ, cũng không có bàn ghế và bàn chải thích hợp với chúng, trong nhà có rất nhiều gian phòng, nhưng lại không có gian nào thiết kế theo mong muốn của trẻ. Chỉ những đứa trẻ là con của gia đình khá giả mới may mắn có được gian phòng riêng, nhưng căn phòng này lại được bài trí quá cẩn thận theo cách nghĩ của người lớn. Vô hình chung, chúng ta đã biến nó trở thành nơi giam giữ trẻ.

Chúng ta hãy nghĩ đến những nỗi khổ mà trẻ gặp phải trong ngày. Thử nghĩ xem nếu có một ngày những người lớn chúng ta sống trong thế giới của người khổng lồ (cơ thể của họ cao lớn, đôi chân dài, chạy nhanh không biết gấp bao nhiêu lần chúng ta, khối óc của họ cũng nhanh nhạy và thông minh hơn chúng ta biết bao lần). Chúng ta muốn bước vào phòng của họ, nhưng bậc cửa lại cao hơn đầu gối của chúng ta; Chúng ta muốn trèo qua cũng phải nhờ người giúp; Chúng ta muốn ngồi nghỉ một lát, nhưng chiếc ghế lại cao bằng vai của chúng ta, và phải rất khó khăn mới có thể trèo lên đó; Chúng ta muốn loại bỏ những vết bẩn trên quần áo nhưng không thể cầm bàn chải được vì nó rất to; Chúng ta muốn tắm tấp cho thoải mái, nhưng chậu tắm lại to và nặng, khiến chúng ta không thể bê được. Nếu những người khổng lồ này còn hơn hử nói rằng họ đã chờ đợi sự hiện diện của chúng ta từ lâu, thì chắc chắn chúng ta sẽ oán thán việc họ đã không chuẩn bị tốt để tiếp đón chúng ta, và cũng chẳng định để chúng ta sống vui vẻ trong thế giới của họ.

Đối với đứa trẻ cũng như vậy, khi chúng đến với thế giới này, chúng cần có đồ chơi và đồ dùng dành riêng cho mình, đặc biệt, chúng cần một môi trường phong phú có lợi cho sự phát triển khoẻ mạnh cả về thể xác lẫn tâm hồn. Nhưng chúng phát hiện những điều này vẫn chưa được chuẩn bị tốt. Vì người lớn chỉ chuẩn bị phòng ngủ, tủ quần áo cho búp bê - đồ chơi của trẻ, nghĩa là, chỉ cung cấp cho trẻ những sản phẩm thu nhỏ từ đồ dùng của người lớn, và vì vậy trẻ chỉ có thể vui một mình chứ không thể sống thực sự hạnh phúc trong môi trường đó. Nguyên nhân dẫn đến điều này là vì người lớn chưa thực sự hiểu trẻ, người lớn chưa nhận thức được rằng trẻ là một con người sống động, với họ có lẽ trẻ mới

chỉ là một thực thể quá nhỏ bé và thụ động, "cho gì ăn nấy, cho gì chơi nấy" mà không biết rằng trẻ cũng có suy nghĩ và cảm nhận theo cách riêng của mình. Vì thế, khi đến với thế giới mới này, trẻ bỗng phát hiện ra rằng mình chỉ là một đối tượng chưa được xã hội tiếp nhận.

Mọi người đều biết, trẻ nhỏ thường hay phá hỏng đồ chơi của chúng. Theo chúng tôi, kiểu hành vi này chính là bằng chứng cho thấy trí lực đang phát triển của trẻ. Sở dĩ trẻ phá hỏng đồ chơi là vì chúng muốn biết "*thứ này làm như thế nào*" và muốn tìm sự thú vị bên trong đồ chơi. Bởi lẽ, bên ngoài đồ chơi chẳng có vẻ gì là hấp dẫn, nên nhiều lúc trẻ sẽ đối xử với đồ chơi như với một kẻ thù, dùng hết sức đập vỡ đồ chơi để khám phá bí mật ẩn chứa bên trong. Quan sát môi trường xung quanh và muốn được sử dụng các vật dụng là khuynh hướng tự nhiên của trẻ, trẻ muốn dùng chậu rửa mặt của mình, muốn tự mình mặc quần áo, tự mình quét nhà, trẻ muốn sử dụng bàn, ghế sofa, tủ quần áo và dụng cụ nấu ăn hợp với mình. Mong muốn của trẻ là: Khiến mình thông minh hơn, sống thoải mái hơn bằng chính đôi tay và sự cảm nhận của mình. Trẻ không chỉ giống người lớn về hành vi, mà còn cố gắng mô phỏng hình dạng của người lớn, đây vừa là thiên tính cũng là sứ mệnh của trẻ.

Chúng ta từng bắt gặp bọn trẻ có hành vi như vậy trong "Ngôi nhà của trẻ" - trong các trường mầm non, mẫu giáo - trẻ luôn tỏ rõ sự vui mừng hứng thú, làm việc nhẩn nại, tỉ mỉ, giống như một người công nhân tốt nhất mà chúng ta đã gặp, hay giống như một nhà quản lý doanh nghiệp cần mẫn nhất. Thiết bị trong phòng học vô cùng có lợi cho các hoạt động của trẻ, móc treo quần áo vừa tầm với, tay nắm cánh cửa vừa khít với nắm tay, trọng lượng chiếc ghế nhỏ trong phòng nặng vừa đủ để trẻ nhấc lên và dịch chuyển được.... Khi tiến hành một loạt hoạt động này, động tác của trẻ thật nhẹ nhàng, thoải mái, đẹp mắt, mang lại một cảm giác an toàn và hoàn toàn là một kiểu hưởng thụ. Vì vậy, tạo ra một môi trường với các vật dụng có kích cỡ phù hợp với năng lực của trẻ, có tác dụng phát triển khả năng của trẻ chính là việc chúng ta đang gieo một hạt giống vào trong đất, để trẻ được phát triển trưởng thành bằng sự rèn luyện không ngừng.

Tuy nhiên, dù tỏ rõ tinh thần "chăm chú chuyên tâm" trong mọi hoạt động, song do cơ thể trẻ chưa phát triển toàn diện, nên những động tác đó sẽ tương đối chậm (như chân còn ngắn, nên tốc độ đi chưa thể nhanh...). Bằng trực giác, chúng ta có thể phát hiện thấy, sự sống trong trẻ đang dần dần phát triển và hoàn thiện. Nếu chúng ta ngăn cản tiến trình này, chẳng khác nào dùng bạo lực chà đạp sinh mệnh, tuy nhiên

chúng ta phải đối xử với trẻ như thế nào trong hiện thực đây? Chúng ta thường có những quyết định ngăn cản các hoạt động của trẻ, cũng giống như ông chủ bạc đãi với nô lệ mà trong lòng không hề áy náy. (Đã có không ít người cho rằng, tôn trọng trẻ là một chuyện thật nực cười). Chúng ta thường xuyên bắt gặp tình huống thế này: Khi trẻ đang ăn cơm, người lớn thản nhiên xúc cho trẻ; Khi trẻ đang nỗ lực cài cúc áo, người lớn "thấy ngứa mắt" lại cài giúp trẻ. Tóm lại, mỗi hành vi của trẻ đều được người lớn can thiệp (làm giúp), đến một chút lòng tôn trọng tối thiểu của người lớn dành cho trẻ cũng không có! Thế nhưng, khi trẻ quấy rối công việc của chúng ta, chúng ta lại vô cùng nghiêm khắc, cấm trẻ không được làm vậy hay khi chúng ta đang làm việc (thường mắc cảm với những việc trong phạm vi quyền hạn của mình), nếu có người tìm mọi cách làm thay chúng ta, lập tức chúng ta sẽ cảm thấy đó là một kiểu mạo phạm khó có thể tha thứ.

Thử tưởng tượng một chút, giả sử có một ngày chúng ta trở thành nô lệ của những người khổng lồ mà chúng ta không thể làm cho họ hiểu được mình thì sao? Khi chúng ta đang thông thả thưởng thức mùi vị nước canh, đột nhiên người khổng lồ xuất hiện, cướp lấy chiếc thìa trong tay chúng ta, ép chúng ta phải uống hết bát nước canh với tốc độ nhanh nhất, hành động này của họ khiến chúng ta suýt nữa bị tắc nghẹn. Chúng ta sẽ phản kháng: *"Xin hãy nhân từ, cho phép tôi uống chậm một chút!"*. Chính điều này đã tạo nên áp lực tâm lý, khiến chức năng tiêu hóa của chúng ta bị tổn thương. Hay một ví dụ khác, do có một buổi hẹn gặp thú vị, chúng ta đang vui vẻ mặc áo khoác lên mình, đột nhiên người khổng lồ xông vào phòng, vút trước mặt chúng ta một chiếc áo khoác khác và ép chúng ta mặc nó. Hành động của anh ta làm tổn thương tới lòng tự trọng của chúng ta, và khi phải mặc chiếc áo đó đi chơi, chúng ta chẳng còn thấy hứng thú chút nào. Dinh dưỡng mà cơ thể chúng ta cần không chỉ là bát canh mùi vị thơm ngon, có lợi cho bài tập đi lành mạnh, mà còn bao gồm cả việc chúng ta được tự do thưởng thức nó.

Cảm giác mất hứng của chúng ta, không hoàn toàn xuất phát từ sự căm ghét đối với người khổng lồ, mà là bắt nguồn từ thiên tính của chúng ta, nhận thức của chúng ta đối với quyền tự do. Chính tình yêu mãnh liệt đối với tự do đã "làm tươi tốt" sinh mệnh của chúng ta, mang lại hạnh phúc và sức khỏe cho chúng ta. Vai trò của tự do không chỉ thể hiện trong cuộc sống, mà nó còn thể hiện rõ trong từng cử chỉ hành động, giống như một nhà hiền triết từng nói: *"Con người không thể sống chỉ*

với bánh mì". Đối với trẻ nhỏ, nên cho chúng hưởng thụ tự do về văn hóa và tinh thần nhiều hơn nữa, bởi lẽ chúng cần tiến hành những hoạt động mang tính sáng tạo nhiều hơn bất cứ độ tuổi nào khác.

Khi người lớn xâm nhập vào lãnh địa sống của trẻ nhỏ, chúng sẽ đấu tranh và phản kháng lại. Khi trẻ muốn thử xúc giác của mình, người lớn thường trách mắng chúng: "*Không được động vào!*". Khi trẻ thử lấy một ít nguyên liệu trong bếp, như rau thái vụn để làm một đĩa rau nhỏ, thậm chí chúng sẽ bị người lớn quát mắng, "tống" ra khỏi nhà bếp và buộc phải quay lại với bộ đồ chơi của mình. Khi trẻ tập trung sự chú ý chính là lúc hoạt động tinh thần trong trẻ đang phát triển. Khi trẻ nỗ lực tự phát, chính là lúc trẻ đang dốc sức tìm kiếm khắp nơi những vật chất có lợi cho trí lực, quả là những thời khắc thần kì hiếm hoi khó có thể gặp lại khi chúng ta đã trưởng thành.

Tuy nhiên, chính vào những thời khắc khác thường đó, hành vi của chúng lại bị người lớn làm gián đoạn một cách thô bạo. Điều này cũng giống như việc người lớn thấy mất đi một số thứ quý báu trong đường đời, cũng sẽ có một cảm giác bị lừa gạt và bị khinh miệt. Nguyên nhân chính là, trong thời khắc then chốt tự mình sáng tạo, hành vi của chúng ta bị người khổng lồ kia chặn lại, cơ thể chúng ta bị chà đạp, đã hình thành nên tâm lý yếu đuối, thậm chí sẽ tạo nên một sự thiếu hụt nào đó.

Liên quan tới hậu quả của những hành vi này, chúng tôi xin đưa ra một số ví dụ. Trong thế giới người lớn, mặc dù có một số người chưa trưởng thành và chín chắn bằng người khác, song họ lại có năng khiếu ở một lĩnh vực nào đó. Ví dụ, một nhà văn giỏi có thể thức tỉnh những trái tim băng giá và giúp đỡ người khác bằng những tác phẩm chứa đầy cảm xúc của mình; Một nhà toán học có thể giúp ích cho xã hội bằng việc phát hiện ra một biện pháp giải quyết vấn đề trọng đại nào đó; Một họa sĩ tài danh, bỗng nảy sinh ý tưởng tuyệt diệu trong đầu, anh ta vội vàng muốn đưa nó lên tranh vẽ và một kiệt tác có thể ra đời. Thử nghĩ xem, nếu vào thời khắc then chốt này, anh ta bị một người làm gián đoạn một cách thô bạo, người này gào to với họa sĩ kia, yêu cầu anh ta lập tức phải đi theo mình, đi đâu nhỉ? Hóa ra là đi chơi cờ! Họa sĩ này chỉ còn biết thốt lên rằng: "*Hành vi của anh quả là tàn nhẫn quá! Chính sự ngu xuẩn của anh đã làm mất đi cảm xúc trong tôi, nhân loại cũng đã mất đi một kiệt tác*".

So sánh một chút, mặc dù trẻ không mất đi tác phẩm nghệ thuật, song trẻ đã đánh mất chính mình. Bởi vì, tác phẩm nghệ thuật của trẻ chính là tạo ra một "người" hoàn toàn mới, cũng chính là tạo ra một thiên tài giàu sức sáng tạo ở khắp mọi nơi. Khi người lớn vô tình tước đi



quyền sáng tạo, tất nhiên trẻ sẽ gào khóc vì thấy không có ai hiểu mình. Lúc này đối với trẻ, không chỉ tâm hồn mà cả thể xác của nó cũng bị tổn thương. Vì vậy, đặc điểm của con người là khi tinh thần vừa bị tổn thương thì toàn bộ thể xác cũng sẽ chịu đau khổ theo.

Ở một tổ chức từ thiện, có một đứa trẻ trông rất xấu xí, điều may mắn là người chăm sóc đứa trẻ đó lại vô cùng thích nó. Một hôm, người chăm sóc đứa trẻ này nói với mẹ của đứa bé, càng lớn đứa bé này càng xinh đẹp. Sau khi nghe vậy, người phụ nữ này vội vàng tới thăm con, cô ta phát hiện thấy con mình vẫn xấu xí như ngày nào. Cô ta bỗng hiểu ra rằng, có lẽ thường xuyên tiếp xúc với một người sẽ quen dần với khuyết điểm của người đó. Vài ngày sau, người chăm sóc đứa trẻ đó vẫn báo cáo thông tin như vậy với mẹ đứa trẻ, người phụ nữ này lại tới tổ chức từ thiện đó thăm con, lần này cô ta có ấn tượng rất tốt đối với cô gái chăm sóc con mình. Cô ta đã hiểu, tình yêu có thể khiến con người tự tin một cách mù quáng, và cô ta thực sự cảm động trước tình cảm của người giữ trẻ. Vài tháng sau, cô gái chăm sóc đứa trẻ đó hân hoan tuyên bố, đứa trẻ này không có khiếm khuyết nào, nó rất xinh đẹp, điều này không phải bàn cãi. Mặc dù mẹ đứa trẻ cảm thấy hơi ngạc nhiên, song cô ta không thể không thừa nhận đó là sự thực, trong sự thương yêu dùm bọc vô bờ bến, cơ thể của đứa trẻ đã có sự thay đổi.

Chúng ta thường lừa dối bản thân bằng tư tưởng thế này: Chúng ta đã cho trẻ mọi thứ, chúng ta cho trẻ không khí trong lành và thức ăn giàu dinh dưỡng. Song thực tế, chúng ta chẳng cho chúng thứ gì cả: Cơm no, áo ấm và không khí trong lành sẽ chẳng bao giờ là đủ đối với cơ thể một người; Mọi chức năng sinh lý của con người đều chịu sự kìm hãm của nhân tố cấp cao hơn; Điểm mấu chốt của sự sống chính ở chỗ cơ thể trẻ cũng sẽ sinh tồn, dựa theo sức sống của tâm hồn.

Sinh lý học khuyên chúng ta rằng, ăn một bữa cơm đạm bạc ở nơi hoang dã sẽ giàu dinh dưỡng hơn một bữa tiệc xa hoa song lại được tiến hành trong một căn phòng ô nhiễm và bụi bẩn. Bởi lẽ, mọi chức năng của cơ thể sẽ hoạt bát hơn rất nhiều khi cơ thể ở ngoài trời, hô hấp cũng thoải mái hơn. Giống như vậy, ăn cơm với người mình yêu mến hoặc người đồng cảm với mình sẽ giàu dinh dưỡng hơn một bữa cơm thịnh soạn của tầng lớp quý tộc với vị bộ trưởng tục tĩu. Lúc này, khát vọng của chúng ta với tự do đã nói rõ tất cả. Dù chúng ta được ăn sơn hào hải vị, được sống trong ngọc ngà châu báu, mà cuộc sống của chúng ta phải luôn chịu áp lực, thì không những sức khỏe chúng ta bị ảnh hưởng mà tinh thần chúng ta cũng không được thoải mái.

KHÔNG NÊN TRỚI BƯỚC TRẺ

Sinh vật học sớm đã chứng minh ảnh hưởng lớn của môi trường với thế giới tự nhiên. Thuyết duy vật trong thuyết tiến hóa cũng chỉ ra rằng, môi trường sẽ gây ảnh hưởng đầy kịch tính đối với sự sinh sôi nảy nở của giống và hình thái sinh vật. Cái trước sẽ khiến cái sau biến đổi, thậm chí khiến nó trở nên biến dị. Đương nhiên, chúng ta không thể phân tích và chứng minh mọi lí luận, tuy vậy kết luận này đã được nhà côn trùng học người Pháp - Fabre nghiên cứu và chứng thực là đúng. Fabre đã có những đóng góp trong việc nghiên cứu môi trường sống của côn trùng, mang lại những nhận thức mới mẻ cho con người đối với quá trình trưởng thành của cuộc đời côn trùng. Qua những nghiên cứu cụ thể về sinh vật đã khẳng định, chỉ có tiến hành quan sát và nghiên cứu sinh vật trong môi trường tự nhiên thì chúng ta mới có thể hiểu hết về nó.

Khi thảo luận nghiên cứu mối quan hệ giữa loài người với môi trường tự nhiên, chúng ta phát hiện thấy điều tuyệt vời không phải việc con người thích ứng với môi trường mà là việc con người sáng tạo ra một môi trường để thích ứng. Con người cùng sống trong một môi trường xã hội, có sức mạnh tinh thần đặc biệt quan trọng đang phát huy tác dụng trong môi trường này, chúng đã tạo nên mối quan hệ đối nhân xử thế trong giao tiếp xã hội loài người. Ví dụ, một người không thể sống trong môi trường thích ứng, thì sẽ không thể phát huy hết tiềm năng của mình, hơn nữa anh ta sẽ không thể hiểu mình. Một trong những tư tưởng trọng tâm của lý luận giáo dục mới chính là hô hào mọi người coi trọng việc bồi dưỡng bản năng xã hội của trẻ, đồng thời khích lệ trẻ kết giao nhiều hơn nữa với bạn bè cùng trang lứa.

Vấn đề ở chỗ, trẻ vốn không tìm được một môi trường có thể thích ứng, bởi lẽ trẻ sống trong thế giới của người lớn. Sự sai lệch của môi trường sống này đã tạo nên những ảnh hưởng lớn trong việc phát triển nhân cách của trẻ.

Ảnh hưởng nghiêm trọng của môi trường mất cân bằng đối với trẻ không chỉ xuất phát từ sự khác biệt của mức độ lớn nhỏ, mà còn vì trong một môi trường không ăn khớp, hành động của trẻ không thể "thích gì làm nấy". Điều này cũng giống như một nhà ảo thuật có kĩ thuật cao siêu, động tác linh hoạt, vừa phát hiện thấy người khác mô phỏng động tác của mình nhất định cảm thấy người này đã không biết lượng sức mình (trong lòng anh ta vốn nghĩ rằng không ai kĩ thuật cao siêu bằng mình). Nếu bạn thử từ từ chậm rãi bắt chước động tác của anh ta, nhất

định anh ta sẽ mất đi tính nhân nại. Thái độ của chúng ta với trẻ chẳng phải cũng như vậy sao? Tôi thành thật khuyên các bà mẹ rằng: Hãy để trẻ từ 3 - 4 tuổi làm những việc mà trẻ thích, để trẻ tự tắm gội, tự mặc quần áo, tự ăn cơm.

Khi để trẻ sống một ngày trong môi trường mà chúng ta đã sắp xếp sẵn cho trẻ, tôi tin rằng, nhất định trẻ sẽ cảm thấy đau khổ và chán nản. Mọi sức lực của chúng sẽ chỉ tập trung cho mục đích biện hộ, tiếp đến, cả ngày chúng ta sẽ chỉ nghe thấy mỗi câu nói này: *"Bố/mẹ đừng xen vào việc của con"*. Cuối cùng, có thể chúng sẽ khóc, bởi vì chúng thực sự không thể tìm ra cách để trẻ bảo vệ mình. Vậy mà, vẫn có rất nhiều bà mẹ ca thán với tôi rằng: *"Con tôi thật khó bảo, dỗ nó ngủ trưa, dù nằm trên giường nhưng mắt chẳng buồn nhắm, hơn nữa hễ mở miệng là nói "không được, không được". Sao một đứa trẻ lại có thể như vậy từ sáng tới tối chứ?"*.

Nếu những bà mẹ này có thể chuẩn bị sẵn trong nhà một môi trường phù hợp với độ tuổi của trẻ, vừa có thể giải phóng sức lực của trẻ, vừa có thể phát triển tâm lý thì trẻ sẽ cảm thấy được tự do. Biện pháp này thực tế sẽ giúp chúng ta nhanh chóng giải quyết vấn đề để trẻ có môi trường của riêng mình.

Trường học được xây dựng dành riêng cho trẻ, do vậy, bàn ghế và đồ dùng trong trường học đều được sản xuất dựa theo tầm vóc và sức lực của trẻ. Như vậy, trẻ mới có thể dễ dàng sử dụng và dịch chuyển đồ dùng của mình giống như chúng ta dịch chuyển đồ gia dụng trong nhà vậy.

Đây là một số nguyên tắc cơ bản để thiết kế môi trường: Đồ dùng nhất thiết phải gọn nhẹ, vị trí bày biện phải thuận lợi cho trẻ di chuyển, ảnh treo ở những nơi ngang tầm mắt của trẻ, để trẻ có thể nhìn thấy dễ dàng. Nguyên tắc này thích hợp cho mọi thứ xung quanh trẻ, từ thảm trải dưới đất, tới lọ hoa, và những đồ dùng khác cũng vậy. Những thứ trong nhà đều nên cho trẻ sử dụng, những công việc trong nhà cũng nên cho trẻ tham gia như quét nhà, hút bụi ở thảm, tự mặc quần áo và tắm gội... Nên để trẻ cảm nhận được tính hấp dẫn của những đồ vật xung quanh mình, "Ngôi nhà của trẻ" phải là nơi đáng yêu và thoải mái. Chỉ khi một nhà trẻ trông sáng sủa đẹp đẽ, thì những đứa trẻ mới vui vẻ sống và hoạt động trong đó, cũng như một môi trường gia đình tốt đẹp sẽ giúp mọi người trong gia đình sống hòa hợp hơn. Có thể khẳng định, môi trường thoải mái, có thẩm mỹ nhất định liên quan tới khả năng học tập và lối sống của trẻ. Trong một môi trường tốt đẹp, mong muốn chủ động

tìm tòi và khám phá của trẻ sẽ tốt hơn rất nhiều so với sống trong môi trường hỗn độn.

Trực giác của trẻ về sự xấu đẹp của môi trường vô cùng nhạy bén. Một cô bé học ở trường Montessori, San Francisco, một hôm tới thăm quan trường công lập nọ, vừa bước vào phòng phát hiện thấy bàn ghế ở đây đầy bụi bẩn. Cô bé nói với giáo viên của trường này rằng: *"Thầy có biết vì sao các bạn nhỏ ở đây không thích quét dọn phòng sạch sẽ không? Đó là vì các bạn ấy không được dùng giẻ lau đẹp đẽ. Nếu không cho em một chiếc giẻ lau đẹp thì em cũng chẳng muốn quét dọn vệ sinh"*.

Đồ trẻ dùng nhất định phải là đồ có thể cọ rửa sạch sẽ, điều này không chỉ phù hợp với vấn đề vệ sinh, mà lý do thực sự là, những đồ dùng có thể cọ rửa sạch sẽ này tạo cơ hội cho trẻ vui vẻ làm việc. Từ đó trẻ biết cách chú ý giữ gìn vệ sinh, học cách cọ rửa những vết bẩn, dần dần trẻ sẽ hình thành thói quen giữ vệ sinh, cọ rửa sạch sẽ tất cả những thứ quanh mình.

Rất nhiều người góp ý với tôi về việc, nên dán một miếng lót cao su chống trơn vào chân bàn, chân ghế để giảm bớt tạp âm khi dịch chuyển. Tôi lại cảm thấy nên để lại những âm thanh này. Vì như vậy, trẻ mới biết được hành động của mình có quá thô lỗ hay không. Thường thì, trẻ tiến hành các động tác không theo tuần tự, cũng chưa thể hiểu rằng phải khống chế hành vi của mình. Điều này hoàn toàn là do cơ bắp của trẻ chưa phát triển tới mức "làm theo ý của mình".

Trong "Ngôi nhà của trẻ", mỗi động tác mạnh bạo của trẻ đều thể hiện bằng những tiếng kêu phát ra từ bàn và ghế. Do vậy, trẻ sẽ vô cùng chú ý tới động tác của mình. Trong "Ngôi nhà của trẻ" cũng nên bày biện một số đồ dễ vỡ, như cốc thủy tinh, đĩa, bình hoa,... Có người sẽ chất vấn tôi rằng: *"Vì sao làm như vậy? Những đồ vật dễ vỡ này mà để vào tay đứa trẻ 3, 4 tuổi nhất định chúng sẽ làm vỡ tan tành!"*. Với một số người, những đồ vật này xem ra còn quan trọng hơn đứa trẻ. Lẽ nào những đồ vật chẳng đáng giá này còn đáng quý hơn việc huấn luyện trẻ?

Trong một môi trường thực sự dành riêng cho mình, trẻ sẽ nỗ lực chú ý tới cử chỉ và học cách khống chế hành vi. Ở đây trẻ không cần những kích thích bên ngoài để thay đổi hành vi của mình. Chúng ta có thể thấy niềm vui, niềm tự hào hiện trên nét mặt trẻ, đôi lúc còn thấy một vẻ mặt cực kì nghiêm túc, điều này cho thấy trẻ sinh ra đã biết thay đổi hành vi của mình, hơn nữa chúng cũng thích làm vậy. Trên thực tế, những đứa trẻ 3 tuổi có thể có gì, hay chỉ có vui chơi và tự do phát triển? Bằng mọi cách, nhất định chúng ta phải giúp trẻ tự thay đổi mình. Như



vậy, sau này trẻ mới có thể trở thành một người có ích. Nói cách khác, chúng ta nhất định tạo cho trẻ cơ hội để trẻ làm những việc trẻ buộc phải làm, bởi vì chỉ có liên tục rèn luyện mới có thể phát triển. Trẻ thích rửa tay, không hoàn toàn là vì cảm thấy rửa tay thật thú vị, mà là trẻ cảm thấy tự mình có thể rửa được tay. Trong cuộc sống được tự mình giải quyết công việc là cách để trẻ phát triển mọi năng lực.

Trong thời kì phát triển, khi trẻ cố gắng hết khả năng để làm việc tốt hơn, chúng ta nên làm những gì? Chúng ta thường suy nghĩ mọi cách để giúp trẻ, song điều này lại làm cản trở sự phát triển tự nhiên của chúng (giống như rất nhiều trường học đã đóng chắc bàn ghế xuống sàn nhà). Quả thực, trẻ rất hiếu động, song khi bàn ghế có thể dịch chuyển được thì từ xưa tới nay trẻ cũng sẽ không phá hỏng chúng. Mặc dù bàn ghế sau khi được đóng chắc xuống nền nhà trông quả là ngay ngắn, nhưng điều này cũng có nghĩa cơ thể trẻ sẽ mãi mãi không thể có hành động tuần tự. Có lẽ chúng ta có thể chuẩn bị cho trẻ một vài cái bát hoặc đĩa bằng inox, để trẻ có làm rơi bát đĩa xuống nền nhà cũng sẽ không bị vỡ. Song như vậy lại khiến trẻ cảm thấy giống như có phép thuật, càng muốn làm rơi bát đĩa xuống đất hơn. Kì thực chúng ta đã dùng thuật "che mắt" để giấu đi vấn đề, đứa trẻ này sẽ tiếp tục phạm lỗi. Kiểu dạy dỗ này sẽ trở thành hòn đá chướng ngại, cản trở sự phát triển tự nhiên của trẻ. Một đứa trẻ thích được tự mình làm một số việc sẽ vui vẻ "hợp tác" với mọi người và sống khỏe mạnh hơn.

Thông thường, khi chúng ta thấy trẻ gặp khó khăn, lập tức chạy lại giúp trẻ hoàn thành việc chúng muốn làm. Vì chúng ta luôn nghĩ: "Con muốn tự mình tắm gội, tự mình giặt quần áo phải không? Đừng gây phiền phức nữa, mẹ đang ở đây này! Mẹ sẽ giúp con làm tất cả những việc con muốn làm". Đứa trẻ bị chúng ta cướp mất quyền tự chủ này trở nên lậm lì, khó hòa hợp vì chúng ta đã coi hành vi của trẻ là biểu hiện "không ngoan ngoan", và tự cho rằng giúp trẻ làm việc là vì muốn tốt cho trẻ.

Thử nghĩ một chút, trẻ đã sống thế nào trong mấy năm đầu đời của mình. Trẻ bị bó buộc trong một gia đình mà ở đó không được làm vỡ, làm bẩn đồ đạc, trẻ vốn "không được cựa quậy", càng không có cơ hội rèn luyện khả năng khống chế bản thân, không được học cách sử dụng những đồ dùng thường ngày trong gia đình. Rất nhiều cơ hội hiểu thêm về kinh nghiệm sống cần thiết cũng vì thế mà bị tước đoạt. Điều này sẽ ảnh hưởng tới cuộc đời của trẻ.

Một số trẻ lại rơi vào diện không ai có thể quản lý nổi. Chúng thường bồn chồn không yên hoặc ủ ê rầu rĩ, mỗi lần tắm gội đều quậy phá không thôi, bố mẹ đành phải thuận theo và để chúng thích gì làm nấy. Ai cũng nói bố mẹ như vậy thật tốt, lại có tính nhẫn nại, hàng ngày chịu đựng được đứa trẻ này. Tuy nhiên, làm như vậy có thực sự tốt cho trẻ không? Nếu quả đúng như vậy, chúng ta đã bóp méo tiêu chuẩn tốt đấy.

Tốt với trẻ không đồng nghĩa với việc tha thứ cho mọi lỗi lầm mà trẻ phạm phải. Điều quan trọng là cần tìm ra biện pháp để trẻ không phạm sai lầm. Tốt với trẻ chính là cố gắng hết khả năng để trẻ sống và lớn lên một cách tự nhiên, cung cấp những thứ cần thiết cho sự phát triển của trẻ. Chúng ta cần hiểu rằng trẻ vô cùng nhỏ bé, yếu đuối, cần sự giúp đỡ của người lớn có như vậy mới là biểu hiện thích yêu thương và chăm sóc trẻ.

Khi chúng ta quan sát hành động của trẻ trong môi trường dành riêng cho trẻ, sẽ phát hiện thấy trẻ thường tự giác làm việc với mong muốn công việc được làm tốt hơn. Từ đồ vật mà trẻ lựa chọn, chúng ta có thể thấy trẻ đã được sống trong một môi trường phù hợp, sau khi sử dụng những đồ vật này xong, chúng ta biết trẻ đã phát hiện ra sai sót của mình.

Chúng ta nên làm gì giúp trẻ?

Không nên làm gì cả!

Chúng ta đã nỗ lực tạo ra tất cả những thứ mà trẻ cần, việc tiếp theo chỉ là kiềm chế tâm tư "*mình cần phải giúp trẻ*", yên lặng quan sát trẻ, duy trì cự ly hợp lý, không được một chốc một lát lại quấy rầy trẻ, đương nhiên cũng có thể "*kệ trẻ muốn làm gì thì làm*". Khi đang làm một việc gì đó mà bản thân cho rằng vô cùng quan trọng, trẻ sẽ tỏ rõ sự nghiêm túc, hơn nữa trong lòng rất vui. Ngoài đứng bên quan sát, chúng ta còn có thể làm gì? Đây chính là nguyên nhân khiến tôi xây dựng nên Trường Montessori. Ở trường Montessori, khi giáo viên đóng vai trò là người quan sát, những đứa trẻ có thể tự do hoạt động, điểm này khác hoàn toàn với cách giáo dục của các trường học bình thường khác. Trong các trường học bình thường, giáo viên thường đảm nhiệm vai trò chủ động, những đứa trẻ ở vào vị trí bị động. Song thực tế, càng muốn trẻ phát triển tốt thì giáo viên càng chỉ nên đứng bên cạnh quan sát.

Điều này khiến tôi nhớ lại một câu chuyện rất buồn cười xảy ra trong trường học chúng tôi. Một lần, bảo vệ nhà trường quên mở khóa



cửa lớp, khiến bọn trẻ không thể vào lớp được, chúng buồn bực và không vui. Cuối cùng, cô giáo nói với chúng: "*Các em có thể nhẩy cửa sổ vào, nhưng cô thì không thể*". Thế là, bọn trẻ thi nhau trèo lên cửa sổ nhẩy vào lớp học, cô giáo đành phải đứng ngoài nhìn vào trong xem lũ trẻ chơi đùa.

Bởi vậy, chúng ta nên tạo ra một môi trường thích hợp để dạy dỗ trẻ và giúp trẻ rèn luyện năng lực, cho phép giáo viên tạm thời "đứng ra xa". Xây dựng một môi trường như vậy chính là một tiến bộ lớn về mặt giáo dục.

SỰ CHÀO ĐỜI CỦA TRẺ

Có người cho rằng, văn minh là một biện pháp có hiệu quả nhất để con người dần dần thích ứng với môi trường sống của mình. Nếu điều đó là đúng, thì còn ai có thể cảm nhận được sự thay đổi môi trường nhay bén bằng trẻ sơ sinh vừa mới chào đời? Khi buộc phải thích ứng nhanh chóng với môi trường, nhất định chúng ta sẽ cảm thấy khó khăn, và trẻ sơ sinh phải đối mặt với tình thế còn "gay go" hơn thế, bởi lẽ, trẻ vốn đang ở trong thế giới của mình phải chuyển tới một thế giới hoàn toàn xa lạ. Chúng ta chắc chắn sẽ tự hỏi mình rằng, chúng ta có thể làm gì trước sự chào đời của trẻ?

Trong lịch sử văn minh nhân loại, nên dành riêng ra một mục để ghi tỉ mỉ những biện pháp người lớn đã dùng nhằm giúp trẻ thích ứng với môi trường mới. Mục này hiện nay vẫn trống không, bởi vì chưa ai thử viết trang đầu tiên cho câu chuyện bắt đầu một đời người. Cho tới nay, vẫn không ai cảm thấy hứng thú đối với nhu cầu cấp thiết của một sinh mệnh mới.

Từ những kinh nghiệm đã trải qua, chúng ta đã phát hiện ra một sự thực đáng sợ, đó là ảnh hưởng xấu mà một người phải nhận lấy trong thời kì sơ sinh, sẽ cản trở sự phát triển cả cuộc đời của anh ta. Giai đoạn thai nhi hình thành trong bụng mẹ và sự phát triển trong thời kì trẻ sơ sinh đều có tác dụng mang tính quyết định đối với tương lai của đứa trẻ đó. Các chuyên gia, học giả khắp nơi trên thế giới đều nhất trí cho rằng, quá trình phát triển của thời kì thai nhi và trẻ nhỏ không những ảnh hưởng tới tình trạng sức khỏe vị thành niên sau này, mà còn đóng vai trò hết sức quan trọng trong suốt cuộc đời người đó. Cho tới nay, mọi người chỉ biết sinh nở là thời khắc khó khăn nhất, nguy hiểm nhất của

người phụ nữ, mà không ai hiểu rằng đây cũng là một cửa ải khó khăn đối với trẻ sơ sinh.

Vì sao nói sinh nở cũng là một cửa ải khó khăn đối với trẻ sơ sinh? Bởi lẽ, trải qua sinh nở, trẻ sơ sinh mới thực sự thoát khỏi cơ thể mẹ, không còn sống dựa vào mẹ. Vừa rời khỏi cơ thể mẹ, trẻ buộc phải nhanh chóng duy trì sự sống nhờ vào các cơ quan còn chưa phát triển hoàn thiện của mình. Trước khi sinh ra, trẻ sống trong nước ối ấm áp dành riêng cho mình ở cơ thể mẹ, cơ thể mẹ bảo vệ trẻ, không cho vi khuẩn từ bên ngoài xâm nhập vào, trẻ không bị ảnh hưởng khi thời tiết thay đổi, đến cả ánh sáng yếu ớt nhất, một chút âm thanh nhẹ nhàng cũng đều được cơ thể mẹ che chắn, thai nhi cứ thế phát triển, không chịu bất cứ sự quấy rối nào.

Thế nhưng tới ngày sinh nở, thai nhi phải ra khỏi vùng nước ối ấm áp của cơ thể mẹ để đến với không khí, lúc này, nó phải tự tìm cách sinh tồn. Thai nhi vốn được nuôi dưỡng an toàn trong bụng mẹ đột nhiên phải trải qua một cuộc "vật lộn" mà không có bất cứ sự chuẩn bị nào. Cơ thể mỏng manh, yếu ớt của thai nhi bị chèn ép, rồi cuối cùng nó cũng tới với thế giới này. Lúc này chúng ta sẽ làm gì đây? Chúng ta đón tiếp trẻ bằng cách nào? Một cặp vợ chồng trẻ được lên chức bố mẹ, vui mừng ngấm nhìn đứa con của mình, cảm thấy thỏa mãn trong lòng. Bởi lẽ, sự chào đời của trẻ đã thỏa mãn ước vọng bấy lâu của họ, họ đã có một gia đình hoàn chỉnh. Sự chào đời của đứa trẻ này sẽ mang lại bầu không khí ấm cúng cho gia đình họ.

Vậy mà, khi sản phụ được nghỉ ngơi thư giãn trong căn phòng ấm áp, liệu có ai nghĩ rằng cũng nên cho trẻ nghỉ ngơi thư giãn trong căn phòng ấm áp để dần dần thích ứng với môi trường mới không? Thật đáng tiếc, không ai cho rằng, trẻ sơ sinh cũng vừa trải qua nỗi vất vả cực nhọc. Cơ thể non nớt của trẻ vẫn cảm đến vậy, nhưng không ai thử tìm hiểu về phản ứng miễn cảm mà trẻ gặp phải khi tiếp xúc với mọi thứ.

Có người cho rằng, vào lúc cần thiết, giới tự nhiên sẽ có "viện trợ" cần thiết cho những đứa con của mình. Thế mà, văn minh đương đại đã tạo cho loài người "thiên tính thứ 2" có thể nắm bắt tự nhiên, khống chế tự nhiên. Chúng ta quan sát thói quen sống của động vật khác một cách hào hứng, nhìn thấy thú mẹ giấu con của mình đi, để con mình không bị ánh sáng chói chang chiếu vào, dùng cơ thể mình ủ ấm cho đàn con thân yêu. Thú mẹ còn cảnh giác cao độ trước những nguy hiểm có thể đe dọa

tới sự sống của con mình, nó không cho bất cứ động vật nào lại gần, dù chỉ nhìn một lát cũng không được.

Quay trở lại với trẻ sơ sinh của loài người chúng ta. Dù là môi trường tự nhiên hay văn minh xã hội đều chưa từng giúp trẻ giảm bớt gánh nặng thích ứng với môi trường. Thậm chí, có người còn nói: Trẻ được sống bình an vậy là đủ. Có thể thấy, tiêu chuẩn để họ phán đoán trẻ có thích ứng với môi trường này hay không chính là "sống một cách bình an". Và điều đó chứng tỏ rằng chúng ta chưa thật sự quan tâm đến trẻ.

Có người nói: *"Trẻ khỏe mạnh hoàn toàn có khả năng đề kháng trước sự xâm hại của thế giới bên ngoài, chúng có thể thích ứng với môi trường, vạn vật tự nhiên đều như vậy"*. Nếu loài người thực sự khỏe mạnh như vậy thì vì sao không tự do tự tại sống ở trong rừng? Vì sao cần phải mặc tầng tầng lớp lớp áo ấm vào mùa đông hoặc ngồi bên lò sưởi tận hưởng giây phút ấm áp? Lẽ nào người lớn còn yếu ớt hơn trẻ nhỏ?

Suy cho cùng, chúng ta chưa thực sự tìm hiểu kỹ về trẻ sơ sinh, bởi vì chúng ta luôn có suy nghĩ rằng một đứa trẻ còn trong bụng mẹ hoặc mới chào đời, được quan tâm đến thế, được ấp ủ đến thế, còn điều gì phải lo nghĩ nữa?

Chúng ta nhất thiết phải hiểu rõ đặc điểm tâm sinh lý của trẻ sơ sinh, chỉ có vậy, sau khi sinh ra trẻ mới có thể nhận được sự quan tâm chăm sóc tốt nhất, cũng mới có thể bước những bước ổn định đầu tiên trong cuộc đời. Chăm sóc trẻ nhất định phải có kiến thức phong phú, đồng thời nên chú trọng vào nhu cầu của bản thân trẻ. Dù chỉ muốn ôm trẻ vào lòng, cũng cần cư xử âu yếm thân thiện và phải có động tác nhẹ nhàng thận trọng. Nếu không làm được vậy thì tốt nhất không nên tùy tiện bế trẻ. Chúng ta cần hiểu rằng, từ khi sinh ra tới lúc đầy tháng, trẻ đều cần một môi trường phát triển tĩnh lặng. Tốt nhất không nên mặc quần áo cho trẻ trong khoảng thời gian này, cũng không nên quấn nhiều tã cho trẻ, song nhất định phải đảm bảo phòng trẻ luôn ấm áp, bởi vì nhiệt độ cơ thể trẻ lúc này vẫn chưa điều tiết kịp với sự biến đổi của nhiệt độ môi trường. Bởi vậy, mặc quần áo cho trẻ không thực sự giúp ích cho trẻ.

Luận điểm này cũng đã gây ra nhiều tranh cãi, có người nói tôi đã coi nhẹ truyền thống chăm sóc trẻ khác nhau của các quốc gia. Đối với những ý kiến phản đối, tôi chỉ có thể nói, tôi đã nắm vững mọi biện pháp chăm sóc trẻ. Bởi vì, tôi đã từng nghiên cứu ở rất nhiều nước, quan sát

kĩ mọi biện pháp chăm sóc trẻ khác nhau, tôi phát hiện thấy những biện pháp này đều có khiếm khuyết ở một số mặt nào đó. Khiếm khuyết thực sự của những biện pháp này là một kiểu tình ngộ về tâm hồn. Khi chúng ta tiếp đón sự chào đời của trẻ, nhất định phải mất thời gian để chuẩn bị tốt mọi thứ, gồm cả về tâm lý.

Thực tế, ở bất kì quốc gia nào, trẻ nhỏ cũng đều chưa được hiểu một cách triệt để. Từ thời khắc trẻ sinh ra, trong tiềm thức của người lớn đã chứa đầy nỗi bất an và lo âu, họ thường tìm mọi cách giữ gìn và bảo vệ những thứ mà mình có, cho dù có thứ chẳng đáng giá là bao. Họ sợ sự xuất hiện của trẻ sẽ làm đảo lộn nếp sống thường ngày, nhà cửa sẽ bị làm cho bừa bộn và bẩn thỉu. Chính trạng thái tâm lý này đã khiến người lớn lúc nào cũng "kè kè" bên cạnh trẻ, để bất cứ lúc nào cũng có thể "cứu giúp" những đồ vật có nguy cơ bị phá hỏng. Thậm chí có người còn muốn trốn chạy một thời gian, để khôi phục lại trạng thái tâm lý đang rối bời của mình. Khi đang nỗ lực khiến trẻ trở thành một người có giáo dục, người lớn đã ức chế tính tình "tùy theo ý muốn" vốn có của trẻ.

Đôi khi, chúng ta đã coi đặc tính "tùy theo ý muốn" của trẻ là biểu hiện "thích sao làm vậy". Kì thực, trẻ không hề "thích sao làm vậy", chẳng qua chúng ta hiểu quá ít về chúng, chúng ta thường mắc phải một số sai sót trong quá trình giáo dục trẻ do không thật sự hiểu tính tình của trẻ. Xin đưa ra ví dụ, trẻ từ 1 - 2 tuổi thường có khuynh hướng muốn nhìn thấy đồ vật đặt ở vị trí quen thuộc và có cách sử dụng riêng đối với mỗi đồ vật. Nếu có người phá vỡ trật tự sống đã quen này, trẻ sẽ buồn rầu, thậm chí tìm cách để đồ vật về vị trí cũ, sau đó tâm tư mới ổn định trở lại.

Trẻ nhỏ cũng có mong muốn "*để vật đúng vị trí*", trong trường học chúng tôi từng xảy ra chuyện thế này. Một lần, một đứa trẻ đang đứng im một chỗ, chăm chú nhìn đồng cát dưới đất, mẹ đứa trẻ nhìn thấy, thuận tay gạt đồng cát đó đi. Không ngờ, trẻ khóc toáng lên, vừa khóc vừa vun đồng cát đó lại và để nó về đúng vị trí cũ. Lúc này, người mẹ mới hiểu vì sao trẻ lại khóc, đáng tiếc là, cô ấy vẫn xem nhu cầu này của con là biểu hiện "*không ngoan*".

Một bà mẹ khác đã kể cho tôi nghe câu chuyện này. Một lần, do thời tiết mát mẻ, cô ta cởi áo khoác cầm trên tay, lúc này con cô đột nhiên khóc âm ỉ, không ai hiểu vì sao đứa trẻ lại khóc lóc như vậy, chỉ tới khi cô mặc áo khoác vào, đứa trẻ mới thôi không quấy khóc, lúc này mọi người mới vỡ lẽ.



Ví dụ trên cho thấy, nguyên nhân chủ yếu ảnh hưởng tới tâm tư trẻ là do trẻ nhìn thấy đồ vật đặt không đúng vị trí quen thuộc. Có lẽ người lớn cho rằng, trẻ như vậy nên đáng bị "xử phạt", cho rằng chỉ có "xử phạt" mới có thể sửa được "khuyết điểm" của trẻ. Kỳ thực, sau này trẻ lớn lên, "khuyết điểm" này sẽ tự khắc biến mất. Đương nhiên, người lớn sẽ không thể kêu gào trước đông người chỉ vì nhìn thấy có người cởi áo khoác ra. Người lớn thường đơn giản cho rằng đứa trẻ này hư vì đã không hiểu ý nghĩa thực sự trong hành vi của trẻ. Chúng ta nên biết rằng, một số khuyết điểm nào đó của trẻ tự khắc sẽ biến mất khi chúng lớn lên. Do đó bố mẹ không nhất thiết phải quá lo lắng. Khi chúng ta thực sự hiểu trẻ thì mới có thể nhận ra rằng "biện pháp sửa sai" của chúng ta với trẻ là thừa, chúng ta sẽ thấy thích thú với đứa trẻ mắc "quá nhiều lỗi" này, vì chúng ta biết rằng, có một ngày nào đó nó sẽ trở thành một người lớn hiểu đạo lý.

Cuối cùng xin đưa ra thêm một ví dụ: Hàng xóm của tôi có một đứa con 2 tuổi, bảo mẫu nhà này lần nào tắm cho trẻ cũng sử dụng một chậu tắm, và cùng một cách thức tắm. Một hôm, người bảo mẫu này có việc phải xin nghỉ dài ngày, người bảo mẫu khác tới thay cô ta chăm sóc đứa trẻ. Khi người bảo mẫu mới tắm cho trẻ, trẻ cứ quấy khóc không thôi, mọi người trong nhà không hiểu chuyện này là sao. Chỉ khi người bảo mẫu cũ quay trở lại hỏi trẻ: *"Vì sao cứ tới lúc tắm là con khóc vậy? Chẳng phải cô ấy cũng rất tốt sao?"*. Đứa trẻ trả lời: *"Cô ấy rất tốt, nhưng mỗi lần tắm cho con đều đảo lộn hết cả"*. Hóa ra, người bảo mẫu này mỗi khi tắm cho trẻ đều gọi đầu cho trẻ trước, còn người bảo mẫu mới lại tắm bắt đầu từ chân. Đối với trẻ, tuân tự tắm là quy luật sống không thể thay đổi, trẻ cố gắng duy trì quy luật này. Vậy mà, biểu hiện này của trẻ lại thường bị người lớn cho là "hư".

GIẢI ĐOẠN TRƯỞNG THÀNH KHÁC NHAU

Các nhà tâm lý học đã tiến hành nghiên cứu quá trình trưởng thành của con người từ lúc sinh ra cho tới khi tốt nghiệp đại học và họ phát hiện thấy rằng, thời kì này có thể phân thành vài giai đoạn phát triển tâm lý. Trước hết, lý luận của hai nhà tâm lý theo đuổi công việc nghiên cứu này, Ellis và W. Stern đã nhận được sự ủng hộ của rất nhiều người, đặc biệt là Charlotte Malachowski Buhler và những người theo quan điểm của bà.

Mặc dù cách nhìn nhận của Ellis không giống với quan điểm thịnh hành, song lại giống với kết quả nghiên cứu của học phái Freud. Từ lâu, con người vẫn thường cho rằng, trẻ sơ sinh vô cùng nhỏ bé, không có nhiều điều đáng để nghiên cứu, giá trị của trẻ nhỏ dần dần được tìm thấy trong sự phát triển sau này. Nghiên cứu của Ellis cho thấy rõ quan điểm này đã lỗi thời. Các nhà tâm lý học hiện nay tin rằng, trong quá trình phát triển, con người cần trải qua các giai đoạn tâm lý khác nhau, giữa các giai đoạn có giới hạn rõ ràng, và có kiểu tâm lý riêng. Thú vị là, mỗi giai đoạn phát triển tâm lý có liên quan mật thiết tới mỗi giai đoạn phát triển cơ thể. Giữa các giai đoạn sinh trưởng phát triển khác nhau, sự biến đổi về tâm lý cũng khác nhau. Khi một giai đoạn tâm lý kết thúc, giai đoạn tâm lý khác sẽ xuất hiện, đến nỗi con người đã phải thốt lên rằng: *"Cái gọi là trưởng thành chính là một quá trình tái sinh liên tục"*.

Giai đoạn phát triển tâm lý đầu tiên là từ lúc sinh ra tới khi 6 tuổi. Giai đoạn này lại có thể phân thành hai giai đoạn khác nhau từ 0 - 3 tuổi và từ 3 - 6 tuổi.

Thời kì đầu tiên là từ 0 - 3 tuổi, chúng ta không thể hiểu rõ tâm lý trẻ ở giai đoạn này, cũng không thể trực tiếp gây ảnh hưởng tới trẻ.

Thời kì thứ hai là từ 3 - 6 tuổi, kiểu tâm lý của trẻ ở thời kì này không có sự biến đổi lớn. Song, nhân cách của trẻ đã có nhiều thay đổi, rất dễ bị ảnh hưởng bởi người lớn. Có lẽ, bố mẹ không cảm thấy sự biến đổi này, song chỉ cần so sánh một chút giữa trẻ 6 tuổi với trẻ mới sinh thì sẽ phát hiện thấy sự biến đổi này quả là đáng kinh ngạc. Trước hết, chúng ta không nói tới sự biến đổi này xảy ra thế nào, chỉ cần chấp nhận một sự thực, chính là trẻ 6 tuổi có thể đi học để được giáo dục.

Giai đoạn phát triển tâm lý thứ 2 là từ 6 - 12 tuổi. Giai đoạn này tương đối ổn định, trẻ đang trong thời kì phát triển ổn định, cơ thể khỏe mạnh, cường tráng, tinh thần vui vẻ. Khi nhận xét về trẻ thời kì này, nhà tâm lý học Ross đã nói thế này: *"Sự ổn định được biểu hiện rõ về mặt tinh thần và cơ thể này là một đặc trưng rõ nét của thời kì sau giai đoạn trẻ nhỏ. Kiểu ổn định này vô cùng giống với thời kì thành niên. Để dàng nhận thấy, nếu một người ngoài hành tinh lần đầu tới trái đất, khi chưa gặp người lớn nào, rất có thể cho rằng những đứa trẻ khoảng 10 tuổi này chính là người lớn"*.

Giai đoạn này khác biệt rõ với giai đoạn đầu tiên về mặt tâm lý, và cả sự biến đổi về cơ thể. Sự biến đổi rõ rệt nhất chính là việc trẻ thay răng.

Giai đoạn phát triển tâm lý thứ 3 là từ 12 - 18 tuổi, với nhiều biến đổi lớn. Giai đoạn này có thể phân thành 2 thời kì: Từ 12 - 15 tuổi và từ 15 - 18 tuổi.

Về cơ bản, cơ thể con người phát triển hoàn thiện ở giai đoạn này, sau 18 tuổi, cơ thể sẽ không có sự biến đổi rõ rệt nào theo độ tuổi nữa.

Mọi người đều thừa nhận đối với giai đoạn từ 0 - 6 tuổi, điều này rất hiển nhiên, bởi vì khi trẻ 6 tuổi đã có những thay đổi lớn, chính là bắt đầu đi học. Chúng ta ý thức được sự biến đổi của trẻ 6 tuổi, khi chúng đã hiểu người lớn muốn nói gì. Rõ ràng, nếu trẻ không thể đi, không thể hiểu những lời thầy giáo nói, thì không thể sống cuộc sống tập thể. Bởi vậy, có thể nói, con người đã thừa nhận sự biến đổi này của trẻ nhỏ.

Tuy nhiên, phản ứng của giới lý luận giáo dục lại rất chậm chạp, tới nay họ vẫn thiếu hiểu biết đối với vấn đề này, mà chỉ thấy rõ một số sự thực hiển nhiên, (cũng chính là sự khác biệt rõ rệt giữa trẻ sơ sinh và trẻ 6 tuổi). Đúng vậy, trẻ 6 tuổi đã có đủ năng lực tự chủ, có thể đi học, và lý giải những suy nghĩ của người khác. Chúng đã có sự phát triển đáng kể, bởi lẽ khi mới sinh ra chúng chưa hiểu bất cứ một thứ gì.

Có thể nói, giai đoạn thứ 2 cũng được công nhận ở một mức độ nào đó. Nguyên nhân xuất phát từ một sự thực, trên thế giới, ở đa số quốc gia trẻ vào phổ thông cơ sở khi 12 tuổi, điều đó thể hiện rằng, 6 - 12 tuổi là độ tuổi thích hợp nhất cho việc giáo dục văn hóa. Vì sao như vậy? Điều này không thể là sự trùng hợp ngẫu nhiên, và việc thiết lập giáo dục ở các quốc gia bắt nguồn từ nhận thức giống nhau đối với sự phát triển tâm lý của trẻ nhỏ. Thực tiễn giáo dục lâu dài đã chứng minh, trẻ ở độ tuổi này đã có tâm lý đi học, và đã có sự nhậm nại đối với việc học, (có thể chăm chú lắng nghe, lý giải những điều thầy giáo nói...). Kì thực, trẻ 6 - 12 tuổi không chỉ có thể tiếp nhận sự giáo dục, mà giai đoạn này còn là thời kì tốt nhất để trẻ tiếp nhận giáo dục văn hóa.

Sau 12 tuổi, trẻ tiếp nhận một kiểu giáo dục nhà trường mới, cho thấy ngành giáo dục của mỗi nước cũng đã ý thức được điều này. Trẻ đã bước vào một kiểu tâm lý khác.

Thời kì này cũng có thể chia thành 2 giai đoạn nhỏ. Tương đương với, giáo dục phổ thông chia thành phổ thông cơ sở và phổ thông trung học. Thông thường, phổ thông cơ sở là 4 năm, phổ thông trung học là 3 năm. Đối với chúng ta, phân chia như vậy liệu có hợp lý hay không, là không quan trọng. Điều quan trọng là: giáo dục trong 6 năm từ 12 - 18 tuổi thường phân thành 2 giai đoạn.

Giáo dục thanh thiếu niên nhận được sự quan tâm của các nhà tâm lý học, bởi vì độ tuổi từ 12 - 18 giống như độ tuổi từ 0 - 6, có những biến đổi rõ rệt về tâm lý. Giai đoạn này không đơn giản giống như giai đoạn trước đó, hơn nữa cũng không hề "phẳng lặng". Tính cách của thanh thiếu niên ở giai đoạn này không ổn định, trái lại còn có khuynh hướng "nổi loạn". Về mặt phát triển cơ thể, cũng có sự thay đổi khác hẳn với thời kỳ trước đó.

Đáng buồn là, giáo dục nhà trường thường không quan tâm tới những điều này, họ đưa ra thời gian biểu học và chơi buộc học sinh phải tuân theo mà không cần quan tâm đến mong muốn của học sinh. Các em học sinh phải ngồi nghe giảng trong lớp học suốt thời gian dài, chúng suốt ngày phải học.

Đại học là cấp cao nhất của giáo dục nhà trường. Song, giáo dục cấp cao lại không có sự khác biệt đáng kể với giáo dục cấp trung học, tiểu học. Vẫn là giáo viên giảng ở trên, học sinh ngồi dưới nghe, đương nhiên, lượng bài tập nhiều hơn, kiến thức cũng phong phú hơn. Rất nhiều sinh viên đại học không chú ý ăn mặc, chen chúc nhau ngồi trong giảng đường với nhiều bộ dạng khác nhau. Những đứa trẻ xưa kia giờ đã thành người lớn, song vẫn bị đối xử giống như trẻ nhỏ, (buộc phải ngoan ngoãn ngồi nghe thầy giáo giảng bài, phục tùng mệnh lệnh của thầy giáo; Nếu thành tích học tập kém, còn bị bố mẹ trách mắng...).

Vậy mà, khai phá bộ óc của những thanh niên này mới là mục tiêu của giáo dục. Bởi vì, xã hội cần tri thức và kinh nghiệm của họ, họ sẽ là bác sĩ, luật sư hoặc kiến trúc sư tương lai. Chúng ta sẽ đặt ra câu hỏi, những thanh niên này cần bao nhiêu thời gian để có được học vị? Sau khi tốt nghiệp họ có thể kiếm tiền nuôi sống mình không? Có thể hoàn thành tốt công việc mà mình đã lựa chọn không? Doanh nghiệp sẽ cho kiến trúc sư trẻ tuổi này thiết kế đồ án chứ? Luật sư trẻ tuổi này liệu có thể thắng kiện không? Hiện nay, chúng ta thường thiếu lòng tin đối với những người trẻ tuổi, chúng ta giải thích hiện tượng này thế nào đây?

Nguyên nhân rất đơn giản, bởi vì những thanh niên này nhiều năm qua chỉ ngồi nghe giảng và những bài giảng này không thể khiến con người trưởng thành, chỉ có kinh nghiệm làm việc thực tế mới tạo ra nhân tài thực sự. Chính vì vậy, một bác sĩ trẻ cần nhiều năm thực tập, một luật sư trẻ không thể thiếu sự hướng dẫn của các chuyên gia. Sự việc không chỉ có vậy, những sinh viên tốt nghiệp này muốn có việc làm, còn cần sự giúp đỡ và tiến cử của người khác, và phải khắc phục vô số khó khăn. Đáng tiếc là, thanh niên mọi nước trên thế giới đều phải đối

mặt với tình thế khó khăn này. Ở New York, vài trăm sinh viên đại học không tìm được việc làm hàng ngày biểu tình trên phố, họ giơ cao tấm biển: "Chúng tôi không có cơm ăn, không có ai thuê chúng tôi. Chúng tôi phải làm thế nào đây?" Câu hỏi này không ai có thể trả lời. Giáo dục của chúng ta là như vậy, dù ý thức được mỗi giai đoạn khác nhau có sự phát triển khác nhau, song không thể thay đổi được thói quen truyền thống, hoàn toàn rời xa cuộc sống thực tế.

Vài chục năm trước đây, con người hoàn toàn không quan tâm tới trẻ từ 2 - 6 tuổi. Hiện nay, tình hình này đã thay đổi, đã xuất hiện nhiều nhà trẻ, đảm đương việc giáo dục những đứa trẻ này. Song giáo dục đại học vẫn như cũ, vẫn chưa có sự thay đổi mang tính đột phá. Hiện tại, đại học vẫn được cho là mục tiêu cao nhất của giáo dục, vì sinh viên là người trí lực xuất chúng. Tuy nhiên, các nhà tâm lý học bắt đầu chú trọng nghiên cứu về loài người, thế là đã xuất hiện một khuynh hướng nhận thức mới. Rất nhiều người giống như tôi tin rằng giai đoạn quan trọng nhất của giáo dục không phải là đại học mà là giai đoạn 0 - 6 tuổi, họ tin rằng trí tuệ hình thành trong giai đoạn này, tâm lý của con người cũng định hình ở giai đoạn này. Quan điểm đó đã kích lệ chúng tôi nghiên cứu về tiềm năng cuộc đời, đặc biệt là nghiên cứu trẻ mới sinh và trẻ trong vòng 1 tuổi. Các nhà khoa học đã phát hiện rằng, thời kỳ này có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với việc hình thành nhân cách của một con người.

Sự hứng thú của các nhà khoa học với trẻ mới sinh không hề kém hứng thú của con người trước đây đối với cái chết. Sau khi chết, hình dạng của con người sẽ thế nào? Từ rất lâu, nhân loại vẫn luôn nghiên cứu vấn đề này. Hiện tại đã xuất hiện một lĩnh vực mới, một lần nữa khơi dậy sự tưởng tượng vô cùng của con người. Đó chính là tiềm năng vô hạn xuất phát từ cơ thể trẻ sơ sinh, điều này trước đây nhân loại hoàn toàn không hiểu.

Ngoài con người, không có loài động vật nào cần thời kỳ trẻ sơ sinh dài như vậy; vì sao lại như thế? Và đã xảy ra vấn đề gì trong quá trình này? Chúng ta không thể biết. Song một điều không nghi ngờ là, tiềm năng sáng tạo vẫn đang phát huy tác dụng trong quá trình phát triển này. Điều này rất hiển nhiên, trẻ mới sinh không có bất kỳ nhận thức gì, chẳng hiểu gì, nhưng sau 1 năm thì cái gì cũng biết.

Khi trẻ mới sinh ra không có trí nhớ, não trẻ là một khối trống rỗng, nói gì tới có ý chí chủ quan. Tất cả đều được phát triển trong giai đoạn sau đó. Động vật lại không như vậy, khi mèo con vừa sinh ra đã biết kêu

"meo meo", chim con vừa chui ra khỏi quả trứng đã biết hót lên những tiếng giống chim mẹ. Trẻ sơ sinh vừa sinh ra không có năng lực này, chúng chỉ có thể khóc lên những tiếng "oa oa".

Loài người không thể quyết định quá trình phát triển của mình, cũng không thể giải quyết vấn đề xảy ra trong quá trình phát triển, song, loài người có thể tiến hành nghiên cứu quá trình phát triển. Đây là một quá trình từ không tới có, trong đó ẩn chứa vô số sự biến đổi kì diệu. Con người cần hiểu rằng quá trình này vô cùng khó khăn.

Nếu cho rằng trẻ dưới 1 tuổi thường ngủ say là một sai lầm lớn. Bởi vì, não chúng khác hoàn toàn với não chúng ta, bộ não này ẩn chứa sức sáng tạo cực lớn, sức mạnh trong nó đang phát huy tác dụng, đã hình thành nên thế giới nội tâm kì diệu của trẻ. Trong năm đầu tiên tới với thế giới này, cơ quan phát âm của trẻ không những phát triển hoàn thiện mà còn nắm vững ngôn ngữ. Ngoài ra, lúc nào, chúng cũng đều dự trữ năng lượng cần thiết cho sự phát triển cơ thể, bởi vì sự phát triển trí lực lấy sự phát triển cơ thể làm nền móng.

Người lớn có thể biết bản thân cần gì, trẻ sơ sinh lại không ý thức được, những hoạt động sáng tạo vĩ đại này đều được hoàn thành trong sự vô ý thức của trẻ. Có thể nói, cùng với sáng tạo tri thức, trẻ còn có yêu cầu đối với những tri thức này.

Nếu nói hành vi của người lớn là có ý thức thì hành vi của trẻ sơ sinh là vô ý thức, sự điều khiển kiểu vô ý thức này lại không giống như chúng ta tưởng tượng. Bộ não vô ý thức vô cùng có trí tuệ, không chỉ có trẻ sơ sinh mà mọi sinh vật kể cả côn trùng cũng như vậy. Chính trí tuệ vô ý thức kiểu này đã giúp trẻ sơ sinh phát triển, điều này bắt đầu từ việc "thu nạp" đối với môi trường. Vậy thì, trẻ đã thu nạp kiến thức với môi trường như thế nào? Chính là thông qua việc vận dụng những đặc tính nêu trên. Sự vật xung quanh khơi dậy lòng nhiệt tình, thu hút sự chú ý của trẻ, thế là giữa trẻ và môi trường bắt đầu có một kiểu qua lại với nhau. Trẻ sơ sinh không thu nạp kiến thức bằng tư duy mà thông qua năng lực trời phú.

Ngôn ngữ là bằng chứng rõ rệt nhất của kiểu học này. Trẻ nhỏ học cách nói chuyện thế nào? Chúng ta thường có câu trả lời thế này: Trẻ sinh ra đã có năng lực lý giải ngôn ngữ nhân loại. Câu trả lời đó chẳng nói lên được điều gì, vì xung quanh trẻ có hàng nghìn loại âm thanh, trẻ lại chỉ học mỗi âm thanh loài người, vì sao vậy?

Trẻ sơ sinh chỉ học âm thanh của loài người, học ngôn ngữ của loài người, cho thấy giữa muôn vàn âm thanh, ngôn ngữ loài người để lại ấn



tượng sâu sắc nhất trong trẻ. Hơn nữa, nhất định nó có tác động vô cùng mãnh liệt, khiến hệ thống thần kinh của trẻ sản sinh lòng nhiệt tình, trong lòng trào dâng tình cảm hòa đồng, từ đó thúc đẩy trẻ phát ra những âm thanh giống như vậy.

Việc này không khó lý giải, cảm nhận của loài người với âm nhạc cũng gần giống với hiện tượng này. Khi con người nghe nhạc, không chỉ liên tục biểu hiện tình cảm trên nét mặt mà đầu và tay cũng biến đổi theo tiết tấu. Đương nhiên, cảm nhận của trẻ sơ sinh với ngôn ngữ còn mãnh liệt hơn cảm nhận của chúng ta với âm nhạc. Trẻ cảm nhận những âm thanh xung quanh mình một cách vô ý thức, chúng ta rất ít khi thấy lưỡi và gò má trẻ chuyển động, kì thực, chính trong sự tĩnh lặng này, mỗi cơ quan trong cơ thể trẻ đều đang học phát âm.

Trẻ tiếp nhận âm thanh như vậy thì sẽ học ngôn ngữ như thế nào? Ngôn ngữ làm thế nào trở thành một phần nhân cách của trẻ?

Thông thường, chúng ta gọi ngôn ngữ trẻ học được khi ở thời kì trẻ sơ sinh là tiếng mẹ đẻ, ngôn ngữ này hoàn toàn khác với ngôn ngữ học sau này, cũng giống như sự khác biệt giữa răng thật và răng giả.

Mới đầu, điều trẻ nghe thấy chỉ là một số âm thanh vô nghĩa, song lâu dần, trẻ sẽ hiểu hàm ý của những âm thanh đó. Vậy thì, những âm thanh đơn thuần này làm sao lại trở nên có ý nghĩa? Trẻ không chỉ học từ ngữ và ý nghĩa trong đó, mà còn nắm vững câu và kết cấu ngôn ngữ, bởi vì hiểu kết cấu câu là tiền đề để lý giải ngôn ngữ. Ví dụ, chúng ta nói "cốc thủy tinh ở trên bàn", cách sắp xếp từ ngữ quyết định ý nghĩa của câu, cho thấy rõ vị trí của chiếc cốc là ở trên bàn. Nếu thay đổi vị trí ngôn ngữ câu này nói thành "trên bàn cốc thủy tinh", chúng ta rất khó hiểu câu này có ý nghĩa gì. Sở dĩ, trẻ có thể hiểu hàm nghĩa ngôn ngữ chính là vì trẻ nắm được trật tự câu.

Khả năng nhận biết tri thức của trẻ sơ sinh xảy ra thế nào? Chúng ta thường nói: "Trẻ nhớ những điều này rồi" nhưng lại không để ý rằng trẻ cần có trí nhớ để nhớ những đồ vật đó. Song trẻ thời kì sơ sinh chưa có trí nhớ, ngược lại, chúng đang cần bồi dưỡng năng lực này. Hơn nữa, muốn lý giải ảnh hưởng của trật tự ngôn ngữ đối với hàm ý, thì cần hiểu được suy lý, năng lực này trẻ cũng chưa có. Hiển nhiên, việc học tập của trẻ đối với ngôn ngữ là điều chúng ta khó lý giải, cũng là điều đại não trưởng thành không thể hoàn thành, bởi vì, trong đó có một năng lực tâm lý đặc thù. Như vậy, có thể nói thế này, trẻ nhỏ có trí tuệ khác với người lớn, người lớn học tập bằng đại não còn trẻ lại trực tiếp thu nạp kiến thức thông qua năng lực tâm lý.

Việc học của người lớn chỉ là tiếp nhận, đưa kiến thức vào đại não và tích trữ dần dần trong đó, người và kiến thức không hề tạo ra mối quan hệ trực tiếp. Ngược lại, trong khi học tập, trẻ sơ sinh đã trải qua một quá trình thay đổi, nhào nặn bản thân. Trẻ dần dần học tiếng mẹ đẻ, trong cơ thể trẻ đã xuất hiện một phản ứng hóa học tinh thần, tri thức không chỉ vào đại não, mà còn thúc đẩy đại não phát triển. Do vậy, bằng việc giao lưu với môi trường xung quanh, trẻ đã xây dựng một thế giới tinh thần cho mình. Chúng ta gọi tâm lý thời kì này là "tâm hồn có sức thu nạp".

Chúng ta không thể tưởng tượng ra năng lực tâm lý đặc thù kiểu này của trẻ sơ sinh có hình dạng thế nào, song ưu thế của năng lực này lại không thể phủ nhận. Nếu chúng ta cũng có kiểu năng lực này thì tốt biết bao! Như vậy, chúng ta có thể học ngôn ngữ mới dễ dàng giống như học ăn cơm, hít thở. Thử tưởng tượng rằng, mới đầu chúng ta vẫn không phát hiện thấy mình có thay đổi gì, nhưng đột nhiên, kiến thức mới giống như những ngôi sao xuất hiện trong não chúng ta, điều này mang lại sự phấn khích khôn cùng.

Nếu có một hành tinh mà ở đó, không có trường học và thầy giáo, không có sách và thư viện, con người không hiểu học để làm gì, dân chúng sống một cuộc sống nhàn hạ, hàng ngày chỉ ăn uống đi lại, nhưng lại nắm vững mọi tri thức sống, người đọc nhất định sẽ cho rằng tôi đang nói đến truyện thần thoại. Kì thực, cuộc sống như vậy không xảy ra với chúng ta song lại chính là cuộc sống và học tập của trẻ nhỏ, chúng đã học từng sự việc một cách vô ý thức, nhưng lại không hề cảm thấy gánh nặng của học tập.

Quá trình học tập của nhân loại là sự việc vô cùng vĩ đại, không chỉ dần dần nắm bắt được kiến thức, mà đại não cũng được hình thành phát triển. Nói tóm lại, trong quá trình này, nhân loại cũng cần phải trả giá, khi học tập dần dần trở thành ý thức, mỗi kiến thức thu được đều có sự trả giá tương xứng với nó.

Một việc lớn khác trong quá trình học tập của trẻ nhỏ là động tác. Trẻ sinh ra trước hết phải "đùm dùm, bọc bọc" trong tã lót suốt nửa năm, lúc này trẻ vốn chưa có động tác gì, song chưa tới 1 năm, chúng đã có thể đi được, hơn nữa biết làm vô số động tác. Tiếp đến, chúng vô lo vô nghĩ, suốt ngày chơi đùa vui vẻ và học các động tác, lúc này ngôn ngữ không còn là vấn đề, những sự việc xảy ra xung quanh đều sẽ thu hút sự chú ý và để lại ấn tượng trong đầu chúng.



Việc học động tác của trẻ nhỏ rất có quy luật, mỗi động tác đều có giai đoạn học tập riêng. Trước khi bắt đầu học động tác, tâm lý của trẻ đã phát triển một cách vô ý thức rồi, khi học động tác, não sớm đã nhận biết đối với môi trường xung quanh. Chỉ cần tiến hành quan sát trẻ 3 tuổi thì sẽ phát hiện thấy trẻ liên tục chơi đùa với một số thứ, những hoạt động vui chơi này là có ý thức, thông qua sự nghiên cứu đối với đồ chơi, tư duy của trẻ có sự chuyển biến từ vô ý thức sang có ý thức. Từ đó, hành vi của trẻ cũng sẽ dần dần có ý thức, hơn nữa cơ thể trẻ dần dần hoàn thiện bằng những hoạt động. Như vậy, từ những hoạt động vui chơi vô ý thức dần dần chuyển sang làm việc có ý thức. Tay là công cụ trí tuệ của nhân loại, học tập của trẻ cũng bắt đầu từ việc sử dụng đôi tay.

Những kinh nghiệm này cuối cùng đã hình thành tính cách của trẻ, đồng thời, cũng mang lại hạn chế cho chúng, chính là vì thế giới kinh nghiệm nhỏ hẹp hơn rất nhiều so với thế giới vô ý thức.

Quá trình học tập thần bí này bắt đầu từ khi trẻ chào đời. Trong quá trình này, trẻ dần dần có được sức mạnh, hình thành suy nghĩ và nhận thức của mình. Đồng thời qua việc học tập trẻ sẽ tích lũy được khả năng ghi nhớ, từ đó có được khả năng lý giải và suy nghĩ. Đối với những người theo đuổi việc giáo dục trẻ nhỏ, thì kết quả cuối cùng của quá trình này chính là: những đứa trẻ 6 tuổi này có khả năng lý giải và nhận nại nghe giáo viên nói.

Nghiên cứu về tâm lý trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ gần đây đã mở ra tầm nhìn của con người, con người thực sự rung động trước thế giới thần bí này của trẻ nhỏ. Điều cuốn sách này muốn làm là tiến hành phân tích việc học tập trong giai đoạn này của trẻ nhỏ.

Việc chúng ta có thể nhận biết chính xác sự phát triển tâm lý của trẻ, lý giải những điều trẻ cần, từ đó kéo dài giai đoạn học tập này, khiến năng lực nắm vững tri thức của trẻ phát triển là vô cùng có ý nghĩa. Nếu có thể khiến con người nắm vững được nhiều kiến thức mà không cần phải học tập vất vả thì quả là cống hiến lớn lao đối với loài người.

Có thể nói, việc phát hiện tâm lý trẻ nhỏ đã mang lại một cuộc cách mạng giáo dục. Khi chúng ta phát hiện thấy tâm lý của trẻ nhỏ hoàn toàn khác với người lớn, chúng ta hiểu rằng năng lực học tập của trẻ sơ sinh thuộc về tâm lý vô ý thức (kiểu vô ý thức này biến thành điều kiện ý thức) giúp trẻ thu nạp kinh nghiệm từ môi trường xung quanh trong khi vui chơi. Khi chúng ta nhận thức được giáo dục không thể ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình này, thì quan niệm giáo dục trẻ nhỏ đã có

sự thay đổi triệt để. Trẻ nhỏ đã có thể tiếp thu tri thức một cách tự nhiên, nên giai đoạn hình thành tính cách sẽ vô cùng quan trọng. Lúc này, trẻ cần nhận được sự giúp đỡ đúng đắn của người lớn chứ không phải là "truyền bá" tri thức. Trong giáo dục nên loại bỏ những trở ngại ảnh hưởng đến năng lực sáng tạo thiên phú ở trẻ, mà phải là một biện pháp giúp đỡ trẻ phát triển tâm lý.

Người lớn giúp đỡ trẻ không phải vì trẻ quá nhỏ, mà là vì năng lực sáng tạo thiên phú của trẻ chưa ở vào giai đoạn phát triển, đang vô cùng yếu đuối, cần người lớn che chở. Hơn nữa, sự giúp đỡ của người lớn không chỉ tập trung vào cơ thể trẻ, mà là thúc đẩy trẻ phát huy năng lực trời phú này.

Giúp trẻ phát triển tâm lý, thúc đẩy trẻ phát huy năng lực học tập tự nhiên - chính là phương hướng phát triển của nền giáo dục mới đương đại.

TRẺ CẦN CÓ SỰ TỰ LẬP

Nếu không có khuynh hướng hồi quy tâm lý, trẻ nhỏ sẽ nỗ lực thực hiện tính tự lập của bản thân. Trẻ sơ sinh vừa tách khỏi cơ thể mẹ giống như một mũi tên bắn đi, lao về hướng giáo dục tự lập. Trong quá trình phát triển này, chúng sẽ liên tục khắc phục mọi trở ngại, nỗ lực hoàn thiện mình, nhờ sức mạnh to lớn tồn tại trong trẻ đang duy trì và phát huy tác dụng. Các nhà tâm lý học đã gọi sức mạnh này là "hành động có mục đích". Nếu chúng ta muốn tìm thấy thứ gì đó giống như vậy trên cơ thể người trưởng thành, thì đó chính là "mong muốn chủ quan". Song, đây là một sự so sánh không thỏa đáng. Bởi vì, mong muốn chủ quan chỉ là một phần ý thức của con người, mà "*hành động có mục đích*" lại là bản năng của sinh mệnh, là động lực để sinh mệnh phát triển. Sức mạnh này là cội nguồn để trẻ thành tài, mọi hành vi của quá trình giáo dục đều xuất phát từ đây. Nếu giáo dục không bị bất kì sự quấy rối nào, trẻ sẽ thể hiện rõ sự "vui vẻ với cuộc sống", cơ thể tràn đầy sức sống, chúng sẽ phát triển một cách lành mạnh, vui tươi.

Thể hiện cơ bản của "phát triển tự nhiên" chính là nhu cầu được độc lập của trẻ. Nói cách khác, chỉ cần người lớn có sự giúp đỡ cần thiết để trẻ được phát triển tự nhiên thì chúng sẽ thực hiện được tính tự lập của mình. Về mặt phát triển tâm lý của trẻ nhỏ là vậy, mặt phát triển cơ thể của chúng cũng thế. Bởi vì trong cơ thể trẻ luôn tồn tại động lực phát triển vô cùng mãnh liệt và chỉ có cái chết mới cản trở được động lực này.

Dưới đây, chúng tôi sẽ nói rõ về các giai đoạn "phát triển tự nhiên" của trẻ nhỏ. Trẻ mới sinh có thể nói là đã rời khỏi "chiếc lồng" tử cung, độc lập đi bước đầu tiên, đồng thời, ngay lúc này chúng khao khát được nhận thức thế giới bên ngoài. Chúng sẽ đối mặt với một thế giới mới, bắt đầu học và thu thập các kiến thức để hoàn thiện mình, dần dần hình thành cá tính của bản thân. Về ý nghĩa này, tôi với cuộc đời trẻ đã có "mong muốn chinh phục thế giới".

"Mong muốn chinh phục thế giới" là tiêu chí của giai đoạn phát triển sinh mệnh đầu tiên. Thế giới bên ngoài vô cùng hấp dẫn trẻ như nhận định của một nhà tâm lý học: "Đối với trẻ nhỏ, thế giới này có những kích thích cảm quan phong phú".

Cơ quan làm việc đầu tiên của trẻ sơ sinh là cơ quan cảm giác.

Chúng ta nhìn xung quanh có thể thấy gì? Có thể thấy tất cả mọi vật trong tầm mắt. Chúng ta nghiêng tai lắng nghe, có thể nghe thấy gì? Có thể nghe thấy mọi âm thanh trong phạm vi nghe được. Phạm vi cảm tri của con người rất rộng, song con người lại không thể phân biệt rõ những thứ này ngay từ khi sinh ra. Lấy âm thanh làm ví dụ, thứ trẻ nghe thấy đầu tiên chỉ là một âm hưởng hỗn độn, sau đó, cùng với sự tích lũy kinh nghiệm giao lưu môi trường, dần dần trẻ mới phân biệt rõ sự khác biệt giữa các âm thanh. Quá trình này hoàn toàn phù hợp với tâm lý học hình thái.

Trước hết thu thập mọi thứ có thể cảm tri, sau đó dần dần phân biệt chúng, sự phát triển tâm lý của một đứa trẻ bình thường là như vậy. Nếu tình hình ngược lại, trẻ không thể hứng thú với môi trường xung quanh mình, mà lại cảm thấy sợ hãi, có nghĩa là thế giới bên ngoài không còn là cội nguồn kích thích cảm quan, mà trở thành cội nguồn của nỗi sợ hãi.

Hai tình hình này hiển nhiên có sự khác biệt rất lớn. Nghiên cứu cho thấy, nếu trẻ khoảng 6 tháng tuổi bắt đầu tiếp nhận ảnh hưởng của thế giới bên ngoài, thì nó sẽ bước vào quá trình phát triển bình thường, (điều này được chứng thực từ sự phát triển của cơ thể trẻ sơ sinh). Ví dụ nói, trẻ hơn 6 tháng tuổi bắt đầu bài tiết vị toan, bắt đầu mọc răng, cơ thể bắt đầu phát triển. Tuy nhiên, trẻ hơn 6 tháng tuổi ngoài bú mẹ, còn cần ăn bổ sung thêm một số thực phẩm khác nữa, mà trước đó, chúng không thể hấp thụ, tiêu hóa những thức ăn không phải sữa mẹ.

Có thể nói, trẻ hơn 6 tháng tuổi đã đạt tới mức độ tương đối độc lập, chúng dường như đang nói: "Chúng con có thể rời khỏi mẹ rồi, chúng con

có thể sống độc lập rồi". Khi trẻ nhỏ thành thiếu niên, cơ thể vẫn sẽ xảy ra tình hình tương tự như vậy, lúc này, trẻ sẽ cảm thấy ngượng ngùng vì mình phải dựa dẫm vào bố mẹ, đồng thời cố gắng báo đáp lại công ơn nuôi dưỡng của bố mẹ.

Được khoảng 6 tháng tuổi, cái miệng bé xiu của trẻ đã có thể phát âm được, đây là một tiêu chí quan trọng, cho thấy trẻ đã hoàn thành thuận lợi giai đoạn đầu tiên của việc học ngôn ngữ. Từ đó trở đi, trẻ sẽ phát triển rất nhanh, cho tới khi hoàn toàn tự lập. Khi trẻ bắt đầu biết nói để biểu đạt nhu cầu của mình, không còn dựa dẫm vào người khác nữa. Xét từ một góc độ nào đó, trẻ đã trở thành một thành viên của loài người, bởi vì ngôn ngữ là công cụ giao lưu của con người, trẻ đã nắm vững ngôn ngữ thì bắt đầu có sự giao lưu xã hội.

Biết cách vận dụng ngôn ngữ, bắt đầu tiến hành giao lưu với người khác, đây là một bước quan trọng để trẻ phát triển độc lập. Từ một đứa trẻ sơ sinh chưa biết gì, bây giờ trẻ đã có thể nghe hiểu những gì người khác nói, hơn nữa có thể tùy ý biểu đạt suy nghĩ của mình, điều này thật đáng kinh ngạc.

Nửa năm tiếp theo, khi trẻ được 1 tuổi, là lúc bắt đầu học đi, đôi chân có thể đi khắp mọi nơi, chạy tới mọi góc ngách. Nếu người lạ tới gần, trẻ có thể sẽ lẩn trốn. Đây chính là biểu hiện dần phát triển của năng lực con người để từng bước hướng tới sự độc lập. Hiện tại vấn đề không còn là giúp đỡ để trẻ tự lập, mà là trẻ đã tự lập rồi. Điều này phù hợp với quá trình phát triển tất nhiên của con người.

Nói về sự phát triển của trẻ, học đi vô cùng quan trọng, không chỉ vì đi là hoạt động cơ thể phức tạp, cho thấy trẻ đã phát triển hoàn thiện về mặt thể chất, mà còn vì đi xuất hiện khi trẻ khoảng 1 tuổi, được tiến hành đồng thời với quá trình học ngôn ngữ và tìm hiểu môi trường xung quanh.

Trong số động vật có vú, chỉ có con người cần trải qua quá trình học đi, các động vật có vú khác khi sinh ra đã biết đi rồi và chúng đã có thể chạy sau vài phút. Loài người không thể như vậy, chẳng biết làm gì khi vừa sinh ra, phải sống một thời gian dài trong "tã lót", dần dần những năng lực này mới được tạo dựng. Đó là vì trước khi đứng lên, cơ thể trẻ cần phát triển hoàn thành 3 phương diện.

Đứng bằng 2 chân và đi được không đơn giản chút nào, nó cần một vài cơ quan thần kinh phức tạp phối hợp giúp đỡ, trong đó chủ yếu quyết định ở tiểu não - phía dưới đại não. Tiểu não là cơ quan khống chế thăng

bằng và vận động của người. Có thể nói, trẻ đi được hay không hoàn toàn được quyết định bởi sự phát triển của tiểu não.

Khi trẻ 6 tháng tuổi, tiểu não bắt đầu phát triển nhanh chóng, quá trình phát triển nhanh chóng này duy trì 14 - 15 tháng, sau đó tốc độ dần dần chậm lại, tới 4 tuổi rưỡi thì sẽ hoàn thành. Thực tế trong thời kỳ này, trẻ phát triển đồng thời cả hai phương diện, không chỉ tiểu não và hệ thống thần kinh mà cơ quan vận động cũng phát triển hoàn thiện. Một đứa trẻ bình thường 6 tháng tuổi có thể ngồi, 9 tháng có thể bò, 10 tháng có thể đứng lên và bắt đầu chập chững đi khi 12-13 tháng, tới 15 tháng thì có thể đi vững.

Trong quá trình học đi, hệ thống thần kinh liên quan tới vận động cũng phát triển hoàn thiện. Ví dụ, lúc này thần kinh cột sống hình thành. Đi đòi hỏi thần kinh cột sống truyền đạt mệnh lệnh của đại não tới cơ bắp của chân, nếu thần kinh cột sống chưa phát triển hoàn thiện thì không thể truyền được mệnh lệnh. Điều này vô cùng quan trọng đối với việc kiểm soát cơ bắp, bởi lẽ, quá trình đi được hoàn thành bởi sự phối hợp nhịp nhàng của các cơ bắp.

Nhân tố thứ 3 cần thiết để trẻ đi được là sự phát triển của xương. Khi trẻ mới sinh ra, xương rất mềm, chân chưa thể chống đỡ nổi trọng lượng của cơ thể, do vậy trước khi học đi xương cần phải cứng. Ngoài ra, trong thời gian này, xương sọ đã phát triển tốt, dù trẻ bị ngã cũng sẽ không làm tổn thương tới đại não.

Trước khi tiểu não, thần kinh cột sống và xương của trẻ phát triển hoàn thiện, bố mẹ không nên dạy trẻ đi, bởi vì hoạt động đi được hoàn thành bởi sự phối hợp nhịp nhàng của hàng loạt tổ chức, đòi hỏi các cơ quan có liên quan phát triển nhịp nhàng. Nếu làm trái với quy luật phát triển tự nhiên, sẽ chỉ mang lại nguy hại cho trẻ, đi cũng là một quá trình phát triển tự nhiên, bởi vậy nhất thiết phải tuân thủ quy luật tự nhiên. Giống như vậy, nếu chúng ta tìm cách cản trở một đứa trẻ phát triển bình thường tập đi thì cũng không thể được, vì cơ quan tương ứng của trẻ đã hoàn thiện, đương nhiên phát huy tác dụng. Trong ngôn ngữ, từ "sáng tạo" không chỉ có nghĩa "tạo ra cái gì" mà còn mang nghĩa "vật tạo ra phát huy vai trò gì". Bất cứ cơ quan nào vừa hình thành đều sẽ phát huy vai trò của nó. Trong thuật ngữ hiện đại, công việc mang tính chức năng của cơ quan được gọi là "kinh nghiệm môi trường", nếu không có được kinh nghiệm này cơ quan đó sẽ phát triển không bình thường hoặc phát triển không hoàn thiện. Chỉ khi thực hiện đầy đủ chức năng của mình, thì cơ quan mới được xem là phát triển hoàn toàn.

Chỉ khi liên tục thu nạp kinh nghiệm từ môi trường thì trẻ mới được coi là phát triển hoàn thiện. Các chuyên gia gọi quá trình thu nạp kinh nghiệm của trẻ là "làm việc", bởi vì nó là một quá trình tác dụng lẫn nhau. Trẻ vừa biết nói thì sẽ nói liên tục, đừng ai nghĩ rằng có thể ngăn cản được chúng. Nếu nói rằng trên thế giới này có việc khó làm nhất thì một trong những việc đó là bắt trẻ lặng im. Nếu nhu cầu nói, đi của trẻ bị cản trở thì sự phát triển của trẻ sẽ bị trì hoãn, thậm chí dẫn tới dị tật ngoài mong muốn.

Bởi vậy, sau khi trẻ biết đi, tính tự lập đã được nâng cao rất nhiều. Chúng cần có sự độc lập và phát triển của bản thân, cần tự do sử dụng những khả năng của mình. Nghiên cứu tâm lý cho thấy, bất kì sự phát triển nào của con người đều có điều kiện, mà không phải là tất nhiên, "bất cứ hành vi cá thể nào cũng đều xuất phát từ kinh nghiệm môi trường".

Nếu chúng ta cho rằng giáo dục giúp trẻ phát triển, vậy thì, chúng ta chỉ có thể vui mừng trước mỗi tiến bộ ít ỏi mà trẻ đạt được, và chúng ta cũng nên hiểu rõ rằng, không thể cung cấp những giúp đỡ mang tính thực chất cho sự trưởng thành của trẻ. Tuy nhiên, giáo dục của chúng ta đối với trẻ lại tồn tại một câu hỏi thế này, về sự thiếu hụt kinh nghiệm môi trường. Điều này có thể làm trẻ phát triển chậm lại, thậm chí phát triển theo chiều hướng xấu.

Việc giáo dục đầu tiên cần làm là tạo môi trường học tập cho trẻ, khiến trẻ phát triển đầy đủ năng lực trời phú. Điều này không chỉ xuất phát từ lòng yêu thương của chúng ta hoặc để trẻ vui mừng, mà còn đòi hỏi chúng ta điều chỉnh quan niệm, tuân thủ quy luật tự nhiên và phối hợp nhịp nhàng với tiến trình tự nhiên.

Vượt qua bước này, trẻ sẽ yêu cầu kinh nghiệm ở mức cao hơn. Chỉ cần tiến hành quan sát một lượt thì sẽ phát hiện thấy trẻ thường mở rộng phạm vi của mình, phát triển tính tự lập của mình, chúng thường làm việc theo mong muốn của bản thân, đòi đồ vật này, muốn đồ chơi kia, thích tự mình giặt quần áo hoặc làm một số việc khác.

Những điều này đều xuất phát từ mong muốn trong lòng chúng, mà không phải do người lớn yêu cầu. Yêu cầu thu nạp kinh nghiệm của chúng mãnh liệt tới mức người lớn thường cản trở chúng. Lúc này, chúng ta cần biết việc cản trở đó đồng nghĩa với việc cản trở việc thực hiện quy luật tự nhiên, bởi vì hành vi của trẻ là do tự nhiên chi phối.

Sau khi trẻ dần dần thoát khỏi sự lệ thuộc vào người lớn thì sẽ đòi hỏi sự độc lập về tinh thần. Trẻ bắt đầu tiến hành suy xét những kinh

nghiệm thu nạp được, tìm kiếm mối quan hệ giữa các sự vật, xây dựng những nhận thức của bản thân với thế giới, mà không còn dựa vào người khác nữa. Cũng chính trong thời gian này, tính cách của trẻ được hình thành.

Xã hội buộc phải cho trẻ toàn bộ tự do, để trẻ được độc lập và thường xuyên phát huy năng lực bản thân. Đây không chỉ đơn thuần là vấn đề lý thuyết, mà là việc chúng ta cần làm ngay. Chúng ta biết rằng, chỉ bằng kinh nghiệm môi trường tự do và phong phú, con người mới có thể tự mình phát triển. Đây không phải là lý luận chủ nghĩa lí tưởng thời thượng, mà là kết luận được đúc kết ra từ sự thực khách quan, xuất phát từ những quan sát khoa học đối với sinh mệnh và tự nhiên.

Đương nhiên, khái niệm độc lập và tự do ở đây không giống với quan niệm thịnh hành, chúng ta không thể ép trẻ theo những quan điểm của mình. Rất nhiều người hoài nghi rằng, liệu người lớn có thể cho "tự do" và "độc lập" một định nghĩa chuẩn xác không? Bởi vì chúng ta thiếu lý giải thực sự đối với tự nhiên. Hiện nay, có nhiều ý kiến trái ngược nhau trong việc lý giải "tự do". Bằng những nghiên cứu về sự phát triển của trẻ nhỏ, con người tin rằng, chỉ ở trên cơ thể trẻ, ý nghĩa thực sự của "tự do", "độc lập" và "sinh mệnh" mới có thể được phản ánh rõ. Tự nhiên là người ban thưởng công bằng nhất, khảng khái nhất, nó mang lại "tự do", "độc lập" cho mỗi người dựa theo nhu cầu khác nhau của họ. Chỉ trong "vòng tay" của tự nhiên, tự do mới có thể trở thành quy tắc sinh mệnh.

Tôi tin rằng, cách mà giới tự nhiên phát huy vai trò sẽ là nền móng cho sự sống xã hội. Như vậy xem ra, trẻ đã thể hiện cho chúng ta thấy toàn bộ cảnh tượng của đời mình, nhưng chúng ta lại chỉ nhìn thấy một phần trong đó. Tuy nhiên, chúng ta càng nên tin rằng, những điều trẻ thể hiện là sự thực để chúng ta có thể đến gần với chân lý hơn. Bởi vậy, tự do mà trẻ có được khi lớn lên đã mở rộng không gian suy nghĩ của người lớn.

Vậy, mục đích khiến trẻ liên tục có được sự phát triển độc lập là ở đâu? Mục đích này xuất phát từ chỗ nào? Câu trả lời là, mục đích này đánh dấu cá tính liên tục hoàn thiện của sinh mệnh. Có điều, mục đích phát triển này không phải chỉ con người mà bất cứ sinh vật nào trong giới tự nhiên đều có và đều có thể độc lập phát huy tác dụng. Bởi vậy, trẻ tuân thủ quy luật tự nhiên để tự hoàn thiện mình, cũng chính là đã thực hiện "tự do", và kiểu tự do này là tiền đề tồn tại của mọi sinh vật.

Cá thể sinh mệnh thực hiện kiểu độc lập này như thế nào? Và thông qua một loạt hoạt động có được tự do thế nào? Thông qua sự nỗ lực không ngừng, sinh mệnh là một loại năng lượng ỏ vào trạng thái kích phát, liên tục hướng lên trên. "Độc lập" không phải là một trạng thái tĩnh lặng tách rời, mà là một quá trình không ngừng chinh phục. Trong khi đó "tự do" chỉ được chứng minh bởi thể chất cường tráng và cá tính tốt đẹp.

Bản năng đầu tiên của trẻ chính là thoát khỏi sự dựa dẫm vào người khác. Khi tìm kiếm sự độc lập, ý thức đầu tiên của trẻ là phải tự bảo vệ mình, không để mình bị tổn thương từ bên ngoài, tránh sự can trở của người khác, thực hiện yêu cầu của bản thân. Một số người "tục tĩu đến ngưỡng cả mặt" cho rằng, cuộc sống tốt nhất là chẳng phải làm gì, chỉ nằm trên giường, có người cơm bưng nước rót, quần áo cũng có người thay cho. Nếu thật sự như vậy, cuộc sống trước khi trẻ sinh ra thích hợp không gì bằng (khi đó trẻ trong bụng mẹ, không phải lo lắng bất cứ chuyện gì, tất cả đều được mẹ làm giúp). Tuy nhiên thử nghĩ tới quá trình học nói đầy khó khăn của trẻ, để thực hiện được nhu cầu giao lưu với con người, trẻ sơ sinh đã phải gánh vác rất nhiều công việc. Nếu "chẳng phải làm gì" là trạng thái tốt nhất của sinh mệnh, vậy thì trẻ cần gì phải học nói, nằm trong "đống tã lót" nhận lấy sự chăm sóc của mọi người chẳng phải sướng hơn sao? Sau khi biết nói, còn cần học ăn cơm, học đi, học cách vận dụng suy nghĩ, những hoạt động này đều cần nỗ lực không ngừng, tuy nhiên, trẻ lại không hề ngại ngần, chúng tỏ rõ ý thức tiến thủ mãnh liệt, hơn nữa còn vui mừng phấn chấn trước những điều "thu lượm" được từ môi trường xung quanh.

Trẻ không chỉ chứng minh với chúng ta giá trị tri thức, mà còn cho thấy rõ phương thức giáo dục tự nhiên khác với phương thức giáo dục xã hội. Trẻ tìm kiếm sự độc lập bằng hành động của bản thân, chúng chăm chú học những tri thức mà mình cần, thu nạp kinh nghiệm từ thế giới xung quanh mà không quan tâm tới thứ khác. Chúng ta phải hiểu rằng, cho trẻ tự do và độc lập chính là mang lại độc lập và tự do cho một người làm việc không biết mệt mỏi, nếu ngừng làm việc thì không thể tồn tại. Quy luật sinh tồn này thích hợp cho mọi sinh vật, và nếu làm trái thì con người có thể sẽ chỉ thụt lùi.

Mọi sinh vật đều là một kiểu hình thức biểu hiện năng lượng. Kiểu năng lượng này tràn đầy sức sống, do vậy, sinh mệnh phải thông qua hoạt động mới có thể đạt đến độ hoàn mĩ. Sức sống của xã hội xuất phát

từ thể hệ này nối tiếp thể hệ khác, có người muốn dồn đẩy công việc của mình sang cho người khác để mình làm ít đi, ý đồ này trái với quy luật tự nhiên, là biểu hiện của suy thoái sinh mệnh. Hiện tượng này hình thành ở thời kì trẻ nhỏ. Bởi vì, khi trẻ sinh ra được vài ngày, không ai giúp chúng thích ứng với môi trường xung quanh, khiến chúng mất đi sự hứng thú với thế giới. Những đứa trẻ có sự trải nghiệm như vậy không thoát khỏi "vòng tay" của người khác, chúng thích được người khác giúp đỡ, thích ngủ mà không thích kết giao bạn bè. Điều này thể hiện rõ khuynh hướng thoái hóa, theo thuật ngữ chuyên ngành thì đó là "khuynh hướng hồi quy về tử cung", là sự trốn chạy đối với độc lập trong khi những đứa trẻ bình thường lại đang từng bước hướng tới độc lập.

Ở đây đã xuất hiện một vấn đề khác, chúng ta nên tiến hành giáo dục thế nào với những trẻ không bình thường, chữa trị thế nào triệu chứng suy thoái này. Những đứa trẻ có khuynh hướng lệch lạc này không thích môi trường sống, chúng thấy trong đó có rất nhiều khó khăn và trở ngại, khó mà khắc phục. Ngày nay, những đứa trẻ này trở thành đối tượng nghiên cứu chính của tâm lý học trẻ nhỏ, đã sản sinh ra bệnh lý học tinh thần trẻ nhỏ. Ở nhiều quốc gia phương Tây đã xuất hiện rất nhiều trung tâm để chữa trị cho loại bệnh này. Để giúp đỡ những đứa trẻ này, các nhà khoa học đã nghiên cứu một số biện pháp chữa trị, một trong số đó là "liệu pháp vui chơi" như chúng ta đã biết.

Môi trường học tập của trẻ càng ít trở ngại càng tốt, tốt nhất là không có bất cứ trở ngại gì. Ở các quốc gia coi trọng sự giáo dục cho trẻ nhỏ, môi trường sống của trẻ ngày càng nhiều thứ hấp dẫn trẻ hơn, môi trường sống của những trẻ không bình thường càng cần được như vậy. Mục đích là để trẻ cảm thấy khắc phục khó khăn là việc không hề khó. Nên tìm mọi cách cho trẻ tham gia các hoạt động có ý nghĩa, điều này sẽ giúp ích cho sự phát triển năng lực của trẻ.

Môi trường sống của trẻ phong phú đa dạng, có thể gây hưng phấn cho trẻ, khiến chúng "đúc kết" kinh nghiệm từ đó. Chỉ cần chúng ta tuân thủ nguyên tắc cơ bản của phát triển sinh mệnh thì có thể làm thay đổi những trẻ có khuynh hướng thoái hóa, khiến chúng không còn lười nhác mà trở nên yêu công việc; Không còn "dờ dẫm vô cảm" mà tràn đầy sức sống; Không còn lo sợ, trốn tránh mà hưởng thụ niềm vui cuộc sống một cách thoải mái, nhiệt tình.

Đối với trẻ không bình thường, từ "lười biếng" chuyển sang "tràn đầy sức sống" là một quá trình trị liệu, điều này hoàn toàn giống với quá trình từ "lười biếng" chuyển sang "tràn đầy sức sống" ở một đứa trẻ bình

thường, và không tách rời khỏi sự giáo dục dựa vào quy luật tự nhiên. Mặc dù ở đây tôi không đi sâu về mặt lý thuyết, song, trước khi trình bày tường tận điều này, nhất thiết phải giải thích một chút về từ "trưởng thành" (bởi vì, nội dung của cuốn sách này đang lý giải về "trưởng thành" - một khái niệm vô cùng quan trọng).

"Trưởng thành" vốn là khái niệm của di truyền học và phôi thai học, dùng để biểu thị quá trình phát triển trước khi tế bào sinh sản thụ tinh, (từ phát triển chưa hoàn thiện tới trưởng thành). Sau khi khái niệm này xuất hiện trong tâm lý học trẻ nhỏ thì hàm ý của nó càng trở nên phong phú hơn, nó biểu thị một kiểu cơ chế điều tiết phát triển, bảo đảm sự cân bằng phát triển của các cơ quan. Mặc dù Gesell chưa đưa ra một khái niệm chuẩn xác, song lý luận này rất thực tế. Theo ông: Sự phát triển của cá thể sinh mệnh tuân theo quy tắc nhất định, những quy tắc này bắt buộc phải tuân thủ. Bởi vì, quá trình học tập của trẻ nhỏ chịu sự chi phối của bản năng sinh mệnh, đặc tính và khuynh hướng nào đó mà sinh mệnh trao cho trẻ sẽ dẫn dắt chúng (học tập, học gì, học như thế nào). Cũng chính Gesell cho rằng, những chức năng này của trẻ không chịu sự bó buộc bởi mệnh lệnh bên ngoài.

Về mặt phát triển cơ thể trẻ nhỏ, Gesell hoàn toàn đúng, như đã nói ở phần trước, không thể dạy trẻ học đi khi các cơ quan liên quan tới vận động của trẻ chưa phát triển và "trưởng thành - hoàn thiện". Giống như vậy, trẻ sẽ không thể học nói khi tâm lý chưa phát triển tới mức độ nhất định.

Những người quen biết tôi nhất định đều biết rõ một quan điểm mà tôi rất mực trung thành: Trẻ nhỏ phát triển thuận theo quy luật tự nhiên. Những quy luật này là nền tảng giáo dục trẻ nhỏ. Xét từ góc độ sinh vật, quan điểm của Gesell đúng, song nếu nói từ sự trưởng thành về mặt tinh thần của trẻ nhỏ thì chưa hoàn toàn thích hợp. Ví dụ, ông cho rằng: "Đại não của trẻ phát triển giống như cơ thể, đều là kết quả của quá trình phát triển nhất định". Điều này chắc chắn không thỏa đáng. Nếu để một đứa trẻ trên đảo hoang, để nó tự do phát triển, chỉ cho nó lương thực cần thiết, không cho nó tiếp xúc với loài người, cơ thể đứa trẻ này sẽ phát triển bình thường, song có thể khẳng định rằng, tâm lý của nó phát triển khác thường.

Rõ ràng, chúng ta không thể tạo ra một nhân tài nếu chẳng dựa vào điều gì, giáo dục chỉ có thể thúc đẩy một người phát huy đầy đủ tiềm lực của bản thân. Tuy nhiên, chúng ta đã nói tới quá trình "trưởng thành sinh vật", cũng chính là nên tiếp nhận quá trình "trưởng thành tâm lý".



Bởi vì, trong quá trình phôi thai phát triển, hai điều này tiến hành song song với nhau.

Hiện nay, con người vẫn không thể nhận thức rõ toàn bộ quá trình phát triển của các cơ quan. Bởi lẽ, sự phát triển của các cơ quan không phải là một quá trình tiến triển dần dần, có trật tự. Sự phát triển của phôi thai tồn tại một số điểm hoạt động, những điểm hoạt động này diễn ra trong một khoảng thời gian rất ngắn. Các cơ quan xuất hiện gần những điểm hoạt động này. Sau khi các cơ quan xuất hiện, các điểm hoạt động sẽ biến mất. Ngoài ra, trong quá trình trưởng thành của các cơ quan vẫn tồn tại một số thời kì miễn cảm. Những thời kì miễn cảm này có ảnh hưởng rất lớn đối với hành vi động vật. Nhà sinh vật học người Hà Lan, De Vries đã nghiên cứu rất nhiều về vấn đề này. Điều chúng ta thấy hứng thú là: Vai trò của những thời kì miễn cảm này đối với hành vi động vật phối hợp nhịp nhàng với sự phát triển tâm lý của trẻ. Điều này nói rõ về quy luật phát triển sinh mệnh nhất trí với bản năng của loài người, chúng thích ứng lẫn nhau.

Trong quá trình "trưởng thành" cá thể sinh mệnh không chỉ có vai trò chức năng của gen, mà còn chịu ảnh hưởng của môi trường, nhân tố môi trường đóng vai trò vô cùng quan trọng.

Sự trưởng thành của tâm lý không thể tách khỏi kinh nghiệm môi trường. Mỗi giai đoạn phát triển khác nhau, kinh nghiệm môi trường cũng sẽ có hình thái khác nhau, do trong quá trình phát triển, "hành động có mục đích" liên tục thay đổi, kinh nghiệm môi trường cũng sẽ xuất hiện trước cá thể với các diện mạo khác nhau. Vì kinh nghiệm môi trường liên tục xuất hiện với diện mạo mới nên lĩnh vực ý thức của con người xuất hiện một chức năng mới, tạo dựng một kiểu mẫu riêng. Đương nhiên, không thể nhìn thấy bằng mắt thường. Xem ra, hoạt động xuất hiện liên tục của kinh nghiệm không liên quan trực tiếp gì tới chức năng mới. Bởi vì, cùng với sự xuất hiện của những chức năng này, kinh nghiệm môi trường sẽ biến mất, hơn nữa, chức năng mới vừa được tạo dựng, sự chú ý của trẻ sẽ di chuyển, để phát triển một chức năng khác. Nếu trẻ không thể liên tục thu nạp kinh nghiệm môi trường chúng sẽ mất đi tính miễn cảm với môi trường và ảnh hưởng tới sự phát triển trưởng thành trong tương lai.

Sách tâm lý học đã định nghĩa khái niệm "trưởng thành" này như sau: "Trưởng thành bao gồm những biến đổi kết cấu bắt nguồn từ di truyền, những biến đổi này chủ yếu xuất phát từ gen di truyền. Tuy

nhiên ở mức độ nhất định, biến đổi cũng là kết quả của sự tác dụng lẫn nhau giữa sinh vật thể và môi trường".

Theo nhận thức của chúng ta, thì khi con người sinh ra, trong kết cấu não đã có sẵn một loại sức mạnh, đó chính là "hành động có mục đích". Tác dụng và chức năng của loại sức mạnh này đã được trình bày trong chương 42.

Tóm lại, những yếu tố ảnh hưởng tới cơ chế phát triển cơ thể và phát triển tâm lý gồm: Đại não - nơi có lực thu nạp, "tinh vân", thời kì mẫn cảm. Những yếu tố này đều là đặc trưng của con người, bắt nguồn từ di truyền kiểu sinh vật. Song chúng chỉ có thể phát huy tác dụng thông qua hoạt động tự do cá thể, thu nạp kinh nghiệm từ môi trường.

SỰ KHƠI ĐẦU CỦA SINH MỆNH

Nếu chúng ta muốn nâng cao cuộc sống tinh thần, tăng cường sinh mệnh tinh thần cho loài người, thì nhất thiết phải biết đại não của trẻ có một lực thu nạp tự nhiên, có thể thu nạp "chất bổ" từ môi trường xung quanh, biến chúng thành những kiến thức có ích, để từ đó thúc đẩy sự trưởng thành. Do vậy, chúng ta nhất thiết phải tạo cho trẻ môi trường sống phong phú đa dạng, kích thích khả năng cảm nhận mẫn cảm của trẻ. Điều này vô cùng quan trọng với trẻ mới sinh.

Hiện tại, chúng ta đều biết, quá trình phát triển của trẻ gồm nhiều giai đoạn. Môi trường có tác dụng quan trọng đối với mọi giai đoạn, và quan trọng nhất là giai đoạn trẻ mới sinh ra. Rất ít người nhận thức được điều này. Cách đây không lâu, con người còn không rõ trẻ 2 tuổi có nhu cầu tinh thần hay không? Do vậy, nghiên cứu về nhu cầu tinh thần trẻ đã được tiến hành gấp rút. Nếu chúng ta vẫn xem nhẹ những nghiên cứu này thì sẽ mang lại hậu quả khôn cùng.

Ở thế kỉ 20, nghiên cứu về sự trưởng thành của trẻ tập trung vào phương diện cơ thể, y học đã có sự phát triển vượt bậc, giảm bớt đáng kể tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh. Cũng chính từ nguyên nhân này, nghiên cứu chữa bệnh chỉ tập trung vào cơ thể con người, mà coi nhẹ sức khỏe tinh thần. Về mặt giáo dục trẻ, cũng khó tìm thấy lý luận chính xác để làm bằng chứng cho sức khỏe tinh thần.

Vậy, lịch sử phát triển tự nhiên đã biểu đạt tới con người những gì? Tự nhiên bảo với chúng ta: Trẻ vừa sinh ra, tinh thần cần phải trải qua một giai đoạn thích ứng với môi trường bên ngoài, giai đoạn thích ứng

của tinh thần này vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của trẻ cũng như đối với các loài động vật có vú khác.

Chắc chắn con người không giống với động vật có vú khác, không có năng lực hành vi ngay từ lúc sinh ra, mà phải thông qua bồi dưỡng mới có. Cho nên, khi nói về sự phát triển của trẻ nhỏ, vấn đề không phải ở chỗ làm thức tỉnh năng lực tinh thần trời phú, mà phải là thực hiện khả năng sáng tạo trời phú. Vì vậy, vai trò của môi trường vô cùng quan trọng. Mặt khác, chúng ta nên quan sát kĩ môi trường sống của trẻ sơ sinh, không được để trẻ lạnh nhạt với môi trường xung quanh, dẫn tới xuất hiện khuynh hướng suy thoái. Chúng ta nên tạo cho trẻ niềm hứng khởi với môi trường, để thúc đẩy sự phát triển học tập ở trẻ.

Có thể chia năm đầu tiên của sinh mệnh thành một số giai đoạn, trọng điểm phát triển của mỗi giai đoạn khác nhau, cần đặc biệt quan tâm chú ý.

Giai đoạn đầu tiên rất ngắn, chính là sự chào đời của trẻ. Trong mấy ngày đầu tiên, nên cho trẻ tiếp xúc nhiều, giao lưu nhiều với mẹ. Trước khi chào đời, trẻ sống trong tử cung của mẹ, ở đó yên tĩnh, tối đen và ấm áp, do vậy cố gắng để nhiệt độ, ánh sáng, âm thanh trong phòng trẻ sơ sinh giống với môi trường trong tử cung của mẹ. Ở Mỹ, bệnh viện thường bố trí cho sản phụ và trẻ sơ sinh ở trong phòng kính, cửa sổ ở đây đều là cửa kính màu xanh lam, ánh sáng hài hòa, nhiệt độ trong phòng được giám sát chặt chẽ, khi trẻ mới sinh ra, nhiệt độ gần giống với cơ thể mẹ, sau đó, dần dần thay đổi theo nhiệt độ môi trường bên ngoài.

Chúng ta có một thói quen thế này, trẻ vừa sinh ra đã tắm cho trẻ, làm vậy không đúng, bởi vì trẻ phải chịu kích thích quá mạnh. Cũng không nên vội vàng cho trẻ mặc quần áo, vì trẻ còn chưa có tri giác, người lớn nên hạn chế chạm vào trẻ, không cần thiết phải mặc quần áo cho trẻ. Cách làm hợp lý nhất là, khi trẻ vừa sinh ra, cho trẻ vào phòng tối, không có tạp vật, nhiệt độ ấm áp. Dịch chuyển trẻ cũng cần chú ý, không nên bế trẻ bằng cánh tay, tốt nhất dùng khăn bông quấn lấy trẻ, nhẹ nhàng nhấc trẻ lên, dù bế lên hay đặt xuống đều phải làm nhẹ nhàng, tránh làm trẻ bị tổn thương. Để ngăn chặn vi sinh vật, mọi người vào phòng trẻ đều nên đeo khẩu trang. Những biện pháp vừa nêu này không chỉ suy xét từ góc độ an toàn vệ sinh, mà còn xem mẹ và bé là một chỉnh thể giao lưu qua lại với nhau, giống như trước khi trẻ sinh ra.

Tóm lại, chúng ta nhất thiết phải giúp trẻ thích ứng với thế giới này dựa theo yêu cầu của tự nhiên.

Giữa mẹ và trẻ có một sợi dây đặc biệt, trẻ có được một loại sức mạnh từ người mẹ, để thích ứng với thế giới bên ngoài. Có thể nói, sự chào đời chẳng qua chỉ là làm thay đổi vị trí giữa trẻ và mẹ, từ trong cơ thể mẹ chuyển ra bên ngoài, giao lưu và những mối liên hệ khác lại không hề thay đổi. Mấy năm trước, con người không nhìn nhận mối quan hệ giữa mẹ và trẻ sơ sinh như vậy, họ cho rằng trẻ vừa sinh ra đã hoàn toàn tách biệt khỏi mẹ.

Những biện pháp chăm sóc trẻ nêu trên đã được công nhận rộng khắp, có điều thực tiễn đã chứng minh, những biện pháp này lại không thích hợp cho toàn bộ thời kì trẻ sơ sinh. Sau khi trẻ ra đời một khoảng thời gian, mẹ và con cần thoát khỏi trạng thái cách li, trở lại cuộc sống tập thể. Dù là trẻ nhỏ hay người lớn, vừa bước vào cuộc sống xã hội sẽ gặp phải rất nhiều vấn đề khó khăn. Song, ảnh hưởng của môi trường xã hội đối với trẻ nhỏ hoàn toàn khác với người lớn.

Có một câu nói rất có lý thế này: "*Người lớn càng giàu càng tốt, trẻ càng nghèo càng tốt*". Thử nghĩ xem, mặc dù trẻ con nhà giàu có rất nhiều thú, cuộc sống vật chất tốt đẹp, song vì muốn nhàn hạ, mẹ của những đứa trẻ này thường giao chúng cho bảo mẫu chăm sóc. Người nghèo thì không như vậy, trẻ luôn luôn được ở cạnh mẹ, được mẹ chăm sóc, và điều này mới phù hợp với yêu cầu tự nhiên.

Sau một thời gian "mẹ con gần gũi", trẻ đã có thể thích ứng với môi trường, bước lên con đường "tìm kiếm độc lập", cố gắng thu nạp những kiến thức cần thiết cho mình từ môi trường xung quanh.

Phần trước tôi đã nói, để tìm kiếm độc lập trẻ đã có hàng loạt hành động "chinh phục", bước đầu tiên chính là vận dụng các cơ quan cảm giác. Bởi vì xương của trẻ chưa phát triển hoàn thiện, không thể tự do hoạt động, chỉ có thể vận dụng não và cơ quan cảm giác để cảm nhận môi trường xung quanh.

Trẻ có đôi mắt sáng, tràn đầy khát vọng, đôi mắt này liên tục chuyển động, đánh giá thế giới xung quanh. Các nghiên cứu khoa học phát hiện, mắt trẻ không chỉ mẫn cảm với ánh sáng, mà còn có thể tiếp nhận mọi thông tin.

Về mặt kết cấu, mắt người không có gì khác biệt so với mắt động vật, mắt người và mắt động vật đều giống như một chiếc máy ảnh, thu

nhận ánh sáng tạo thành hình ảnh. Nhưng mắt người thu nhận thông tin nhiều hơn hẳn mắt động vật, do động vật không hề mẫn cảm với mọi sự vật xung quanh, mà chỉ mẫn cảm với một số sự vật nào đó, và phạm vi sử dụng của mắt động vật có giới hạn.

Thói quen của mèo là kiếm ăn vào ban đêm, mắt mèo chỉ thích hợp với những hoạt động về đêm. Những động vật kiếm ăn vào ban đêm khác cũng như vậy, mắt chúng vô cùng mẫn cảm với những vật thể chuyển động, không có cảm giác đối với vật thể đứng im. Mèo vừa phát hiện thấy con mồi của mình chuyển động thì sẽ nhanh chóng tấn công. Song nó lại không hề chú ý tới những con mồi nằm im bất động. Một số côn trùng cũng vậy, chỉ cảm thấy hứng thú với một số màu sắc nào đó, bởi vì chúng có thể tìm thấy thức ăn trong loài hoa có màu như vậy, với hoa màu khác lại không tìm thấy. Ngoài ra, những côn trùng, ấu trùng vừa lột xác không hề có cảm giác phương hướng, chúng chỉ có thể dựa vào bản năng, phải dùng mắt để xác định phương vị. Có thể nói, chính những bản năng này đã khống chế hành vi của sinh vật, mà con người lại không chịu là nô dịch của cảm quan.

Khác với động vật, cơ quan cảm giác của trẻ tuân thủ quy luật hoàn toàn khác. Mèo chỉ hứng thú với vật thể di động, trẻ lại không có hạn chế này, trẻ quan sát mọi thứ trong tầm mắt của mình và thu thập kinh nghiệm từ việc quan sát đó. Trẻ cũng không quan sát một cách máy móc, tin tức môi trường sẽ dẫn tới phản ứng tâm lý nào đó, gây ảnh hưởng tới nhân cách của trẻ. Bằng sự so sánh như trên, có thể chắc chắn rằng, nếu một người giống với động vật, cuộc sống sẽ bị chế ngự bởi dục vọng bản năng, về tâm lý sẽ không được phát triển hoàn toàn,. Người như vậy khó tránh khỏi trở thành một cỗ máy, một vật hi sinh của giới hạn cảm quan.

Chính vì quy luật phản ánh trong quá trình phát triển của trẻ nhỏ vô cùng quan trọng như vậy, cho nên con người cần chú ý những quy luật này.

Những so sánh giữa năng lực cảm quan của con người với động vật đã giúp ích trong việc hiểu rõ tình hình học tập tiếp thu đối với môi trường của trẻ. Chúng ta biết rằng, rất nhiều côn trùng giỏi ngụy trang, cố gắng hòa nhập vào môi trường sống của mình. Ví dụ, có một số côn trùng sống trên lá cây, cọng cây, hình thể dần dần giống với lá cây hoặc cọng cây. Kiểu thích ứng theo xu thế này cũng thích hợp với trẻ, trẻ cố gắng tìm hiểu môi trường xung quanh, nỗ lực hòa mình vào môi trường, trở thành một bộ phận của môi trường. Môi trường đã để lại ấn tượng sâu sắc trong trẻ, gây ảnh hưởng tới biến đổi sinh vật và tâm lý của trẻ,

khiến kinh nghiệm được thu thập trong não trẻ gần với nhân tố môi trường. Đây chính là một kiểu phản ứng theo xu thế, kết quả là, trẻ ngày càng quen dần với môi trường sống.

Kì thực, ngoài cơn trùng, mọi sinh vật khác đều có kiểu năng lực này, đều có thể tiếp thu và thích ứng môi trường, đồng thời từng bước hòa hợp với môi trường, có điều ảnh hưởng của động vật biểu hiện trên cơ thể, còn ảnh hưởng của trẻ nhỏ lại xảy ra ở mặt tâm lý.

Cách "đối xử" với thế giới của trẻ khác người lớn. Người lớn nhìn thấy điều thú vị sẽ thốt lên "hay quá", sau đó lại tiếp tục công việc của mình, chỉ lưu lại ấn tượng mờ nhạt trong kí ức. Nhưng với trẻ, môi trường sẽ để lại ấn tượng sâu sắc trong tâm hồn chúng, chúng sẽ xây dựng hình tượng bản thân từ những kinh nghiệm này, điều này đặc biệt quan trọng ở giai đoạn trẻ mới sinh. Đặc trưng cá tính của con người được hình thành ở thời kì trẻ sơ sinh, bao gồm ngôn ngữ, tôn giáo, chủng tộc. Những đặc trưng này có được thông qua sức mạnh đặc biệt tiềm tàng trong trẻ, và trẻ đã thích ứng với thế giới xung quanh bằng phương thức này. Trong quá trình đó, đại não của trẻ ngày một trưởng thành, trẻ cũng cảm nhận đầy đủ niềm vui của cuộc đời.

Không chỉ như vậy, trẻ còn có một kiểu năng lực tự điều chỉnh để thích ứng với các loại môi trường, khiến bản thân hòa mình vào môi trường. Bởi vậy, nếu chúng ta có ý định giúp đỡ trẻ thì trước hết cần hiểu rõ, nên tạo cho trẻ môi trường thế nào.

Ví dụ, một đứa trẻ 3 tuổi có thể nói với người lớn mình muốn gì, nhưng trẻ sơ sinh lại không thể ý thức được nhu cầu của mình, cũng không thể biểu đạt bằng lời nói. Chúng ta nên hiểu rằng, cái trẻ thiếu không phải là đồ chơi hay hoa tươi, chúng ta nên cung cấp cho trẻ những thứ cần thiết cho giai đoạn phát triển của chúng. Chúng ta cũng nên biết trẻ sơ sinh cần gì, đây chính là điều kiện có thể kích thích hành vi phát huy tiềm lực trưởng thành của trẻ.

Vì vậy, người lớn nhất thiết cần đưa ra câu hỏi: Chúng ta nên chuẩn bị môi trường thế nào cho trẻ mới sinh? Vẫn chưa có câu trả lời cho câu hỏi này vì hiện nay, trẻ sơ sinh thường lớn lên trong các môi trường khác nhau. Trẻ cần học một loại ngôn ngữ thì buộc phải sống trong quần thể nói ngôn ngữ ấy, nếu không, tất nhiên sẽ không thể học được. Nếu muốn thu được một tố chất tinh thần nào đó thì buộc phải sống giữa những người có tố chất này, phương thức hành vi, thói quen và truyền thống cấu thành cuộc sống con người chỉ có thể có được từ trong cuộc sống quần thể tương ứng.

Nghiên cứu được tiến hành đối với sự phát triển tâm lý trẻ sơ sinh đã làm thay đổi đáng kể quan niệm của người lớn. Trước đây, con người chỉ tập trung chú ý tới cơ thể trẻ và vấn đề vệ sinh, thông qua biện pháp: Cách li trẻ mới sinh, cho sống độc lập trong phòng yên tĩnh, cố gắng để trẻ ngủ, cách làm này chẳng khác nào đối xử với người bệnh.

Hiện chúng ta đã biết, biện pháp này có hại đối với tinh thần trẻ. Nếu tách trẻ ra khỏi mẹ, cho trẻ sống độc lập trong phòng để hộ lý chăm sóc, trẻ sẽ không nhận được sự yêu thương của người mẹ. Hàng ngày chúng chỉ có thể "chạm mặt" với vài hộ lý, những người này đặt chúng vào trong xe dành riêng cho trẻ, khiến chúng không thể nhìn thấy môi trường xung quanh. Chính điều đó làm cho tâm hồn trẻ luôn có một kiểu khát vọng và bất mãn, ảnh hưởng này sẽ gây trở ngại cho sự phát triển bình thường của trẻ.

Trước chiến tranh thế giới thứ 2, những gia đình giàu có ở Âu Mỹ đều đối xử với trẻ như vậy, may mắn là, tình hình này đã thay đổi sau chiến tranh, trẻ đã được ở bên bố mẹ, được bố mẹ chăm sóc.

Ở những nước phát triển, "đối xử với trẻ thế nào" đã trở thành một vấn đề xã hội, khi trẻ không thể bước ra khỏi cửa nhà, người lớn nên mang trẻ ra ngoài, để trẻ quan sát thế giới xung quanh. Ngày nay, xe và phòng dành riêng cho trẻ cũng đã thay đổi, phòng trẻ không chỉ phù hợp với nhu cầu vệ sinh mà còn dán rất nhiều tranh ảnh đầy màu sắc xung quanh. Khi trẻ nằm nghiêng cũng có thể nhìn thấy những thứ xung quanh mà không còn phải dán chặt mắt vào trần nhà nữa.

Việc học ngôn ngữ của trẻ sơ sinh lại không giải quyết dễ dàng, đặc biệt trong tình trạng trẻ do bảo mẫu chăm sóc, bởi vì bảo mẫu thường không cùng tầng lớp xã hội với trẻ.

Còn có một câu hỏi nữa là, khi bố mẹ trò chuyện cùng người khác, trẻ có nên ở bên cạnh không? Dù đưa trẻ tới tham gia các hoạt động xã hội sẽ mang lại nhiều phiền toái, song bố mẹ cũng nên cố gắng cho trẻ đi theo, chúng có thể quan sát bố mẹ làm gì, nói gì, mặc dù chúng không hiểu rõ những sự việc đang xảy ra, song chúng sẽ thu nạp được rất nhiều điều, những điều này sẽ thúc đẩy chúng lớn lên. Không ai có thể nói rõ, trẻ quan tâm tới gì khi hoạt động ở bên ngoài, tuy nhiên bố mẹ không nên vì thế mà từ bỏ trách nhiệm của mình, nhất thiết phải tiến hành quan sát hành vi của trẻ. Nếu bố mẹ quan tâm đầy đủ tới trẻ thì có thể phát hiện thấy những đồ vật hấp dẫn trẻ, đồng thời nên bế trẻ tới

gắn đồ vật này để trẻ quan sát kĩ hơn, lúc đó trẻ sẽ tỏ rõ sự hiếu kì và hứng khởi.

Khi giúp trẻ phát triển, chúng ta nên vứt bỏ đi mọi thói xấu cũ. Hãy làm một cuộc cách mạng mới về mặt tư duy và cần biết rằng: Tính cách quyết định một đời người được xây dựng trong thời kì trẻ nhỏ thông qua quá trình thích ứng với môi trường. Do vậy, cố gắng bảo đảm trẻ được tiếp xúc đầy đủ với môi trường xung quanh, nếu không khi lớn lên những đứa trẻ này sẽ trở thành gánh nặng cho xã hội.

Có rất nhiều vấn đề trong cuộc sống, nguyên nhân là do một người không thể thích ứng với xã hội về mặt đạo đức. Tình trạng này muốn nói với chúng ta rằng, thái độ đối xử với trẻ, cách thức chăm sóc trẻ vô cùng quan trọng đối với một xã hội văn minh.

Con người sẽ đặt ra câu hỏi: "Vì sao chúng ta vẫn chưa phát hiện ra sự thực hiển nhiên này?". Những người "quen với nếp cũ" sẽ hỏi ngược lại rằng: "Con người trước đây không hiểu những kiến thức này, họ đã tới đây thế nào?". Có người nói: "*Lịch sử nhân loại có từ xa xưa, trên thế giới từng có hàng triệu người sống, họ không hề có nhận thức về vấn đề này, chẳng phải cũng đã biết nói, đã thích ứng với thói quen xã hội đương thời sao?*".

Tuy nhiên, vì sao chúng ta không mở rộng tầm mắt, nhìn thử những người sống trong bối cảnh văn hóa khác? Cách chăm sóc trẻ của những dân tộc này hợp lý hơn chúng ta rất nhiều. Chúng ta luôn tự cho rằng mình là người văn minh, song cách đối xử với trẻ nhỏ lại đi ngược với tự nhiên. Đa số các nơi trên thế giới, con sống gần với mẹ, hai mẹ con là một chỉnh thể không thể tách rời. Trong suốt thời kì trẻ nhỏ, trẻ được lớn lên bên mẹ, chúng được mẹ chăm sóc, cùng mẹ đi chơi, cùng mẹ đi chợ chọn mua đồ dùng gia đình, cùng mẹ mặc cả với người bán hàng, trẻ đã thấy rõ toàn bộ quá trình mua bán, điều này không chỉ làm tăng cường mối quan hệ giữa mẹ và con, mà còn tăng cường năng lực thích ứng xã hội của trẻ.

Nếu không phải văn minh hiện đại đã phá vỡ thói quen này, bố mẹ sẽ không giao con cho người khác chăm sóc, bởi vì làm vậy là trái với quy luật tự nhiên. Trong mối quan hệ truyền thống đó, trẻ chia sẻ cuộc sống cùng mẹ, trẻ là người nghe của mẹ, là người tiếp nhận sự giáo dục và chỉ đạo của mẹ. Người mẹ thường nói rất nhiều với trẻ, có lẽ đã nói quá nhiều, song điều này lại vô cùng có ích cho sự phát triển của trẻ sau này.

Dương nhiên, nếu chỉ nghe giọng nói thân thương của mẹ không thôi thì chưa đủ, chúng còn cần nghe giọng nói của những người khác, nhìn thấy mọi hành vi có liên quan tới lời nói, mặc dù không hiểu song chúng sẽ dần dần cảm nhận theo cách riêng của mình.

Mỗi quần thể xã hội, mỗi dân tộc khác nhau có cách thức chăm sóc trẻ khác nhau. Chỉ nói về cách thức mang trẻ theo cũng có sự khác biệt. Nói ra thật thú vị, nhân loại học hiện đại từng chuyên nghiên cứu vấn đề này. Những nghiên cứu này cho thấy, bà mẹ ở nhiều nơi không bế con bằng cánh tay, mà là đặt trẻ lên giường hoặc cho vào trong túi. Một số nơi, khi bà mẹ ra khỏi nhà, dùng dây thừng buộc trẻ vào một thanh gỗ nhỏ, sau đó đặt lên vai, có bà mẹ để trẻ lên cổ, có bà mẹ buộc trẻ trên lưng, có bà mẹ để trẻ trong làn. Dù là theo kiểu nào, đa phần các bà mẹ đều mang trẻ bên mình. Một điểm tương đồng nữa là, khi mang trẻ theo mình, mọi bà mẹ đều chú ý bảo đảm để trẻ thở bình thường, ví dụ, những dân tộc có thói quen công trẻ trên lưng thường cho mặt trẻ hướng ra đằng trước. Bà mẹ Nhật Bản thường làm thế này, khi buộc trẻ sau lưng, để đầu trẻ cao hơn vai, đó chính là lý do vì sao người Nhật Bản từng bị gọi là "dân tộc hai đầu". Bà mẹ Ấn Độ lại không như vậy, họ thường địu trẻ trên hông của mình. Bà mẹ Indian vùng Bắc Mỹ lại thường buộc trẻ vào một thứ giống như cái nôi, rồi công phía sau, lưng trẻ hướng vào mẹ. Dù thế nào, đối với các bà mẹ này, "bỏ mặc trẻ không quan tâm" là một điều ngoài sức tưởng tượng. Mọi người từng thấy cảnh tượng này xảy ra ở châu Phi, một bộ lạc tiến hành lễ đăng quang nữ vương, trong toàn bộ nghi thức, vị nữ vương này từ đầu tới cuối vẫn ôm chặt con mình trong tay.

Còn một vấn đề nữa là, kéo dài thời gian bú của trẻ. Cho trẻ bú tới 1,5 tuổi, hoặc 2 tuổi, có khi kéo dài tới 3 tuổi, điều này không liên quan đến vấn đề dinh dưỡng, bởi vì trẻ 2 - 3 tuổi hoàn toàn có thể hấp thu thực phẩm khác. Kéo dài thời gian bú mẹ, sẽ khiến trẻ được tiếp xúc với mẹ nhiều hơn, theo như cách tôi đề cập ở trên, là đã tạo điều kiện giúp trẻ phát triển. Chỉ cần trẻ sống bên mẹ, thì chúng sẽ có thể hoàn thiện bản thân một cách tốt nhất. Dù mẹ bận việc nhà, không chú ý đến trẻ, trẻ cũng có thể giao lưu với thế giới xung quanh. Trẻ theo mẹ ra phố, có thể nghe mọi người nói chuyện, nhìn thấy người, xe cộ, động vật qua lại, tất cả những điều đó đều để lại ấn tượng trong não trẻ. Chỉ cần chú ý quan sát sẽ phát hiện thấy khi người mẹ mặc cả với người bán hàng, đưa trẻ ở trên lưng cô ta sẽ chăm chú lắng nghe. Lời nói và động tác của người mẹ đã mang lại niềm hứng khởi vô cùng trong trẻ.

Có một hiện tượng rất thú vị, chỉ cần trẻ không bị bệnh, khi được ra khỏi nhà cùng mẹ, chúng sẽ thôi khóc và chúng có thể ngủ "khò khò".

Có người nói, trẻ con ở các nước phương Tây hay quấy khóc, chúng ta thường nghe thấy bố mẹ chúng oán trách chúng hay khóc, họ thường tổ chức thảo luận và đưa ra những vấn đề thế này: Dễ trẻ thế nào, làm thế nào để trẻ không khóc, làm thế nào để trẻ vui mừng. Họ không hề biết rằng, tâm lý học hiện đại chứng minh rõ điều này: "Trẻ thường khóc, tính cách nóng nảy, hay cáu giận, cho thấy rõ chúng ở trạng thái nghèo đói tinh thần".

Dù xuất phát từ suy nghĩ nào, an toàn, vệ sinh hay sức khỏe thì hạn chế phạm vi hoạt động của trẻ đều có hại, tiềm năng của trẻ sẽ không được phát huy nếu sống trong môi trường bị hạn chế như vậy. Thế giới này có rất nhiều quốc gia, cuộc sống của con người dựa vào quy luật tự nhiên, con người đã chọn ra phương thức giáo dục trẻ đúng đắn một cách vô ý thức. Còn như người phương Tây, nhất thiết phải hiểu rõ vấn đề và có ý thức thay đổi tình trạng xấu này.

CHƯƠNG 2

SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA TRẺ SƠ SINH



ĐÔI TAY VÀ ĐẠI NÃO

Các nhà tâm lý học cho rằng sự phát triển bình thường của trẻ được phân thành 3 bước. Hai bước chính và vận động có liên quan, cũng chính là hai hoạt động học đi và học nói. Bởi vậy, khoa học đã xem hai chức năng vận động này là "bản đồ hình sao" để dự đoán tương lai của trẻ. Hai vận động phức tạp này đã cho thấy trẻ thu được thắng lợi mang tính thực tế đầu tiên về chức năng vận động và cách thức biểu đạt. Xét về ngôn ngữ biểu đạt nhất trí với tư duy thì: Ngôn ngữ là đặc trưng riêng của loài người, còn đi lại không có gì kì lạ cả (nó là đặc trưng chung của loài người và các loại động vật khác). Động vật khác với thực vật, chúng tự mình có thể di chuyển khắp nơi. Vận động này có được nhờ tác dụng của một số cơ quan đặc biệt. Đi cũng trở thành một đặc trưng cơ bản của loài người. Tuy nhiên, dù con người có năng lực vận động trong không gian to lớn, thậm chí có thể đi khắp toàn cầu, cũng không thể nói đi là đặc trưng đặc biệt của loài người trí tuệ.

Ngược lại với điều này lại là vận động của tay, vận động của tay có liên quan mật thiết nhất với trí tuệ loài người, nó phục vụ cho trí tuệ loài người. Chúng ta đều biết, loài người là động vật biết sử dụng đá, đục đẽo và mài nhẵn đá để làm công cụ sớm nhất. Ở một vài nơi nào đó trong thời kì tiền sử đã có sự tồn tại sớm nhất của loài người. Biết sử dụng công cụ chứng tỏ có cơ thể đã bước vào một mốc quan trọng trong lịch sử phát triển sinh vật. Qua lao động của tay, ngôn ngữ được khắc lên đá, lúc này, bản thân ngôn ngữ mới trở thành công cụ ghi chép của lịch sử nhân loại. Một trong những đặc trưng của con người chính là sự giải phóng đôi tay. Tay con người không đơn thuần là công cụ vận động mà trở thành công cụ trí tuệ. Chức năng của đôi tay là để phục vụ trí tuệ. Sự tiến hóa của đôi tay không chỉ khiến con người chiếm địa vị cao hơn trong thế giới động vật, mà còn biến con người trở thành một chỉnh thể hữu cơ, thông qua các vận động khác.

Tay người vô cùng tinh tế và phức tạp, nó không những thể hiện trí tuệ, mà còn khiến con người có mối liên quan đặc biệt với môi trường. Chúng ta hoàn toàn có thể khẳng định, con người khai phá môi trường dựa vào đôi tay, thay đổi môi trường dưới sự chỉ đạo của lí trí, để hoàn thành sứ mệnh cải tạo thế giới.

Bởi vậy, chúng ta nên dựa vào hiện tượng sớm nhất của trẻ, (tức là sự xuất hiện của ngôn ngữ và việc vận dụng đôi tay) để đánh giá mức độ phát triển tâm lý và suy xét về mức độ phát triển hoạt động tâm lý của

trẻ. Chúng ta nghiên cứu ngôn ngữ, nghiên cứu công dụng của đôi tay trong lao động là hoàn toàn hợp logic.

Trong tiềm thức, con người đã ý thức được hai biểu hiện bề ngoài của tâm lý và vô cùng coi trọng chúng. Tầm quan trọng của ngôn ngữ và đôi tay thể hiện rõ, đặc trưng đặc biệt của loài người, liên quan tới một số hình thức cuộc sống xã hội của người trưởng thành. Ví dụ, khi phụ nữ và nam giới kết hôn, họ sẽ cầm tay "thề non hẹn biển". Khi một người con trai đính hôn, anh ta cũng sẽ "hứa hẹn tương lai", khi hỏi người con gái có đồng ý kết hôn với anh ta không, anh ta sẽ "nắm chặt tay cô gái". Khi thề, người con trai sẽ phải giơ tay và đọc to lời thề. Tay được sử dụng nhiều trong nghi thức tôn giáo, nó đã thể hiện mãnh liệt một kiểu ý thức bản thân. Những ví dụ nêu trên mặc dù khác nhau, song đều nhất trí một điều rằng: Trong tiềm thức, con người coi đôi tay là đại biểu cho chính bản thân. Sự phát triển của đôi tay trẻ trong hoạt động cơ bản của nhân loại hầu như có thể khiến người ta phải kinh ngạc và cảm thấy thần kì hơn bất cứ điều gì khác. Bởi vậy, chúng ta nên tràn đầy hi vọng chờ đợi hành động giơ tay hướng tới vật thể đầu tiên của trẻ. Đây là hành động có trí tuệ đầu tiên của đôi tay nhỏ bé, nó là tuyên ngôn nói rõ trẻ muốn bước vào thế giới này, người lớn nên tỏ rõ sự tán dương chân thành đối với hành động này. Song lại có một số người lớn sợ trẻ thò tay lấy đồ vật, dù đó là những vật không hề có giá trị hoặc chẳng quan trọng gì. Để trẻ không thể lấy được những đồ vật này, họ đã tìm mọi cách giấu chúng đi. Người lớn thường nói: "Không được!", cũng giống như họ thường lặp lại câu nói: "Đừng động vào! Ngoan nào!". Tiềm thức này đã ẩn chứa một kiểu "lo lắng không nguôi" của người lớn, và thúc đẩy anh ta xây dựng một tuyến đường "phòng thủ", thậm chí còn nhờ người khác giúp đỡ giải quyết vấn đề này.

Sự phát triển tâm lý đầu tiên của trẻ cần một số thứ có thể khiến trẻ nhìn thấy và nghe thấy trong môi trường. Muốn phát triển bản thân, trẻ buộc phải thông qua hoạt động cơ thể và hoạt động tay. Do vậy, cần cung cấp cho trẻ một số đồ vật giúp trẻ làm việc, cung cấp cho trẻ "đối tượng hoạt động". Tuy nhiên, người lớn lại không hề để ý tới những nhu cầu này, những thứ xung quanh trẻ đều là của người lớn. Điều "cấm trẻ sờ vào". Nếu trẻ chạm vào những thứ không được phép, thì cơ thể sẽ bị "trừng phạt", nhẹ cũng bị mắng. Nếu "nắm thành công" một vật nào đó, thì trẻ sẽ giống như một con chó đói phát hiện ra một khúc xương, tha khúc xương vào góc tối để gặm, muốn tìm kiếm dinh dưỡng từ trong vật thể chẳng có chút dinh dưỡng nào, hơn nữa còn lo lắng sợ có người tới cướp khúc xương đi.

Vận động của trẻ không phải là một việc ngẫu nhiên. Dưới sự chỉ đạo của bản thân, trẻ đã xây dựng cho mình các hoạt động mang tính phối hợp nhịp nhàng, tính tổ chức và tính mục đích. Trẻ có thể tự do tự tại, hoàn thành độc lập hành động của mình. Khi trẻ ở trong quá trình xây dựng bản thân, vận dụng có một đặc trưng riêng, nó không phải là kết quả mang tính ngẫu nhiên hoặc đột xuất nhất thời. Trẻ không hề chạy nhảy, nghịch ngợm, chơi đồ chơi, làm phòng bữa bộn mà không có mục đích. Trẻ thu được gợi ý từ trong hoạt động của người khác, từ đó có hoạt động mang tính kiến thiết. Trẻ tìm mọi cách được làm việc giống người lớn, bắt chước cách sử dụng đồ vật hoặc dụng cụ của người lớn. Bởi vậy, môi trường gia đình và xã hội có liên quan trực tiếp tới hoạt động của trẻ. Trẻ sẽ tìm cách quét nhà, rửa bát, giặt quần áo, rót nước, tắm gội, mặc quần áo,... khuyến khích hoạt động bẩm sinh kiểu này của trẻ có thể gọi là "bắt chước". Tuy nhiên, kiểu "bắt chước" này không giống với hành vi mô phỏng của khỉ, hành vi mô phỏng của khỉ rất mơ hồ, còn những hoạt động của trẻ bắt nguồn từ một kiểu mô phỏng tâm lý có trí tuệ. Ý thức trước, hành động sau, hoạt động tâm lý chi phối mọi hoạt động khác của trẻ. Khi trẻ muốn làm một việc gì đó, trước hết đã hiểu rõ đó là thứ gì, sau đó mới làm, trẻ khao khát tự mình làm những việc mà người khác đang làm. Sự phát triển ngôn ngữ của trẻ cũng giống như vậy. Trẻ có được năng lực ngôn ngữ là nhờ lắng nghe người xung quanh nói. Trí nhớ giúp trẻ ghi nhớ những từ vựng mà mình nghe thấy, đến một lúc thích hợp nào đó, trẻ sẽ vận dụng những từ ngữ thu được này. Trẻ không hề vận dụng từ vựng giống như vẹt, đặc chất mô phỏng về ngôn ngữ của chúng hiển nhiên khác. Đây là sự khác biệt vô cùng quan trọng, do vậy chúng ta nên ý thức được mối quan hệ giữa trẻ và người lớn, sự khác biệt này cũng khiến chúng ta hiểu sâu hơn về hoạt động của trẻ.

SỰ PHÁT TRIỂN TRÍ LỰC

Có đủ bằng chứng cho thấy, sự phát triển trí lực của trẻ không giống với những phân tích máy móc của các nhà tâm lý học, trí lực đang dần dần phát triển dưới sự xúc tác của điều kiện bên ngoài. Đáng tiếc là, những lý luận và thực tiễn giáo dục của các nhà tâm lý này vẫn gây ảnh hưởng mạnh tới chúng ta, do vậy cũng đã ảnh hưởng tới cách giáo dục của chúng ta với trẻ. Quan điểm của họ là: Ảnh hưởng của vật thể bên ngoài được thực hiện thông qua sự va chạm vào cánh cửa cảm quan của chúng ta. Sau đó, những thể nghiệm này cố định trong tâm hồn, chúng dần dần dung hợp và trở nên có trật tự, để hình thành trí lực. Trước hết

họ cho rằng, trẻ chỉ có thể phản ứng bị động về tâm lý, phụ thuộc vào ảnh hưởng của môi trường, đồng thời suy luận chất xám của trẻ hoàn toàn bị người lớn khống chế. Một quan điểm tương tự như vậy cho rằng: trẻ không chỉ phản ứng bị động về mặt trí lực mà còn giống như một chiếc bình rỗng, có thể tùy ý đổ đầy.

Dựa vào kinh nghiệm của mình chúng ta có thể thấy rằng, không nên coi nhẹ ảnh hưởng quan trọng của môi trường đối với sự phát triển trí lực của trẻ. Hệ thống giáo dục của chúng ta quả là quá coi trọng môi trường giáo dục trẻ và coi môi trường là nội dung trọng tâm của hệ thống giáo dục. Chúng ta phát triển năng lực cảm tri của trẻ hợp lý hơn các hệ thống giáo dục khác, và suy nghĩ của chúng ta cũng khác với họ. Đối với quan niệm cũ cho rằng trẻ chỉ là người bị động trái với quan điểm chúng ta. Điều chúng ta nhấn mạnh là tính miễn cảm của tâm hồn trẻ. Trẻ có một thời kì miễn cảm phát triển từ từ, thời kì miễn cảm này có thể duy trì cho tới 5 tuổi, người lớn luôn tìm mọi cách giúp trẻ có năng lực tiếp thu kinh nghiệm từ môi trường. Trẻ đang ở trong giai đoạn tích cực quan sát môi trường, cảm tri của trẻ đối với xung quanh là do cảm quan của trẻ thu nạp có được. Tuy nhiên, điều này không phải để trẻ tiếp nhận giống như một cái gương. Một người quan sát thực sự hành động dựa theo cảm giác hoặc hứng thú đặc biệt, từ đó sàng lọc đúc kết kinh nghiệm. W. James nhà tâm lý học người Mỹ cho rằng, xưa nay chưa ai có thể nhận thức được bộ mặt tổng thể của một vật thể, đồng thời đã đưa ra kiến giải thế này: Vì hạn chế cá nhân, mỗi người chỉ có thể thấy được một phần tình trạng của vật thể, nói cách khác một người tiến hành miêu tả sự vật thường suy xét dựa vào cảm giác và hứng thú. Nên con người thường miêu tả vật thể không giống nhau với cách thức khác nhau. W. James đã đưa ra một ví dụ đúng đắn để chứng minh vấn đề này. Ông nói: "Nếu bạn mặc một bộ quần áo mới và cảm thấy rất thỏa mãn, khi đi ra khỏi nhà bạn sẽ bắt đầu chú ý quan sát xem người khác liệu có mặc quần áo kiểu dáng giống mình không. Nếu bạn chăm chú quan sát người khác trong khi đường phố đầy xe cộ tấp nập thì sẽ vô cùng nguy hiểm, bạn có thể sẽ bị xe đâm mất mạng".

Có lẽ chúng ta cần đặt ra câu hỏi, trẻ đã thu nạp vô số kinh nghiệm từ bên ngoài, vậy, hứng thú đặc thù để trẻ chọn một loại thể nghiệm nào đó là gì? Dẫn chứng mà W. James đưa ra không thể tồn tại, bởi vì trẻ sẽ không chịu ảnh hưởng nhỏ hẹp của nhân tố bên ngoài. Trẻ từ không tới có, liên tục phát triển dựa theo sức mạnh của bản thân. Đây chính là lý tính thực sự tồn tại trong trẻ, thời kì miễn cảm phát triển vòng quanh lý

tính của trẻ. Tuy nhiên, quá trình có được lý tính này quả thực tự nhiên và chứa đầy sự sáng tạo, sức mạnh của nó dựa vào những trải nghiệm thu được từ môi trường, và dần dần trưởng thành, giống như một sinh mệnh hoạt bát.

Lý tính của trẻ đã cung cấp động lực và nguồn năng lượng cho sinh mệnh. Mọi trải nghiệm luôn được sắp xếp sẵn để phục vụ cho lý tính. Trẻ hoàn thiện lý tính thông qua những trải nghiệm sớm nhất. Nhu cầu thu nạp kinh nghiệm của trẻ lúc nào cũng ở tình trạng "đói khát", không bao giờ được thỏa mãn. Trẻ bị hấp dẫn bởi ánh sáng, màu sắc và âm thanh, đồng thời cảm thấy hưng phấn vô cùng đối với những điều đó. Song chúng ta cần biết rằng, quá trình tạo ra lý tính này là quá trình vận động tự phát, là một hiện tượng xuất phát từ trong lòng. Trạng thái tâm lý của trẻ đáng để chúng ta quan tâm. Trẻ phát triển lý tính của mình từ không tới có, đây là phẩm chất đặc biệt của con người. Thậm chí ngay cả khi đang chập chững tập đi, trẻ đã bắt đầu men theo con đường và dũng cảm tiến lên phía trước.

Tôi nhớ lại một câu chuyện có ấn tượng rất sâu sắc thế này: Một đứa trẻ chỉ có 4 tuần tuổi, chưa từng được đưa ra khỏi nhà sau khi sinh. Một hôm, bảo mẫu của nhà này bế đứa bé đi đi lại lại, lúc này, cùng một lúc đứa bé bỗng nhìn thấy cả bố và một chú sổng cùng một nhà với trẻ. Hai người này cao ngang nhau, tuổi xấp xỉ nhau. Đứa bé vô cùng ngạc nhiên, nhìn 2 người này với vẻ sợ hãi. Bố và chú đứa bé đã tới nhờ chúng tôi tư vấn, giúp đứa bé thoát khỏi tình trạng này. Chúng tôi yêu cầu 2 anh em họ đứng tách rời nhau trong tầm nhìn của đứa bé này, một người bên trái, một người bên phải. Đứa bé này ngoảnh đầu sang một bên nhìn một người, nhìn chăm chú anh ta một lúc thì đột nhiên toét miệng cười. Nhưng thật nhanh chóng, nó lại suy nghĩ, lập tức quay đầu nhìn sang người còn lại, nhìn một lúc, cũng toét miệng cười với người này. Trẻ quay đầu hết nhìn sang phải lại nhìn sang trái, lúc lo lắng, lúc vui vẻ yên tâm, cho tới khi nó đã phân biệt rõ hình dạng của hai người. Đối với đứa trẻ này, hai người đàn ông này từng chỉ là một người. Họ chơi đùa với trẻ trong những trường hợp khác nhau, từng ôm ấp trẻ trong lòng, trò chuyện thân thiết với trẻ. Mới đầu, đứa trẻ này tưởng rằng, trong nhà chỉ có một người đàn ông, mẹ nó, bảo mẫu và những người phụ nữ khác, hơn nữa nó chưa từng nhìn thấy hai người đàn ông trong nhà, đột nhiên hai người đàn ông cùng xuất hiện khiến nó "cảnh giác cao độ". Trẻ đột nhiên nhìn thấy một người đàn ông, sau đó lại nhìn thấy một người đàn ông khác, lúc này, nó đã hiểu mình sai. Dù trẻ mới

được bốn tuần, song nó thực sự thể nghiệm thấy sai lầm và nực cười của lí tính loài người.

Nếu hai người đàn ông này không hiểu, trẻ có hoạt động tâm lý của riêng mình ngay từ lúc sinh ra thì họ sẽ không thể giúp được trẻ. Sự giúp đỡ này khiến trẻ thoát khỏi khó khăn đầu tiên và bắt đầu suy nghĩ để có được nhiều trải nghiệm hơn.

Tôi còn có một vài câu chuyện khác về những trẻ lớn hơn. Một đứa trẻ bảy tháng tuổi đang ngồi trên nền nhà chơi với một chiếc gối có in hình hoa và một đứa trẻ, nó hứng thú ghé đầu sát chiếc gối hít ngửi bông hoa và thơm nhẹ vào đứa trẻ trên gối. Cô gái giúp việc chưa từng được giáo dục cách dạy dỗ trẻ, nếu cho trẻ ngửi và thơm những thứ khác nhất định sẽ khiến trẻ vui hơn. Thế là, vội vàng mang lại rất nhiều thứ, còn nói: "Mau ngửi cái này đi! Mau thơm cái kia đi!", song kết quả hoàn toàn trái ngược, bộ óc non nớt của trẻ rối tung. Trẻ đang hình thành kiểu mẫu của mình, nhận biết hình ảnh, sau đó lưu chúng lại trong kí ức. Trẻ làm một cách hứng khởi, lặng lẽ, điều này rất có lợi trong việc xây dựng lí tính của trẻ. Khi trẻ đang thử thu về một kiểu trật tự trong lòng, tiến hành công việc thần bí thì lại bị người lớn thiếu hiểu biết quấy rối.

Do vậy, khi người lớn thô bạo cắt đứt suy nghĩ hoặc tìm cách phân tán sự chú ý của trẻ thì có thể gây trở ngại cho công việc gian khổ mà trẻ đang gắng sức làm. Khi chơi đùa với trẻ, người lớn cầm tay thơm trẻ hoặc ru trẻ ngủ, lại không quan tâm tới tiến trình tâm lý đặc biệt của trẻ. Người lớn không thể ý thức được công việc tưởng chừng đơn giản này có thể hủy diệt hoàn toàn quá trình trưởng thành tâm lý sớm nhất của trẻ, giống như sóng biển dâng lên có thể cuốn đi lâu đài được xây dựng bằng cát, bởi vậy, người xây dựng lâu đài trên cát buộc phải làm lại công việc của mình. Do sự thiếu hiểu biết của mình, người lớn có thể làm ức chế dự vọng cơ bản của trẻ. Điều quan trọng là, trẻ cần được trải nghiệm triệt để những điều mình thu được, vì chỉ sau khi được trải nghiệm và phân biệt được những trải nghiệm thì trí lực của trẻ mới được hình thành.

Một chuyên gia dinh dưỡng nổi tiếng đã làm một thí nghiệm rất thú vị. Anh ta rút ra kết luận thế này sau khi tiến hành thí nghiệm ngay tại nơi khám chữa bệnh của mình: Về mặt thức ăn cho trẻ nhỏ, cũng nên suy xét tới nhân tố cá nhân. Anh ta phát hiện thấy, trước khi trẻ tới một độ tuổi nhất định, không thể có một loại thức ăn nào có thể thay thế giá

trị dinh dưỡng của sữa mẹ. Bởi vì, cùng một loại thức ăn, có thể tốt với đứa trẻ này, song lại có thể xấu với đứa trẻ khác. Nơi khám chữa bệnh của anh ta đã xây dựng một kiểu mẫu điển hình về mặt hình thức và lý thuyết. Biện pháp của anh ta rất có hiệu quả đối với trẻ dưới sáu tháng tuổi, song lại không có tác dụng đối với trẻ trên sáu tháng tuổi. Điều này khiến mọi người thắc mắc, bởi lẽ ở độ tuổi này, cho trẻ ăn uống dễ hơn nhiều so với thời kỳ bú mẹ. Một số bà mẹ không thể cho con bú, bởi vậy, đã tới chuyên gia này xin được tư vấn về cách nuôi con, nơi khám chữa bệnh này được anh ta mở ra để phục vụ những bà mẹ như vậy. Tuy nhiên, con của những ông bố bà mẹ nghèo này lại không biểu hiện mất cân bằng dinh dưỡng sau sáu tháng giống như những đứa trẻ đang được điều trị tại đây. Sau khi nghiên cứu kỹ càng, chuyên gia đã nhận ra rằng: Hiện tượng này chắc chắn chịu tác động của nhân tố tâm lý. Anh ta bắt đầu chú ý tới những đứa trẻ hơn sáu tháng tuổi "có tâm tư mệt mỏi do tâm lý không tốt". Anh ta đã tạo ra nhiều hoạt động vui chơi cho chúng, như cho chúng đi tản bộ trong khuôn viên nơi khám bệnh, đưa chúng tới một số nơi tương đối mới mẻ. Kết quả là, sức khỏe của chúng hồi phục nhanh chóng.

Chúng ta có thể chứng minh bằng rất nhiều thí nghiệm: Trẻ dưới 1 tuổi có thể thu được trải nghiệm sâu sắc đáng kinh ngạc trong môi trường xung quanh chúng, và có thể nhận ra môi trường quen thuộc trong một số hình vẽ. Tuy nhiên, chúng ta cần lưu ý: khi vừa thu được trải nghiệm này thì trẻ sẽ không còn hứng thú mãnh liệt nữa.

Ở độ tuổi lên 2, trẻ sẽ không còn hứng thú đối với một số vật thể đẹp và màu sắc tươi mới. Tuy nhiên, chúng lại có hứng thú với những vật thể nhỏ, những thứ không "nổi trội" hoặc những thứ chúng ta ít để ý tới.

Lần đầu tiên, tôi phát hiện thấy kiểu miễn cảm này ở một bé gái 15 tháng tuổi. Tôi nghe thấy bé gái này cười lanh lảnh trong vườn hoa, quả là không bình thường đối với một đứa trẻ ở độ tuổi này. Bé tự mình ra đây, ngồi lên viên gạch, và hoàn toàn chìm đắm trong một niềm vui khám phá. Gần đó có một bồn hoa rất đẹp, những bông hoa hướng dương tươi tắn vươn lên dưới ánh mặt trời, song bé lại không hề chú ý tới hoa, mà đôi mắt nhìn xuống đất. Nhưng trên đất làm gì có gì đáng nhìn. Tôi từ từ bước lại phía bé gái, nhìn kỹ những viên gạch dưới chân, song không hề thấy có gì thú vị cả. Tuy nhiên, bé gái này lại nói với tôi một cách nghiêm túc: "*Ở kia có một vật bé xiu chuyển động*", bé gái chỉ cho tôi xem, tôi đã nhìn thấy một con côn trùng nhỏ màu sắc giống như viên gạch, nhỏ tới mức khó có thể nhìn ra, con côn trùng này đang bò rất



nhANH. Hóa ra, chính sinh vật nhỏ bé này đã khiến bé gái này vui mừng cười to đến vậy. Côn trùng biết chuyển động, biết chạy, cô bé kêu lên sung sướng trong niềm hứng khởi kỳ lạ, tiếng kêu này vang xa hơn hẳn lúc bình thường. Niềm vui này lại không bắt nguồn từ mặt trời, từ đóa hoa, cũng không bắt nguồn từ màu sắc tươi mới mà lại từ con côn trùng nhỏ bé.

Một câu chuyện khác tương tự như vậy: Một bé trai 15 tháng cũng đã để lại ấn tượng sâu sắc trong tôi. Bé trai đang ngồi chơi với những tấm ảnh màu sắc sặc sỡ. Những tấm ảnh này khiến bé rất hưng phấn. Bé nói với tôi bằng ngôn ngữ trẻ nhỏ: "Bíp bip". Bé dùng để diễn đạt "ô tô". Thế là tôi biết, bé muốn mời tôi lại xem tấm ảnh hình ô tô. Bé có rất nhiều bức ảnh, những bức ảnh cũng rất đẹp, có thể dễ dàng nhận thấy mẹ của bé đã thu thập chúng lại để cho bé chơi, đồng thời cũng muốn qua đó dạy bé. Những tấm ảnh này in rất nhiều động vật như hươu cao cổ, sư tử, ong, khỉ, chim; Có tấm còn in hình những con gia súc được trẻ yêu thích như mèo, chim, trâu, dê; Còn có những tấm in hình phong cảnh. Điều làm tôi ngạc nhiên là, trong những tấm ảnh này lại không có tấm nào in hình ô tô cả. Tôi nói với bé trai này: "Cô không thấy ô tô!". Lúc này bé nhìn tôi, chọn ra một tấm ảnh và đặc ý nói: "Đây ạ!". Ở giữa bức tranh là một con chó rất đẹp, đằng xa là một người thợ săn đang vác súng trên vai, góc bên là một ngôi nhà nhỏ, cạnh đó là một con đường ngoằn ngoèo, trên con đường này còn có thể nhìn thấy một chấm đen. Bé trai chỉ vào chấm đen này nói: "Bíp bip". Chấm đen này rất nhỏ, hầu như không nhìn rõ, song nhìn kĩ tôi mới thấy rõ đó quả là một chiếc xe ô tô. Chiếc xe ô tô trong bức ảnh bé nhỏ là vậy, quả là khó phát hiện thấy, vậy mà nó lại thu hút sự chú ý của bé trai này, bởi vậy bé nhất định phải chỉ cho tôi thấy. Tôi nghĩ, có lẽ bé trai này vẫn chưa ý thức được những hình ảnh đẹp và thực dụng ở những bức tranh khác. Tôi lấy ra một tấm, trên đó có hình một con hươu cao cổ, tôi nói với bé: "Xem chiếc cổ dài này này!". Bé không vui nói "hươu cao cổ". Thế là, tôi mất hẳn khí thế "giảng giải cho bé hiểu".

Có thể cho rằng thế này, khi trẻ 2 tuổi, thông qua một số giai đoạn, thiên tính của trẻ sẽ dần dần dần dất trí lực, cho tới khi trẻ hoàn toàn lý giải mọi thứ ở môi trường xung quanh, hoạt động này mới tạm ngừng.

Tôi có thể đưa ra một số ví dụ qua trải nghiệm của tôi. Tôi từng hướng dẫn một bé trai khoảng 20 tháng tuổi xem một cuốn sách về đề tài người lớn được thiết kế rất đẹp. Đó là cuốn "Tân ước toàn thư" của G.Dore. bên trong có rất nhiều hình ảnh. Cuốn sách này đã phục chế

một số bức họa nổi tiếng, trong đó có một bức là "Quang vinh của Chúa" của Raphael. Tôi chỉ cho bé xem bức hình này, trong hình vẽ Giêsu kêu gọi những đứa trẻ lại phía mình, sau khi bé xem xong, tôi giải thích:

"Giêsu ôm một đứa trẻ trong lòng. Cháu xem những đứa trẻ khác đều dựa đầu vào Giê-su, mọi đứa trẻ đều ngược lên nhìn ông, ông rất yêu mến chúng".

Khuôn mặt của bé trai này không tỏ rõ chút hứng thú nào. Lúc này, bé quay mình đi. Tôi lật tiếp cuốn sách, bắt đầu tìm kiếm một bức tranh khác. Đột nhiên, bé nói: "Ông ấy đang ngủ".

Tôi không hiểu điều bé đang nói, hỏi lại: "Ai đang ngủ?".

Bé trả lời to: "Giêsu! Giêsu đang ngủ". Bé đòi tôi lật lại trang sách. Tôi nhìn lại bức ảnh này, trong ảnh cơ đốc Giêsu đang đứng nhìn bọn trẻ ở trên cao. Ông ta hơi cúi đầu, trông như là đang ngủ. Bé trai đã chú ý được tình tiết nhỏ này, trong khi người lớn lại không thể nhận ra, thật đáng xấu hổ.

Tôi tiếp tục giở giải một số bức tranh khác. Khi tới bức tranh có hình cơ đốc Giêsu giống như một vị thánh, tôi nói: "Cháu xem này, Giêsu bay lên trời rồi. Cứ nhìn bộ dạng ngược mắt nhìn của cậu bé này, người phụ nữ này thì giơ cao cánh tay, chẳng phải mọi người đều rất lo sợ sao?". Tôi ý thức được mình toàn chọn những bức tranh phù hợp với bé, tuy nhiên cách giải thích của tôi không thực sự hấp dẫn bé. Song điều tôi cảm thấy thú vị là, phản ứng trước những bức vẽ phức tạp như vậy của người lớn khác với trẻ nhỏ. Bé trai này chỉ lâu bàu một tiếng nhỏ, hình như bé nói: "Ồ, tiếp tục giở nữa đi", bộ mặt bé không lộ vẻ hứng thú. Tôi lại tiếp tục lật giở trang sách, thấy bé túm vật trang sức nhỏ giống như con thỏ treo trên cổ. Sau đó kêu lên: "Chú thỏ nhỏ!" Tôi nghĩ, bé bị hấp dẫn bởi vật trang sức nhỏ có hình dạng con thỏ này. Đột nhiên, bé lại đòi tôi lật giở lại trang sách. Tôi làm theo ý bé và thật ngạc nhiên khi nhìn thấy một chú thỏ nhỏ trong bức ảnh "Quang vinh của Chúa". Tôi không chú ý tới điểm này. Rõ ràng, người lớn và trẻ con có cách quan sát khác nhau. Người lớn thường muốn cho trẻ 3,4 tuổi xem những thứ "tâm thường không gì bằng", cứ như là trước đó chúng chưa từng nhìn thấy thứ gì bao giờ. Biện pháp này giống như một người cho rằng người khác điếc nên nói rất to. Sau những nỗ lực hết mức của bạn, người khác đã hiểu ra, nhưng anh ta lại nói với bạn thế này: "Tôi không điếc đâu nhé!".



Người lớn thường tự cho rằng, trẻ nhỏ hứng thú với những vật màu sắc sặc sỡ, âm thanh lớn. Vật kích thích mạnh như tiếng hát, chuông kêu, cờ bay trong gió, ánh sáng chói mắt,... sẽ chỉ hấp dẫn trẻ trong chốc lát, không mang lại lợi ích gì cho sự chú ý của trẻ. Chúng ta có thể tiến hành so sánh phương thức hành vi này và phương thức hành vi của người lớn chúng ta. Ví dụ, chúng ta đang say sưa đọc sách, bỗng nhiên bị kích thích bởi tiếng ồn ào ngoài phố, chúng ta dừng đọc sách, tiến ra phía cửa sổ, xem ở bên ngoài xảy ra chuyện gì. Hành vi này của một người nào đó lại ít khi suy luận rằng người lớn dễ bị kích thích bởi âm thanh mạnh. Song chúng ta lại rất dễ suy luận ra việc trẻ có thể chú ý tới một kích động mạnh ở bên ngoài, chỉ là một kiểu kết quả đi kèm, không liên quan mật thiết với sự phát triển trong cuộc sống tâm lý của trẻ. Trẻ say sưa chăm chú quan sát những vật mà chúng ta thường không để ý, đây có thể được xem là bằng chứng cho thấy sự hiện diện cuộc sống tâm lý của trẻ. Trẻ làm như vậy không phải vì những thứ nhỏ bé đó đã để lại ấn tượng sâu sắc mà do trẻ bị hấp dẫn bởi những thứ này. Khi say sưa quan sát trẻ đã thể hiện rõ "tình yêu và trí tuệ" đang nảy nở trong tâm hồn chúng.

Tâm hồn của trẻ là một câu đố khó lý giải đối với người lớn. Câu đố này khiến người lớn lúng túng là vì họ chỉ quan sát hiện tượng ở bề ngoài, mà không phân tích đến hoạt động tâm lý xuất phát từ bên trong. Đằng sau những hoạt động này của trẻ ẩn chứa một nguyên nhân có thể lý giải, khiến chúng ta cần suy nghĩ. Chúng ta thường cho rằng mọi phản ứng của trẻ chẳng qua là kết quả của sự hưng phấn nhất thời, song hứng thú sẽ không bao gồm một số thứ nào đó phải không? Đây là một câu hỏi quan trọng cần phải giải quyết, một lời giải đáp buộc phải tìm. Quá trình tìm ra lời giải đáp đầy khó khăn song rất thú vị. Người lớn buộc phải có một thái độ mới đối với trẻ, mới có thể tìm ra lời giải. Người lớn cần phải là người đi học, chứ không phải chỉ là một người lãnh đạo hoặc một quan tòa tâm lý nhỏ hẹp. Tình trạng người lớn xuất hiện với "chức vụ" lãnh đạo hoặc quan tòa trong mối quan hệ với trẻ nhiều không kể xiết.

Lúc này, tôi nhớ lại buổi thảo luận sách liên quan tới trẻ nhỏ cùng một số phụ nữ khác. Chúng tôi đã tiến hành buổi thảo luận này trong góc của một phòng vẽ. Tôi phát hiện thấy một bé trai khoảng 1 tuổi rưỡi đang ngồi chơi rất ngoan bên cạnh chúng tôi. Trước hết, chúng tôi nói về lý thuyết, sau đó chuyển sang dẫn chứng cụ thể, đương nhiên cũng nói tới sách liên quan tới trẻ. Lúc này, mẹ bé trai nói: "Tôi có một cuốn sách

có tên "*Cậu bé da đen Samo*". Samo là một người da đen, vào ngày sinh nhật của cậu, bố mẹ cậu đã tặng cậu rất nhiều quà: Mũ, dép, tất và áo khoác sặc sỡ. Bố mẹ cậu đang chuẩn bị bữa cơm thịnh soạn cho cậu, lúc này cậu không nói một lời nào mà bước ra khỏi cửa, chạy đi khoe bộ quần áo mới của mình. Trên phố cậu gặp rất nhiều động vật, cậu vuốt ve chúng, tặng cho mỗi con một thứ. Cậu tặng cho chú hươu cao cổ chiếc mũ, tặng đôi giày cho hổ,... Cuối cùng, cậu chẳng còn gì cả, vừa khóc vừa đi về nhà. Câu chuyện này có một kết thúc rất vui, bởi vì bố mẹ đã không trách mắng cậu. Cuối câu chuyện là một bức ảnh rất có ý nghĩa - một bữa ăn thịnh soạn bày ra trước mặt cậu".

Bà mẹ này khuyên những người khác xem cuốn sách này, song bé trai này nói chen vào: "*Không, Lola*". Lúc này mọi người đều cảm thấy ngạc nhiên, họ nghĩ rằng đây có lẽ là một câu đố của trẻ thơ. Bé trai này lặp đi lặp lại "*Không, Lola*", điều này thật khó hiểu.

Mẹ cậu nói: "*Người bảo mẫu từng chăm sóc cậu vài ngày trước đây có tên là Lola*", bé trai này bắt đầu khóc và gọi tên "*Lola*", dường như tâm tư bé đang rất xáo trộn. Cuối cùng, một người cho bé xem cuốn sách, bé chỉ vào bức ảnh ở bìa sách. Bức ảnh này có in hình cậu bé da đen đáng thương đó đang khóc. Lúc này, chúng tôi mới hiểu, hàm ý "*Lo-la*" mà bé nói có nghĩa "*Ilora*" (nó đang khóc) (Tiếng Tây Ban Nha), có điều cậu phát âm sai.

Sự thực làm bé trai khóc là thế này: Kết cục của cuốn sách này lại không vui, bức tranh ở bìa cuối in hình cậu bé da đen Samo đang khóc. Bé trai này đã đúng, song rõ ràng không ai chú ý được điểm này. Do vậy, khi bà mẹ nói "*câu chuyện kết thúc rất vui*" bé đã phản kháng lại. Rõ ràng bé thấy kết cục Samo đang khóc. Bé trai này quả thực đã xem cuốn sách kỹ hơn người mẹ. Mặc dù bé không thể hiểu hết buổi thảo luận của những phụ nữ này, thậm chí không thể biểu đạt một câu đơn giản, song sự quan sát của bé quả là khiến người khác phải kinh ngạc.

Cá tính của trẻ nhỏ hoàn toàn khác với cá tính của người lớn về mặt tính chất. Bởi vì người lớn biết chọn lọc, mà trẻ thì lại không. Một đứa trẻ hay chú ý tình tiết nhỏ nhất định sẽ có chút gì đó coi thường trong cách ứng xử với người lớn. Chúng ta không thấy hứng thú đối với tình tiết nhỏ, trẻ sẽ cho rằng chúng ta ngốc nghếch và chậm chạp. Nếu trẻ có thể biểu đạt quan điểm của mình, nhất định sẽ tỏ rõ sự thiếu tin tưởng đối với người lớn, cũng giống như chúng ta không tin tưởng trẻ vậy. Cách tư duy của người lớn khác với trẻ nhỏ, không thể hòa hợp làm một, do vậy sẽ xuất hiện nhiều vấn đề.

NHẬN BIẾT VỀ TRẬT TỰ THẾ GIỚI BÊN NGOÀI

Thường thì, sau khi thấy rõ trật tự thế giới bên ngoài, trẻ mới hiểu môi trường bên ngoài, sau đó mới hiểu được mối quan hệ giữa bản thân và môi trường bên ngoài.

Yêu trật tự là một đặc điểm của trẻ nhỏ. Trẻ 1 tuổi rưỡi hoặc 2 tuổi sẽ chỉ rõ ràng một số đồ vật. Điều khiến mọi người chú ý là, trẻ có thể có năng lực này sớm hơn thế. Tuy vậy người lớn chúng ta lại không dẫn dắt những nhu cầu của trẻ đối với trật tự môi trường xung quanh. Tình yêu đối với trật tự của một người phụ nữ nội trợ đảm đang không thể so sánh với tình yêu trật tự của trẻ. Phụ nữ nội trợ gia đình nói: "Tôi yêu nhà tôi, tôi yêu nhà sạch sẽ, gọn gàng". Chẳng qua cô ta chỉ là nói vậy, song trẻ lại không có lòng nhẫn nại sống trong môi trường hỗn độn. Môi trường hỗn độn khiến lòng trẻ rối bời theo. Cách biểu đạt cảm giác bị ức chế của trẻ là kêu gào tuyệt vọng, hậu quả nghiêm trọng nhất chính là sinh bệnh. Trẻ sơ sinh mẫn cảm hơn cả trẻ nhỏ (thậm chí cả người lớn) trong việc quan sát sự hỗn độn của môi trường xung quanh. Tính mẫn cảm của trẻ rõ ràng chịu ảnh hưởng của môi trường bên ngoài, tuy nhiên càng lớn, mức độ mẫn cảm của trẻ càng kém, và tới lúc mất hẳn. Tính mẫn cảm của sinh vật trong quá trình trưởng thành sẽ xuất hiện mang tính chu kì, hiện tượng này được chúng ta gọi là "thời kì mẫn cảm". Thời kì này vô cùng quan trọng nhưng cũng rất khó nắm bắt.

Đáng tiếc là chúng ta lại coi thời kì mẫn cảm mà trẻ suy nghĩ về trật tự môi trường là thời kì "hỗn độn không gì bằng". Nguyên nhân xuất hiện mâu thuẫn này là: Môi trường này không chỉ thuộc về trẻ, bởi vậy vị trí của trẻ trong môi trường này không thể thấy rõ; mà trong cùng một môi trường, giáo viên - người có năng lực mạnh hơn trẻ, không những không hiểu trẻ mà ngược lại còn cho rằng trẻ là người "thích sao làm vậy". Những tiếng kêu gào vô duyên vô cớ của trẻ cho thấy trẻ không mấy may cảm nhận được sự an ủi của người lớn. Tình trạng này không những xảy ra một lần, mà còn thường xuyên. Chúng ta dễ dàng thấy rõ: Một số bí mật mà người lớn không biết chôn sâu trong lòng trẻ.

Chúng tôi nhất thiết cần đưa ra một số ý kiến chỉ đạo cho người lớn. Nếu không, làm sao họ có thể kịp thời phát hiện bí mật trong lòng trẻ, phát hiện thấy trẻ đã chú tâm phát triển những bí mật này thế nào?

Ở trường học, nếu chúng tôi để đồ vật nào đó không đúng vị trí, mọi đứa trẻ 2 tuổi nhìn thấy đều sẽ để chúng về đúng vị trí. Những thứ

không cần thiết trong trường đều nên vứt bỏ đi, như vậy hình thành thói quen giữ gìn vệ sinh sạch sẽ trong trẻ, đây là điều vô cùng quan trọng. Chỉ có trong tự do, trẻ mới càng có sự nhiệt tình về trật tự.

Những tấm ảnh về trường học chúng tôi được triển lãm tại phòng trung tâm của Hội chợ triển lãm San Francisco. Cảnh trong bức ảnh đó là: Sau giờ học, một đứa trẻ 2 tuổi đang sắp xếp gọn gàng tất cả bàn ghế vào sát bên tường. Xem ra, bé rất chú tâm hoàn thành công việc này. Hôm đó, bé không thể xử lý một chiếc ghế to sát đó, bé động não suy nghĩ, để chiếc ghế to này vào đúng vị trí thường ngày, gần với những chiếc ghế khác.

Một câu chuyện khác nữa là: Một đứa trẻ khoảng bốn tuổi khi đổ nước từ bình đựng này sang bình đựng khác, bé không biết rằng mình đã không cẩn thận làm rớt nước xuống nền nhà. Thú vị là, khi sự việc xảy ra, một đứa trẻ nhỏ hơn đang ngồi ở dưới nền nhà, lấy một chiếc giẻ lau lau sạch chỗ nước trên nền nhà, đứa trẻ bốn tuổi này vẫn không biết. Khi nó ngừng rớt nước, đứa trẻ nhỏ hơn hỏi: "Còn không?" Đứa lớn không hiểu, ngạc nhiên hỏi: "Còn gì cơ?".

Tuy nhiên, nếu hoàn cảnh không phù hợp, trẻ nhỏ phát hiện thấy mình không thể biểu đạt suy nghĩ chính xác, những sự việc thú vị này sẽ trở nên không thể lý giải, không có giá trị, khiến trẻ cảm thấy khổ sở.

Thỏa mãn yêu cầu của trẻ thì bạn mới có thể phát hiện thấy tính miễn cảm vừa xuất hiện, dấu hiệu báo trước này được con người nhận định là phản ứng của tâm tư vui mừng trong trẻ. Thời kỳ miễn cảm đối với trật tự xuất hiện mấy tháng đầu tiên khi trẻ vừa sinh ra. Bởi vậy, người lớn nhất thiết cần học tâm lý học liên quan tới trẻ thơ. Một số bảo mẫu được đào tạo, đã biết cách làm việc theo yêu cầu của chúng ta, có rất nhiều những câu chuyện về họ, ví dụ: Một bảo mẫu nọ hàng ngày đẩy xe đưa một đứa trẻ khoảng 5 tháng tuổi đi dạo mát, cô thường đưa trẻ ra vườn hoa trước cửa nhà. Đứa trẻ nhìn thấy thứ gì mà hứng thú thế nhỉ? Hóa ra là một tấm bia đá cẩm thạch! Tấm bia đá này được khắc trên bức tường cũ, bụi bặm. Trong vườn hoa, khắp nơi ngập tràn hoa tươi sắc sỡ, nhưng điều hấp dẫn đứa trẻ trong chiếc xe này nhất lại là lúc đi ngang qua tấm bia đá cẩm thạch. Người bảo mẫu "hiểu rõ lòng người" này hôm nào cũng dừng xe lại trước tấm bia cẩm thạch đó, cô ta biết đây chính là thứ mang lại niềm vui cho đứa trẻ chào đời chưa lâu này.

Chúng ta cũng sẽ hiểu rằng, cảm giác thất bại của trẻ có thể biểu hiện rõ hiện tượng thời kỳ miễn cảm trật tự của chúng. Trẻ nhỏ thường bị phạt khó chịu, có thể đa phần là do tính miễn cảm của chúng gây ra.

Tôi có thể đưa ra một số ví dụ sinh động khác trong cuộc sống hiện thực. Câu chuyện này xảy ra ở một gia đình nhỏ. Đứa trẻ mà tôi nói tới mới được vài tháng tuổi, bé thường nằm trên giường, đó là một chiếc giường kê hơi dốc, để bé có thể quan sát được xung quanh. Phòng của bé được thiết kế dựa theo nguyên lý khoa học sinh lý, có chỗ rửa tay, rửa mặt, phòng của bé được quét sơn trắng khác với các phòng khác. Kính cửa sổ được lắp màu sắc sặc sỡ, trong phòng bày một số đồ dùng nhỏ, một bình hoa tươi được đặt trên một chiếc bàn, chiếc bàn này được trải bằng khăn trải bàn màu vàng. Một hôm, có một vị khách tới nhà bé chơi, cô ta đã đặt chiếc ô của mình lên trên bàn, ngay sau khi nhìn thấy chiếc ô, bé gái bắt đầu kêu khóc, xem ra chiếc ô làm bé khó chịu, bức mình. Người lớn không hiểu bé muốn gì, còn nghĩ: Nhất định là bé gái này thích chiếc ô, song khi vị khách đặt chiếc ô trước mặt bé, bé đẩy ô ra, dứt khoát không cầm nó. Người lớn lại để ô lên bàn. Bảo mẫu bế bé gái lên, đặt bé lên bàn gần chiếc ô, song bé vẫn khóc, quấy đạp lung tung. Mẹ đưa bé đã được nói cho biết tâm lý của trẻ thời kì đầu, lúc này cô bước tới, cầm chiếc ô lên, đem nó ra khỏi phòng. Đứa trẻ lập tức "ngoan ngoãn" trở lại, không kêu khóc nữa. Xem ra, để ô sai nơi quy định đã khiến bé bức mình, bởi vì điều này đã vi phạm nghiêm trọng tính trật tự trong phòng bé, mà bé thì rất nhớ vị trí đồ đạc trong phòng.

Còn có một câu chuyện thế này: Một hôm, tôi và một đoàn khách du lịch đi thám hiểm một hang động nổi tiếng, một bà mẹ trẻ dự định cho con đi đến cuối hang, nhưng đứa trẻ này quá nhỏ, chỉ khoảng 1 tuổi rưỡi, không thể đi bộ suốt hành trình được. Mới đi được một lát, đứa trẻ đã mệt, bà mẹ đành phải bế trẻ, nhưng cô ta cũng rất mệt. Khắp mình đổ mồ hôi, thế là cởi áo khoác ra, vắt lên vai. Đứa trẻ trên tay dường như gặp trở ngại về tâm lý, nó khóc toáng lên, càng ngày càng to. Bà mẹ tìm cách dỗ con, nhưng không có tác dụng. Bà mẹ này còn quá trẻ, cũng do quá mệt nên cảm thấy thật khổ sở. Mọi người đều nhìn thấy tình cảnh này, rất muốn giúp đỡ cô ta. Bà mẹ trẻ chuyển con từ tay này sang tay kia, song đứa trẻ vẫn khóc. Những người cùng đoàn nói với trẻ, thậm chí trách móc trẻ, song đều vô ích.

Bà mẹ của đứa trẻ nghĩ, có lẽ vấn đề ở cách bế trẻ, song thay đổi tư thế bế cũng không có tác dụng, bởi vì trẻ đang "vô cùng bức bối". Một người trong đoàn chúng tôi nói: "Để tôi bế bé xem sao". Anh ta bế đứa

trẻ trong vòng tay rắn chắc của mình, thể hiện rõ sự nghiêm túc. Song đứa trẻ này còn khóc ghê gớm hơn.

Tôi nghĩ: Phản ứng của đứa trẻ này rõ ràng có mối liên quan mật thiết với thời kì trẻ thơ, tôi đẩy tự tin đi lại phía mẹ đứa trẻ, nói với cô ta: "Tôi giúp chị mặc áo khoác được không?". Mẹ đứa trẻ vẫn đang thở hổn hển trong không khí nóng nực, kinh ngạc nhìn tôi, mặc dù không hiểu gì lắm, song cô ta cũng đồng ý, tôi giúp cô ta khoác chiếc áo lên người. Thật kì lạ, đứa trẻ ngoan ngoãn trở lại, không khóc, không quấy nữa. Nó nói: "Mẹ, mặc áo khoác", ý của nó dường như là: "Mẹ ơi, dù thế nào cũng cần mặc áo khoác nhé", hoặc là đã cảm thấy cuối cùng người lớn đã biết tới sự tồn tại của mình, sau đó nó ngoan ngoãn đưa tay về phía mẹ, cười sung sướng. Hóa ra, bà mẹ trẻ này đã có sự thay đổi trên cơ thể, mất đi trật tự vốn có, đã hình thành trở ngại trong trẻ. Nhất định phải mặc áo khoác lên người, không được vắt áo lên vai giống như một miếng vải.

Tôi còn biết và được tận mắt chứng kiến câu chuyện này, nó xảy ra ở một nhà khác. Bà mẹ ngồi nhà này mệt mỏi nằm trên ghế salon, lưng dựa vào hai chiếc đệm được cô bảo mẫu kê sẵn. Nhưng lúc này cô con gái mới 21 tháng tuổi đi lại phía cô ta, đòi cô ta kể chuyện. Người mẹ sao có thể từ chối kể chuyện cho con đây? Dù rất mệt mỏi, song cô cũng lấy hết tinh thần bắt đầu kể chuyện cho con nghe. Bé gái này chăm chú lắng nghe. Song mẹ bé gái quá mệt mỏi, bởi vậy đã không thể kể hết câu chuyện cho cô được, thế là đành phải sai bảo mẫu diu về phòng nghỉ. Lúc này, đứa trẻ đứng bên chiếc ghế salon khóc toáng lên. Mọi người đều hiểu rằng đứa trẻ khóc là do sợ và buồn vì thấy mẹ bị bệnh, đã ra sức dỗ dành bé. Lúc này, bảo mẫu định cầm hai chiếc đệm kê ở ghế salon vào phòng người mẹ. Đột nhiên, đứa trẻ hét toáng lên: "Không được lấy đệm, không được". Dường như bé đang nhấn mạnh: "Dù thế nào cũng không được rời chiếc đệm khỏi vị trí!".

Bảo mẫu nhẹ nhàng đỡ bé, đưa bé tới bên chiếc ghế salon của người mẹ. Mặc dù mẹ bé bị bệnh, vẫn cố gắng tiếp tục kể nốt câu chuyện, cảm thấy như vậy có thể an ủi cô bé phần nào. Bé gái này vẫn khóc, nức nở nói: "Mẹ ơi, mẹ nhìn ghế salon này, nhìn này". Lúc này, bé gái đã hết hứng thú với câu chuyện. Mẹ bé kể chuyện trong một căn phòng khác, tấm đệm kê cũng đã thay đổi vị trí, trong lòng bé trào dâng xung đột đầy kịch tính.

Khát vọng mãnh liệt của trẻ đối với trật tự thể hiện rõ ở những ví dụ trên, giống như vậy, mức độ nhận biết vật từ sớm của trẻ cũng khiến người lớn phải ngạc nhiên. Ngay cả một đứa trẻ 2 tuổi cũng sẽ yêu mến

sự trật tự một cách chủ động. Chúng tôi quan sát thấy, trong cuộc sống hiện thực, có một sự việc vô cùng thú vị trong trường học chúng tôi: Nếu chúng tôi để vật nào đó sai vị trí, đứa trẻ nào nhìn thấy sẽ nhặt lên, để về đúng chỗ quy định. Ngay cả vị trí mà người lớn và trẻ lớn hơn một chút không chú ý tới thì trẻ ở độ tuổi này vẫn sẽ chú ý tới. Ví dụ, nếu có người đặt một miếng xà phòng lên trên giá rửa mặt, nhưng lại không đặt vào hộp xà phòng, hoặc để ghế sai vị trí. Trẻ nhìn thấy, sẽ chạy lại để nó vào đúng vị trí. Để đồ vật bừa bãi lộn xộn, dường như kích thích tinh thần của trẻ, làm trẻ bất an. Một trong những niềm vui thật sự của trẻ chính là sắp xếp đồ vật gọn gàng ngăn nắp. Sau khi chơi và học xong, những đứa trẻ ba, bốn tuổi ở trường chúng tôi sẽ thu dọn đồ dùng, để về đúng chỗ cũ, chúng hoàn thành nhiệm vụ một cách "tự nguyện tự giác".

Trong suy nghĩ của trẻ nhỏ, đồ vật được đặt đúng nơi quy định chính là trật tự. Khi trẻ ý thức được vị trí của một số đồ vật cần đặt đúng vị trí của nó trong môi trường của mình, và nhớ kỹ chúng thì trật tự trong trẻ sẽ nảy sinh. Cũng có nghĩa là, trẻ sẽ thích ứng thành thực với môi trường của mình. Chúng tôi hi vọng có được môi trường như vậy! Ở chỗ chúng tôi, nhắm mắt đi lại vẫn có thể sờ tay lấy được đồ mình cần. Môi trường như vậy không thể thiếu đối với một cuộc sống vui vẻ và bình lặng.

Tình yêu đối với trật tự của trẻ hiển nhiên hơn người lớn. Trẻ sẽ vô cùng đau khổ khi thấy trật tự bị rối loạn, và chúng cho rằng đây là sự tổn hại rất lớn đối với tâm hồn. Dường như tôi nghe thấy trẻ nói: "Không có trật tự, tôi không thể sống, xin hãy quan tâm tới nhu cầu của chúng tôi", thậm chí đối với trẻ vấn đề này có quan hệ tới sự tồn tại hay không tồn tại. Song đối với người lớn, đây chẳng qua chỉ là một vấn đề nhỏ bé liên quan tới "liệu có vui hay không" hoặc "liệu có thoải mái hay không". Trẻ nỗ lực tìm hiểu các bộ phận cấu thành môi trường, và hành động dựa theo nguyên tắc chuẩn xác của mình. Đại tự nhiên vô tri vô tình, thường hành động theo nguyên tắc "trước sau không thay đổi", sinh lão bệnh tử chính là nguyên tắc quan trọng của nó. Đối với trẻ, trật tự giống như động vật bước thong dong trên vùng đất rộng, giống như cá bơi lội tung tăng dưới lòng biển sâu. Trong một môi trường trẻ nhỏ cần thu được nguyên tắc có liên quan, từ đó dần dần phát triển. Đây là điều vô cùng quan trọng.

Trong các hoạt động vui chơi của mình, trẻ nhỏ sớm đã biểu hiện ra lòng yêu mến của mình đối với trật tự. Nhà tâm lý học Thụy Sĩ, giáo sư Pigo đã tiến hành một số thí nghiệm với con của mình dựa theo lý luận của giáo sư Claparede, những thí nghiệm này vô cùng thú vị. Pigo giấu

một số đồ vật phía dưới tấm đệm của một chiếc ghế tay vịn. Trước hết ông cho con ra khỏi phòng, sau đó, lại giấu những vật này dưới tấm đệm của chiếc ghế đối diện. Giáo sư hi vọng rằng, sau khi đưa trẻ trở lại phòng, trước hết trẻ sẽ tìm đồ ở dưới tấm đệm của chiếc ghế đầu tiên, khi không tìm thấy vật, tự khắc sẽ tìm dưới tấm đệm kê của chiếc ghế đối diện. Tuy nhiên, sau khi đứa trẻ tìm không thấy đồ vật ở chiếc ghế đầu tiên thì đã nói: "Không tìm thấy". Trẻ không tiếp tục tìm đồ vật ở nơi khác. Giáo sư Pigo lại tiến hành thí nghiệm lần nữa, để trẻ nhìn thấy ông lúi đúi đồ vật dưới tấm đệm của chiếc ghế đầu tiên rồi để chúng xuống dưới tấm đệm của chiếc ghế khác. Điều khó hiểu là, trẻ vẫn chỉ tìm một lượt giống lần trước, vẫn nói rằng: "Không tìm thấy". Giáo sư Pigo đã hiểu: Con trai ông có chút gì đó ngoan cố, lòng nhẩn nại trong ông sắp hết rồi, ông lật tấm đệm của chiếc ghế thứ hai lên nói: "Bố để đồ ở đây, con không thấy sao?" Đứa trẻ trả lời: "Con thấy rồi", sau đó chỉ vào chiếc ghế đầu tiên nói: "Nhưng nó nên để ở đây".

Đứa trẻ này chẳng muốn tìm một tẹo nào, bởi vì nó cảm thấy, dù có tìm thấy đồ vật này cũng chẳng liên quan gì tới nó. Điều nó quan tâm nhất là đồ vật này phải ở đúng vị trí, ngược lại sẽ cho rằng bố mình không tuân thủ quy tắc trò chơi này. Chỉ là di chuyển một đồ vật tới chỗ khác, sau đó lại để nó về vị trí cũ, trò chơi này lẽ nào chẳng phải quá đơn giản sao? "Giấu đi" mà bố nó nói vốn mang nghĩa này: Giấu đồ vật dưới tấm đệm thì cho rằng là giấu ở nơi không nhìn thấy. Trẻ lại cho rằng, đồ vật này không được để đúng vị trí, trò chơi này chẳng phải quá nhạt nhẽo sao?

Khi tôi bắt đầu chơi trò trốn tìm với một vài đứa trẻ hai, ba tuổi, tôi cũng cảm thấy như vậy. Khi chơi trò chơi này, bọn trẻ thường rất kích động, hưng phấn, đồng thời tràn đầy hi vọng. Trò chơi của chúng được tiến hành như sau: Một đứa trẻ nấp xuống dưới một chiếc bàn có trải khăn trải bàn trước mặt những đứa khác, sau đó, những đứa khác chạy ra khỏi phòng, khi những đứa trẻ này quay lại phòng, lập tức lật tấm khăn trải bàn lên. Lúc này nhìn thấy người bạn của mình ở dưới gầm bàn, chúng reo hò khoái chí. Bọn trẻ cứ thế tiến hành trò chơi này, từng đứa từng đứa đều sẽ nói: "Đến lượt tớ trốn đây", rồi chui xuống dưới gầm bàn. Có một lần, tôi nhìn thấy một đứa trẻ rất nhỏ chơi trò trốn tìm với vài đứa trẻ lớn hơn. Những đứa trẻ lớn hơn biết đứa trẻ nhỏ nấp sau một đồ dùng gia đình, nhưng khi bước vào phòng chúng lại giả vờ như không nhìn thấy. Chúng tìm kiếm khắp mọi nơi trong phòng, chỉ không tìm sau đồ dùng gia đình đó, chúng cho rằng làm vậy sẽ khiến đứa trẻ nhỏ



thích hơn. Nhưng đứa trẻ nhỏ lại kêu lên: "Em ở đây!" và thể hiện rõ sự tức tối "Em ở đây, sao các anh không nhìn thấy?".

Một hôm, tôi đích thân chơi với chúng. Một đám trẻ nhỏ đang vui mừng phấn khởi, chúng vỗ tay, hét toáng lên đầy phấn khích, hóa ra chúng tìm thấy một đứa nấp sau cánh cửa. Chúng ôm lấy tôi, khẩn thiết nói: "Cô chơi với bọn cháu đi cô, cô là người nấp nhé!". Tôi đồng ý với "lời mời" của bọn chúng, chúng chạy hết ra bên ngoài, dường như cảm thấy nhìn ra nơi tôi trốn là điều đáng xấu hổ. Tôi không nấp sau cánh cửa, mà nấp phía sau tủ. Bọn trẻ quay lại, cùng chạy ra sau cánh cửa tìm tôi. Tôi nấp một lát thì phát hiện thấy chúng không tìm mình nữa, vội bước ra khỏi chỗ nấp. Bọn trẻ tỏ rõ sự thất vọng, xen lẫn mơ hồ. Chúng đều trách cứ tôi: "Sao cô không chơi với bọn cháu? Cô làm gì mà không nấp?".

Nếu vui mừng quả thực là mục đích của trò chơi (những đứa trẻ đương nhiên rất vui vẻ chơi với trò chơi), chúng ta buộc phải hiểu rằng một đứa trẻ nhỏ ở độ tuổi nào đó xem việc tìm thấy một số đồ vật ở nơi mà chúng quen thuộc là niềm vui. Chúng cho rằng giấu một số vật nào đó có nghĩa là phải cho không nhìn thấy những đồ vật này. Phát hiện lại những đồ vật này đã mang tới một cảm giác trật tự hòa hợp, dù là nhìn thấy hay không nhìn thấy, đồ vật vẫn nên để vào đúng vị trí của nó. Chúng sẽ nói thế này: "Chắc chắn bạn sẽ không tìm thấy nó, chỉ có tôi biết nó ở đâu, tôi nhắm mắt cũng có thể tìm thấy nó vì tôi biết chính xác nó để ở đâu". Tính miễn cảm đối với trật tự ở trẻ nhỏ là do trời phú, đây là thiên tính được hình thành thông qua cảm giác của bản thân. Cảm giác này không là bản thân vật thể mà là sự khác biệt và nhận thức của mối quan hệ giữa các vật thể. Nếu môi trường xung quanh mà trẻ nghe thấy, ngửi thấy không thể sắp xếp theo trật tự, thì liệu chúng có giá trị tồn tại không? Trẻ cảm thấy điều này giống như một căn phòng chỉ có đồ đạc song lại sắp xếp không ngăn nắp. Nếu con người chỉ biết phân biệt từng vật thể một, lại không hề hiểu rõ mối liên quan giữa chúng, trẻ sẽ thấy một cục diện khó xử khi ở trong trạng thái rối loạn, không thể thoát ra được. Hiển nhiên, bản năng làm việc mà trẻ có là một món quà mà tự nhiên ban tặng, điều này khiến trẻ không những thích ứng với hoàn cảnh, mà còn tìm thấy phương thức sống thích hợp với mình. Giới tự nhiên dạy trẻ bài học đầu tiên trong thời kỳ miễn cảm với trật tự như một giáo viên cung cấp cho trẻ một tấm bản vẽ mặt bằng phòng học của nhà trường, để nhận biết được tấm bản đồ này phải làm tốt công tác chuẩn bị trước đó. Có thể kết luận là: Giới tự nhiên đã chuẩn bị kim chỉ nam cho con người trong bài học đầu tiên, để con người tìm ra phương



hướng trên thế giới, đồng thời, mang lại cho trẻ nhỏ kỹ xảo vận dụng ngôn ngữ chính xác, khả năng ngôn ngữ càng ngày càng phát triển theo độ tuổi. Chỉ khi đặt nền móng trong thời kì mẫn cảm thì diễn biến tâm lý của con người mới được phát triển, (tuyệt đối không phải là phát triển nhảy vọt trong thoáng chốc).

TRẬT TỰ BÊN TRONG

Trẻ nhỏ có hai kiểu cảm giác trật tự: bên ngoài và bên trong. Cảm giác trật tự bên ngoài là trẻ ý thức được mối quan hệ giữa mình và môi trường xung quanh. Cảm giác trật tự bên trong là trẻ ý thức được từng bộ phận của cơ thể mình và vị trí tương ứng giữa chúng, cảm giác loại sau chúng ta gọi là "trật tự bên trong".

Một số nhà nghiên cứu tâm lý thực nghiệm đã tiến hành nghiên cứu lâu dài về "trật tự bên trong". Họ cho rằng kiểu tồn tại này khiến con người có thể ý thức được cơ giác của mỗi bộ phận cơ thể tại những vị trí khác nhau. Giải thích về cơ giác này được tiến hành từ kinh nghiệm hoạt động của ý thức. Ví dụ, nếu chúng ta thò tay ra lấy một đồ vật nào đó, động tác này có thể được cảm nhận thấy, có thể lưu lại trong kí ức chúng ta, hơn nữa còn có thể tái hiện lại. Do con người có kinh nghiệm tự vận dụng, nên chúng ta có thể tùy ý sử dụng hai cánh tay của mình và cử động chúng ở mọi phương hướng khác nhau.

Tuy nhiên, tình hình thực tế có liên quan tới trẻ cho thấy, trẻ đã trải qua thời kì mẫn cảm cao độ liên quan tới các tư thế của cơ thể. Thời kì này trẻ có thể tự do đi lại, chạy tới mọi chỗ và thu được mọi kinh nghiệm. Có nghĩa là trẻ sớm được tự nhiên ban tặng tính mẫn cảm đặc thù có liên quan tới các loại tư thế và vị trí của cơ thể.

Những lý luận này được xây dựng chủ yếu dựa trên nền móng cơ chế hệ thống thần kinh, thời kì mẫn cảm lại có liên quan mật thiết tới hoạt động tâm lý. Sự quan sát nhạy bén và những xúc động về tâm lý đã đặt nền móng cho sự phát triển của hoạt động ý thức. Chúng là cội nguồn để sản sinh ra một số nguyên tắc cơ bản, đồng thời, những nguyên tắc cơ bản này cấu thành điều kiện cơ bản cho sự phát triển của tâm lý. Như vậy, hiển nhiên đã cung cấp điều kiện cho ý thức tiềm ẩn và kinh nghiệm cần thiết cho sự phát triển của tâm lý.

Chúng ta có thể lấy một bằng chứng ngược lại, những trở ngại mà môi trường xung quanh trẻ nhỏ gây ra cho sự phát triển mang tính sáng tạo này, có thể chứng minh sự tồn tại của thời kì mẫn cảm này và tính

mẫn cảm mà nó vốn có. Khi tình trạng này xảy ra, trẻ nhỏ sẽ trở nên vô cùng bức bối, giống như là báo trước một căn bệnh sắp tới. Nếu tình trạng xấu này vẫn tiếp tục duy trì thì có thể gây ra trở ngại cho việc chữa khỏi bệnh.

Một cô bảo mẫu người Anh kể cho tôi nghe một câu chuyện thật thú vị. Vì cô ta có việc phải tạm thời xin nghỉ làm ở một gia đình nọ nên đã tìm được một người bảo mẫu khác thay thế. Người bảo mẫu mới tỏ ý xem nhẹ công việc này, thế là mỗi khi tắm cho đứa trẻ, cô đều gặp phiền toái. Chỉ cần cô vừa dội nước, đứa trẻ đã khóc toáng lên một cách tuyệt vọng, hơn nữa muốn rời xa người bảo mẫu này. Mặc dù đã cố gắng làm hết mọi cách để thỏa mãn đứa trẻ, song đứa trẻ vẫn rất ghét cô ta. Cuối cùng, khi bảo mẫu người Anh quay trở lại, đứa trẻ lại rất ngoan ngoãn chịu tắm. Bảo mẫu người Anh trước đây đã từng học qua một lớp nghiệp vụ ở trường chúng tôi, cô dễ dàng hiểu rõ nguyên nhân dẫn tới hiện tượng trên. Cô có lòng nhẫn nại mong muốn được hiểu rõ ngôn ngữ của những đứa trẻ còn chưa nói sõi ở độ tuổi này. Đứa trẻ này coi người bảo mẫu thứ hai như người xấu. Nguyên nhân của sự việc đó là do cách tắm của người bảo mẫu mới khác với cách tắm của người bảo mẫu cũ. Người bảo mẫu đầu tiên gọi đầu cho trẻ bằng tay phải, rửa chân trẻ bằng tay trái. Còn động tác của người bảo mẫu thứ hai hoàn toàn ngược lại.

Tôi nhớ lại một câu chuyện có tình tiết nghiêm trọng hơn thế, nó giống như dự báo trước một căn bệnh vô phương cứu chữa. Tôi ngẫu nhiên tham gia, không trực tiếp giống như một bác sĩ, song tôi tận mắt chứng kiến sự việc xảy ra. Nhân vật chính ở đây là một đứa trẻ chưa tới tuổi rưỡi. Nó cùng người nhà vừa trải qua một chuyến du lịch dài ngày, mọi người đều cho rằng đứa trẻ còn quá nhỏ nên sẽ không thể chịu đựng được sự mệt mỏi của chuyến hành trình. Tuy nhiên, trên đường đi, mẹ đứa trẻ phát hiện thấy không xảy ra sự việc nào ngoài sự cố, chuyến đi tương đối thuận lợi. Tối nào họ cũng ngủ trong khách sạn cao cấp, có một chiếc giường cho trẻ nhỏ có bao bọc chung quanh, và thực phẩm tươi ngon cho trẻ. Sau khi về tới nhà, họ sống trong một căn phòng rất rộng, đồ đạc đơn giản. Không còn giường dành riêng cho trẻ nữa, đứa trẻ nằm ngủ chung với mẹ ở chiếc giường to. Từ lúc đó, đứa trẻ bắt đầu sinh bệnh, triệu chứng đầu tiên là mất ngủ và buồn nôn vào buổi tối, người mẹ buộc phải ôm trẻ vào lòng dỗ dành. Dường như trẻ khóc vì đau dạ dày. Người nhà mời bác sĩ tới khám bệnh cho trẻ, họ mua rất nhiều đồ ăn ngon, cho trẻ tắm nắng, đi bộ,... Song mọi biện pháp đều không có tác dụng, kết quả vẫn là cả nhà lo lắng mất ngủ suốt đêm. Đứa trẻ này tỉnh dậy rồi, vẫn co giật một cách đáng thương, còn lăn lộn khắp giường. Tình trạng

này xảy ra hai, ba lần trong một ngày. Đứa trẻ còn rất nhỏ, đương nhiên không thể nói rõ nỗi muộn phiền của mình, bởi vậy mọi người cần hiểu rõ nỗi muộn phiền khó giải quyết lớn nhất của trẻ. Thế là họ mời một bác sĩ tâm thần nổi tiếng chuyên chữa bệnh cho trẻ nhỏ tới khám và điều trị giúp. Lúc này vừa hay tôi cũng tới tham dự. Đứa trẻ ấy xem ra không có vấn đề gì, bố mẹ đứa trẻ đều nói rằng nó rất khỏe sau chuyến đi dài ngày. Vì sao trở về nhà lại sinh bệnh? Hiển nhiên, sự thay đổi của trẻ có thể là kết quả của mất cân bằng tinh thần. Tôi nhìn thấy nỗi mệt mỏi và đau đớn mà đứa trẻ phải chịu khi nằm trên giường. Lúc đó, bỗng trong tôi có một linh cảm. Tôi lấy hai chiếc gối dựng vuông góc với nhau giống như xếp "lan can" bảo vệ ở giường dành riêng cho trẻ, sau đó trải khăn trải giường và đệm, rồi nhẹ nhàng đặt "chiếc giường tạm thời" này ở sát góc giường. Đứa trẻ nhìn thấy, lập tức ngừng khóc, lăn lại bên mép giường và ngủ ngon lành ở trong "chiếc giường tạm thời" đó. Có thể thấy, bệnh của trẻ không còn phát tác nữa. Đứa trẻ này không hài lòng với việc người lớn chuyển nó ra khỏi chiếc giường quen thuộc, để cho nó nằm vào một chiếc giường không có "lan can bảo vệ", nó đã phản kháng lại mọi người bằng biện pháp riêng của mình.

Đứa trẻ này ngủ trên giường rộng rõ ràng mất đi cảm giác an toàn mà nó cảm nhận thấy khi nằm trên giường có "lan can bảo vệ". Mất đi cảm giác này dẫn tới sự rối loạn trật tự và những xung đột đau khổ trong lòng trẻ, điều này về mặt y học xem ra không thể chữa trị. Ví dụ này đã nói rõ sức mạnh tinh thần của thời kì mãn cảm, trong thời kì mãn cảm, trẻ có sức sáng tạo tự nhiên.

Cảm giác trật tự của trẻ lại khác với chúng ta. Kinh nghiệm khiến chúng ta ngu muội dần dần. Song, trẻ đang ở trong giai đoạn thiếu những thu nạp ấn tượng cảm tri, lại cảm thấy nỗi vất vả của sáng tạo. Trong lòng trẻ, chúng ta giống như người kế tục của trẻ, song chúng ta lại giống như người con dựa vào người cha phát tài từ lao động vất vả mà không chú ý một chút nào tới nỗi vất vả lao động của người cha. Địa vị xã hội và tất cả những thứ chúng ta đã có đều khiến chúng ta hồ hững và chậm trễ. Ý thức được những điều này, chúng ta có thể vận dụng đầy đủ gợi ý mà trẻ đã cho chúng ta. Ưu thế của trẻ là ý chí liên tục được tôi luyện, cơ bắp ngày một phát triển. Hiện nay, chúng ta có thể thích ứng với thế giới này, bởi đã có sự thích ứng và phát triển, tính mãn cảm được bồi dưỡng trong thời kì trẻ nhỏ. Cuộc sống của chúng ta sẽ phong phú đa dạng. khiến chúng ta là người kế tục của trẻ. Mỗi đầu trẻ "chẳng có gì", song chính trẻ đã khiến chúng ta có thể tạo ra cuộc sống tương lai. Từ

không tới có, tới tương lai phong phú hấp dẫn, trẻ đã nỗ lực vô cùng. Trẻ đang tiếp cận cội nguồn sinh mệnh và hành động một cách mạnh dạn, đáng tiếc là chúng ta thường không cảm nhận thấy phương thức sáng tạo của trẻ, hơn nữa không thể nắm bắt kịp.

BÍ MẬT CỦA TÂM HỒN

Nếu muốn hiểu hơn nữa về bí mật tâm hồn và trí tuệ, chúng ta nên nghiên cứu thêm hoạt động của thai nhi trước khi sinh ra. Gần đây nghiên cứu về sinh vật học là một xu thế mới, trước đây chúng ta nghiên cứu động vật hoặc thực vật, lấy mẫu đại bộ phận xuất phát từ cá thể trưởng thành, nghiên cứu khoa học xã hội đối với nhân loại cũng như vậy. Ngày nay, các nhà khoa học đã làm ngược lại, tiến hành lấy mẫu nghiên cứu trẻ nhỏ hoặc sinh mệnh mới hình thành. Do vậy, phôi thai học bắt đầu được coi trọng, nó bảo với chúng ta trứng thụ tinh là sản vật kết hợp giữa tế bào của hai người lớn. Sinh mệnh của trẻ nhỏ bắt nguồn từ người lớn, cũng kết thúc ở người lớn, đây chính là hành trình của sinh mệnh.

Tạo hóa đã ban cho trẻ quyền được yêu thương chăm sóc, trẻ tới với thế giới này trong không khí yêu thương. Trẻ là kết tinh của tình yêu giữa bố và mẹ chúng, sau khi sinh, chúng được bố mẹ yêu thương che chở. Tình yêu này không phải nhân tạo, cũng không xuất phát từ suy nghĩ lý tính, mà là một kiểu tình cảm hiển nhiên, nó không giống với tình yêu của các nhà từ thiện, giáo sĩ truyền đạo hoặc nhà hoạt động xã hội. Trẻ cần được sống và lớn lên trong tình yêu thương. Đó mới là mức độ lý tưởng của tình yêu nhân loại, một cố gắng vô tư, không hối hận. Những hi sinh mà bố mẹ dành cho trẻ đều xuất phát từ thiên tính của họ, hi sinh càng nhiều thì họ càng vui. Thực tế, những điều ông bố bà mẹ này bỏ ra lại chính là một kiểu thu hoạch, theo bản tính sinh mệnh. Quan hệ qua lại kiểu này của sinh mệnh cao thượng hơn rất nhiều so với quan hệ cạnh tranh của "thích ứng thì sinh tồn". Đây là một kiểu bản năng đặc thù. Do vậy, khi giải thích nguyên nhân duy trì nòi giống, Fabre nhà sinh vật học người Pháp đã chỉ rõ: Đây không chỉ do năng lực tự vệ trời phú của chúng, mà là do chúng có một kiểu bản năng thương yêu con cái của người mẹ vĩ đại, động vật bậc thấp khi bảo vệ những đứa con non nớt của mình cũng đã chứng minh rõ điểm này bằng trí tuệ của chúng.

Trong thế kỉ 19, các nhà khoa học từng cho rằng mỗi tế bào phôi thai của con người đều đã có sẵn hình dạng con người và cứ thế dần dần lớn lên. Thậm chí, họ còn có những tranh cãi kịch liệt xung quanh chuyện "người mini" là nam hay nữ. Cho tới khi phát minh ra kính hiển vi, các chuyên gia có thể nghiên cứu sâu hơn nữa về lĩnh vực này. Cuối cùng, họ đành phải tiếp nhận sự thực không mấy vui vẻ: Trong phôi thai chưa tồn tại hình dạng của con người bẩm sinh, mà là do trứng thụ tinh liên tục phát triển, một phân thành hai, hai phân thành bốn, rồi mới hình thành phôi thai người. Nghiên cứu của phôi thai học đã đưa ra kết luận: Giống như muốn xây dựng một căn nhà thì trước hết cần tích lũy nhiều gạch, khi quá trình phân bào tới con số nhất định thì đã xây được ba bức tường rồi, cuối cùng bắt đầu xây dựng cơ quan bên trong tường.

Cách thức xây dựng cơ quan này vô cùng đặc biệt. Nó bắt đầu từ một tế bào. Sau đó tế bào này tiến hành phân chia một cách mãnh liệt, nhanh chóng. Khi hoạt động mãnh liệt này ngừng lại, các cơ quan trong cơ thể đã được sinh ra. Các nhà khoa học giải thích sự xuất hiện của hiện tượng này như sau: Mỗi một tế bào vốn phát triển độc lập, dường như chúng đều có mục đích riêng của mình. Khi chúng hoạt động mật thiết, sẽ vây quanh một trung tâm, tỏ rõ sự đoàn kết cao độ. Chúng liên tục biến đổi, ngày một khác biệt với các tế bào xung quanh khác và dần dần xuất hiện hình dạng của các cơ quan. Khi các cơ quan khác nhau lần lượt hình thành, sẽ xuất hiện một kiểu sức mạnh khiến chúng hấp dẫn và kết hợp với nhau một cách mật thiết, chúng tồn tại dựa vào nhau, không thể thiếu bất cứ cái nào. Thời khắc này chính là lúc thai nhi được sinh ra. Trước hết, hệ thống tuần hoàn liên hệ tất cả các cơ quan trong cơ thể, sau đó hệ thống thần kinh sẽ hoàn thiện các mối liên kết. Quá trình hình thành ở đây đều xuất phát từ một điểm cơ bản. Từ điểm cơ bản này hoàn thành công việc sáng tạo của từng cơ quan. Khi các cơ quan vừa hình thành, tất nhiên chúng kết hợp mật thiết với nhau, tạo ra một sinh mệnh độc lập. Mọi động vật bậc cao đều tuân thủ nguyên tắc này, trong tự nhiên cũng chỉ có một kiểu quy tắc hình thành trên đây.

Tâm hồn con người dường như cũng phát triển theo con đường như vậy, nó bắt đầu từ "không có gì", trong lòng trẻ mới sinh cũng chính là tầng tâm lý của nó. Sau đó, tâm hồn phát triển quanh một điểm cơ bản, trước đó, cơ thể trẻ mới sinh cũng liên tục tìm kiếm tư liệu, thông qua hấp thu trí tuệ. Khi những tư liệu này tích tụ tới một mức độ nhất định thì sẽ xuất hiện ra rất nhiều điểm cơ bản, với một mức độ mãnh liệt, sự

xuất hiện chức năng ngôn ngữ là một ví dụ. Điểm cơ bản thu được không phải là sự phát triển tâm hồn mà là cơ quan cần thiết cho hoạt động tâm hồn. Cũng như vậy, mỗi cơ quan tâm hồn đều phát triển độc lập. Ví dụ, động tác của tứ chi, phương hướng nhận biết và các chức năng vận động nhịp nhàng khác đều như vậy, chúng đều phát triển quanh một điểm thú vị, hấp dẫn trẻ vào một hoạt động nào đó. Khi mọi cơ quan đã đầy đủ, chúng sẽ kết hợp lại thành bộ phận cấu thành linh hồn.

Nếu chúng ta không hiểu quá trình này và tuân tự các bước diễn biến của nó, chúng ta sẽ không hiểu tâm hồn trẻ được xây dựng như thế nào. Có người tranh luận rằng, trước đây, con người không hiểu những điều này, vẫn nuôi dưỡng ra thế hệ sau mạnh khỏe. Song, tôi muốn nhắc nhở mọi người rằng, thời đại mà chúng ta đang sống đã ức chế, thậm chí làm mất hẳn bản năng mà tự nhiên trao tặng cho người mẹ. Những người làm mẹ trước đây có thể dựa vào bản năng giúp trẻ phát triển trong thời kỳ sơ sinh và trẻ nhỏ, (đi đâu cũng mang con đi theo, lúc nào cũng tạo môi trường cần thiết cho sự phát triển của trẻ, đồng thời chăm sóc bảo vệ trẻ bằng tình yêu thương của người mẹ). Bởi vậy, nghiên cứu bản năng thương yêu con cái của người mẹ và nghiên cứu sự phát triển tự nhiên của trẻ đều quan trọng như nhau, vì chúng có sự bổ trợ cho nhau.

Chúng ta cần đưa tình yêu của người mẹ trở về với tự nhiên, nên giúp đỡ những bà mẹ thời nay khôi phục lại bản năng đã mai một của họ. Chúng ta còn cần dạy các bà mẹ hiểu kiến thức này, để khi đứa con vừa chào đời, họ sẽ chăm sóc con bằng tình yêu thương vô bờ bến, mà không giao con cho hộ lý chăm sóc, (dù cho những người hộ lý này có chăm sóc cực kì tốt, nhưng đó chỉ là những thỏa mãn sinh lý bề ngoài của trẻ). Thực tế, những đứa trẻ được hộ lý chăm sóc đều thiếu thốn về tình cảm.

Ở một thành phố của Hà Lan từng xảy ra câu chuyện đáng sợ thế này. Một tổ chức nọ hướng dẫn các bà mẹ có thu nhập thấp cách chăm sóc và bảo vệ con, họ còn nuôi dạy một số đứa trẻ mồ côi, bố trí chỗ ăn ở cho chúng rất hợp lý. (Ở đó có thức ăn giàu dinh dưỡng và cử những hộ lý được đào tạo theo quan niệm mới nhất chăm sóc những đứa trẻ này). Song không lâu sau, bệnh dịch lan truyền rộng, đã khiến rất nhiều trẻ ở đây bị thiệt mạng, trong khi những đứa trẻ con những ông bố bà mẹ thu nhập thấp lại không mắc bệnh, hơn nữa còn mạnh khỏe hơn những đứa trẻ được chăm sóc tốt. May mắn là, bác sĩ của tổ chức này hiểu được rằng chúng thiếu một điều kiện nào đó, và bổ sung kịp thời. Các hộ lý cũng bắt đầu học cách đối xử với trẻ giống như người mẹ đối đãi với con,

thường xuyên ôm ấp trẻ, hôn trẻ, chơi đùa với trẻ. Điều này đều xuất phát từ tình yêu thương tận đáy lòng của những bà mẹ hộ lý, đồng thời, kết hợp với cách giáo dục có khoa học. Cuối cùng những đứa trẻ này khôi phục lại sức khỏe và luôn vui vẻ.

PHÔI THAI CỦA TINH THẦN

Sau khi trẻ sinh ra, trước hết cần trải qua một quá trình phát triển tinh thần. Điều này hoàn toàn khác với quá trình hình thành chúng trong phôi thai, đương nhiên cũng không giống với cuộc sống phải trải qua sau này. Chúng ta gọi những đứa trẻ mới sinh này là "phôi thai tinh thần", bởi vì, sự chào đời của chúng chỉ ở mặt cơ thể, mà mặt tinh thần còn đang ở vào "thời kì hình thành".

Xét từ một ý nghĩa nào đó, con người cần trải qua hai thời kì phôi thai: Một là trước khi sinh (điều này giống với mọi động vật) và hai là sau khi sinh, cũng chính là thời kì "phôi thai tinh thần" vừa nói ở trên, kiểu năng lực này là năng lực đặc biệt của loài người, các sinh mệnh khác đều không có kiểu năng lực này.

Sở dĩ có thể phân biệt loài người với các loài sinh vật khác là do mỗi loài đều có sự khác biệt riêng. Bất kì một loài vật nào cũng có các đặc trưng riêng của nó. Mỗi loài sẽ kế tục những đặc trưng cơ bản ấy của đồng loại, đồng thời cũng sẽ xuất hiện những đặc trưng mà loài cũ không có. Như vậy, cùng với sự xuất hiện của một loài mới, thế giới sinh vật sẽ phát triển thêm một bước.

Chính vì vậy, khi loài chim và động vật có vú vừa xuất hiện, thế giới động vật đã có những biến đổi lớn. Bởi vì, loài chim và động vật có vú không chỉ kế tục nét đặc trưng di truyền của loài cũ, mà cơ thể nó còn xuất hiện những đặc trưng hoàn toàn mới. Sau khi khủng long tuyệt chủng, loài chim lập tức xuất hiện, chúng đã mang lại một số kỹ năng sinh tồn mới (như biết bảo vệ trứng của mình, chúng học cách xây tổ để bảo vệ những đứa con non nớt). Khủng long không có những kỹ năng này, loài bò sát lớn thường tùy ý vứt bỏ trứng của mình.

Động vật có vú phát triển từ loài chim, một trong những biểu hiện của quá trình tiến hóa này chính là tăng cường bảo vệ con hơn nữa. Động vật có vú không giống như chim đẻ trứng rồi ấp, mà nuôi con trong bụng bằng máu của mình. Loài người là kết quả của sự tiến hóa liên tục của động vật có vú, hơn nữa còn thúc đẩy mạnh mẽ những đặc trưng

sinh vật mới này. Đây chính là hai thời kì phôi thai mà trẻ sơ sinh của loài người có, trong khi mọi sinh vật khác đều không có.

Chúng ta nên nghiên cứu về đặc trưng mới này của loài người, tìm kiếm khởi điểm mới trong nghiên cứu tâm lý loài người và sự phát triển của trẻ. Nếu nói hoạt động của loài người dựa vào tinh thần và trí tuệ, vậy thì sức mạnh tinh thần và trí tuệ mang tính sáng tạo này là điểm tựa của sự tồn tại nhân loại. Hành vi và các hoạt động khác đều lấy đó làm nền tảng, sự phát triển của nhân loại cũng lấy tinh thần này làm tiền đề.

Theo quan điểm của triết học Ấn Độ, trạng thái tinh thần của con người có thể ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của con người, bệnh về tâm lý và tinh thần mệt mỏi đều gây trở ngại cho sinh lý, quan điểm này ngày nay vẫn được thế giới phương Tây công nhận. Nếu phát hiện của triết học Ấn Độ là chính xác, nếu tinh thần có ảnh hưởng to lớn đến vậy đối với con người, nếu hành vi của nhân loại bị khống chế bởi tinh thần, vậy thì chúng ta không nên coi nhẹ thế giới tinh thần của trẻ mới sinh, không nên chỉ chăm sóc cơ thể trẻ giống như trước đây.

Trẻ không chỉ có năng lực học tập giống người lớn, mà còn có thể tạo dựng bản thân dựa vào môi trường xung quanh, vì chúng có một kiểu tâm lý đặc biệt, điều này hoàn toàn khác với kiểu tâm lý của người lớn. Do nguyên nhân này, quan hệ giữa trẻ sơ sinh và môi trường xung quanh cũng khác với người lớn. Đối với người lớn, môi trường là đối tượng khách quan bên ngoài cơ thể, cần tăng cường quan sát và suy xét. Trẻ nhỏ lại khác, chúng không biết cái gì là môi trường bên ngoài, chúng không chỉ ghi nhớ sự vật xung quanh, mà còn tiếp thu mọi điều, và biến chúng trở thành một phần trong trí nhớ. Người lớn có thể ý thức được thế giới bên ngoài, nhưng lại rất ít cảm nhận được mối quan hệ giữa nó với mình. Nhưng với trẻ hoàn toàn khác, chúng dựa vào cảm xúc với môi trường xung quanh để hoàn thiện việc tạo dựng bản thân, biến mọi cảm tri đối với sự vật thành một phần cá tính của mình. Trí nhớ của trẻ sơ sinh đối với môi trường là vô ý thức, là một kiểu năng lực tiếp thu. Paci Nunn đã gọi loại hình trí nhớ này là "chất cơ bản mang tính trí nhớ".

Ví dụ tốt nhất chứng minh cho kiểu trí nhớ đặc biệt này chính là việc học ngôn ngữ của trẻ. Trẻ học nói không chỉ "nhớ kỹ" cách phát âm, mà bản thân còn hình thành năng lực phát âm, và nhanh chóng vận dụng thành thạo ngôn ngữ. Người lớn muốn học giỏi môn ngoại ngữ cần trải qua quá trình học tập vất vả, nhưng khi trẻ vừa bắt đầu biết nói thì đã hoàn toàn tuân thủ nguyên tắc ngôn ngữ và phương pháp sử dụng

riêng. Chúng không tiến hành nghiên cứu và ghi nhớ ngôn ngữ giống như người lớn. Chúng không nghĩ rằng cần học ngôn ngữ, song lại nắm vững thành thạo ngôn ngữ và khiến ngôn ngữ trở thành một phần cơ thể. Hiển nhiên, cách học ngôn ngữ của trẻ khác với trí nhớ thông thường. Phương pháp này là bộ phận quan trọng của tư duy trẻ nhỏ.

Trẻ có một kiểu miễn cảm riêng với môi trường xung quanh, năng lực cảm nhận này khiến trẻ có thể quan sát và tiếp thu sự vật, đồng thời thích ứng dần với môi trường xung quanh. Quá trình học tập đặc biệt này của trẻ được hình thành một cách vô ý thức.

Chúng ta nói, giai đoạn đầu tiên của sinh mệnh là một quá trình thích ứng và nhất thiết cần nắm vững hàm ý của từ "thích ứng", vì điều này rất khác biệt với hành vi thích ứng của người lớn. Kiểu năng lực thích ứng đặc thù đã biến nơi trẻ chào đời thành quê hương vĩnh viễn của trẻ. Điều này giống như việc nắm vững ngôn ngữ của trẻ sơ sinh (vì ngôn ngữ duy nhất mà con người có thể nói lưu loát là tiếng mẹ đẻ). Nếu một người lớn tới sống ở đất nước khác, anh ta sẽ không bao giờ vứt bỏ được cảm giác xa lạ, chỉ ít cũng không thể thích ứng với một thế giới mới giống như trẻ sơ sinh. Giáo sĩ chính là ví dụ tốt nhất, họ ôm ấp nhiệt tình, tới những vùng đất xa xôi để truyền giáo, nếu bạn gặp họ, nhất định họ sẽ đáp lại lời hỏi thăm của bạn thế này: "Chúng tôi chỉ là những vị khách tha hương đơn độc!", điều này nói rõ khả năng thích ứng của con người chỉ có hạn.

Trẻ nhỏ không như vậy, mặc dù chúng chào đời ở một nơi hoàn toàn xa lạ, song vẫn có thể tạo dựng mối quan hệ mật thiết với nơi đây, dù cuộc sống có bao gian nan, dù sinh ra ở đồng bằng lạnh giá tại Phần Lan hay bãi biển Hà Lan, thì chúng vẫn sẽ tìm thấy niềm vui khôn cùng từ đó.

Tình yêu sâu sắc với quê hương này được hình thành ngay từ nhỏ. Đương nhiên, người lớn cũng có tình cảm giống như vậy đối với quê hương, quá trình trưởng thành của anh ta khiến anh ta thuộc về mảnh đất này, anh ta chỉ có thể yêu nó, ngoài điều này ra, anh ta không thể tìm thấy niềm vui nào giống như thế.

Trước thế kỷ 19, đa số nông dân người Ý không đi xa khỏi nhà. Sau khi nước Ý thống nhất, một bộ phận nông dân rời khỏi quê hương, tới nơi khác kiếm ăn. Những người này tìm được công việc bên ngoài, lập gia đình và định cư ở đó. Tuy nhiên lúc về già họ đều mắc một căn bệnh kỳ lạ, triệu chứng của bệnh là mặt trắng bệch, ức chế, suy nhược, thiếu máu, mọi phương pháp chữa trị đều không mang lại hiệu quả, bác sĩ



đàn ông phải khuyên họ trở về quê hương, hít thở không khí trong lành. Thật không ngờ, sau một thời gian trở về quê hương, đa số họ đều phục hồi sức khỏe. Bởi vậy, họ đều nói rằng, phương pháp chữa trị tốt nhất là không khí quê hương, dù khí hậu quê hương không được như ý. Tuy nhiên, các nhà tâm lý học lại cho rằng, điều thực sự mang lại hiệu quả chữa trị cho những người này là một tâm hồn hài hòa, vui vẻ, được bắt nguồn từ việc tiếp nhận vùng đất chào đời trong tiềm thức từ thời kỳ trẻ nhỏ của họ.

Đối với những người nghiên cứu giáo dục tâm lý trẻ nhỏ, năng lực tiếp nhận của tiềm thức này vô cùng quan trọng. Năng lực tâm lý kiểu này là cơ sở cho sự trưởng thành của con người. Con người đã thích ứng với khí hậu và hoàn cảnh xã hội trong quá trình này. Do vậy, nghiên cứu liên quan tới giáo dục trẻ nhỏ đều lấy đó làm nền tảng.

Từ chỗ phát hiện ra năng lực tâm lý đặc thù này, con người đã hiểu được quá trình học tập của trẻ sơ sinh đối với bản thân sự vật. Sự thích ứng của con người đối với môi trường sống, tập tục văn hóa cũng hình thành trong thời kỳ trẻ nhỏ. Sự phát triển hành vi của trẻ nhỏ không những thích ứng với yêu cầu về thời gian nơi chốn mà còn thích ứng với phong tục tập quán của nơi đó, và cuối cùng, đứa trẻ sơ sinh này trở thành một người "dân chính cống" của vùng đất đó.

Trong số các dân tộc trên thế giới, Ấn Độ là dân tộc vô cùng tôn trọng sinh mệnh. Do tôn trọng sinh mệnh, nên họ sùng bái cả động vật. Tình yêu say đắm đối với sinh mệnh này khó được tạo dựng từ cơ thể con người trưởng thành. Dù chúng ta thường nói "cần tôn trọng sinh mệnh", song câu nói này lại không thể giống như người Ấn Độ sùng bái động vật. Một người châu Âu có thể nghĩ, người Ấn Độ đã đúng, loài người nên tôn trọng động vật, bởi vì chúng có linh tính giống loài người. Song đây chỉ là một suy lí, khó mà khơi dậy tình cảm thật sự trong lòng anh ta. Ví dụ, người châu Âu không bao giờ có được tình cảm tôn kính đối với con trâu như người Ấn Độ. Dù họ cảm thấy điều đó là khó hiểu, song dù thế nào, người Ấn Độ cũng không thể thay đổi tình cảm của mình đối với động vật, bởi vì kiểu tình cảm này đã sớm bén rễ sâu trong tâm hồn họ. Khi tôi dạy học ở Trường Montessori, một hôm trong vườn hoa nhỏ cạnh trường, tôi bắt gặp một bé trai người Ấn Độ khoảng 2 tuổi, đang ngồi xổm dưới đất và vạch ngón tay trên đất. Tôi bước lại gần để nhìn cho rõ, thì ra cậu đang giúp một con kiến thiếu mất 2 chân, cậu lấy ngón tay vạch một đường trước mặt con kiến để giúp nó bò lên. Tôi tin rằng, mọi người đều sẽ cho rằng, sở dĩ bé trai này yêu thích động vật

như vậy là do di truyền. Nhìn từ góc độ văn hóa, tình cảm này có xuất phát từ gen di truyền, song nói từ sự phát triển cá thể, kiểu đặc trưng tâm lý này lại không phải do di truyền, mà là kết quả học tập trong môi trường thời kì trẻ sơ sinh.

Đối xử thế nào với một con kiến bị thương, trẻ nhỏ mỗi quốc gia sẽ có thái độ cư xử khác nhau. Có trẻ sẽ giẫm chết con kiến, có trẻ sẽ lờ đi không thèm để ý, đa số người thấu hiểu những hành động này, bởi vì trẻ không có tình cảm với động vật, cho rằng động vật không thể giống như người.

Trên thế giới có rất nhiều tôn giáo, những người ở các nơi khác nhau thường tôn sùng tín ngưỡng riêng của mình. Dù như vậy, song bất luận xuất phát từ lí do và nhu cầu thực tế gì, chỉ cần những truyền thống này bị phê phán đều sẽ dẫn tới sự bất mãn cực độ của con người. Đó là vì, những tình cảm và tín ngưỡng này sớm đã hình thành và trở thành một phần trong cuộc sống của họ. Như người châu Âu thường nói: "Nó chảy trong máu của chúng ta". Cá tính của một người xuất phát từ quy tắc xã hội và thói quen đạo đức, những nhân tố này đã bồi dưỡng nên tình cảm riêng của con người. Chính vì vậy, mới có người Ấn Độ, người Ý, người Anh, người Pháp, người Trung Quốc điển hình. Tình cảm kiểu này đã hình thành thế nào? Nó tới từ một sức mạnh tinh thần thần bí trong thời kì trẻ sơ sinh, cũng chính là thứ mà các nhà tâm lý học cho là "chất cơ bản mang tính trí nhớ".

Những thứ mà trẻ sơ sinh tiếp thu được từ môi trường sẽ trở thành một phần cá tính của chúng. Do vậy, những thứ này mãi mãi tồn tại trong não chúng, (dù có một số thứ không được sử dụng trong cuộc sống sau này, song vẫn lưu lại trong tiềm thức của trẻ). "Chất cơ bản mang tính trí nhớ" (chúng ta có thể nói nó là một thứ siêu nhớ) không chỉ tạo ra cá tính, mà còn duy trì sức sống của những đặc tính này. Những thứ hình thành trong thời kỳ trẻ sơ sinh không thể hoàn toàn vứt bỏ, chúng sẽ trở thành một phần cá tính của trẻ.

Ý nghĩa của "Chất cơ bản mang tính trí nhớ" đối với sự phát triển của loài người biểu hiện ra ngoài trên các mặt động tác, thần thái, tư thế đi đứng của con người. Cơ thể, ngôn ngữ, xu thế tinh thần của mỗi dân tộc mỗi khác. Ví dụ, người sống ở các bộ lạc châu Phi đa phần đều có khuynh hướng tâm lý đặc thù đối phó với thú dữ. Có những bộ lạc chuyên tôi luyện thánh giác, vì vậy mọi thành viên của bộ lạc này đều có thánh giác nhạy bén khác thường.

Nói về thân thể con người và hoạt động của các cơ quan, những thứ học được từ thời kỳ trẻ nhỏ sẽ lưu lại vết tích không bao giờ phai trên cơ thể con người. Bởi vậy, chúng ta thường nói, tìm cách thay đổi một người trưởng thành là uổng công vô ích. Khi chúng ta nói "người này thiếu sự nuôi dưỡng" hoặc chỉ trích một ai đó quá bệ rạc với mục đích muốn người này nhận ra khuyết điểm, dù sẽ làm tổn thương hoặc khiến anh ta cảm thấy bị xỉ nhục. Tuy nhiên người này sẽ không thật sự sửa chữa khuyết điểm của mình, bởi vì những khuyết điểm này đã ăn sâu vào đặc trưng cá tính của anh ta.

Với phương pháp như vậy, chúng ta có thể lý giải dễ dàng mối quan hệ của con người với thời đại. Người hiện đại khó mà công nhận suy nghĩ của người cổ đại, người cổ đại cũng không thể hiểu cuộc sống của người hiện đại. Trẻ sơ sinh vừa chào đời sẽ nhanh chóng thích ứng với văn minh thời đại (dù mức độ văn minh cao hay thấp). Điều này nói rõ tính thích ứng là nguyên nhân thực sự dẫn tới sự phát triển cá thể nhân loại, cá thể nỗ lực xây dựng cho mình một kiểu mẫu hành vi để hòa nhập vào thế giới.

Cùng với những hiểu biết về trí lực trẻ nhỏ, ngày nay cần xem trẻ là mắt xích liên hệ với thời đại khác nhau và văn minh khác nhau. Vì thời kỳ trẻ sơ sinh quan trọng như vậy, nên nếu chúng ta muốn tiếp thu tư tưởng mới, truyền đi bố đốc văn minh, cải thiện thói quen sống của con người hoặc muốn có sức sống mới trong cuộc sống xã hội thì cần bắt đầu từ thời kỳ trẻ nhỏ. Thế kỷ trước, khi người Anh sắp kết thúc sự thống trị đối với người Ấn Độ, một quan chức Anh thường cho bảo mẫu đưa con tới cửa hàng ăn của người Ấn Độ để ăn bốc, vì muốn trẻ sống trong môi trường không có sự khinh miệt chủng tộc. Đương nhiên, cách ăn cơm đặc trưng này của người Ấn Độ đã thu hút người châu Âu. Không may là, sự khác biệt trong cuộc sống thường ngày giữa các dân tộc khác nhau thường mang lại tâm tư thù địch, từ đó trở thành gốc rễ gây nên xích mích. Cách làm của quan chức người Anh đó đã mang tới chúng ta một gợi ý, nếu muốn khôi phục truyền thống cũ, chúng ta chỉ có thể dựa vào trẻ nhỏ.

Con người đã có thể cải tiến xã hội thông qua ảnh hưởng đối với trẻ nhỏ, vậy thì chúng ta không nên coi nhẹ vai trò quan trọng của nhà trẻ. Sự cải tạo xã hội loài người có thể bắt đầu từ những thành viên nhỏ bé này, do đó người lớn chúng ta nên tạo ra môi trường phát triển thích hợp cho chúng.

Sự phát triển cá tính của trẻ nhỏ được tiến hành thông qua việc tiếp nhận môi trường. Cho nên giáo dục trẻ nhỏ cần lấy môi trường làm vật dẫn. Trẻ vừa là mắt xích giữa người thế hệ trước với người thế hệ sau, vừa có thể trở thành người sáng tạo, chúng mang lại hi vọng vô cùng lớn lao cho nhân loại, cũng mang lại quan niệm sống hoàn toàn mới. Nếu muốn phát triển nhân tính tới mức cao hơn, những người làm công tác giáo dục trẻ như chúng ta cần làm rất nhiều việc. Vì, giáo dục trẻ cần xây dựng trên nền tảng: Từ lúc sinh ra, cần đối đãi với trẻ như một sinh mệnh có năng lực tâm lý đặc biệt, chứ không chỉ với một đứa trẻ cần người lớn chăm sóc. Kì thực, hiện nay hoạt động tâm lý của trẻ mới sinh cũng đã được quan tâm chú ý, hơn nữa rất có thể trở thành môn khoa học mới. Ngày nay, rất nhiều bệnh viện đã có khoa nhi, chuyên chữa bệnh cho trẻ nhỏ, đây chính là một minh chứng. Trẻ mới sinh đã có hoạt động tâm lý, nghĩa là hoạt động tâm lý này đã bắt đầu từ trước khi trẻ chào đời. Thực tế, nghiên cứu khoa học đã chứng thực, hoạt động tâm lý của trẻ bắt đầu từ thời kì phôi thai. Mọi người đều biết, thai nhi bảy tháng khi tách khỏi cơ thể mẹ vẫn có thể sống mạnh khỏe, điều này cho thấy thai nhi bảy tháng đã có hoạt động tâm lý.

Thành quả nghiên cứu sinh vật học khiến chúng ta tin rằng, mọi sinh mệnh đều có hoạt động tâm lý nhất định, dù là sinh vật cấp thấp nhất cũng có sức mạnh tâm lý nhất định và phản ứng tâm lý đặc thù. Chỉ cần tiến hành quan sát sinh vật tế bào đơn thì sẽ phát hiện thấy chúng hiểu cách chăm sóc và tự bảo vệ mình, tìm kiếm thức ăn, lẩn trốn nguy hiểm thế nào (chính là nói chúng cũng có năng lực cảm tri, cũng tồn tại hoạt động tâm lý). Ngày nay, đặc tính này của sinh mệnh đã được công nhận, nhưng trước đó không lâu, giới khoa học vẫn tin rằng trẻ sơ sinh không có hoạt động tâm lý.

Gần đây, nghiên cứu năng lực tâm lý đặc thù trẻ nhỏ thu hút sự quan tâm chú ý của nhiều người, những nghiên cứu này cho chúng ta thấy, chúng ta cần có trách nhiệm nào đó đối với vấn đề này. Phát hiện mới đối với những trải nghiệm chào đời của loài người đã khơi dậy trí tưởng tượng của nhân loại. Điều này không chỉ thể hiện ở các phương pháp trị liệu tâm lý, mà còn thể hiện trên các tác phẩm văn học. Ngày nay, các nhà tâm lý học thường nói: "Lịch trình đau khổ của sự chào đời", điều này lại không chỉ nói tới nỗi khổ "mang nặng đẻ đau" của người mẹ mà còn nói tới nỗi khổ của trẻ sơ sinh. Nỗi khổ mà trẻ phải trải qua khi chào đời lại không thể diễn đạt một cách cụ thể, chúng chỉ có thể kết thúc lịch trình đau khổ này bằng tiếng khóc to.



Có người nói chào đời chính là vút bỏ, trẻ tới với thế giới lạ lẫm này mà không hề được báo trước, môi trường ở đây hoàn toàn không giống với nơi mà trẻ sống trước đây, muốn tiếp tục tồn tại thì buộc phải thích ứng với môi trường mới, song lại không thể biểu đạt ra những cảm nhận đau khổ của quá trình này. Các nhà tâm lý học đã dùng cụm từ "nỗi lo sợ chào đời" để miêu tả thêm về thời khắc quan trọng này của hoạt động tâm lý trẻ sơ sinh. Cái gọi là "nỗi lo sợ chào đời" là một kiểu lo sợ vô ý thức, nếu trẻ sơ sinh có thể nói, nhất định nó sẽ hỏi to rằng: "Vì sao lại đưa tôi đến với thế giới đáng sợ này? Bây giờ tôi phải làm gì đây? Tôi phải làm gì để thích ứng với môi trường mới này? Ô, tôi làm sao có thể chịu nổi tập âm đáng sợ ở đây cơ chứ? Rời khỏi cơ thể mẹ, tôi làm sao thực hiện được những chức năng mà cơ quan của mẹ từng đảm nhiệm? Mất đi nguồn dinh dưỡng từ cuống rốn, tôi có thể học cách hấp thu và tiêu hóa được không?".

Trẻ mới sinh vẫn chưa có ý thức rõ ràng, chúng vẫn không hiểu rõ nỗi thống khổ của chào đời, nhưng những nghiên cứu tâm lý đã nói với chúng ta: tiềm thức của trẻ sơ sinh nhất định cảm nhận được điều này, nên vừa sinh ra, trẻ đã khóc to, chính là để "trút bỏ" nỗi bức dọc này. Có một hiện tượng mà ai ai cũng biết, đã phản ánh rõ ràng cảm giác sợ hãi của trẻ mới sinh. Trẻ mới sinh đều phải tắm, khi thả trẻ xuống nước, lúc này có thể thấy dường như trẻ lo sợ mình sẽ bị rơi xuống, đôi tay sẽ làm động tác "khuỵa khoắc", phản ứng này xuất phát từ nỗi sợ trong lòng. Điều này cho thấy, chúng ta cần có trách nhiệm giúp trẻ mới sinh thích ứng với thế giới này.

Sinh mệnh là do tự nhiên ban tặng, tự nhiên sẽ ra sức bảo vệ những đứa con của mình phải không? Nó sẽ giúp đỡ những sinh mệnh mới này thế nào? Tự nhiên tạo ra trẻ, đồng thời đã tạo ra cho trẻ người mẹ, trong tiềm thức của mình, bà mẹ ý thức được những tổn thương mà thế giới bên ngoài có thể gây ra cho trẻ. Khi trẻ vừa chào đời, người mẹ đã ôm trẻ vào lòng, như vậy có thể ngăn chặn mọi sự xâm hại tới trẻ.

Trong số các loài động vật có vú, bản năng bảo vệ con của loài người lại không mãnh liệt và cũng dễ biến mất. Ví dụ, mèo mẹ thường tha con tới những góc tối, nếu có người lại gần, nó sẽ trở nên hung dữ khác thường, con người lại không có phản ứng bản năng mãnh liệt như vậy, bởi lẽ rất ít khi xuất hiện tình trạng trẻ sơ sinh bị cướp đi. Người mẹ sẽ tắm rửa, thay quần áo cho con, hoặc bế con ra phơi nắng, quan sát cẩn thận màu mắt trẻ. Bởi lẽ con người là những động vật cao cấp làm chủ thế giới.

Chào đời chỉ là một "bản nhạc đệm" cho cuộc sống tâm lý của trẻ, song chúng ta cần tiến hành nghiên cứu độc lập đối với việc này. Khoa học sinh vật viết rằng, quá trình tiến hóa của sinh mệnh ban tặng cho động vật có vú trí tuệ cao siêu, khi thú con sắp được sinh ra, thú mẹ sẽ tách khỏi đàn, tự hoàn thành quá trình sinh nở, sau một khoảng thời gian mới đưa thú con trở lại đàn. Hiện tượng này xảy ra rõ rệt nhất ở những động vật sống theo đàn. Ví dụ, trâu, ngựa, hươu, voi, sói, chó. Trong khoảng thời gian thú mẹ tách khỏi đàn, thú con mới sinh được sống cùng mẹ, nhận sự yêu thương chăm sóc của mẹ. Cũng vào lúc này, thú con đã có phản ứng trước những kích thích của môi trường xung quanh, đồng thời chịu sự "giáo huấn" của thú mẹ. Nhanh chóng thích ứng với môi trường, năng lực sinh tồn phát triển đạt mức tương đương với động vật trưởng thành. Do vậy, khi cùng mẹ trở lại đàn, thú con đã là một thành viên trong quần thể động vật, mặc dù nó sinh chỉ có 1, 2 ngày thậm chí vài giờ đồng hồ, song dù là về tâm lý hay sinh lý, đều phát triển hoàn thiện, đủ để trở thành trâu con, ngựa con hay sói con.

Không chỉ động vật có vú hoang dã hiểu cách bảo vệ con thế nào, mà ngay cả động vật có vú thuần hóa cũng giữ được bản năng này, như chó, mèo nuôi trong nhà, mèo mẹ hay chó mẹ luôn luôn bảo vệ con mình, sưởi ấm các con trong lòng chúng. Từ đó có thể thấy, dù trẻ sơ sinh đã tách ra khỏi cơ thể mẹ, song chúng vẫn là một phần của cơ thể mẹ, là máu thịt của mẹ. Cách tốt nhất trong mỗi quan hệ này là để trẻ thích ứng với môi trường, học kỹ năng sinh tồn.

Hiện tại, chúng ta có thể giải thích về giai đoạn chào đời này như sau: Bản năng sinh tồn của động vật được đánh thức khi vừa mới chào đời, quá trình học tập của động vật chủ yếu là hành động của bản năng sinh vật thúc đẩy sự phát triển của nó, chứ không phải là môi trường kích thích bản năng thích ứng của nó.

Kết luận này cũng thích hợp cho loài người. Sở dĩ chúng ta thảo luận về thời khắc chào đời, không phải vì nó là một cửa ải khó khăn mà trẻ sơ sinh phải trải qua, mà chính thời khắc này đóng vai trò quyết định đối với tương lai. Mỗi giai đoạn quan trọng trong quá trình phát triển cá thể đều có những dấu hiệu riêng. Dấu hiệu riêng của giai đoạn chào đời chính là cắt đứt mối liên quan (dây rốn) giữa cơ thể mẹ và trẻ. Chào đời làm thức tỉnh sức mạnh tiềm ẩn của sinh mệnh, những sức mạnh tiềm ẩn này thúc đẩy trẻ nhỏ (chúng ta gọi là bào thai tinh thần) tiến hành các hoạt động mang tính sáng tạo.

Bởi vậy, nghiên cứu về tâm lý trẻ mới sinh không chỉ cần quan tâm tới vấn đề "vết thương chào đời", mà còn cần nghiên cứu các hành vi bản năng kèm theo khi chào đời. Mặc dù trẻ sơ sinh khác với thú con, không có kiểu mẫu hành vi mang tính di truyền, song chúng có một năng lượng tiềm ẩn, những nhu cầu bức thiết sản sinh từ năng lượng tiềm ẩn này thúc đẩy chúng bắt đầu hành vi sinh mệnh, giúp chúng hình thành cá tính trong khi giao lưu với môi trường, hoàn thành quá trình trưởng thành của bản thân.

Mặc dù yêu cầu của năng lượng tiềm ẩn này vô cùng mãnh liệt, song lại vô hình, do vậy nó được gọi bằng một cái tên rất hình tượng - "Tinh vân". Năng lượng này là bản chất của sinh mệnh, mọi động vật đều có được năng lượng này từ nòi giống của mình, nhờ đó chúng bắt đầu hoạt động sinh tồn, chi phối hành vi của mình, lựa chọn thức ăn thích hợp, vận dụng phương thức phòng ngự đặc biệt.

Động vật sống trong môi trường tự nhiên, loài người lại sống trong môi trường xã hội, bởi vậy trẻ sơ sinh buộc phải học kỹ năng sinh tồn trong cuộc sống xã hội. Trẻ sơ sinh không được chuẩn bị sẵn kiểu mẫu hành vi bẩm sinh khi chào đời, những hành vi này sẽ dần dần được hình thành sau khi sinh. Hoạt động quan trọng nhất sau khi trẻ sinh ra chính là thích ứng môi trường.

Chức năng đặc thù này vô cùng quan trọng trong phát triển nhân cách. Thực tế, chúng ta tin rằng đây là cơ chế phổ biến của sinh mệnh, nên đã có những nghiên cứu về trẻ nhỏ từ ý nghĩa này.

Sự phát triển cơ thể của trẻ nhỏ là một quá trình lâu dài, trẻ cần liên tục hoàn thiện mình, cho tới khi trở thành một con người mang ý nghĩa thực sự. Đó là vì trẻ sơ sinh khác với những động vật có vú khác, trẻ không tiếp xúc trực tiếp với thế giới xung quanh, (mặc dù đã chào đời) song vẫn tiếp tục quá trình sinh mệnh phôi thai. Chính trong thời kỳ đặc thù này, một loạt bản năng nhân loại được hình thành trong cơ thể trẻ.

Trong trí nhớ, trẻ không lưu giữ bất cứ thứ gì do di truyền mà có. Sau khi sinh ra, trẻ buộc phải tự mình xây dựng thế giới tinh thần, tạo dựng cơ chế biểu đạt đối với bên ngoài. Chỉ cần thấy được trẻ mới sinh nhỏ bé thế nào thì chúng ta sẽ hiểu ngay nhiệm vụ này là vô cùng gian nan với chúng. Những đứa trẻ này còn chưa thể trợ giúp cho não của mình thì đã phải bắt đầu lịch trình vô cùng quan trọng. Trong quá trình đó, chúng sẽ học cách nhận biết bản thân, học nói, học đứng, học đi, cho tới khi hòa nhập vào thế giới. Nghiên cứu khoa học cho thấy: ở giai đoạn

phát triển phôi thai con người, trung khu thần kinh hình thành đầu tiên. Từ đó có thể thấy, trước khi trẻ tiến hành một hành động nào đó, loại hình tâm lí chi phối hành động này đã hình thành rồi. Nói cách khác, khởi điểm trưởng thành của trẻ bắt đầu từ tinh thần, mà không phải từ cơ thể.

Sự khác biệt lớn nhất giữa con người và động vật là trí tuệ, cái gọi là thiên tính của con người là tự do. Hoạt động con người không dựa vào bản năng, mà chịu sự chi phối của ý chí tinh thần. Do vậy, sau khi sinh, việc đầu tiên của trẻ sơ sinh chính là hình thành thế giới tinh thần của mình, tiếp theo mới là phát triển những cái khác.

Trẻ sơ sinh cần thời kỳ bú mẹ tương đối dài, bởi vì các cơ quan của chúng còn lâu mới trưởng thành. Xương cốt vẫn còn mềm, não chưa phát triển hoàn thiện. Cơ thể trẻ thích ứng rất chậm, nhìn từ cơ năng vận động, trẻ vẫn chỉ là một hình mẫu mới phác thảo. Dù sự phát triển thể chất còn lâu mới hoàn thiện, song giống với các loài động vật có vú khác, vừa tách khỏi cơ thể mẹ, trẻ đã bắt đầu thích ứng với hoạt động môi trường. Nhiệm vụ đầu tiên của trẻ là khai thác trí lực, để tạo nền móng để phát triển các cơ quan khác trong cơ thể.

Bởi vậy, đối với loài người, không có gì quan trọng hơn năm đầu tiên của sinh mệnh.

Quá trình phát triển ở trẻ trải qua nhiều mặt, hơn nữa mỗi mặt đều có quy luật nhất định. Nghiên cứu phát hiện, sau khi trẻ sinh ra, tổ chức xương mềm ở trán mới dần dần sát vào nhau, lúc này xương đầu mới được coi là hoàn thiện, sau khi những xương này sát vào nhau, cơ cấu thân thể mới bắt đầu có thay đổi, xương cũng dần dần cứng lại. Tiểu não là cơ quan thăng bằng của cơ thể, nhưng nó rất nhỏ sau khi sinh, chỉ tới khi não sắp phủ kín thần kinh cột sống, thì tiểu não phát triển nhanh chóng, cuối cùng tỉ lệ với bán cầu đại não. Giai đoạn cuối cùng của sự phát triển là hình thành nên tuyến bài tiết, đồng thời với đó, hệ thống tiêu hóa có liên quan tới bài tiết cũng hoàn thành.

Mọi người đều rất quen với tình hình phát triển của trẻ mới sinh, hiển nhiên, sự trưởng thành của cơ thể là một quá trình phát triển liên tục, hơn nữa biến đổi song song với sự phát triển của hệ thống thần kinh. Ví dụ, nếu tiểu não chưa phát triển hoàn thiện thì trẻ không thể giữ được thăng bằng, không thể ngồi vững và đứng vững, nói gì tới đi được.

Để sự phát triển diễn ra dần dần tới mức hoàn thiện, cơ quan vận động của trẻ sẽ từ từ nhận chỉ thị của đại não, và từ từ tiến hành vận động, mặc dù vận động này mới đầu chưa rõ nét, song lại có thể thu

được kinh nghiệm từ môi trường xung quanh. Trải qua một khoảng thời gian luyện tập, vận động của trẻ trở nên nhịp nhàng, cuối cùng có thể chấp hành chính xác mệnh lệnh xuất phát từ đại não.

Loài người khác với động vật, không thể vận động nhịp nhàng ngay từ lúc mới sinh, trong đại não trẻ sơ sinh không có sẵn kiểu mẫu hành vi, mà buộc trẻ phải tự mình tìm kiếm, hoàn thành một quá trình tiến triển từ từ. Động vật có vú khác không giống như vậy, ngay sau khi sinh ra chúng đã có thể đi, chạy, nhảy, không lâu sau đó thì có thể thực hiện được những động tác khó hơn, loài động vật có sở trường chạy nhảy, mới chào đời không lâu đã có thể nhảy qua chướng ngại, nhanh chóng trốn thoát khỏi nguy hiểm.

Loài người không có năng lực di truyền kiểu này như động vật, song lại có năng lực học tập trời phú. Qua rèn luyện, loài người có thể nắm vững mọi kĩ xảo động tác, có thể trở thành vận động viên thể thao, phi hành viên, vũ đạo gia, nghệ sĩ piano.

Song, có được những kĩ xảo này lại không phải do các cơ quan vận động đã trưởng thành, mà là xuất phát từ kinh nghiệm vận động. Hay những kĩ xảo này đều là kết quả của giáo dục mà mỗi thành viên của loài người đều cần tự học.

Chúng ta chia quá trình phát triển của trẻ thành các giai đoạn chủ yếu là do sự phát triển của loài người bắt đầu từ phát triển tâm lý, sau đó là phát triển các cơ quan trong cơ thể, (những cơ quan này bị khống chế bởi tâm lý). Nói tới kĩ năng vận động của loài người, dù phát triển cơ thể là điều kiện vận động. Vận động cần sự phát triển trưởng thành của cơ thể, song phát triển tâm lý lại không dựa vào phát triển cơ thể, khi cơ quan vận động phát triển tới mức độ nhất định, tạo ra năng lực vận động thì tâm lý vẫn tiếp tục phát triển.

Năng lực phát triển tâm lý bắt nguồn từ kinh nghiệm thu được trong vận động, không tách rời khỏi việc sử dụng và phát huy kỹ năng của các cơ quan vận động. Do vậy, nếu cơ quan vận động của trẻ đã trưởng thành lại ức chế hoạt động của trẻ thì sẽ gây trở ngại cho phát triển tâm lý có liên quan tới vận động của trẻ. Mặc dù phát triển tâm lý không tách khỏi việc sử dụng cơ quan vận động, song sự phát triển của nó là độc lập, chỉ quyết định ở vai trò tâm lý sau này. Đó cũng chính là nhiệm vụ mà cá thể tương lai phải hoàn thành. Mọi trẻ sơ sinh đều có năng lực hoàn thành tốt đẹp quá trình phát triển của mình, có điều vẫn không thể quan sát và thấy rõ khi ở giai đoạn "phôi thai tinh thần".

Ở vào giai đoạn "phôi thai tinh thần", mọi trẻ sơ sinh đều giống nhau. Chúng ta thường nói thế này: "Trẻ mới sinh, đứa nào cũng giống đứa nào, hơn nữa phát triển cùng một tốc độ". Não và phôi thai của trẻ mới sinh như nhau, phân bào cũng ở vào giai đoạn giống nhau, bởi vậy rất khó tìm ra sự khác biệt giữa chúng.

Sinh mệnh ở giai đoạn phôi thai đại thể giống nhau. Trong thời kì phôi thai phát triển, mọi người rất khó phân biệt phôi thai của 2 động vật khác nhau, sự khác biệt chỉ nhận thấy sau này. Từ tế bào phôi thai mới đầu xem ra chẳng có gì khác nhau, vậy mà lại phát triển thành chim, thỏ, thằn lằn - những loài vật hoàn toàn khác nhau. Có thể nói, mọi thành viên của loài người đều phát triển từ "phôi thai tinh thần" giống nhau, cho dù anh ta là nhà nghệ thuật vĩ đại, lãnh đạo chính trị ưu tú hay là một người bình thường. Người bình thường cũng có cá tính của mình, cũng có địa vị trong xã hội, mặc dù họ chỉ có thể làm một số việc đơn điệu, vất vả ngược xuôi vì 3 bữa ăn, song họ vẫn hơn hẳn động vật bậc thấp, hành vi của họ là tự do, không chịu hạn chế bởi di truyền.

Đương nhiên, con người không thể dự đoán kết quả phát triển tâm lý thời kì sau, cũng không thể hiểu con người khi ở giai đoạn phôi thai. Trong giai đoạn này, con người có thể làm chỉ là giúp đỡ sinh mệnh phát triển. Giai đoạn này của nhân loại bắt đầu từ phát triển tâm lý, nếu có thể tạo sự giúp đỡ nào đó dựa theo nhu cầu tương lai thì nhất định sẽ nâng cao năng lực con người lên rất nhiều.

Từ đó đã có thể thấy rõ phương pháp giáo dục trẻ sơ sinh. Nếu trẻ vừa sinh ra đã bắt tay vào giáo dục thì cần phải thích ứng điều kiện của trẻ thời kỳ này. Giáo dục ngay từ thời kỳ đầu thích hợp với mọi trẻ, dù là trẻ em Ấn Độ, trẻ châu Á hay trẻ châu Âu, không phân cấp bậc xã hội. Nhu cầu tâm lý của mọi trẻ trên thế giới này giống nhau, do vậy cũng cần trải qua giai đoạn phát triển như nhau. Vậy thì chúng ta cần tìm ra một biện pháp tuân thủ quy luật trưởng thành của loài người. Giáo dục của chúng ta chỉ có thể tuân thủ yêu cầu của tự nhiên, có như vậy mới thỏa mãn nhu cầu của sinh mệnh. Điều này không do con người quyết định một cách chủ quan, cũng không thể được thay đổi bởi nhà triết học, nhà tư tưởng hay một thí nghiệm nào đó. Đây là nguyên tắc của tự nhiên dành riêng cho sinh mệnh, tự nhiên đã quyết định tiến trình phát triển của loài người.

Đương nhiên, sự phát triển của trẻ phù hợp với yêu cầu của tự nhiên. Trong mắt bố mẹ, trẻ được quấn trong lớp tã lót, mới ngoan ngoãn, vui vẻ biết bao. Kì thực, chúng đang nỗ lực không ngừng vì sự

phát triển của mình, người lớn nên nghiên cứu quá trình này và giúp đỡ trẻ.

Hiện nay, tâm lý học trị liệu đã đưa ra một khoảng thời gian có tính quyết định, đó chính là thời kì chào đời. Tâm lý học trị liệu đã định nghĩa về thời điểm ngắn ngủi này như sau: Nó ở vào giữa "trạng thái hồi quy" bắt nguồn từ "vết thương chào đời" với "trạng thái ức chế" của giai đoạn trưởng thành. Mặc dù mong muốn hồi quy và ức chế của môi trường bên ngoài là 2 chuyện hoàn toàn khác nhau, song những trạng thái tâm lý này đã biểu hiện một khuynh hướng của trẻ, đó chính là trở lại cơ thể mẹ, mà không là tiếp tục phát triển. Kiểu khuynh hướng này tự khắc tồn tại một cách vô ý thức.

Phân tích tinh thần đã cho thấy rõ, "vết thương chào đời" không chỉ khiến trẻ kháng cự và kêu khóc, mà còn ảnh hưởng tới kiểu mẫu phát triển tâm lý của trẻ, khiến trẻ phát triển theo hướng khác thường. Kết quả là sản sinh ra một kiểu biến đổi tâm lý hoặc có thể nói là đi ngược lại sức mạnh tâm lý.

Hầu như mọi trẻ sơ sinh đều cảm thấy không thích ứng khi chào đời, tâm lý của chúng sẽ xuất hiện một số trạng thái hồi quy, chúng "lưu luyến" với môi trường trước đây của mình, cự tuyệt trở thành người. Hầu như mọi trẻ mới sinh đều nói thế này trong lòng: "Tôi muốn trở lại bụng mẹ".

Trẻ mới sinh thường ngủ rất nhiều, đây là hiện tượng bình thường, song đối với các nhà tâm lý học trị liệu thì ngủ quá nhiều lại không bình thường, họ cho rằng trẻ ngủ là một kiểu trốn tránh, cho thấy trẻ có kiểu tâm tư "thu nhỏ" khi đối mặt với thế giới mới.

Điều này cũng có lý, ngủ có thể xem như sự hồi quy đối với tiềm thức. Khi con người gặp khó khăn khó khắc phục, thường mong muốn được ngủ, bởi vì chìm vào giấc ngủ, con người sẽ quên hết thế giới hiện thực, mọi khó khăn trong cuộc sống sẽ biến mất, giấc ngủ không chỉ là nhu cầu sinh lý của con người, mà còn là nơi trốn chạy khi tinh thần mệt mỏi. Chỉ cần chú ý tư thế ngủ của trẻ sẽ phát hiện thấy 2 chân trẻ co lại, tay để cạnh mặt, người lớn ít khi ngủ với tư thế như vậy. Theo các nhà tâm lý học, điều này cho thấy trẻ có khuynh hướng trở lại tử cung.

Sau khi tỉnh dậy, trẻ thường khóc to, đây được xem như một trạng thái mong muốn hồi quy khác, dường như trẻ cảm thấy sợ hãi khi phải một mình đối diện với thế giới này. Ngoài ra, trẻ thường hay giật mình, điều này nói rõ trẻ không hề có tình cảm tốt đẹp với thế giới này.

Cả một đời người, chưa chắc con người đã thoát khỏi khát vọng hồi quy. Đối với người lớn, nó có thể biểu hiện ở sự dựa dẫm vào người khác, ai cũng sợ bóng đen, sợ cô đơn, sợ phải ở đâu đó một mình. Sự dựa dẫm giữa người lớn với nhau lại không xuất phát từ sự yêu mến lẫn nhau, mà chẳng qua là vì sợ hãi. Điều này giống với trẻ, trẻ không thích ở một mình, thường thích có người khác ở bên, đặc biệt là thích gần mẹ. Trẻ không thích ra ngoài, mà muốn ở trong nhà. Với những trẻ rụt rè, thể giới màu sắc bên ngoài không thể khiến chúng vui vẻ, mà ngược lại làm chúng lo sợ, và thật xa lạ.

Nếu trong thời kì đầu, trẻ có cảm giác sợ hãi đối với môi trường xung quanh thì chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ. Những đứa trẻ như vậy sau này thường "cứng đầu cứng cổ", hơn nữa khó hòa nhập với thế giới. Người như vậy sẽ mãi mãi không thể học về thế giới xung quanh, như một câu cách ngôn đã nói: "Sinh ra là để đau khổ". Họ mệt mỏi với mọi thứ, năng lực tiêu hao của họ rất thấp, ngay cả thở cũng cảm thấy bị ức chế, mọi việc họ làm đều bình thường. Có thể nói, họ cần ngủ nhiều hơn những người bình thường.

Không khó tưởng tượng ra thời nhỏ loại người này thế nào, nhất định họ là những đứa trẻ lười biếng, buồn bực sâu não, hay quấy khóc, thường không làm nổi việc của mình mà cần người khác giúp đỡ. Tình trạng này rất khó thay đổi và thường sẽ theo suốt đời người. Khi những đứa trẻ này lớn lên đa phần đều hèn nhát, sợ gặp người lạ, không thể thích ứng với cuộc sống xã hội, năng lực sinh tồn kém, thường không tách rời khỏi sự khích lệ và giúp đỡ của người khác.

Những khiếm khuyết về nhân cách này đều xuất phát từ tác dụng tiêu cực của tâm lý tiềm thức. Con người không tìm thấy những vết thương này trong trí nhớ của mình, (chúng tồn tại trong tiềm thức). Mặc dù chúng ta không có bất kì sự ghi nhớ nào về điều này, song chúng được lưu lại trong "chất cơ bản mang tính trí nhớ" của con người, và trở thành một phần cấu thành nên nhân cách. Trở ngại nhân cách kiểu này cuối cùng sẽ tạo nên mối nguy hại lớn, ngăn cản sự phát triển của cuộc sống loài người. Sau này khi lớn lên, những đứa trẻ đó không những không thích ứng với cuộc sống mà còn báo thù xã hội, đây là nguy hiểm khôn cùng mà nhân loại phải đối mặt. Kiểu nguy hiểm này bắt nguồn từ sự vô tri của chúng ta, kiểu vô tri này mang lại hậu quả nghiêm trọng hơn bất kì sự vô tri nào khác.

Các nhà tâm lý học đều đánh giá cao tầm quan trọng hiện tượng chào đời đối với sự phát triển tâm lý con người.



Sau khi tiến hành thảo luận về hiện tượng hồi quy thời kì đầu, chúng tôi sẽ thảo luận về vai trò của động vật có vú đối với biện pháp bảo vệ con.

Một số nhà sinh vật học cho rằng, vài ngày đầu mới sinh, sự quan tâm chăm sóc của thú mẹ chỉ có thể đánh thức bản năng sinh mệnh của những con thú con. Đây là cơ sở để xây dựng đề cương thảo luận về tâm lý trẻ nhỏ.

Nghiên cứu phát triển tâm lý trẻ nhỏ không chỉ cần chú trọng tới ảnh hưởng chào đời đối với trẻ mà còn cần chú ý tới việc thích ứng của trẻ với môi trường xung quanh. Trẻ cần được đối xử đặc biệt. Khởi đầu của sinh mệnh, mối nguy hiểm mà mẹ và bé phải đối mặt khác nhau, song khó khăn lại giống nhau, mặc dù nguy hiểm về cơ thể mà trẻ phải đối mặt rất lớn, song không quá nghiêm trọng giống như nguy hiểm về tâm lý. Nguyên nhân của triệu chứng hồi quy - "vết thương chào đời" là rất bình thường, trên cơ thể mọi trẻ sơ sinh đều có phản ứng. Như vậy, chúng ta có thể giải thích rằng, động vật có vú cũng như con người đều trải qua quá trình như thế này: Sau khi sinh vài ngày, trong lòng thú con nhất định đã xảy ra sự biến đổi nghiêm trọng, đã kích thích hành vi di truyền của động vật có vú. Giống như vậy, cơ thể trẻ cũng xảy ra chuyện tương tự. Mặc dù trẻ không có kiểu hành vi di truyền cố định, song trẻ có năng lực học mọi kiểu mẫu hành vi, năng lực tiềm ẩn này cần được phát huy thông qua giao lưu với môi trường.

Để miêu tả chính xác quá trình học tập của trẻ với môi trường, chúng tôi mượn khái niệm miêu tả khởi nguồn thiên thể- "Tinh vân" để so sánh với năng lực sáng tạo tiếp thu tri thức của trẻ. Tinh vân là thiên thể to lớn trong vũ trụ, chúng cách xa nhau, dù không gian thiên thể hầu như mất đi mật độ, song đối với tinh thể ở xa, chúng vẫn tồn tại, hơn nữa có mật độ nhất định. Năng lực tiếp thu tri thức của trẻ cũng như vậy, nhìn bề ngoài, kiến thức của trẻ từ không tới có, kì thực, năng lực sáng tạo tiềm ẩn trong sinh mệnh. Trẻ chịu kích thích trong "Tinh vân", dần dần hình thành năng lực ngôn ngữ. Năng lực ngôn ngữ của trẻ lại không bắt nguồn từ di truyền, mà là được tiếp thu dần dần, thông qua giao lưu với môi trường. Do có năng lực học tập kiểu "Tinh vân", nên trẻ có thể phát ra các âm khác nhau trong quá trình học ngôn ngữ và dần dần học cách sử dụng ngôn ngữ. Cách thức học về thói quen và truyền thống xã hội của trẻ cũng được tiến hành như vậy.

"Tinh vân" ngôn ngữ lại không giới hạn trẻ học một loại ngôn ngữ nào đó, mà là một kiểu năng lực giao lưu với môi trường sống. Một đứa

trẻ Hà Lan lớn lên ở Ý có thể nói lưu loát tiếng Ý, chứ không phải tiếng Hà Lan, dù cho tổ tiên của đứa trẻ này sống bao lâu ở Hà Lan. Ngoài ra, chúng ta thấy, thời gian và tuân tự học ngôn ngữ của mọi trẻ trên thế giới này đều giống nhau.

Do yếu tố di truyền, động vật sau khi sinh ra đã có thể hiểu ngôn ngữ của loài mình, trẻ sơ sinh không giống như vậy, chúng buộc phải trải qua thời gian học tập lâu dài mới có thể hiểu ngôn ngữ. Đây chính là sự khác biệt bản chất giữa người và động vật.

Dễ dàng nhận thấy, trẻ có được kiểu mẫu ngôn ngữ nào đó lại không phải nhờ vào di truyền mà là năng lực học tập ngôn ngữ tiềm ẩn trong tiềm thức. Tiềm năng học tập này giống như gen di truyền của tế bào sinh dục. Trong quá trình phân bào, gen di truyền không chế chuẩn xác toàn bộ quá trình, khiến thể tế bào hình thành một cơ quan tinh vi, trong quá trình học ngôn ngữ, vai trò của tiềm năng ngôn ngữ của trẻ giống như vậy. Chúng ta có thể gọi năng lực kiểu này là "Tinh vân ngôn ngữ".

Ngoài "Tinh vân ngôn ngữ", bản năng sinh mệnh của trẻ còn tiềm ẩn những "Tinh vân" khác, như năng lực thích ứng với môi trường xung quanh, nhận biết về giá trị và truyền thống của quần thể. Những kiểu mẫu phản ứng này cũng không bắt nguồn từ di truyền. Về điều này, nhà tâm lý học Karuier nói: "Nhà khoa học uyên bác không thể truyền tri thức tới con trai qua nhân tố di truyền, nếu để con trai của nhà khoa học này sống ở hoang đảo thì anh ta sẽ trở thành người kelumanu nguyên thủy".

Dường như mọi sức mạnh bản năng hàm chứa trong "tinh vân" không là một chỉnh thể, mỗi sức mạnh đều độc lập. Cái gọi là "tinh vân" chỉ là một sự so sánh, thực tế hình thức phản ứng của não cơ bản không giống với vận hành tinh thể. Hoạt động tâm lý là một chỉnh thể hữu cơ, đó là quá trình tiếp thu kiến thức từ môi trường một cách có mục đích, có ý thức, từ đó giúp hoàn thiện bản thân.

Nếu "tinh vân ngôn ngữ" ngừng làm việc vì một nguyên nhân nào đó thì con người sẽ mất đi năng lực học ngôn ngữ. Tôi từng gặp những tình huống thế này, các chuyên gia tiến hành trắc nghiệm đối với những trẻ không biết nói, phát hiện thấy não chúng kiện toàn, thính giác và cơ quan phát âm đều bình thường, nhưng đến nay vẫn chưa có được lý giải có sức thuyết phục vì sao những đứa trẻ này lại không biết nói. Lý luận "tinh vân" không chỉ có thể giải thích hiện tượng trên, mà còn có thể giải thích một số vấn đề khó lý giải trong các lĩnh vực khác, như vấn đề năng



lực thích ứng xã hội. Đối với tôi, lý luận "tinh vân" có giá trị khoa học hơn "vết thương chào đời", bởi vì tôi tin rằng, đại bộ phận khuynh hướng hồi quy tâm lý là do trẻ thiếu sự rèn luyện năng lực thích ứng xã hội.

Nếu trẻ thiếu tính mẫn cảm, không còn "yêu môi trường xung quanh", nếu truyền thống, đạo đức, tôn giáo không được tiếp thu bằng phương thức bình thường thì chúng sẽ rất khác thường. Chính là vì con người có năng lực sáng tạo mẫn cảm mà không là kiểu mẫu di truyền nào đó. Nếu trẻ có thể thích ứng với môi trường sống thì trẻ sẽ xây dựng được nền móng sinh mệnh tâm lý cho mình trong vài năm đầu đời.

Một câu hỏi cần đặt ra là tính mẫn cảm sáng tạo của một số người đang mất đi hoặc phát triển chậm chạp, do nguyên nhân gì tạo nên? Câu hỏi này rất khó trả lời trực tiếp, mà phải qua nghiên cứu đối với những người mất đi tính mẫn cảm sáng tạo thì mới có thể tìm ra câu trả lời.

Một ví dụ có thể giúp ích cho việc nghiên cứu này. Có một thanh niên: đẹp trai, thông minh mạnh khỏe, nhưng ngại học hỏi, cũng không nghe lời ai, hơn nữa tính cách không tốt, tự khắc chẳng có ai muốn tới gần anh ta. Tôi đã làm một cuộc điều tra về thân thể của chàng trai này và đã phát hiện thấy, nửa tháng sau khi anh ta chào đời, do thiếu dinh dưỡng, thể trọng của anh ta giảm nhanh đến nỗi hộ lý gọi anh ta là "da bọc xương". Sau nửa tháng đó, đứa trẻ này lại phát triển rất bình thường, cơ thể cường tráng, đáng tiếc là, như đã báo trước, anh ta chỉ có thể trở thành một phần tử phạm tội.

Không nghi ngờ gì, hiện nay lý luận "tinh vân" vẫn còn là một giả thiết, có rất nhiều vấn đề cần được nghiên cứu thảo luận. Song có thể chắc chắn một điều, sự phát triển tâm lý của trẻ chịu sự chỉ đạo của "tinh vân" mà trẻ cảm nhận được, giống như tế bào sinh sản chịu khống chế của gien. Do vậy, con người nên giống với động vật bậc cao khác, cần dành sự quan tâm chăm sóc trong giai đoạn mới sinh. Ở đây, không phải chúng tôi nói cần quan tâm tới tháng đầu hoặc năm đầu sau khi trẻ sinh ra, cũng không chỉ là yêu cầu quan tâm tới cơ thể trẻ, mục đích của chúng tôi là thu hút sự chú ý của mọi người, khích lệ các ông bố bà mẹ quan tâm tới vấn đề này, ý thức được tầm quan trọng của giáo dục chào đời ở trẻ.

GIÁO DỤC CỦA PHÔI THAI TÂM LÝ

Trẻ mới sinh nên được đối đãi như "phôi thai tinh thần", nó là một kiểu tinh thần được thai nghén trong cơ thể để tới với thế giới này. Tuy vậy, nhìn từ góc độ khoa học, sinh mệnh mới tới với thế giới lại không hề trống rỗng, nó là một cơ thể sống động, nó có tổ chức, có cơ quan (điều này có thể được xác định bằng dụng cụ khoa học); Còn tinh thần mà chúng ta nói tới lại không có cách nào kiểm tra xem xét. Lẽ nào cơ thể linh hoạt tinh tế đến vậy lại được sinh ra trong khoảng không trống rỗng? Đây vẫn là một câu đố cần được giải đáp.

Trẻ sơ sinh vừa chào đời đã đứng trên vị trí khởi điểm đầy ấn tượng trong hành trình của đời người. Từ đó trở đi, có một khoảng thời gian rất dài, trẻ không tự chủ, cũng không có năng lực làm bất cứ việc gì, cũng giống như một người bệnh nằm trên giường cần tới sự chăm sóc của người khác. Ngoài khóc ra, một khoảng thời gian rất dài, trẻ lặng im không nói. Mà khi trẻ vừa khóc, chúng ta sẽ lao vội tới bên giường trẻ, giống như là có người cần chúng ta giúp vậy. Sau một khoảng thời gian dài, khoảng vài tháng, thậm chí 1 năm, trẻ mới hết "mỏng manh yếu đuối", mới dần dần giống "con người bé nhỏ".

Chúng ta có thể coi sự biến đổi phát triển về cơ thể và tâm lý của trẻ là một quá trình sinh trưởng thành "người". Nói cách khác, trẻ sơ sinh lớn thành người là một quá trình thần kì. Trong quá trình phát triển này, có một sức mạnh tiềm ẩn đang khởi động năng lực trong cơ thể trẻ mới sinh. Năng lượng này vừa được khởi động, tay chân trẻ bắt đầu hoạt động, não cũng bắt đầu vận hành. Từ đó trở đi, trẻ mới sinh không những có thể hoạt động, mà còn có khả năng biểu đạt suy nghĩ. Đây chính là quá trình "nội hóa" của con người.

So với các động vật khác, sau khi trẻ sơ sinh tới với thế giới loài người, có một khoảng thời gian dài cần sự quan tâm chăm sóc của người khác. Xét từ thực tế, điều này có ý nghĩa khác thường đối với sự phát triển của trẻ mới sinh. Bạn có thể thấy, dù sau khi sinh, những động vật khác yếu đuối thế nào thì hầu như chúng đều sẽ sống dựa theo sức mạnh của mình. Trong một khoảng thời gian ngắn ngủi, chúng phải học đi, học chạy, một số động vật ăn cỏ sau khi chào đời đã chạy ngay sau mẹ, để trốn tránh sự săn bắt của những động vật ăn thịt khác. Chúng nhanh chóng học cách kết nối với đồng loại, ví dụ, mèo học kêu meo meo, dê cũng hiểu được tiếng be be, dù âm thanh phát ra rất yếu ớt, song vẫn có thể nghe thấy những tiếng gọi nhau liên tục của chúng. Thời kì chuẩn



bị trưởng thành của động vật rất ngắn và đơn giản. Hành vi của chúng được quyết định bởi bản năng ngay từ khi mới sinh. Bạn có thể nhìn thấy thời khắc một con hổ con dũng mãnh chào đời, nó sẽ nhanh chóng tự mình đứng dậy, một ngày sau khi sinh ra, nó đã có thể nhanh nhẹn chui ra chui vào dưới bụng mẹ.

Mỗi động vật tới với thế giới không chỉ có vẻ ngoài của hình thể mà còn có bản năng tiềm ẩn bên trong. Mọi bản năng đều thể hiện trong động tác của nó, điều này là sự thể hiện tiêu biểu cho đặc trưng cá thể khác nhau của mỗi loài. Có người cho rằng, đặc trưng của động vật nên thông qua hành vi của chúng mà không phải quy nạp từ diện mạo bề ngoài. Do vậy, những đặc tính có trên mình động vật mà không có ở thực vật được gọi là "đặc chất tinh thần". Ngay cả đặc chất tinh thần của động vật cũng được thể hiện rõ trong khi chào đời, và đối với trẻ sơ sinh cũng vậy? Lý luận khoa học cho rằng, đặc trưng hành vi của động vật hiện tại có được nhờ sự tích lũy liên tục kinh nghiệm từ giống loài, đặc trưng của loài người cũng vậy? Trước hết, loài người đứng lên chạy đi, rồi tiếp đó liên tục khai thác ngôn ngữ và trí tuệ, đồng thời truyền lại tất cả cho đời sau.

Bởi vậy, ở đây có một chân lý tiềm ẩn, giúp bạn so sánh bằng phương pháp chế tạo sản phẩm. Máy móc hiện đại có thể nhanh chóng chế tạo lượng lớn một số sản phẩm có kiểu mẫu hoàn toàn giống nhau, trong khi một số sản phẩm lại phải dùng tay làm từ từ, mỗi sản phẩm này đều có nét riêng. Chế tạo thủ công có giá trị ở sức hấp dẫn đặc biệt ở nghệ thuật. So sánh này có thể dùng để nói về sự khác biệt của động vật và con người về mặt tâm lý, động vật cũng giống như sản phẩm chế tạo với số lượng lớn, chúng vừa sinh ra thì đã có đặc tính của đồng loại. Còn con người, lại giống như "chế tạo thủ công", mỗi người có nét riêng, là sản phẩm nghệ thuật do thiên nhiên tạo ra. Ngoài ra, quá trình chế tạo diễn ra dần dần, đặc trưng bề ngoài của anh ta còn chưa thể hiện rõ ràng, thì "đặc chất bên trong" đã bắt đầu hình thành. Đây không phải là việc phục chế con người nguyên mẫu, mà là tạo ra một con người mới hoàn toàn. Còn như đặc chất bên trong của con người được hình thành thế nào tới nay vẫn còn là một câu hỏi. Điều chúng tôi muốn nói rõ là việc chế tạo con người vẫn đang trải qua một quá trình hình thành bên trong lâu dài, giống như trước khi xuất hiện trước công chúng, một tác phẩm nghệ thuật cần phải được trau dồi công phu, trong phòng làm việc yên tĩnh.

Hình thành nhân cách là điều "không nhìn thấy, không sờ thấy", trẻ sơ sinh sau này sẽ thế nào? Đây vẫn là một câu đố với chúng ta. Chúng ta chỉ biết trẻ có khả năng phát triển vô hạn, mà không hề biết trẻ sẽ trở thành người thế nào và có thể làm nên những thành tựu gì? Trong cơ thể non nớt của trẻ sơ sinh, có cơ cấu và cơ chế phức tạp hơn cả động vật khác, mỗi trẻ sơ sinh đều là một cá thể độc lập, mọi ý chí đặc thù sẽ giúp nó có thể hoàn thành tốt công việc của mình. Dù là nhạc sĩ, ca sĩ, nhà nghệ thuật, vận động viên hay anh hùng, tội phạm, thánh nhân đều được sinh ra với cùng một cách thức, song mỗi người đều mang theo mình câu đố về hình thành tới với thế giới này. Chính kiểu cá tính khác nhau thúc đẩy mỗi người làm những việc khác nhau.

"Hiện tượng không giúp đỡ" khi trẻ chào đời từng là tiêu đề thảo luận của các nhà triết học, đáng tiếc là, chuyên gia y học, chuyên gia tâm lý và chuyên gia giáo dục chưa từng hứng thú về điều này. Đối với họ, hiện tượng này là một sự thực "hiển nhiên là như vậy", mặc dù đa phần trẻ đều có thể dễ dàng vượt qua thời kì trẻ sơ sinh đã không được giúp đỡ, song ảnh hưởng của thời kì này sẽ in sâu trong tiềm thức trẻ, để lại những hậu quả tâm lý nghiêm trọng đối với cuộc sống tương lai của chúng. Một số quan điểm cho rằng, trẻ sơ sinh không chỉ bị động về hành động, mà tâm trí cũng trống rỗng là thực sự sai lầm. Có người lại nghĩ: sở dĩ sau thời kì sơ sinh, trẻ phát triển một cách thần kì hoàn toàn là vì được người lớn quan tâm chăm sóc chu đáo, cách nghĩ như vậy cũng sai lầm. Những suy nghĩ đó đã khiến bố mẹ có một cảm giác trách nhiệm, cho rằng mình chính là sức mạnh khởi động đặc chất tiềm ẩn trong trẻ. Do vậy, họ coi việc dạy dỗ trẻ như là hoàn thành một tác phẩm nghệ thuật. Để phát triển trí năng, mức độ mẫn cảm và ý chí của trẻ, họ sẽ liên tục đưa ra nguyện vọng, phát ra mệnh lệnh và tự cho mình có quyền lực thần thánh, họ tin rằng mình có địa vị trong hoạt động sinh mệnh của trẻ, giống như thượng đế được nói tới trong Kinh thánh: "Thượng đế đã tạo ra loài người dựa theo hình tượng của ông ta".

Sự kiêu ngạo của người lớn hình thành sau khi thần hóa bản thân đã khiến trẻ chịu đựng nhiều khổ cực, chỉ có trẻ mới thật sự cảm chắc chìa khóa hướng vào thế giới nội tâm của mình. Khi còn rất nhỏ, trẻ đã có thể biểu hiện xu hướng phát triển của mình và thiên phú tâm trí tương đương. Sẽ có một ngày trẻ có thể tỏ rõ năng lực của mình. Lúc này, nếu người lớn can dự quá mức cần thiết sẽ khiến nỗ lực của trẻ trở nên "phí công vô ích", và ngăn cản mục tiêu tự mình thực hiện của trẻ. Hành vi của người lớn rất có thể mang lại ảnh hưởng xấu cho tâm trí tự nhiên "sơ khai" của trẻ, đây có lẽ chính là nguyên nhân thất bại của loài người

trong quá trình "kế tục". Vấn đề thực sự là, mặc dù trẻ buộc phải trải qua muôn vàn khó khăn và nỗ lực lâu dài mới có thể nắm vững và vận dụng hoàn toàn tâm trí của mình, song trẻ có tăng tinh thần của mình, người lớn phải bớt chút thời gian mới có thể phát hiện ra kiểu thiên phú tâm trí này.

Trong quá trình trưởng thành, kiểu tâm hồn "hồ đồ" của trẻ dần dần được mở ra và phát triển lớn mạnh, trẻ đang từng bước khơi dậy cơ thể bị động của mình, đồng thời đánh thức ý thức bản thân. Vậy mà, trong hoàn cảnh hiện thực, lại có một sức mạnh khác "tập kích" trẻ, cuối cùng thao túng tâm hồn trẻ. Trong hoàn cảnh ấy, không ai có thể cảm thấy, cũng không ai có thể tiếp nhận sự thực "con người có thể có những biến đổi trong lòng". Khi thực trẻ sơ sinh bé nhỏ yếu ớt lại không nhận được bất kì sự bảo vệ nào, cũng không ai giúp trẻ vượt qua thời kì phát triển đầy khó khăn. Mỗi việc xảy ra trong hoàn cảnh này đều là một trở ngại với trẻ.

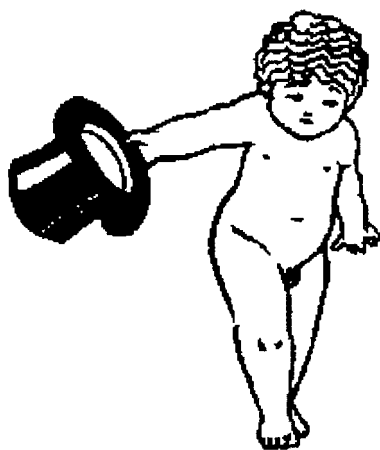
Như vậy, là đứa trẻ phôi thai tâm lý, chỉ có thể dựa vào sức mạnh của bản thân, tìm kiếm sự tồn tại trong môi trường sống của chúng. Thực tế, phôi thai tâm lý giống với phôi thai sinh lý, cần được bảo vệ ngay từ môi trường bên ngoài, cần được yêu thương vỗ về, cần người lớn coi trọng sự tồn tại của nó, cần một môi trường có thể hoàn toàn dung nạp và không bao giờ cản trở sự phát triển của nó.

Khi hiểu rõ những điều này thì người lớn nên thay đổi thái độ với trẻ, hình tượng "phôi thai tâm lý" của trẻ hiện rõ trước mắt chúng ta, và trao cho chúng ta trách nhiệm mới. Trẻ sơ sinh được chúng ta yêu mến và bao bọc bởi rất nhiều quần áo, nhất định sẽ khơi dậy tình yêu của chúng ta.

Trong quá trình chuyển hóa, con người buộc phải đối mặt với nhiều thách thức trong lòng. Kiểu ý chí và suy nghĩ này cuối cùng sẽ khống chế và khích lệ cơ thể bị động của chúng ta. Ngay từ thời khắc này não trẻ đã có ý thức, trẻ bắt đầu cảm thấy hứng thú với môi trường xung quanh, dưới nỗ lực tự thực hiện, cơ bắp trẻ cũng đã hoạt động. Chúng ta buộc phải lý giải và giúp đỡ những nỗ lực này của trẻ, bởi vì giai đoạn này là thời kì then chốt định hình và phát triển nhân cách trẻ, trách nhiệm của chúng ta trọng đại biết bao. Chúng ta nên thử lý giải nhu cầu tâm lý của trẻ bằng phương pháp khoa học và tạo ra một môi trường phù hợp với nhu cầu phát triển đó. Đây là nguyên tắc đầu tiên của môn khoa học này mà chúng ta đang phát triển bấy lâu nay, cần hiểu rõ bằng trí tuệ, bởi vì, trước khi suy đoán kết luận cuối cùng về lịch sử phát triển nhân loại, chúng ta vẫn còn rất nhiều việc cần làm.

CHƯƠNG 3

CÁC LOẠI NĂNG LỰC CỦA TRẺ VÀ VIỆC BỒI DƯỠNG CHÚNG



SỰ HÌNH THÀNH NGÔN NGỮ CỦA TRẺ

Mục này chúng tôi dành để thảo luận về cơ chế ngôn ngữ. Các cơ quan cảm giác phát huy vai trò quan trọng trong hoạt động sinh mệnh, (như hệ thống thần kinh, trung khu thần kinh, cơ bắp vận động). Song phát hiện về cơ chế ngôn ngữ cho thấy, những thứ có tác dụng lại không chỉ là những thứ có thể nhìn thấy. Cuối thế kỉ 19, loài người đã bắt đầu nghiên cứu đại não, và tin rằng, tế bào thần kinh vỏ đại não có liên quan nhất định tới ngôn ngữ, điều này bao gồm 2 lĩnh vực: Một là trung khu cảm giác, chỉ đạo tiếp nhận ngôn ngữ và một là trung khu vận động, chỉ đạo động tác phát âm.

Nhìn từ bề ngoài, sự cấu thành cơ quan ngôn ngữ cơ bản nhất trí. Tai tiếp nhận âm thanh, mũi, họng, môi dùng để phát âm. Nghiên cứu phát hiện, sự phát triển 2 trung khu có liên quan tới ngôn ngữ được tiến hành riêng rẽ, về mặt sinh lý và tâm lý đều như vậy. Nó về trung khu cảm giác, cơ quan thính giác có liên quan tới năng lượng tâm lý nào đó, sự tiếp nhận ngôn ngữ một cách vô ý thức của trẻ cần sự giúp ích của kiểu sức mạnh thần bí này. Có thể lý giải trung khu vận động thông qua hoạt động của các cơ quan khi nói.

Hiển nhiên, bộ phận vận động của ngôn ngữ phát triển tương đối chậm, hơn nữa xuất hiện muộn. Chỉ có một cách lý giải về điều này - sự phát triển cơ quan biểu đạt ngôn ngữ của trẻ được hình thành từ việc tiếp thu ngôn ngữ.

Kiểu giải thích này hợp logic. Con người đã không biết sử dụng ngôn ngữ nào đó ngay từ lúc sinh ra. Trước hết, trẻ cần nghe mọi người nói chuyện, sau đó mới có thể nói giống như vậy. Do đó, hoạt động của cơ quan ngôn ngữ cần điều kiện là thông tin ngôn ngữ mà não tiếp nhận. Chúng ta cần chú ý, ngôn ngữ lại không bắt nguồn từ suy lý logic, mà là một sản vật của cơ chế tự nhiên. Đương nhiên, tự nhiên thường hợp logic. Khi một hiện tượng tự nhiên nào thu hút sự chú ý của chúng ta, thì chúng ta sẽ lý giải để chúng "hợp logic".

Điều này khiến tôi nảy ra ý nghĩ: đằng sau sự vật nhất định có một sức mạnh trí tuệ nào đó đang phát huy tác dụng, hơn nữa, tác dụng của sức mạnh này chủ yếu biểu hiện ở mặt tâm lý. Ví dụ, khi chúng ta nhìn thấy hoa tươi rực rỡ, lòng sẽ ngập tràn niềm vui. Ngoài ra, khi trẻ vừa chào đời, đã không thể nghe, không thể nói, không thể làm gì, song sau này lớn lên có thể làm được mọi thứ.

Hai trung khu này của đại não lúc đầu chưa phát huy bất kì tác dụng nào. Chúng không tồn tại ảnh hưởng di truyền, song chúng thuộc về một phần của cơ chế ngôn ngữ, bao gồm năng lực học ngôn ngữ, biểu đạt ngôn ngữ.

Nghiên cứu sâu phát hiện thấy, sự hình thành của cơ quan ngôn ngữ cũng rất thần kì. Kết cấu của tai - cơ quan thính giác vô cùng tinh tế, có thể nói là một bộ tác phẩm âm nhạc thiên tài. Bộ phận chủ yếu của tai giống như một chiếc đàn hạc, có 64 dây với chiều dài khác nhau, sắp xếp theo một trật tự nhất định, do không gian hạn chế, nó có hình dạng xoắn ốc, giống như một con ốc biển. Mặc dù không gian rất nhỏ, song chiếc "đàn hạc" này có thể phân biệt mọi âm thanh. Vậy thì điều gì đang khêu động những dây đàn này? Hóa ra đằng trước "đàn hạc" có một lớp màng cộng hưởng giống như mặt trống, chỉ cần sóng âm tác động tới màng cộng hưởng thì "dây đàn" sẽ chấn động, như vậy có thể nghe thấy âm thanh của mặt ngoài.

Tai chỉ có 64 dây đàn, bởi vậy không thể phản ứng với mọi âm thanh của giới tự nhiên, có điều, nó hoàn toàn có thể truyền đi chính xác ngôn ngữ loài người. Trước khi trẻ sinh ra, tai đã được hình thành. Tai của trẻ 7 tháng tuổi đã phát triển hoàn toàn và có thể nghe được.

Sau khi tiếp nhận âm thanh, tai truyền nó tới đại não thế nào? Đây lại là một câu hỏi cần lời giải đáp.

Ngôn ngữ hình thành thế nào trong não trẻ sơ sinh? Các nhà khoa học nghiên cứu vấn đề này đã kết luận rằng, thính giác là cơ quan phát triển chậm nhất. Phản ứng thính giác của trẻ mới sinh rất chậm, như thể bị điếc vậy, trừ khi là những âm thanh cực kì lớn, nếu không trẻ sẽ không có bất kì phản ứng nào. Có thể thấy rõ phản ứng chậm chạp của trẻ với âm thanh, nhưng tôi tin rằng trung khu ngôn ngữ của trẻ lại phản ứng mẫn cảm, đặc biệt là ngôn ngữ có kèm theo từ vựng. Hay nói cách khác, cơ quan thính giác của trẻ chỉ phản ứng đối với một số loại âm thanh nào đó.

Kết luận của tôi thế này: Cơ chế ngôn ngữ trong đại não trẻ chỉ phản ứng đối với ngôn ngữ, cơ quan thính giác của chúng có năng lực nhận biết âm thanh. Nếu trẻ không thể phân biệt âm thanh, thì khi trẻ bắt đầu nói sẽ mô phỏng mọi âm thanh, mà không phải là ngôn ngữ của loài người. Để giúp trẻ nắm vững ngôn ngữ cần thiết, tự nhiên đã phân biệt rõ trung khu thần kinh đại não của trẻ, khiến chúng chỉ mẫn cảm với ngôn ngữ. Một đứa trẻ sống cùng bầy sói từ nhỏ, có thể bắt chước tiếng chim kêu, tiếng suối chảy, tiếng lá xào xạc, song không thể nói

tiếng người, cho dù được trở về với xã hội loài người, cũng không thể nắm vững ngôn ngữ. Đó là vì, nó chưa từng được nghe tiếng người, cơ quan ngôn ngữ của cơ thể không được kích thích.

Theo tôi, cơ chế này là cơ chế chuyên dùng cho việc hình thành ngôn ngữ. Con người không thể nói được ngay từ lúc sinh ra, mà phải thông qua cơ chế đặc biệt này, để nắm vững ngôn ngữ. Tự nhiên trao cho trẻ năng lực đặc thù này, để tiếp thu và lý giải ngôn ngữ. Đối với chúng ta, trẻ mới sinh ra chỉ biết ngủ, kì thực trẻ là một thực thể tâm lý có năng lực cảm tri đặc biệt đối với ngôn ngữ. Thời kì thần bí này vừa kết thúc, trẻ dường như tỉnh dậy sau một giấc mơ, đột nhiên, trẻ có thể nghe thấy những bản nhạc hay, hơn nữa mọi thần kinh thính giác đều phát huy tác dụng. Kì thực, trẻ lại không có phản ứng đối với tất cả âm thanh, mà chỉ có thể nghe được ngôn ngữ của loài người.

Sức sáng tạo của sinh mệnh bắt nguồn từ một sức mạnh to lớn, chính sức mạnh này đã "ban tặng" cho trẻ chất cơ bản mang tính trí nhớ, khiến ngôn ngữ được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Không chỉ ngôn ngữ, mà ca nhạc và vũ đạo cũng thế. Mỗi dân tộc đều có âm nhạc của riêng mình, họ sáng tác âm nhạc giống như tạo ra ngôn ngữ riêng. Nói ngược lại, âm thanh của nhân loại chính là âm nhạc, ngôn ngữ chính là nốt nhạc. Mặc dù nốt nhạc không có ý nghĩa, song mỗi dân tộc đều dùng trí tuệ của mình khiến nó mang ý nghĩa đặc thù riêng. Ấn Độ cổ đại từng có hàng trăm loại ngôn ngữ, chúng phân Ấn Độ ra hàng trăm quần thể, mà âm nhạc lại kết hợp họ lại thành một thể thống nhất. Thử nghĩ xem, không có một loài động vật nào biết hát hoặc biết múa, chỉ có loài người là khác, các dân tộc ở khắp nơi trên thế giới này đều biết hát, biết múa.

Ngôn ngữ đã hằn sâu trong tiềm thức con người cho dù chúng ta không thể biết trong cơ thể xảy ra chuyện gì, song những biến đổi bên ngoài sẽ gợi ý cho chúng ta thấy. Trước hết, từng nốt nhạc đi vào tiềm thức của trẻ, về mặt ngữ pháp được gọi là phụ âm, tiếp đến là nguyên âm, sau đó là từ đơn. Khi học, có lẽ trẻ cũng không hiểu ý nghĩa của chúng, sự việc tương tự như vậy cũng diễn ra ở trẻ khi bắt đầu vào lớp 1, trẻ đọc bài rất to, song lại không hiểu ý nghĩa trong đó. Sự kì diệu của quá trình này ở chỗ, trong đại não của trẻ dường như có một người thầy ngôn ngữ. Trước hết, anh ta dạy trẻ phụ âm, sau đó nguyên âm, rồi đến từ đơn. Người thầy này không chỉ giới nắm bắt thời cơ dạy học, mà còn dạy trẻ theo đúng tuần tự các bước, trước hết là học phát âm, học âm tiết sau đó học từ đơn, cuối cùng học ngữ pháp.

Trong quá trình học ngôn ngữ, điều trẻ nắm vững đầu tiên là tên của sự vật. Cách giáo dục của tự nhiên giống với dự đoán của chúng ta, tự nhiên là người thầy tốt nhất, dưới sự chỉ đạo của anh ta, dù ngôn ngữ có khô khan tới đâu, trẻ cũng vui vẻ học, hơn nữa còn rất thích thú, kéo dài tới 3 - 5 tuổi, cũng chính là vào giai đoạn phát triển tiếp theo. Tự nhiên dạy trẻ danh từ, hình dung từ, liên từ, phó từ, động từ, tiền tố, hậu tố và mọi cách thức ngữ pháp, quá trình này hoàn toàn giống với học ở trường. Cuối cùng, chúng ta sẽ phát hiện thấy trẻ đã có thể sử dụng thành thạo ngôn ngữ. Là bề trên, chúng ta sẽ vui mừng trước những thành tích mà trẻ đạt được, chứ không phải nhìn thấy những điểm còn non sót của chúng.

Trong con mắt của một người theo đuổi giáo dục, trẻ được coi là vô cùng thần kì, bởi lẽ chỉ trong vòng 2 năm, trẻ có thể học được nhiều điều đến vậy. Mọi người thường cho rằng, trẻ khoảng 4 tháng bắt đầu ý thức được ngôn ngữ phát ra từ trong miệng. Chúng thường nhìn chằm chằm vào miệng người khác, quan sát môi chuyển động và cố gắng bắt chước, nỗ lực này đã kích thích hoạt động có ý thức ở trẻ. Đương nhiên, công việc chuẩn bị được tiến hành trong vô thức, bởi vì cơ quan phát âm vẫn chưa phát triển toàn vẹn, chưa thể làm việc, nhưng ý thức của trẻ đã được đánh thức, chúng chú ý tới ngôn ngữ, hơn nữa còn vô cùng hứng thú vì điều này.

Sau 2 tháng tiến hành hoạt động này, trẻ bắt đầu phát ra âm thanh đơn âm tiết, tức là khi trẻ được 6 tháng, bố mẹ sẽ nghe thấy trẻ đột nhiên phát ra âm "ba ba", "ma ma", dường như là gọi "bố ơi, mẹ ơi". Trong khoảng thời gian này, chúng chỉ nói được 2 âm như vậy, đây lại không phải là trẻ ngừng phát triển ngôn ngữ, mà cho thấy sự nỗ lực trước đây của trẻ được đền đáp, hiện tại trẻ đã thoát khỏi thời kì học trong tiềm thức, có thể tùy ý học kĩ năng ngôn ngữ.

Khi được 10 tháng tuổi, trẻ đã bắt đầu ý thức được ý nghĩa của âm thanh. Khi bố mẹ nói với trẻ, trẻ sẽ hiểu những lời này biểu đạt một ý nghĩa nào đó và nỗ lực lý giải dụng ý trong đó. Thông thường trẻ bắt đầu nói khi 1 tuổi, trong thời gian 1 năm này, ở trẻ xảy ra 2 điều: Thứ nhất, học ngôn ngữ trong tiềm thức, hơn nữa vượt qua trạng thái ý thức. Thứ hai, xây dựng ngôn ngữ của mình, dù vẫn chỉ là những tiếng "ê a".

Khi 1 tuổi, trẻ bắt đầu nói, mới đầu vẫn là những tiếng "ê a", song cách biểu đạt của trẻ dần dần có mục đích, điều này nói rõ suy nghĩ của trẻ đã vào trạng thái ý thức. Vậy thì, lúc này, trong trẻ sẽ xảy ra chuyện

gì? Nghiên cứu khoa học cho thấy, sự biến đổi xảy ra trong cơ thể trẻ nhiều hơn cả những gì chúng ta nhìn thấy.

Lúc này, trẻ bắt đầu ý thức được mối liên quan giữa ngôn ngữ và sự vật, mong muốn học ngôn ngữ ngày càng mãnh liệt, chính điều đó đã dẫn tới một cuộc xung đột trong cơ thể trẻ, trẻ tìm mọi cách phá vỡ trạng thái vô ý thức trước đây, hướng tới trạng thái có ý thức. Đây chính là xung đột đầu tiên xảy ra trong đời người mà trẻ phải trải qua. Tôi muốn giải thích thêm về điều này. Muốn biểu đạt rõ ràng quan điểm của tôi, cần tiến hành phân tích ngôn ngữ cụ thể, đáng tiếc là ngoại ngữ của tôi rất kém, dù tôi rất muốn giao lưu với các độc giả nước ngoài, song do ngôn ngữ có hạn nên không thể thực hiện được mong muốn này.

Tình cảnh mà tôi phải đối mặt rất giống với trẻ, chúng cũng có mong muốn giao lưu mãnh liệt, cũng đau khổ vì không thể đạt được mục tiêu này. Chúng "tăng cường học tập" trong tiềm thức, không lâu sau đã đạt được những thành tựu khiến mọi người phải kinh ngạc.

Đôi lúc, chúng ta nhìn thấy người lớn nói chuyện với trẻ khoảng 1 tuổi thường "cười thầm trong bụng", cảm thấy người lớn này "quá ngây thơ", kì thực chúng ta lại không nhận thấy những khó khăn mà trẻ gặp phải, không ý thức được rằng nên tạo cơ hội cho trẻ học ngôn ngữ. Dù trẻ chưa thể học được kiến thức ngữ pháp, song khi người lớn nói chuyện với trẻ cũng nên tuân thủ quy tắc ngữ pháp, như vậy có thể giúp trẻ sử dụng ngôn ngữ chính xác.

Từ 1 đến 2 tuổi là thời kì then chốt phát triển ngôn ngữ ở trẻ, người chăm sóc trẻ giai đoạn này cần được trang bị những kiến thức phát triển ngôn ngữ, như vậy mới có thể kết hợp hài hòa với quy luật phát triển tự nhiên. Chúng ta hãy quay lại chủ đề vừa nói ở trên, do ngoại ngữ của tôi rất tệ, các bạn nước ngoài hoàn toàn không hiểu những gì tôi nói, lúc này tôi nên làm thế nào? Tôi có thể bực bội, cáu giận. Trẻ 1 - 2 tuổi cũng sẽ có cùng tâm trạng như vậy, khi chúng chỉ có thể phát âm được 1 - 2 từ đơn, chúng ta thường không hiểu ý chúng muốn gì, chúng sẽ tức giận. Lúc này, chúng ta thường nói: "Đấy anh/chị xem, trẻ rất hay cáu giận". Trẻ không cảm thấy thoải mái, chúng cố gắng nỗ lực để bố mẹ hiểu rõ suy nghĩ của mình. Nếu chúng vẫn chưa biết nói, chúng chỉ có thể biểu đạt sự phẫn nộ. May mà trẻ có năng lực xây dựng ngôn ngữ, mong muốn giao lưu sẽ thúc đẩy việc học tập ngôn ngữ của trẻ.

Trẻ khoảng 1 tuổi rưỡi thì ý thức được tên gọi của từng đồ vật, mỗi đồ vật đều được biểu đạt bằng một từ riêng. Có nghĩa là, trẻ có thể phân biệt ra một số danh từ cụ thể từ những từ nghe được. Đây là một tiến bộ

vượt bậc! Khi trẻ mới bắt đầu nói, chỉ có thể nói danh từ đơn, thuật ngữ tâm lý học gọi những danh từ này là "câu một từ". Chỉ cần chúng ta lưu ý thì có thể phát hiện thấy, trẻ thường nói "Mum", có nghĩa là "Mẹ ơi! con muốn ăn cơm". Trẻ đã thay đổi hình thể của từ đơn, rút gọn chúng thành "câu một từ".

Khi trẻ cảm thấy cô đơn không có ai giúp đỡ do năng lực có hạn của mình, chúng sẽ vô cùng đau khổ. Nếu bố mẹ có thể lí giải suy nghĩ mà chúng biểu đạt chính là đã giúp đỡ chúng rất nhiều rồi đấy.

Trẻ còn thường xuyên nói những từ tượng thanh đơn giản. Ví dụ, chúng nói "gâu gâu" để biểu thị tiếng chó sủa. Chúng ta thường coi kiểu ngôn ngữ này là "ngôn ngữ của trẻ", nghiên cứu của chúng ta về ngôn ngữ của trẻ vẫn còn quá ít.

Trong độ tuổi này, trẻ không chỉ học ngôn ngữ, mà còn hình thành một cách có trật tự. Tâm lý của trẻ từ vô ý thức chuyển sang có ý thức, rất nhiều thứ cần trật tự hóa.

Trẻ luôn mong muốn thoát khỏi sự rối loạn, bước vào một thế giới trật tự. Do vậy, nhiều lần tôi kêu gọi xây dựng một trường học riêng cho trẻ từ 1 đến 1 tuổi rưỡi, nhằm thỏa mãn nhu cầu phát triển của chúng. Chúng ta không nên phân tách trẻ, mà cần cho trẻ thường xuyên tiếp xúc với người lớn, để trẻ được nghe ngôn ngữ đạt tiêu chuẩn.

SỰ HÌNH THÀNH TÍNH CÁCH TRẺ

Sau khi đã tiến hành nghiên cứu thảo luận về tâm lý, sinh lý và hành vi của trẻ nhỏ, chúng ta hãy thảo luận một chút về tính cách và sự hình thành tính cách ở trẻ nhỏ, điều này vô cùng quan trọng đối với sự phát triển của trẻ.

Giáo dục phương Tây rất chú trọng tới việc bồi dưỡng tính cách của trẻ nhỏ, mặc dù trước đó họ còn không biết hàm nghĩa chính xác của tính cách, cũng không biết phải tiến hành giáo dục tính cách thế nào. Lý thuyết giáo dục truyền thống phương Tây cho rằng, sự phát triển của con người không chỉ bao gồm giáo dục trí lực vào giáo dục thực tiễn, mà còn bao gồm cả giáo dục tính cách (biểu thị bằng "X"). Điều này cho thấy giáo dục phương Tây rất coi trọng phát triển nhân cách. Ngoài ra, người phương Tây xưa nay vẫn coi trọng mỹ đức của con người, như dũng cảm, kiên nghị, có trách nhiệm, quan hệ tốt đẹp với người khác,... Do vậy, trong giáo dục truyền thông phương Tây, bồi dưỡng đạo đức cũng chiếm vị trí quan trọng.

Tuy nhiên, tình hình thực tế lại không lạc quan như vậy, hiện nay, rất nhiều người vẫn không lí giải chính xác hàm nghĩa của tính cách, thiếu nhận thức đúng đắn đối với giáo dục đạo đức.

Trước đây rất lâu, các nhà triết học và tâm lý học đã bắt đầu nghiên cứu thảo luận vấn đề này, song vẫn chưa đưa ra một đáp án chính xác. Dù tới nay vẫn chưa có một khái niệm tính cách nào có thể được đa số người đón nhận, song mỗi người đều cảm thấy tầm quan trọng của tính cách. Mấy chục năm nay, nghiên cứu về tính cách tập trung ở cơ thể, đạo đức, trí lực, mong muốn, nhân cách và di truyền. Năm 1876, từ "tính cách học" được sử dụng lần đầu tiên, và tới nay từ này đã trở thành một môn khoa học mới, có điều nó vẫn chưa được hoàn thiện. Nghiên cứu đối với tính cách luôn luôn mang tính thực nghiệm, thiếu nghiên cứu lí luận mang tính chính xác. Theo đuổi công việc nghiên cứu tính cách đa phần là các nhà tâm lý học và khoa học tài giỏi, họ đã nghiên cứu nhiều phương diện đối với tính cách, song một điều đáng ngạc nhiên chính là đối tượng của những nghiên cứu này đều là người lớn, thậm chí những nghiên cứu này cũng đề cập tới ảnh hưởng của di truyền và trước khi sinh. Nhìn từ góc độ lý giải của chúng ta đối với phát triển nhân cách, không nghi ngờ gì đây là một lỗ hổng rất lớn. Đáng tiếc là, rất ít người muốn vá lỗ hổng này.

Ngược lại, nghiên cứu của chúng ta sẽ triển khai từ đây, bắt đầu từ lúc trẻ chào đời và phát triển. Bởi vì, chỉ có hiểu đầy đủ hành vi tự nhiên của trẻ mới có được hướng nghiên cứu mới, mới có thể lí giải ý nghĩa thực sự của tính cách. Nghiên cứu về hành vi của trẻ cho chúng ta thấy, sự phát triển của tính cách không tách rời những nỗ lực của bản thân trẻ. Kiểu nỗ lực này là một loạt hành vi, không liên quan nhiều tới nhân tố bên ngoài, chủ yếu được quyết định ở tiềm năng sáng tạo của trẻ và ảnh hưởng của cuộc sống đối với năng lực sáng tạo này, thúc đẩy trẻ phát triển hay là kìm hãm trẻ. Thế là niềm vui mừng của chúng ta cũng chuyển sang nghiên cứu về sự phát triển tâm lý con người. Như vậy, công việc của chúng ta buộc phải làm lại từ đầu, bắt đầu từ khi trẻ nằm khóc "oa oa", bắt đầu từ thời kì mới hình thành cá tính của chúng, cho tới khi cá tính của chúng được định hình. Nghiên cứu cho thấy, sự phát triển tâm lý của con người quyết định ở quy luật tự nhiên bắt rễ từ trong tiềm thức, điểm này cũng giống với các loài động vật khác. Sự khác biệt giữa người với người chủ yếu thể hiện ở cuộc sống sau này, bởi vì đó là giai đoạn con người sẽ gặp nhiều trở ngại, những trở ngại này gây ảnh hưởng khác nhau đối với tâm lý khác nhau.

Đương nhiên, nếu lí luận này đã hoàn tất thì nhất thiết có thể tiến hành lí giải đối với tính cách mỗi giai đoạn của đời người. Có điều, tạm thời chúng ta chỉ có thể lấy cuộc sống của trẻ làm đối tượng nghiên cứu, xuất phát từ nền móng cơ bản này mới có thể tiến hành nghiên cứu đối với sự phát triển khác nhau của cá tính, bởi vì những hình thức phát triển này được hình thành dưới ảnh hưởng của hoàn cảnh sống.

Hiển nhiên, chúng ta nhận biết tính cách thông qua nghiên cứu hành vi của con người. Như trong chương 1 tôi đã nói, một người từ lúc mới sinh tới 18 tuổi có thể phân thành 3 giai đoạn phát triển: 0 - 6 tuổi, 6 - 12 tuổi và 12 - 18 tuổi (cuốn sách này chủ yếu nghiên cứu giai đoạn đầu tiên), mỗi giai đoạn lại có thể phân thành 2 giai đoạn nhỏ. Nghiên cứu của chúng ta đối với các giai đoạn này cho thấy, sự phát triển tâm lý trẻ nhỏ có sự khác biệt lớn trong các giai đoạn này, đồng thời cũng có sự khác biệt lớn giữa các cá thể.

Chúng ta đã biết, giai đoạn đầu tiên là giai đoạn sáng tạo, mặc dù trẻ mới sinh chưa có tính cách gì đáng nói, song lúc này tính cách đã bắt đầu hình thành, giai đoạn này quan trọng nhất đối với một đời người, sự phát triển tính cách cũng như vậy. Mọi người đều biết, chúng ta không thể gây bất kì ảnh hưởng gì với một đứa trẻ mới sinh đang nằm trong tã lót, chính là nói sự phát triển của tính cách cơ bản được quyết định bởi tự nhiên. Trẻ sơ sinh vẫn chưa có ý thức về tốt và xấu, cũng không chịu ảnh hưởng của quan niệm đạo đức. Thực tế, đối với trẻ giai đoạn đầu, chúng ta không thể đánh giá chúng dựa vào tốt xấu hoặc có đạo đức hay không, bởi vì đa phần chúng chỉ là quá nghịch ngợm. Do vậy, người đọc sẽ không nhìn thấy những chữ kiểu như "tốt, xấu, đạo đức" trong cuốn sách này. Trẻ ở giai đoạn thứ 2 (từ 6 - 12 tuổi) bắt đầu tiếp nhận quan niệm tốt, xấu. Như vậy, chúng không chỉ có thể đánh giá hành vi của bản thân, mà còn có thể đánh giá hành vi của người khác. Đặc trưng chủ yếu của trẻ ở giai đoạn này chính là có thể phân biệt được tốt, xấu, đồng thời cũng có ý thức về đạo đức, cuối cùng cảm giác đạo đức này sẽ hình thành ý thức xã hội. Tới giai đoạn thứ 3, khi trẻ được 12 - 18 tuổi, chúng đã ý thức được mình thuộc về một quần thể đặc biệt nào đó, đã biết rằng cần phải yêu Tổ quốc mình, do vậy đã có kiểu tình cảm "tự hào về dân tộc".

Như ở trên đã nói, giữa 3 giai đoạn có sự khác biệt rất lớn, song mỗi giai đoạn lại là bước đệm cho giai đoạn tiếp theo. Muốn bảo đảm giai đoạn thứ 2 phát triển bình thường thì đòi hỏi giai đoạn đầu phải phát triển tốt. Điều này giống với quá trình sinh trưởng của loài bướm, vẻ đẹp



của con bướm quyết định ở hình thái của ấu trùng, mà không phải ở mô phỏng kiểu mẫu của con bướm khác. Sự phát triển của mọi sinh mệnh đều như vậy, có hiện tại mới có thể sáng tạo tương lai. Cá thể càng được thỏa mãn trong một giai đoạn thì càng phát triển đầy đủ trong giai đoạn tiếp theo.

Sinh mệnh của một người được thai nghén từ trong bụng mẹ, nếu cả bố và mẹ đều không nghiện rượu, cũng không có thói xấu nào, hơn nữa cơ thể khỏe mạnh thì nhất định thai nhi của họ cũng sẽ khỏe mạnh. Đương nhiên, trẻ có khỏe mạnh hay không cũng chịu ảnh hưởng từ môi trường sống của mẹ, ảnh hưởng này chủ yếu ở kì cuối thai nghén, chỉ cần môi trường sống của thai nhi trong cơ thể mẹ tốt đẹp thì thai nhi sẽ phát triển bình thường, hoàn toàn khỏe mạnh khi sinh ra.

Phần trước, chúng ta có thảo luận về vết thương chào đời, vết thương mà trẻ phải chịu đựng khi sinh sẽ dẫn tới suy thoái, gây ra hậu quả nghiêm trọng. Đây cũng giống như thói quen xấu và bệnh tật di truyền sẽ gây nguy hại to lớn.

Ở trên, chúng ta đã thảo luận nguyên nhân khiến thời kì trẻ nhỏ vô cùng quan trọng. Sở dĩ cuộc sống của trẻ trong 2 - 3 năm đầu đời quan trọng là vì ảnh hưởng mà trẻ tiếp nhận trong thời kì này sẽ ảnh hưởng tới cả cuộc đời trẻ. Nếu trẻ bị tổn thương trong thời kì này thì cá tính cũng sẽ phát triển lệch lạc. Cũng chính là nói, nếu trẻ bị cản trở trong quá trình phát triển thì tính cách sẽ khác thường. Nếu trẻ được phát triển tự do, thì hiển nhiên tính cách sẽ bình thường. Nếu chúng ta có thể áp dụng các biện pháp khoa học trong các giai đoạn mang thai, sinh đẻ và nuôi dưỡng trẻ sơ sinh, thì sau 3 năm, chúng ta sẽ có một đứa trẻ khỏe mạnh. Có điều, đây chỉ là một trạng thái lý tưởng mà thực tế cuộc sống không thể đạt được. Bởi vì, trở ngại trong quá trình phát triển của trẻ là điều không thể tránh khỏi. Ngoài ra, so với ảnh hưởng mà thai nhi nhận được sau khi sinh, ảnh hưởng xấu mà trẻ nhận được trong thời kì thai nghén còn nghiêm trọng hơn, đặc biệt là những chất có độc, nguy hại của những chất có độc như thuốc là nguy hại mang tính tai nạn.

Nếu quá trình phát triển của trẻ từ 0 - 3 tuổi gặp trở ngại, hình thành nên khiếm khuyết về tâm lý và tính cách, thì thời điểm chữa trị thích hợp nhất là từ 3 - 6 tuổi. Bởi vì, vào lúc này, tự nhiên đang hoàn thiện và bồi dưỡng toàn diện mọi năng lực của trẻ.

Thực tiễn giáo dục trong trường học chúng tôi đã có những cống hiến quan trọng trong công tác nghiên cứu đối với trẻ từ 3 - 6 tuổi. Dựa theo những kết quả nghiên cứu này, chúng tôi có thể cung cấp những

giúp đỡ cần thiết tới trẻ. Hay nói cách khác, chúng tôi đã tìm ra phương pháp giáo dục khoa học hơn.

Nếu những khiếm khuyết tạo ra trong giai đoạn 0 - 3 tuổi không được chỉnh sửa kịp thời trong giai đoạn 3 - 6 tuổi thì những khiếm khuyết này vẫn sẽ duy trì, hơn nữa ảnh hưởng của chúng ngày một lớn, tới 6 tuổi, tính cách của đứa trẻ này sẽ rất tồi tệ. Sau khi vào giai đoạn phát triển thứ 2, những khiếm khuyết này sẽ gây ra nguy hại, ảnh hưởng tới việc hình thành quan niệm đúng sai của trẻ.

Mọi khiếm khuyết đều sẽ ăn sâu trong tâm lý và trí lực của con người. Nếu hình thành nhiều khiếm khuyết trong giai đoạn đầu, thì sẽ xuất hiện những đặc trưng khác thường ở trẻ 6 tuổi. Nếu tiềm năng của trẻ không được phát triển trong giai đoạn đầu thì giai đoạn thứ 2 sẽ gặp nhiều khó khăn. Những đứa trẻ như vậy sẽ không tỏ rõ đặc trưng đạo đức mà một người thanh niên cần có, hơn nữa trí lực cũng sẽ thấp hơn người bình thường, cũng sẽ không thể hình thành tính cách của mình, khó mà thích ứng với nhu cầu học tập. Tới giai đoạn cuối cùng, những khiếm khuyết này còn mang lại nhiều vấn đề hơn.

Một số trường học coi trọng sự phát triển của trẻ giống như trường chúng tôi đều chuẩn bị riêng cho mỗi trẻ một bộ hồ sơ, những bộ hồ sơ này dùng để ghi lại tỉ mỉ tình hình phát triển cơ thể và tâm lý của trẻ. Chúng có thể giúp giáo viên hiểu rõ tình trạng phát triển từng giai đoạn của trẻ, hiểu rõ vấn đề tâm lý mà trẻ đang gặp phải, từ đó chọn ra biện pháp chữa trị thích hợp. Trong hồ sơ, chúng tôi còn ghi rõ từng thông tin có liên quan tới yếu tố di truyền từ bố mẹ sang trẻ, như tình trạng bệnh tật, tuổi sinh đẻ của bố mẹ, tình trạng của người mẹ trong thời kì thai nghén; Ghi lại tình hình lúc trẻ chào đời, như quá trình sinh nở có bình thường không, trẻ có khỏe mạnh khi sinh ra không và biểu hiện của trẻ sau khi sinh; Ngoài ra, còn ghi lại một số vấn đề trong cuộc sống gia đình của trẻ, như trẻ đã từng trải qua sự khủng hoảng nào chưa? Kỳ vọng của bố mẹ với trẻ liệu có hợp lý không? Liệu có quá nghiêm khắc với trẻ không? Nếu một đứa trẻ có tính cách hơi khác thường, chúng tôi có thể tìm ra nguyên nhân từ những bộ hồ sơ này. Những đứa trẻ 3 tuổi vào học ở trường chúng tôi thường đều có khiếm khuyết, chỉ cần có biện pháp thỏa đáng, thì có thể chỉnh sửa những khuyết điểm này. Dưới đây là một số kiểu tính cách thường gặp.

Có rất nhiều khiếm khuyết về tính cách của trẻ, cần tiến hành "chữa trị" theo các biện pháp khác nhau. Do đó, tôi phân những khiếm khuyết này thành 2 loại: Một là biểu hiện trên cơ thể của trẻ cường

trắng, cường tráng nói ở đây là chỉ những đứa trẻ này có thể khác phục trở ngại; Một loại nữa là biểu hiện trên cơ thể của trẻ yếu đuối, yếu đuối nói ở đây là chỉ những trẻ chịu khuất phục trước những điều kiện bất lợi.

Khiếm khuyết về tính cách của trẻ cường tráng thường biểu hiện: Hay lật lọng, hơn nữa thường xuyên xuất hiện khuynh hướng phần nộ và bạo lực. Những đứa trẻ này có một điểm chung là không phục tùng mệnh lệnh. Chúng tôi coi khuynh hướng này là "bản năng mang tính chiếm đoạt". Chúng thường vô cùng tự ti, đổ kị, hơn nữa có dục vọng chiếm hữu mãnh liệt, thích cướp đoạt đồ của người khác. Trẻ kiểu này còn có một đặc trưng thường thấy, chính là hành vi thiếu tính mục đích, khó tập trung chú ý, cũng không thể kết hợp hài hòa hoạt động của đôi tay, chúng không nắm chắc được vật gì trong tay, thường dễ làm rơi nó xuống đất. Những đứa trẻ này thường không "ngoan ngoãn", chúng thích "kêu gào la hét". Tâm lý của chúng rất hỗn loạn, hơn nữa suy nghĩ rất hồ đồ. Đứa trẻ như vậy thường hay quấy rối và thích trêu chọc người khác, không yêu thích động vật nhỏ, bạn bè cùng trang lứa và thường rất tham ăn.

Khiếm khuyết về tính cách của trẻ yếu đuối biểu hiện như sau: Thường tỏ rõ sự bị động, có những biểu hiện như tiêu cực, lười nhác. Những đứa trẻ này hay khóc, chúng thường dùng cách này để "cầu xin" sự giúp đỡ của người khác; Chúng luôn mong muốn được người lớn giúp đỡ, mong muốn được người khác yêu thương, hi vọng có người chơi cùng. Chúng thường tỏ rõ sự bồn chồn bất an, việc gì cũng cảm thấy sợ hãi, những đứa trẻ kiểu này thường nói dối và còn thích lấy trộm đồ.

Những khiếm khuyết về tâm lý này thường sẽ dẫn tới một số vấn đề về cơ thể. Ví dụ, những đứa trẻ này thường gặp vấn đề trong ăn uống, có đứa chán ăn, có đứa lại ăn mãi vẫn không thấy no, cuối cùng dẫn tới vấn đề về tiêu hóa. Những đứa trẻ này thường gặp ác mộng, sợ bóng tối, sợ cô đơn, ngủ không ngon giấc. Có đứa còn xuất hiện tình trạng thiếu máu hoặc mắc bệnh về gan. Ngoài ra, những đứa trẻ này còn gặp vấn đề về thần kinh. Những bệnh sinh lý kể trên chủ yếu là do tâm lý gây ra, hơn nữa rất khó chữa trị bằng thuốc.

Đó là do một số trở ngại nào đó đã ảnh hưởng tới sự phát triển bình thường của trẻ, dẫn tới bệnh tật cơ thể và khiếm khuyết về tính cách. Dù là trẻ thuộc dạng khiếm khuyết nào đều không được người lớn yêu thích, đặc biệt là những đứa trẻ theo kiểu cường tráng, càng khiến bố mẹ chúng đau đầu khổ sở. Những ông bố bà mẹ này thường tìm cách thoát khỏi trẻ, biện pháp đơn giản nhất đương nhiên là phớt lờ chúng

cho bảo mẫu, hoặc cho chúng đi học. Như vậy, những đứa trẻ đáng thương này đã trở thành "trẻ mồ côi", mặc dù chúng có bố mẹ, song lại không nhận được sự quan tâm và yêu mến của bố mẹ. Dù cơ thể của những đứa trẻ này có khỏe mạnh thì tâm lý của chúng cũng không bình thường, tính cách cũng có khiếm khuyết, tự khắc sẽ gây ảnh hưởng xấu tới hành vi. Những ông bố bà mẹ cũng đang tìm cách đối phó với chúng, một số ông bố bà mẹ tương đối thận trọng xin sự giúp đỡ của người khác, một số ông bố bà mẹ khác lại tự mình giải quyết vấn đề, họ thường yêu cầu trẻ một cách nghiêm khắc, thậm chí đánh, mắng, không cho ăn cơm. Biện pháp thô bạo kiểu này sẽ chỉ mang đến hiệu quả ngược lại, càng khiến bọn trẻ không "tâm phục khẩu phục", dẫn tới xuất hiện nhiều vấn đề hơn.

Thế là, không còn cách nào khác, bố mẹ đành phải quay sang khuyên răn trẻ, nói một số câu đại loại như: "Sao con thường làm mẹ bực mình vậy?", điều này hiển nhiên chẳng mang lại hiệu quả gì. Cuối cùng, hết kiên nhẫn, các ông bố bà mẹ chỉ còn cách "buông xuôi" cái gì đến cứ đến.

Tình huống mà mỗi đứa trẻ theo kiểu bị động tiêu cực gặp phải mỗi khác, chúng thường không thu hút sự quan tâm chú ý của người khác. Hành vi của chúng không có vấn đề gì, các bà mẹ thường cảm thấy chúng rất nghe lời, cho rằng chúng là đứa trẻ ngoan. Dù những đứa trẻ này hay dựa dẫm vào mẹ, lúc nào cũng kè kè bên mẹ, song chúng lại rất ngoan ngoãn, không gây phiền toái, bởi vậy, các bà mẹ cho rằng như vậy là tốt. Có lẽ, họ sẽ tự hào nói rằng, đứa trẻ vô cùng yêu mẹ, rời xa mẹ thì sẽ không chịu lên giường ngủ. Tuy nhiên, một thời gian sau, những bà mẹ này sẽ phát hiện thấy, con mình biết đi, biết nói đều chậm, thì bắt đầu lo lắng. Họ thường nói: "Con tôi rất mạnh khỏe, chỉ hơi mẫn cảm, hơi nhát, việc gì cũng sợ. Sao con tôi không thích ăn, muốn cho nó ăn hết một bát cơm thì phải kể cho nó một câu chuyện. Nó thường thích ngồi một mình với bộ mặt đăm chiêu suy nghĩ, sau này nhất định sẽ trở thành một nhà thơ!".

Song cách suy nghĩ "tự an ủi mình" kiểu này cũng không giúp nổi họ. Cuối cùng, các bà mẹ tin rằng con mình quả thực có vấn đề, đành phải tìm đến bác sĩ, thì mới phát hiện thấy con mình gặp trở ngại về tâm lý.

Nếu như những bà mẹ này được học qua lớp bồi dưỡng của chúng tôi, hiểu rõ quá trình phát triển tâm lý của trẻ thì nhất định sẽ không xảy ra những vấn đề như trên. Bởi vì chúng tôi đã biết, sự thiếu hụt tính

cách của trẻ bắt nguồn từ một số biện pháp sai lầm của bố mẹ. Nếu bố mẹ không chú ý tới trẻ trong thời kì này, trẻ sẽ không có cơ hội làm phong phú não của mình, vì một bộ não nghèo nàn sẽ sản sinh ra rất nhiều vấn đề.

Một nguyên nhân khác dẫn tới khiếm khuyết tính cách là thiếu hoạt động mang tính sáng tạo, những đứa trẻ như vậy cũng sẽ không có cơ hội phát triển đầy đủ. Những đứa trẻ này thường phải ở trong nhà hoặc ở nơi khác một mình, ngoài ngủ ra chúng hiếm có cơ hội làm việc khác, nếu không cũng chính là bố mẹ chúng không cho chúng động tay làm bất cứ việc gì, cuộc sống của con cái nhà quý tộc chính là như vậy. Cách giáo dục này sẽ mang lại hậu quả nghiêm trọng, bởi vì ngoài những thứ có trong tay ra, những đứa trẻ này sẽ không cảm thấy hứng thú với bất cứ cái gì. Lâu dần, dù muốn làm việc gì, chúng cũng không có khả năng để làm, đã cầm côn trùng nhỏ hoặc đóa hoa trong tay rồi, song cũng không biết chơi thế nào, và bắt đầu phá hỏng chúng.

Rất nhiều trẻ có cảm giác lo sợ vô duyên vô cớ, tình trạng này cũng có thể tìm thấy nguyên nhân trong cuộc sống giai đoạn đầu.

Sở dĩ cách giáo dục của trường chúng tôi được công nhận thành công, chính là vì sau một thời gian học tập, những khiếm khuyết về tính cách vốn có của những đứa trẻ vào học tại trường đều biến mất. Trường chúng tôi đã tạo cho trẻ một môi trường tự do phát triển, ở đây chúng có thể phát huy tiềm năng của mình, thúc đẩy tâm lý phát triển. Trường chúng tôi còn chế tạo ra nhiều đồ dùng riêng rất thú vị, mỗi đồ dùng đều mang lại hứng khởi cho bọn trẻ, thu hút sự chú ý của chúng, bọn trẻ có thể tùy ý sử dụng. Chỉ cần bọn trẻ đạt được mục đích như chúng tôi mong muốn thì có thể tập trung được tinh lực, bắt tay vào làm việc một cách say sưa. Lâu dần, những khiếm khuyết trên mình trẻ sẽ biến mất, sự lộn xộn trước đây trở nên trật tự ngăn nắp, sự bị động tiêu cực biến thành chủ động nhiệt tình, từ "hồ đồ không hiểu gì" tới "nắm rõ mọi chuyện". Điều này một lần nữa chứng minh, thiếu hụt tính cách của trẻ không bắt nguồn từ nhân tố bẩm sinh, mà là được hình thành sau này.

Bẩm sinh trời phú ở trẻ mặc dù tồn tại sự khác biệt, song mức độ không quá lớn, mọi hiện tượng bất thường xuất hiện ở trẻ đều bắt nguồn từ 1 nguyên nhân, đó chính là chúng ta đã coi nhẹ cuộc sống tâm lý của trẻ, dẫn tới thiếu "thành phần dinh dưỡng" cần thiết.

Vậy thì, chúng tôi sẽ khuyên các bà mẹ thế nào đây? Trẻ cần sống trong môi trường mang lại hứng thú cho chúng. Người mẹ không cứ gì phải giúp trẻ làm tất cả mọi việc, có khi sự giúp đỡ của người mẹ không



những không cần thiết lại còn có hại. Chỉ cần khi trẻ đang tiến hành làm một việc nào đó thì không nên làm gián đoạn chúng. Quá quan tâm yêu mến, quá nghiêm khắc đều sẽ không giúp gì cho những đứa trẻ nghèo nàn về mặt tinh thần. Điều này cũng giống như đối xử với một người đang gặp đói rét, chúng ta mắng anh ta ngốc nghếch, đánh anh ta một trận hoặc giáo huấn anh ta một bài, đòi hỏi tâm tư anh ta tốt lên, e rằng đó là chuyện không thể, bởi vì người đói chỉ cần thức ăn, bất cứ cái gì khác đều vô nghĩa. Khiếm khuyết về tâm lý của trẻ cũng giống như vậy, người lớn nghiêm khắc hay mềm mỏng với chúng đều không thể giải quyết được vấn đề, vì căn nguyên không phải ở chỗ đó.

Con người là động vật có trí tuệ, không chỉ cần dinh dưỡng về vật chất, mà còn cần cả dinh dưỡng về tinh thần. Không giống với động vật sống dựa vào bản năng, con người nhất thiết phải xây dựng kiểu mẫu hành vi cho riêng mình. Nếu trẻ có thể tự quyết định việc mình nên làm, từ đó hoàn thiện cá tính bản thân, thì tất cả sẽ diễn ra bình thường, không có vấn đề gì. Dù chúng từng có vấn đề nào đó, nhưng hiện tại vấn đề này cũng biến mất. Chúng sẽ không còn gặp ác mộng, không còn chán ăn, buồn bực, tất cả mọi thứ ở chúng đều khôi phục lại bình thường, vì tâm lý của chúng đã được chỉnh sửa.

Có thể thấy, những vấn đề nêu trên không thể giải quyết bằng giáo dục đạo đức, bởi vì đây là vấn đề xuất hiện trong quá trình hình thành tính cách. Hình thành tính cách của trẻ hoặc khôi phục thiếu hụt về tính cách đều không cần sự thuyết giáo của người lớn. Giả sử người lớn xuất phát từ ý đồ đạo đức, tiến hành uy hiếp dụ dỗ trẻ sẽ không mang lại lợi ích gì, mà chỉ làm hại trẻ thêm. Điều chúng ta cần làm và có thể làm chính là: Tạo môi trường sống thích hợp cho trẻ.

TRẺ TỰ BỒI DƯỠNG TÍNH CÁCH



Phần trước, chúng ta đã thảo luận, cách thức trẻ tự xây dựng mình hoàn toàn khác với người lớn, cá tính của trẻ là thứ chúng ta không thể dạy, cũng không thể ép trẻ học, mà dần dần hình thành trong trẻ thông qua hành vi của chúng khi ở giai đoạn 3 - 6 tuổi.

Cá tính không thể tùy ý "nhào nặn", điều này càng đúng đối với cá tính của trẻ. Điều chúng ta có thể làm chỉ là giáo dục một cách khoa học, cố gắng giảm bớt trở ngại ngăn cản quá trình phát triển của trẻ, giúp trẻ hoàn thành thuận lợi quá trình này.

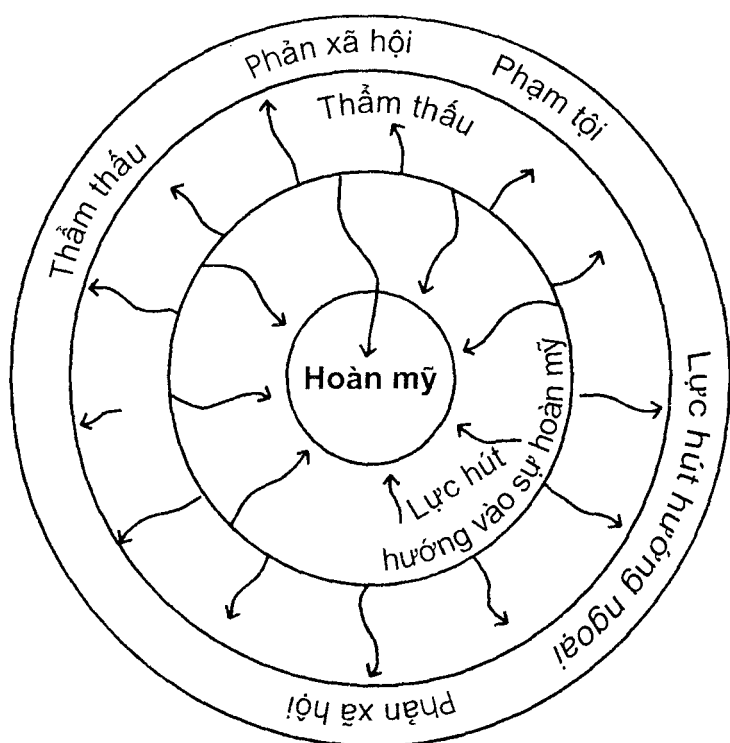
Người lớn thường "bắt lực" trước sự phát triển tính cách của trẻ, họa hoàn lắm chỉ có thể gây ảnh hưởng tới suy nghĩ của chúng bằng biện pháp "nói lý" và khuyên răn khi tính cách của chúng đã được hình thành và đã có thể hiểu được sự giáo dục của người lớn. Chỉ khi trẻ được 6 tuổi, người lớn mới có thể "thuyết giáo" với trẻ, 6 - 12 tuổi trẻ bắt đầu phân biệt được "đạo đức đúng sai", có thể phân biệt tốt xấu, tới 12 - 18 tuổi, bắt đầu tiếp nhận thế giới của người lớn, lúc này, thuyết giáo chúng cũng giống như đối đãi với người lớn. Đáng tiếc là, cách làm này chỉ có thể tiến hành khi trẻ được 6 tuổi, lúc này tính cách và cá tính của trẻ đã được hình thành, không thể tiến hành tạo dựng bằng biện pháp tự nhiên. Chúng ta sẽ phát hiện thấy, bọn trẻ khó mà tiếp nhận suy nghĩ của chúng ta, dù chúng ta mong muốn gây ảnh hưởng hơn nữa với chúng thì vai trò của chúng ta cũng chỉ có thể là gián tiếp, mà không thể gây ảnh hưởng trực tiếp tới chúng.

Một số giáo viên ở các trường học thường oán thán rằng, dù họ đã làm tròn bổn phận của mình, dốc hết nhiệt huyết vào bài giảng, song bọn trẻ dường như lại không học nổi, không phải là vì chúng không có đủ trình độ để hiểu, mà là vì tính cách của những đứa trẻ này khiến chúng không thể học được. Thiếu tính cách tốt đẹp chính là không có "động lực", chỉ những ai có yếu tố tính cách hoặc cá tính nhất định mới có thể thực sự học được. Có điều, đa phần trẻ mới vào trường đều chưa có được tính cách này. Nếu để đến lúc đó ta mới yêu cầu chúng tập trung chú ý thì đã muộn rồi, bởi lẽ chúng khó có thể tự mình làm được điều đó. Ví dụ, chúng ta yêu cầu một số trẻ trên đây học tập nghiêm túc chẳng khác nào nói với người không có chân: "Phải đi cẩn thận nhé!". Kiểu năng lực này dần dần được hình thành trong quá trình phát triển giai đoạn đầu, chúng ta không thể yêu cầu trẻ có năng lực này.

Nếu con cái rơi vào hoàn cảnh đó, bố mẹ nên làm thế nào? Nếu bạn đặt ra câu hỏi này, thường sẽ nhận được câu trả lời như sau: "Đối với thanh niên cần có lòng nhẫn nại, chúng ta cần nỗ lực gây ảnh hưởng tới chúng, cần xây dựng tấm gương cho chúng noi theo". Chúng ta gửi gắm hi vọng vào thời gian và lòng nhẫn nại của chúng ta, cho rằng sẽ tới lúc thu hoạch. Mà trên thực tế, chúng ta chẳng nhận được thứ gì cả, cho tới lúc chúng ta về già, không còn bất kì yêu cầu nào đối với cuộc sống. Tóm lại, thời gian và lòng nhẫn nại không thể mang lại bất cứ thứ gì, biện pháp duy nhất là vận dụng tốt thời kì trẻ tràn đầy tinh thần sáng tạo.

Nếu chúng ta coi toàn bộ nhân loại là một chỉnh thể, đối xử bình đẳng với bản thân và trẻ nhỏ thì sẽ hiểu rõ mọi người trên thế giới này

mặc dù chẳng ai giống ai, song trong sâu thẳm cõi lòng sẽ có một số thứ giống nhau, đó là mọi người đều có khuynh hướng tự mình phát triển. Mặc dù rất nhiều người không có nhận thức đúng đắn về điều này, song trong tiềm thức khuynh hướng này lại chi phối cuộc sống của họ. Dù khuynh hướng này không ảnh hưởng lớn tới tính cách của nhân loại, song nó lại là tiền đề cho nhân loại phát triển. Bởi vì, xã hội giống với cá thể, đều có kiểu khuynh hướng liên tục phát triển này. Dù thế nào, con người cũng thường phát triển theo chiều hướng tốt. Nói cách khác, hành vi của nhân loại không phải là "bất di bất dịch không thay đổi", mà nó thường liên tục phát triển. Dù là giới tự nhiên, sinh mệnh hay nhân loại đều sẽ có khuynh hướng phát triển hướng lên.



Sơ đồ biểu thị trạng thái hoàn mỹ của con người

Vòng tròn ở giữa trong biểu đồ trên đại diện cho trạng thái hoàn mỹ của con người, phần bên ngoài biểu thị những người tương đối mạnh khỏe và cân bằng, những người này thuộc vào trạng thái "bình thường" hoặc gần với trạng thái lí tưởng. Phần xung quanh biểu thị quần thể đông hơn, họ đều thiếu hụt ở một mức độ nào đó, không đạt tới trạng



thái bình thường. Ngoài cùng, có một khu vực tương đối hẹp, biểu thị những người vượt xa phạm vi bình thường, họ là một số người siêu xã hội hoặc phản xã hội. Những người này đều không thể thích ứng với cuộc sống xã hội, hoặc là họ thiếu năng lực tồn tại, hoặc là trở thành phần tử phạm tội. Ngoài một số ít người này ra, tất cả những người khác đều thích ứng với cuộc sống, mặc dù tồn tại sự khác biệt rất lớn về mức độ. Cách giáo dục mà chúng tôi đã nói chính là nhằm vào những người kiểu này.

Con người đã thích ứng với môi trường sống trong 6 năm đầu tiên. Khoảng thời gian này cũng là thời kì khai phá tính cách nhân loại, từ đó có thể thấy, thích ứng xã hội quan trọng đến nhường nào! Vòng tròn ở giữa đại diện cho những người "gần đạt tới hoàn mĩ", những người này mạnh khỏe vô cùng, không chỉ vì họ được trời phú cho tinh lực dồi dào hơn người khác, mà còn vì họ có một môi trường sống tốt. Vòng tròn tiếp theo đại diện cho những người kém họ một bậc, sức lực của những người này tương đối yếu, hơn nữa gặp nhiều trở ngại trong cuộc sống.

Trên thực tế những người có thành tựu to lớn đều có tính cách kiên cường, cơ thể họ cũng tương đối mạnh khỏe, hơn nữa những người này đều có một kiểu khuynh hướng, là sự phát triển hướng tới hoàn mĩ. Ngược lại, những người tính cách yếu đuối sẽ có một kiểu khuynh hướng phát triển khác, chính là hướng tới phản xã hội hoặc siêu xã hội, nếu những người này không thể nỗ lực khắc phục khuynh hướng này thì sẽ sa đọa nghiêm trọng. Những người này cần sự trợ giúp của sức mạnh đạo đức để thoát khỏi mọi cám dỗ xấu xa. Kiểu cám dỗ này lại không mang lại khoái cảm, mà tạo ra áp lực tâm lý to lớn, bởi vì chẳng ai muốn trở thành tội phạm cả. Tuy nhiên, những cám dỗ xấu xa giống như là sức hút của trái đất khiến những người yếu đuối này không thể cự tuyệt, họ cần bảo vệ bản thân, chính là cần sự giúp đỡ của sức mạnh đạo đức để liên tục đấu tranh và phản kháng. Những người này tìm mọi cách trốn buộc bản thân, ngăn chặn mình khỏi tuột dốc. Họ ra sức học hỏi những người được người khác mến mộ, và xem những người này là tấm gương của mình, họ cầu xin thượng đế cho họ sức mạnh, khắc phục kiểu cám dỗ đáng sợ này. Chính vì vậy, những người này dần dần khoác lên mình lớp vỏ bề ngoài đạo đức. Điều này đòi hỏi phải có năng lực kiểm chế cực lớn, bởi vì sự nỗ lực này là nguy trang đối với bản tính, không phải là sự việc nhẹ nhàng thoải mái. Những người này giống như đang

leo núi vậy, nhất thiết phải bám chắc vào một hòn đá thì cơ thể mới có thể giữ được thăng bằng.

Ngày nay, thanh niên không còn muốn nỗ lực về đạo đức nữa, cùng với lúc này, các nhà giáo dục lại đang nỗ lực thuyết giáo và tìm mọi cách giúp đỡ thanh niên. Mặc dù người tiến hành giáo dục cũng gặp phải khó khăn trong vấn đề này, song họ vẫn nỗ lực tạo dựng tấm gương cho người khác. Họ thường nói thế này: "Tôi buộc phải xây dựng một tấm gương tốt cho học sinh. Nếu không chúng sẽ trở thành người thế nào?", chính vì vậy, họ đã đặt thêm một gánh nặng lên đôi vai của mình. Giống như vòng tròn thứ 3 trong biểu đồ đã biểu thị, giáo viên và học sinh đều thuộc về người có đạo đức kiểu này. Đây chính là cách giáo dục của chúng ta hiện nay. Giáo dục đạo đức của chúng ta đã được tiến hành trong môi trường như vậy, chúng ta đã tiếp nhận phương thức giáo dục này, bởi vì đa phần mọi người đều chịu những hạn chế giống nhau. Tóm lại, đạo đức được cho là nhu cầu bản năng của con người, con người tự khắc cần ngăn cản sự sa đọa.

Người đại diện cho vòng tròn trung tâm có ý chí kiên cường, hơn nữa có khuynh hướng tìm kiếm hoàn mỹ, trong đó không có bất kì nhân tố cưỡng ép nào, trong lòng họ thực sự có một kiểu mong muốn, đó là mong muốn tự phát mà không phải xuất phát từ nỗ lực do con người tạo nên. Những người mạnh khỏe kiên cường này sẽ không ăn trộm đồ của người khác và không sợ bị trừng phạt, họ vô cùng cao thượng, ngay cả điều "tiện tay cầm một lọ hoa của người khác" cũng không bao giờ xuất hiện trong tư tưởng của họ. Họ không thích cưỡng bạo và vũ lực, cũng không chịu sự bó buộc của đạo đức. Tóm lại, hành vi của những người này phù hợp với quy phạm đạo đức, song không phải lúc nào họ cũng tuân thủ đạo đức, phẩm chất đạo đức của họ bắt nguồn từ thiên tính "tìm kiếm hoàn mỹ". "Tìm kiếm hoàn mỹ" thực sự xuất phát từ đáy lòng họ. Họ cần hoàn mỹ, mọi hành vi của họ đều bị hạn chế, là vì để thỏa mãn tâm tư của họ, mà không phải là do có một sự hi sinh nào đó.

Cuộc sống chính là như vậy, rất nhiều người mong muốn tuân thủ quy tắc của người trước hoặc tuân thủ quy tắc cũ, hoặc tìm tới các bậc thầy tinh thần nhờ giúp đỡ. Tuy nhiên, người đại diện cho khu vực ở giữa biểu đồ lại không như vậy, họ đều là một số "thánh nhân" không bị cám dỗ. Những người này không cần sự diễn thuyết, chỉ bảo của bất kì người nào, bởi vì thiên tính khiến họ cảm thấy nên tự mình học những quy tắc này.

Sự khác biệt tinh thần giữa người mạnh khỏe và người yếu đuối có thể được nói rõ bằng sự khác biệt của tình trạng cơ thể. Một người có bệnh viêm khí quản mãn tính, ngực không chịu được lạnh, phải tắm bằng nước nóng, hơn nữa, hệ thống tuần hoàn kém, dù người này không có biểu hiện gì bộc lộ ra bên ngoài, song lúc nào họ cũng thận trọng, chú ý rất nhiều vấn đề. Ngoài ra, chức năng tiêu hóa của loại người này cũng kém, muốn duy trì thể lực thì cần bổ sung dinh dưỡng và thuốc. Nếu người này muốn giống với người khác thì càng cần cẩn thận hơn nữa, còn cần luôn luôn nghĩ tới tình huống nhập viện. Chẳng phải nói, người như vậy thường hay lui tới bệnh viện, người nhà rất quan tâm, chăm sóc họ. Song, những người khỏe mạnh lại hoàn toàn khác, họ chẳng phải lo lắng điều gì, muốn ăn gì thì ăn, muốn làm gì thì làm, dù vào mùa gì, dù thời tiết thế nào, họ cũng vẫn có thể ra ngoài, thậm chí có thể nhảy xuống nước bơi vài vòng. Vậy còn những người khác thì sao? Những người này mặc dù cơ thể không có bệnh, song họ thường ở trong nhà, không muốn ra ngoài vào mùa đông, thậm chí đến cả thò đầu ra cửa sổ cũng chẳng muốn.

Vòng tròn thứ 3 trong biểu đồ đại diện cho quần thể yếu đuối, những người này không thể thiếu sự giúp đỡ và động viên về mặt tinh thần, họ lo lắng không yên trước mọi cám dỗ, luôn cảm thấy dưới chân có một hố sâu đang chờ họ. Người ở vòng trung tâm lại không giống vậy, họ không cần bất kỳ sự giúp đỡ nào, cuộc sống mang lại cho họ niềm vui.

Hiện tại, chúng ta hãy xem lại vòng tròn biểu thị sự hoàn mĩ. Ở đây đặt ra một câu hỏi quan trọng, cái gì là tính cách hoàn mĩ? Câu hỏi này không thể có đáp án chính xác, chỉ có thể tiến hành thảo luận. Hoàn mĩ mang nghĩa gì? Là có tất cả mọi phẩm chất đạo đức hay đã đạt tới mức độ tinh thần nào đó? Nếu là mức độ tinh thần cao siêu nào đó thì mức độ này sẽ thế nào? Câu hỏi này cần phải được làm cho rõ. Ở trên đã nói, hành vi của con người chịu sự khống chế của tính cách, hơn nữa liên tục phát triển theo một mục tiêu nào đó, điều này hoàn toàn đúng với mọi người. Giống như vậy, loài người và xã hội cũng đang liên tục phát triển, đây là quy luật tự nhiên. Bởi vậy, cái chúng ta đang thảo luận là một vấn đề trọng tâm. Vì sự hoàn thiện của con người chính là mục tiêu phát triển của nhân loại. Trong lĩnh vực tri thức và khoa học, chỉ cần có người tìm ra những phát hiện mới thì xã hội sẽ tiến lên một bước. Lĩnh vực tinh thần cũng như vậy, chỉ cần tinh thần của một người phát triển tới một giai đoạn mới, thì chính là sự thúc đẩy đối với cuộc sống nhân loại... Văn minh nhân loại hiện đại bao gồm mọi thứ cả về vật chất lẫn tinh thần, đều xuất phát từ đôi tay của hết người sáng tạo này đến người

sáng tạo khác, dù là phát hiện về địa lý hay phát triển của lịch sử đều liên tục tiến lên phía trước. Điều này lại không khó lí giải, bởi vì sinh mệnh chính là một kiểu sức mạnh hướng lên, con người buộc phải liên tục tiến bước, tìm kiếm sự hoàn mĩ của bản thân.

Những người đại diện cho vòng tròn trung tâm đầy ắp niềm tin, trong họ lúc nào cũng tràn đầy hoài bão to lớn, họ cũng không phải cự tuyệt bất kì sự cảm dỗ nào. Tướng quân Bolder là người đầu tiên thám hiểm Nam Cực đã từng tìm cách quyên góp tiền bạc, hơn nữa không hề cảm thấy tội lỗi gì trong việc này, bởi lẽ, mục đích của ông là tới Nam Cực thám hiểm. Ở Nam Cực, tướng quân Bolder gặp rất nhiều khó khăn, song ông không lùi bước, bởi lẽ ý chí tiến thủ mạnh mẽ đang chi phối ông. Theo tôi, tướng quân Bolder chính là một người hoàn mĩ.

Tóm lại, nói từ góc độ tính cách, những người này có tính cách phong phú hơn rất nhiều so với những người đại diện cho vòng tròn thứ 3. Những người ở vòng tròn thứ 3 cần được giúp đỡ nhiều hơn, họ không thể thiếu sự giúp đỡ của người khác, ví dụ phương thức giáo dục của chúng ta lúc nào cũng vậy, không thay đổi thì nhân loại sẽ suy thoái.

Chúng ta có thể thử nghĩ một chút, nếu người ở vòng tròn thứ 3 đứng trên bục diễn thuyết trước trẻ nhỏ thuộc vòng tròn thứ 2, nhất định họ sẽ nói thế này: "Không nên ăn thịt, vì đây cũng là một kiểu tội lỗi". Bọn trẻ sẽ tỏ thái độ thế nào? Đa phần chúng sẽ nói: "Đúng vậy, thưa ông, chúng cháu không thích ăn thịt". Người này nói với người lớn khác: "Anh mặc phong phanh quá, cảm lạnh đấy, nên mặc ấm vào". Lòng tốt của anh ta có thể nhận được câu trả lời thế này: "Tôi cảm thấy rất ấm áp, tôi không thấy lạnh". Hiển nhiên, cách giáo dục của người bệnh ốm yếu này sẽ chỉ có hại cho trẻ nhỏ, mà không hề hướng dẫn trẻ đi đúng đường, bước tới trạng thái hoàn mĩ về nhân cách.

Chỉ cần làm một cuộc nghiên cứu đối với phương pháp giáo dục trong trường học hiện nay, sẽ phát hiện thấy giáo dục của chúng ta tồn tại rất nhiều vấn đề, thậm chí có thể nói là vô cùng tệ hại. Cách giáo dục này rất có thể khiến toàn nhân loại thụt lùi, làm tiêu hao năng lực của con người. Giáo dục nhà trường hiện nay không thể thỏa mãn nhu cầu của con người, giáo dục theo kiểu truyền thụ tri thức đã trở nên lạc hậu, cũng giống như dạy một đứa trẻ biết học đi thế nào, cách giáo dục này chỉ có thể đào tạo ra năng lực cấp thấp mà không phải là năng lực cấp cao. Nếu một người gặp trở ngại trong phát triển tính cách thì sai lầm chính là ở bản thân người đó. Do vậy, một nhà giáo dục nhất thiết phải hiểu rõ nhân tính, tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ, khiến chúng phát huy

năng lực sáng tạo trời phú. Như vậy, người trong vòng tròn thứ 2 sẽ tấn công người trong vòng tròn thứ 3, thúc đẩy nhân loại hoàn thiện. Tâm lý con người chỉ có thể được tạo dựng ở một thời đoạn nhất định trong cuộc đời. Kiểu tạo dựng này đã có thể gặp trở ngại, khiến không thể hoàn thành. Đó là lý do vì sao nhân cách của rất nhiều người chưa phát triển hoàn thiện. Mặt khác, tính cách của con người đã được hình thành trong trạng thái tự nhiên nên chúng ta cần bớt diễn thuyết về đạo đức, tạo điều kiện thuận lợi cho tính cách phát triển. Nếu như vậy, thì chúng ta cần thay đổi phương pháp giáo dục.

Phương pháp giáo dục truyền thống có thể đào tạo học sinh trở thành một người có tri thức, có phẩm chất đạo đức, nhưng có tri thức, có phẩm chất đạo đức lại không thể trở thành một người có năng lực. Giả sử chúng ta có thể đánh thức cảm xúc của loài người, thì tình hình sẽ hoàn toàn khác. Tính cách của con người đã được hình thành trong một giai đoạn nào đó, nếu để lỡ mất giai đoạn phát triển này, thì nó sẽ mãi mãi không thể hoàn thành, và bất kì sự thuyết giáo nào cũng trở nên vô nghĩa.

Sự khác biệt giữa phương pháp giáo dục cũ và mới chính là ở đây. Mục đích của chúng ta là cần thúc đẩy nhân loại tự hoàn thiện mình vào khoảng thời gian thích hợp, khiến sức mạnh nhân cách được phát huy đầy đủ. Hiển nhiên, mục tiêu này không dễ đạt được, bởi vì xã hội đã xây dựng rất nhiều "bức tường thành che chở". Việc đầu tiên mà giáo dục kiểu mới cần làm là, tháo bỏ những "bức tường thành che chở" này, quét sạch mọi trở ngại vì sự phát triển của thể hệ mới. Do vậy, kiểu giáo dục này có thể nói là một cuộc cách mạng không có bạo lực. Nếu cuộc cách mạng giáo dục này thành công, có thể cách mạng bạo lực sẽ biến mất khỏi trái đất này.

GIÁO DỤC Ý CHÍ CỦA TRẺ

Khi trẻ đang chọn thứ mà mình yêu thích trong rất nhiều thứ; Khi trẻ đang lấy một món ăn nào đó từ trong tủ bếp, sau đó lại để nó về vị trí cũ hoặc đưa cho người bạn của mình; Khi trẻ đau khổ khi phải ngồi bên nhìn người bạn chơi đồ chơi mà mình yêu thích; Khi trẻ vừa tập trung tinh thần làm bài tập, vừa chữa lỗi sai trong giáo trình; Khi trẻ ngồi im tại chỗ, chỉ đứng dậy khi nghe thấy tên mình, hơn nữa nhẹ nhàng cẩn thận vì sợ chạm phải bàn ghế sẽ phát ra tiếng kêu. Những hành động

này thể hiện rõ ý chí của trẻ. Trong các nhân tố ảnh hưởng tới việc phát huy tài năng ở trẻ, nhân tố luôn luôn phát huy tác dụng chính là ý chí.

Dưới đây, chúng ta hãy cùng phân tích một số nhân tố phụ trợ của ý chí.

Biểu hiện bên ngoài của toàn bộ ý chí đều thể hiện trong hành động, dù con người chọn hành động gì, như đi bộ, làm việc, nói chuyện, viết lách hoặc mở to mắt để nhìn, nhắm hai mắt lại để suy nghĩ... đều được khống chế bằng một động cơ nào đó. Nhìn từ góc độ khác, ý chí cũng có thể khống chế một số hành vi nào đó, như nó có thể ức chế sự xúc động của chúng ta sau một cuộc phẫn nộ, ngăn cản chúng ta cướp đồ vật trong tay người khác chỉ vì dục vọng cá nhân, tất cả đều là hành động tự nguyện. Bởi vậy, ý chí sẽ không dẫn tới hành vi bùng nổ, nó còn có thể dẫn dắt hành vi.

Nếu như không đi kèm với hành động thì sẽ không có hình thức biểu hiện của ý chí. Ví dụ, một người muốn làm việc tốt lại chần chừ do dự, muốn lập công chuộc tội lại không bắt tay vào thực hiện, muốn đi thăm hỏi bạn bè hoặc viết thư cho bạn lại chẳng làm gì, thì anh ta chưa hoàn thành hoạt động của ý chí, chỉ là ở trong tưởng tượng mà thôi. Chỉ có nguyện vọng là thứ không bao giờ đủ, còn mọi cái đều quy về hành động, hơn nữa điểm mấu chốt là ở hành động. Ý chí có bao nhiêu sức sống thì hành động sẽ có bấy nhiêu sức mạnh. Mọi hành động đều là kết quả của sự cân bằng giữa hai sức mạnh xóc nổi và ức chế. Dưới tác dụng của hai kiểu sức mạnh này, hành vi liên tục lặp lại thì sẽ hình thành thói quen.

Sự thực là, khi chúng ta đang bình phẩm hành vi cử chỉ của một người có giáo dục, mọi động tác mang tính thói quen của anh ta thuộc vào tình huống: Có lẽ, chúng ta sẽ tới thăm một người bạn nào đó vì sự xóc nổi nhất thời, song khi chúng ta ý thức được hôm nay là ngày anh ta không tiếp khách, chúng ta rất có thể sẽ làm phiền anh ta, thì chúng ta sẽ từ bỏ ngay ý định này. Khi bạn đang ngồi thoải mái ở một góc phòng, một phụ nữ "đức cao trọng vọng" đi lại phía bạn, bạn sẽ hiểu rằng cần phải đứng lên, gật mình chào hoặc bắt tay cô ta.

Khi chúng ta biết rằng món mứt mình muốn ăn chính là món mà người hàng xóm yêu thích, thì sẽ rất cẩn thận khi "thưởng thức" nó, cố gắng không để người hàng xóm phát hiện ra. Lúc này, hành vi của chúng ta không chỉ bị chi phối bởi sự xóc nổi, nó cũng đã thể hiện sự lễ phép và có giáo dục. Một mặt, nếu không xóc nổi, chúng ta sẽ không



tham gia bất kì hoạt động xã hội nào, mặt khác, nếu không có năng lực ức chế, chúng ta cũng không thể sửa chữa, uốn nắn và lợi dụng sự xóc nổi của chính mình.

Chính hai sức mạnh hoàn toàn trái ngược nhau này đã tác dụng qua lại, hình thành nên thói quen của chúng ta. Nếu đã có thói quen này, khi làm việc, chúng ta không cần thiết phải quyết tâm nỗ lực nhiều hơn nữa, cũng không cần hoàn thành nó bằng suy lí và tri thức, vì nó hầu như đã trở thành một động tác mang tính thói quen. Có điều, hành động mà chúng ta nói tới ở đây lại không phải do bản năng tạo ra mà là một kiểu thói quen.

Bên cạnh chúng ta, trong quá trình trưởng thành, có một số người lại không được giáo dục một cách đúng đắn. Họ chỉ tiếp nhận một số kiến thức trên phương diện kỹ thuật. Bởi vậy khó tránh khỏi phạm sai lầm, liên tục xảy ra sai sót trong cuộc sống thường ngày. Vì, họ bị ép phải chấp hành một mệnh lệnh nào đó theo đúng thời gian và địa điểm. Hơn nữa từ đầu tới cuối, họ đều ở trong trạng thái cảnh giác và khống chế ý thức. Đây là một kiểu nỗ lực được duy trì liên tục, điều này hoàn toàn khác với thói quen của những người nho nhã. Đối với kiểu người sau, ý chí sẽ liên tục điều chỉnh ở bên ngoài ý thức (hoặc xung quanh ý thức), khiến bản thân có những phát hiện mới và nỗ lực hơn.

So với người trưởng thành, trẻ là một sinh mệnh bé nhỏ phát triển vẫn chưa thật cân bằng, dễ xóc nổi. Do vậy, bản thân chúng sẽ khuất phục trước sự ức chế. Ở trẻ, hai sức mạnh trái ngược nhau hoàn toàn về ý chí vẫn chưa dung hòa làm một, vẫn chưa tạo cho trẻ một cá tính mới. Cho tới thời kì "tâm lý mọc mầm", hai sức mạnh này vẫn ở vào trạng thái phân ly. Có điều, chúng ta nên từ bỏ nỗ lực, bởi vì sự dung hòa này và sự thích ứng lẫn nhau nhất định sẽ xảy ra, và có tác dụng trợ giúp trong tiềm thức trẻ.

Vậy nên, chúng ta cần sớm khơi dậy hành vi tích cực của trẻ. Bởi vì, nhìn từ góc độ phát triển con người, đây là điều căn bản nhất. Cần nhắc nhở là, mục đích của chúng ta không phải là bồi dưỡng trẻ trở thành một người có thân thể nhỏ bé sớm có suy nghĩ của người trưởng thành, mà là thúc đẩy trẻ rèn luyện ý chí của mình, xây dựng sớm hơn nữa mối quan hệ qua lại giữa ức chế và xóc nổi. Do vậy, chúng ta nên để trẻ hoạt động cùng bạn bè đồng trang lứa, tôi luyện ý chí của trẻ từ trong cuộc sống thường ngày. Để trẻ chuyên tâm vào một công việc nào đó, đồng thời từ bỏ mọi hoạt động không cần thiết hoặc không liên quan tới việc hoàn thành công việc này. Để trẻ lựa chọn những năng lực có lợi cho vận động

phối hợp cơ bắp, đồng thời tiếp tục duy trì cho tới khi động tác phối hợp cơ bắp này trở thành thói quen. Khi trẻ bắt đầu biết tôn trọng công việc của người khác, biết nhẫn nại đợi thứ mình muốn (mà không phải chạy tới cướp trên tay người khác), khi trẻ chạy nhảy khắp nơi mà không đâm hoặc vấp vào chân bạn khác (hoặc làm đổ bàn ghế...) tất cả đều cho thấy trẻ đang rèn luyện ý chí của mình, đang nỗ lực cân bằng xúc nổi và ức chế. Sự hình thành kiểu thái độ này đã nói lên, trẻ đang chuẩn bị hòa nhập vào cuộc sống xã hội.

Ngược lại, nếu chúng ta chỉ cho trẻ ngồi "bất động" ở một chỗ, giữa chúng không thể xây dựng bất kì mối quan hệ nào thì cuộc sống xã hội của trẻ cũng không thể phát triển được.

Thông qua tự do giao lưu, để trẻ tự tiến hành rèn luyện thích ứng lẫn nhau thì trẻ mới có thể xây dựng được khái niệm về xã hội. Việc thuyết giáo đơn thuần nên làm thế nào không phải là giải pháp tốt giúp trẻ bồi dưỡng ý chí. Muốn trẻ có cử chỉ nho nhã, chỉ gieo vào trẻ khái niệm "lễ phép" hoặc "quyền lợi và nghĩa vụ" không thôi chưa đủ. Trong mọi tình huống tương tự, muốn trẻ phát triển định hình, điểm cơ bản nhất chính là rèn luyện ý chí của trẻ.

Trong giáo dục bồi dưỡng tính cách trẻ thời kì đầu, khơi dậy mọi cơ chế có ích là vô cùng cần thiết. Giống như vận động, để trẻ luyện tập thể thao vô cùng có ích, bởi vì cơ bắp không được rèn luyện sẽ không thể hoàn thành vận động mà sức mạnh cơ bắp cần. Thậm chí, để bảo đảm tính năng động của hoạt động tâm lý, vận động mang tính thể thao cũng rất cần thiết. Cơ thể không được luyện tập sẽ không hoàn chỉnh, một người có cơ bắp rệu rã nhất định không muốn tham gia bất cứ hoạt động nào.

Đối với loại người này, khi họ cần lựa chọn hành động để thoát khỏi nguy hiểm thì chỉ có "ngồi im chờ chết". Một đứa trẻ có ý chí mềm yếu hoặc đã mất ý chí có thể dễ dàng thích ứng với một trường học chỉ bắt nó ngồi im một chỗ nghe giảng hoặc giả vờ nghe giảng. Tuy nhiên, kết quả mà những đứa trẻ này thu được thường khiến người ta cảm thông, dù trong bản nhận xét, nhà trường có đánh giá chúng là "phẩm chất ưu tú, thành tích học tập tốt" thì có một số đứa thường phải tới bệnh viện để chữa trị rối loạn thần kinh. Đối với trẻ như vậy, giáo viên thường khuếch trương rằng chúng nghe lời, phục tùng. Kết quả, những đứa trẻ này chỉ có thể chìm đắm trong suy yếu giữa môi trường không có bất cứ sự khuấy nhiễu nào, khiến bản thân bị nhấn chìm giống như những hạt cát bị cuốn trôi.

So sánh một chút, những đứa trẻ hoạt bát hiếu động lại thường bị trách cứ là nghịch ngợm hoặc không nghe lời. Khi chúng ta thảo luận về tính cách nghịch ngợm của chúng, những người bên cạnh chúng thường đồng thanh nói rằng: "Trẻ không lúc nào chịu ngồi yên". Sự hiếu động của bọn trẻ còn bị trách cứ thành "xâm phạm lợi ích của bạn học khác", mà sự "xâm phạm" của chúng thường thế này: Tìm mọi cách kích động những bạn học "ngoan ngoãn", để những người bạn này tham gia vào đội ngũ của chúng. Một nhóm trẻ cực đoan khác là những đứa trẻ chịu sự ức chế chi phối, chúng thường vô cùng xấu hổ, khi trả lời câu hỏi cũng do dự không quyết, dù được khích lệ rất nhiều, đã miễn cưỡng trả lời câu hỏi, song nói rất bé, có đứa trả lời xong còn bật khóc.

Đối với 3 nhóm trẻ kể trên, nhất thiết cần để chúng tham gia tới luyện bằng các hoạt động tự do. Khi một đứa trẻ có ý chí mềm yếu nhìn thấy đứa trẻ khác đang tiến hành hoạt động lý thú, nó sẽ có được những sự kích thích hữu ích nhất. Khi những đứa trẻ thoát khỏi trạng thái bị giám sát và được tự do hành động theo ý thích của mình, chúng sẽ tìm tới một sự cân bằng giữa quá hiếu động và quá ức chế. Đây cũng là con đường quan trọng khiến toàn thể nhân loại được giải phóng, nó khiến người yếu đuối có được sức mạnh, người mạnh mẽ càng hoàn thiện mình hơn.

Liệu có thể tìm thấy sự cân bằng giữa xóc nổi và ức chế? Đây là một câu hỏi thú vị vẫn đang được bệnh lý học nghiên cứu. Chúng ta cũng thường phát hiện thấy tình trạng này ở một số người bình thường, dù mức độ không quá nghiêm trọng, song giống như muôn vàn khiếm khuyết mà chúng ta gặp phải trong giáo dục trẻ, câu hỏi này cũng đã trở nên quá quen thuộc.

"Xóc nổi" có thể khiến tội phạm có những hành vi gây nguy hại tới người khác, đồng thời cũng khiến người bình thường phải hối hận vì những nỗi khổ mà mình phải chịu, do những hành vi thiếu chín chắn mang lại. Nhìn chung, trong mọi tình huống, dễ "xóc nổi" sẽ mang lại cho con người sự nguy hại vô cùng lớn. Họ sẽ chịu tổn thất về sự nghiệp, và hạn chế sự phát triển tài năng của họ.

Một người được bệnh lý học phán là vật hi sinh của sự ức chế bản thân nhất định là một người bất hạnh. Dù anh ta ở vào trạng thái "yên lặng không hoạt động", đồng thời giữ được bề ngoài yên tĩnh, song trong lòng anh ta lại tràn đầy khao khát được hoạt động. Những khao khát không được thỏa mãn này sẽ giày vò tâm hồn, khiến anh ta có một cảm giác bị ức chế đáng sợ! Anh ta mong muốn nhận được sự giúp đỡ của bác

sĩ, muốn thổ lộ với họ về nỗi bất hạnh của mình, để tìm kiếm sự an ủi của linh hồn cao thượng! Không biết có bao nhiêu người từng trải qua nỗi khổ như vậy!

Trong cuộc đời, họ vốn có nhiều cơ hội thích hợp để thể hiện giá trị của mình, song họ đã không làm như vậy. Họ vốn nhiều lần định biểu đạt cảm xúc thật sự của mình nhằm xoay chuyển cục diện khó khăn, song lại khóa chặt cổ họng, và giữ vẻ trầm lặng không nói. Họ vốn khao khát ngóng trông có một người nào đó hiểu, khích lệ và an ủi tâm hồn cao thượng của họ, song khi đối diện với người mình ngưỡng mộ, họ lại không thể thốt nên lời. Điều duy nhất họ có thể cảm nhận được là nỗi đau khổ cực độ trong lòng cho dù sự xóc nổi đang đốc thúc ý thức của họ là phải: "Nói đi! Nói đi!", song sự ức chế lại ngăn trở họ một cách vô tình giống như gặp phải sự tác động mãnh liệt của sức mạnh tự nhiên không thể chống đỡ.

Muốn chữa trị bệnh này, không còn cách nào khác, là thông qua giáo dục vận động tự do để xóc nổi và ức chế của họ đạt mức cân bằng.

Cần hiểu rằng, loại người có thể hành động đúng đắn trong tiềm thức lại không phải là người có ý chí mà chúng ta đã nói. Như chúng ta đã từng đề cập trước đây, một phụ nữ được giáo dục, hơn nữa xuất thân cao quý có lẽ là một người không hề có ý chí, không hề có cá tính. Loại người này không phải người chúng ta cần, cái chúng ta cần bồi dưỡng là phẩm chất của một người. Mối quan hệ giữa người với người và toàn xã hội được xây dựng từ đây. Chỉ có nhờ vào năng lực bên bĩ bất khuất qua nhiều thế hệ, mới có thể duy trì phát triển một xã hội.

Phẩm chất này là nền móng của cá tính hòa hợp trong một con người. Không có nó, cuộc đời của con người giống như một cơ thể phân ly thành tế bào đơn, mà không phải là một chỉnh thể hữu cơ liên quan tới nhau. Phẩm chất cơ bản này đã thể hiện tình cảm và mạch suy nghĩ của một người, cũng chính là "cá tính" mà chúng ta đã nói. Một người có cá tính sẽ trở thành người kiên định không lung lay, trung thành với hành động, niềm tin và tình cảm của mình. Chính những người làm việc bên bĩ kiên định này mới tạo ra giá trị to lớn cho xã hội.

Bất kì một người sa đoạ nào, trước khi nảy sinh động cơ phạm tội và làm trái với tình cảm của mình, trước khi lỡ bước sa chân (thậm chí từ bỏ tín ngưỡng cao thượng), anh ta thường sẽ có biểu hiện lười nhác hoặc không thể làm việc kiên trì. Một người thật thà trung thực, cử chỉ đúng mực, trước khi bộc lộ rõ động cơ bạo lực hoặc hành vi khác thường, anh ta thường có biểu hiện "không còn tập trung sức lực vào công việc nữa".

Mọi người thường cho rằng, những cô gái chăm chỉ sẽ trở thành những bà vợ hiền thực, một công nhân tốt thường là người thật thà chất phác, (anh ta có thể mang lại hạnh phúc cho người vợ). Cái tốt nói ra ở đây lại không phải chỉ năng lực của anh ta mà là một kiểu hăng hái "không bao giờ hết".

Ví dụ, một nhà nghệ thuật làm hàng giả có kĩ xảo cao siêu trong lĩnh vực chế tác sản phẩm thủ công nhỏ, song lại thiếu ý chí trong công việc, chúng ta sẽ cho rằng anh ta chẳng có gì là xuất sắc. Trong con mắt của người khác, anh ta không thể "tê gia lập nghiệp", mà là một người chồng, người cha thiếu trách nhiệm, hơn nữa còn mang lại nguy hại cho xã hội. Ngược lại, một người thợ thủ công vừa khiêm tốn, trung thành, trong lòng anh ta tràn đầy yếu tố hạnh phúc sáng tạo và cuộc sống tĩnh lặng thì chúng ta sẽ đánh giá được anh ta là người có cá tính và là một người có thể chinh phục thế giới.

Trong cuộc sống tinh thần, một đứa trẻ xây dựng nên cân bằng và trật tự bên trong, khiến cá tính phát triển, đồng thời kiên trì liên tục trong suốt cả quá trình thì nó sẽ có thể tạo phúc cho tập thể giống như người lớn. Đứa trẻ chuyên tâm dốc sức rèn luyện bản thân này đang nỗ lực biến mình thành một người "kiên định", một người có cá tính mới mẻ, một người có toàn bộ phẩm chất ưu tú của nhân loại. Mọi nỗ lực sẽ khiến anh ta có một đặc trưng cơ bản của người thành công: Làm việc bền bỉ kiên định. Chỉ cần trẻ có thể làm được điều này, thì dù trẻ lựa chọn công việc gì, nó đều có thể làm tốt như nhau. Bởi vì giá trị thực sự không ở bản thân công việc. Công việc chỉ là con đường sáng tạo và làm phong phú thêm thế giới nội tâm của một người.

Loại người thường hay quấy rầy công việc của trẻ chỉ vì muốn trẻ làm một số việc mà họ cảm thấy quan trọng, hay cho rằng địa lý rất quan trọng đối với việc hướng dẫn trau dồi đạo đức của trẻ nên không cho trẻ học số học... những người này đã làm xáo trộn mối quan hệ giữa mục đích và thủ đoạn, họ đã làm hỏng chính những đứa con chỉ vì sự hư vinh của mình.

CẦN KIÊN TRÌ RÈN LUYỆN Ý CHÍ

Kiên trì nỗ lực làm việc, tạo dựng thói quen sàng lọc những động cơ gây nên xung đột; đưa ra quyết định đối với sự việc nhỏ nhất trong cuộc sống vụn vặt thường ngày; dần dần gây ảnh hưởng tới hành vi của người

khác; liên tục tăng cường khả năng tự chỉ đạo đối với những hành vi lặp lại nhiều lần, tất cả những điều này đều là nền móng hình thành cá tính kiên định. Ở đây, đạo đức sẽ "đóng quân" trong cơ thể chúng ta giống như một nòng công chúa ẩn sâu trong lâu đài.

Đương nhiên, muốn "kiến tạo" một "gian phòng" cho đạo đức cư trú, chúng ta còn cần tăng cường khống chế thỏa đáng bản thân. Đương nhiên, quan trọng hơn nữa là để khôi phục lại tâm lý đã quá mệt mỏi. Chúng ta cần phải kiên trì rèn luyện ý chí.

Khi bọn trẻ tiến hành các hoạt động nội tâm phức tạp, đòi hỏi phải so sánh và phán đoán thông qua tự rèn luyện. Một mặt, chúng dùng phương thức này để có được trí lực trật tự rõ ràng, mặt khác cũng bồi dưỡng nên ý chí của chúng. Đây là một "môn học" có thể giúp trẻ tự đưa ra quyết định trong tình cảnh không dựa vào ý kiến người khác. Sau khi nắm vững môn học này, bọn trẻ có thể hiểu rõ mọi sự việc gặp phải trong cuộc sống thường ngày. Chúng có thể tự đưa ra quyết định một cách có chọn lựa đối với những thứ mà chúng muốn có. Chúng sẽ không kìm nén cảm xúc, hòa mình theo tiết tấu bản nhạc để làm tinh thần thoải mái. Khi muốn yên tĩnh thì chúng sẽ ức chế động cơ tự mình hành động. Kiểu nỗ lực kiên trì bồi dưỡng cá tính này đều được thực thi thông qua quyết định cá nhân.

Từ đây, sự trật tự rõ ràng đã thay thế cho sự rối ren lúc đầu, sinh mệnh của con người đã bước vào trạng thái tự phát, làm biến mất sự hoài nghi và nhút nhát rụt rè.

Nếu không cho sự trật tự và rõ ràng ăn sâu trong suy nghĩ của trẻ, mà để tư duy của chúng ở vào trạng thái rối loạn, thậm chí để chúng thuộc lòng một loạt bài văn, thì sẽ chỉ cản trở sự phát triển và ngăn cản chúng đưa ra quyết định, mặt khác điều này còn giảm đi ý chí của chúng. Những gì giáo viên chọn phương pháp này sẽ biện luận rất chân thành rằng: "Trẻ không nên có ý chí của mình". Bởi vì khi giáo dục trẻ, họ chưa từng suy nghĩ tới yêu cầu "tôi muốn" xuất phát từ đáy lòng trẻ.

Hậu quả của cách giáo dục này thật không tưởng tượng nổi. Thực tế, họ đang ngăn cản sự phát triển ý chí thời kì đầu của trẻ, khiến trẻ trở nên nhút nhát và khi không có sự giúp đỡ, đồng ý của người đứng sau, ngay cả dũng khí gánh vác trách nhiệm chúng cũng không có.

Ví dụ, một phụ nữ cố ý hỏi một đứa trẻ vốn đã biết rằng quả anh đào có màu đỏ: "Quả anh đào màu gì hả cháu?". Nào ngờ, vừa bị hỏi đến đứa trẻ rụt rè này vô cùng hồi hộp, nó căng thẳng tới mức không biết trả lời thế nào, vội vàng nói: "Cháu đi hỏi cô giáo đã".

Ý chí có sẵn để một người đưa ra quyết định là chức năng quan trọng nhất, buộc chúng ta phải xây dựng và liên tục phát triển nó. Theo bệnh lý học thì, chức năng này rất khác biệt so với các nhân tố ý chí khác, nó là cột chống đỡ nhân cách. Trong bệnh tâm lý có một loại bệnh là "bệnh hoài nghi", triệu chứng rõ rệt nhất của bệnh hoài nghi là không thể đưa ra quyết định, kèm theo đó là một trạng thái khổ sở nghiêm trọng.

Tôi đã từng gặp một bệnh nhân điển hình mắc "chứng hoài nghi" trong một bệnh viện tâm thần. Người bệnh này lục lọi thùng rác ở khắp mọi nơi. Anh ta sợ có vật gì đó hữu ích rơi vào trong thùng rác, thậm chí khi anh ta chuẩn bị mang rác đi, còn gõ cửa khắp các nhà một lần nữa để hỏi xem liệu họ có vứt thứ gì có giá trị vào thùng rác không, tới khi được xác thực là không có gì nữa thì anh ta mới đi. Một lát sau anh ta lại quay lại, lại gõ cửa từng nhà, vòng tuần hoàn được lặp lại. Cuối cùng anh ta đành phải nhờ đến bác sĩ, xem liệu có cách nào tăng cường ý chí không.

Do vậy, chúng tôi cũng đã nói đi nói lại với anh ta rằng, trong thùng rác chẳng có gì có giá trị cả, anh ta có thể yên tâm đi làm việc của mình. Sau khi nghe những lời này, mắt anh ta tràn ngập hi vọng, hôm anh ta lẩm bẩm mãi câu "tôi có thể yên tâm rồi" sau đó bước đi. Song một lát sau, anh ta lại quay lại, vẫn mang nỗi hoài nghi trong lòng hỏi: "Tôi đã thực sự yên tâm được chưa?" Chúng tôi lại bảo anh ta rằng: "Anh thật sự có thể yên tâm rồi", lần này là vợ anh ta đưa anh ta tới. Chúng tôi nhìn qua cửa sổ, thấy vợ chồng anh ta đang giằng co nhau, anh ta lại một lần nữa quay lại, lần thứ 3 anh ta đứng trước cửa phòng chúng tôi, vẫn hỏi với vẻ không yên tâm: "Tôi thật sự có thể đi được chưa?".

Thực tế, trong đầu người bình thường cũng ẩn chứa nhân tố của căn bệnh này. Ví dụ, khi một người chuẩn bị ra khỏi nhà, sau khi khóa cửa xong, anh ta vẫn sẽ lắc lắc ổ khóa vài cái, hơn nữa đi được vài bước, anh ta vẫn sẽ quay đầu nhìn lại để xem cửa đã khóa thật chưa. Dù anh ta biết rằng cửa đã khóa, hơn nữa còn nhớ rõ đã lắc ổ khóa vài cái, song vẫn có một cảm giác không thể kiểm chế khiến anh ta quay lại, xem cửa liệu đã thực sự khóa chưa.

Tình trạng này cũng xảy ra ở một số trẻ. Ví dụ, trước khi ngủ chúng thường thích kiểm tra xem dưới gầm giường liệu có con vật nào như chó, mèo không. Kết quả là, chúng chẳng nhìn thấy gì, thực tế, trong lòng chúng cũng hiểu dưới giường chẳng có gì.

Nếu muốn để ý chí hoàn thành có hiệu quả và thể hiện rõ giá trị của nó trong cơ thể thì chúng ta cần tiến hành rèn luyện ý thức, điều này vô cùng có ích đối với việc bồi dưỡng tính chính xác của hành vi. Chúng ta đều biết, khi chân chưa học những bước nhảy cơ bản thì sẽ không thể nhảy. Đôi tay chưa được rèn luyện kỹ thuật động tác thì không thể đánh được đàn piano. Tuy nhiên, sự vận động hài hòa của các động tác cơ bản này và việc bồi dưỡng lí giải năng lực đều cần bắt đầu từ trẻ sơ sinh. Trong hoạt động sinh lý thuần túy, cơ bắp của chúng ta tiến hành vận động với 2 phương thức khác nhau mà không phải là với cùng một phương thức.

Ví dụ, có cơ bắp dùng để duỗi cánh tay ra, có cơ bắp dùng để thu cánh tay về, có cơ bắp có thể khiến bạn ngồi được, có cơ bắp lại khiến bạn đứng lên. Từ đó có thể thấy, mọi hoạt động mà chúng lựa chọn thường có tính đối kháng. Mỗi động tác trên cơ thể đều là kết quả của sự tác động qua lại giữa những bắp thịt có tính đối kháng này. Trong vận động, lúc này cơ bắp đang làm việc, lúc sau lại là cơ bắp khác, giữa chúng có sự trợ giúp lẫn nhau. Thông qua sự hợp tác này, chúng ta có thể hoàn thành những động tác tuyệt vời nhất, những động tác có sức sống, đẹp dễ tinh xảo, phóng khoáng khiến chúng ta không những có tư thái nho nhã mà còn có thể thực hiện nhịp nhàng các động tác.

Để khiến những động tác có tính đối kháng kết hợp ăn ý với nhau thì cần tiến hành rèn luyện trên phương diện động tác. Điều cần chú ý là: Khi chúng ta tiến hành luyện tập động tác, nhất định phải phối hợp nhịp nhàng các động tác một cách tự nhiên, rồi mới có thể tiến hành luyện tập động tác đặc biệt (như thể dục thể thao và vũ đạo). Nếu bạn muốn phối hợp nhịp nhàng các động tác của mình thì cần liên tục tập luyện. Dù là những động tác uyển chuyển, nho nhã hay những động tác đầy uy lực thì cũng đều cần phải rèn luyện không ngừng.

Ở đây, ý chí đương nhiên phát huy tác dụng, ví dụ, bạn muốn mình dốc sức vào thể thao, vũ đạo, thuật phòng thân hoặc tham gia thi đấu, bạn cần có ý chí mạnh mẽ để thực hiện ước muốn đó. Thể thao thường là tùy ý, dù là những động tác phối hợp cơ bắp bước đầu hay những kỹ xảo phối hợp cấp cao hơn được thiết kế sau này. Tóm lại, ý chí giống như một viên sĩ quan chỉ huy, đang chỉ huy một đội quân có tổ chức chặt chẽ, kỷ luật nghiêm minh và kỹ thuật điêu luyện.

Để bồi dưỡng tính năng động chủ quan của trẻ, bất kì ai cũng sẽ không để trẻ ở vào trạng thái hoàn toàn yên tĩnh, càng không lấy keo dính chặt tứ chi của trẻ, khiến cơ bắp trẻ thu nhỏ, thậm chí là tê liệt.

Tuy nhiên, chúng ta cũng không thể chỉ kể cho trẻ nghe một số câu chuyện tình tế có liên quan tới thành hề nhỏ, diễn viên xiếc, quán quân quyền anh và vận động viên nhảy cầu để khích lệ trẻ, làm trẻ dấy lên khát vọng mô phỏng mãnh liệt. Hiển nhiên, đây là một kiểu hành vi hoang đường không thể ngờ.

Không chỉ vậy, chúng ta còn từng làm những việc hoang đường hơn. Để bồi dưỡng ý chí của trẻ, kết quả mà chúng ta có được lại thường ngược lại hoặc đã gây trở ngại cho sự phát triển hoặc giết chết ý chí của trẻ. Chúng ta thường muốn dùng ý chí của mình để thay thế ý chí của trẻ, dựa theo ý chí của mình hoặc để trẻ hoạt động liên tục hoặc không cho trẻ làm gì cả. Chúng ta còn đưa ra sự lựa chọn giúp trẻ, quyết định mọi việc của trẻ. Làm được vậy, chúng ta mới thỏa mãn trong lòng, với cái gọi là ý chí chính là hành động. Ngoài ra, chúng ta còn gieo vào lòng trẻ một số câu chuyện về các nhân vật anh hùng hoặc vĩ nhân có ý chí kiên cường dưới hình thức thần thoại. Cho rằng, chỉ cần trẻ bắt chước được hành vi của những người này thì chúng sẽ có ý thức xốc nổi mãnh liệt và tạo ra kì tích.

Khi học lớp 1, tôi gặp một cô giáo vô cùng "tốt". Cô yêu cầu chúng tôi ngồi yên tại chỗ, mặc dù đã mệt lắm rồi, nhưng cô vẫn "say sưa" giảng. Để khích lệ chúng tôi, cô bảo chúng tôi mô phỏng những nhân vật nữ kiệt xuất, đặc biệt là nữ anh hùng trong truyện, yêu cầu chúng tôi ghi nhớ cuộc đời của những người này. Vì muốn chúng tôi xuất chúng hơn người, cô yêu cầu chúng tôi đọc rất nhiều truyện kí của những người nổi tiếng, từ đó khiến chúng tôi cảm thấy trở thành anh hùng là điều có thể, bởi vì nữ anh hùng trên thế giới này nhiều như vậy, mọi nỗ lực mà cô bỏ ra chỉ là để nói với chúng tôi rằng: "Các em cũng nên nỗ lực để trở thành nổi tiếng!". Khi có người hỏi tôi rằng: "Lẽ nào chị không muốn nổi tiếng?", tôi thản nhiên trả lời rằng: "Không! Tôi chẳng muốn tạo nào. Tôi quan tâm tới tương lai của trẻ hơn tất cả mọi thứ, chứ tuyệt đối không đem truyện kí của những nhân vật nổi tiếng vào trong bài giảng".

Các nhà giáo dục học khắp nơi trên thế giới tới tham dự Hội nghị giáo dục tâm lý đã từng thốt lên thế này: Thanh niên thiếu cá tính đã gây uy hiếp cực lớn đối với nhân loại. Tuy nhiên, theo chúng tôi, vấn đề hiện nay lại không phải là nhân loại thiếu cá tính mà là trường học đã tàn phá cơ thể bọn trẻ, làm yếu đi ý chí của chúng, điều cần làm hiện nay là tìm hành động giải phóng bọn trẻ. Như vậy, năng lực tiềm ẩn trên cơ thể con người mới được phát triển.

Còn có một vấn đề quan trọng hơn nữa, chính là nên sử dụng ý chí kiên cường của chúng ta như thế nào. Điều này chỉ có thể dựa vào: Ý chí đã phát triển và trở nên kiên cường. Có một câu chuyện thường được lấy làm ví dụ để bồi dưỡng ý chí cao thượng của trẻ: Khi đã về già, Vittorio Alfieri vẫn kiên trì tự học, với con tim tràn đầy nghị lực, ông đã tìm thấy sự hứng thú trong học tập mà thời đi học không hề có. Dù khi đó ông đã có vị trí trong xã hội, song ông vẫn nỗ lực học tiếng La Tinh và kiên trì không mệt mỏi, trở thành nhà văn nổi tiếng trên thế giới. Khi nói về việc ông thực hiện thế nào sự thay đổi này, một giáo viên người Italia thường đưa ra một câu danh ngôn thế này: "Kiên trì, liên tục kiên trì, kiên trì không mệt mỏi".

Trước khi đưa ra quyết định trọng đại làm thay đổi cả cuộc đời mình, Vittorio Alfieri chẳng qua chỉ là một thứ đồ chơi của một quý phu nhân nổi tiếng nhờ sự tự do phóng khoáng trong giới xã hội thượng lưu. Ông ý thức được nếu tiếp tục làm nô lệ tình cảm cho người khác thì sẽ phá hỏng cuộc đời mình, suy nghĩ này đã khơi dậy trong ông mong muốn "phải nâng cao bản thân".

Tuy nhiên, chính vào lúc ông cảm thấy mình trở thành một nhân vật vĩ đại, cơ thể tràn đầy sức mạnh; Chính vào lúc ông chuẩn bị vận dụng những sức mạnh này và làm theo sự chỉ dẫn của chúng, giao cả cuộc đời mình cho chúng thì vị phu nhân đó đã cho người mang tới ông một bức thư sức nức hương thơm, và ông lại bị lôi trở lại biệt thự, sống cùng quý phu nhân đó. Có thể nói, ông "xuất quân đã gặp bất lợi", khi ông vừa hạ quyết tâm thì sức hấp dẫn của phu nhân đó đã chiến thắng ý chí kiểm chế cảm dỗ của ông. Tuy nhiên, khi sống trong biệt thự, được xem những vở kịch vô vị nhạt nhẽo, ông cảm thấy vô cùng cảm phẫn và vô cùng đau khổ. Thời gian này, ông sống trong nỗi khốn khổ khôn cùng, cuối cùng, sinh lòng căm ghét vị phu nhân mê hoặc lòng người này.

Thế là, ông quyết hành động. Ông tự xây một hàng rào ngăn cách giữa mình và quý phu nhân đó, quyết cắt bỏ đuôi sam đại diện cho thân phận cao quý của mình. Không còn đuôi sam thì chẳng còn dám ra khỏi cửa, ông lại dùng dây thừng buộc chặt mình vào ghế, dù tâm thần bất định khi ngồi trên ghế, song hầu như ông chẳng đọc được chữ nào. Dù rất muốn tới gặp người tình, nhưng vì đã bị trói chặt, đầu cũng không còn đuôi sam nên ông đành phải ngồi yên trong phòng.

Chính nhờ vào câu danh ngôn "Kiên trì, liên tục kiên trì, kiên trì không mệt mỏi", ông mới giúp mình có được tự do, đồng thời cứu được mình ra khỏi vực sâu sa đọa, trở thành nhân vật vĩ đại bất hủ.

Thông qua giáo dục ý chí trẻ nhỏ, chúng tôi hy vọng có thể mang tới cho trẻ những thứ như vậy. Chúng tôi mong muốn bọn trẻ được giải thoát ra khỏi suy nghĩ hư vinh sa đọa của nhân loại, để chuyên tâm làm việc. Chúng tôi mong muốn dẫn dắt trẻ theo đuổi sự nghiệp, phấn đấu để bản thân trở thành một nhân vật vĩ đại.

Cần chú ý là, kiểu nhiệt tình và hi vọng đầy áp tình yêu này thường dễ đặt trẻ vào vị trí được che chở, lại gây bất lợi cho sự phát triển của chúng. Chúng ta muốn biết, lẽ nào bọn trẻ không có năng lực tự giải cứu mình? Có! Bọn trẻ yêu chúng ta bằng tất cả con tim, sự nhiệt tình chứa đựng trong con tim nhỏ bé của trẻ đã cảm hóa chúng ta. Không chỉ vậy, bọn trẻ còn có một thứ có thể khống chế cuộc sống tâm hồn, đó chính là trẻ có tiềm năng tự phát triển.

Chính kiểu tiềm năng này đã dẫn dắt trẻ tiếp xúc với một thứ gì đó và tìm hiểu nó. Chúng ta đã làm những gì cho trẻ? Chúng ta nói với trẻ: "Đừng sờ vào". Trẻ chạy nhảy khắp nơi, mục đích là để đi vững vàng hơn, chúng ta lại hét lên với trẻ: "Đừng chạy lung tung nữa!" Trẻ hỏi chúng ta một câu hỏi, vốn là muốn thu được chút kiến thức, chúng ta lại trả lời trẻ một cách thiếu kiên nhẫn: "Đừng làm phiền nữa!". Thì cũng giống như vị phu nhân đáng yêu đó đối xử với Alfieri trong biệt thự, chúng ta chỉ là đặt trẻ bên cạnh, yêu cầu trẻ nghe lời, cho trẻ một số đồ chơi mà trẻ lại không thích. Cũng giống như Alfieri đã nghĩ thế này khi cảm thấy quá vô vị: Vì sao người mà mình yêu say đắm lại muốn hủy hoại mình; Vì sao cô ta muốn làm mình đau khổ bằng sự tự do phóng khoáng? Lẽ nào chỉ vì mình yêu cô ta?

Do vậy, nếu bọn trẻ muốn cứu vớt chính mình thì cần có tâm hồn kiên cường giống như Vittorio Alfieri, song đáng tiếc là, bọn trẻ thường không làm được như vậy.

Chúng ta thường không ý thức được trẻ đã trở thành vật hi sinh. Chúng ta dùng mệnh lệnh và quyền lực để yêu cầu trẻ làm thế này hoặc làm thế kia, chúng ta một mặt mong muốn trẻ trở thành người lớn, mặt khác lại không để trẻ tự trưởng thành.

Khi đọc câu chuyện về Vittorio Alfieri, có lẽ rất nhiều ông bố bà mẹ nghĩ rằng con trai mình sẽ có nhiều triển vọng hơn, bởi vì con trai họ không cần tạo ra một số vật cản cho mình (ví dụ cắt tóc hoặc buộc mình lên ghế) để khống chế cảm dỗ. Họ hi vọng khống chế cảm dỗ bằng một kiểu sức mạnh tinh thần. Người bố giàu trí tưởng tượng này tuyệt đối sẽ không hỏi mình rằng: Mình đã làm những gì để khiến con trai trở nên kiên cường, để khiến nó có được tinh thần cao hơn nữa? Anh ta rất có

thể chính là một người chà đạp ý chí của con trai, khiến trẻ trở nên hoàn toàn phục tùng.

Không có người bố nào có thể đạt tới giới hạn cao như vậy. Hỡi các ông bố bà mẹ và những người làm công tác giáo dục, nhiệm vụ của các bạn chủ yếu là bảo vệ và nâng cao năng lực của trẻ, mà không thể cản trở sự phát triển của trẻ.

BỒI DƯỠNG KHẢ NĂNG TẬP TRUNG CHÚ Ý CỦA TRẺ

Khi chúng tôi bố trí cho trẻ một môi trường có lợi cho sự phát triển tâm lý, chúng tôi hi vọng thấy trẻ nhanh chóng có thể tập trung sự chú ý vào một vật nào đó, và sử dụng nó dựa theo cách mà chúng tôi tạo ra, hơn nữa, hành vi này được lặp đi lặp lại nhiều lần. Chúng tôi thấy, số lần lặp lại của mỗi trẻ đều khác nhau, một đứa trẻ có thể lặp 20 lần, trong khi đứa khác lại là 40 lần, thậm chí có đứa lại có thể đạt 200 lần. Đây chính là sự đi trước mở đường cho những hành vi có liên quan mật thiết với sự phát triển tâm lý.

Thức đẩy trẻ có biểu hiện này là một kiểu xúc động "nguyên thủy" bên trong, cũng giống như con người có ý thức mơ hồ khi đang đói khát. Muốn giải quyết nỗi xúc động sinh ra trong đói khát này thì cần dẫn dắt ý thức của trẻ hướng tới mục tiêu đúng đắn, để nó trở thành một hoạt động trí lực vừa cơ bản, lại phức tạp, có thể tiến hành lặp lại. Ví dụ, một đứa trẻ đang mải mê sắp xếp một số miếng ghép hình lập thể hoặc 10 chiếc que nhỏ, đồng thời liên tục di chuyển vị trí của từng miếng ghép, khi nó làm liên tục 30 hoặc 40 lần thì đột nhiên phát hiện thấy mắc một lỗi hoặc phát hiện ra vấn đề nào đó, thế là nó bắt tay vào giải quyết vấn đề. Sau đó, nó càng ngày càng thấy hứng thú với trò chơi này, đồng thời tìm cách làm lại. Thực tế, điều này thúc đẩy trẻ tiến hành hoạt động tâm lý có lợi cho sự phát triển bên trong.

Có lẽ, chính do vai trò ý thức bên trong kiểu này, đã khiến trẻ cảm thấy rất vui khi được sử dụng đồ vật này, hơn nữa còn liên tục sử dụng đi sử dụng lại chúng. Thật giống như chúng ta không thể làm thỏa mãn cơn khát của một người đang khát bằng một ngụm nước nhỏ, mà chúng ta phải cho anh ta uống no nước, nghĩa là, nhất thiết phải cho anh ta uống đủ lượng nước cần thiết. Như vậy, muốn thỏa mãn sự đói khát tâm lý của trẻ, chỉ cho chúng xem đồ vật qua một lượt thì không đủ, chỉ giảng cho chúng quá trình sử dụng của đồ vật thì càng không thể giải quyết được vấn đề, mà điều cần làm là thỏa mãn nhu cầu thực sự của



chúng, để chúng được sở hữu và sử dụng những đồ vật này một cách thoải mái.

Chúng ta nên coi tất cả những điều này là nền móng cấu thành tâm lý. Đây là bí quyết duy nhất trong việc tiến hành giáo dục hành vi của trẻ. Chúng ta cũng nên tạo cho trẻ môi trường thuận lợi để chúng được tự do hoạt động, với mục đích cuối cùng là thỏa mãn hoạt động tinh thần. Bởi vậy, khi trẻ chơi đùa, chúng ta cho trẻ những miếng ghép hình lập thể để trẻ hiểu kiến thức về kích cỡ đồ vật. Những miếng ghép hình phẳng được thiết kế cũng không chỉ là để trẻ hình thành khái niệm liên quan tới hình dạng, mà mục đích là bồi dưỡng tính năng động quan sát của trẻ. Những bài luyện tập này có thể giúp trẻ thu được những kiến thức đúng đắn, đồng thời khiến trẻ luôn tập trung chú ý khi học những kiến thức này. Thực tế, chính do những tri thức cảm giác mà trẻ thu được một cách chuẩn xác từ các mặt như màu sắc, hình dạng, phạm vi, khiến hoạt động tinh thần của con người thẩm thấu vào mọi lĩnh vực. Đồng thời, có thể thu được thành tựu lớn hơn.

Cho tới nay, các nhà tâm lý học nhất trí cho rằng, không tập trung chú ý là đặc trưng của trẻ 3 - 4 tuổi, chúng thường bị hấp dẫn bởi tất cả những thứ mà chúng nhìn thấy, sự chú ý của chúng sẽ liên tục thay đổi từ đồ vật này sang đồ vật khác. Cũng chính là nói, trẻ khó mà tập trung chú ý vào một vật cố định nào đó. Xem ra, muốn trẻ tập trung chú ý rất khó, đây chính là trở ngại mà người lớn gặp phải khi giáo dục trẻ. William James từng chỉ ra rằng: "Chúng ta đều biết sự chú ý của trẻ có tính dễ thay đổi, tính dễ thay đổi này có thể được phản ánh ngay trong bài học đầu tiên của chúng. Đặc tính này kết hợp với đặc điểm mang tính bị động của sự chú ý ở trẻ, càng khiến trẻ chỉ tập trung chú ý vào những thứ ngẫu nhiên nhìn thấy, đây là khó khăn đầu tiên mà giáo viên cần phải khắc phục. Năng lực tự động phục hồi từ trạng thái chú ý dễ thay đổi này là nền móng cho chúng hình thành khả năng phán đoán, tính cách và ý chí, giáo dục thúc đẩy chúng cải tiến năng lực này mới là giáo dục tốt nhất".

Từ đó có thể thấy, nếu một người tùy ý làm việc theo thiên tính của mình thì không bao giờ có thể tập trung sự chú ý, anh ta chỉ có thể liên tục thay đổi sự chú ý của mình từ vật này sang vật khác với những hiểu biết trong lòng.

Thực tế, trong thí nghiệm mà chúng tôi từng tiến hành, giáo viên lại không phải là người khiến trẻ tập trung chú ý, mà chính một vật thể cố định nào đó đã thu hút sự chú ý ở trẻ. Trong cùng một tình cảnh,

những vận động phức tạp mà trẻ sơ sinh hoàn thành khi hoạt động chịu khống chế bởi nhu cầu dinh dưỡng vô ý thức đầu tiên, lại không phải là kết quả tìm kiếm có ý thức. Thực tế, trẻ sơ sinh lúc này vẫn có thể có ý thức rõ ràng.

Bởi vậy, nổi lên sớm nhất là một kiểu kích thích bên ngoài cơ bản, nó là dòng sữa tinh thần thực sự, chúng ta có thể nhìn thấy sự tập trung cao độ trên khuôn mặt bé nhỏ của trẻ.

Tôi phát hiện thấy, một đứa trẻ 3 tuổi đã có thể lặp đi lặp lại 50 lần liên tục một động tác giống nhau, lúc này có rất nhiều người vây xung quanh nó, còn có người đánh đàn, một đám trẻ cất cao tiếng hát, trong môi trường náo nhiệt đến vậy cũng không thể phân tán sự tập trung cao độ của nó. Giống như vậy, một đứa trẻ sơ sinh đang bú mẹ, dù xung quanh xảy ra chuyện gì nó vẫn sẽ bú, cho tới khi nào nó mới thôi.

Chỉ có tự nhiên mới có thể tạo ra kì tích đến vậy. Hành vi tâm lý xuất phát từ tự nhiên, chúng ta buộc phải tìm kiếm sự huyền bí của tự nhiên. Trước hết, cần hiểu rõ giai đoạn mở đầu của tự nhiên, bởi vì những thứ đơn giản nhất này là nền móng chỉ rõ quy luật khách quan, cũng là chỉ kim nam giải thích các hiện tượng phức tạp hơn. Thực tế, rất nhiều nhà tâm lý học cho rằng, để có được những kiến thức liên quan tới sinh mệnh nên bắt đầu từ quan sát sinh vật. Nếu Fabre không cho côn trùng tự do thực hiện hình thức biểu hiện của chúng. Đồng thời khi quan sát không có bất kì sự can thiệp nào đối với hành vi của côn trùng; Nếu ông chỉ tóm lấy côn trùng, cho nó vào trong phòng nghiên cứu thì chỉ có thể dùng những con côn trùng này làm thí nghiệm, mà không thể chỉ rõ những kì tích đã xảy ra trong cuộc sống côn trùng.

Nếu các nhà vi khuẩn học không tạo ra một môi trường giống với tự nhiên cho vi khuẩn phát triển trên phương diện chất dinh dưỡng và điều kiện nhiệt độ, từ đó khiến vi khuẩn có thể sinh tồn tự do; Nếu họ chỉ giới hạn bản thân bằng việc quan sát một loại vi khuẩn gây bệnh qua kính hiển vi, thì môn khoa học cứu vớt sinh mệnh con người và đảm bảo một quần thể không lây nhiễm bệnh sẽ không thể ra đời.

Muốn khiến mọi sinh mệnh hành động một cách tự do, công việc cơ bản chính là quan sát sinh vật bằng mọi biện pháp. Tự do là điều kiện tiến hành nghiên cứu thí nghiệm về sự chú ý của trẻ, cần nhớ rằng, phải nhấn mạnh vào những kích thích chú ý của trẻ, và tính thích ứng sinh lý trên phương diện cảm quan của trẻ. Do sinh lý của trẻ phát triển chưa toàn diện, đòi hỏi chúng ta phát triển tính thích ứng này thuận theo tự nhiên. Trong quá trình phát triển tính thích ứng, nếu một vật

thể không thể trở thành vật kích thích hữu ích của năng lực thích ứng thì nhất định không được để trẻ tập trung chú ý về tâm lý. Hơn nữa còn tạo ra sự mệt mỏi về sinh lý, thậm chí làm tổn thương tới các cơ quan mang tính thích ứng như mắt, tai. Khi trẻ được tự do lựa chọn đồ vật và tập trung chú ý cao độ trong khi sử dụng đồ vật, thì trẻ có thể trải nghiệm thấy một kiểu hoạt động lành mạnh vui vẻ. Kiểu luyện tập này còn có ích đối với mọi cơ quan trên cơ thể.

Điều cần chú ý là, trung khu thần kinh có liên quan tới kiểu kích thích bên ngoài này cũng cần làm tốt khâu chuẩn bị cho việc thúc đẩy hình thành tưởng tượng. Nói cách khác, chính là cần làm tốt hoạt động thích ứng tâm lý bên trong. Khi kích thích bên ngoài phát huy tác dụng, trung khu thần kinh não sẽ lần lượt được kích thích thông qua trình tự bên trong, sức mạnh bên trong lại có thể mở thông cánh cửa, nếu sức mạnh bên trong không nỗ lực mở thông cánh cửa thì dù sức mạnh kích thích bên ngoài có mạnh đến đâu cũng chỉ là "vô ích". Một người "lơ là không tập trung" có lẽ do lơ đãng mà bị ngã xuống hố, trong khi một người "chuyên tâm vào công việc" lại không hề bị ảnh hưởng bởi đoàn nhạc diễu hành trên phố.

Sự chú ý được tâm lý học coi trọng nhất, nó cũng đã thể hiện giá trị thực dụng nhất về mặt giáo dục. Nghệ thuật của người giáo viên chính là ở chỗ nắm vững sự chú ý của trẻ, khiến họ tràn đầy kì vọng vào giáo dục, và khi bọn trẻ "gõ cửa", chúng sẽ mang tới họ sức mạnh "mở cửa" bên trong. Tuy nhiên, nếu công việc này hoàn toàn xa lạ hoặc khó lí giải thì không thể khơi dậy hứng thú trong trẻ. Giáo dục thực tế là một môn nghệ thuật dẫn dắt trẻ đi từ chưa biết tới biết, từ dễ tới khó. Thông qua cánh cửa lớn của lĩnh vực chưa biết thần kì, chúng ta dạy trẻ những kiến thức sâu hơn và hướng sự chú ý của trẻ vào trạng thái kì vọng.

Dựa theo lý luận giáo dục học, giáo viên giỏi giống như một nhà quân sự, đang chuẩn bị phương án tác chiến trong phòng làm việc, phân công nhiệm vụ cho các sĩ quan chỉ huy, dẫn dắt người khác nhắm vào phương hướng đã định. Quan niệm giáo dục này xuất phát từ chủ nghĩa duy vật của tâm lý học thống trị lâu nay. Dựa theo lý luận của Herbert Spencer, suy nghĩ đầu tiên chỉ là một vũng "bùn" chẳng có giá trị gì cả. Sau này, do tác dụng của các nhân tố bên ngoài, khiến nó để lại những vết tích nông, sâu khác nhau. Ông cho rằng, chính kinh nghiệm đã tạo ra con người, chỉ cần chuẩn bị một "cơ cấu kinh nghiệm" thích hợp trong hệ thống giáo dục thì có thể tạo nên một con người. Thậm chí có người cho rằng, protein đã là nền móng hữu cơ của tế bào, thì ngoại hình của

nó có thể được con người chế tạo ra. Thậm chí, dựa theo cách nói tế bào trứng của con người cũng là một loại tế bào. Chúng ta tin rằng sẽ có một ngày, con người có thể được chế tạo ra từ phòng thí nghiệm của các nhà hóa học. Song, trong lĩnh vực vật chất, không có bất kì hợp chất hóa học nào có thể đưa vào tế bào sức sống thiếu vật chất bên ngoài, sinh mệnh tiềm ẩn và nhân tố thần bí "tế bào phát triển thành người".

Hiện tượng "trẻ khó mà tập trung chú ý" này bảo với chúng ta, con người với tâm hồn nhạy bén sẽ chịu những bó buộc của quy luật tự nhiên. Nhà tâm lý học hiện đại William James cho rằng, sức mạnh tinh thần là một trong những nhân tố thần bí của sinh mệnh, Dante cũng nói: "... loài người không biết trí tuệ cao siêu nhất của mình từ đâu mà có, cũng không biết dục vọng của mình đối với vật chất có từ bao giờ, loài người chỉ giống như một con ong, dựa vào bản năng của mình để tìm mật...". Thái độ đặc thù của con người đối với sự vật bên ngoài cấu thành một phần thiên tính đã quyết định đặc trưng tính cách của anh ta. Sự chú ý của chúng ta sẽ không bị hấp dẫn bởi những thứ không quan trọng, mà là bị hấp dẫn bởi những thứ mà chúng ta thấy thích thú. Chỉ những thứ có thể khơi dậy sức sống bên trong mới có thể khiến chúng ta hứng thú. Trong lòng chúng ta sẽ tiến hành chọn lựa những thông tin mà thế giới bên ngoài mang tới. Ví dụ, họa sĩ có thể phát hiện thấy màu sắc phong phú nhất trên thế giới này, nhạc sĩ lại dễ bị hấp dẫn nhất bởi âm thanh. Dù sống trong cùng một môi trường, một số người nào đó vẫn thể hiện rõ đặc trưng cá tính, biểu hiện nội tâm và sự khác biệt giữa mình với người khác. Tuy nhiên, họ sẽ chỉ có được những thứ mà mình muốn từ môi trường. Còn kinh nghiệm "hình thành cái tôi" thu được từ thế giới bên ngoài sẽ không thể "nói lẫn làm một" giữa mình với người, hơn nữa còn chịu sự chi phối của năng lực cá nhân.

Đối với trẻ, giáo viên không thể khiến trẻ tập trung chú ý vào một đồ vật nào đó. Hiển nhiên, sự tập trung chú ý này là kết quả của sức mạnh bên trong. Từ các thiên tài trong truyện kí lịch sử, chúng ta phát hiện thấy, dù tính cách của mỗi người khác nhau, song đều có sự chú ý cao độ. Ví dụ Archimedes bị giết chết trong khi đang miệt mài nghiên cứu các hình vẽ, ông làm việc hăng say tới mức khi bị kẻ địch tấn công ngay trong thành cổ Xula mà vẫn không hề hay biết. Newton cũng như vậy, ông say sưa với công việc quên cả ăn cơm. Khi sáng tác một bài thơ. Một nhà thơ người Ý không hề bị ảnh hưởng bởi những tiếng ồn ào náo nhiệt của đám cưới diễn ra ngay dưới cửa sổ nhà ông.

Tuy nhiên, không có bất cứ một giáo viên kinh nghiệm nào có thể khơi dậy đặc trưng chú ý mà các nhân vật thiên tài có, dù cho nghệ thuật dạy học của người đó có cao siêu tới đâu.

Nếu nói trong lòng trẻ có một sức mạnh tinh thần đang phát huy tác dụng, thông qua đó có thể mở rã cánh cửa chú ý của trẻ, thì vấn đề ở đây chính là vai trò trong cơ cấu tâm trí của trẻ liên quan tới tự do. Nó không phải là một câu hỏi giáo dục đơn giản. Xét từ góc độ logic, thông qua sức mạnh bên ngoài để cung cấp tới trẻ thành phần dinh dưỡng cần thiết cho tâm lý, tôn trọng thái độ tự do phát triển của trẻ bằng các phương thức hoàn mỹ, tạo nền móng để xây dựng một phương pháp dạy học mới.

Thông qua thực nghiệm khoa học để xây dựng những thứ cần thiết cho tâm lý phát triển, chúng ta có thể quan sát thấy sự phát triển của rất nhiều hiện tượng sinh mệnh phức tạp. Trong quá trình này, lí tính, ý chí và tính cách sẽ phát triển cùng nhau, giống như khi dinh dưỡng đủ, não, dạ dày và cơ bắp của trẻ sẽ đồng thời phát triển.

Trước hết, chúng ta sẽ phát hiện thấy trẻ cảm nhận được sự ra đời của năng lực, nó đã cung cấp hạt mầm đầu tiên cho sự phát triển trí năng, để bổ sung hứng thú của bản năng. Khi vừa xảy ra tình trạng này, "cảm nhận" bắt đầu tạo dựng cho trẻ một cơ chế tâm lý kiểu như chú ý. Như vậy một lần nữa lại xảy ra diễn biến từ đã biết tới chưa biết, từ đơn giản tới phức tạp, từ dễ tới khó, có điều đặc trưng của nó rõ nét hơn.

Diễn biến từ đã biết tới chưa biết, khác với một số giáo viên đã tưởng tượng là từ một vật thể chuyển sang một vật thể khác. Nó là một kiểu hệ thống quan niệm phức tạp được xây dựng trong lòng trẻ, hệ thống này do hàng loạt các hoạt động tâm lý tạo nên, đại diện cho một quá trình phát triển tâm lý bên trong.

Muốn thúc đẩy sự biến đổi nói trên, chúng ta cần phải cung cấp tới trẻ số lượng lớn tài liệu phức tạp, có hệ thống và liên quan mật thiết tới bản năng của trẻ. Ví dụ, chúng ta có thể cung cấp cho trẻ một số đồ vật, thu hút sự chú ý bản năng của trẻ đối với màu sắc, hình dạng, âm thanh, xúc giác và khí áp. Thông qua hoạt động xảy ra liên tục của các vật thể, trẻ sẽ xây dựng cá tính tâm lý của mình bằng các phương pháp riêng, đồng thời thu được những kiến thức rõ ràng, có trật tự đối với sự vật.

Sau khi đã hoàn thành bước này, những vật thể có hình dạng, kích thước, màu sắc, độ bóng, trọng lượng, độ cứng bất mắt sẽ tạo mối liên quan tới tâm lý của trẻ. Một số thứ bắt đầu hình thành trong nhận thức và được trẻ luôn luôn mong đợi, vui vẻ tiếp nhận.

Trên nền móng xúc nối nguyên thủy kiểu này, trẻ lại có nhận thức và sự chú ý đối với sự vật bên ngoài, từ đó tạo dựng mối liên quan với một số thứ trên thế giới. Đồng thời sản sinh ra nhiều hứng thú hơn. Hứng thú của trẻ không chỉ liên quan tới bản năng "nguyên thủy", mà còn xây dựng trên nền móng tri thức đã thu được, và trở thành nền móng quan sát của trẻ.

Quan niệm giáo dục cũ cho rằng, muốn trẻ tập trung chú ý vào những thứ chưa biết thì cần phải liên kết những thứ đã biết và những thứ chưa biết với nhau, bởi vì trẻ có thể nảy sinh hứng thú từ những kiến thức mới. Tuy nhiên, từ thực nghiệm, chúng ta quan sát thấy, quan điểm này chỉ nắm bắt được phần "nhỏ nhất không quan trọng" của hiện tượng phức tạp này. Thực tế, kiến thức đã biết sẽ tạo hứng thú với những sự vật có ý nghĩa cao cả và phức tạp hơn, đồng thời khiến văn hóa biến chuyển liên tục, hơn nữa bản thân quá trình này chính là duy trì trật tự trong đầu. Giáo viên sẽ nói đơn giản trong bài giảng của mình: Đây là cái dài, đây là cái ngắn, cái này màu đỏ, cái này màu vàng,... dùng những chữ đơn giản và cố định để biểu đạt rõ ràng tuân tự cảm giác, đồng thời tiến hành phân loại và sắp xếp chúng. Trong đầu trẻ có thể hoàn toàn phân biệt rõ ấn tượng này và ấn tượng khác, mỗi ấn tượng có vị trí rõ ràng của nó, hơn nữa một ấn tượng có thể được ghi nhớ bằng một chữ. Do vậy, kiến thức mới sẽ không bị vứt bỏ sang một bên, cũng sẽ không bị lẫn lộn với kiến thức cũ, mà nó sẽ tồn tại ở một nơi thích hợp, tập trung cùng với những kiến thức ban đầu, (cũng giống như sách được sắp xếp có trật tự trong thư viện). Chính vì vậy, trong sâu thẳm cõi lòng, con người không chỉ có động lực yêu cầu tăng cường tri thức, mà còn hình thành trật tự. Kiểu trật tự này lại được duy trì thông qua việc liên tục tiếp thu thông tin mới. Do vậy, tính phối hợp nhịp nhàng bên trong giống như năng lực thích ứng về sinh lý, bản thân nó được xây dựng trên nền móng hoạt động tự phát, sự phát triển tự do của cá tính, sự trưởng thành của cá nhân. Và việc xây dựng cơ cấu đó đều được quyết định bởi điều kiện bên trong.

Giáo viên có thể tăng cường khống chế đối với những hiện tượng này, song nhất định cần thận trọng để tránh cho trẻ tập trung sự chú ý vào bản thân. Bởi vì toàn bộ tinh thần sẽ quyết định tương lai của trẻ. Nghệ thuật của người thầy chính là ở hành vi hiểu trẻ, tránh can thiệp vào những hiện tượng tự nhiên.

Chúng ta cùng tiếp tục thảo luận về những việc liên quan tới dinh dưỡng cơ thể. Sau khi trẻ mọc răng sẽ bắt đầu sản sinh dịch vị, bởi vậy

cần chú ý tới vấn đề ăn uống của trẻ, người lớn cần tìm mọi cách để trẻ hấp thu đủ dinh dưỡng cho tới khi trưởng thành. Thực tế, để có được cơ thể khỏe mạnh thì trẻ chỉ có thể ăn những thức ăn mà cơ thể cần. Nếu trẻ ăn quá nhiều thứ tạp nham hoặc ăn những thức ăn khác thường, không thích hợp hoặc có độc thì sẽ dẫn tới suy dinh dưỡng, thậm chí mắc bệnh.

Quan điểm này của tôi đã gặp phải sự phản đối của các chuyên gia giáo dục, họ cho rằng, trẻ cần tạo dựng thói quen chú ý tới mọi đồ vật, thậm chí bao gồm cả những thứ trẻ không thích. Đây là yêu cầu của hiện thực cuộc sống đối với trẻ, vậy nên buộc phải nỗ lực.

Luận điệu này vẫn còn tồn tại thành kiến, nó cũng giống như câu nói kiểu "trẻ nên ăn tất cả mọi thứ" của các ông bố bà mẹ nghiêm khắc trong gia đình. Ở đây, giáo dục đạo đức bị gác sang một bên. Điều này thực sự khiến con người cảm thấy bị ai, may mà giáo dục theo kiểu mệnh lệnh này ngày nay đã lỗi thời. Giả sử kiểu giáo dục này vẫn còn tồn tại, bố mẹ sẽ phạt những đứa con của mình "nhịn ăn" cả ngày (vì con của anh ta nhất quyết không chịu ăn món mà nó không thích trong bữa trưa, thậm chí không cho phép trẻ ăn bất kì món ăn nào khác, dù món này đã nguội, điều này khiến trẻ buồn nôn). Cuối cùng, cơn đói đã làm suy nhược ý chí, phá hủy mơ ước của trẻ, trẻ đành phải nuốt trôi đĩa cơm đã nguội này. Bố mẹ vẫn nói với thái độ bình thản, dù thế nào anh ta cũng sắp xếp cuộc sống cho con, con anh ta nhất định phải ăn những thứ do anh ta nấu. Lúc này, để trẻ khắc phục căn bệnh tham ăn, người lớn đã chọn biện pháp cực kì thô bạo: "Khi trẻ còn chưa ăn cơm tối xong đã bắt trẻ lên giường ngủ".

Hiện nay, những người kiên quyết cho rằng trẻ cũng nên chú ý tới cả những thứ mà mình không thích để chọn lựa biện pháp tương tự. Tuy nhiên, dù trẻ không có thói quen ăn thiên về một món thì những thức ăn nguội, tanh ôi khiến con người phát nôn cũng sẽ trở nên thơm nức mũi. Kiểu thức ăn không dễ tiêu hóa này sẽ chỉ làm hại cơ thể trẻ, khiến trẻ ngày một ốm yếu.

Những đứa trẻ bị khống chế như vậy sẽ không thể ứng phó với mọi khó khăn và sự việc có thể xảy ra trong cuộc sống bằng tinh thần kiên cường. Cơ thể của những đứa trẻ phải lập tức lên giường ngay sau khi nuốt vội bát canh nguội hoặc thức ăn không dễ tiêu hóa sẽ phát triển kém. Vừa có dịch bệnh lan truyền, chúng sẽ bị nhiễm bệnh ngay do sức đề kháng thấp. Mặt khác, nhìn từ phương diện đạo đức cũng bất lợi, do trẻ có rất nhiều mong ước chưa được thỏa mãn lúc còn nhỏ, nên trong

lòng chúng sẽ coi việc thỏa mãn những mong ước này là niềm vui và là sự tự do lớn nhất. Sau khi lớn lên, chúng sẽ khó kiểm soát nổi việc ăn uống của mình. Điều này hoàn toàn khác với những gì loài người gặp phải, bé trai ngày hôm nay được cung cấp thức ăn hợp lý, khiến chúng có một cơ thể khỏe khoắn và trở thành người biết kiểm soát, theo đuổi một cuộc sống lành mạnh, không rượu chè. Một người hiện đại có thể chống lại mọi cuộc "tập kích" của bệnh tật từ nhiều phương diện. Anh ta nỗ lực làm tốt các khâu phòng bị dưới tình huống không có bất kì sự cưỡng ép nào; Có thể dừng cảm nếm thử mọi hoạt động gian khổ; Có thể tìm mọi cách hoàn thành một số sự nghiệp vĩ đại; Có thể dừng cảm đối mặt với xung đột đạo đức khốc liệt và làm trong sạch tinh thần của mình. Chỉ có những nhân tài như vậy mới có thể trở thành một người có ý chí kiên cường, và có thể đưa ra những phán đoán kịp thời.

Hoạt động nội tâm của một người phát triển càng bình thường thì anh ta càng có thể trở thành một người có cá tính, có thể bồi dưỡng ý chí kiên cường và tâm trí kiên toàn. Một người sẽ gặp gian khổ trên đường đời, không cần thiết phải có sự chuẩn bị ngay từ ngày chào đời, song anh ta nhất định phải là người có tâm lý kiên cường. Sức mạnh to lớn mà cơ thể anh ta có đã được tích lũy dần dần trước đó. Không có ai là anh hùng trước khi tạo ra nghiệp tích, quá trình gian khổ của cuộc sống sau này là điều không thể dự đoán trước, cũng sẽ không có ai nghĩ giúp chúng ta biện pháp để ứng phó lại nó, chỉ có một tâm hồn tích cực, lành mạnh mới có thể ứng phó với bất kì chuyện gì.

Trong quá trình tiến hóa, điều mà các nhà sinh vật học có thể làm là đảm bảo cho các sinh vật phát triển bình thường. Giống như vậy, thai nhi lớn lên cần có dòng máu trong cơ thể mẹ, trẻ sơ sinh lại càng cần được nuôi dưỡng bằng sữa mẹ. Khi thai nhi sống trong tử cung, nếu thiếu protein và oxi trong máu hoặc khi có chất độc xâm nhập vào cơ thể mẹ thì sinh mệnh này sẽ phát triển không bình thường. Nếu trẻ sơ sinh không đủ sữa thì giai đoạn đầu tiên trong cuộc đời trẻ sẽ ở vào trạng thái thiếu dinh dưỡng, điều này đồng nghĩa với việc trẻ sẽ mãi mãi ở vào trạng thái xấu. Bú no, ngủ đủ chính là sự chuẩn bị cho việc học đi sau này. Chính trong giai đoạn bú sữa này, trẻ sơ sinh bắt đầu mọc răng. Những con chim non vừa chui ra khỏi quả trứng đã bắt đầu học bay, song chúng không vội vàng luyện tập cách thức bay, mà nằm im trong tổ giữa vòng tay thương yêu chăm sóc của chim mẹ, nghĩa là chúng đang gián tiếp chuẩn bị cho cuộc sống.

Kĩ xảo bay của chim non, sự dũng mãnh của thú dữ, tiếng hót của chim oanh, đôi cánh đẹp lộng lẫy của bướm, tất cả những cảnh tượng tự

nhiên như vậy sẽ không thể có nếu thiếu sự chuẩn bị từ trong quả trứng, trong hang sâu thẳm bí hoặc trong tổ kén cô lập. Trong quá trình hình thành phát triển, vạn vật trong thế giới tự nhiên đều cần có một môi trường yên tĩnh. Điều này không thể thay thế bằng bất kì thứ nào khác.

Trẻ cũng cần một quả trứng ấm áp như vậy để phát triển tinh thần, chỉ có ở đó mới có thể đảm bảo đủ dinh dưỡng cho trẻ, và chuẩn bị cho sự phát triển sau này của trẻ. Do vậy, cung cấp cho trẻ chất thống nhất với khuynh hướng hình thành tinh thần của trẻ là vô cùng quan trọng, mục đích của nó chính là có thể phát triển tối đa tiềm năng của con người với giá phải trả thấp nhất, đây chính là mục đích của giáo dục.

BỒI DƯỠNG TRÍ TƯỞNG TƯỢNG CỦA TRẺ

Nếu nền móng thật sự của tưởng tượng là hiện thực, mà năng lực cảm tri của một người có liên quan mật thiết với mức độ chính xác trong quan sát của người đó, vậy thì bồi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ, khiến chúng cảm nhận chính xác những vật liệu mà sự vật xung quanh cần là vô cùng quan trọng. Mặt khác, để chúng tiến hành suy luận trong phạm vi có giới hạn và tiến hành rèn luyện trí lực, phân biệt các sự vật khác nhau là có thể đặt nền móng vững chắc cho chúng trong việc xây dựng trí tưởng tượng. Nền móng này càng được xây dựng kiên cố thì mối liên hệ giữa tưởng tượng của trẻ và hình thức cụ thể càng mật thiết, có thể tạo dựng mối liên hệ hợp logic đối với hình ảnh độc lập. Bất kì sự khuếch trương hoặc mơ mộng hồ đồ đều không thể khiến trẻ bước đúng quỹ đạo. Chỉ có làm tốt khâu chuẩn bị, chúng ta mới có thể đào được một con sông nước chảy cuộn cuộn, với dòng suối trí tuệ chảy trong đó. Chỉ có như vậy, dòng suối mà nó đổ ra mới không tràn lan, không làm tổn hại tới vẻ đẹp của trật tự bên trong.

Khi bồi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ, tuyệt đối không được gây cản trở hoạt động tự phát của trẻ, dù hoạt động này nhỏ bé, chỉ giống như dòng chảy lơ lờ. Nhiệm vụ của chúng ta là chờ đợi và dứt khoát không được lừa dối mình, tự cho rằng có thể sáng tạo ra trí năng. Ngoài quan sát và chờ đợi sự biến đổi tự nhiên của vi sinh vật, sự nảy mầm của cây cỏ, chúng ta không được làm bất cứ việc gì khác.

Chúng ta cần nhớ rằng: Chỉ cần sự tưởng tượng mang tính sáng tạo không phải là một kiểu mơ mộng hư vô, không phải là ảo giác hoặc sai lầm thì sẽ xây dựng nên một cung điện nguy nga tráng lệ trên hòn đá kiên cố, trí lực cũng sẽ có nền móng vững chắc để phát triển.

Chúng ta thường cho rằng, đặc trưng lớn nhất của trẻ chính là trí tưởng tượng vô cùng phong phú. Do vậy, chúng ta nên chọn phương pháp giáo dục đặc biệt để khai thác tố chất bẩm sinh này. Còn có người cho rằng, trẻ thích du lãm trong thế giới hư vô, làm người ta mê muội, cũng giống như người nguyên thủy, họ thường bị hấp dẫn bởi những thứ hư vô, siêu tự nhiên và mê hoặc lòng người. Tuy nhiên chúng ta cần hiểu, thực tế, trong bất cứ tình huống nào, trạng thái nguyên thủy kiểu này đều chỉ là tạm thời và chúng sẽ được thay thế bằng trạng thái khác. Giáo dục trẻ là nên giúp trẻ khắc phục chứ không phải kéo dài hoặc phát triển trạng thái này, thậm trí cho trẻ ở mãi trạng thái này.

Quả thực, chúng ta có thể phát hiện ra một số đặc trưng ở trẻ giống với người nguyên thủy. Ví dụ, về mặt ngôn ngữ, năng lực biểu đạt của chúng vô cùng kém, chỉ có một số từ vựng biểu đạt ý nghĩa cụ thể. Chúng dùng từ vô cùng lộn xộn, một từ thường được dùng để biểu đạt vài mục đích hoặc biểu thị vài đồ vật. Tuy nhiên, chúng ta lại không thể gây ức chế cho chúng hoặc có ý đẩy nhanh tốc độ phát triển thời kì này của chúng.

So với những người lúc nào cũng sống trong ảo tưởng, bọn trẻ lại ở vào một trạng thái hoàn toàn ngược lại. Chúng vô cùng hứng thú với những tác phẩm nghệ thuật vĩ đại, vui mừng khôn xiết với văn minh khoa học kĩ thuật, chìm đắm trong những tác phẩm đòi hỏi có trí tưởng tượng phong phú. Trong thời kì phát triển trí lực, trẻ bị hấp dẫn bởi một số giấc mơ kì diệu là điều rất hiển nhiên. Do vậy, nhất định chúng ta không được khống chế quá mức sự phát triển trí tưởng tượng ở trẻ mà nên tạo môi trường giúp trẻ có được trí tuệ thông minh.

Hoạt động mang tính sáng tạo của não trẻ sơ sinh hiện nay đã được công nhận là hoạt động quan trọng của thời kì thời thơ ấu loài người, thậm chí đó là một kiểu tưởng tượng mang tính sáng tạo.

Mọi người đều thấy, khi trẻ ngồi trên chiếc gậy của bố, cảm giác của nó giống như là đang cưỡi trên lưng ngựa, đây chính là minh chứng cho thấy trẻ có trí tưởng tượng rất phong phú. Khi một đám trẻ đang tự tạo một cỗ xe ngựa 4 bánh hào nhoáng, có cả tay vịn bằng chiếc ghế, chúng cảm thấy hứng thú vô cùng. Sau khi sáng tạo thành công, một số đứa sẽ ngồi trong "cỗ xe ngựa", vui mừng ngó ra "ô cửa sổ" của chiếc xe để ngắm "cảnh đẹp bên ngoài", còn tưởng tượng ra đám người bên ngoài đang hân hoan chào đón, cúi gập người cung kính chúng. Một số đứa lại ngồi ở thành ghế, tưởng tượng mình đang cầm chiếc roi quất lên lưng ngựa để điều khiển ngựa. Đây là một bằng chứng khác về trí tưởng tượng của trẻ.

Tuy nhiên, khi nhìn thấy cảnh tượng này, những đứa trẻ con nhà giàu đã có ngựa con, hơn nữa quá quen chạy ra chạy vào xe ngựa hoặc xe con, sẽ nhìn bọn trẻ đang hưng phấn này bằng cặp mắt khinh miệt. Chúng vô cùng kinh ngạc trước những hành động của những đứa trẻ nhà nghèo này, thậm chí còn kêu lên rằng: "Các bạn ấy nghèo tới mức chẳng có gì, sở dĩ làm vậy là vì không có ngựa, không có xe ngựa". Chúng ta không thể dắt mất ngựa con của những đứa trẻ con nhà giàu này và đưa cho chúng một chiếc gậy nhằm giáo dục chúng. Giống như vậy, chúng ta cũng không thể ngăn cản giấc mơ của những đứa trẻ con nhà nghèo về xe ngựa. Khi bước vào bếp của một gia đình giàu có, một người nghèo hoặc một kẻ ăn mày sẽ ngửi thấy mùi thơm nức mũi, từ đó tưởng tượng mình đang được ăn một bữa cơm thịnh soạn, ai có thể ngăn cản giấc mơ của anh ta cơ chứ? Khi một bà mẹ rất mực yêu con, trong hoàn cảnh cơ cực đã phải bẻ đôi mẩu bánh mì còn sót lại đưa cho con và nói với nó rằng: "Đây là bánh mì, đây là thịt bò", đứa trẻ sẽ vô cùng thỏa mãn cho rằng mình được ăn bánh mì với thịt bò. Có người rất thành thực hỏi tôi thế này: "Khi một đứa trẻ liên tục đưa ngón tay lên trên bàn làm ra vẻ mình đang luyện đàn, nếu chúng tôi cho trẻ một chiếc đàn thực, làm vậy tốt hay xấu?". "Xấu", và sau đó hỏi lại "Sao lại là xấu?". "Giả sử chúng tôi làm vậy, không nghi ngờ gì trẻ có thể học cách đánh đàn, song trí tưởng tượng của trẻ sẽ không được tôi luyện như lúc đầu, tôi không biết nên làm thế nào?". Sự lo lắng của anh ta không phải không có lý.

Hay một số trò chơi khác cũng tồn tại những vấn đề giống vậy. Ví dụ, đưa cho trẻ một miếng gỗ xếp hình và bảo với nó: "Giả vờ đây là một con ngựa", sau đó sắp xếp gỗ xếp hình theo thứ tự nhất định, lại bảo với trẻ: "Đây là chuồng ngựa, nào chúng ta hãy cho ngựa vào trong chuồng", tiếp đến lại tạo ra mô hình mới và nói với trẻ: "Đây là một cái tháp, đây là giáo đường,...". Sử dụng vật thực (gỗ xếp hình) trong những luyện tập kiểu này không dễ gọi tưởng tượng bằng dùng chiếc gậy làm lưng ngựa như ví dụ nêu trên. Khi trẻ chuyển động về phía trước, vừa cười trên gậy, vừa có thể vung roi quất vào gậy, sẽ gọi cho trẻ sự tưởng tượng phong phú. Trong khi đó, xây dựng tòa tháp và giáo đường bằng gỗ xếp hình lại sẽ chỉ khiến đầu óc trẻ rối loạn. Nghiêm trọng hơn là, trong tình huống này, những tưởng tượng mang tính sáng tạo, làm việc bằng trí não đã không còn là của trẻ, trẻ chỉ làm theo sự hướng dẫn của giáo viên. Liệu trẻ có thực sự tin rằng chuồng ngựa đã biến thành giáo đường, liệu trẻ có đang mất tập trung không? Chẳng ai có thể biết được. Lúc này, trẻ không thể không chuyên chú vào một chuỗi hình ảnh theo kiểu dựng

phim mà giáo viên gợi ý, dù những hình ảnh này chỉ tồn tại trong gổ xếp hình với kích cỡ giống nhau.

Rốt cục chúng ta đã bồi dưỡng gì cho những bộ não chưa hoàn thiện này? Thông qua hình thức giáo dục này, có người phát ra mệnh lệnh như thể mình là vua, thậm chí có người còn tin rằng mình chính là thượng đế. Chính suy nghĩ sai lầm này đã là sự khởi đầu của những phán đoán sai, hơn nữa có thể trở thành triệu chứng của rối loạn thần kinh. Cũng giống như người bị bệnh thần kinh chẳng làm được gì, những đứa trẻ có biểu hiện hoảng loạn bất an vì nguyện vọng không được thỏa mãn đã không thể làm bất cứ việc gì cho người khác, và cũng không thể làm gì cho chính mình.

Người lớn thường muốn phát triển trí tưởng tượng của trẻ bằng phương pháp "để trẻ coi ảo tưởng là hiện thực mà chấp nhận nó". Ví dụ, ở những nước dùng tiếng La Tinh, người lớn thường kể cho bọn trẻ nghe câu chuyện về lễ Giáng sinh như thế này: Có một phụ nữ xấu xí leo qua tường, sau đó chui vào trong phòng qua ống khói, tặng quà cho những đứa trẻ nghe lời, còn những đứa trẻ nghịch ngợm chỉ được cầm viên than mà thôi. Với người "Anglo-Saxon", câu chuyện về lễ Giáng sinh lại có tình tiết khác: Có một ông già toàn thân trắng như tuyết, vác trên vai một chiếc túi đựng đầy đồ chơi. Đêm xuống, ông chui vào phòng của bọn trẻ, phân chia những món đồ chơi cho chúng khi chúng còn đang ngon giấc. Biện pháp này làm sao có thể bồi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ chứ? Câu chuyện là do chúng ta mà không phải do trẻ tưởng tượng ra. Bọn trẻ chỉ là tin vào câu chuyện chúng ta kể mà thôi, chúng lại không hề có không gian tưởng tượng. Sở dĩ, chúng ta đối xử với trẻ như vậy vì chúng ta chỉ cần trẻ nhẹ dạ cả tin chúng ta là được. Sự nhẹ dạ cả tin quả thực là đặc trưng của những bộ não chưa hoàn thiện. Do bộ não còn thiếu kinh nghiệm, cũng chưa có những kiến thức thực tế, bởi vậy trẻ thiếu năng lực nhận biết chân lý và sai trái, đẹp và xấu, có thể và không thể. Lẽ nào chúng ta muốn bồi dưỡng sự nhẹ dạ cả tin ở trẻ chỉ vì trẻ ở vào độ tuổi chưa trưởng thành, thiếu kiến thức? Thật là sai lầm. Thử nghĩ một chút, người lớn cũng có căn bệnh nhẹ dạ cả tin, căn bệnh này trái ngược với trí tuệ, nó không phải là nền móng hay kết quả của trí tuệ. Chỉ có trong trạng thái ngu muội, sự nhẹ dạ cả tin mới hình thành và phát triển. Chúng ta coi sự ngu muội là tiêu chí của nhẹ dạ cả tin.

Có một câu chuyện mang ý nghĩa châm biếm đả kích lưu hành ở thế kỉ 17 thế này: Khi đó, một chiếc cầu mới được xây dựng ở Pari dành cho người đi bộ, đây cũng là nơi tụ tập và tán chuyện của mọi người, rất



nhiều tay lừa đảo giang hồ và lang băm cũng tới đây. Một bác sĩ giang hồ tên là Marioro tới đây bán một loại thuốc, anh ta nói rằng thuốc này có xuất xứ từ Trung Quốc, ai uống vào mắt sẽ to ra, miệng nhỏ lại, mũi ngắn thành dài, mũi dài thành ngắn. Cảnh sát trưởng Sardi tạm giữ bác sĩ giang hồ này lại, thẩm vấn anh ta: "Marioro, anh đã dụ dỗ mọi người tới đây để giở trò lừa bịp hả?".

Marioro trả lời: "Thưa cảnh sát trưởng, anh biết một ngày có bao nhiêu người đi qua chiếc cầu này không?".

Sardi trả lời: "10 nghìn tới 12 nghìn người".

"Đúng vậy, thưa cảnh sát trưởng, anh đã từng nghĩ xem trong số đó có bao nhiêu người thông minh không?"

Cảnh sát trưởng trả lời: "Không tới 100 người".

Tên lừa đảo nói: "Đây là con số ước chừng lạc quan nhất đấy. Nhưng dù sao, tôi cũng vẫn có thể tìm thấy cơ hội ở 9900 người còn lại".

Đương nhiên, có thể nói tình hình hiện nay khá hơn lúc đó rất nhiều, người thông minh hiện nay nhiều hơn so với trước đây, người nhẹ dạ cả tin cũng không còn nhiều, song điều quan trọng là, giáo dục không nên làm con người hướng vào nhẹ dạ cả tin, mà nên truyền bá trí tuệ. Ai giáo dục dựa trên nền móng nhẹ dạ cả tin thì đó chính là người muốn xây dựng lâu đài trên sa mạc.

Do vậy, tôi nhớ lại một câu chuyện được mọi người kể đi kể lại nhiều lần trong xã hội. Câu chuyện kể về hai nàng công chúa có xuất thân cao quý. Họ quyết định tới tu viện học để tránh những cám dỗ của cuộc sống tốt đẹp và những dằn vặt đau khổ mà số phận sắp xếp. Trong tu viện, các sơ bảo với họ rằng, thế giới này chứa đầy dối trá, không tin thì cứ thử xem, khi có người tán dương các con, các con thử nấp vào một chỗ, lắng nghe xem anh ta nói gì sau lưng các con, có lẽ anh ta sẽ nguyên rủa con. Hai cô công chúa trẻ tuổi này đã tới tuổi tham gia các buổi yến tiệc, lần đầu tiên dự tiệc, mọi quan khách đều hết lời ca ngợi hai cô gái xinh đẹp làm mê hoặc lòng người này. Trước tình cảnh đó, hai cô gái muốn kiểm nghiệm lời dạy của các sơ, bèn nấp vào góc phòng, trốn sau bức rèm, thử nghe xem những người này bình luận gì sau lưng họ. Điều khiến 2 cô ngạc nhiên là, khi họ vừa đi khỏi, những lời khen ngợi tán dương không những không biến mất, trái lại còn hơn cả thế. Lúc này, hai cô công chúa cảm thấy vô cùng thất vọng, oán hận những

lời dạy của các sơ là giả dối, lập tức tuyên bố không tới tu viện học nữa mà quay trở lại với cuộc sống vui tươi nơi trần thế.

Cùng với sự tích lũy kinh nghiệm và suy nghĩ ngày một trưởng thành, sự nhẹ dạ của con người cũng dần dần biến mất. Nếu có thể nhận được sự dạy dỗ đúng đắn thì con người sẽ không còn nhẹ dạ cả tin. Dù là một quốc gia hay là một người cụ thể, cùng với sự phát triển của văn minh tiến bộ, tâm lý nhẹ dạ cả tin của con người nhất định sẽ giảm. Đây chính là điều mọi người thường nói, tri thức xua đi bóng đen vô tri, mộng mơ để phiêu bạt nhất tới những nơi vô tri, vì ở đó thiếu cột trụ bước tới văn minh cấp cao hơn. Lẽ nào chúng ta muốn bồi dưỡng ước mơ của bọn trẻ dựa trên nền móng nhẹ dạ? Câu trả lời tất nhiên là không. Đương nhiên, chúng ta không hi vọng thấy trẻ tin tưởng vào tất cả những gì người khác nói với mình, thực tế, khi những đứa trẻ đã không còn tin vào thần thoại, chúng ta sẽ cảm thấy vui mừng vì điều đó. Chúng ta còn tán dương trẻ rằng: "Con đã không còn là một đứa trẻ nữa". Sự tình nên là như vậy, đây cũng là điều chúng ta mong mỗi bấy lâu nay. Nhất định sẽ tới ngày trẻ không còn tin vào thần thoại.

Khi những đứa trẻ đã trưởng thành, chúng ta nên tự hỏi mình: "Chúng ta rốt cục đã làm được những gì trong quá trình trẻ lớn? Chúng ta đã giúp ích gì cho tâm hồn yếu đuối này? Liệu chúng ta có khiến trẻ trở nên kiên cường chính trực không?". Không! Thực tế là như vậy, khi chúng ta tìm cách giúp trẻ duy trì sự thơ ngây, trong sáng và đầy ấp mộng mơ, thì bản thân chúng đã chiến thắng mọi khó khăn. Chúng không chỉ chiến thắng lòng mình, mà còn chiến thắng cả những trở ngại do chúng ta gây ra. Chúng hành động theo suy nghĩ trong lòng, suy nghĩ hướng tới đâu, chúng sẽ bước tới đó. Thậm chí bọn trẻ còn nói với chúng ta: "Bố mẹ dày vò chúng con nhiều quá! Nhiệm vụ tự hoàn thiện mình của chúng con đã rất gian khổ rồi, bố mẹ còn muốn gây áp lực cho chúng con sao?". Đó là thực tế, ví dụ để bọn trẻ ngậm chặt lợi, không cho răng mọc, bởi lẽ chúng ta đã coi không có răng là đặc trưng của trẻ sơ sinh; Không để trẻ đứng thẳng mình, vì chúng ta cho rằng trẻ sơ sinh không thể đứng dậy được. Thực tế, chúng ta còn cố ý kéo dài giai đoạn học nói của trẻ. Chúng ta đã không giúp trẻ học cách phát âm rõ ràng, chuẩn xác, không quan sát sự biến đổi miệng của trẻ, trái lại còn mô phỏng ngôn ngữ ngây thơ của trẻ, lặp lại những âm thanh "ngọng nghịu", thậm chí cố ý phát âm sai. Hậu quả của việc làm này thật nghiêm trọng, đồng nghĩa với việc kéo dài thời kì hình thành vốn đã rất khó khăn của trẻ, khiến chúng quay lại trạng thái trẻ sơ sinh.



Không chỉ như vậy, chúng ta cũng đã đóng vai trò tương tự trong cách giáo dục trí tưởng tượng của trẻ. Chúng ta thường cảm thấy hứng thú vì những bộ não ngây thơ ở vào trạng thái mơ mộng, vô tri và sai lầm, cũng giống như chúng ta vô cùng vui mừng khi thấy trẻ sơ sinh bị tung lên tung xuống, thậm chí chúng ta cảm thấy được yên lòng vì trẻ tin tưởng vào câu chuyện về lễ Giáng sinh mà chúng ta kể. Chúng ta thật sự giống với một số quý bà, dù trên khuôn mặt của những phụ nữ này chứa đầy sự cảm thông đối với những đứa trẻ nghèo khổ, song trong lòng họ lại nghĩ khác: "Nếu không có những đứa trẻ nghèo khổ này thì cuộc sống của chúng ta sẽ vô vị biết bao". Chúng ta cũng sẽ nói thế này: "Nếu bọn trẻ không còn nhẹ dạ cả tin, cuộc sống của chúng ta sẽ mất đi rất nhiều niềm vui!".

Nếu nghĩ như vậy chính là chúng ta đang phạm tội, cản trở sự phát triển của trẻ chỉ vì muốn có được niềm vui. Điều này giống như một số vương quốc man rợ đã hạn chế sự phát triển cơ thể của một số người nào đó, khiến họ trở thành người lùn để dâng lên nhà vua. Có lẽ, sẽ có người cho rằng nói như vậy là mang chút hoang đường, song đó là sự thực, mà chúng ta không ý thức được thôi. Nếu chúng ta có thể kiểm chế được bản thân, không kéo dài thời kì ngây thơ của trẻ nhỏ, để chúng có thể tự do tự tại phát triển, đồng thời tán dương khen ngợi mỗi tiến bộ vượt bậc mà chúng dành được trên con đường phát triển, thì chính là chúng ta đã có những cống hiến vì sự phát triển hoàn mĩ của trẻ.

Muốn bồi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ, việc đầu tiên chúng ta cần làm là để trẻ sống trong môi trường "là chủ nhân của mọi vật", hoặc làm phong phú đầu óc trẻ bằng những tri thức và kinh nghiệm có được từ thực tế, để trẻ tự do trưởng thành trên nền móng như vậy. Chỉ khi được tự do phát triển, trẻ mới có điều kiện thể hiện trí tưởng tượng phong phú của mình.

Chúng ta có thể làm thí nghiệm này bắt đầu từ đứa trẻ nghèo nhất. Bởi vì, những đứa trẻ như vậy chẳng có thứ gì, điều chúng mơ ước sẽ không thể đạt được, giống như người nghèo khổ cực mơ ước tiền giắt đầy mình, người bị áp bức mơ ước trở thành nhà vua. Bởi vậy, những đứa trẻ ở vào hoàn cảnh nghèo khổ vừa có "căn phòng" của riêng mình, chúng sẽ vui mừng sắp xếp đồ đạc trong phòng. Hơn nữa, sau khi đã có được những thứ mà mình mơ ước, dục vọng của chúng sẽ giảm dần, từ đó sống một cuộc sống bình lặng với nội tâm phong phú.

Chỉ sau khi đã thực sự giàu có, bọn trẻ mới sống bình lặng, như vậy có thể giảm bớt sự tiêu hao sinh lực quý báu vào những giấc mơ vô nghĩa. Một giáo viên cô nhi viện tự hào với phương pháp giáo dục của mình, từng mời tôi tới tham quan quá trình trẻ diễn tập cuộc sống thực tế. Tôi nhận lời, cùng đi với tôi còn có một số nhân vật có quyền thế trong giới giáo dục. Khi chúng tôi tới nơi, nhìn thấy một số đứa trẻ tay cầm đồ chơi, ngồi bên cạnh chiếc bàn nhỏ, đang sắp cơm cho những con búp bê, tuy nhiên chúng tôi phát hiện thấy khuôn mặt của bọn trẻ chẳng biểu lộ chút tình cảm gì. Khi tôi kinh ngạc quay sang nhìn cô giáo của cô nhi viện đó thì gương mặt cô tỏ rõ sự hài lòng. Hiển nhiên, cô ta cho rằng cuộc sống tưởng tượng hoàn toàn giống với cuộc sống hiện thực, những đứa trẻ này đang chơi trò ăn cơm hoàn toàn giống với cuộc sống thực tế. Chính nhận thức sai lầm gieo vào trong trẻ ở thời kì thơ ấu này đã dần dần phát triển thành một kiểu tinh thần hoặc thái độ của trẻ về sau.

Một nhà giáo dục học nổi tiếng người Ý đã từng trách cứ và chất vấn tôi thế này: "Lẽ nào tự do là một điều mới mẻ? Hãy đọc thử tác phẩm của Johann Amos Comenius, chị sẽ phát hiện thấy, ngay từ thời đại ông ta đã thảo luận vấn đề này". Tôi trả lời: "Là thế này, rất nhiều người đã thảo luận về tự do, điều khác biệt là, tự do mà tôi nói tới là một kiểu tự do có ý nghĩa thực sự". Sau khi nghe tôi nói xong, nhà giáo dục học này có lẽ vẫn không hiểu sự khác biệt giữa 2 điều mà tôi đã nói. Vậy là tôi lại bổ sung thêm một câu: "Lẽ nào anh không cho rằng một người có trong tay tài sản bạc triệu khác biệt với người chỉ mơ mộng tới tài sản bạc triệu sao?" Thế là nhà giáo dục này đã hoàn toàn đồng ý với tôi.

Một người đắm say trong giả tưởng sẽ coi những thứ mình tưởng tượng ra có thực trong cuộc sống, anh ta thường tìm kiếm ảo tưởng mà không chấp nhận hiện thực, hiện tượng này rất phổ biến. Đáng sợ là con người lại không ý thức được điều này, thực tế, sự tưởng tượng thường tồn tại, bất luận nó có được xây dựng trên một nền móng vững chắc và có nguyên liệu xây dựng nên nó hay không. Sự khác biệt chính là ở chỗ, nếu nó không được xây dựng trên nền móng hiện thực và chân lý thì sẽ trở thành sức mạnh tiêu cực ức chế sự phát triển trí lực, gây trở ngại cho ánh sáng chân lý.

Chính do nhận thức sai lầm này, con người đã và đang tiêu hao biết bao thời gian và sức lực! Những tưởng tượng không bị chi phối bởi sự thực sẽ giống như làm việc không có mục tiêu, cho tới khi cơ thể suy kiệt, thậm chí đổ bệnh hoặc trí lực kiệt quệ.

Trong đa số tình hình, trường học là một nơi u ám, trầm tĩnh. Những bức tường quét vôi xám trắng và rèm cửa sổ màu trắng đều cản trở sự thả lỏng cảm quan của học sinh. Sở dĩ trường học tạo nên môi trường ức chế như vậy, là để học sinh có thể toàn tâm chú ý tới bài giảng của thầy giáo, tránh phân tán sự chú ý do những kích thích bên ngoài. Những đứa trẻ đã phải ngồi yên trong phòng học, nghe thầy giáo giảng bài suốt một tiếng đồng hồ, một ngày như vậy. Khi chúng vẽ tranh chỉ được dựa theo hình vẽ cho sẵn, bất cứ việc nào chúng làm đều phải tuân theo mệnh lệnh của thầy giáo, bình phẩm về cá tính của trẻ hoàn toàn dựa trên mức độ phục tùng bị động của trẻ.

Giống như Claerbouraidy đã nói: *"Sự giáo dục của chúng ta chính là ép trẻ học theo bằng một loạt những kiến thức không hề có ý nghĩa chỉ đạo đối với hành vi của trẻ. Khi trẻ đã không còn chăm chú lắng nghe, chúng ta vẫn cứ ép chúng; Khi trẻ đã không thể nói nên lời, chúng ta vẫn ép chúng làm văn miêu tả; Khi trẻ đã không còn sự hiếu kì trong lòng, chúng ta vẫn ép chúng quan sát sự vật; Khi trẻ đã không còn khát vọng tìm tòi, chúng ta vẫn ép chúng suy lý, thảo luận một mệnh đề, chúng ta thường là ép trẻ làm thế này làm thế kia, mà chưa từng nghĩ xem chúng có đồng ý hay không"*.

Khi trẻ đọc bằng mắt, viết bằng tay và nghe lời thầy giáo giảng bằng tai thì giống như đang chịu nỗi khổ cực hình. Trẻ ngồi yên lặng, song trong đầu lại không hề chuyên tâm suy nghĩ. Trẻ buộc phải cố gắng "chạy theo" tư duy của thầy giáo, dù cho những điều giáo viên đưa ra là những đề cương, không hề suy xét tới sở thích của trẻ. Như vậy, những hình ảnh bay bổng đó chỉ có thể thoáng qua trước mắt trẻ giống như cảnh trong mơ. Giáo viên vẽ lên bảng một hình tam giác, sau đó lại xóa đi, hình tam giác này chỉ đại diện cho một hình ảnh thị giác mang khái niệm trừu tượng tạm thời. Những đứa trẻ chưa từng được sờ vào những vật có hình tam giác sẽ cố gắng ghi nhớ hình dạng của hình tam giác. Xung quanh hình tam giác này, rất nhiều câu hỏi tính toán hình học trừu tượng lần lượt được đặt ra. Những hình ảnh hư cấu như vậy chẳng khiến trẻ thu được kiến thức gì, nó không thể được nhận biết dù là kết hợp với những sự vật khác, không bao giờ trở thành nguồn gốc của linh cảm.

Trước hết trẻ cần có sự sáng tạo trong cuộc sống nội tâm, sau đó mới có thể biểu đạt sự sáng tạo này ra ngoài. Để có thể sáng tạo, trẻ tự khắc phải thu thập "nguyên liệu xây dựng" từ thế giới bên ngoài. Trước khi trẻ có thể phát hiện ra mối quan hệ logic giữa các sự vật, chúng ta

buộc phải tăng cường rèn luyện tư duy của trẻ. Chúng ta cần phải cung cấp tới trẻ những thứ mà cuộc sống tâm lý trẻ cần, sau đó để trẻ tự do tiến hành sáng tạo. Có như vậy, chúng ta mới nhìn thấy một đứa trẻ với đôi mắt ngời sáng, hoạt bát, thông minh.

Chúng ta cần phải quan tâm và yêu mến những đứa trẻ như vậy. Nếu trí tưởng tượng mang tính sáng tạo của trẻ tới một cách "đúng đỉnh" thì trí lực của trẻ vẫn chưa phát triển hoàn thiện. Lúc này, chúng ta không nên ép trẻ phải tưởng tượng và sáng tạo, nếu không sẽ đồng nghĩa với việc đeo cho trẻ một bộ râu giả, mà trên thực tế nam giới chỉ mọc râu bắt đầu khi đủ 20 tuổi.

BỒI DƯỠNG THẦN KINH VẬN ĐỘNG CỦA TRẺ

Rèn luyện thần kinh vận động của trẻ nhất thiết phải phù hợp với vận động phối hợp nhịp nhàng mà cơ thể sinh lý của trẻ cần, bởi lẽ quá trình bồi dưỡng thần kinh vận động vô cùng phức tạp. Nếu không có hướng dẫn cụ thể, vận động của trẻ sẽ vô cùng rối loạn. Không chịu bó buộc là thiên tính của trẻ, bởi vậy trẻ thường biểu hiện "tay chân hoạt động liên tục", "không chịu bó buộc", "không có kỉ cương phép tắc".

Biện pháp giải quyết của người lớn là liên tục kìm hãm hoạt động của trẻ, miệng luôn lầu bầu "ngao chút nào, đừng chạy lung tung nữa". Kì thực, trẻ đang phối hợp nhịp nhàng các tổ chức vận động của mình, nỗ lực vì những hoạt động thăm dò có ích với loài người. Bất trẻ ngao ngao? Chúng ta không nên mất công làm vậy. Để trẻ dũng cảm, bạo dạn tham gia mọi hoạt động, chúng ta chỉ đóng vai trò hướng dẫn chỉ đạo, như vậy mới có hiệu quả tốt. Đây chính là mục tiêu rèn luyện cơ bắp trẻ trong giai đoạn này. Để trẻ tự do tự tại phát triển dưới sự chỉ đạo thích hợp của chúng ta, sau này trẻ sẽ trở thành những người làm việc tích cực, khoan thai và đầy hưng phấn.

Rèn luyện cơ bắp bao gồm những hoạt động dưới đây:

1. Vận động cơ bản (*Như ngồi, đứng, đi, chạy, sử dụng đồ vật nhỏ,...*).
2. Quan tâm chăm sóc tới bản thân.
3. Làm một số việc nhà.
4. Lao động ngoài vườn.
5. Làm thủ công.

6. Hoạt động thể thao.

7. Rèn luyện có quy luật.

Bước đầu tiên chăm sóc bản thân chính là rèn luyện tự mình mặc quần áo, cởi quần áo. Tôi đã dùng vải sợi hoặc da gim lại thành khung hình vuông để làm dụng cụ chuyên dùng dạy trẻ luyện tập. Dạy trẻ cách cài khuy, sử dụng móc treo, buộc dây,... Thực tế, những nội dung này đã bao gồm mọi biện pháp mà con người sáng tạo ra như mặc quần áo, buộc dây giày và các đồ vật khác. Giáo viên và bọn trẻ ngồi bên nhau, cùng làm chậm chậm các động tác, đồng thời giáo viên giải thích tỉ mỉ từng động tác để trẻ có thể nắm bắt rõ ràng.

Ví dụ, bước đầu tiên của luyện tập: Trước hết, để hai miếng vải lên khung hình vuông, sau đó so hai miếng vải sao cho chúng đều nhau từ trên xuống dưới rồi buộc lại. Khi luyện tập cài khuy áo, giáo viên sẽ làm mẫu cho trẻ xem. Trước hết giáo viên cầm chặt khuy áo, ngấm vào lỗ áo, rồi xuyên khuy áo vào lỗ, khi kết thúc, giáo viên sửa lại vị trí khuy áo sao cho ngay ngắn. Giống như vậy, khi giáo viên dạy trẻ cách thắt nơ, cũng bắt đầu từ sợi dây nơ, chia đoạn rồi tiến hành thắt nơ.

Trong seri phim của chúng tôi có một cuốn nói về toàn bộ quá trình dạy trẻ thắt nơ bằng sợi dây lụa. Một số trẻ có thể làm tốt sau khi được dạy, chúng sẽ chia sẻ "thành quả" của mình cho những đứa khác, và chúng nhận nài chăm chú quan sát các thao tác. Trẻ có thể ngồi ngoan ngoan với tư thế thoải mái nhất, tiến hành luyện tập trên bàn với khung hình vuông. Trẻ vô cùng hứng thú với bài tập đóng khuy và cởi khuy trên chiếc khung hình vuông này, từ đó đôi tay trẻ sẽ trở nên thành thục và linh hoạt, chỉ cần có cơ hội, trẻ sẽ thao tác ngay với khuy áo thực của mình. Do vậy sẽ xảy ra những chuyện khó tưởng tượng, những đứa trẻ bé nhất này muốn tự mặc quần áo, hơn nữa còn muốn mặc quần áo cho những người bạn của mình. Chúng tìm thấy niềm vui khi được mặc quần áo, và luôn luôn tìm kiếm cơ hội để được mặc quần áo, vô cùng thận trọng không để cho người lớn giúp mình mặc quần áo.

Khi dạy trẻ những thao tác như rửa đồ, bày đồ lên bàn, giáo viên cũng cần chọn cách thức tương tự, những thao tác khó hơn cũng nên làm tuần tự như vậy. Mới bắt đầu, giáo viên phải làm mẫu cho trẻ xem. Giáo viên phải dạy trẻ mọi động tác: Ngồi xuống thế nào, đứng dậy khỏi ghế ra sao, đưa đồ vật cho người khác thế nào,... Giáo viên còn cần dạy trẻ bày từng chiếc đĩa lên bàn, yêu cầu trẻ thao tác mà không gây bất cứ tiếng động nào.

Trẻ có thể dễ dàng làm được những việc này, khi làm chúng tỏ rõ sự hưng phấn và thận trọng khiến người khác phải kinh ngạc. Những lớp có số lượng đông, cần để trẻ luân phiên nhau làm việc nhà, như dọn cơm, rửa bát. Trẻ sẽ chấp hành một cách vui vẻ chế độ luân phiên này, thậm chí có đứa trẻ mới 2 tuổi rưỡi đã rất tự giác làm việc của mình, trong khi bố mẹ không yêu cầu chúng làm vậy. Một lần, Yageti nhìn thấy một đứa trẻ 2 tuổi trông chẳng có vẻ gì thông minh, đang loay hoay vì quên mất không biết nên để đĩa ở bên trái hay bên phải, tận mắt chứng kiến cảnh này, ông vô cùng cảm động. Đứa trẻ đã nghĩ rất lâu, chắc hẳn đang nỗ lực phục hồi lại trí nhớ. Những đứa trẻ lớn hơn một chút đang chăm chú theo dõi dáng vẻ suy nghĩ của nó với ánh mắt khâm phục. Những đứa lớn cũng giống như chúng ta, cảm thấy vô cùng kinh ngạc trước sự tiến bộ của một đứa bé mới chỉ 2 tuổi.

Giáo viên chỉ cần vài gợi ý, vài cử chỉ thì có thể mang lại một khởi điểm cực tốt cho trẻ, tiếp đến, trẻ có thể tự học và dần dần trưởng thành. Sau khi được cùng nhau học tập, bọn trẻ bắt đầu làm việc với tinh thần hứng khởi. Không khí hoạt bát càng khiến chúng có tình yêu, hình thành trong chúng phẩm chất đạo đức giúp đỡ lẫn nhau. Sự quan tâm và lí giải của những đứa trẻ lớn hơn trước những tiến bộ mà những đứa trẻ nhỏ hơn biểu hiện trong quá trình phát triển là kì diệu nhất, khiến trẻ có cảm giác như được sống trong nhà mình. Chúng ta có thể nhìn thấy toàn bộ cảnh tượng trong "Ngôi nhà của trẻ" qua những thước phim. Trẻ liên tục đi đi lại lại, nghiêm túc thực hiện nhiệm vụ của mình, giáo viên ngồi ở một góc, chăm chú quan sát từng hành vi, cử chỉ của trẻ mà không phải mắng mỏ hay đốc thúc. Cũng có trẻ quan tâm chăm sóc tới một số hình ảnh trong "Ngôi nhà của trẻ", đã phản ánh rõ trẻ yêu mến người khác và yêu mến môi trường xung quanh. Chúng ta có thể thấy trẻ đang rửa mặt, đánh giày, lau chùi đồ đạc, quét bụi trên thảm,... Chúng ta nhìn thấy trẻ sắp xếp bàn ăn một cách hoàn toàn độc lập, chúng phân công nhau rõ ràng, (đứa bê đĩa, đứa bày thìa và dao, đứa thì làm công việc khác). Cuối cùng, khi mọi người ngồi vào bàn ăn, "những nhân viên phục vụ" nhỏ bé bắt đầu bưng món ăn nóng hổi lên.

Trẻ cũng vô cùng thích thú với những bài học về lao động ngoài vườn và thủ công. Chúng ta đều biết, bài học về vườn là nội dung quan trọng trong giáo dục trẻ, bởi lẽ động vật nhỏ và thực vật đều có thể thu hút sự quan tâm và chú ý của trẻ.

Nội dung quan trọng trong bài học thủ công mà chúng tôi dạy trẻ là nặn đất. Nói cụ thể hơn, nặn đất thành các hình thù khác nhau như

hình viên ngói, viên gạch, lọ hoa nhỏ,... Đương nhiên có thể sử dụng những dụng cụ đơn giản để làm mẫu cho trẻ nặn theo. mục đích là để trẻ nhớ toàn bộ quá trình thao tác, sau khi hoàn thành, bọn trẻ muốn tráng men các sản phẩm của mình và cho vào lò nung. Sau khi nung xong, những viên ngói màu sáng trắng hoặc nhiều màu được bọn trẻ xếp chồng lên nhau giống như một bức tường, những viên gạch nhỏ được bọn trẻ trải xuống nền đất. Chúng còn đào móng, sau đó xếp gạch vừa nung thành một đoạn tường vây, hoặc xây tổ cho chim non.

Khi luyện tập thể dục, bước cần suy xét nhất chính là "đi trên đường ray". Cái gọi là đường ray chính là chúng tôi vẽ một đường thẳng trên đất bằng phấn và phẩm màu. Đương nhiên, đôi khi cũng có thể vẽ hai đường đồng trục hình elip. Bọn trẻ sẽ thận trọng đi trên đường ray để giữ thăng bằng cơ thể giống như nhân viên đường sắt thực thụ. Tuy nhiên bọn trẻ không sợ nguy hiểm, bởi vì "đường ray" được vẽ trên nền nhà. Trước hết, cô giáo làm mẫu, cho trẻ thấy phải đi như thế nào, cô giáo không cần nói nhiều, bọn trẻ cứ thế đi sau cô. Mới đầu cô giáo làm mẫu cùng vài đứa, sau khi làm mẫu xong, cô giáo để cho bọn trẻ tự do luyện tập.

Đa phần bọn trẻ đều kiên trì luyện tập, những bước chân của chúng rất thận trọng, nỗ lực làm đúng những gì cô giáo hướng dẫn, chúng dốc toàn bộ tinh thần để giữ thăng bằng cơ thể và bước những bước vững chắc trên đường thẳng. Những đứa trẻ khác dần dần quây xung quanh xem chúng biểu diễn, trong lòng cũng rất muốn được thử xem sao. Chưa đầy vài phút, đường elip hoặc đường thẳng đã đầy bọn trẻ, chúng bước nghiêng ngả cố giữ thăng bằng, mắt nhìn xuống chân, bước trên "đường ray", trông đứa nào cũng vô cùng nghiêm túc và chăm chú.

Bật nhạc trong khi trẻ luyện tập cũng là một cách làm hay. Chúng ta có thể chọn một bản hành khúc đơn giản, tiết tấu không quá mạnh, có thể đệm nhạc cho chúng sẽ càng kích thích tinh thần làm việc độc lập của trẻ.

Ngay sau khi bọn trẻ biết cách giữ thăng bằng, tư thế đi của chúng sẽ tương đối chuẩn và đẹp, cùng lúc này, chúng không chỉ đi những bước vững chắc, mà dáng vẻ cũng trở nên đẹp mắt hơn. Luyện tập "đi trên đường ray" cũng có thể vận dụng nhiều biện pháp, khiến bài học này trở nên phong phú và đa dạng. Trước hết, đánh một bản hành khúc bằng đàn piano giúp trẻ nắm vững tiết tấu động tác. Đánh đi đánh lại bản nhạc này trong vài ngày, cuối cùng trẻ sẽ nắm vững nhịp phách, kết hợp

tay chân để thích ứng với tiết tấu âm nhạc. Ngoài ra, còn có thể kết hợp các ca khúc với bài tập "đi trên đường ray".

Biện pháp trên đây cũng giống như biện pháp mà cô George đã làm trong trường học ở Wasington, bọn trẻ vừa hát, vừa thao tác các giáo cụ trong cuộc sống thường ngày. Thực hiện theo phương pháp trên, nhìn từ bên ngoài chúng ta có thể thấy bọn trẻ trong "Ngôi nhà của trẻ" giống như một "đàn ong nhỏ", vừa làm việc vừa hát vang.

Tôi muốn kể ra đây biện pháp mà một phòng tập thể dục đã áp dụng, phòng tập này có một dụng cụ vô cùng thực dụng. Họ đã làm một cái hàng rào, bọn trẻ nắm chặt vào hàng rào rồi đu mình lên trên, mục đích là để hai chân buông thõng, giảm nhẹ gánh nặng cho cơ thể, khiến cánh tay trở nên rắn chắc hơn. Một ích lợi khác của hàng rào là có thể phát huy tác dụng cách li trong vườn hoa, giống như dùng hàng rào phân cách khu vực vườn hoa và vùng đi bộ, song hàng rào sẽ không gây ảnh hưởng tới việc ngắm hoa.

ĐẶC ĐIỂM PHÁT TRIỂN TRÍ LỰC

"Có thể đối xử khác biệt với sự vật" là một đặc trưng quan trọng của trí lực. Nói về công việc, chính là sắp xếp sự việc quanh mình, chuẩn bị để sáng tạo sự vật, mà sáng tạo lại cần tiến hành tuần tự. Chúng tôi đã tìm thấy chứng cứ này trong "Sáng tạo thế kỷ". Trong tình hình không có sự chuẩn bị kỹ lưỡng, thượng đế không thể bắt đầu sáng tạo, mà công việc ông ta nên chuẩn bị là xây dựng tuần tự trong sự hỗn loạn. "Thượng đế phân chia ngày và đêm, sau đó nói, cho nước sống tụ lại, để đại lục xuất hiện". Nội dung ý thức có thể vô cùng phong phú đa dạng, song nếu tư duy của một người luôn luôn ở trong sự hỗn độn thì mọi hoạt động trí lực của anh ta cũng sẽ ở vào trạng thái ngưng trệ. Sự lóe sáng của trí lực cũng giống như thấp sáng một ngọn đèn: "Hãy để thế giới ngập tràn ánh sáng, nó có thể khiến bạn phân biệt rõ đúng sai trên thế giới này, để bạn nhận rõ bộ mặt của sự vật". Do vậy, chúng tôi có thể mạnh dạn nói rằng, thúc đẩy sự phát triển trí lực một con người chính là giúp anh ta tiến hành phân loại có trật tự với ý tưởng trong ý thức.

Chúng ta hãy cùng tưởng tượng về một đứa trẻ 3 tuổi đang đối mặt với tình trạng thực tế của thế giới này. Do nhìn thấy rất nhiều đồ vật, nên bỗng chốc nó cảm thấy hoa mắt, thậm chí chóng mặt, muốn đi ngủ. Vấn đề là người lớn ở cạnh nó không nghĩ tới điều này, vẫn muốn nó hoàn thành nốt công việc thực tế. Họ cũng không nghĩ rằng, trước khi các cơ quan trong cơ thể trẻ còn chưa phát triển hài hòa, nhất thiết phải



sửa chữa kịp thời những sai sót mà trẻ phạm phải về mặt cảm quan. Do vậy, trước tình cảnh "không thể làm khác", đứa trẻ bị quá nhiều kích thích dồn ép chỉ còn biết ứng phó bằng cách kêu khóc hoặc đòi đi ngủ.

Tư duy của trẻ 3 tuổi vô cùng hỗn loạn, trẻ giống như một người thu thập rất nhiều sách, song những cuốn sách này đang bị vút thành đồng lộn xộn. Người này than thở rằng: "Tôi nên làm gì với những cuốn sách đó?". Khi nào anh ta có thể sắp xếp ngăn nắp đồng sách này và tự hào nói: "Tôi đã có một thư viện?".

Thông qua luyện tập cảm giác, trẻ có thể phân biệt và phân loại. Thực tế, giáo trình cảm giác mà chúng tôi thu thập đã phân tích, miêu tả các thuộc tính của sự vật: kích cỡ, hình dạng, màu sắc, độ bóng và thô ráp bề ngoài, trọng lượng, nhiệt độ, tạp âm, mùi vị và âm thanh. Quan trọng nhất là đặc tính của vật chất, mà không phải là bản thân vật chất, dù cho những đặc tính không liên quan tới nhau này là đại biểu cho vật chất. Chúng ta có thể tìm thấy hàng loạt vật chất tương ứng của những con số giống nhau để miêu tả đặc tính như dài, ngắn, dày, mỏng, to, nhỏ, đỏ, vàng, xanh lá cây, nóng, lạnh, nặng, nhẹ, ráp, bóng, thơm và âm thanh liệu có cộng hưởng không, cấp bậc này vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng tuần tự. Thực tế, đặc tính của vật chất không chỉ có sự khác biệt về chất, mà còn khác nhau về lượng. Chúng có thể cao hơn một chút hoặc thấp hơn một chút, mỏng hơn một chút hoặc dày hơn một chút; Âm thanh có giai điệu khác nhau; Màu sắc có cường độ khác nhau; Hình dạng cũng có sự khác biệt; Mà độ thô ráp và bóng cũng không hoàn toàn tuyệt đối.

Giáo trình về giáo dục cảm giác nên đạt được mục đích phân biệt sự vật. Trước hết, nó cần giúp trẻ xác định 2 đặc trưng kích thích vật thông qua hàng loạt phân tích và so sánh. Tiếp đến, khi bài giảng dần dặt trẻ hướng sự chú ý vào các sự vật bên ngoài (như ánh sáng, bóng tối, dài và ngắn), thì trẻ sẽ cảm nhận thấy sự khác biệt.

Cuối cùng, trẻ có thể phân biệt mức độ khác nhau của các đặc trưng khác nhau, sau đó lần lượt sắp xếp từng loại vật chất. Ví dụ, ô vuông biểu hiện mức độ khác nhau của cùng một nốt nhạc, chiếc chuông phát ra 8 âm điệu và thứ có thể biểu hiện độ dài bằng con số hoặc biểu hiện độ dày bằng cm.

Những vật này có sức hấp dẫn vô cùng đối với trẻ. Chúng ta có thể thấy, trẻ sẽ thao tác đi thao tác lại. Giáo viên dán lên mỗi đồ vật một chữ, cuối cùng đã có một bảng ghi như thế này: Dựa theo tên gọi nhớ ra đặc trưng và hình dạng của nó.

Hiện nay, ngoài việc phân biệt vật chất dựa theo đặc trưng thì chúng ta không còn cách nào khác khả thi hơn. Do vậy, phân loại đối với những vật chất này có liên quan tới sự tuần tự cơ bản của mỗi sự vật. Nhờ đó, thế giới đối với trẻ không còn quá hỗn độn. Tư duy của trẻ cần có chút gì đó giống như các giá sách được sắp xếp ngăn nắp trong thư viện hoặc viện bảo tàng, mỗi thứ đều được phân loại rõ ràng, đặt đúng vị trí. Kiến thức mà trẻ học được sẽ không chỉ được giữ lại, mà còn được phân loại hợp lý. Sự tuần tự cơ bản này nhất định sẽ không bị làm đảo lộn, mà sẽ chỉ phong phú thêm nhờ vào giáo trình mới.

Bởi vậy, sau khi có được khả năng phân biệt sự vật, trẻ bước đầu đặt được nền móng trí lực, từ đó nhận biết rõ sự vật xung quanh. Khi trẻ vui mừng và ngạc nhiên phát hiện thấy bầu trời có màu xanh lam, cánh tay thẳng tròn, cửa sổ có hình chữ nhật, thì thực tế trẻ lại không phát hiện thấy màu sắc của bầu trời, không phát hiện ra cánh tay, cũng không nhìn thấy cửa sổ, mà chỉ là đã phát hiện ra vị trí và trật tự của chúng trong não mà thôi. Điều này đã quyết định sự ổn định cân bằng cá tính của trẻ.

Sự ổn định cân bằng này giống như cơ bắp được phối hợp nhịp nhàng các bộ phận của cơ thể, nó sẽ đảm bảo cơ thể giữ được thăng bằng, tiến hành mọi hoạt động một cách ổn định và an toàn, mang lại sức mạnh và sự vững vàng, cung cấp khả năng dám thử nghiệm cái mới. Một thư viện được sắp xếp ngăn nắp sẽ tiết kiệm thời gian và sức lực cho người muốn tìm kiếm tư liệu, chính sự tuần tự đã giúp con người tiết kiệm được thời gian và sức lực. Như vậy, trẻ có thể hoàn thành nhiều công việc hơn mà không cảm thấy mệt mỏi, có thể phản ứng trước những kích thích trong thời gian ngắn nhất.

Trên nền móng não đã xây dựng tuần tự kiên cố, tăng cường nhận biết, phân loại và sắp xếp đối với sự vật, điều này vừa biểu hiện trí lực của trẻ, đồng thời cũng bồi dưỡng tinh thần của con người. Một người có thể hiểu được tác giả thông qua văn phong của tác giả này hoặc có thể nhận biết được đặc trưng của tác phẩm văn học trong thời kì này, chúng ta có thể khẳng định anh ta đã tinh thông văn học. Giống như vậy, nếu một người nào đó có thể phán đoán ra tính cách của họa sĩ dựa vào cách thức mà họa sĩ này sử dụng phẩm màu, hoặc phán đoán năm sáng tác ra tác phẩm dựa vào hình ảnh điêu khắc nổi, chúng ta cũng có thể nói anh ta đã tinh thông nghệ thuật. Các nhà khoa học thuộc trường phái này rất giỏi quan sát sự vật, có thể đánh giá giá trị của các sự vật này một cách tường tận, hợp lý nhất. Như vậy, sự khác biệt giữa các sự vật đã được nhận biết và phân loại rõ ràng.

Nhà sáng tác văn học, nhà khoa học và nhà thưởng thức nghệ thuật lại không tích lũy kiến thức trực tiếp mà là xây dựng hệ thống kiến thức trong đầu họ. Ngược lại, những người chưa từng được giáo dục hoặc chỉ có kinh nghiệm trực tiếp đối với sự vật có lẽ là một người nông dân "thấp đuốc học ban đêm", hoặc là một người làm vườn từ đầu đến cuối tiến hành phân loại đối với thực vật trong vườn hoa. Kinh nghiệm của những người chưa từng được giáo dục này không những lộn xộn lung tung, mà chỉ hạn chế ở những sự vật tiếp xúc trực tiếp. Kiến thức của nhà khoa học phong phú vô hạn, họ có năng lực phân loại đặc trưng của sự vật, có thể nhận biết mọi vật chất và bất cứ lúc nào cũng có thể xác định và phân loại để biết được mối quan hệ giữa chúng và nguồn gốc tạo nên chúng.

Hiện nay, những đứa trẻ có thể nhận biết và phân loại sự vật bên ngoài dựa vào đặc trưng giống như các nhà nghệ thuật và nhà khoa học. Chúng vô cùng mẫn cảm đối với mọi thứ, mọi thứ đều có giá trị rất cao đối với chúng. Ngược lại, những người không có kiến thức khi nhìn vào một tác phẩm nghệ thuật hoặc nghe một bản nhạc cổ điển lại chẳng thể cảm nhận được điều gì. Trẻ chưa qua giáo dục cũng sẽ thờ ơ với tất cả mọi thứ.

Phương pháp giáo dục phổ biến hiện nay khác hẳn với cách giáo dục mà chúng tôi thường dùng. Những phương pháp giáo dục này trước hết, đã làm mất đi hoạt động mang tính tự phát, giới thiệu tới trẻ sự vật và đặc trưng của sự vật, đồng thời yêu cầu trẻ chú ý tới từng đặc trưng, hi vọng chúng có thể tưởng tượng ra những đặc trưng này mà không cần chỉ đạo. Như vậy, những phương pháp giáo dục này đã tạo nên một kiểu trạng thái hỗn loạn, thiếu ý tưởng sáng tạo hơn cả những hiện tượng hỗn loạn tự nhiên trên cơ thể người bị thí nghiệm.

Phương pháp giáo dục thông dụng trực quan nhất hiện nay đã thể hiện rõ sự vật và ghi lại mọi đặc trưng của sự vật, sau đó có thể miêu tả ra sự vật này. Biện pháp này không có gì mới mẻ mà chỉ là phiên bản của "biện pháp ghi nhớ cảm quan" cũ rích mà thôi. Điều khác biệt là, nó lại không miêu tả một đồ vật tưởng tượng nào đó mà miêu tả đồ vật tồn tại ngay trước mắt, không miêu tả chỉ dựa vào tưởng tượng, cảm quan cũng tham gia hoạt động này. Mục đích là để ghi nhớ kỹ hơn đặc trưng của một vật nào đó khác với vật khác. Đại não bị động chỉ hạn chế ở sự vật nhìn thấy tận mắt và biểu tượng hỗn độn của nó. Thực tế, đặc trưng mỗi sự vật đều có thể vô hạn: Trong bài giảng về thực vật, nếu mục đích từ đầu tới cuối của bản thân thực vật nằm trong những đặc trưng này,

thì đại não nhất định cần tiến hành suy xét tổng hợp về điều này. Ví dụ, trong bài giảng trực quan liên quan tới cà phê (tôi từng nghe bài giảng này ở một nhà trẻ), cô giáo miêu tả tỉ mỉ cà phê, cho trẻ tập trung chú ý tới kích cỡ, màu sắc, hình dạng, hương thơm, mùi vị của hạt cà phê. Nếu cô giáo này lại tiếp tục miêu tả cây cà phê và nói rằng thế hệ trước đã vận chuyển cà phê tới châu Âu qua đại dương thế nào, cuối cùng, thấp đèn cồn đun nước, xát hạt cà phê chế tạo ra đồ uống, học sinh sẽ bị rối loạn, hơn nữa bản thân cà phê lại không được giới thiệu tường tận. Sau đó lại tiếp tục nói thêm về tác dụng gây hưng phấn của cà phê, do có chất caphein từ trong hạt cà phê. Phân tích như vậy quá lan man, giống như dầu tràn ra khỏi lọ, không có tác dụng gì. Nếu chúng ta hỏi một đứa trẻ được dạy dỗ theo kiểu này: "Cà phê rốt cục là gì?". Có thể, nó sẽ trả lời thế này: "Nói ra dài lắm, cháu đã nhớ hết đâu". Khái niệm mơ hồ như vậy đã lấp đầy não trẻ, sẽ chỉ khiến trẻ mệt mỏi mà không thể có liên tưởng tích cực nào. Nỗ lực mà trẻ có thể làm chỉ là hồi ức về lịch sử của cà phê nếu trong đầu trẻ có thể hình thành liên tưởng. Hướng hồ liên tưởng này cũng chỉ có thể là liên tưởng tương tự, thứ yếu: Trẻ sẽ tưởng tượng ra đại dương mênh mông, tưởng tượng ra trong nhà bày một chiếc bàn cà phê. Nói cách khác, khi suy nghĩ của trẻ cho phép bản thân rời khỏi liên tưởng bị động liên tiếp, thì não trẻ sẽ ở trong trạng thái rối loạn lung tung.

Trẻ như vậy thường chìm đắm trong mơ mộng, không hề có dấu hiệu cho thấy tư duy đang hoạt động, nói gì tới việc nhận rõ sự khác biệt của cá tính. Trẻ đã thích ứng với phương pháp giáo dục trực quan, đại não thường dễ dàng tiếp nhận mọi quan niệm mới, trở thành nhà kho "liên tục tiếp nhận đồ mới chuyển tới".

Nếu để trẻ hình thành ấn tượng đối với sự vật nào đó trong sự tĩnh lặng quan sát giống như ngồi xem phim, sau đó lại muốn trẻ nhận thức được bản chất của sự vật, mà không để trẻ tham gia bất cứ hoạt động nào liên quan tới sự vật này, thì trong não trẻ sẽ không thể liên hệ được sự vật này với sự vật khác, đồng thời không thể nghĩ được rằng: Giữa chúng có đặc trưng gì giống nhau hoặc chỗ tương đồng giữa chúng là gì? Những sự vật này liệu có ích như nhau không?

Khi liên tưởng những hình ảnh khác nhau của vật chất dựa theo tính giống nhau của chúng, chúng ta nên rút ra đặc tính của những vật chất này từ mặt tổng thể. Ví dụ, nếu chúng ta nói hai tấm biển hình chữ nhật rất giống nhau, thì chính là từ trong rất nhiều đặc tính của tấm biển, chúng ta đã rút ra những đặc trưng giống nhau của chúng (như: Chúng đều được làm từ gỗ, có màu sắc, độ bóng, hình dạng giống nhau).

Điều này có thể khiến mọi người liên tưởng tới một chuỗi vật chất như: Mặt bàn, cửa sổ. Tuy nhiên, trước khi có được kết luận này, não cần tưởng tượng ra khái niệm hình chữ nhật từ trong rất nhiều đặc trưng của những vật chất này. Não buộc phải linh hoạt, nó có thể phân tích sự vật, rút ra một đặc tính nào đó từ trong sự vật và tổng hợp được nhiều sự vật có chung đặc tính. Nếu không thể rút ra được đặc trưng của các sự vật giống nhau thì sẽ không thể có những liên tưởng thông qua so sánh, tổng hợp và hoạt động trí lực cao hơn. Thực tế, liên tưởng là một kiểu hoạt động trí lực. Bởi lẽ đặc tính cơ bản của trí lực không phải là "quay" hình tượng của vật thể, sau đó cất giữ chúng lại, từng hình từng hình một giống như một cuốn album hoặc giống như lát gạch trên đường, từng viên từng viên một. Phương thức lao động dự trữ kiểu này dứt khoát không tốt cho trí lực.

Khả năng tư duy logic độc đáo của trí lực và khả năng nhận biết của nó đủ để phân tách và tưởng tượng ra đặc trưng quan trọng của sự vật. Trí lực tiếp tục tiến lên và xây dựng kết cấu nội bộ của mình dựa trên nền móng của những đặc trưng này.

Hiện nay, dưới sự giúp đỡ của phương thức giáo dục hợp lý, tư duy của trẻ đã có tính trật tự trên phương diện phân loại đặc tính của sự vật. Trẻ không chỉ quan sát sự vật dựa theo những phân tích của mình về đặc tính sự vật, mà còn phân biệt rõ sự khác nhau và giống nhau giữa sự vật, công việc này có thể giúp nhận biết ra đặc tính khác nhau của một sự vật nào đó. Do đó, việc nhận biết sự khác nhau về hình dạng và màu sắc của một số vật thể nào đó lại không hề khó khăn đối với trẻ, bởi vì hình dạng và màu sắc đã được phân loại rõ ràng, trẻ sẽ liên tưởng tới một chuỗi sự vật dựa vào những đặc trưng về hình dạng và màu sắc như vậy. Đây là liên tưởng dựa vào sự giống nhau. Hầu như là một công việc mang tính máy móc, vì vậy trẻ sẽ nhận ra rằng: Sách có hình thoi. Nếu không phải là trong não trẻ sớm đã có hình thoi thì quá trình trẻ rút ra kết luận này là một quá trình tư duy vô cùng phức tạp. Giấy trắng in chữ đen và được đóng lại thành sách, do vậy trẻ sẽ cho rằng: Sách chính là giấy trắng in chữ lên.

Chỉ trong hoạt động tích cực như vậy, sự khác biệt cá tính mới có thể biểu hiện ra. Đặc trưng hấp dẫn vật thể giống nhau là gì? Đặc trưng chủ yếu có được dựa vào liên tưởng giống nhau là sao? Một đứa trẻ chú ý thấy rèm cửa sổ có màu xanh lá cây nhạt, đứa trẻ khác lại thấy rèm cửa sổ lay động nhẹ; Một đứa trẻ thấy đường vân trên tay, mà đứa trẻ khác lại thấy da tay mình trơn bóng. Trong mắt một đứa trẻ nào đó, cửa sổ có hình chữ nhật, song trong mắt một đứa trẻ khác lại là thứ có thể ngắm

được cảnh đẹp trên bầu trời cao. Sự lựa chọn của trẻ đối với đặc trưng chủ yếu của sự vật luôn luôn phù hợp với tính cách của trẻ, đây là một kiểu lựa chọn tự nhiên.

Giống như vậy, các nhà khoa học lựa chọn đặc trưng sự vật có ích nhất cho những liên tưởng của họ. Một vị học giả nào đó đã phân loại loài người theo hình dạng của đại não, còn một học giả khác có lẽ sẽ phân loại theo màu da. Dù chọn phương pháp nào, kết luận cuối cùng đều sẽ thống nhất. Có lẽ mỗi một học giả đều có nhận thức vô cùng tinh tế đối với đặc trưng bên ngoài của con người, tuy nhiên quan trọng là cần tìm ra một đặc trưng có thể làm nền móng để phân loại, cũng chính là tìm ra một đặc trưng có thể tiến hành phân loại nhiều người. Người theo chủ nghĩa thực dụng thuần túy sẽ xem xét nhân loại theo góc độ vụ lợi mà không theo góc độ khoa học; Nhà sản xuất mũ sẽ chỉ chú ý tới kích cỡ của đầu, mà không chú ý tới đặc trưng khác của con người; Nhà diễn thuyết sẽ chỉ suy xét tất cả mọi thứ của con người từ những cảm nhận của họ.

Mọi sự vật trên thế giới đều có đặc tính riêng và những mặt hạn chế của nó, cơ chế cảm giác tâm lý của chúng ta được xây dựng trên sự lựa chọn của chính chúng ta. Vậy, tác dụng của cơ quan cảm giác là gì? Liệu nó chỉ là phản ứng ngẫu nhiên trước một loạt những chấn động cố định? Nếu nói như vậy, mắt chỉ có thể giới hạn ở nhìn ánh sáng, tai chỉ giới hạn ở nghe âm thanh? Do đó trong quá trình hình thành tư duy, bước đầu tiên nên có sự lựa chọn mang tính hạn chế. Đồng thời, tư duy còn cần tăng cường hạn chế hơn nữa lựa chọn đối với cảm quan, tiếp tục hình thành sự lựa chọn cụ thể nào đó trên nền móng tiến hành hoạt động chọn lựa bên trong. Như vậy, sự chú ý sẽ được tập trung vào sự vật đặc biệt nào đó, mà không phải là tập trung vào mọi sự vật, ý chí cũng sẽ lựa chọn một hoạt động nào đó buộc phải hoàn thành trong rất nhiều hoạt động.

NĂNG LỰC HÀNH VI CỦA TRẺ

Dù nghiên cứu về hành vi và những kết luật được rút ra từ nghiên cứu này đều không thể hoàn toàn lí giải cho sự huyền bí của sinh mệnh. Song những lí luận này đều có ích cho chúng ta trong việc nhận biết sự thực. Có thể khẳng định, quy tắc chỉ có một, mọi sinh mệnh đều phát triển tuân theo quy tắc này, nó có thể theo suốt tới thời kì phôi thai, được phát hiện từ hiện tượng xã hội và có thể dựa vào đó để theo sát những biến đổi tâm lý của trẻ sơ sinh.



Hình dạng phôi thai của rất nhiều động vật thời kì đầu giống nhau, dù là người, thỏ hay thằn lằn, phát hiện này có ý nghĩa chỉ đạo đối với nghiên cứu của chúng ta. Sự hình thành của động vật có xương sống đều trải qua quá trình giống nhau, nhưng khi phôi thai phát triển trưởng thành thì sự khác biệt giữa chúng rất lớn. Có thể khẳng định là mọi trẻ sơ sinh đều có phôi thai tâm lý, khi sinh ra đứa trẻ nào cũng giống nhau. Do vậy, thời kì trưởng thành phôi thai tâm lý của trẻ cũng chính là giai đoạn hình thành tâm hồn, mọi trẻ đều cần được đối xử và giáo dục như nhau, dù cho sau này chúng sẽ thành người thế nào. Nhà khoa học, thánh nhân hay tên tội phạm thì cũng đều cần trải qua quá trình trưởng thành giống nhau. Bởi vậy, giáo dục những năm đầu đời của một sinh mệnh là như nhau, đều cần thuận theo bản tính tự nhiên.

Có thể rút ra kết luận từ trong vô số những ví dụ về động vật lựa chọn thức ăn là: Động vật cần ăn không chỉ để thỏa mãn khẩu vị của mình, mà còn để hoàn thành một sứ mệnh nào đó; Dù là sinh vật nào, mọi thành viên đều hợp tác với nhau nhằm duy trì sự thống nhất hòa hợp trong toàn thể giới tự nhiên. Có một số sinh vật ăn không chỉ vì duy trì cuộc sống của mình. Ví dụ: Giun ăn không phải để sống, song nó sống vì ăn, hàng ngày nó ăn rất nhiều đất, hầu như gấp 200 lần thể tích của nó. Darwin từng nói, nếu không có giun thì đất đai trên thế giới này không thể màu mỡ đến vậy.

Ong mật rải phấn hoa cũng là một hình ảnh chúng ta đã quen thuộc. Xét từ ý nghĩa hành vi, có một số động vật không phải tồn tại vì bản thân, mà hi sinh cuộc đời mình vì sự sinh tồn của sinh mệnh khác. Điều này cũng có thể phát hiện thấy trong đại dương. Một số sinh vật đơn bào có chức năng của máy lọc, chúng có thể loại bỏ những thành phần có độc tố nào đó trong nước, chúng cần uống rất nhiều nước. Bản thân động vật lại không hiểu mối quan hệ giữa cuộc sống động vật và sinh thái địa cầu, song việc làm sạch không khí và nguồn nước trên trái đất đều cần đến chúng.

Có thể nhận thấy, dường như có sự tồn tại của một kế hoạch đặc biệt, mọi cơ quan của động vật đều đang nỗ lực hoàn thành kế hoạch này, sinh mệnh cũng đang tuân theo sự chỉ dẫn của "mệnh lệnh bên trong" khiến mọi vật chất hòa hợp làm một, và làm cho thế giới này ngày càng tốt đẹp hơn. Thế giới được sáng tạo không phải để cho chúng ta hưởng thụ, mà chính sự tồn tại của chúng ta khiến thế giới phát triển hơn.

Khi so sánh giữa người và động vật khác, chúng tôi phát hiện thấy có rất nhiều điểm khác nhau. Khác biệt chủ yếu ở chỗ con người không có phương thức vận động riêng, hoặc nói con người không có nơi dừng chân riêng. Trong mọi động vật, chỉ có con người có thể thích ứng được với mọi khí hậu, (dù là nhiệt đới hay địa cực, dù sa mạc hay rừng rậm), con người có thể tự do lựa chọn nơi mình thích. Con người còn có thể tham gia các hoạt động đa dạng, hơn nữa còn có thể lao động bằng đôi tay. Đây là điều mà những động vật khác không thể làm được. Đối với con người dường như mọi thứ đều có thể làm được. Con người có thể nói, đi, chạy, nhảy, có thể bơi giống cá, còn có thể thực hiện những động tác đẹp như khiêu vũ. Tuy nhiên, khi mới sinh ra, trẻ chưa có năng lực này, trẻ sẽ dần dần học ở thời kì trẻ nhỏ.

Khi mới sinh, trẻ không có bất kì năng lực hành động nào, sau đó trẻ bắt đầu học đi và leo trèo giống như một số động vật khác, song nhất thiết cần dựa vào năng lực của mình. Trẻ không chỉ cần có những năng lực mà loài người cần có, mà còn cần điều chỉnh nhiệt độ cơ thể sao cho thích ứng với khí hậu mà trẻ phải đối mặt, hơn nữa cần thích ứng với hoàn cảnh sống của xã hội văn minh ngày càng phức tạp. Tạo hóa chỉ giao công việc thích ứng này cho trẻ hoàn thành, người lớn không thích hợp, người lớn dường như rất khó thích ứng với giọng điệu ngôn ngữ nước ngoài, dù ngôn ngữ này có đơn giản hơn tiếng mẹ đẻ. Dù thích môi trường nào đó, người lớn cũng chỉ có thể để nó trong kí ức, trong khi đó, trẻ lại có thể tiếp thu nó một cách tự nhiên, cấu thành một bộ phận tâm lý bên trong. Như vậy, trẻ có thể đưa mọi thông tin tiếp nhận được vào não, trở thành một bộ phận của mình, ngôn ngữ chính là minh chứng rõ ràng nhất. Nhà tâm lý học sẽ gọi trí nhớ kiểu này là "vẻ đẹp bên trong", mục đích của nó là xây dựng một kiểu hành vi cho cá thể, không chỉ thích ứng thời gian và không gian mà trẻ đang sống, mà còn thích ứng với ý thức tinh thần của xã hội.

Nếu chúng ta muốn thay đổi một tập tục quốc gia hoặc muốn làm mạnh mẽ thêm một tính cách đặc trưng nào đó của dân tộc thì nhất định phải lấy trẻ làm bước đột phá, việc này cần bắt đầu ngay từ thời kì trẻ nhỏ. Bởi vì, không phải mọi thứ đều có thể thay đổi ở người lớn, nếu muốn thay đổi một dân tộc hoặc một quốc gia, cần đánh thức tôn giáo hoặc nâng cao mức độ văn hóa, chúng ta buộc phải kì vọng ở trẻ, vì trẻ có tính tạo hình vô hạn.



MÔ PHỎNG VÀ CHUẨN BỊ

Ở phần trước chúng ta đã nói về sự phát triển của trẻ 1 tuổi rưỡi, đây là thời kì chuẩn bị phối hợp giữa chi trên và chi dưới, đồng thời cá tính của trẻ cũng đang phát triển, bởi vì 2 tuổi trẻ sẽ bước vào thời kì "ngôn ngữ bộc phát", đây là một thời kì phát triển nhanh chóng. Trước khi bước vào thời kì "ngôn ngữ bộc phát", trẻ đã bắt đầu biểu đạt suy nghĩ của mình, giai đoạn 1 tuổi rưỡi là giai đoạn trẻ nỗ lực chuẩn bị không ngừng.

Giai đoạn này cần đặc biệt chú ý, người lớn không nên can thiệp vào quá trình phát triển của trẻ, làm rối loạn quy luật tự nhiên của sinh mệnh. Và khi nắm rõ giai đoạn nỗ lực không ngừng này thì chúng ta nên tạo điều kiện giúp đỡ trẻ. Đương nhiên, biện pháp này không cụ thể. Một số người lại nhấn mạnh rằng, ở giai đoạn này trẻ bắt đầu mô phỏng theo người khác. Điều này lại không có gì là mới mẻ, bởi vì mọi người vẫn thường nói trẻ đang bắt chước người lớn. Không nghi ngờ gì, nhận thức kiểu này thật nông cạn. Nghiên cứu cho thấy, trẻ cần phải hiểu trước khi tiến hành mô phỏng theo người lớn. Trước đây, con người chỉ nhìn thấy trẻ bắt chước người lớn. Do vậy, hiển nhiên người lớn nên có hành vi tốt đẹp để trẻ noi theo, đặc biệt là mẹ và giáo viên càng cần thể hiện rõ phẩm chất đạo đức hoàn mỹ. Tuy nhiên, đại tự nhiên lại không suy lý như vậy. Đại tự nhiên lại không yêu cầu người lớn cao như thế, mà yêu cầu trẻ cần có sự chuẩn bị trước khi bắt chước, công việc chuẩn bị này bắt nguồn từ việc phát huy tiềm năng. Người lớn chỉ là mục tiêu bên ngoài để trẻ mô phỏng và cố gắng làm tấm gương cho trẻ noi theo và điều này chưa chắc đã mang lại hiệu quả tốt.

Đặc trưng lớn nhất của hành vi trẻ nhỏ chính là giàu tính sáng tạo. Khi trẻ vừa bắt đầu mô phỏng, thường sẽ làm tốt hơn cả hình mẫu, chúng sẽ làm chuẩn xác hơn, tinh tế hơn ở một số hành vi nào đó, điều này không có gì là kì lạ. Ví dụ, một đứa trẻ muốn trở thành nghệ sĩ piano, vậy thì trẻ không chỉ cần học đánh piano, mà còn cần liên tục rèn luyện để nâng cao kĩ xảo đôi tay, đồng thời phải hiểu biết về âm nhạc (nếu chỉ bắt chước không thôi thì sẽ không bao giờ có thể trở thành nghệ sĩ piano). Có lẽ là do bản thân chúng ta thiếu sự hiểu biết nên thường giáo dục trẻ bằng biện pháp mô phỏng, muốn trẻ đạt tới trình độ cao hơn, thường kể cho trẻ nghe những câu chuyện về các anh hùng, cho rằng những câu chuyện như vậy sẽ khiến chúng cố gắng trở thành anh hùng. Nếu trẻ thiếu sự chuẩn bị kĩ về mặt tâm lý, thì sẽ không thể trở thành

anh hùng thông qua mô phỏng. Tác dụng của mô phỏng chỉ có thể khơi dậy hứng thú ở trẻ, thúc đẩy trẻ học tập tốt hơn. Để có thể mô phỏng, trẻ cần một giai đoạn chuẩn bị, cần nỗ lực nhiều hơn nữa và càng cần có được năng lực có thể mô phỏng. Tự nhiên không chỉ ban cho con người khả năng mô phỏng, mà còn ban cho con người năng lực tự hoàn thiện mình một cách có ý thức. Nếu chúng ta muốn giúp trẻ phát triển, trước hết phải hiểu rõ trẻ cần giúp đỡ với mức độ thế nào.

Chỉ cần chúng ta chăm chú quan sát sẽ phát hiện thấy, trẻ ở độ tuổi này thường nỗ lực hoàn thành một việc nào đó. Đối với người lớn, những việc như vậy thật nực cười, tuy nhiên trẻ vẫn kiên trì hoàn thành công việc. Những hành vi như vậy xuất phát từ mong muốn trong lòng trẻ, nếu như có người ngăn cản, thì quá trình phát triển tính cách của chúng sẽ rối loạn, khiến chúng mất đi mục đích và hứng thú hành động. Chúng tôi cho rằng, để trẻ hoàn thành những công việc này vô cùng quan trọng, bởi lẽ những hành vi này đều là hình thức chuẩn bị làm việc. Thống kê cho thấy, những nhân vật vĩ đại trong lịch sử thường ít bị quấy rầy trong thời kì này của cuộc đời. Người lớn để xướng tinh thần "kiên trì tới cùng", đây cũng có thể nói là một kiểu chuẩn bị. Chính vì vậy, chúng ta nên để trẻ hoàn thành công việc của chúng, bởi lẽ đây là nhu cầu tâm lý của chúng.

Chương trước chúng ta đã thảo luận về sự phát triển vận động của trẻ, đã đề cập tới trẻ thích làm thế này, làm thế kia. Ví dụ, một đứa trẻ chưa tới 2 tuổi thích cầm vật nặng, nó làm như vậy không có mục đích gì, hoàn toàn là do ý thích trong lòng xui khiến. Người hàng xóm của tôi có một số đồ vật nặng, một đứa trẻ hơn 1 tuổi thường thích chạy lại dịch chuyển những đồ vật này, nó say sưa với "công việc" của mình mà không hề cảm thấy mệt mỏi. Ngoài ra, bọn trẻ còn thích giúp người lớn dọn cơm, chúng đòi bê bát, lấy thìa, lảng xằng đòi cầm cái này, cái kia, cho tới khi mệt mới thôi. Người lớn thường sợ trẻ mệt, không cho trẻ hoạt động nhiều, thường bắt trẻ ngồi im một chỗ. Tâm lý học cho rằng, biện pháp này của người lớn đã ngăn cản trẻ, gây ảnh hưởng xấu tới sự phát triển tâm lý của trẻ, rất nhiều bệnh về tinh thần có xuất phát điểm từ đây.

Đặc biệt, trẻ rất thích leo cầu thang, người lớn leo cầu thang có mục đích, còn trẻ thì lại chẳng có mục đích gì, đơn thuần đó chỉ là một trò chơi. Chúng đã leo lên cầu thang, song chưa thỏa mãn lại chạy xuống rồi lại leo lên, cứ thế leo lên leo xuống mà không hề biết mệt mỏi.

Rất ít người lớn can thiệp vào hành vi này của trẻ. Tuy nhiên, các nhà tâm lý học lại không hài lòng vì điều này, họ yêu cầu xây dựng một

chỗ chơi chuyên dành cho trẻ, để trẻ có thể làm bất cứ việc gì mà không bị quấy rầy. Do vậy, các nước phương Tây đã xây dựng nhà trẻ và trường học cho trẻ sơ sinh, chủ yếu dạy dỗ trẻ trên 1 tuổi. Đồ dùng ở nhà trẻ được thiết kế riêng, như lắp một căn nhà nhỏ trên đỉnh cây, bên dưới đặt một cái thang. Tiềm năng của trẻ sẽ ngày một phát huy, trẻ thích di chuyển vật nặng, thích mạo hiểm, thích trèo leo ở những chỗ cao, hơn nữa được leo trèo ở những chỗ "nguy hiểm" sẽ mang lại cho chúng cảm giác thú vị không gì bằng.

Những hành vi này lại không có mục đích bên ngoài, cũng không là mục đích mà trẻ cần phải hoàn thành, mà chỉ vì chúng muốn được thỏa mãn nguyện vọng trong lòng mà thôi. Đồng thời, thông qua những hành vi này sẽ rèn luyện năng lực vận động nhịp nhàng. Phải có được năng lực này, cũng như có sự chuẩn bị kĩ càng thì trẻ mới có thể mô phỏng hành vi của người lớn. Chỉ tới lúc này, môi trường mới kích thích sự hứng thú trong trẻ. Từ tận đáy lòng, trẻ mới có khát vọng mô phỏng, khi nhìn thấy người lớn lau nhà hoặc làm bánh ngọt, chúng mới bắt chước làm theo.

Bây giờ, chúng ta hãy cùng thảo luận một chút về nhu cầu đi lại của trẻ 2 tuổi. Đối với trẻ, đi là nhu cầu tự nhiên nhất, bởi vì trẻ muốn trở thành người lớn thì nhất thiết phải có mọi năng lực của người lớn. Nếu tâm tư tốt, trẻ 2 tuổi có thể đi được 2 km. Cần chú ý là trong suy nghĩ của trẻ việc đi đứng hoàn toàn khác với người lớn. Trẻ đi chẳng phải vì muốn tới một nơi nào, chỉ là muốn đi mà thôi. Chân của trẻ rất ngắn, hơn nữa lại chưa quen đi, do vậy, chúng ta không nên yêu cầu trẻ đi nhanh, mà nên giảm bước chân mình lại. Khi đi, trẻ không chỉ sử dụng đôi chân, mà còn sử dụng đôi mắt, trẻ muốn đi tới chỗ xa, có thể là vì trẻ nhìn thấy ở đó có thứ gì đó rất thú vị. Ví dụ có một bụi cỏ trên đất, trẻ sẽ quỳ xuống nhìn, một lát sau lại đứng lên đi tiếp; Nhìn thấy một đóa hoa, trẻ sẽ cúi xuống ngửi; Nhìn thấy một cái cây, trẻ sẽ đi vài vòng quanh cây hoặc trèo lên trên hoặc ngồi xuống ngắm cây. Cứ thế trẻ đã đi được vài km mà không hề biết. Nếu trên đường có vật cản như hòn đá, cây khô thì cũng rất là hay. Đặc biệt, trẻ còn rất thích nước, vừa tới bên khe suối thì đã vui mừng thốt lên: "Nước, nước", nhưng ông bố bà mẹ đứng cạnh trẻ thì lại khác, trong lòng chỉ muốn nhanh chóng tới nơi khác.

Trẻ nhỏ đi có gì đó giống với người bộ lạc nguyên thủy, thích đi khắp nơi mà không có mục đích. Họ cứ đi mà không rõ mục đích, nơi nào hấp dẫn thì họ ở lại - một cánh rừng rậm tha hồ chặt củi hoặc một thảo nguyên có thể chăn thả súc vật. Trẻ nhỏ giống với họ, cứ đi và phát hiện

ra những đồ vật mới lạ. Liên tục tìm kiếm là bản tính của trẻ nhỏ, trẻ đang đi trên đường như là một nhà thám dò. Giáo dục trường học nên chú ý tới hoạt động thám dò này của trẻ, nên giúp trẻ triển khai hoạt động này càng sớm càng tốt, thường xuyên cho trẻ hoạt động ở bên ngoài, quan sát những thứ mà trẻ thích. Trường học còn nên hướng dẫn trẻ phân biệt màu sắc, nhận biết hình dạng và các hoa văn của lá cây, làm quen với tập tính của côn trùng, hiểu về chim và tên gọi của các động vật khác,... Những thứ này nhất định sẽ khiến trẻ hứng thú, hứng thú càng lớn thì trẻ càng đi dài. Muốn trẻ có năng lực thám dò sáng tạo thì nên tạo ra nhiều hứng thú ở trẻ.

Nói riêng về góc độ sức khỏe, đi cũng vô cùng có ích, nó có thể cải thiện hô hấp của con người, nâng cao khả năng tiêu hóa, khiến cơ thể mạnh khỏe hơn, đi là một phương thức rèn luyện rất tốt cho dù là với trẻ nhỏ hay người già. Đi trên đường, nhất định trẻ sẽ phát hiện ra nhiều điều thú vị. Chúng ta sẽ quan sát những điều thú vị này và tiến hành phân loại chúng; Chúng ta nhảy qua một con mương nhỏ, leo lên một ngọn đồi hoặc nhặt củi về nhóm lửa... Những hoạt động này đòi hỏi sử dụng mọi cơ quan trên cơ thể. Bởi vậy nó tốt hơn bất cứ sự luyện tập thể dục nào, đồng thời có thể tăng cường kiến thức, nâng cao hứng thú với sự vật. Giáo dục của chúng ta nên để trẻ đi nhiều, mở rộng tầm mắt của trẻ. Chỉ có như vậy, cuộc sống của chúng mới ngày một phong phú hơn.

Đặc biệt, giáo dục hiện đại nên tuân thủ nguyên tắc này, bởi lẽ xã hội hiện đại sẽ có dịch vụ giao thông thuận tiện hơn, con người ít phải đi bộ. Nếu sinh mệnh được phân thành 2 bộ phận, vui chơi bằng cơ thể và đọc sách bằng não thì cuộc đời sẽ không thể hoàn thiện hơn trước đây. Sinh mệnh là một chỉnh thể, quá trình trưởng thành của trẻ càng nên tuân thủ quy luật tự nhiên này.

Ý NGHĨA CỦA VẬN ĐỘNG ĐỐI VỚI TRẺ

Chúng ta có một số nhận thức sai lầm đối với lí luận giáo dục vận động, đặc biệt là quan điểm về vai trò thời kì trẻ nhỏ đối với vận động. Giáo dục trường học hiện nay chỉ chú trọng tới bồi dưỡng trí lực, mà coi nhẹ vai trò của vận động, coi nhẹ mối quan hệ giữa vận động và phát triển tâm lý. Cũng chính vì nguyên nhân này, chúng tôi gọi học tập trên phương diện này của trẻ là "rèn luyện", "giáo dục cơ thể", "vui chơi".

Trước hết, nói một chút về hệ thống thần kinh con người. Con người có một bộ óc vô cùng phức tạp; Tiếp đến, có mọi cơ quan cảm giác thu

thập thông tin rồi truyền tới não; Sau cùng là cơ bắp. Điều đó có nghĩa là, cơ thể người do 3 bộ phận chính cấu thành gồm: Đại não, cơ quan cảm giác và cơ bắp. Những tổ chức tinh vi này đã giúp con người vận động. Mặc dù con người giàu ý tưởng, song ý tưởng của họ chỉ được thực hiện thông qua vận động cơ thể. Nhà triết học là người nhiều ý tưởng hay nhất song lại ít hoạt động. Các hoạt động nói và viết của họ đều không tách khỏi vận động cơ bắp. Nếu họ không thể biểu đạt suy nghĩ của mình, thì những suy nghĩ này còn có giá trị gì nữa?

Con người là gì? Là động vật biết suy nghĩ. Nếu chúng ta quan sát hoạt động của động vật thì sẽ phát hiện thấy chúng chỉ có thể vận động để biểu đạt bản thân. Bởi vậy, coi thường vận động là làm trái logic.

Nghiên cứu khoa học cho thấy, con người muốn tạo dựng mối quan hệ cần thiết với môi trường xung quanh thì không chỉ cần phát huy vai trò của hệ thống thần kinh mà còn cần điều tiết nhịp nhàng cơ bắp. Con người gọi đại não, cơ quan cảm giác và cơ bắp là "hệ thống quan hệ", chúng đảm đương việc tiếp xúc với thế giới bên ngoài. So với chúng, các cơ quan khác trong cơ thể người hiển nhiên có chút "tự ti". Bởi lẽ, những cơ quan này chỉ phục vụ cho cơ thể, chúng được gọi là "hệ thống sinh trưởng". Chức năng của hệ thống này chỉ giới hạn ở cơ thể, mà vai trò của "hệ thống quan hệ" lại là duy trì mối liên hệ giữa cơ thể và thế giới bên ngoài.

Nếu hệ thống thần kinh không phát huy tác dụng, chúng ta sẽ không cảm nhận thấy thế giới đẹp đẽ này, cũng không thể hình thành suy nghĩ của riêng mình, vì nó là nguồn cội của mọi linh cảm ở con người. Do vậy, không nên cho rằng hệ thống thần kinh chỉ là một tổ chức sinh lý. Ví dụ con người coi nhẹ mối quan hệ với môi trường, chỉ nâng cao cấp bậc thần kinh của mình thì sẽ tự cao tự đại và dễ dẫn tới sai lầm nghiêm trọng. Mặc dù động vật không biết suy nghĩ, chỉ có thể biểu đạt mình bằng hành động, tự nhiên đã cho chúng cơ thể mạnh khỏe và động tác đẹp mắt. Ngoài ra, động vật hòa hợp với tự nhiên còn bao hàm mục đích sâu xa.

Con người là một thành viên của đại tự nhiên, sinh mệnh con người cũng có mục đích của nó, chỉ nâng cao cấp bậc tinh thần của mình thì không bao giờ đủ. Đương nhiên, tạo hóa ban cho con người sinh lý và tâm lý có thể cao hơn nữa, song mục đích và ý nghĩa của sinh mệnh không chỉ có vậy. Vậy thì "hệ thống quan hệ" có tác dụng gì? Mọi sự vật trên thế giới đều liên hệ với nhau, là một phần của vũ trụ và vận chuyển theo quy luật của vũ trụ. Tổ chất thần kinh của con người không chỉ

nhằm thỏa mãn bản thân, mà còn chiếm vị trí trong toàn bộ tinh thần vũ trụ.

Chúng ta nên phát huy sức mạnh tinh thần của bản thân, từ đó thực hiện mối quan hệ giữa con người với con người. Nếu chỉ chú trọng tới bản thân thì sẽ trở nên hẹp hòi, ích kỷ, giảm cấp bậc thần kinh của bản thân xuống cấp bậc sinh trưởng. Tạo hóa ban cho con người rất nhiều khả năng, chúng ta cần phải phát triển những khả năng này. Ở đây, điều tôi muốn nói tới chính là vai trò của "hệ thống quan hệ".

Mọi người đều biết, muốn bảo đảm cho cơ thể khỏe mạnh, các cơ quan như tim, phổi, dạ dày nhất thiết phải hoạt động bình thường. "Hệ thống quan hệ" cũng như vậy, chỉ khi đại não, hệ thống thần kinh trung khu, cơ quan cảm giác và cơ bắp làm việc bình thường thì hệ thống này mới có thể phát huy tác dụng.

Con người là một chỉnh thể hữu cơ, mọi cơ quan trong cơ thể có liên quan tới nhau. Hoàn thành một động tác nào đó thì cần sự phối hợp nhịp nhàng của vài bộ phận. Muốn phát huy vai trò của đại não thì cần kích thích đồng thời các bộ phận khác, hệ thống thần kinh trung khu, cơ quan cảm giác và cơ bắp đều cần hoạt động. Có nghĩa là, muốn có một kiểu trạng thái thần kinh, cần thông qua vận động tương ứng. Xuất phát từ điểm này, tôi đã tiến hành thảo luận vấn đề vận động. Vận động dựa vào hệ thống thần kinh trung khu, hệ thống này là một phần của "hệ thống quan hệ", các phần của "hệ thống quan hệ" là một chỉnh thể, chỉ có thể cùng hoàn thành công việc này.

Chúng ta thường phạm phải sai lầm là tách rời vận động, dường như vận động không có liên quan gì tới cơ năng khác của con người. Do vậy, chúng ta chỉ có thể xem cơ bắp là một bộ máy vận động để tiến hành luyện tập thể dục. Chúng ta thay đổi món ăn và giấc ngủ chỉ vì muốn cơ thể khỏe mạnh. Quan điểm này rất phổ biến, không chỉ người bình thường mà ngay cả giới giáo dục cũng nghĩ như vậy.

Nhận thức sai lầm này đã tách rời mối liên hệ giữa vận động và suy nghĩ. Kỳ thực, chúng có quan hệ khăng khít với nhau, là một chỉnh thể không thể tách rời. Giáo trình dạy học, không chỉ cần suy xét tới đại não của trẻ mà còn cần suy xét tới cơ thể của trẻ, không nên phân tách cơ thể với suy nghĩ, coi nhẹ một bộ phận trong đó. Như vậy chúng ta sẽ phá hỏng tính liên tục của cơ năng trong cơ thể.

Vận động không tách rời khỏi đại não thì nó không chỉ là động tác của cơ thể, mà còn biểu đạt phương thức sinh mệnh cao hơn. Nếu cơ thể

người không có não giống như sinh vật cấp thấp thì chỉ là một đồng máu thịt, sự phát triển của con người chỉ ở vào tầng sinh trưởng. Nhưng con người có suy nghĩ, hơn nữa cần thông qua máu thịt mới có thể biểu đạt chuẩn xác suy nghĩ, có nghĩa là vận động kết hợp với hoạt động tâm lý. Nếu phân tách hai điều này, con người sẽ không thể thực hiện độc lập, cũng không thể phát huy trí tuệ trời phú. Khi chúng tôi thảo luận về phát triển tâm lý, đã có người nói thế này: "Sao lại nói tới vận động cơ chứ? Chẳng phải chúng ta đang thảo luận về tâm lý sao?". Trong tưởng tượng của những người này, trí lực của con người giống như hòa thượng bên Trung Quốc, ngồi im bất động một chỗ. Cho tới nay, giới giáo dục phương Tây vẫn kiên trì cho rằng, vận động chỉ có thể khiến cơ thể mạnh khỏe, có lợi cho hô hấp và tuần hoàn. Tuy nhiên, một quan điểm khoa học toàn diện hơn cho rằng, vận động đóng vai trò vô cùng quan trọng đối với sự phát triển tâm lý và tinh thần, đặc biệt là sự phát triển tâm lý của trẻ nhỏ.

Chỉ cần chúng ta tiến hành quan sát sự phát triển của trẻ nhỏ thì sẽ phát hiện ra rằng, sự phát triển đại não của trẻ được hoàn thành thông qua vận động.

Hãy xem sự phát triển của ngôn ngữ, năng lực ngôn ngữ của trẻ phát triển song song cùng sự trưởng thành của cơ quan phát âm. Hơn nữa khả năng lí giải của trẻ cũng phát triển theo những vận động. Vận động thúc đẩy đại não phát triển, ngược lại đại não thúc đẩy cơ năng vận động phát triển và chúng cấu thành một quá trình tuần hoàn. Đương nhiên, trong quá trình này, mọi cơ quan đều phát huy tác dụng. Cơ hội hoạt động của cơ quan cảm giác của một đứa trẻ ít, thì hoạt động tâm lý của chúng cũng ở vào mức độ thấp.

Khoa học gọi cơ bắp bị khống chế bởi đại não là cơ tùy ý, những cơ bắp này chịu sự khống chế của ý chí, hơn nữa ý chí là hình thức cao nhất của hoạt động đại não. Cơ tùy ý chịu sự khống chế của ý chí. Về ý nghĩa nào đó, những cơ bắp này chính là một cơ quan tâm lý.

Đại bộ phận cơ thể con người là cơ bắp, vai trò của xương là nâng đỡ cơ bắp. Như vậy, cơ bắp và xương đã hình thành một hệ thống hỗ trợ cho nhau. Số lượng cơ tùy ý rất lớn, chủ yếu tập trung ở bên ngoài cơ thể, tận mắt có thể nhìn thấy hoạt động của chúng. Cơ tùy ý có to có nhỏ, có ngắn có dài, mỗi cơ có tác dụng khác nhau. Nếu một cơ bắp di chuyển tới một hướng nào đó thì cơ bắp khác sẽ làm động tác ngược lại, sức

mạnh tương phản của chúng càng lớn thì vận động càng tinh tế và chuẩn xác. Nếu lặp đi lặp lại một động tác thì hoạt động của hai cơ bắp này sẽ càng hài hòa, nhịp nhàng.

Loài người vẫn chưa nghiên cứu sâu về sức mạnh tương phản trong cơ thể, có điều chúng khống chế mọi vận động có ý thức của cơ thể. Dù là những cú nhảy vọt dây uy lực của hổ hay những bước nhảy linh hoạt của sóc thì đều có lợi cho sức mạnh tương phản này. Sự hòa hợp bên trong này tồn tại trên mọi cơ thể động vật, đây là điều mà tạo hóa ban tặng.

Mọi hoạt động đều không tách rời khỏi cơ chế vận động tinh xảo. Đối với con người, cơ chế này không phải đã có ngay từ khi sinh ra, mà dần dần hình thành hoàn thiện thông qua mọi hoạt động của trẻ. Cơ bắp của con người đa dạng lại tinh tế, có thể hoàn thành những vận động cần thiết. Tuy nhiên, con người không giống như các loài động vật khác vừa sinh ra đã hoàn thành vận động cần thiết, có nghĩa là cơ bắp của con người mới đầu chưa thể hoạt động hài hòa, mà cần được hoàn thiện thông qua đại não. Nói từ góc độ khác, điều này cho thấy con người có tiềm năng "đạt tới sự hài hòa", chỉ cần sức mạnh này được kích thích thì có thể hoạt động để hoàn thiện mình. Hiển nhiên, nhân tố chủ yếu thực hiện mục tiêu này là bản thân con người.

Con người khác với động vật, không thể lựa chọn một phương thức vận động cố định nào. Động vật vừa sinh ra đã có thể leo trèo, chạy, bơi, còn trẻ mới sinh hoàn toàn không có năng lực này. Ngược lại, con người có thể nắm vững mọi vận động thông qua rèn luyện, hơn nữa còn làm tốt hơn cả động vật.

Những năng lực tiềm ẩn này cần sự nỗ lực của con người, mới có thể được phát huy. Thông qua quá trình rèn luyện, hoạt động cơ bắp sẽ hài hòa nhất trí, bởi lẽ, hệ thống thần kinh là hệ thống hài hòa nhất trí và truyền đạt mệnh lệnh của ý chí.

Con người lại không thể hoàn toàn phát huy tiềm lực của bản thân. Trong cuộc sống thực tế, dù vận động viên ưu tú đến đâu cũng không thể phát huy mọi năng lực của cơ bắp, động tác có tinh tế thế nào cũng không thể tận dụng triệt để năng lực tiềm ẩn của cơ bắp. Điều này giống như một người được sinh ra trong gia đình giàu có, của cải mà anh ta được thừa kế nhiều vô kể, dù anh ta có tiêu hoang đến đâu cũng không thể dùng hết số của cải này. Giá trị thực sự của số của cải này chính là cho anh ta một kiểu tự do, có thể tiến hành lựa chọn dựa theo mong muốn của mình. Một đứa trẻ sơ sinh có thể trở thành vận động viên thể thao, song lại không thể nói rằng nó đã có cơ bắp của một vận động viên.



Giống như vậy, nghệ sĩ múa cũng không phải sinh ra đã biết múa, họ phải dùng ý chí để phát triển mình. Cơ thể con người tồn tại khả năng vô hạn, song không có gì là bẩm sinh cả, họ cần có sự lựa chọn cho riêng mình và thông qua rèn luyện để có được năng lực đó.

Con người còn khác động vật ở chỗ, con người có phương hướng phát triển khác nhau. Ví dụ, khi cùng học một kỹ nghệ nào đó thì giữa người với người luôn có sự khác biệt. Khi học viết, ai cũng có thể viết chữ, song với phong cách khác nhau. Giống như vậy, phương thức hành vi của mỗi người cũng khác nhau.

Chúng ta nói công việc vô cùng quan trọng đối với con người, con người không chỉ làm việc để sống, mà còn thể hiện mình thông qua công việc. Công việc không chỉ là biểu hiện của suy nghĩ, mà còn là sự khai thác tiềm năng vận động của con người. Bởi vì công việc cần được hoàn thành bằng tư duy và vận động. Ví dụ, một người chỉ làm những công việc đơn điệu thì tổ chức cơ bắp của anh ta sẽ không thể phát triển hoàn thiện, tâm lý của anh ta cũng phát triển ở mức độ rất thấp.

Do vậy, công việc của một người sẽ ảnh hưởng tới sinh mệnh tâm lý của anh ta. Nếu một người chưa từng làm việc, không chỉ sinh mệnh sinh lý giảm thấp mà nó cũng sẽ bị ức chế, vì anh ta thường ngồi im một chỗ, không thể khơi dậy tiềm năng của cơ bắp, mà cơ bắp được sử dụng lại chịu áp lực nặng nề. Chính bởi nguyên nhân này, thể thao và vui chơi đã trở thành bài học cần thiết trong nhà trường. Những hoạt động này có thể ngăn cản sự suy thoái chức năng cơ bắp.

Chúng tôi cho rằng, giáo dục trường học nên "có cương có nhu", đã không đơn thuần là rèn luyện thể dục, cũng không đơn thuần là bồi dưỡng trí lực, mà cần tiến hành rèn luyện song song cả trí lực lẫn thể lực. Giáo dục phương Tây rất coi trọng sách vở, mục đích là bồi dưỡng học sinh thành nhân viên văn phòng, điều này hoàn toàn khác với cách giáo dục vừa nêu ở trên. Các nghiên cứu đã chứng minh, kiểu rèn luyện về chuyên môn này tồn tại khiếm khuyết lớn, khiến vai trò của vận động không thể phát huy. Tôi cho rằng, vận động có ý nghĩa vô cùng quan trọng đối với sự phát triển ở trẻ nhỏ, chỉ cần trẻ nâng cao năng lực phối hợp vận động của mình thì có thể phát triển hoàn thiện tâm lý. Ngược lại, sự phát triển tâm lý cũng có thể thúc đẩy năng lực vận động.

Nếu tách rời vận động, não sẽ phát triển độc lập, mặt khác, vận động cũng sẽ không chịu sự chi phối của não, cả hai tình trạng này đều rất có hại. Vận động phục vụ toàn cơ thể, nó được xây dựng trên mối quan hệ giữa người và môi trường, cũng như trên mối quan hệ qua lại

giữa người với người. Chỉ với nền móng như vậy, vận động mới có thể phát triển.

Xã hội hiện đại đã coi trọng giá trị cá nhân, khiến con người quá chú trọng tới việc tự mình hoàn thiện và tự mình thực hiện. Hiện nay, chúng tôi ý thức được ý nghĩa của vận động với con người, chủ nghĩa coi mình là trung tâm sẽ dần dần biến mất, bởi vì, con người có năng lực tiềm ẩn và cần nỗ lực phát huy vai trò của những năng lực này, đây chính là "triết học vận động" của chúng tôi. Vận động là sự khác biệt cơ bản giữa sinh vật và phi sinh vật, vận động của sinh vật có mục đích nhất định mà không hề "tùy tiện bừa bãi".

Tính chất cơ bản của đại tự nhiên chính là vận động. Thử tưởng tượng một chút, giả dụ mọi vận động đều ngừng lại thì thế giới này sẽ ra sao. Chim non đứng im trên cây, côn trùng nằm im dưới đất, cá dưới nước không bơi lội, mọi thực vật không sinh sôi nảy nở, hoa không tỏa hương thơm, cây không kết quả, không khí tràn đầy độc tố, trái đất này sẽ vô cùng đáng sợ.

Đương nhiên, trạng thái đứng im tuyệt đối kiểu này lại không tồn tại. Giả sử, tự nhiên ngừng vận hành, sinh vật sẽ vận động không có mục đích, toàn bộ thế giới sẽ ở trong sự hỗn loạn. Tự nhiên đã tạo ra thế giới hoàn mĩ nhất, trong thế giới này, mọi sinh vật đều có phương thức vận động và mục đích phát triển của riêng mình, hơn nữa nó rất có trật tự, bởi lẽ giữa mọi vận động đều tồn tại một kiểu hòa hợp.

Làm việc khác với vận động, song chúng lại không thể tách rời nhau. Cuộc sống của con người không thể thiếu lao động, và cũng không thể thiếu vận động. Nếu công việc trên thế giới này ngừng trệ 1 tháng, nhân loại có thể bị hủy diệt. Điều đó có nghĩa là, vận động của con người còn có chức năng xã hội. Nếu vận động chỉ là rèn luyện thể chất thì tiềm năng của con người sẽ không được vận dụng, từ đó mất đi sức sáng tạo.

Xã hội là một chỉnh thể có trật tự, muốn xây dựng xã hội trật tự thì không thể tách rời vận động. Mỗi thành viên trong xã hội không chỉ cần phục vụ bản thân mà còn cần phục vụ xã hội. Cái gọi là "hành vi" chính là vận động có mục đích, dù là với con người hay với động vật. Hành vi này là trung tâm hành động của sinh vật. Hành vi của con người không chỉ thực hiện vì những mục đích cá nhân mà còn cần phục vụ người khác. Ví dụ, vận động "khiêu vũ" là vận động cá nhân, song nếu không có người xem thì hứng thú và ý nghĩa của khiêu vũ giảm đi rất nhiều. Vận động là quy luật của tự nhiên, bất kì sinh mệnh nào cũng cần có vận động riêng của mình. Những vận động này không chỉ phục vụ cho

bản thân, mà nó còn có ý nghĩa sâu sắc hơn. Nhận thức về vai trò của vận động có thể giúp chúng ta lí giải hành vi của trẻ nhỏ, từ đó giáo dục trẻ tốt hơn.

BÍ MẬT THIÊN TÀI

Qua nhiều năm quan sát và thí nghiệm, tôi phát hiện thấy, chính bọn trẻ đã vạch ra quy luật phổ biến của cuộc sống. Hiếm người tài giỏi nào ý thức được quy luật này. Đồng thời, bọn trẻ cũng cho thấy xã hội đã kìm hãm chúng một cách vô ý thức. Kiểu kìm hãm vô ý thức này làm tăng thêm gánh nặng cho loài người, đồng thời gây tổn thương tới họ. Tôi từng thổ lộ cảm nhận này của mình với một phụ nữ có tri thức, cô ta vô cùng hứng thú đối với lý luận của tôi và hi vọng tôi sẽ viết chúng thành một cuốn sách giàu triết lý. Tuy nhiên, cô ta lại không thể tiếp nhận những thí nghiệm mà tôi đang tiến hành. Khi tôi trò chuyện cùng cô ta về bọn trẻ, cô ta tỏ vẻ thiếu nhẫn nại: "Ồ! Tôi quá hiểu những sự việc liên quan tới trẻ nhỏ. Nói về mặt trí lực, chúng là thiên tài; Nhìn về mặt đạo đức, chúng là thiên sứ". Tôi vẫn không chịu, cố gắng thuyết phục cô ta tới tham quan trường học của chúng tôi, cuối cùng cô ta cũng đồng ý. Sau khi tham quan trường chúng tôi và trực tiếp giao lưu với bọn trẻ, cô ta tỏ vẻ vô cùng phấn khích, nắm chặt tay tôi và nói rất chân thành: "Bà hãy viết lý luận giáo dục đi, hãy công bố cho mọi người biết! Thử nghĩ xem, con người không thể biết trước được lúc nào mình sẽ chết, không bắt tay ngay vào làm việc này, lẽ nào bà muốn mang những phát hiện này xuống mồ sao?".

Tôi đã hiểu những suy nghĩ của cô ta.

Nếu nghiên cứu tỉ mỉ lao động trí não của những thiên tài, chúng ta sẽ phát hiện, những nỗ lực của họ là nhằm khai phá ra phương thức tư duy mới mẻ vì chúng ta, mang lại cội nguồn mới vì hạnh phúc của chúng ta và tiến bộ của xã hội. Tuy nhiên, chúng ta buộc phải thừa nhận rằng, lao động của họ lại chẳng có gì dễ dàng khiến người bình thường nhận thấy mà chùn bước. Nhà tâm lý học Bain đã nói: "Các thiên tài có năng lực liên tưởng mạnh mẽ giống nhau, đây chính là đặc điểm cơ bản nhất của thiên tài". Chỉ cần quan sát tỉ mỉ và áp dụng vào nhiều người thì đều có thể đưa ra những suy lý đơn giản và chúng ta sẽ có mọi phát hiện. Muốn có mọi phát hiện, còn cần tiến hành sắp xếp tài liệu thực tế. Có điều, sự khác biệt giữa người với người chính ở chỗ những tài liệu thực tế này chỉ có thể được "phát hiện" bởi những nhà phát hiện, những người khác lại vô cùng coi nhẹ nó.

Có thể nói, thiên tài có năng lực phân tách sự thực, đồng thời phân biệt rõ nó với những thứ khác. Cũng giống như trong một gian phòng tối om, chỉ có một luồng ánh sáng chiếu lên hòn đá quý. Thiên tài chính là luồng ánh sáng ấy, suy nghĩ của anh ta sẽ mang lại một cuộc cải cách mới trong tiềm thức, hơn nữa có những cống hiến to lớn cho nhân loại.

Ở đây, chúng ta cần nhấn mạnh, điều quyết định nhân tài có những phát hiện đáng kinh ngạc chính là sự phân biệt của họ đối với sự vật trong cùng một lĩnh vực, bản thân sự vật được phát hiện lại không có giá trị gì đặc biệt. Những người khai thác khoáng sản đều biết, ngọc quý thường ẩn sâu trong những vật chất bình thường, không thể nhìn thấy bằng mắt, chúng cứ nằm im ở đó mà ít ai phát hiện ra. Giống như vậy, khi chân lý được tìm thấy, rất nhiều nhân tài đã khảng khái thốt lên: Chẳng phải đạo lý này chúng ta đã biết từ lâu rồi và vẫn đang áp dụng đó sao? Thực tế, không phải lúc này chân lý bỗng chốc trở nên có giá trị mà chân lý thực sự có giá trị chính nhờ vào những người nhận biết được chân lý và áp dụng nó vào thực tế.

Dương nhiên, chân lý mới phát hiện không phải đã tồn tại sẵn trong não người. Nó cũng là sản vật nhờ lao động trí lực mà có. Hơn nữa, có một số chân lý còn cần trải qua nhiều thử thách, mới được xã hội công nhận.

Mới đầu, chẳng ai thêm để ý tới chúng, chúng thường bị chỉ trích là những luận điệu kì lạ. Để một quan niệm mới mẻ vào não người cần phải có thời gian, và sự phối hợp nhịp nhàng của trí lực con người. Colombo nói rằng: "Nếu nói trái đất hình tròn, vậy thì khi con người xuất phát từ một điểm nào đó, cứ thế tiến thẳng về phía trước thì anh ta sẽ quay trở lại điểm xuất phát ban đầu". Đây chính là thành quả lao động trí lực của Colombo, hơn nữa ông còn phát hiện ra một đại lục mới cho nhân loại. Có người sẽ nói, lục địa này chẳng qua nằm ngay trên đường đi của ông, ông phát hiện ra nó chỉ là may mắn, chẳng có gì là gian nan khổ cực. Song đôi khi, thượng đế lại ban tặng phần thưởng to lớn cho những suy lý thông minh kiểu này.

Dương nhiên, gặt hái được thành quả vĩ đại như vậy, ngoài lao động trí lực phi phạm, Colombo còn có lòng can đảm hơn người. Ông đã phải trải qua bao gian nan vất vả mới có thể thuyết phục người khác cho mình thuyền và tùy tùng. Từ đó, mới có thể hoàn thành sự nghiệp vĩ đại, cuối cùng điều khiến ông thu được thắng lợi chính là lòng tin.

Quá trình phát minh ra điện của Volta cũng có thể nói rõ vấn đề này. Một ngày nọ, vợ ông bị sốt cao, Volta cho vợ uống thuốc hạ sốt theo

cách chữa trị thịnh hành thời đó - canh ếch chưa lột da. Hôm đó vào một ngày mưa gió, khi treo con ếch đã chết lên chiếc gậy sắt ở cửa sổ, bỗng ông phát hiện thấy mặt con ếch đang thu nhỏ lại. Nhà phát minh vĩ đại này lập tức rút ra suy luận thế này: "Cơ bắp đã chết vẫn có thể thu lại, chắc chắn có ngoại lực tác động lên nó". Để tìm ra ngoại lực này, Volta đã tiến hành rất nhiều thí nghiệm, cuối cùng đã phát hiện ra điện trong từ trường của trái đất. Một suy luận đơn giản của vị thiên tài này đã mang lại phát minh to lớn cho loài người.

Từ đó có thể thấy, tiến hành suy xét cẩn thận và cụ thể đối với một hiện tượng "chẳng có gì đặc biệt" (giống như cơ bắp của động vật đã chết có thể thu lại), sau đó dựa trên nền móng này, tập trung sức lực vào câu hỏi "vì sao nó có thể thu nhỏ", đây chính là quá trình loài người đã trải qua để thu được một thành tựu vĩ đại.

Phát minh của Galileo cũng giống như vậy. Khi ông đứng dưới Giáo đường Pisa, nhìn thấy quả lắc của đồng hồ lắc lư, hơn nữa thời gian lắc sang trái và sang phải là như nhau. Phát hiện này vô cùng quan trọng đối với loài người. Quả lắc của đồng hồ đã khiến loài người bắt đầu tính toán thời gian, cũng khiến các nhà thiên văn học bắt đầu tính toán vũ trụ.

Newton phát hiện ra "vật hấp dẫn" cũng đơn giản như vậy. Khi ông nhìn thấy quả táo rơi từ trên cây xuống, bèn tự hỏi: "Vì sao quả táo lại rơi xuống đất?". Chính câu hỏi này đã giúp ông phát hiện ra trọng lực của vật thể, và cũng giúp ông phát minh ra định luật vạn vật hấp dẫn.

Khi nghiên cứu cuộc đời của James Watt, chúng ta không thể không thán phục ông. Ông vừa là nhà vật lý học, vừa là nhà tâm lý học, và còn là nhà toán học. Các trường đại học ở Anh và ở Đức đều ban tặng ông những danh hiệu vẻ vang. Mang tới cho nhân loại một cống hiến vĩ đại như vậy không phải vì ông muốn bản thân trở thành vĩ nhân, mà là vì ông đã phát hiện ra nắp ấm bị hơi nước đẩy lên. "Sức mạnh của hơi nước có thể đẩy được nắp ấm, thì nhất định có thể đẩy được pittông, do vậy, nó có thể là động lực của máy móc". Một chiếc nắp ấm bé nhỏ lại có ma lực thúc đẩy lịch sử nhân loại phát triển, phát hiện này đã mang lại thuận lợi cho công việc cũng như cuộc sống của con người.

Não người gặp trở ngại càng lớn thì ánh sáng trí tuệ của anh ta càng bị lãng phí tệ hại, sức mạnh trí năng sẽ bị tiêu hao đáng kể. Điều này không những khiến hoạt động suy lý của não ngưng trệ, mà còn khiến anh ta không nhìn thấy sự thực. Lấy một phát minh lớn về sinh vật học làm ví dụ: Mới đầu, sinh vật học cho rằng hệ thống tuần hoàn

máu là một hệ thống đóng chặt của mạch máu, các vật thể không sắc bén như vi sinh vật sẽ không thể xuyên qua các tế bào thượng bì bịt kín, nói gì tới những thứ mềm yếu hơn cả vi sinh vật (như động vật nguyên sinh hình tròn). Lý luận mà mọi người đã biết này hiển nhiên không thể lý giải sự thực, các học sinh cần hỏi thêm rằng: Vậy thì động vật nguyên sinh gây sốt rét sẽ thâm nhập vào trong máu thể nào? Con người luôn cho rằng những bệnh này là do chất độc có trong đầm lầy phát tán trong không trung. Hơn nữa, trước khi tìm ra nguyên nhân thực sự dẫn tới bệnh sốt rét, con người vẫn tin rằng cây khuynh diệp phóng ra một loại chất có thể sàng lọc và giết chết những vi khuẩn trong không khí. Do vậy họ đã trồng rất nhiều cây khuynh diệp. Kì lạ là, không ai nghĩ rằng: vi-rút gây bệnh sốt rét sẽ vào máu thông qua không khí thế nào? Điều gì đã làm tê liệt trí lực con người trong việc theo đuổi nghiên cứu này?

Cho tới khi Rose phát hiện ra rằng con người mắc bệnh sốt rét là do bị một loài muỗi đặc biệt đốt thì cục diện mới thay đổi. Từ đó, con người có nhận thức mới mẻ hơn về lĩnh vực này: Tức là "Nếu chim bị sốt rét do muỗi đốt, thì con người cũng sẽ bị sốt rét do muỗi đốt".

Có người quan sát thấy, ở những nơi có dịch bệnh sốt rét, không khí thoáng mát, đất đai màu mỡ, con người chỉ cần không bị loài muỗi đó đốt thì có thể thoải mái hít thở không khí trong lành, cơ thể sẽ "bình an vô sự". Một số người nông dân gầy gò, da bủng beo do thiếu máu có thể đảm bảo an toàn tính mạng nếu chịu khó mặc màn khi ngủ, hơn nữa sức khỏe sẽ hồi phục. Sau khi phát hiện ra sự thực đơn giản này, mọi người đều ngạc nhiên thốt lên rằng: Vì sao trước đây chúng ta không phát hiện ra? Động vật nguyên sinh chẳng phải là một sự thực mà ai ai cũng biết đó sao? Mọi người chẳng phải đều biết rằng hệ thống tuần hoàn khép kín, vi sinh vật không thể xuyên qua được đấy sao?

Năm 1790, một viên thiên thạch nặng 10 kg rơi xuống vùng Tuscany ở phía Tây Nam nước Pháp, rất nhiều người đã tận mắt chứng kiến hiện tượng này và trình lên Viện Khoa học Pari một bản báo cáo chính thức gồm 300 chữ ký của những người tận mắt chứng kiến. Câu trả lời của viện khoa học lại là: "Nhận được một bản báo cáo hoang đường như vậy, khiến người ta cảm thấy nực cười"

Mấy năm sau, người đặt nền móng thanh học đã công khai thừa nhận hiện tượng này. Ông tin rằng có sự tồn tại của thiên thạch, song ông lại bị xem là "người không hiểu gì về quy luật tự nhiên, là người mang lại nhiều nguy hại lớn cho xã hội, đạo đức con người, do thiếu suy xét về hành vi và lời nói của mình". Thậm chí, có một học giả nổi tiếng

còn hét lên rằng: "Dù thiên thạch từ trên trời rơi xuống ngay chân tôi, tôi cũng không tin".

Hoài nghi này còn bảo thủ hơn cả hoài nghi của St. Thomas. St Thomas chỉ nói: "Trừ khi sờ được vào vật, tôi mới tin". Bày trước mặt chúng ta rõ ràng là một cục sắt nặng tới 10 kg hoặc 40 kg, hoàn toàn có thể sờ thấy, nhưng vị học giả đó lại nói rằng: "Dù tôi có sờ thấy, tôi cũng không tin".

Tâm lý học hiếm khi thảo luận tới những tình huống thiếu nhạy cảm đối với sự thực, phương thức giáo dục của chúng ta cũng như vậy. Rất nhiều sự thực vốn đã được biết đến. Tuy nhiên, nếu không có sự chú ý bên trong và sự phối hợp của nó, sự khơi gợi những kích thích đối với cảm quan sẽ chỉ là vô ích. Kết luận được rút ra sau vô số lần tiến hành thí nghiệm này đã trở thành một phần kiến thức thông thường trong não chúng ta. Muốn để chúng ta thấy một vật chất nào đó, trước hết phải bày vật chất này trước mặt chúng ta, đồng thời còn cần tập trung suy nghĩ về vật chất này, Điều này có nghĩa là, quá trình bên trong khiến chúng ta tiếp nhận kích thích là quá trình không thể thiếu.

Tình hình này cũng sẽ xảy ra trong một lĩnh vực tinh thần cao thượng hơn, thuần khiết hơn. Nếu tư duy người nào đó không có sự phối hợp nhịp nhàng thì sự vật sẽ không thể tồn tại trong ý thức của anh ta, dù cho suy nghĩ của anh ta có mạnh mẽ hay độc đáo đến đâu. Chúng tôi thấy, ý thức không chỉ nên ở vào trạng thái tự do, mà còn cần đẩy áp những mong đợi. Trong tình huống chưa có sự chuẩn bị, một người tâm tư hỗn độn sẽ không thể tiếp nhận chân lý "bất ngờ giáng xuống". Nếu không có niềm tin kiên định, dù sự thực có bày ra trước mặt rõ ràng thế nào thì sự giải thích hoặc miêu tả của chúng ta về nó đều sẽ chỉ là vô ích, chỉ có niềm tin (không phải là bằng chứng) mới khiến tâm hồn chúng ta vui vẻ đón nhận chân lý. Chúng ta đang ở trong thời đại chủ nghĩa thực chứng, một thời đại mà chúng ta sẽ không tin có sự tồn tại của chân lý, khi chưa trực tiếp sờ tay vào nó. Do vậy, chúng ta cảm nhận sâu sắc rằng, trí lực cũng giống như tinh thần ở trong hoàn cảnh "nguy cơ rình rập 4 bên", vai trò của nó có lẽ bị đánh giá thấp hoặc còn bạc hàm cả mâu thuẫn và sai lầm, thậm chí không được ai cảm nhận thấy. Do một sai lầm nào đó trí lực sẽ khiến thần trí con người mơ hồ hoặc tâm lý bất bình thường, bởi vậy giống như tinh thần, trí lực cũng cần sự giúp đỡ của ngoại lực, nếu không nó sẽ dần dần suy kiệt. Sự giúp đỡ mà trí lực cần không phải về mặt cảm quan, mà là cần liên tục làm trong sạch, giống như các nhà vệ sinh học đã khuyên con người phải giữ gìn vệ sinh cá nhân. Chúng ta có thể tốn nhiều thời gian cho việc tắm rửa, gọt giũa



móng tay, móng chân, vì sao việc giữ vệ sinh cá nhân này không mở rộng vào bên trong con người chứ? Như vậy, chúng ta mới có thể giữ cho cơ thể khỏe mạnh và hoàn chỉnh.

Mục đích của bồi dưỡng trí lực chính là bảo vệ nó không bị bệnh tật và tử vong đe dọa, đương nhiên, chúng ta không thể cưỡng ép trí lực làm việc, điều này chỉ có thể khiến trí lực tổn hao sức lực, gây tác dụng ngược lại. Trong thời đại công nghiệp này, ngày càng xuất hiện nhiều hơn các bệnh nguy hiểm đe dọa sinh mạng con người và hiện tượng stress đang trở thành vấn đề chung của toàn thế giới. Cho nên bất kỳ nơi nào trên hành tinh này cũng đề cao tầm quan trọng của sức khỏe, song những uy hiếp của tập tục cổ hủ đối với sức khỏe và sự phát triển của nhân loại vẫn là "nhìn thấy mà rùng mình".

Do vậy, sự quan tâm chú ý của chúng ta đối với trẻ nên có chừng mực, không nên tùy ý cưỡng ép chúng học tập, mà hãy để ánh sáng trí tuệ mãi mãi soi sáng tâm hồn chúng.



CHƯƠNG 4

HỌC CÁCH CHĂM SÓC TRẺ



CHÚNG TA HÃY TRỞ THÀNH NGƯỜI THẤY CỦA TÌNH YÊU

Trẻ thật sự dễ ý và mẫn cảm với từng cử chỉ hành động của người lớn, chúng cũng rất muốn nghe từng chỉ thị của người lớn. Người lớn không thể tưởng tượng rằng, trẻ đã chuẩn bị tốt tâm lý phục tùng chúng ta, hơn nữa ý chí của chúng vô cùng kiên định. Đây là một trong những đặc trưng của trẻ. Ví dụ, có một đứa trẻ vút dép lê lên giường, mẹ nó tức giận nói: "Không thể làm vậy, dép lê rất bẩn", sau đó "dằng dằng sát khí" lấy tay phỉu sạch bụi trên đệm trải giường. Sau khi sự việc qua đi, bất kể là lúc nào, chỉ cần đứa trẻ này nhìn thấy dép lê thì nó sẽ nói: "Bẩn quá!" sau đó chạy tới bên giường lấy tay phỉu phỉu bụi.

Rõ ràng trẻ rất nhạy cảm và dễ chịu ảnh hưởng của chúng ta, vậy chúng ta nên làm thế nào? Chúng ta nên chú ý từng lời nói hành động của mình, bởi lẽ mỗi sự việc mà chúng ta làm, mỗi câu nói mà chúng ta phát ra đều sẽ để lại ấn tượng sâu sắc trong đầu trẻ. Trẻ hoàn toàn phục tùng người lớn, bởi vì phục tùng chính là nội dung sống trong giai đoạn này của trẻ, trẻ vừa yêu mến lại vừa sùng bái người dẫn dắt cuộc đời mình. Chúng ta nên ý thức rằng, hành vi của trẻ hơi có chút sai lệch thì có thể thấy rõ tâm tư của chúng bị xáo trộn, đáng để chúng ta quan tâm, chú ý.

Đừng quên rằng, trẻ luôn luôn yêu mến và kính trọng chúng ta, hơn nữa nghe theo sự dạy dỗ của chúng ta. Tuy nhiên chúng ta lại thường nói, bố mẹ và giáo viên yêu trẻ biết bao, thậm chí có người chủ trương dạy trẻ yêu bố mẹ và giáo viên của chúng, và cần yêu tất cả mọi người. Song, ai sẽ là người dạy trẻ yêu đây? Là những người thường ngăn cản sự hoạt bát hiếu động của trẻ hay là những người chỉ biết trừng phạt trẻ? Những ai không đối đãi với thế giới rộng hơn mình rất nhiều này bằng tâm mắt của "ếch ngồi đáy giếng", thì có thể trở thành người thầy tình yêu của trẻ được không?

Quả thực trẻ rất yêu bố mẹ mình, liệu bạn đã từng chú ý rằng, mỗi khi trẻ ngủ, nhất định cần có mẹ ở bên cạnh không?. Vậy mà, người trẻ yêu mến lại cho rằng "cần ngăn chặn hành vi quấy rối vô lý này, nếu khi trẻ ngủ, chúng ta vẫn ở bên thì nhất định trẻ sẽ làm nũng". Khi cả nhà ăn cơm, sự việc cũng giống như vậy, có ông bố bà mẹ nói, nếu trẻ yêu cầu được ngồi ăn cơm cùng bàn với chúng tôi, nếu chúng tôi không cho thì nhất định nó sẽ khóc, tốt nhất giả vờ như chưa tới giờ ăn cơm. Mặc dù trẻ còn nhỏ, không thể ăn cơm cùng người lớn, song khi người lớn ăn cơm, chỉ cần được ngồi cùng bàn thì trẻ đã cảm thấy thoải mái lắm rồi.

Trẻ vừa được dẫn tới trước bàn ăn thì sẽ thối khóc, đương nhiên, nếu trẻ ngồi vào bàn mà vẫn tiếp tục khóc, thì đó là vì người lớn không để ý đến trẻ. Nhất định trẻ muốn trở thành một thành viên trong gia đình.

Còn có ai giống như trẻ rất muốn được ăn cơm cùng chúng ta không? Trong tương lai sẽ có một ngày bạn phải thốt lên rằng: Giờ đây, trước khi ngủ chẳng có ai muốn mình ở lại chơi với anh ta cả, mỗi người sẽ chỉ nghĩ tới bản thân, chỉ nhớ tới hôm nay đã xảy ra chuyện gì, chứ chẳng có ai lại nhớ tới bố mẹ cả". Điều này quả là đáng buồn biết bao! Chỉ có trẻ mỗi tối trước khi đi ngủ vẫn còn nhớ nói rằng: "Bố mẹ đừng đi, ở lại với con!" Chúng ta quả là không nên để lỡ mất cơ hội không bao giờ lặp lại trong cuộc đời này.

Có khi, trẻ vừa tỉnh dậy đã gọi âm ỉ bố mẹ vẫn còn đang muốn ngủ, điều này khiến các ông bố bà mẹ nhiều lúc cảm thấy bức mình. Thực tế, mỗi người đều nên "bước nhịp nhàng" cùng với đứa trẻ ngây thơ "đang tụt xuống khỏi giường" này. Buổi sớm, khi mặt trời vừa mọc, mọi người đều nên dậy tập thể dục, tuy nhiên, bố mẹ vẫn đang ngủ. Trẻ nhẹ nhàng tới bên giường bố mẹ, dường như muốn nói: "Bố mẹ ơi dậy thôi, chúng ta cần học về cuộc sống lành mạnh, mặt trời buổi sớm đang vẫy tay chào chúng ta kìa!". Trẻ lại không hề muốn làm thầy giáo, buổi sớm thức dậy, trẻ bất giác chạy tới bên các bạn là vì trẻ yêu các bạn. Bạn thấy trẻ đi "xiêu xiêu vẹo vẹo", chạy qua hành lang tối om, song không hề sợ bóng tối, trẻ mở cánh cửa đóng hờ, chạy tới bên giường bố mẹ, nhẹ nhàng sờ vào mặt bố mẹ. Bố mẹ thường sẽ nói: "Sao sáng ra đã làm phiền bố mẹ thế". Có lẽ, trẻ sẽ trả lời rằng: "Không phải con làm phiền bố mẹ mà là con muốn thơm bố mẹ!". Tuy nhiên, bố mẹ vẫn sẽ tìm lý do khác để giáo huấn trẻ. Thử nghĩ xem, trong cuộc sống của chúng ta, liệu có ai vừa mở mắt ra đã nhớ tới chúng ta không? Liệu có ai không sợ phiền phức chỉ vì muốn được nhìn thấy chúng ta hoặc thơm chúng ta không? Những sự việc như vậy liệu có thể xảy ra mấy lần trong cuộc đời? Trong khi đó chúng ta vẫn sẽ cảm thấy, nếu trẻ có thói quen xấu kiểu này thì nhất định phải tìm cách sửa đổi. Quả thực, chúng ta không chút động lòng đối với biểu hiện tình yêu của trẻ.

Chúng ta vốn có thể sống tốt hơn, chỉ là con người dễ sinh tính lười. Trẻ có thể khiến người lớn tích cực tiến lên, nếu người lớn không muốn thay đổi thì sẽ gặp thất bại, dần dần trở nên ngoan cố và thiếu nhạy cảm.

ĐỂ TRẺ LÀ CHỦ NHÂN CỦA CHÍNH MÌNH

Đặc điểm nhân cách ở đây không đơn thuần là hành vi về đạo đức, mà là nhấn mạnh theo nghĩa rộng trẻ có tính cách thế nào. Không chỉ bao gồm đặc tính về trí lực và diện mạo, mà còn bao gồm biểu hiện của trẻ sau khi đã kết hợp hai điều này lại với nhau, biểu hiện tổng hợp này không thể tiến hành phân tích từ góc độ tâm lý học. Điều quan trọng hơn là, tôi muốn nghiên cứu thêm một chút những hoạt động của trẻ vốn chưa từng được nghiên cứu cụ thể hoặc không được coi trọng.

Chúng tôi có thể biểu hiện quá trình hoạt động của trẻ bằng đường cong. Một đường thẳng vẽ trên giấy biểu hiện trẻ ở trạng thái nghỉ ngơi, phía trên đường thẳng biểu hiện hoạt động có quy luật, phía dưới đường thẳng biểu hiện các hoạt động không theo quy luật hoặc hoạt động tùy ý, mà khoảng cách giữa đường cong và đường thẳng biểu hiện mức độ hoạt động, hướng của đường cong biểu thị độ dài thời gian. Với phương pháp này, chúng tôi có thể biểu thị bằng hình vẽ về thời gian và quy luật của từng hoạt động của trẻ. Mà toàn bộ quá trình hoạt động của trẻ sẽ là một đường cong trên hình vẽ.

Có thể dùng biện pháp này để đánh giá hoạt động của một đứa trẻ được tiến hành trong "Ngôi nhà của trẻ". Sau khi trẻ bước vào phòng học, thường yên lặng một lát, sau đó mới bắt đầu "tìm việc để làm". Bởi vậy, đường cong trước hết được vẽ hướng lên trên, cho thấy trẻ hoạt động có quy luật. Sau đó, trẻ bắt đầu mệt, hoạt động trở nên lộn xộn. Lúc này, đường cong được vẽ hướng xuống dưới đường thẳng, cho tới vị trí hoạt động của trẻ không có quy luật. Tiếp đến trẻ thay đổi một kiểu hoạt động mới. Ví dụ, nếu mới đầu trẻ chơi với một cái gậy tròn, sau đó cầm bút sáp lên, chăm chú vẽ, tiếp đến chạy lại ngồi bên cạnh đứa trẻ khác, lúc này đường cong nhất thiết phải được vẽ xuống phía dưới đường thẳng hai lần. Rồi trẻ cãi nhau với người bạn, lúc này đường cong nên tiếp tục dừng lại ở vị trí hoạt động không theo quy luật. Tiếp đến trẻ lại cảm thấy mệt, tiện tay cầm vài chiếc chuông nhỏ đặt lên đĩa cân, lúc này trẻ cảm thấy thật thú vị và dần dần lại chăm chú với trò chơi mới, đường cong hoạt động của trẻ lại được vẽ hướng lên trên đường thẳng, tới vị trí có quy luật. Đợi khi trẻ mệt mỏi, không biết phải làm gì tiếp theo thì trẻ sẽ lo lắng chạy tới bên cô giáo.

Đường cong hoạt động của trẻ đương nhiên không thể biểu hiện rõ trẻ đã chơi với từng thứ đồ chơi thế nào, vấn đề này tôi sẽ nói tới trong chương khác. Đa số những đứa trẻ không thể chuyên tâm thường không

có cách nào tập trung sự chú ý vào một sự việc, chúng thường liên tục thay đổi hoạt động của mình mà không có mục đích, đồ chơi chuẩn bị sẵn cho chúng chơi trong nửa năm, nhưng chúng chỉ chơi trong vài giờ đã chán. Hành vi không theo quy tắc này của trẻ là rất bình thường.

Một thời gian sau, có lẽ là vài ngày, vài tuần hoặc vài tháng, chúng ta lại giúp đứa trẻ này vẽ một đường cong hoạt động, phát hiện thấy trẻ đã có một số biểu hiện chuyên chú.

Từ đường cong, chúng ta còn thấy rõ trạng thái hoạt động của trẻ. Mặc dù trẻ không có hiện tượng đảo lộn trật tự quá nghiêm trọng, song còn xa mới đạt yêu cầu "hoàn toàn có quy luật". Nói cách khác, đường cong hoạt động của trẻ đại thể bảo đảm sự hài hòa giữa có quy luật và không có quy luật. Sau khi đi học, những đứa trẻ như vậy có khuynh hướng làm những việc tương đối dễ, có lẽ chúng sẽ tìm những thứ mà mình đã quen thuộc trong đồng giáo cụ, rồi luyện tập lại nội dung mà mình đã được học. Được một lát, trong trẻ bắt đầu xuất hiện sự mệt mỏi, dường như không biết nên làm gì, đường cong hoạt động của trẻ dốc xuống tới đường ngang biểu thị trạng thái nghỉ ngơi. Kiểu mẫu hoạt động vừa nêu không chỉ thể hiện ở một đứa trẻ, mà mọi trẻ đều như vậy. Gặp phải tình huống này, một giáo viên thiếu kinh nghiệm giảng dạy nên xử lý thế nào cho tốt? Anh ta có lẽ sẽ nghĩ thế này: Bọn trẻ đã luyện tập về cuộc sống thường ngày, lại mất nhiều thời gian bày biện giáo cụ, bởi vậy nhất định chúng đã mệt, chúng không thể chú tâm được nữa, lỗi này đâu phải do giáo viên.

Một giáo viên dễ mềm lòng và có những hiểu biết về lý luận tâm lý học thịnh hành đương nhiên sẽ cho rằng, trẻ đã làm nhiều việc như vậy, nhất định rất mệt. Vì vậy giáo viên đã làm gián đoạn công việc của trẻ, dắt trẻ tới sân thể thao để thay đổi không khí. Sau khi cho trẻ chơi đùa quanh sân thể thao, mới dắt trẻ quay trở lại phòng học. Lúc này trẻ sẽ càng hiếu động, càng không thể chuyên tâm hơn so với trước khi ra ngoài chơi. Trẻ sẽ liên tục chuyển từ hoạt động này sang hoạt động khác, hiện tượng "giả mệt" kiểu này sẽ lại tiếp tục.

Dựa theo tình hình nêu trên, các giáo viên thường sẽ rút ra những kết luận sai lầm, họ cho rằng trẻ sẽ cảm thấy thỏa mãn với công việc mà mình lựa chọn, điều này không đúng, bởi vì trẻ làm việc theo hứng thú nhất thời, được một lát sẽ bắt đầu mệt mỏi. Giáo viên thường không biết làm thế nào trước tình hình này, quả thực họ đã áp dụng mọi cách - để trẻ nghỉ ngơi, thay đổi nơi vui chơi,... song không có biện pháp nào có thể

khiến trẻ tiếp tục với công việc lúc đầu, cũng không thể khiến trẻ bình tĩnh lại.

Mặc dù, những giáo viên này đã nghiên cứu rất kỹ phương pháp giáo dục, song họ lại thiếu niềm tin cần có đối với trẻ, bởi vậy, họ đã không tôn trọng quyền tự chủ của trẻ. Họ dốc sức lực, quan tâm chú ý tới từng ý kiến và kế hoạch giáo dục, song chỉ là can thiệp và chỉ đạo, vô hình chung đã cản trở sự phát triển tự nhiên của trẻ.

Nếu giáo viên có thể tôn trọng tự do, và có lòng tin đối với trẻ; Nếu giáo viên có thể tạm thời vứt bỏ quan niệm của mình sang một bên; Nếu giáo viên có thể khiêm tốn một chút, không coi sự chỉ đạo của mình là cần thiết; Nếu giáo viên biết nhẫn nại chờ đợi, thì nhất định sẽ thấy những chuyển biến hoàn toàn mới mẻ ở trẻ. Chỉ khi trẻ cảm thấy chỗ sâu trong tâm hồn mình chưa bị phát hiện thì tâm tư lo lắng bất an trong trẻ mới được bình phục.

Tuy nhiên, nếu trẻ lại lựa chọn một hoạt động dễ hơn trước thì tâm tư bất an của trẻ sẽ được giải tỏa, hoạt động mới này nhất định thu hút mọi chú ý của trẻ, trẻ cũng sẽ chuyên tâm vào hoạt động này, đồng thời cũng sẽ không chịu ảnh hưởng của bất kỳ sự vật xung quanh nào.

Sau khi trẻ hoàn thành công việc quan trọng của mình, nét mặt sẽ biểu lộ cảm xúc hoàn toàn khác với "giả mệt". "Giả mệt" xem ra rất mệt, trong khi ánh mắt lấp lánh niềm vui, dường như đã có động lực mới, cơ thể tràn đầy sức sống. Vòng tuần hoàn của công việc mà chúng tôi đặt ra bao gồm 2 bộ phận: Bộ phận thứ nhất là công việc chuẩn bị đơn nhất, nó dẫn dắt trẻ tiếp xúc với sự vật, hơn nữa hướng dẫn trẻ bước vào bộ phận thứ 2 - công việc thực sự trọng đại.

Trẻ sẽ tỏ rõ sự tĩnh lặng sau khi hoàn thành công việc của mình. Thực tế, chỉ vào lúc này, trẻ mới tĩnh lặng thực sự. Dáng vẻ thư thái, thanh thoi của trẻ khiến chúng ta hiểu rõ rằng trẻ đã tìm ra chân lý mới, lúc này trẻ không còn vẻ mệt mỏi nữa, ngược lại đầy ắp sức sống, cũng giống như chúng ta cảm thấy thoải mái khi vừa được thưởng thức một bữa ăn ngon hay vừa được tắm nước nóng. Chúng ta đều thấy thế này, ăn và tắm là hai việc tốn sức, song chúng lại không khiến chúng ta cảm thấy mệt mỏi, trái lại còn khiến chúng ta có được sức sống mới. Chính vì trẻ có thể tìm thấy sự tĩnh lặng khi hoàn thành công việc, vậy nên chúng ta hết sức tạo cơ hội giúp trẻ tiếp xúc với những công việc quan trọng.

Sinh mệnh con người vô cùng thần kì, nếu có vị giáo viên nói rằng: "Tôi sẽ cho trẻ làm mọi việc, mới khiến trẻ tràn đầy tinh lực". Vậy thì,

quan điểm này của anh ta đáng được mọi người tôn trọng, bởi lẽ, đây quả thực là biện pháp tốt nhất để hiểu trẻ. Chỉ có lắng nghe những gì trẻ thực sự muốn, chúng ta mới có thể giúp trẻ lựa chọn công việc mà trẻ thực sự cần. Do vậy, vị giáo viên này tôn trọng tiến trình sinh mệnh thần kì của trẻ, cũng hiểu rõ rằng anh ta cần phải có lòng tin tưởng chờ đợi, vậy là đủ. Trong môi trường học tập không có áp lực, trẻ sẽ vui vẻ và thân thiện, thậm chí vô cùng tự tin muốn được trò chuyện với giáo viên. Cánh cửa tâm hồn của trẻ hầu như đã mở, trẻ muốn tìm giáo viên nói chuyện, bởi lẽ trẻ đã nhìn thấy giáo viên là người thông minh và tài giỏi. Tất cả những thứ trước đây không hấp dẫn trẻ, hiện nay dường như đang vẫy gọi trẻ. Không nghi ngờ gì, cảm giác của trẻ đã trở nên nhạy bén, cuộc sống cũng phong phú lên, hứng thú hơn đối với hoạt động tập thể. Đối mặt với nhiều sự vật mới mẻ trong cuộc sống, đòi hỏi trẻ phải có tinh lực dồi dào. Bài giảng của giáo viên sẽ không mang lại hiệu quả gì cho một đứa trẻ tinh thần rệu rã, thiếu tình cảm. Những đứa trẻ như vậy đã không tự tin cũng không hiểu phép tắc, dù có dạy chúng được một số điều thì cũng sẽ khiến người lớn cảm thấy mệt mỏi vô cùng.

Trong lí luận dạy trẻ đã nói ở trên, chúng ta không thể phủ nhận một sự thực, đó chính là phương thức giáo dục trẻ của chúng ta trước đây thực sự quá tồi tệ. Yêu cầu trẻ phải phục tùng người lớn, đây không phải là biểu hiện hành động cần thiết để trẻ phát triển nội tâm. Song, chúng ta lại yêu cầu trẻ phải tuân thủ điều này, không cho trẻ cơ hội phát triển tiềm năng, như vậy, sao trẻ có thể trở thành chủ nhân của chính mình chứ? Điều chúng ta thực sự cần làm là, dẫn dắt trẻ tìm ra con đường đi tới thế giới nội tâm, mà không phải là tiếp tục gây cản trở sự phát triển của trẻ.

Trẻ làm việc càng chuyên tâm thì càng yên lặng, cũng càng tuân thủ kỷ luật một cách can tâm tình nguyện. Giáo viên đạt tới trình độ này trong giáo dục trẻ đều sẽ tạo ra một bộ phương thức kết nối đặc thù. Ví dụ, một giáo viên có thể sẽ hỏi một giáo viên khác rằng: "Bọn trẻ ở lớp chị biểu hiện thế nào? Chúng có tổ chức, có kỷ luật không?". Vị giáo viên đó có thể sẽ trả lời: "Ồ! Chị có nhớ tới thằng bé rất nghịch ngợm trước đây không? Bây giờ nó rất tự giác rồi". Giáo viên dùng biện pháp này để kết nối với trẻ, trong lòng cô ta sớm đã lên kế hoạch từ trước đối với sự phát triển tiếp theo của trẻ, giáo dục đối với trẻ cũng cứ theo đà đó mà tiến triển.

Một việc đơn giản có thể khiến trẻ trở nên có kỷ luật, một đứa trẻ tuân thủ kỷ luật sẽ đi theo con đường phát triển tâm lý tự nhiên. Nó sẽ

quen làm việc, nếu không có việc gì làm nó sẽ không biết thế nào là tốt, thậm chí khi đang đợi ai đó, nó cũng sẽ luôn tay luôn chân không chịu ngồi yên, trẻ như vậy tràn đầy sức sống.

Trẻ càng làm việc có kỷ luật thì thời gian "giả mệt" càng ít, thời gian tĩnh lặng có được sau khi kết thúc công việc sẽ càng nhiều, do vậy nhất thiết cần để trẻ dành nhiều thời gian vào công việc đã hoàn thành, thời khắc tĩnh lặng này có ý nghĩa vô cùng đặc biệt. Mặc dù, công việc dường như đã đến hồi kết thúc, song một công việc khác từ thế giới bên ngoài lúc này mới bắt đầu hình thành trong não trẻ. Trẻ tĩnh lặng một lát, nó chú ý quan sát sự việc xảy ra xung quanh và suy nghĩ tới một số chi tiết nhỏ, từ đó có được một số phát hiện mới.

Muốn đạt được mục đích chuyên tâm, cần trải qua ba bước: Thứ nhất, chuẩn bị tốt công việc có mục tiêu cụ thể; Thứ hai, thỏa mãn nhu cầu phát triển nội tâm của trẻ; Thứ ba, giải đáp mọi vướng mắc. Khi những vướng mắc trong lòng được giải đáp ổn thỏa, biểu hiện bên ngoài của trẻ sẽ thay đổi, bởi lẽ trẻ đã hiểu ra những điều mà mình chưa từng trải qua. Trẻ trở nên ngoan ngoãn, nghe lời, hơn nữa sự nhẫn nại mà trẻ có được lúc này khiến người lớn không thể tin nổi, ngạc nhiên hơn nữa là, trước đó chúng ta lại chưa từng dạy trẻ phải nghe lời và biết nhẫn nại.

Nếu một đứa trẻ chưa biết cách giữ thăng bằng, nó sẽ không dám tiến lên phía trước vì sợ bị ngã, cũng không dám tùy ý vung vẩy cánh tay, trẻ như vậy thường sẽ bước từng bước một. Đến khi đã biết giữ thăng bằng, nó có thể chạy nhảy rất tài tình. Quá trình phát triển tâm lý của trẻ cũng như vậy. Một đứa trẻ thần kinh không ổn định sẽ không thể suy nghĩ chuyên tâm, nó cũng sẽ không thể kiểm soát được hành động của mình, trẻ như vậy sao có thể không ngã chứ? Nếu trẻ không thể làm việc theo mong muốn của mình, thì sao nó có thể nghe theo ý kiến của người khác? Phục tùng là một kiểu miễn cảm về tinh thần, là kết quả của tâm hồn tĩnh lặng, càng là biểu hiện của sức mạnh nội tâm. Từ hay nhất dùng để giải thích cho sức mạnh phục tùng là "thích ứng". Các nhà sinh vật học cho rằng, một người cần sức mạnh to lớn để thích ứng với môi trường. Sức mạnh thích ứng môi trường nói tới ở đây là gì vậy? Chính là một kiểu sức mạnh quan trọng để con người thuận theo quy luật tự nhiên, thử hòa nhập vào môi trường xung quanh. Thực tế, sức mạnh thích ứng này đã tồn tại trước khi gây ra tác dụng, bởi lẽ nó vốn không phải là lúc nào cần thì sẽ có, nó đòi hỏi chúng ta trước hết phải chuẩn bị tốt. Tôi nghĩ, giáo viên mầm non là những người hiểu rõ nhất kết quả của việc "nhỏ mà lên cây xuống cho chóng lớn".

Trẻ cần được phát triển kiện toàn, cần đạt được mức độ cân bằng và hòa hợp về tinh thần, như vậy mới có được sức mạnh phục tùng. Trong giới tự nhiên, chỉ có kẻ mạnh mới có thể thích ứng với môi trường; Giống như vậy, chỉ có những người tinh thần kiên cường, mới hiểu được ý nghĩa của việc thuận theo và phục tùng.

Chúng ta hãy cố gắng để trẻ phát triển thuận theo thiên tính, như vậy trẻ mới có thể phát triển lớn mạnh. Một đứa trẻ phát triển khỏe mạnh thì thành tích sau này sẽ hơn hẳn những gì chúng ta kỳ vọng. Năng lực chuyên chú của đứa trẻ này phát triển tự do tới mức độ nào sẽ chứng tỏ tinh thần của nó phát triển tới mức độ đó, mọi hành vi tiếp theo cũng sẽ đương nhiên mà có: Trẻ biết kiểm soát tốt bản thân, hành động thành thạo, cũng đã biết thận trọng cẩn thận. Từ việc trẻ có thể hoàn toàn tĩnh lặng, chúng ta thấy rõ, trẻ đã có thể làm việc chuyên tâm. Mức độ chuyên tâm khi làm việc của trẻ thường hơn cả người lớn, vậy nên, chúng ta không được coi nhẹ tại sao trẻ đạt tới trình độ này, cũng không được quên vai trò của môi trường đối với sự phát triển của trẻ.

Một lần nữa cần nhắc nhở người đọc rằng, tôi không hề đặt ra toàn bộ nguyên tắc ngay từ đầu, rồi mới định ra phương thức giáo dục dựa theo bộ nguyên tắc này. Thực tế, hoàn toàn ngược lại, tôi hiểu những điều này là do quan sát những đứa trẻ được tôn trọng về quyền tự chủ, kì thực một số quy tắc trong đó lại có giá trị phổ cập, những đứa trẻ này đã tìm thấy con đường của mình bằng chính trực giác bản năng của chúng.

BA GIAI ĐOẠN PHỤC TÙNG Ý THỨC

Thảo luận vấn đề bồi dưỡng tính cách thường liên quan tới hai phương diện, tức là ý chí và phục tùng. Trong suy nghĩ của nhiều người, đây là hai khái niệm đối lập nhau, những người này có cùng suy nghĩ như vậy đối với giáo dục, cho rằng giáo dục chính là trói buộc ý chí của trẻ nhỏ, hoặc cho rằng giáo dục chính là trẻ nhỏ phải phục tùng giáo viên vô điều kiện, nói cách khác, chính là thay thế ý chí của trẻ nhỏ bằng ý chí của giáo viên.

Dưới đây, chúng tôi xin đưa ra một số tình hình thực tế để nói rõ hai vấn đề này. Trước hết, cần chỉ ra rằng, nhận thức của con người về lĩnh vực ý chí vô cùng rối loạn, tồn tại các kiểu lí luận khác nhau. Phân trước, chúng tôi đã từng nói tới một lí luận trong số đó, lí luận này cho rằng ý chí con người chịu sự chi phối của sức mạnh vũ trụ, sức mạnh

này không là sức mạnh về ý nghĩa vật lí mà là một kiểu sức sống liên quan tới vạn vật trong vũ trụ. Nó thúc đẩy sinh mệnh liên tục tiến hóa, hình thành các kiểu hình thức sống, là động lực của sinh mệnh. Đồng thời, quá trình tiến hóa của sinh mệnh chịu sự chi phối của quy luật tự nhiên, sinh mệnh của con người cũng đã là một kiểu hình thức của sức mạnh này, vậy thì hành vi của con người tất nhiên chịu sự chi phối của nó.

Sức mạnh này đã phát huy tác dụng trong ý thức của trẻ trước khi trẻ có thể thực hiện hành vi một cách có ý thức. Có điều, ý chí con người lại không phải sinh ra đã có, mà được hình thành dần dần trong quá trình phát triển, hơn nữa dựa vào kinh nghiệm thực tế là chính. Chính là nói, ý chí con người là một phần của tự nhiên, quá trình phát triển của nó phục tùng quy luật tự nhiên.

Một quan điểm khác cho rằng, trẻ sinh ra đã "bất chấp đạo trời phép nước", hơn nữa còn có khuynh hướng bạo lực. Chúng có là, trẻ thường không nghe lời người lớn, không chịu sự bó buộc, đây chính là biểu hiện ý chí của trẻ. Nhưng sự thực lại không như vậy, hành vi này của trẻ lại không được coi là biểu hiện của ý chí, bởi lẽ hành vi này không phải là "hành động có mục đích", điều này giống như khi chúng ta tức giận, tâm lý không thể kiểm soát được mới sinh ra bực bội. Cho nên không thể nói đây là một kiểu hành vi lí trí. Sự cố chấp của trẻ cũng như vậy, đều không phải là hành vi có ý thức. Bình thường khi chúng ta thực hiện một hành vi nào đó, thì những hành vi này đều có mục đích nhất định. Ngược lại, nếu chúng ta phát hiện thấy hành vi của mình không phù hợp với ý chí chủ quan thì chúng ta sẽ khống chế ý chí của mình. Xuất phát từ lí do đó, chúng ta thường áp đặt ý chí của mình cho trẻ.

Tuy nhiên, ý chí chủ quan của con người lại chưa chắc đã dẫn tới rối loạn và bạo lực, rối loạn và bạo lực chỉ là một kiểu biểu hiện của tâm tư bị kích động. Thông thường, ý chí thường thúc giục con người làm những việc có lợi cho mình. Tự nhiên đã tạo ra sinh mệnh và trao cho nó sứ mệnh lớn lên, do vậy, ý chí của trẻ nhất định sẽ thúc đẩy các năng lực thiên phú phát triển, khiến nhân cách trở nên hoàn thiện.

Nếu ý chí của trẻ phù hợp với những việc trẻ làm, điều đó thể hiện nhận thức của trẻ đã phát huy tác dụng. Trẻ lựa chọn những việc chúng muốn làm, rồi làm đi làm lại, chứng tỏ trẻ đã hiểu phần nào hành vi của mình. Những hành vi này mới đầu chỉ là một kiểu kích động của bản năng, hiện tại đang trở thành hành vi có ý thức.

Tôi tin rằng, trẻ cũng có cảm giác đối với sự khác biệt này. Cả đời tôi khó mà quên được câu trả lời sắc sảo của đứa trẻ này. Một tiểu thư quý tộc nọ tới tham quan trường chúng tôi, vì không hiểu rõ về trường học hướng dẫn các cháu hoạt động không?". Không ngờ, cậu bé trả lời: "Thưa cô, không ạ, nhà trường không hướng dẫn chúng cháu hoạt động, mà là chúng cháu tự làm những việc mình thích". Có thể thấy, đứa trẻ đó đã ý thức được sự khác biệt này.

Tôi cảm thấy cần phải chỉ ra rằng, ý chí cũng là một kiểu năng lực của con người, hơn nữa giống với các năng lực khác, chỉ có liên tục hành động mới có thể phát triển. Chúng ta nên nỗ lực khai thác năng lực này, không làm ức chế nó, bởi lẽ năng lực này vô cùng quý giá, nó cần được phát triển dần dần trong sự phát triển liên tục của hành vi, mà hủy hoại nó lại cực dễ, chỉ trong chớp mắt cũng có thể làm được. Thử tưởng tượng một chút, phá bỏ một công trình vô cùng dễ dàng, thuốc nổ hay động đất có thể hủy hoại nó trong vài giây, song muốn xây dựng một công trình lại thật khó, đòi hỏi kiến thức mọi mặt như thiết kế, nghệ thuật, vật liệu,...

Xây dựng nên một thứ không có sức sống khó khăn như vậy, đủ hiểu rằng nuôi dưỡng linh hồn một người khó đến thế nào, hơn nữa, chúng ta không nhìn thấy quá trình tạo nên tâm lý của con người. Chúng ta thường nói: thầy giáo là kiến trúc sư của tâm hồn nhân loại, kì thực, tạo dựng nên tâm lý trẻ không phải là người mẹ, cũng chẳng phải là người thầy, mà là đại tự nhiên giàu sức sáng tạo. Mẹ và thầy giáo chỉ đóng vai trò trợ giúp trong quá trình sáng tạo và phát triển sinh mệnh. Đương nhiên, những công việc này không thể thiếu họ, hơn nữa họ cũng cần phải thực hiện tốt chúng, nếu không sẽ hủy hoại ý chí của trẻ trong sự sơ xuất. Trên đây là quan điểm của riêng chúng tôi. Hiện nay, có khá nhiều quan điểm trái ngược nhau về vấn đề phát triển ý chí của trẻ, trong đó có không ít thành kiến gây hại, tôi cảm thấy có trách nhiệm nói rõ vấn đề này ở đây.

Một thành kiến phổ biến nhất là, rất nhiều người làm trong ngành giáo dục cho rằng, giáo dục có thể hoàn thành thông qua thuyết giáo (qua tai trẻ) và xây dựng tấm gương (qua mắt trẻ). Tuy nhiên, sự thực hoàn toàn trái ngược, cá tính hoàn thiện bắt nguồn từ sự phát triển hài hòa của mọi năng lực, điều này không tách rời khỏi hành động tự do. Từ xưa tới nay, vẫn tồn tại một kiểu thành kiến, chính là coi trẻ là người tiếp nhận một cách bị động, mà không phải là người thao tác chủ động.

Mọi nơi trên thế giới đều có một biện pháp giống nhau, chính là rèn luyện trí tưởng tượng của trẻ thông qua truyện thần thoại. Song sự thực lại không như họ tưởng tượng, trí tưởng tượng của trẻ không được khơi dậy, chỉ là chúng đã được nghe kể một số câu chuyện mà thôi. Quan điểm sai lầm can thiệp vào sự phát triển của trẻ kiểu này còn gây ra những nguy hại nghiêm trọng đối với ý chí. Những trường học bình thường vốn không biết phải rèn luyện ý chí của trẻ, theo họ giáo dục chính là trực tiếp bảo với trẻ nên làm gì, không nên làm gì, bất cứ hành vi phản kháng nào đều bị coi là gây nguy hại tới nguyên tắc xã hội.

Ngoài thuyết giáo, các giáo viên còn xây dựng tấm gương để trẻ noi theo, mà tấm gương này lại chính là bản thân họ. Vậy thì còn có chỗ để trẻ phát huy trí tưởng tượng không? Còn có không gian cho hoạt động trí lực không? Không có. Tất cả đều đã được định trước, học sinh chỉ cần nhìn và nghe là được.

Một giáo viên dạy trẻ dựa theo phương thức giáo dục truyền thống đã đúc kết ra một câu cách ngôn, xem ra có vẻ rất có lý: "Muốn giáo dục trẻ, trước hết bản thân tôi phải làm tốt. Nếu trẻ nghe lời tôi, coi tôi là tấm gương thì chẳng việc gì là không làm được". Tín điều mà giáo viên này muốn nói chính là sự phục tùng. Một nhà giáo dục nổi tiếng (tôi quên mất tên) có câu danh ngôn thế này: Trẻ có rất nhiều phẩm chất đạo đức tốt đẹp, một trong những phẩm chất quan trọng nhất chính là phục tùng.

Trước mặt trẻ, người lớn rất dễ đặt mình vào vị trí của thượng đế, lúc này họ sẽ không nhớ tới ma quỷ được nhắc tới trong "Kinh thánh" (ma quỷ vốn là đại thiên sứ bên cạnh thượng đế, luôn tìm mọi cách chiếm đoạt vị trí của thượng đế, kết quả cuối cùng đã trở thành ma quỷ). Trẻ lại không chỉ cần sự quan tâm chăm sóc của người lớn, mà còn cần tiến hành hoạt động sáng tạo bên trong cơ thể, hoạt động này quan trọng hơn rất nhiều so với những thứ mà giáo viên, bố mẹ đã làm. Bất hạnh là, hoạt động sáng tạo này cần được giáo viên, bố mẹ hiểu và thừa nhận, nếu không, trẻ có thể mất đi cơ hội phát triển tự nhiên. Mấy nghìn năm qua, giáo viên vẫn dùng que để áp đặt mong muốn của mình lên trẻ. Một hai trăm năm trước, nhân loại đã bước vào xã hội văn minh, giáo viên buộc phải vứt bỏ que đi, đương nhiên họ không thích và đã có những kháng nghị. Họ nói: "Nếu không dùng que, chúng tôi không thể dạy được". Chẳng phải Solomon trí tuệ cũng từng nói: "Bố mẹ không dùng roi là sai lầm, như vậy trẻ sẽ rơi xuống địa ngục", nỗi sợ hãi sẽ mang lại kỷ luật. Chúng tôi khái quát phương pháp giáo dục này thành

một câu: Trẻ không nghe lời chính là trẻ hư, trẻ nghe lời chính là trẻ ngoan.

May mà kiểu giáo dục này hiện nay không còn nữa, xã hội hiện đại đề cao dân chủ, tự do, nhân quyền, giáo viên theo kiểu cách cũ sẽ bị coi là độc tài. Tuy nhiên, hiện nay giáo viên ở một số trường học kiểu cũ vẫn quyết không từ bỏ phương thức giáo dục truyền thống. Bạo lực của kẻ độc tài có chút gì đó giống với bạo lực của giáo viên, kẻ độc tài tìm mọi cách đạt được điều gì đó thông qua bạo lực, còn giáo viên lại trực tiếp dùng bạo lực để hủy hoại con người.

Sở dĩ quan điểm giáo dục này quá cực đoan là vì nó cho rằng muốn khiến con người phục tùng thì phải hủy hoại ý chí của anh ta, như vậy, trước khi truyền kiến thức tới học sinh, giáo viên đã hủy hoại tư tưởng của chúng.

Ngược lại, phát triển ý chí bình thường lại không cự tuyệt phục tùng, nếu có cơ hội tự do phát triển, ý chí của con người có thể phát triển một cách đầy đủ, họ sẽ tự do lựa chọn những thứ mà mình nên phục tùng. Kiểu phục tùng này không giống với kiểu khuất phục dưới sự chuyên chế, mà là sự thừa nhận tôn kính. Trong những trường học như vậy, lòng tự tôn của giáo viên có thể được thỏa mãn.

Điều này đã cho thấy, ý chí và ý thức phục tùng lại không đối lập, ngược lại còn bổ sung cho nhau. Phát triển trí lực là nền tảng, phục tùng là sự lựa chọn được tiến hành trên nền tảng ấy. Như vậy, từ "phục tùng" này đã mang ý nghĩa mới, không còn là nghe theo chỉ thị của người khác, mà là biểu hiện ý chí tự do của một người.

Thực tế, chỉ cần quan sát kĩ cuộc đời thì có thể phát hiện thấy phục tùng tồn tại khắp nơi trong cuộc sống, và là một đặc trưng tự nhiên của loài người. Đương nhiên, ý thức phục tùng có quá trình phát triển trên cơ thể trẻ nhỏ và chỉ xuất hiện khi con người sắp tới lúc trưởng thành.

Giả dụ trong thiên tính con người không có "phục tùng", nhân loại cũng không hình thành phẩm chất này trong quá trình tiến hóa thì cuộc sống loài người thật khó tưởng tượng. Đầu đầu trong xã hội cũng cho thấy, nhân loại đã quá quen với phục tùng rồi. Song, phục tùng kiểu này lại có thể khiến con người hướng tới sự hủy diệt. Đây là một kiểu phục tùng mù quáng, theo kiểu nô lệ, nó sẽ hủy hoại một dân tộc, một quốc gia. Loài người không thiếu phục tùng, nhưng vấn đề là, chúng ta thiếu phục tùng được khống chế bởi ý chí.

Trong khi quan sát quá trình phát triển của trẻ, chúng tôi phát hiện thấy, hình thành ý thức phục tùng là một đặc trưng quan trọng của loài người. Nó giúp chúng tôi xác định rõ phương hướng trong khi nghiên cứu.

Quan sát phát hiện thấy, ý thức phục tùng và phát triển cá tính của trẻ cơ bản là đồng bộ. Trước hết, ý thức này chịu ảnh hưởng của những kích thích bản năng, sau đó vào sâu trong tầng ý thức, cuối cùng bước vào khu vực được kiểm soát bởi ý chí.

Hiện tại, chúng ta cùng thảo luận hàm ý thực sự của phục tùng. Trước đây, phục tùng mang nghĩa: Giáo viên và người lớn muốn trẻ làm một việc gì đó thì trẻ sẽ phải làm việc này dựa theo mong muốn của họ. Tuy nhiên, nghiên cứu của chúng tôi về phát triển ý thức phục tùng cho thấy, phục tùng lại không đơn giản như vậy, sự phát triển của nó cần trải qua 3 giai đoạn. Giai đoạn thứ nhất, trẻ tỏ rõ sự ngang ngạnh, thích làm gì thì làm, có lúc chúng nghe lời, có lúc không mà chẳng có lí do gì hết. Tình trạng này đòi hỏi phải tiến hành một cuộc nghiên cứu.

Phục tùng không chỉ đưa ra một "mong muốn tốt đẹp", ngược lại, hành vi của trẻ ở giai đoạn này chịu sự chi phối của bản năng, tình trạng này duy trì liên tục từ phôi thai cho tới 1 tuổi. Từ 1 tới 6 tuổi, trạng thái vô thức này sẽ dần dần biến mất, trẻ bắt đầu có khả năng ý thức, có thể tự kiểm soát mình. Trong giai đoạn này, ý thức phục tùng của trẻ có liên quan mật thiết tới năng lực mà trẻ có. Hiển nhiên, muốn chấp hành một mệnh lệnh đòi hỏi năng lực nhất định. Ví dụ, không ai có thể phục tùng mệnh lệnh "đi bằng mũi", bởi lẽ điều này là không thể. Giống như vậy, chúng ta không thể yêu cầu một người mù chữ viết thư. Bởi vậy, ý thức phục tùng của trẻ giai đoạn này quyết định năng lực của trẻ.

Tâm lý của trẻ dưới 3 tuổi chưa phát triển hoàn thiện, chúng vẫn chưa thể lựa chọn có ý thức, nếu mệnh lệnh không phù hợp với nhu cầu nội tâm thì chúng sẽ không phục tùng. Điều này ai cũng rõ, chỉ cần chúng ta chú ý một chút sẽ thấy, không có người lớn nào có thể yêu cầu trẻ 2 tuổi hoàn toàn phục tùng anh ta. Người lớn hiểu rõ rằng, muốn cấm trẻ dưới 3 tuổi làm một việc gì đó, chỉ có thể tiến hành dọa nạt mang tính cưỡng chế.

Có điều, phục tùng lại không thường mang nghĩa phủ định. Trước hết, phục tùng có thể thỏa mãn nguyện vọng của người khác. Phục tùng của trẻ dưới 3 tuổi cần có năng lực nhất định, trẻ hơn 3 tuổi cũng vậy, trước khi phục tùng mệnh lệnh cần có năng lực nhất định. Chúng ta biết

rằng, thời kỳ này trẻ đang trải qua một quá trình trưởng thành, quá trình này có vài giai đoạn. Trong quá trình hình thành nhân cách con người, trẻ có thể sẽ phục tùng một số nhu cầu nào đó, nhưng điều này không thể nói rõ trẻ đã có ý thức phục tùng, chỉ có thể nói trẻ có thể sử dụng một loại năng lực đã hình thành nào đó. Tuy nhiên, muốn chúng nắm vững hoàn toàn năng lực này, còn cần một khoảng thời gian nhất định.

Điều này hoàn toàn giống với tình trạng khi trẻ bắt đầu vận động. Trẻ được khoảng 1 tuổi thì bắt đầu tập đi. Trẻ sẽ cố gắng đứng lên, bước vài bước về phía trước, trẻ bị ngã xuống đất song sẽ không dừng bước, được một lúc, lại tiếp tục đứng lên đi tiếp. Tuy nhiên, chỉ cần trẻ hoàn toàn nắm vững năng lực đi thì có thể tùy ý sử dụng năng lực này.

Ý thức phục tùng của trẻ dưới 3 tuổi quyết định năng lực mà trẻ có. Chúng thường không phục tùng một mệnh lệnh, có lẽ lần đầu chúng đã phục tùng một mệnh lệnh rồi, lần thứ hai sẽ không phục tùng nữa. Giáo viên thường cho rằng đây là trẻ cố ý "làm loạn", nên đã trách mắng trẻ. Cách làm này rất dễ gây trở ngại cho sự phát triển của trẻ. Hành vi có hại nhất đối với trẻ chính là công kích tính tích cực của chúng ngay trong giai đoạn hình thành năng lực. Nếu trẻ vẫn chưa thể nắm vững hành vi của mình, nhu cầu ý chí vẫn chưa được thỏa mãn thì làm sao có thể phục tùng yêu cầu của người khác? Chính vì năng lực của chúng chưa ổn định, vậy nên lúc thì chúng nghe lời, lúc lại không. Người lớn cũng có tình huống giống như vậy. Có thể lấy ví dụ về một người chơi đàn, có lúc anh ta đàn rất hay, nhưng cũng có những lúc vô cùng tệ, có thể thấy, đây không phải là nguyên nhân của ý chí, mà là kĩ xảo đánh đàn còn non sót. Bởi vậy, giai đoạn phát triển ý thức phục tùng đầu tiên của trẻ không ổn định, biểu hiện ở chỗ "lúc phục tùng lúc không".

Tới giai đoạn thứ 2, năng lực tự kiểm soát mình ở trẻ đã mạnh hơn, không những có thể nghe theo ý chí của mình, mà còn phục tùng ý chí của người khác bất cứ lúc nào. Lúc này, trẻ có thể hiểu ý đồ của người khác, hơn nữa biểu hiện ra bằng hành vi của mình. Kiểu phục tùng này chính là kiểu phục tùng mà các giáo viên hi vọng có được, họ cho rằng đây chính là mức độ cao nhất của phục tùng.

Tuy nhiên, sự phát triển của trẻ còn lâu mới kết thúc, mức độ phát triển của chúng còn cao hơn cả những gì chúng ta tưởng tượng, sự phát triển ý thức này của trẻ còn cần giai đoạn thứ 3.

Trong quá trình phát triển trẻ có được rất nhiều năng lực, hơn nữa có thể tự do sử dụng những năng lực này, song sự phát triển của chúng

vẫn chưa kết thúc, còn cần phát triển tới mức cao hơn. Dường như, trẻ thực sự coi thầy giáo là tiêu chuẩn, coi họ là tấm gương, song sự khác biệt với hi vọng của thầy giáo là: Ở đây bao hàm một kiểu mong muốn bình đẳng. Dường như trẻ tự nói với mình rằng: "Người này mạnh mẽ hơn mình nhiều, anh ta đã gây ảnh hưởng tới não mình, khiến mình thông minh giống như anh ta!". Cảm giác này có thể mang lại cho trẻ niềm vui vô ngần, cũng có thể kích thích lòng nhiệt tình học hỏi của chúng, thế là chúng chờ đợi giáo viên ra mệnh lệnh, thậm chí càng nhiều càng tốt. Trong cuộc sống, chúng ta thường bắt gặp hiện tượng thú vị này: Trẻ ngồi quây quanh thầy giáo, mắt nhìn thầy, mong ngóng chờ đợi mệnh lệnh của anh ta. Tâm lý kiểu này của trẻ giống với biểu hiện của những chú chó. Chú chó thường nhìn chủ với vẻ kính nể, lúc nào cũng sẵn sàng phục tùng mệnh lệnh của anh ta. Nó ngoan ngoãn ngồi xổm bên cạnh chủ, mắt nhìn chăm chú vào quả bóng trên tay chủ, khi quả bóng vừa được ném ra xa, nó lập tức lao theo quả bóng, rồi tha quả bóng về, trong lòng cảm thấy rất tự hào, sau đó lại ngồi đợi mệnh lệnh tiếp theo. Chú chó mong muốn chủ ra mệnh lệnh, nó sẽ vô cùng sung sướng khi được thi hành mệnh lệnh. Điều này giống với giai đoạn ý thức phục tùng thứ 3 của trẻ. Dường như trẻ cũng đang đợi mệnh lệnh của giáo viên, hơn nữa vui vẻ thực thi những mệnh lệnh này.

Có một câu chuyện rất thú vị thế này: Một cô giáo nọ đã dạy học được 10 năm, thường quản lý lớp mình rất tốt. Một hôm, cô nói với học sinh: "Các em thu dọn đồ gọn gàng, trước khi tan học". Không ngờ, cô vừa nói xong về đầu, mọi học sinh bắt đầu thu dọn đồ, chỉ khi nghe thấy về sau của câu nói thì chúng mới ngừng tay lại. Bọn trẻ chính là vui vẻ phục tùng mệnh lệnh, hơn nữa phản ứng rất nhanh. Như vậy xem ra, trong trường hợp này, cô giáo nên nói thế này: "Trước khi tan học, các em nhớ thu dọn đồ gọn gàng".

Cô giáo này bảo với chúng tôi rằng, những chuyện như vậy thường xảy ra, trẻ rất thích nghe mệnh lệnh của cô, và đã phản ứng vô cùng nhanh. Bởi vậy, cô thường phải nghĩ xem nên nói thế nào trước khi đưa ra mệnh lệnh. Người bình thường cho rằng, tự mình có thể tùy ý phát ra mệnh lệnh. Nhưng cô giáo này lại không như vậy (uy tín trong lòng học sinh đã tạo cho cô một áp lực). Một lần, khi bước qua phòng học, thấy trong phòng ồn ào náo nhiệt, cô định cầm phấn viết lên bảng hai chữ "trật tự", không ngờ vừa viết chữ cái đầu tiên, cả phòng đã hoàn toàn im lặng.

Là một cô giáo, tôi cũng từng gặp nhiều trường hợp như thế. Tôi cho rằng, tính nhất trí biểu hiện trong trường hợp này của bọn trẻ là sự thừa nhận của cả một tập thể đối với tôi, phục tùng ở đây bao hàm ý nghĩa nhiều cấp bậc.

Tôi gọi hiện tượng này là "trò chơi ngồi yên". Kiểu ngồi yên này buộc mọi người phải giữ yên lặng, nói cách khác là buộc mọi người ý thức nên giữ yên lặng, hơn nữa làm như vậy đã tạo ra một cảm giác ý thức tập thể. Tôi từng nhiều lần tiến hành trò chơi này và đã phát hiện thấy, cảm giác ý thức tập thể này sẽ tăng lên theo số lần lặp lại trò chơi. Thế là tôi đưa thêm "trò điểm danh" vào trong "trò chơi ngồi yên". Trong trạng thái ngồi yên này, tôi điểm danh tên bọn trẻ, đọc tới tên đứa trẻ nào thì đứa ấy đứng dậy, cố gắng không gây ra tiếng động nào, còn những đứa khác từ đầu tới cuối luôn bảo đảm một tư thế. Có thể tưởng tượng thấy, những đứa trẻ được điểm danh sau cùng sẽ phải ngồi rất lâu. Ý chí của những đứa trẻ này đã phát triển tới mức độ rất cao. Mục đích của chúng tôi chính là muốn tăng cường khả năng kiểm soát hành vi của bọn trẻ, từ đó rèn luyện ý chí của chúng. Thông qua các trò chơi như vậy, ý thức tập thể và ý thức phục tùng của bọn trẻ được nâng cao, bởi lẽ trong ý thức tập thể bao gồm ý thức phục tùng.

Trẻ đã có năng lực phục tùng ở giai đoạn phát triển ý chí thứ 3, năng lực phục tùng giúp chúng hình thành nên ý thức phục tùng. Giáo dục nhà trường cho chúng tôi thấy rõ, ý thức phục tùng của bọn trẻ trường chúng tôi rất mãnh liệt, dù giáo viên đưa ra mệnh lệnh gì, chúng sẽ lập tức hoàn thành. Chính vì vậy, cô giáo mà tôi vừa nhắc tới ở trên cảm thấy mình nên hết sức thận trọng để tránh gây ảnh hưởng tiêu cực cho sự phát triển ý chí của trẻ, dưới sự thúc đẩy của ý thức kiểu này, cô đã dần dần có được một phẩm chất đáng quý, đó chính là tinh thần trách nhiệm không thể thiếu của một giáo viên.

SAI LÂM VÀ BIỆN PHÁP SỬA SAI

Như đã từng nói, bọn trẻ trường chúng tôi có thể tùy ý hoạt động mà không chịu bất kì sự kìm hãm nào, điều này không có nghĩa là chúng không có tổ chức. Kì thực, tổ chức là điều không thể thiếu, nếu chúng tôi muốn để bọn trẻ tự do "làm việc" thì nhất thiết phải tạo sân chơi và cung cấp những điều kiện cần thiết cho chúng. Khi bọn trẻ có thể tập trung tinh lực làm "công việc" của mình thì càng ngày chúng sẽ càng tích cực, giáo viên càng trở nên "thừa thãi". Thực tế, ở trường

chúng tôi, giáo viên đa phần đứng sang một bên, không tham gia vào "công việc" của bọn trẻ.

Như trên đã nói, bọn trẻ có thể hòa nhập vào tập thể bằng các hoạt động, qua đó hình thành nên một mối quan hệ xã hội mang lại hiệu quả vô cùng tốt. Gặp sự việc này, chắc chắn mọi người đều có suy nghĩ: Nếu những đứa trẻ này cả đời không chịu sự bó buộc của người lớn thì tốt biết bao! Những sự việc xảy ra với bọn trẻ kì diệu giống như sự phát triển của phôi thai. Chúng ta không nên can thiệp vào cuộc sống này, chỉ nên tạo ra những điều kiện cần thiết cho chúng.

Xã hội của chúng ta cần xây dựng lại mối quan hệ của giáo viên với bọn trẻ, vấn đề này sẽ được thảo luận ở chương khác. Song, có một điểm cần lưu ý, giáo viên tuyệt đối không nên can thiệp vào bọn trẻ, dù là với hình thức gì, khen ngợi, trừng phạt, sửa chữa lỗi lầm của chúng đều là sai lầm cực đoan.

Có thể rất nhiều người không hiểu quan điểm của tôi, họ sẽ nói: "Nếp không giúp bọn trẻ sửa chữa lỗi lầm, làm sao có thể khiến chúng hiểu rõ phải trái?".

Suy nghĩ này rất phổ biến, rất nhiều giáo viên cũng nghĩ như vậy, họ cho rằng công việc của mình là phê bình sai lầm của trẻ. Dù là về bài học hay về mặt bồi dưỡng nhân cách, những giáo viên này đều làm như vậy, theo họ giáo dục trẻ chính là hai lĩnh vực: Phê bình và trừng phạt.

Nếu thực sự trẻ không thể tách rời khỏi khen thưởng và trừng phạt, thì có nghĩa chúng đã mất đi năng lực tự trói buộc. Tuy nhiên, khi trẻ đang tiến hành công việc, dù khen thưởng hay trừng phạt trẻ cũng ảnh hưởng nghiêm trọng tới tự do tinh thần của chúng. Điều này cũng trái với tôn chỉ giáo dục của chúng tôi, bởi lẽ cái chúng tôi đề cao chính là tự do phát triển. Trường học chúng tôi vốn không áp dụng biện pháp khen thưởng và trừng phạt mà đa phần thời gian, bọn trẻ đều được tự do làm những việc chúng thích.

Có lẽ mọi người không đồng tình với tôi, sao có thể không thưởng phạt trẻ chứ? Song, chúng tôi có lý do riêng của mình. Bởi vì, bình thường rất nhiều giáo viên hiếm khi khen thưởng trẻ, ngược lại hàng ngày đều phạt chúng. Ví dụ, họ thường muốn bọn trẻ chăm chỉ học tập, sau đó, điểm bài tập thay đổi từ 0 điểm đạt 10 điểm. Tôi muốn đặt ra một câu hỏi, khi những giáo viên này cho trẻ điểm 0, cảm thấy làm như vậy có thể sửa chữa được những khiếm khuyết của chúng không? Thông thường, cuối cùng giáo viên vẫn phải nói: "Sao con vẫn phạm lỗi này vậy,

hình như con không nghe những lời cô giảng, cứ thế này, con đừng hi vọng qua được kì thi".

Thái độ này của giáo viên sẽ chỉ làm mất đi lòng nhiệt tình và tính tích cực của bọn trẻ. Rất đơn giản, giả dụ, bạn nói với một đứa trẻ rằng nó rất dốt nát, phá phách, sẽ không có lợi cho nó, ngược lại còn làm hại nó, bởi vì, muốn để trẻ phạm ít sai lầm, nhất thiết phải giúp trẻ trở nên chín chắn. Trẻ đã kém như vậy, lại không nhận được sự khích lệ và giúp đỡ thì làm sao có thể tiến bộ được? Trước đây, động một tí là giáo viên véo tai học sinh kém, hoặc lấy thước kẻ đánh vào tay học sinh bởi vì chúng viết chữ xấu. Biện pháp này hiện nay xem ra thật nực cười, dù có véo tai thì liệu bọn trẻ có thông minh lên không? Đánh sưng tay liệu chúng có viết chữ đẹp lên không? Chỉ có nỗ lực rèn luyện, tích lũy kinh nghiệm mới có thể nâng cao năng lực của trẻ, những điều này đòi hỏi phải có thời gian dài. Dạy bảo và khiển trách lại càng không thể khiến những đứa trẻ không nghe lời chuyển biến.

Quả thực, việc sửa chữa khiếm khuyết của trẻ chỉ có thể thực hiện được thông qua quá trình phát triển năng lực và các hoạt động chủ động của trẻ.

Đương nhiên, nhiều lúc trẻ không biết sai lầm của mình, song cũng không có nghĩa rằng phải có người chỉ ra những sai lầm này, bởi lẽ giáo viên cũng sẽ không phạm sai lầm một cách tự giác, song họ không muốn ý thức được điều này. Giáo viên thường yêu cầu mình phải nghiêm túc, để tạo dựng tấm gương cho trẻ, tuyệt đối không được thừa nhận mình đã phạm sai lầm trước mặt trẻ, bởi vì trong lòng chúng, sự tôn nghiêm của giáo viên mang nghĩa lúc nào cũng nghiêm túc. Đương nhiên, giáo viên cần có một tiêu chuẩn tương đối cao, đồng thời, những vấn đề này xuất phát từ toàn bộ quan niệm giáo dục sai lầm, không nên hoàn toàn đổ trách nhiệm cho họ.

Nếu chúng ta tôn trọng sự thực, thì nên chấp nhận sự thực này: Ai cũng có sai lầm, thế giới này không ai "mười phần vẹn mười". Như vậy, chúng ta nên có thái độ nghiêm túc đối với sai lầm. Sai lầm là một bộ phận cấu thành cuộc sống, cũng có giá trị của nó. Nhiều lúc, sai lầm chỉ là biểu hiện chưa chín chắn.

Rất nhiều sai lầm sẽ được sửa đổi cùng với sự phát triển của sinh mệnh. Những đứa trẻ "chân nam đá chân chiêu" cuối cùng cũng sẽ biết đi, điều này có được nhờ quá trình trưởng thành. Cho rằng bản thân hoàn thiện chẳng qua chỉ là lừa mình dối người, bởi lẽ sự khác biệt giữa người lớn và trẻ nhỏ chỉ là sự khác biệt về giai đoạn trưởng thành đã có

mà thôi. Thực tế, người lớn thường phạm sai lầm trong cuộc sống, hơn nữa không nghĩ tới việc sửa chữa. Một giáo viên không ý thức được sai lầm của mình, cho rằng mình rất hoàn thiện sẽ không thể là một giáo viên tốt. Chỉ cần chúng ta trải qua những sự việc khác nhau thì chắc chắn sẽ có sai lầm. Nếu chúng ta mơ ước hoàn mỹ thì cần nhận thức rõ những khuyết điểm của mình, chỉ có nỗ lực sửa chữa khuyết điểm mới có thể nâng cao bản thân.

Sai lầm là không thể tránh khỏi, chúng ta nên hiểu rõ điều này. Dù là những môn khoa học đòi hỏi chính xác như toán, vật lý, hóa học cũng không thể tránh khỏi những sai sót, hơn nữa còn gây sai sót nghiêm trọng. Rất đơn giản, sự phát triển của khoa học đều bắt đầu từ sai sót, khoa học không tách khỏi sai sót. Sở dĩ chúng ta phân tách chúng ra là vì khoa học có thể đánh giá sai sót. Quá trình đánh giá sai sót của khoa học có hai nhân tố vô cùng quan trọng (một là cần số liệu rõ ràng, số liệu này lại không đòi hỏi phải tuyệt đối chính xác, có thể sai sót trong phạm vi cho phép). Thành quả của khoa học lại không tuyệt đối chính xác, nhất định có khiếm khuyết ở một mức độ nào đó. Ví dụ, hiệu quả chữa bệnh của thuốc kháng sinh là 95%, như vậy thì 5% còn lại rất quan trọng đối với chúng ta. Thuốc là công cụ đo đạc, độ chính xác cũng chỉ có thể đạt mức nhất định. Số liệu chính xác tuyệt đối là không thể, tính chân thực của một kết luận khoa học có liên quan tới sai sót nhất định. Nếu không có tính sai sót này thì số liệu còn gì là nghiêm túc. Sai lầm đã quan trọng như vậy trong khoa học, thì nó cũng sẽ đóng vai trò quan trọng đối với công việc của con người. Tóm lại, sai lầm giống như các yếu tố khác, cũng là một bộ phận cấu thành sự việc. Đặc thù của nó là ở chỗ, chỉ khi chúng ta hiểu nó, mới có thể sửa được nó.

Dựa theo quy luật khoa học ở trên, chúng tôi đã rút ra một phương pháp hướng tới sự hoàn mỹ, đó là "kiểm soát sai lầm". Giáo viên, học sinh đều khó tránh khỏi sai lầm, vì vậy chúng ta cần định ra nguyên tắc: Điều quan trọng không phải là sửa chữa sai lầm, mà là nhận ra sai lầm của mình. Mỗi người đều nên tự kiểm điểm bản thân, xem những việc mình làm có đúng không. Tuy nhiên, chúng ta không nên quá coi trọng những lỗi lầm này, mà quan trọng là sau mỗi sai lầm chúng ta rút ra được bài học gì.

Ở trường học bình thường, trẻ lại không biết mình đã mắc sai lầm, chúng không ý thức được sai lầm của mình, hơn nữa cũng có thái độ "hờ hững", bởi lẽ sửa chữa sai lầm là việc của thầy giáo, không liên quan tới chúng. Hiện tượng này khác biệt hoàn toàn với tự do, lí tính mà chúng tôi đề cao.

Giả dụ chúng ta không thể tự sửa chữa sai lầm thì cần sự giúp đỡ của người khác. Song, ai có thể hiểu hành vi của chúng ta bằng chính chúng ta? Nếu chúng ta có thể nhận ra sai lầm và tự mình sửa chữa thì tốt biết bao! Có thể tự mình sửa chữa sai lầm là một năng lực quan trọng, đóng vai trò quyết định trong việc hình thành tính cách, nếu thiếu năng lực này con người sẽ trở nên tự ti cực độ.

Biện pháp "ngăn chặn sai lầm" có thể giúp chúng ta phân biệt được hành vi đúng sai. Trong cuộc sống thường ngày, chúng ta thường gặp phải tình huống thế này, muốn đến một thành phố, nhưng lại không biết đi thế nào. Lúc này, mọi người sẽ mang theo một tấm bản đồ, hoặc tìm bảng chỉ đường. Nếu nhìn thấy bảng chỉ đường có viết "Ahmed - 2 km", thì trong lòng an tâm lắm rồi, bởi lẽ không bị lạc đường; Nếu nhìn thấy tấm biển viết "Mumbai - 50 km" thì biết rằng mình đã lạc đường. Nếu không có bản đồ và bảng chỉ đường thì phải liên tục hỏi đường, hơn nữa còn nhận được những lời chỉ đường hoàn toàn khác nhau. Có thể thấy, muốn đạt được mục tiêu đã định, không thể thiếu lời chỉ dẫn đáng tin cậy.

Như vậy, nên tăng cường bồi dưỡng những kiến thức cần thiết kiểu này cho cuộc sống ngay từ thời kì đầu giáo dục, làm vậy trẻ mới có thể nhận ra những sai lầm của mình. Trường học nên tạo điều kiện giúp đỡ trẻ, giống như cung cấp tới chúng tư liệu học tập. Phương hướng phát triển có chính xác hay không quyết định ở động lực và kết quả phát triển. Do vậy, cần thường xuyên kiểm tra xem phương hướng của mình có "chệch quỹ đạo" không. Nếu có thể thực hiện được nguyên tắc này trong giáo dục thì giáo viên và người lớn hoàn mĩ hay không không quan trọng. Người lớn phạm lỗi cũng sẽ chấp nhận được, hơn nữa gây hứng thú nhất định cho trẻ, bởi vì đối với trẻ, phạm lỗi là một việc rất tự nhiên. Khi trẻ nhận thức được rằng ai cũng phạm lỗi thì nhất định sẽ có ảnh hưởng với chúng, cũng sẽ kéo gần khoảng cách giữa người lớn và trẻ. Sai lầm có thể kéo gần cự li giữa người lớn với trẻ khiến họ và trẻ trở thành bạn của nhau. Nếu hai người "hoàn mĩ" sống cùng nhau, chắc chắn sẽ liên tục xảy ra tranh cãi, bởi vì họ tự cho mình hoàn mĩ, không hiểu đối phương thì đương nhiên khó được đối phương chấp nhận.

Trò chơi mà trẻ yêu thích đầu tiên là xếp hình. Với trò chơi này, trước hết chúng nhận thức được sự khác nhau của vật thể; sau đó học cách sử dụng các ngón tay của mình, khi xếp hình, hai ngón tay của trẻ sẽ nắm chặt miếng gỗ, xếp từng cái từng cái một. Trong quá trình xếp hình này, chúng thường sẽ phát hiện ra mình phạm sai lầm, hoặc xếp

không chắc khiến miếng gỗ rơi xuống, hoặc một miếng hình tròn quá to không thể xuyên vào lỗ hổng bên dưới. Thế là, trẻ sẽ nghiên cứu "tác phẩm" của mình, kiểm tra xem xảy ra sai sót ở chỗ nào và nỗ lực giải quyết vấn đề này. Lúc này, tinh thần và sự chuyên chú của chúng khơi dậy hứng thú trong chúng bởi chính sai sót này và chúng sẽ làm lại một lần nữa. Nếu vẫn không thành công thì sẽ làm đi làm lại trò chơi này. Trò chơi xếp hình đã mang lại 2 điều có ích cho chúng: Thứ nhất, rèn luyện tư duy của chúng, thứ 2 nâng cao năng lực kiểm soát sai sót. Đồ chơi ở trường chúng tôi đều được thiết kế rất tinh xảo, trẻ có thể thấy rõ sai lầm của mình. Những đồ chơi này không chỉ thích hợp với trẻ từ 3 - 6 tuổi mà còn thích hợp cho trẻ 2 tuổi. Với những đồ chơi này, bọn trẻ nhanh chóng sửa chữa sai sót của mình để liên tục hoàn thiện. Đương nhiên, có thể sửa chữa sai lầm lại không đồng nghĩa với trẻ đã hoàn mĩ, mà nó cần có nhận thức về năng lực bản thân mới có thể khơi dậy mong muốn làm việc của chúng.

Có thể trẻ sẽ nghĩ: "Mình còn rất nhiều khiếm khuyết, còn xa mới có đủ năng lực cần thiết, song mình biết mình có thể làm gì. Mình sẽ phạm rất nhiều lỗi, song mình có thể sửa chữa".

Tính cách thận trọng, tự tin kiểu này chính là điều chúng tôi mong muốn, nó sẽ có ích cho trẻ cả một đời. Muốn dẫn dắt trẻ phát triển theo con đường như vậy lại không hề dễ khi nói với một đứa trẻ rằng nó linh hoạt hay lười biếng, thông minh hay ngốc nghếch, tốt hay xấu sẽ chẳng có lợi gì, trái lại còn gây hại. Chúng ta không những cần giáo dục trẻ, mà còn cần tạo điều kiện cho trẻ nhận thức rõ sai lầm của mình.

Chúng ta hãy cùng quan sát một chút về những đứa trẻ này. Chúng đều đã học một thời gian khá dài ở trường chúng tôi. Nếu giáo viên ra một số bài tập toán, bọn trẻ sẽ vui vẻ làm, rồi sau đó so sánh kết quả. Đối với chúng, việc so kết quả còn hấp dẫn hơn nhiều so với kết quả đúng hay sai. Còn có một cách luyện tập giống như vậy đó là, cho bọn trẻ đặt hình vẽ vào đúng vị trí của vật thể, đây cũng là một việc làm được bọn trẻ thích thú, chúng sẽ kiểm tra đi kiểm tra lại kết quả sắp xếp của mình, nếu phát hiện ra mình đặt sai, chúng sẽ thấy sung sướng vô cùng vì chúng được thử nghiệm lại. Có thể thấy, chúng có được niềm hứng thú từ chính những sai lầm mà mình phát hiện ra.

Để thúc đẩy nhận thức của trẻ về sai sót, chúng tôi còn cố tình tạo ra một số sai sót rất hiển nhiên trong trường học.

Nếu trẻ có thể hình thành thói quen kiểm tra hành vi của chính mình, thì sẽ có ích đối với sự phát triển của chúng. Một lần, chúng tôi tổ

chức trò chơi "chấp hành mệnh lệnh", một cô bé nhận được mệnh lệnh thế này: "Chạy ra ngoài, đóng chặt cửa lại, rồi trở về", cô bé nghĩ một lát, sau đó hành động theo mệnh lệnh, nhưng vừa thực hiện được một nửa mệnh lệnh, cô đã chạy về nói với giáo viên: "Nếu con đóng chặt cửa lại rồi thì làm sao mà quay trở về nữa?".

Cô giáo nói với cô bé: "Con nói rất đúng, mệnh lệnh này sai rồi". Tiếp đến, cô giáo sửa lại mệnh lệnh. Sau khi tiếp nhận mệnh lệnh mới, cô bé nói: "Vâng, bây giờ thì con có thể hoàn thành".

Có thể thấy, nhận thức về sai lầm đã kéo gần khoảng cách và tăng cường mối quan hệ giữa người với người. Sai lầm sẽ làm giãn cự li giữa người với người, song sửa chữa sai lầm lại khiến con người gần gũi nhau hơn. Chỉ cần có thái độ nghiêm túc đối với sai lầm, thừa nhận ai cũng không thể hoàn mĩ, thì sai lầm sẽ không còn khiến người ta cảm thấy khó chấp nhận. Trong mắt bọn trẻ, phạm sai lầm là chuyện đương nhiên, chỉ cần giáo viên đối xử nghiêm túc với những sai lầm của mình thì sai lầm sẽ trở thành mất xích giữa giáo viên và học sinh, tăng cường quan hệ giao lưu giữa giáo viên và học sinh (giáo viên sẽ không mất đi vẻ tôn nghiêm do thừa nhận mình đã sai, học sinh cũng sẽ không thất kính với họ vì những sai lầm của họ). Sai lầm không chỉ là vấn đề của một người, còn là một kiểu "môi giới" giao lưu con người, mỗi người đều nên sửa chữa sai lầm của mình.

Chính vì vậy, những chuyện nhỏ trong cuộc sống mới trở nên quan trọng.

GIÁO DỤC GIA ĐÌNH VỚI TRẺ NHỎ

Hiện nay, chúng ta đã hiểu rõ đa số quan niệm về giáo dục trẻ đều thiên kiến, chủ yếu là những thành kiến theo quan niệm cũ. Rất nhiều người đã thử công bố trước công chúng những quan điểm thu được sau khi quan sát thực tế, nhiều phương pháp giáo dục đã được tạo nên từ những quan sát trên nhiều phương diện và đã gặt hái được thành công, khiến phương hướng giáo dục trẻ có những chuyển biến rõ rệt. Bất cứ phương pháp giáo dục hiện đại nào đều cần quan sát phản ứng của trẻ trước khi thực thi và được hình thành nhờ liên tục thông qua thử nghiệm. Những phương pháp giáo dục này cuối cùng cũng nên đưa vào trong gia đình, lúc đó, không những sẽ tạo ra một đứa trẻ với diện mạo hoàn toàn mới mẻ, mà ông bố bà mẹ cũng nhờ đó mà "thay da đổi thịt".

Hiện nay, phương pháp giáo dục của người lớn với trẻ hầu như vẫn là "sửa chữa hành vi không thỏa đáng của chúng", dạy chúng biết phân biệt đúng sai. Những người lớn có thể lấy mình làm gương đã ít lại càng ít, đa số họ vẫn dùng biện pháp nói lý và khuyên răn trẻ. Một khi những biện pháp này không mang lại hiệu quả thì họ lại chọn hành vi ác độc - mắng mỏ và đánh đập. Trong xã hội hòa bình thân thiện, tự do bình đẳng này, ngoài bố mẹ ra, không ai có quyền giáo dục trẻ bằng hình thức trừng phạt thân thể.

Vậy mà, quyền trừng phạt cơ thể này cũng khiến người lớn phải gánh thêm trọng trách nặng nề: Một là, người lớn buộc phải thể hiện rõ quyền uy "nói một là một" trước những đứa trẻ có sức phản kháng kém này; Hai là, người lớn buộc phải có những cử chỉ hành vi đúng mực để làm gương cho trẻ. Người lớn vô cùng hiểu rõ bản thân đóng vai trò quyết định trên con đường phát triển của trẻ, như một câu ngạn ngữ đã nói: "Đôi bàn tay đưa nôi, nắm giữ tương lai của toàn thế giới". Tuy nhiên, một bà mẹ lúc còn nhỏ có thể dễ dàng làm những công việc đơn giản dựa vào luyện tập và nhần nại lại không thể giáo dục con mình theo cách này. Mà một ông bố thuở nhỏ có chí lại lười không chịu suy nghĩ xem làm thế nào để bồi dưỡng nhân cách của trẻ, cũng sẽ không chú ý quan sát hành động cử chỉ của trẻ. Kết quả là, dù xem nhẹ hay dốc hết sức lực thậm chí thiếu hứng thú do kinh nghiệm trước đây quá ít ỏi, thì các bậc cha mẹ thường vứt bỏ trách nhiệm trọng đại của mình.

Khi một đứa trẻ chào đời, bố và mẹ chúng bắt đầu trách móc khuyết điểm của nhau. Đương nhiên, họ trong chốc lát trở thành hình mẫu để trẻ học theo là một việc tương đối khó khăn. Bởi lẽ, đột nhiên họ phải đối mặt với một số nghĩa vụ mới - mười phân vẹn mười, giáo dục con, sửa chữa khuyết điểm của trẻ và giúp chúng tiến bộ, quan trọng nhất là coi mình là tấm gương tốt đẹp để giáo dục trẻ. Tất cả những điều này đều là nhiệm vụ của bố mẹ, ở đây, chúng ta cũng không thể nói rõ cụ thể từng vấn đề.

Trước hết, chúng ta hãy cùng nói tới vấn đề "nói dối".

Một trong những nhiệm vụ quan trọng nhất của người mẹ là giáo dục con mình có thói quen thành thực. Tôi có quen một bà mẹ, để dạy dỗ con mình phải thành thực, cô ta đã kể rất nhiều chuyện liên quan tới hành vi xấu xa cho con gái nghe. Đồng thời, cô tán dương trước mặt con những hành động dũng cảm và ý chí kiên cường, dù có phải chịu đau đớn, hi sinh cũng phải giữ vững sự trung thành. Bà mẹ này đã cố gắng để trẻ hiểu rằng, một lời nói dối nhỏ bé cũng sẽ dẫn tới hàng loạt những sai

lầm, giống như câu ngạn ngữ: "Nói dối sẽ khiến con người mất đi lí trí". Đặc biệt, cô còn nhấn mạnh với con gái rằng, một người xuất thân từ gia đình giàu có càng cần giữ vững sự tôn nghiêm của mình, làm tấm gương mẫu mực cho những người nghèo khổ, không được giáo dục tốt.

Tuy nhiên, bản thân cô ta lại thế nào? Một ngày, một người bạn của cô gọi điện tới mời cô đi nghe nhạc. Bà mẹ này từ chối nói: "Ồ, tiếc quá, mình đang rất đau đầu, không thể đi được". Cô còn chưa nói chuyện xong với bạn thì nghe thấy một tiếng hét vang lên từ phòng bên. Cô lập tức chạy lại, nhìn thấy cô con gái đang lấy tay bịt mặt, ngồi bệt xuống nền nhà. "Con yêu, xảy ra chuyện gì vậy?" Cô con gái vừa khóc vừa trả lời: "Mẹ đang nói dối!".

Như vậy, lòng tin của cô bé với mẹ đã hoàn toàn sụp đổ, từ đây một vách ngăn sẽ được tạo dựng giữa hai mẹ con. Trẻ sẽ nảy sinh nghi ngờ đối với nhận thức về xã hội người lớn, trong mắt trẻ, vẻ thần thánh của xã hội đã không còn nữa. Bà mẹ này không ngại phiền hà, thật không dễ dàng mới khiến đứa trẻ tạo dựng thói quen thành thực, song cô ta lại chưa từng kiểm điểm lại thói quen của mình trong cuộc sống thường ngày.

Những người lớn luôn luôn đốc thúc trẻ hình thành thói quen thành thực lại thường bao bọc trẻ trong những lời nói dối, mà những lời nói dối này không những là những lời nói dối có chủ ý, mà còn được dùng để lừa dối trẻ. Nói tới lừa dối, tôi nhớ tới một câu chuyện có liên quan tới lễ Giáng sinh và ông già Noel, một bà mẹ nói dối con rằng ông già Noel là có thực, sau đó cô ta lại cảm thấy áy náy trong lòng, quyết định nói với con sự thực. Sau khi đứa trẻ biết được rằng trước đây mình vẫn bị mẹ lừa dối đã thất vọng vô cùng, chau mày nhăn mặt suốt ngày lễ Noel. Mẹ của cậu ta đã không cầm được nước mắt khi kể với tôi chuyện này.

Song, cùng một tình huống này lại mang lại kết quả khác. Ví dụ, có một bà mẹ cũng đã nói như vậy với con trai của mình, sau khi nghe xong, cậu bé cười rất tươi, còn nói với mẹ: "Mẹ ơi, từ lâu con đã biết rằng làm gì có ông già Noel trên trái đất này!", "Thế sao con không bảo với mẹ?", "Bởi vì, mỗi khi kể câu chuyện này, mẹ đều rất vui!". Trong tình huống này, vai trò của bố mẹ và trẻ đã đổi chỗ cho nhau. Trẻ là nhà quan sát vô cùng nhạy bén, trẻ đã ngoan ngoãn và lấy lòng bố mẹ để bố mẹ được vui.

Rất nhiều ông bố bà mẹ cho rằng, trẻ nên ngoan ngoãn nghe lời bố mẹ, họ luôn hi vọng trẻ yêu họ hết lòng. Về phương diện này, trẻ cũng thường trở thành người thầy của bố mẹ mình, bởi lẽ suy nghĩ của trẻ vô

cùng ngây thơ, cảm giác chính nghĩa của chúng khiến người lớn không thể ngờ tới.

Một buổi tối nọ, một bà mẹ tốt bụng cho con đi ngủ. Đứa trẻ này xin mẹ cho nó được làm nốt công việc đang làm dở rồi mới đi ngủ, nhưng bà mẹ này quyết không đồng ý. Thằng bé đành phải ngoan ngoãn lên giường, song được một lát, nó lại trèo xuống giường làm nốt việc của mình. Mẹ cậu phát hiện thấy vậy đã tức giận mắng cậu một trận. Cậu bé khóc nói với mẹ: "Con không nói dối mẹ, con đã nói với mẹ là con muốn làm nốt việc". Bà mẹ không muốn tranh cãi với con nữa, bắt cậu phải nói "xin lỗi". Nhưng cậu bé này vẫn muốn được thanh minh với mẹ rằng, cậu không hề nói dối mẹ (thì giống như mới đây cậu kiên trì muốn được làm nốt việc rồi mới đi ngủ). Cậu giải thích rằng, cậu không lừa dối ai, bởi vậy cậu không biết vì sao phải xin lỗi. Mẹ cậu nói: "Được rồi, mẹ hiểu rồi, hóa ra con chẳng yêu mẹ chút nào". Cậu bé trả lời: "Mẹ à! Con rất yêu mẹ, chẳng qua con không làm sai chuyện gì, vì sao nhất định phải xin lỗi?". Nghe ra, lời nói của đứa trẻ này mới giống người lớn, trái lại những điều bà mẹ của cậu nói lại vô lý giống như trẻ nhỏ.

Có một câu chuyện khác về một người bố làm mục sư, cứ đến chủ nhật cô con gái nhỏ của anh ta lại bận rộn tới giáo đường giúp bố. Một chủ nhật nọ, vị giáo mục này đang giảng đạo, chủ đề là lòng cảm thông của chúa Giê-su. Anh ta nói: "Tất cả chúng ta đều là anh em một nhà, người nghèo và người chịu khổ nạn cũng là con của Chúa, nếu chúng ta muốn sống lâu mãi mãi thì cần bảo vệ và yêu mến họ". Cô con gái nhỏ của anh ta vô cùng xúc động trước những lời nói của bố. Trên đường về nhà, cô nhìn thấy một cô bé ăn xin đang đứng ở ven đường, trên mình cô bé đáng thương này còn có rất nhiều vết thương, cô chạy lại vòng tay ôm và thơm cô bé ăn xin. Mục sư và vợ của ông lại sợ hết hồn, vội túm chặt lấy cô con gái ăn mặc sạch sẽ, lôi cô ra khỏi đứa bé ăn mày đó, trên đường về còn liên tục trách cứ cô. Về tới nhà, bà vợ mục sư vội vàng giúp con tắm rửa, thay quần áo mới. Từ đó về sau, mỗi khi nghe bố mình giảng đạo, cô bé chẳng còn có cảm xúc gì đặc biệt nữa.

Những câu chuyện như trên đâu đâu cũng có, trong cuộc sống tồn tại rất nhiều xung đột giữa bố mẹ và con cái, cũng có thể nói là sự bất hòa giữa người lớn và trẻ nhỏ.

Bọn trẻ đều nhìn thấy bằng mắt và ghi nhớ trong lòng về thái độ tự cho là đúng của người lớn, cũng như hành vi không thỏa đáng của họ. Sẽ có một ngày, những mâu thuẫn tiềm ẩn này dẫn tới xung đột. Giữa

người lớn và trẻ sẽ hình thành một hố ngăn cách không ai có thể nhảy qua. Trong các cuộc xung đột, mặc dù bên giành được thắng lợi thường là bên có quyền lực lớn, song những thắng lợi mà những người làm cha mẹ giành được nhờ dựa vào quyền lực thường không thể làm đối thủ nhỏ bé của họ khâm phục, bởi lẽ người lớn quả thực đã làm sai. Người lớn thường dùng biện pháp cưỡng ép để trẻ phục tùng, từ đó giữ hình ảnh uy nghiêm của mình trước mặt trẻ. Để xây dựng quyền uy của mình, bố mẹ thường bắt trẻ phải "câm miệng", như vậy mới giữ được "hòa bình". Tuy nhiên, cùng với việc giành được thắng lợi, uy tín của bố mẹ đối với trẻ cũng biến mất, hơn nữa ngay cả tình cảm tự nhiên và niềm giữa họ với trẻ cũng chẳng còn.

Cứ như vậy, trẻ không thể nhận được sự an ủi cần thiết nhất, nhân cách cũng sẽ phát triển theo chiều hướng xấu. Để thích ứng với hành vi không thỏa đáng của người lớn, trẻ buộc phải áp chế một số phản ứng sinh lí nào đó, và đó cũng là nguyên nhân hình thành nên các loại bệnh tật sau này. Kiểu tổn thương này sẽ dẫn tới một số hành vi xấu của trẻ và bị xem là đặc chất của chúng, kì thực đây là cơ chế tự bảo vệ mình của trẻ. Ví dụ, lấy vẻ sợ hãi hoặc cố ý nói dối để che đậy cho hành vi không đúng của mình, cảm giác sợ hãi của trẻ cũng giống như nói dối, đều là do bị ép buộc khuất phục và tuân theo người lớn. Tổn hại do tâm tư kiểu này gây ra cho trẻ còn nghiêm trọng hơn bất kì tâm tư nào khác, bởi vì nó khiến trẻ nhầm tưởng giữa tưởng tượng và cảm giác. Sự nhầm tưởng về tâm tư kiểu này thường xảy ra ở những đứa trẻ thiếu cơ hội phát triển bên trong.

Ngoài những khiếm khuyết đã nói ở trên, chúng tôi còn phát hiện ra một căn bệnh "mô phỏng bị động". Trẻ luôn luôn bắt chước người khác, chắc chắn đây không là phương thức tự mình cải tiến và phát triển, mà là con đường dẫn tới tụt hậu. Tiến bộ là một công việc bên trong, tự mình, nếu chỉ bắt chước người khác thì không thể tiến bộ. Kì vọng trong lòng trẻ bị ức chế thì cũng giống như khoáng vật dưới lòng đất bị giấu kĩ, chúng ta không thể đánh giá đúng giá trị thực sự của chúng. Do những kì vọng này không thể thực hiện được, cũng chưa từng có cơ hội khổng chế, hơn nữa lúc nào nó cũng tồn tại trong đầu nên nó dần dần thu hút trẻ và liên tục dụ dỗ trẻ.

Người lớn đã áp chế những xúc động tự nhiên của trẻ, vì vậy đã cản trở những việc có ích mà chúng làm, cũng như năng lực phát huy tiềm năng của chúng. Nói cách khác, người lớn trở thành hòn đá ngáng chân trên con đường phát triển thuận theo quy luật tự nhiên của trẻ. Do vậy, trong học tập trẻ cũng đã đi qua rất nhiều đoạn đường uổng sức, rơi vào

trong một núi bài vở, hay quần quanh giữa đồng đồ chơi. Khả năng khắc phục khó khăn bẩm sinh cũng tự nhiên bị ảnh hưởng, trẻ chỉ còn biết vâng lệnh, nghe theo sự chỉ huy của người lớn, và cảm thấy mọi việc đều vô vị.

Trẻ vốn có vây cánh, nhưng khi chúng định xòe cánh bay lên lại bị ngăn cản. Trí tưởng tượng của trẻ một khi đã không được tiếp xúc với thứ mà mình hứng thú thì sẽ mất đi tính tự giác, tìm kiếm không mục đích trong thế giới vật chất. Do thiếu thể nghiệm đối với hiện thực, trẻ càng ngày càng cách xa thực tế, cuộc sống cũng trở nên bất thường, chỉ có thể rơi vào ảo tưởng vô nghĩa.

Linh hồn yếu đuối của trẻ vẫn sẽ liên tục đấu tranh để bảo vệ mình. Song, chúng chỉ có thể phản kháng bằng những phương thức tiêu cực như bực tức, quấy khóc, làm bừa, ăn vạ,... Trẻ cố ý làm bừa khi thực là một hình thức khác của phản nộ và phản kháng. Do tiêu hao tinh thần không hợp lý, với trí tưởng tượng còn non nớt, trẻ đã bộc lộ hành vi quấy rối và lời nói cử chỉ "hỗn láo". Ngoài những điều kể trên, những đứa trẻ "gây phiền phức" khiến người lớn hết cách này còn có thể trở thành đối tượng bất chúc của những đứa trẻ khác. Biện pháp mà người lớn dùng để đối phó với những đứa trẻ này giống như biện pháp để đối phó với kẻ địch bất chấp pháp luật xông vào lãnh địa của người khác.

Trong xung đột với người lớn, trước hết hệ thống thần kinh của trẻ sẽ bị tổn thương. Hiện nay, rất nhiều bác sĩ đã bắt đầu ý thức được rằng, nguyên nhân chủ yếu khiến tâm tư trẻ mất cân bằng là do chúng bị ức chế trong thời kì sơ sinh. Trẻ có một số triệu chứng giống thời kì trẻ sơ sinh như mất ngủ, mơ thấy ác mộng, tiêu hóa và ăn uống kém. Đây thường là hậu quả do tâm tư mất cân bằng mang lại.

Khi trẻ có những biểu hiện xấu này, bố mẹ sẽ nỗ lực nghĩ cách điều trị bệnh tâm tư của trẻ, dốc sức sửa chữa khiếm khuyết về nhân cách của trẻ. Dù họ có nỗ lực đến mấy để chữa trị bệnh tật của trẻ thì những tổn thương này vẫn sẽ theo trẻ tới thời kì thành niên. Sở dĩ gây ra hậu quả như vậy là vì bố mẹ đã sai lầm cho rằng những áp chế của mình với trẻ là biểu hiện tình yêu của họ dành cho trẻ, mà coi nhẹ nhu cầu thực sự của con cái họ.

Chúng ta nhất định cần để tinh thần bị áp chế của trẻ được tự do. Chỉ như vậy, mọi bệnh tật trong trẻ mới có thể tan biến, còn những bệnh tật không thể chữa khỏi rất có thể là bệnh bẩm sinh. Một trong những khiếm khuyết nhân cách là, rất nhiều người thường cảm thấy mình có

quyền dẫn dắt mọi người đi đúng hướng theo suy luận đúng sai mà mình đề ra.

Khi chúng ta khắc phục được căn bệnh nêu trên, thì lại cần ngăn chặn hướng tới một tình trạng cực đoan khác. Mặc dù những ông bố bà mẹ trẻ có thể cho đứa con ngây thơ của mình tự do phát triển, song nhất quyết không được lí giải một cách phiến diện rằng không thể sửa chữa khuyết điểm của trẻ. Làm như vậy mặc nhiên là bố mẹ đã coi nhẹ hành vi của trẻ, do vậy đa phần trẻ sẽ gặp vấn đề về tâm lý. Ở đây, tôi không muốn đưa ra nguyên tắc mới mà chỉ quy nạp một số kết luận. Trước khi áp dụng những lí luận này, chúng ta cần suy xét xem vấn đề thực sự xảy ra với trẻ là gì, sau đó mới nghĩ xem nên làm thế nào để có thể thỏa mãn nhu cầu tâm lý của trẻ.

Giống như trước đây, các bà mẹ hiện nay cũng rất thông thạo kiến thức về sức khỏe, cũng như những kĩ năng chăm sóc con. Họ hiểu tầm quan trọng của cân bằng dinh dưỡng, biết được rằng cần để trẻ thích ứng với môi trường và để trẻ vui chơi trong không gian mát mẻ sẽ có lợi cho việc hô hấp của chúng. Tuy nhiên, trẻ lại không chỉ là động vật nhỏ cần ăn uống, ngay từ lúc sinh ra, chúng đã có tâm hồn. Nếu thật sự nghĩ cho hạnh phúc của trẻ, thì ngoài việc chăm lo cho cơ thể trẻ, chúng ta cần giúp trẻ khai thông con đường phát triển tinh thần. Chúng ta nên tôn trọng những xúc động tinh thần của trẻ và tìm biện pháp giúp trẻ ngay từ khi trẻ chào đời.

Trên phương diện chăm sóc sức khỏe cơ thể trẻ, có những chuẩn tắc rõ ràng cần tuân thủ, song trên phương diện sức khỏe tinh thần, phạm vi mà nguyên tắc này bao hàm lại rất rộng, hơn nữa hiện nay vẫn có nhiều người chưa biết đến. Có thể khẳng định, cái trẻ cần tuyệt đối không chỉ là đồ ăn. Trong điều kiện không bị bất kì sự quấy rầy nào của người lớn, cảm giác hứng thú và tự hào sau khi tự mình làm xong một việc của trẻ đã thể hiện những tiềm năng phong phú bên trong và nhu cầu biểu đạt của trẻ. Điều chúng ta cần làm là dẫn dắt, đồng thời tạo ra cơ hội khai phá tiềm năng cho trẻ chứ không phải cản trở hoạt động của trẻ.

Đồ chơi hiện nay đa phần thiếu chức năng kích thích sự phát triển tinh thần trẻ. Tôi tin rằng, loại đồ chơi này cuối cùng sẽ bị đào thải. Chúng ta hãy cùng điểm lại sự biến đổi của thị trường đồ chơi mấy năm qua, các nhà chế tạo đồ chơi đã liên tục tăng kích cỡ đồ chơi, làm những con búp bê bằng vải cao to giống như đứa trẻ thật, những đồ dùng liên

quan như giường, tủ quần áo, bếp lò,... cũng to theo. Song các bé gái lại không thích những đồ chơi này.

Chúng ta hãy để trẻ sống trong một môi trường mà chúng có thể tự làm chủ. Một bồn rửa mặt nhỏ bé dành cho trẻ, vài chiếc ghế nhỏ, một chiếc tủ mà trẻ có thể mở được ngăn kéo, một số dụng cụ sinh hoạt gia đình có thể sử dụng, một chiếc giường ngủ nhỏ, một chiếc thảm xinh xắn mà trẻ có thể tự mình gấp được. Chúng ta hãy để trẻ được sống trong một môi trường vừa có thể sống lại vừa có thể vui chơi. Trong môi trường như vậy, chúng ta sẽ nhìn thấy đôi tay của trẻ cả ngày bận rộn không ngừng, buổi tối chỉ muốn thay thật nhanh quần áo ngủ để rồi trèo lên chiếc giường nhỏ xinh của mình và đánh một giấc ngon lành. Trẻ cũng sẽ hào hứng thu dọn đồ dùng của mình, tự mình mặc quần áo. Đồng thời, hình thành thói quen ăn uống lành mạnh, tự mình chăm sóc tốt bản thân. Trẻ trở nên ngoan ngoãn, lễ phép, không nghịch ngợm phá phách, đúng là một đứa trẻ ngoan dễ bảo.

Giáo dục theo cách mới không chỉ tạo ra một môi trường phù hợp với sự phát triển của trẻ, mà còn chú ý tới sở thích của trẻ, hơn nữa giúp trẻ có cảm giác về trật tự mạnh mẽ. Do vậy tăng cường quan sát cuộc sống của trẻ là vô cùng cần thiết, để có thể giải đáp được nhu cầu của trẻ trước khi tinh thần của chúng phát triển. Giáo dục theo cách mới hi vọng đạt được tiến bộ mới, thông qua những kiến thức mà chúng ta đã có đối với việc bảo vệ sức khỏe con người và vận dụng chúng một cách hợp lý trong giáo dục. Đối với chúng ta, phát triển kiện toàn tâm lý của trẻ là quan trọng nhất. Đây cũng là nền móng của giáo dục theo phương pháp mới.

Sau đây, tôi xin đưa ra một vài nguyên tắc, hi vọng sẽ giúp các bà mẹ có thể tìm ra biện pháp phù hợp nhất với con mình.

Tôn trọng mọi hoạt động hợp lý mà trẻ đang tiến hành và thử tìm hiểu mục đích tại sao chúng làm như vậy, đây là nguyên tắc quan trọng hàng đầu.

Tiềm lực bên trong là động lực thúc đẩy trẻ nỗ lực trên mọi phương diện, vấn đề là chúng ta thường xem nhẹ những tiềm lực mà trẻ biểu hiện ra trong cuộc sống. Khi nói tới hoạt động của bọn trẻ, trong đầu chúng ta chỉ nghĩ đó là một hành vi đặc biệt nào đó mà chúng ta từng quan sát thấy. Sở dĩ chúng ta có thể quan sát thấy, có lẽ là do hành vi này gây cho chúng ta sự chú ý đặc biệt. Hiện rõ trong đầu chúng ta cũng có thể là những cử chỉ nghịch ngợm quậy phá của trẻ đã từng được chúng ta chỉ bảo hay là sự lệch lạc về tâm lý bộc phát do trẻ không thể



chịu nổi áp lực. Kì thực, mục đích hoạt động của trẻ lại không dễ dàng phát hiện thấy. Chúng ta nên tin rằng trẻ có bản chất lương thiện, sau đó phát hiện bản chất lương thiện của trẻ với tình yêu thương vô bờ bến. Có như vậy, chúng ta mới có thể dần dần đánh giá đúng về trẻ. Nếu bố mẹ hi vọng có thể hiểu được những hành vi tự nhiên của con mình trên một chừng mực nào đó thì nên tuân theo lời khuyên này: "Luôn luôn chuẩn bị sẵn tư thế phát hiện mặt lương thiện của trẻ".

Dưới đây là một số tình tiết mà tôi đã từng quan sát thấy ở trẻ:

Tiêu điểm của tôi nhắm vào một bé gái 3 tháng tuổi, vừa mới rời khỏi vạch xuất phát của sinh mệnh. Tôi đã quan sát toàn bộ quá trình bé phát hiện đôi tay của mình. Bé tìm mọi cách để "ngắm" kĩ bàn tay của mình, song cánh tay của bé quả thực quá ngắn, phải di chuyển mắt mới có thể nhìn thấy. Mặc dù quanh bé có rất nhiều thứ có thể nhìn thấy, song bé vẫn thích nhất đôi tay của mình. Nỗ lực của bé thuộc về một kiểu biểu hiện của bản năng, một kiểu biểu hiện "can tâm vứt bỏ sự thoả mái vì muốn thỏa mãn nhu cầu bên trong".

Một lát sau, tôi mang lại một số thứ cho bé chơi, nhưng bé vẫn không thêm để ý, chẳng hề hứng thú với những thứ tôi đưa. Bé xòe tay ra, chẳng buồn nhìn những thứ ở trong tay, cứ để chúng rơi xuống. Song, từ đó trở đi, mỗi khi nắm thữ một đồ vật gì, mặt bé thường sung sướng rạng ngời (dù cho thứ bé muốn nắm ở gần hay ở xa bé, dù cho bé có nắm được hay không). Bé nhìn chăm chăm vào tay mình với vẻ hoài nghi, dường như bé đang tự hỏi mình: "Lạ nhỉ, vì sao lúc thì mình nắm được vật, lúc lại không thể?". Rõ ràng là quá trình sử dụng đôi tay đã thu hút sự chú ý của bé. Khi bé gái này 6 tháng tuổi, tôi đã đưa cho bé một chiếc chuông đồ chơi màu bạc. Tôi đặt chuông vào tay bé và dạy bé cách lắc chuông. Sau khi chơi được vài phút, bé ném chuông xuống đất. Tôi nhặt chiếc chuông lên đặt trở lại tay bé, nhưng bé lại ném nó đi. Cứ thế, quy trình này lặp đi lặp lại vài lần.

Bé gái này dường như cố ý ném chuông xuống đất, để người khác nhặt lên giúp mình. Một hôm, khi bé lại cầm chiếc chuông trong tay, bé không còn ném thẳng nó xuống đất nữa, mà trước hết mở một ngón tay, sau đó lần lượt mở các ngón tay khác, cho tới khi cả năm ngón tay hoàn toàn duỗi ra, lúc này chiếc chuông mới rơi xuống đất. Bé nhìn những ngón tay của mình không chớp mắt. Sau đó bé làm đi làm lại động tác mở từng ngón tay này và tiếp tục quan sát. Rõ ràng, điều khiến bé hứng thú không phải là chiếc chuông đồ chơi mà là được chơi với những ngón tay của mình, (chính những ngón tay nắm được vật này khiến bé hứng

thú, cũng khiến bé cảm thấy vui vẻ, khi quan sát những gì ngón tay đã làm). Khác với thời kỳ trước, bé đã phải dịch chuyển mắt rất khó khăn mới có thể nhìn thấy đôi tay của mình. Hiện nay, bé đã có thể "nghiên cứu" tác dụng của đôi tay. Mẹ của bé tỏ ra rất hiểu biết về lĩnh vực này, cô đã kiểm chế bản thân, không chạy lại thu lấy chiếc chuông, mà còn chơi với bé. Như vậy, lí giải được trò chơi mà trẻ lặp lại có ích rất lớn đối với sự phát triển của chúng.

Ví dụ này đã cho chúng ta thấy nhu cầu đơn giản của trẻ trong thời kì sinh mệnh đầu tiên. Nếu người lớn không thấy được sự hiểu kì của trẻ sơ sinh đối với đôi tay thì có lẽ đôi tay của trẻ đã bị đeo bao tay, điều này sẽ cản trở mong muốn được nhìn đôi tay của trẻ. Bố mẹ của bé gái nói trên cũng có thể dứt khoát không cho bé chơi chiếc chuông đó nữa bởi vì thấy bé cứ vút nó xuống đất, vậy thì chúng ta sẽ không thể quan sát thấy tất cả những diễn biến ở trên. Và phương thức tốt nhất, tự nhiên nhất giúp trẻ phát triển trí năng này có thể bị áp chế. Đứa trẻ vốn đang hưởng thụ niềm vui khi phát hiện sự vật mới có thể sẽ quấy khóc do trò chơi của nó bị ngăn cản. Lúc này, bố mẹ có thể sẽ cho rằng trẻ khóc thật chẳng ra sao, một bức tường cao chứa đầy sự hiểu lầm được xây dựng giữa linh hồn người lớn và trẻ nhỏ ngay từ giai đoạn trẻ sơ sinh.

Có lẽ có người hoài nghi, liệu có thật sự tồn tại một sinh mệnh bên trong cơ thể trẻ sơ sinh nhỏ bé như vậy không? Nếu những người này muốn hiểu rõ nhu cầu của trẻ, muốn nhận thức được tầm quan trọng của những nhu cầu này đối với sự phát triển sinh mệnh của trẻ, thì họ cần phải tìm cách hiểu rõ ngôn ngữ đặc thù của tâm hồn bé bỏng, tôn trọng tự do phát triển của trẻ (bao gồm cả việc giúp trẻ bồi dưỡng những năng lực này).

Ví dụ: Một ngày, bé trai 1 tuổi đang ngắm vài bức vẽ mà người mẹ đã vẽ từ trước khi bé sinh. Bé đặc biệt thích những bức vẽ có hình trẻ nhỏ, hơn nữa còn thơm đứa trẻ trên bức vẽ. Bé cũng có thể phân biệt rõ những bức vẽ có hoa và gí sát mũi vào mặt bức vẽ, như là ngửi hương hoa. Phản ứng khác nhau khi nhìn thấy đứa trẻ và hoa, cho thấy bé có sự lí giải khác nhau về trẻ con và hoa. Người quan sát thấy bé có những động tác như vậy, cảm thấy bé thật đáng yêu, rồi cầm đồ vật khác lên mô phỏng cử chỉ vừa thơm vừa ngửi của bé. Trong mắt những người này, phản ứng bé nhìn thấy trẻ con và hoa dường như là một chuyện nực cười, không hề có ý nghĩa hành vi. Họ lấy bút sáp cho bé ngửi, lấy gối cho bé thơm. Khuôn mặt vốn đầy sắc thái trí tuệ của bé bỗng chốc trở nên mù mị. Trước đó, bé còn có thể vui mừng phân biệt rõ những thứ trên bức vẽ,

sự hình thành năng lực phân biệt này là mốc đánh dấu quan trọng cho sự phát triển trí lực của trẻ. Song, khi đối mặt với sự khiêu khích và quấy rối của người lớn, trẻ đã không thể chống đỡ nổi. Cuối cùng, bé trai này đến trắng đen cũng không phân biệt nổi, thứ nào cũng ngửi ngửi thơm thơm, người khác cười, bé cũng cười theo, con đường phát triển độc lập của bé do vậy mà bị kìm hãm.

Liệu chúng ta có giống những người đã cười giễu bé trai này không? Người lớn đã ức chế phản ứng hành vi tự nhiên của trẻ, còn khiến trẻ không biết thế nào là tốt. Vậy mà khi trẻ rơi lệ vì không nhận được sự giúp đỡ, người lớn lại không hiểu vì sao đứa trẻ này lại khóc một cách vô cớ. Chúng ta chưa từng quan tâm tới việc vì sao trẻ khóc, cũng như chưa từng chú ý tới việc trẻ sung sướng thế nào khi tinh thần được thỏa mãn. Tình hình này xảy ra ngay từ cảm giác đầu tiên của sinh mệnh trẻ sơ sinh và ngay từ khi chuẩn bị tiếp nhận mối quan hệ đối nhân xử thế. Cuộc chiến giằng co tình cảm giữa người lớn và trẻ nhỏ cũng chính thức bắt đầu từ lúc này.

Nếu chúng ta đặt trẻ sơ sinh vào trong nôi, nhẹ nhàng đưa đưa nôi thì trẻ sẽ ngủ. Chúng ta không nên ghét bỏ tâm hồn bé bỏng đang quấy khóc cầu xin sự giúp đỡ đó. Nhưng nếu tinh thần trẻ sung mãn, chúng ta lập tức biết được trẻ không cần ngủ nhiều. Đôi mắt sáng, đầy vẻ trí tuệ của trẻ cho thấy rõ tinh thần muốn được giao lưu cùng người khác. Nếu trẻ cần giúp đỡ thì sẽ hướng ánh mắt tới bất kì ai muốn giúp trẻ. Con người thường nói, trẻ nhỏ thích bầu sữa căng của người mẹ hơn cả bản thân người mẹ. Câu nói này dường như mang nghĩa trẻ có tình cảm tốt đẹp với những ai cho chúng đồ chơi tốt. Thực tế, cách nói này không công bằng, nên nói rằng ngay từ khi mới sinh, trẻ tỏ rõ sự gần gũi thân thiết với những ai giúp chúng phát triển tinh thần.

Chúng ta đều biết trẻ thích làm bạn với người lớn, hơn nữa tìm mọi cách trở thành một bộ phận trong cuộc sống của người lớn. Mặc dù chỉ là ngồi ăn cơm hoặc sưởi ấm bên bếp lò cùng người lớn thì trẻ cũng cảm thấy thỏa mãn vô cùng. Những lời nói chuyện giữa người lớn với nhau là âm thanh tự nhiên vui tai nhất đối với trẻ, đây cũng là biện pháp học ngôn ngữ mà giới tự nhiên ban tặng cho loài người.

Nguyên tắc thứ 2 là, bằng mọi khả năng, chúng ta ủng hộ mong muốn hoạt động của trẻ, bồi dưỡng cá tính tự lập của trẻ, không để trẻ hình thành thói quen ỷ lại.

Chúng ta đều có thể nghe thấy tiếng nói đầu tiên và nhìn thấy bước đi đầu tiên của trẻ, hơn nữa đây dường như là mốc đánh dấu có ý nghĩa

tượng trưng trên con đường phát triển của trẻ, cũng là chứng cứ đầu tiên cho thấy sự tiến bộ của chúng. Tiếng nói đầu tiên đã mở ra chức năng ngôn ngữ, bước đi đầu tiên lại chứng minh năng lực đi của trẻ. Bởi vậy, hai phương diện này đều là mang ý nghĩa quan trọng đối với một gia đình, khi xảy ra những sự kiện này, bà mẹ thông minh sẽ ghi chúng vào nhật kí.

Biết đi và nói được không dễ dàng gì. Trẻ phải nỗ lực không ngừng mới có thể khiến đôi chân nhỏ bé đứng lên được, mới khiến cơ thể giữ được thăng bằng. Đến ngay cả tiếng nói đầu tiên phát ra cũng là phương thức biểu đạt tương đối phức tạp. Biết nói và đi đương nhiên không phải là hai việc trẻ học sớm nhất, chẳng qua chúng chỉ là hai giai đoạn phát triển rõ ràng nhất của trẻ mà thôi. Trước đó, trí năng và cảm giác cân bằng của trẻ sớm đã phát triển tới mức độ nhất định, đây cũng là con đường trẻ phải trải qua trước khi biết nói và đi, đáng để chúng ta chú ý.

Đúng là, trẻ sẽ phát triển tự nhiên, song chỉ với điều kiện trẻ được luyện tập đầy đủ. Nếu trẻ thiếu cơ hội rèn luyện trong quá trình phát triển thì sự phát triển trí năng của trẻ sẽ ở vào mức độ tương đối thấp. Tôi cho rằng, tình trạng phát triển ở những đứa trẻ nhận được sự giúp đỡ và hướng dẫn ngay từ thời kì trẻ sơ sinh, sẽ tốt hơn rất nhiều so với những đứa trẻ khác.

Những bà mẹ không quan tâm tới con mình sẽ thô lỗ nhét cơm vào miệng trẻ hết thìa này đến thìa khác, ngay sau khi trẻ cai sữa. Khi trẻ ăn cơm, nếu chúng ta có thể ngồi cùng bàn ăn với trẻ, ăn từ từ, thì chúng ta sẽ rất vui mừng phát hiện thấy trẻ tự mình đút thìa cơm vào miệng.

Trẻ biết tự mình xúc cơm là công lao to lớn của người mẹ, bởi vì, ở giai đoạn này, người mẹ đã dành cho trẻ tình yêu và sự nhẫn nại vô cùng. Người mẹ phải đồng thời nuôi nấng cả cơ thể lẫn tinh thần của trẻ, hơn nữa nhu cầu tinh thần của trẻ còn quan trọng hơn cả nhu cầu cơ thể. Một số quan niệm nuôi dưỡng, như chú ý vệ sinh sạch sẽ, đương nhiên cũng rất quan trọng, song so với nuôi dưỡng về tinh thần, giữ vệ sinh sạch sẽ chỉ là hạng mục thứ yếu. Trẻ mới tự xúc cơm, còn chưa biết cách cầm thìa, cầm đũa, chắc chắn sẽ rơi vãi lung tung. Lúc này, người mẹ không nhất thiết phải tuân thủ nguyên tắc sạch sẽ, mà hãy để trẻ thỏa mãn với việc được sử dụng đôi tay. Thực tế, cùng với sự phát triển liên tục của sinh lý và tinh thần, động tác của trẻ cũng sẽ trở nên nhuần nhuyễn, trẻ sẽ không còn làm rơi vãi lung tung nữa. Có thể giữ sạch sẽ khi ăn uống, điều này cho thấy, trẻ đã có tiến bộ mang tính thực chất

trên phương diện phát triển tinh thần. Đây cũng là một tin mừng về mặt phát triển tinh thần của trẻ.

Từ một đứa trẻ có thể duy trì nhiều lần hành vi như vậy, chúng ta có thể thấy rõ ý chí của trẻ như thế nào. Trước khi trẻ biết nói, thậm chí trước khi biết đi - khoảng gần 1 tuổi - hành vi hoặc động tác của trẻ dường như đã được dẫn dắt bởi một âm thanh trong lòng. Đột nhiên chúng muốn thử xúc ăn bằng thìa, nhưng lúc này, chúng vẫn chưa thể đưa thức ăn vào miệng. Dù bụng đói vô cùng, song chúng vẫn không cần người khác giúp đỡ. Chỉ tới khi nhu cầu sử dụng tay được thỏa mãn, thì chúng mới đồng ý cho mẹ xúc. Có lẽ trẻ sẽ làm quần áo mình lấm lem, song khuôn mặt chúng lại tràn đầy sắc thái vui vẻ, thông minh. Lúc này mong muốn sử dụng tay đã được thỏa mãn, trẻ sẽ vui vẻ ăn bất kì thức ăn nào. Trẻ được giáo dục bằng phương pháp này, khoảng 1 tuổi có thể biết cách sử dụng tay, tự ăn mọi thứ, khiến người lớn phải ngạc nhiên. Mặc dù lúc này trẻ chưa biết nói, song trẻ đã có thể hiểu người khác nói gì và sẽ có những hành động đáp lại.

Một số động tác của trẻ có thể khiến người ta cảm nhận được trí tuệ đã khai hóa. Chúng ta nói: "Đi rửa tay đi!", trẻ lập tức sẽ đi rửa tay. Khi chúng ta bảo trẻ nhặt đồ vật dưới đất lên hoặc lau sạch sẽ vết bẩn thì trẻ sẽ làm theo, và làm rất nghiêm túc.

Một lần, tôi dẫn một bé trai gần 1 tuổi về vùng nông thôn chơi. Vì bé mới biết đi, bởi vậy khi chúng tôi bước trên một con đường rải đá, tôi chợt nghĩ phải nắm chặt tay bé. Song tôi đã ép mình xua tan ý nghĩ này trong đầu, tôi dùng biện pháp nhắc nhở bảo với bé: "Đi sang bên kia!", "Cẩn thận ở đây có đá!", "Chỗ này cẩn thận nhé!". Bé trai này nghiêm túc lắng nghe những lời nhắc nhở của tôi, bước từng bước rất cẩn thận. Bé không những không ngã, trái lại còn bước rất chắc chắn. Tôi nói một câu, bé bước một bước, tôi nói nhẹ nhàng, bé chăm chú lắng nghe. Bé tỏ ra rất hứng thú khi được thi hành những mệnh lệnh của tôi. Giáo dục trẻ bằng cách này là nhiệm vụ mà mỗi bà mẹ cần nghiêm túc thực hiện tới cùng.

Nếu chúng ta chỉ cho trẻ một số thứ không có ích lợi đối với sự phát triển của trẻ thì sẽ không thực sự giúp ích gì cho chúng. Duy nhất chỉ có phối hợp nhu cầu phát triển tinh thần của trẻ mới có thể giúp trẻ một cách tốt đa. Ngoài ra, hiểu rõ thiên tính và tôn trọng hoạt động bản năng của trẻ cũng là hai việc làm có ý nghĩa giáo dục trẻ.

Nguyên tắc thứ 3 là, lúc nào chúng ta cũng phải "cảnh giác" cách đối xử với trẻ.

Bởi vì tình cảm của trẻ - đặc biệt là những cảm xúc ảnh hưởng từ bên ngoài thường mẫn cảm, tinh tế hơn những gì chúng ta tưởng tượng.

Giả dụ chúng ta đã thiếu kinh nghiệm lại không có lòng yêu thương, không chịu tìm hiểu những tình cảm tinh tế mà trẻ biểu hiện trong cuộc sống; Hay chúng ta không biết phải tôn trọng trẻ thế nào. Chỉ khi trẻ có những biểu hiện kịch liệt nhất chúng ta mới quan sát thấy, lúc này chúng ta có giúp đỡ trẻ thì cũng đã quá muộn rồi. Sở dĩ, trẻ những có hành vi quá khích như vậy là vì chúng ta đã coi nhẹ một số nhu cầu nào đó của trẻ. Nếu chúng ta vội vàng chạy lại dỗ dành trẻ thì dường như đã làm đảo lộn trật tự của sự việc.

Vậy mà, một số ông bố bà mẹ vẫn kiên trì một nguyên tắc giáo dục trẻ khác. Bằng kinh nghiệm của mình họ thấy rằng, sau khi trẻ kêu khóc một trận sẽ tự động "ngoan ngoãn" trở lại, bởi vậy nước mắt của trẻ không khiến họ mủi lòng, họ cũng sẽ không lại dỗ trẻ. Họ cho rằng nếu trẻ khóc, chạy lại dỗ trẻ thì không những làm hư trẻ, mà còn khiến chúng tạo dựng thói quen xấu "dùng nước mắt gây sự chú ý của người lớn" và bố mẹ có thể sẽ trở thành nô lệ của những đứa trẻ "chiều quá sinh hư" này.

Tôi buộc phải đưa ra một câu trả lời cho quan điểm này, những giọt nước mắt quấy khóc xem ra vô lí của trẻ kì thực lại chính là biểu hiện bất an trong lòng (do từ nhỏ trẻ đã quen được chiều chuộng). Vì cấu trúc bên trong, trẻ cần được nghỉ ngơi đủ, càng cần có một môi trường hòa bình ấm áp, để cảm thấy an tâm. Nhưng, người lớn lại tiếp tục can thiệp vào cuộc sống của trẻ một cách thô lỗ. Ví dụ, chúng ta để trẻ quá đói hoặc quá no, trẻ sẽ kêu khóc do tiêu hóa kém.

Chúng ta nên thử để trẻ tự lau nước mắt và cố gắng dỗ dành trẻ. Tuy nhiên, chúng ta lại thường coi nhẹ nhu cầu thực sự của trẻ, mặc dù khó có thể hiểu rõ nguyên nhân khiến trẻ quấy khóc, song nó lại có thể giải đáp mọi vấn đề.

Helen là một bé gái gần 1 tuổi, với giọng Tây Ban Nha, bé thường nói từ "Pupa" (không sợ) để biểu đạt ý nghĩa "Bad" (tồi) và phải có nguyên nhân gì đó mới kêu khóc. Helen rất hiếu kì với mọi vật xung quanh. Theo sự quan sát của chúng tôi, mỗi khi trải qua một chuyện gì đó không vui vẻ như va phải đồ vật nào đó, cảm thấy lạnh, vấp phải hòn đá hoặc tay sờ vào vật thô ráp, Helen đều sẽ nói "Pupa" (không sợ). Khi bé đưa tay ra chỉ cho mọi người thấy ngón tay của mình bị đau thì mọi người đều nói vài câu an ủi bé, hoặc thơm nhẹ lên ngón tay bị đau của

bé. Helen rất chú ý tới sự quan tâm của mọi người đối với mình lúc đó, sau đó sẽ nói: "Pupa" (không sợ), dường như bảo với mọi người rằng: "Con cảm thấy tốt lên rồi, không cần phải an ủi con nữa". Chính nhờ vậy, Helen không chỉ có thể biểu đạt những cảm nhận của mình, mà còn hiểu được tình yêu thương mà mọi người dành cho mình. Bé tuyệt đối không là đứa trẻ "chiều quá sinh hư", bởi lẽ ai cũng dành cho bé tình yêu thương vô bờ bến hoặc sự an ủi thật lòng. Bằng việc quan tâm tới cảm nhận của trẻ nhỏ, chúng ta không chỉ khiến trẻ thấy rõ mối quan hệ giữa người với người, mà còn giúp cho năng lực giao tiếp xã hội của trẻ phát triển. Đồng nghĩa với việc giúp trẻ thu được những kinh nghiệm đầu tiên trong giao tiếp xã hội, cảm xúc nhạy bén, miễn cảm mà trời phú cho trẻ vì vậy cũng phát triển thuận lợi. Mỗi khi trẻ bảo với chúng ta chuyện gì đó khiến trẻ không vui, chúng ta tuyệt đối không được nói: "Không sao cả, đừng để ý đến nó nữa". Chúng ta nên lí giải cảm giác không vui của trẻ và nhẹ nhàng an ủi vỗ về trẻ, song cũng hết sức tránh thối phồng những điều không vui mà trẻ gặp phải.

Trẻ cảm thấy không vui, chắc chắn trong lòng có chuyện buồn, nếu lúc này người lớn giúp trẻ tạo dựng niềm tin thì rất dễ tạo nên sự cộng hưởng về mặt tâm tư của trẻ, không những có thể khích lệ trẻ đối mặt với tâm tư không tốt, mà còn có thể dẫn dắt trẻ giải tỏa nỗi lòng mình. Chúng ta tuyệt đối không được phủ định cảm giác lúc này của trẻ, cũng không được xem thường tâm tư của trẻ. Tốt nhất là không nên nói quá nhiều về tâm tư hoặc lên lớp quá nhiều về vấn đề cảm giác của trẻ. Một câu nói ấm áp, chứa đầy tình yêu thương là sự an ủi cần thiết duy nhất đối với trẻ. Sau khi được an ủi và quan tâm kịp thời, trẻ có thể tiếp tục quan sát sự vật xung quanh, tự do thử nghiệm cuộc sống mà không chịu bất kì ảnh hưởng nào. Nhờ vậy, sự phát triển cơ thể của trẻ cũng sẽ có những tiến triển tốt đẹp.

Helen không phải là một đứa trẻ "hơi tí là khóc". Nếu xảy ra chuyện gì đó không tốt với mình, bé sẽ nói đi nói lại từ "Pupa", sau đó chờ đợi có người lại an ủi mình. Một lần Helen bị ốm, bé vẫn nói với mẹ "Pupa", dường như là đang an ủi mình. So với những đứa trẻ cùng tuổi khác, khả năng chịu đau của bé đã khiến mọi người phải ngạc nhiên. Bé không những biết cách điều chỉnh tâm tư và cảm giác của mình, mà còn biết vứt bỏ tâm tư mệt mỏi, khổ não giống người lớn.

Nhìn thấy người khác đau khổ, trẻ thường cũng sẽ khóc theo. Helen và Lawrence là hai đứa trẻ như vậy, tâm tư của chúng rất miễn cảm. Ví dụ, nếu có người giả vờ đánh người hộ lý hoặc người bố giả bộ muốn đánh một người bạn của chúng thì Helen và Lawrence sẽ khóc toáng lên.

Nếu có người tâm tư không vui hoặc khóc vì một chuyện gì đó thì Helen lập tức chạy tới bên người này thơm nhẹ họ, sau đó nói với giọng điệu tự tin: "Pupa" để biểu đạt "đừng sợ, tất cả rồi sẽ tốt đẹp, chúng ta không nhắc lại chuyện này nữa!". Mặc dù Helen còn chưa nói được nhiều, song giọng nói của bé đã kiên cường và chính xác. Nếu là Lawrence, bé còn có những biểu hiện "tích cực" hơn. Khi cha của Lawrence làm sai việc gì, cậu bé sẽ gắng sức trách móc bố đã sai. Nếu người bố có cử chỉ thô lỗ, nhất định bé sẽ khóc, bé sẽ ngẩng đầu đứng trước mặt bố, nhìn bố với vẻ mặt vô cùng nghiêm túc, sau đó hét lên với giọng trách cứ: "Bố! Không", ý của bé là: "Bố không được đối xử với con như vậy!".

Một ngày, Lawrence đang nằm trên giường và rất buồn ngủ, bố bé đang nói chuyện lớn tiếng với người khác ở phòng bên, Lawrence nhảy từ trên giường xuống, hét to: "Bố ơi! Nói nhỏ một chút!". Nghe thấy lời nhắc nhở này, người bố lập tức nói rất nhỏ, tâm tư của Lawrence đã được thỏa mãn và bé tiếp tục chìm vào giấc mơ đẹp của mình.

Tôi còn nhớ khi Helen khoảng 3 tuổi, đã từng có chuyện xảy ra. Cô của Helen cầm một số giáo cụ trong "Ngôi nhà của trẻ"- những khối mẫu đưa cho bé xem. Do không cẩn thận, cô của Helen đã làm rơi vỡ một khối mẫu, nhân cơ hội này, cô đã giáo dục Helen: "Cháu xem, chúng ta nhất định cần phải cẩn thận!". Helen nói tiếp theo người cô: "Không được để nó rơi xuống đất!". Trẻ nhỏ chính là vậy, có gì nói vậy, chúng cũng sẽ phê bình, trách cứ những sai sót của người lớn, chỉ khi người lớn nói rằng vì sao phải làm vậy, cảm giác chính nghĩa của trẻ mới được cân bằng.

Chúng ta không nhất thiết phải tỏ rõ mình là người hoàn mĩ trước mặt trẻ, không nên kì vọng mọi chuyện đều trở nên mỹ mãn; Ngược lại, chúng ta có lí do xem xét kĩ khuyết điểm của bản thân, khiêm tốn tiếp nhận lời phê bình công tâm của trẻ. Có như vậy, khi chúng ta làm sai việc gì trước mặt trẻ, trẻ sẽ dễ dàng tha thứ cho người lớn.

Một hôm, cô của Helen nói với bé: "Cháu yêu à, sáng sớm hôm nay cô hơi lớn tiếng với cháu. Do tâm tư cô không tốt nên đã trút giận lên cháu". Helen ôm lấy cô nói: "Cô à, cô biết không? Cháu rất yêu, rất yêu cô!".

Không nên coi việc xây dựng một hình ảnh hoàn mĩ trước mặt trẻ là trách nhiệm của chúng ta. Trong mắt trẻ, lúc nào chúng ta cũng sẽ có một số khuyết điểm nhỏ. Trẻ còn nhìn thấy rõ khuyết điểm hơn cả chúng ta, hơn nữa còn có thể giúp chúng ta nhận ra khuyết điểm và sửa chữa nó.

Hãy luôn luôn chú ý tới những biểu hiện tinh thần của trẻ để trẻ được tự do, như vậy, chúng mới có thể hiểu rõ nhu cầu của mình, từ đó tìm ra mọi nhu cầu bên ngoài có lợi cho sự phát triển của chúng. Đây chính là tiền đề lớn thúc đẩy trẻ tự do, phát triển hài hòa và tràn đầy sức sống.

GIÁO VIÊN CẦN CHUẨN BỊ NHỮNG GÌ?

Nếu muốn làm giáo viên của Trường Maria Montessori, nhất thiết cần chuẩn bị tốt về mặt tâm lý và luôn luôn phải ghi nhớ chuyện này: Ở các trường học khác, giáo viên lúc nào cũng phải chú ý tới hành vi của học sinh, luôn luôn chăm sóc chúng, giáo dục chúng; Nhưng ở Trường Maria Montessori, nhiệm vụ chính của giáo viên là gọi học sinh chạy sang các lớp khác quay trở lại lớp mình, đây là sự khác biệt lớn nhất giữa giáo viên Trường Maria Montessori với các giáo viên trường khác. Những giáo viên mới tới làm việc ở Montessori cần phải nhớ rằng: Trẻ phát triển là nhờ làm việc. Nhất thiết phải vứt bỏ những quan điểm cũ tự cho là đúng, bao gồm quan niệm "mức độ phát triển ở trẻ có sự khác biệt"; Điều giáo viên cần quan tâm là sự phát triển bình thường của trẻ, mà không phải là khiếm khuyết nào đó của trẻ; Anh ta cần phải tin rằng, chỉ cần trẻ có hứng thú làm việc, tự khắc thiên tính tốt đẹp cũng sẽ được phát huy; Dù tình hình có thế nào trong mắt trẻ thì sẽ có một ngày nó sẽ tập trung chú ý vào việc đã làm. Do vậy, giáo viên nhất thiết phải dốc toàn bộ sức lực, thay đổi biện pháp làm việc của mình, thỏa mãn nhu cầu của trẻ ở các giai đoạn khác nhau. Tóm lại, anh ta cần xử lý tốt 3 phương diện sau:

Trong giai đoạn đầu tiên, giáo viên nên là nhà quản lý môi trường, luôn luôn chú ý tới tình trạng môi trường, mà không nên bị bọn trẻ làm cho mệt mỏi, để giúp chúng bước đúng quỹ đạo phát triển. Trong gia đình chúng ta, để hấp dẫn được chồng, các bà vợ thường tìm mọi cách sắp xếp nhà cửa gọn gàng sạch sẽ. Họ hấp dẫn những ông chồng làm việc vắng nhà không phải bằng việc dốc toàn bộ sức lực chăm sóc cơ thể chồng, mà là dành nhiều thời gian làm đẹp môi trường gia đình, biến gia đình trở thành một nơi ấm áp, thoải mái, tràn đầy niềm vui. Có lẽ họ quá cầu kì, song một gia đình muốn có sức hấp dẫn, tối thiểu nên sạch sẽ, tinh tươm, đồ đạc trong phòng bày biện gọn gàng, ngăn nắp. Trường học cũng như vậy, phòng học phải sạch sẽ, gọn gàng, mọi đồ vật được bày biện ngăn nắp, và đặt vào vị trí thuận lợi để trẻ có thể sử dụng; Đồng thời, giáo viên cũng nên ăn mặc gọn gàng, thân thái hài hòa, có

chút uy nghiêm để hấp dẫn và khiến trẻ vui vẻ tiếp nhận sự giúp đỡ của giáo viên. Đương nhiên, tính tình mỗi giáo viên mỗi khác, song phải nhớ rằng, hình tượng giáo viên vô cùng quan trọng, điều này liên quan tới việc liệu họ có được trẻ tôn trọng hay không. Người giáo viên nhất thiết phải chú ý tới hành vi cử chỉ của mình, cố gắng thể hiện rõ phong độ của mình giống như một thân sĩ. Trẻ nhỏ thường xem mẹ mình là tiêu chuẩn thẩm mĩ của chúng, khi chúng nhìn thấy một người phụ nữ đẹp, thường sẽ nói: "Cô ấy đẹp quá! Thật giống mẹ mình!". Có thể, mẹ của đứa trẻ này không đẹp chút nào, song trong mắt trẻ, cô ta rất xinh, hơn nữa cho rằng người xinh đẹp đều giống mẹ mình. Người mẹ là nhân vật quan trọng trong môi trường sống của trẻ, giống như vậy, giáo viên cũng là bộ phận quan trọng trong môi trường học tập của trẻ. Bởi vậy, giáo viên nên chú ý tới hình tượng của mình.

Môi trường ảnh hưởng gián tiếp tới trẻ, song nếu môi trường không thích hợp sẽ ảnh hưởng tới sự phát triển cơ thể, trí lực và tâm lý của trẻ. Như phần trước đã nói, giáo viên chỉ đóng vai trò trợ giúp và tạo một môi trường thích hợp cho sự phát triển của trẻ. Bởi vậy, nhiệm vụ quan trọng của giáo viên trong giai đoạn này là chú ý tới môi trường.

Tới giai đoạn thứ 2, vấn đề môi trường đã được giải quyết, tự khắc chúng ta sẽ hỏi: "Đối mặt với những đứa trẻ chưa hoàn thiện về tâm lý này, giáo viên nên làm thế nào? Làm thế nào mới có thể hấp dẫn được chúng, mới khiến chúng chuyên tâm làm việc?". Câu trả lời của tôi là "dụ dỗ" (tuy nhiên mong rằng từ này không bị hiểu sai). "Dụ dỗ" ở đây chính là dẫn dắt, thu hút trẻ hướng vào mục tiêu của chúng tôi. Giả dụ giáo viên không chú ý tới môi trường, dụng cụ học tập nào cũng lấm lem bụi bẩn, đồ chơi không thiếu bộ phận này thì thiếu bộ phận kia, hơn nữa dễ lung tung; Không chú ý tới lễ phép, lời thô, tùy tiện, vậy thì mục đích giáo dục cuối cùng không thể thực hiện. Trước khi trẻ có thể tự ý thức, cũng như trước khi trẻ có thể tập trung sự chú ý, giáo viên nên giống như một luồng ánh sáng ấm áp chiếu lên tâm hồn non nớt của trẻ. Chúng ta không cần phải lo lắng giáo viên sẽ gây ảnh hưởng tới sự phát triển tâm lý của trẻ nhỏ, bởi vì ở giai đoạn này, sự phát triển tâm lý của trẻ còn chưa bắt đầu. Việc cần thiết lúc này là dẫn dắt trẻ.

Có một câu chuyện thế này, một tín đồ cơ đốc nhìn thấy rất nhiều trẻ lang thang trên phố, ông dự định tập hợp chúng lại nhưng những đứa trẻ này lại không nghe lời kêu gọi, thế là tín đồ cơ đốc này đã tìm mọi cách hấp dẫn chúng, cuối cùng đã tập trung được chúng.

Các giáo viên cũng nên học tập tín đồ cơ đốc ấy, hấp dẫn trẻ bằng mọi cách (ví dụ kể chuyện, bày trò chơi, hát,...). Nếu giáo viên có thể hấp dẫn trẻ chơi trò chơi thì có thể khiến chúng "ngoan ngoãn" (dù những trò chơi này không có ý nghĩa giáo dục lớn lắm). Ai cũng hiểu rằng, giáo viên hoạt bát sẽ hấp dẫn hơn những giáo viên cứng nhắc. Chỉ cần nỗ lực, mọi giáo viên đều có thể trở thành người tràn đầy sức sống, có thể vui vẻ nói rằng: "Nào các em, hãy lại đây, chúng ta cùng vận chuyển những thứ này", có thể chơi cùng bọn trẻ, khích lệ chúng, biểu dương chúng, hoặc nói với chúng rằng: "Thùng nước này bẩn rồi, chúng ta lấy bàn chải cọ sạch nó nhé", hoặc "Chúng ta ra bãi cỏ đằng kia hái hoa đi". Những hành vi như vậy đều có thể khích lệ trẻ hành động.

Trong giai đoạn thứ 2, giáo viên nên làm những việc như vậy. Có trẻ thường rất nghịch phá ở giai đoạn này, chúng thường gây sự với những đứa khác, lúc này giáo viên nhất thiết phải can thiệp. Dù tôi nhiều lần nhấn mạnh, khi trẻ đang chuyên tâm làm việc của mình thì không nên quấy rầy chúng. Như vậy, sẽ cản trở sự phát triển bình thường của chúng. Song trong trường hợp này hoàn toàn ngược lại, chúng ta cần ngăn chặn hành vi của những đứa trẻ này, nếu không, sẽ có rất nhiều đứa trẻ khác bị chúng quấy rối. Đương nhiên, can thiệp cũng cần phải lựa chọn biện pháp hợp lý. Theo kinh nghiệm của tôi, biện pháp có hiệu quả nhất là quan tâm chú ý tới những đứa trẻ có biểu hiện cực đoan này hoặc thu hút sự chú ý của chúng bằng ngôn ngữ mang tính "dụ dỗ". Ví dụ, có thể nói với trẻ: "Sao vậy, John? Lại đây, cô có thứ này cho cháu chơi này". Nếu trẻ vẫn không biến chuyển, có thể nói tiếp: "Chúng ta lại vườn hoa được không?". Sau đó, cô giáo sẽ dắt trẻ tới vườn hoa hoặc giao cho người khác trông giúp, như vậy những đứa trẻ khác sẽ không bị nó quấy rầy.

Trong giai đoạn thứ 3, trẻ bắt đầu có hứng thú với một số thứ, đặc biệt là những thứ có liên quan tới cuộc sống của chúng. Kinh nghiệm cho thấy, trước khi trẻ có thể tập trung sức lực, không nên cho trẻ những thứ có liên quan tới văn hóa. Khi trẻ đã có năng lực tập trung chú ý thì những đồ vật này lại rất có ích với chúng. Đương nhiên, điều này không phải là tuyệt đối, mà cần nhìn vào kinh nghiệm sống thực tế của trẻ. Song, có một điểm thực sự quan trọng, chính là khi trẻ có hứng thú với một đồ vật nào đó, nhất định không nên làm phiền trẻ. Bởi sự xuất hiện hứng thú này cho thấy năng lực bên trong trẻ bắt đầu phát triển. Hứng thú này sẽ khiến trẻ tiếp xúc với nhiều đồ vật, từ đó học được một số phương thức hành vi mới. Đương nhiên, năng lực này do môi trường hình thành nên rất yếu ớt, chỉ cần sự can thiệp nhỏ cũng sẽ gây ảnh hưởng xấu.

Giống như một chiếc bong bóng xà phòng đầy màu sắc sẽ bị phá vỡ trước bất kì sự can thiệp nào (dù là rất nhỏ).

Do vậy, trong thời kì này, giáo viên cần thận trọng, không nên quấy rầy trẻ, dù là quan tâm hay tán thưởng cũng không nên. Đây chính là lỗi mà giáo viên thường phạm phải. Khi trẻ chuyên tâm làm việc, giáo viên tới rồi nói: "Giỏi quá". Chỉ câu nói này cũng khiến trẻ mất đi hứng thú, bởi lẽ tâm lý trẻ lúc này rất non nớt, dễ bị ảnh hưởng. Bình thường, trẻ có thể hứng thú với một đồ vật nào đó trong khoảng 2 tuần, nếu giáo viên không hiểu chạy lại giúp trẻ vì thấy trẻ thao tác khó khăn, rất có thể trẻ sẽ vùng vằng bỏ đi, chẳng thêm làm việc này nữa. Hứng thú của trẻ không chỉ ở chỗ được thao tác bằng tay, mà còn ở chỗ có được niềm vui từ sự phán đoán suy xét. Nếu giáo viên lại can thiệp, trẻ sẽ mất đi sự tập trung, cũng sẽ "cụt hứng" với việc này. Chúng tôi thường bắt gặp tình huống thế này: Một đứa trẻ gắng sức dịch chuyển một đồ vật rất nặng, khi giáo viên lại giúp, trẻ sẽ bỏ đi. Chúng tôi nói giáo viên nên cẩn thận, bởi lẽ, giúp đỡ, biểu dương thậm chí chỉ một cái liếc mắt cũng có thể quấy rầy trẻ. Có lẽ, nhiều người cảm thấy câu nói này là phi lí, nhưng sự thực lại như vậy. Rất đơn giản, chỉ cần có người đứng bên cạnh nhìn chúng ta thì chúng ta cũng rất khó tập trung làm việc và trẻ cũng như vậy.

Giáo viên ưu tú đều biết rằng: Chỉ cần trẻ tập trung chú ý vào công việc của mình thì nên coi như trẻ không tồn tại. Đương nhiên, giáo viên cũng sẽ không vứt bỏ trách nhiệm của mình, song cô ta sẽ không quấy rầy, mà quan sát trẻ làm việc từ mọi góc độ. Khi trẻ đã biết lựa chọn có mục đích, có thể dẫn tới một vấn đề khác: Đó là rất nhiều trẻ tranh nhau một thứ đồ chơi. Ý của tôi là, nếu không xảy ra sự cố gì đặc biệt, thì giáo viên không nên can thiệp vào, tốt nhất để bọn trẻ tự giải quyết vấn đề của chúng. Nhiệm vụ của giáo viên ở giai đoạn này là, sau khi trẻ đã quá quen thuộc với một thứ đồ chơi thì kịp thời cung cấp cho chúng một số đồ chơi mới.

Đương nhiên, kĩ xảo này lại không dễ dàng nắm bắt, đòi hỏi phải trải qua một khoảng thời gian thực tiễn, hơn nữa nên nâng nó tới cấp độ tâm lý. Nói từ góc độ tâm lý, giúp đỡ có thể mang lại một tâm lý ngạo mạn, đây là điều mà giáo viên phải luôn luôn cảnh giác. Mọi hành vi động tác của giáo viên đều không nên xuất phát từ những xúc động nhất thời, mà cần có trật tự và chừng mực. Sự giúp đỡ và ủng hộ của giáo viên đối với trẻ cần kín đáo. Như vậy, dù trẻ ý thức được việc làm của

giáo viên, cũng sẽ cho rằng đó là việc rất tự nhiên, mà không nghĩ đó là sự giúp đỡ có ý thức.

Giao lưu giữa giáo viên và trẻ xảy ra trong lĩnh vực tinh thần, tâm lý của trẻ chính là người chủ mà giáo viên cần "hầu hạ". Giáo viên giống như kẻ nô bộc dốc lòng hầu hạ vị chủ nhân. Giáo viên cần lau sạch sẽ bàn, đặt đồ vật vào đúng vị trí quy định, sau khi làm xong những việc này thì có thể rút lui. Giáo viên phải suy xét vấn đề từ góc độ tâm lý trẻ nhỏ, nếu chúng không có nhu cầu thì không cần đưa ra quyết định gì, khi chúng có "sai bảo" thì lập tức cần thỏa mãn. Giả dụ trẻ cần khen ngợi, giáo viên nên nói: "Ồ, giỏi quá!", mặc dù cô ta cảm thấy trẻ không thật sự như vậy. Tương tự, nếu trẻ đang chuyên tâm làm việc của mình, nhất định không được làm phiền chúng, nếu phát hiện thấy trẻ muốn được thừa nhận thì nên khen ngợi trẻ. Bởi vậy, chúng ta nói, quan hệ giữa giáo viên và trẻ tập trung ở lĩnh vực tâm lý, như quan hệ giữa chủ nhân và nô bộc. Công việc của giáo viên chính là phục vụ sự phát triển tâm lý của trẻ. Trong giáo dục hiện đại, quan hệ kiểu này có thể là một chuyện mới mẻ. Giáo viên không phải phục vụ cơ thể trẻ, không nhất thiết phải chăm lo tới chúng từng li từng tí, trẻ sẽ tự mình làm những việc này, chỉ cần quá trình phát triển tự nhiên của chúng không bị cản trở thì có thể độc lập về cơ thể. Tương tự, chỉ cần trẻ có thể tự do lựa chọn, không bị quấy rầy khi làm việc, thì chúng có thể độc lập về suy nghĩ và ý chí. Sự phát triển nhân cách chính là quá trình liên tục dành độc lập. Giáo viên nhất thiết phải giúp trẻ có được năng lực làm việc, phán đoán và suy nghĩ một cách độc lập.

Công việc của giáo viên là một môn nghệ thuật - nghệ thuật phục vụ tâm hồn nhân loại, và nó chỉ được hoàn thiện trong quá trình phục vụ trẻ.

Chỉ cần giáo viên có biện pháp đúng đắn, có thể thỏa mãn nhu cầu phát triển của trẻ thì phẩm chất ưu tú trong thiên tính của trẻ sẽ liên tục được bộc lộ. Đối với người lớn, đóa hoa lửa phát ra từ trong tâm hồn trẻ đáng quý, đáng mừng biết bao, giống như đoàn người đói khát đi trên sa mạc bỗng nhìn thấy ốc đảo, nghe thấy tiếng nước chảy róc rách. Phẩm chất ưu tú của loài người thường chôn giấu trong lòng trẻ nhỏ, nếu giáo viên có thể khai thác được những phẩm chất này bằng việc làm của mình thì bản thân sẽ cảm thấy vô cùng thỏa mãn và sung sướng. Những đứa trẻ này cũng sẽ trở thành thành viên ưu tú của nhân loại, lòng nhiệt tình trong chúng sẽ không bao giờ bị dập tắt, chúng làm việc

đạt hiệu quả cao, chúng biết khắc phục hết khó khăn này tới khó khăn khác, sẽ quan tâm, giúp đỡ những người đáng thương. Chúng biết tôn trọng, che chở người khác, biết xây dựng và phát triển tâm hồn đẹp đẽ.

Tuy nhiên, tất cả những điều này đều không dễ dàng có được trong chốc lát mà đòi hỏi phải có sự tiến triển dần dần. Mới đầu, giáo viên có thể nói: "Đứa trẻ này phát triển thật tuyệt, hơn cả kì vọng của mình đối với nó".

Đối với một giáo viên, biết trẻ tên gì, bố mẹ trẻ làm nghề gì lại là vấn đề không quan trọng, điều quan trọng là cần hiểu rõ những biểu hiện của chúng trong cuộc sống, quan sát những đặc trưng phát triển trên cơ thể chúng. Có như vậy, giáo viên mới có thể hiểu kĩ về trẻ. Khi thiên tính tốt đẹp của trẻ được bộc lộ ra, giáo viên sẽ càng hiểu sâu hơn nữa về tình yêu thực sự, thiên tính của trẻ có sức mạnh gây xúc động lòng người và làm thay đổi con người.

Tình yêu có hai cấp bậc. Tình yêu của chúng ta đối với trẻ thường ngày là quan tâm chăm sóc và yêu thương chúng. Trẻ khơi dậy tình yêu trong lòng chúng ta, chúng ta tặng lại cho chúng tình yêu này, bởi vì bố mẹ và trẻ có một mối liên quan về tâm hồn.

Có điều, tình yêu mà tôi nói tới lại thuộc về một cấp bậc khác, nó không phải là tình yêu về tình cảm cá nhân, hay là tình yêu về vật chất. Sự giúp đỡ của chúng ta với trẻ thực chất là một kiểu phục vụ tinh thần, nhằm mang lại tự do cho trẻ. Trong quá trình này, cấp bậc tình yêu quyết định ở trẻ, mà không phải ở giáo viên. Giáo viên sẽ cảm thấy mình liên tục được nâng cao, cho tới khi hoàn toàn hòa nhập vào thế giới trẻ thơ. Chính là nói, tình yêu của trẻ có thể thúc đẩy sự trưởng thành của giáo viên.

Trước khi đạt tới mức độ tinh thần này, giáo viên thường cho rằng nghề của mình rất cao quý, nhưng vừa tới ngày nghỉ thì tình hình hoàn toàn thay đổi. Giáo viên cũng giống như những người làm công việc khác, hi vọng tăng lương, hưởng mọi chế độ, giảm bớt thời gian làm việc, họ còn hi vọng mình có uy tín trước học sinh, là thần tượng của học sinh. Nếu có thể được bổ nhiệm làm hiệu trưởng hoặc nhân viên giám sát thì họ càng thỏa mãn. Tuy nhiên, đối với một người đã đạt mức độ cao hơn thì những điều này lại không là hạnh phúc thực sự. Rất nhiều người như vậy đã từ bỏ công việc lương cao để theo đuổi công việc giáo dục trẻ, chúng ta gọi những người này là "giáo viên mầm non".

Tôi quen khá nhiều "giáo viên mầm non" như vậy, trong đó có hai người là tiến sĩ y học ở Pari, họ đã từ bỏ nghề nghiệp của mình, quay

sang công việc dạy trẻ. Họ tiến hành nghiên cứu hiện tượng phát triển ở trẻ, và cho rằng mình đã gạt hái được thành tựu cao hơn khi theo đuổi công việc này.

Đối với những giáo viên này, tiêu chí thành công là gì? Chính là họ có thể tự hào nói: "Bọn trẻ đã biết tự mình làm việc nghiêm túc mà không để ý tới giáo viên có ở cạnh đó không".

Trước khi có những biến đổi về quan niệm, các giáo viên đã không thấy được điều này. Khi đó, họ thường cho rằng mình đã dạy trẻ kiến thức, đã nâng cao trình độ của chúng, đã giúp trẻ tiến bộ, và vì thế công lao thuộc về họ. Tuy nhiên, cùng với những nhận thức về phát triển tinh thần của trẻ, quan niệm của họ đã có biến đổi, họ đánh giá lại ý nghĩa công việc của mình, họ nói: "Cố gắng của mình ở chỗ giúp trẻ hoàn thành công việc mà chúng cần làm".

Công việc này quả thực khiến người ta cảm thấy thỏa mãn. Khi trẻ 6 tuổi, một nhân cách tràn đầy sức sống đã lộ rõ ra, lúc này giáo viên sẽ ý thức được, mình thực sự công việc vĩ đại cho loài người. Nếu không giao lưu với trẻ thì có thể giáo viên sẽ chẳng hiểu gì về cuộc sống của chúng, cũng sẽ không cảm thấy hứng thú với tương lai, không quan tâm xem chúng lên trung học, vào đại học hay bỏ học giữa chừng. Dù thế nào, khi nhìn thấy bọn trẻ có được năng lực làm việc cần thiết để qua thời kì hình thành tính cách này, những người làm nghề dạy trẻ có thể tự hào nói rằng: "Những đứa trẻ này đã hoàn thành giai đoạn phát triển đầu tiên, tôi luôn luôn theo sát chúng suốt quá trình này. Tôi đã cố gắng hết mình vì sự phát triển tinh thần của chúng".

Những giáo viên này không hề tỏ vẻ quyền uy đối với trẻ. Họ sẵn sàng làm bậc thang để trẻ bước lên, từ đó thúc đẩy sự phát triển tâm lý của trẻ, bởi lẽ họ đã ý thức được giá trị công việc hiện tại của mình. Không ít người cho rằng, giáo viên đã hi sinh bản thân mình vì sự phát triển lành mạnh của trẻ. Họ sẽ nói: "Giáo viên thật là khiêm tốn! Khi dạy trẻ, họ đã không xem mình là người có quyền uy". Một số người khác lại nói: "Không chắc là như vậy! Giả dụ bản năng tự nhiên của giáo viên bị áp chế thì liệu phương pháp giáo dục này có thành công không?". Thực tế lại không như vậy, giáo viên chẳng phải hi sinh gì, cũng như chẳng tồn tại áp chế gì trong quá trình dạy học, họ chỉ có một cảm giác thỏa mãn, thể nghiệm thấy một kiểu giá trị sinh mệnh khác. Trước đây họ không biết giá trị này, hiện nay nó đã được bộc lộ ra trong quá trình theo sát sự phát triển của trẻ.

Mọi nguyên tắc mà chúng tôi đề cập trong cách giáo dục này đều có hàm nghĩa khác nhau. Dưới đây xin được lấy ví dụ về "công bằng" để nói rõ thêm. "Công bằng" là chuẩn tắc cơ bản của xã hội hiện đại, dù đối với một trường học, một xã hội hay một quốc gia dân chủ, công bằng chính là "mọi người đều có quyền bình đẳng trước pháp luật, bất luận giàu nghèo hay địa vị xã hội thế nào". Như vậy, công bằng có mối liên quan tới pháp luật, nhà tù và tố tụng. Ở một quốc gia dân chủ, Tòa án được mọi người gọi là "nơi chính nghĩa". Có người nói: "Tôi là một công dân thành thực", nghĩa là anh ta không dính líu gì tới cơ quan pháp luật như đồn cảnh sát, tòa án. Nếu "công bằng" mang nghĩa này thì giáo viên cần chú ý khi thể hiện sự quan tâm tới học sinh. Rõ ràng, đây là một kiểu công bằng ở mức độ thấp, kiểu công bằng này đòi hỏi một sự bình đẳng không hiện thực, giống như nói, mọi người đều cao như nhau.

Công bằng mức độ cao thuộc về lĩnh vực tinh thần. Công bằng ở cấp bậc này có thể đảm bảo giúp trẻ phát triển tối đa. Có thể giúp đỡ tất cả những ai muốn được giúp đỡ, thúc đẩy tinh thần họ phát triển toàn diện. Kiểu công bằng này có nghĩa là giúp trẻ ở mọi lứa tuổi phát triển tinh thần, khiến chúng có được năng lực hình thành mức độ tinh thần này. Đây cũng là nền móng hình thành tổ chức xã hội. Kiểu công bằng này là của cải tinh thần của loài người, chúng ta không thể vứt bỏ nó, bởi lẽ giá trị của cải vật chất không bao giờ có thể sánh ngang với nó. Trong xã hội hiện đại, của cải vật chất không còn mang ý nghĩa quyết định, chỉ khi năng lực của một người phát triển toàn diện thì nguồn sống mới không thành vấn đề. Giả dụ, tinh thần của nhân loại có thể đạt tới hoàn thiện, nhân loại sẽ giàu có hơn, khoảng cách giàu nghèo cũng không còn ý nghĩa. Khả năng sáng tạo thực sự của con người không bắt nguồn từ máu thịt, mà bắt nguồn từ tinh thần, không tới từ tứ chi, mà tới từ đại não. Chỉ cần tinh thần và trí tuệ của loài người được phát triển toàn diện thì không có gì là không thể giải quyết.

Trong tình trạng không có người ngoài can thiệp, trẻ sẽ hình thành một quần thể có nề nếp trật tự mà xã hội người lớn lại không tách rời khỏi nhà tù, cảnh sát, binh lính và súng đạn. Quy luật phát triển của trẻ cho chúng ta biết tự do và kỷ luật hình thành dựa vào nhau, giống như 2 mặt của đồng xu. Bởi vì, tự do phát triển tự nhiên có thể hình thành tính kỷ luật. Đồng xu nào cũng có 2 mặt, một mặt là hình người (hoặc hình ảnh, được chế tác tinh tế, vô cùng đẹp), mặt khác lại không được trang trí gì, chỉ có chữ số và chữ cái, chúng ta có thể coi mặt này là tự do, còn mặt được chế tác công phu là kỷ luật. Trong trường học

truyền thống, khi kỷ luật của một lớp học bị đảo lộn, giáo viên sẽ cho rằng do mình gây ra, thế là tìm kiếm lỗi đã phạm và ra sức sửa chữa, đồng thời, cũng sẽ cảm thấy hổ thẹn vì mình đã không dạy dỗ trẻ tốt. Nếu sử dụng phương pháp giáo dục theo hình thức mới, giáo viên sẽ không cảm thấy hổ thẹn vì điều này.

Đồng thời với phục vụ trẻ, giáo viên cũng phục vụ cuộc sống, cùng với việc giúp trẻ phát triển tinh thần, giáo viên cũng đã nâng cao mức độ tinh thần của mình. Quy luật của cuộc sống nhân loại liên tục phát triển, trẻ chính là người góp phần xây dựng cuộc sống.

Tự nhiên có trật tự và loài người cũng cần sống trong một trật tự nào đó. Trật tự là kết quả của sự phát triển tự nhiên, khi nó xuất hiện trước mặt chúng ta, chúng ta sẽ phát hiện thấy cuộc sống sớm đã ở trạng thái trật tự. Hiển nhiên, thế giới tự nhiên ban cho trẻ rất nhiều sứ mệnh, một trong số đó là sứ mệnh kích thích chúng ta tiếp tục tiến lên. Nếu chúng ta phát triển cùng với trẻ thì sẽ được đưa tới thế giới tinh thần cao hơn, trong khi đó, nhu cầu vật chất của loài người tự khắc sẽ được giải quyết.

Trước khi kết thúc chương này, cho phép tôi được nhắc lại một câu nói, câu nói này sẽ giúp chúng ta nhớ kỹ vấn đề vừa thảo luận, nó là sự tổng kết về vấn đề này: "Thượng đế, xin hãy giúp chúng con nhận thức được bí mật của trẻ! Chỉ có dựa theo ý chỉ của người và quy luật phát triển của tự nhiên, chúng con mới có thể hiểu được trẻ, giúp đỡ trẻ".

GIÁO VIÊN VÀ KỶ LUẬT

Có một cô giáo còn thiếu kinh nghiệm, song rất nhiệt tình với nghề dạy trẻ, cho rằng thiên tính của trẻ không thiếu tính kỷ luật. Tuy nhiên, cô đã gặp một vấn đề lớn trong khi dạy học.

Cô giáo này tiếp nhận quan điểm của chúng tôi, cho rằng nên cho trẻ lựa chọn những công việc mà chúng yêu thích, và không nên can thiệp vào những hành vi tự phát của chúng. Cô cũng hiểu rằng giáo viên không thể cưỡng chế bọn trẻ làm việc theo ý mình. Doạ dẫm, khen thưởng và trừng phạt đều là những biện pháp sai lầm. Cô đồng ý rằng, giáo viên nên đứng bên cạnh trẻ, đóng vai trò là người quan sát, cho trẻ không gian phát triển, hết sức tránh để cá tính của mình ảnh hưởng nhiều tới trẻ, đồng thời cô còn chuẩn bị cho chúng rất nhiều đồ chơi. Vậy mà, những nỗ lực của cô giáo đáng kính này lại không được đền đáp, ý thức phục tùng của bọn trẻ không hề tăng, trái lại còn giảm xuống.

Lẽ nào những nguyên tắc này là sai? Không phải vậy, nguyên tắc hoàn toàn đúng. Rõ ràng, cô giáo trẻ tuổi này mới vào nghề, còn thiếu kinh nghiệm, cô đã coi nhẹ khoảng cách giữa lý thuyết và thực tế. Tình hình này xảy ra với bất cứ ai, ví dụ bác sĩ hoặc những người tiếp thu quá nhiều lý thuyết, vừa mới bắt đầu công việc thực tế, họ sẽ phát hiện thấy sự việc khó khăn hơn nhiều so với những gì đã học từ sách vở.

Chúng ta không bao giờ được quên rằng, tính kỷ luật của trẻ được hình thành sau này, nhiệm vụ của giáo dục là quá trình hướng dẫn có ý thức. Tâm lý của trẻ bị hấp dẫn bởi sự vật, tập trung chú ý vào một số sự vật nào đó, là lúc cho thấy trẻ bắt đầu có tính kỷ luật. Những sự vật này không chỉ có thể cho trẻ kinh nghiệm thực tiễn, mà còn có thể nâng cao năng lực kiểm soát sai lầm của chúng, chính vai trò của kinh nghiệm thực tiễn này đã hình thành nên một chỉnh thể tâm lý ở trẻ, chúng cũng sẽ trở nên ngoan ngoãn, vui vẻ hơn. Tính cách của trẻ phát triển, đã thể hiện rõ giá trị to lớn của tâm lý loài người, điều giáo viên có thể làm chính là chỉ cho trẻ thấy rõ con đường hướng tới hoàn thiện, giúp trẻ gạt bỏ đi những trở ngại gặp phải trong quá trình phát triển. Nếu giáo viên thiếu nhận thức này thì có thể trở thành vật cản lớn nhất đối với sự phát triển của trẻ. Giả dụ trẻ đã có tính kỷ luật này thì có thể vận dụng rất tốt ý chí của chúng, công việc của chúng tôi sẽ là thừa, bởi vì khuynh hướng bản năng của trẻ có thể giúp trẻ khắc phục khó khăn.

Một số đứa trẻ 3 tuổi được gửi tới trường chúng tôi khi mà chúng đang đối mặt với một vấn đề vô cùng nghiêm trọng. Những đứa trẻ này đều có ý thức phòng vệ đối với người lớn, ở chúng không có vẻ tĩnh lặng, hòa bình và trí tuệ của một đứa trẻ bình thường, cá tính của chúng rõ ràng cũng rất nông cạn, uể oải, tùy tiện, không chịu lắng nghe sự dạy dỗ, biểu đạt không rõ ràng.

Những đứa trẻ này cần sự giúp đỡ của chúng tôi, sự tài trí thông minh và thiên tính đẹp đẽ của chúng đang đợi chúng tôi tới đánh thức. Chúng đã gặp phải trở ngại, chịu áp chế trong khi phát triển, song chúng không bị hủy hoại, khuyết điểm của chúng vẫn có thể sửa chữa được. Trường học sẽ tạo không gian, điều kiện và cơ hội cho chúng phát triển. Các giáo viên đều hiểu, sở dĩ những đứa trẻ này có rất nhiều khiếm khuyết là vì chúng đã gặp trở ngại về phát triển tâm lý. Nếu ngay cả sự xúc động thuần túy của trẻ và năng lực tự nhiên của tâm lý mà giáo viên cũng không thể phân biệt nổi thì sự dạy dỗ của anh ta không thể mang lại bất kì hiệu quả nào. Công việc cơ bản của giáo viên chính là phân biệt được hai kiểu hành vi này. Chúng đều xuất phát từ mong muốn tự do của trẻ, song chúng lại hoàn toàn ngược nhau, do vậy

có đặc điểm khác nhau. Giáo viên nhất thiết phải phân biệt rõ hai kiểu hành vi này thì mới có thể trở thành người quan sát và người chỉ đạo đạt tiêu chuẩn. Vai trò của giáo viên có chút gì đó giống với bác sĩ, trước hết một bác sĩ cần phải phân biệt rõ phản ứng sinh lý bình thường và triệu chứng của bệnh, vì ngay cả bị bệnh hay không bị bệnh cũng không phân biệt nổi thì nói gì tới chẩn đoán và chữa trị bệnh. Giống như vậy, muốn dẫn dắt trẻ tìm kiếm hoàn mỹ, trước hết cần phân biệt rõ tốt xấu. Chúng tôi có thể miêu tả chính xác từng giai đoạn phát triển của trẻ, như vậy mới có thể cung cấp tới các giáo viên một số đặc trưng mang tính tiêu chí.

Dưới đây, tôi sẽ tập trung thảo luận về trẻ ở độ tuổi 3, 4 tuổi. Trẻ ở độ tuổi này chưa có tính kỷ luật, bởi vì chúng vẫn chưa tiếp xúc với nhân tố này. Chúng ta cùng thảo luận về 3 đặc trưng chính mà trẻ ở độ tuổi này có:

1. Hành vi chủ động không bình thường. Ở đây chỉ thảo luận những hành vi mà không thảo luận tới động cơ của hành vi. Triệu chứng này biểu hiện đầy đủ sự không hòa hợp của hành vi, thiếu tính phối hợp nhịp nhàng. Triệu chứng này vô cùng quan trọng, vì có liên quan tới y học thần kinh. Nếu một người mắc bệnh nghiêm trọng (ví dụ, người bị bại liệt ở thời kỳ đầu phát bệnh), bác sĩ sẽ phát hiện thấy một số khiếm khuyết nhỏ trong hành vi chủ động của anh ta. Nếu bác sĩ hiểu rõ tính quan trọng của những khiếm khuyết thì sẽ không chỉ nói người bệnh này tâm lý bất bình thường, hành vi rối loạn, mặc dù đây là hai triệu chứng chủ yếu của hành vi chủ động bất thường. Trẻ vụng về còn có một số biểu hiện khác (ví dụ cử chỉ vô lễ, hơi một tí thì kêu gào, xuất hiện một số động tác kì lạ như lao về phía trước, xoay tròn,...). Song những hành vi này không có giá trị y học gì. Bằng giáo dục chúng ta có thể khiến những hành vi này trở nên hài hoà, mới giảm bớt sự bất thường của hành vi chủ động. Hiển nhiên, một số biểu hiện bất thường mang tính bệnh biến rất khó sửa đổi thông qua giáo dục, giáo viên không cần thiết phải tiến hành sửa đổi mọi hiện tượng bất thường xuất hiện trong quá trình phát triển của trẻ mà chỉ cần cung cấp những cách thức thú vị cho sự phát triển bình thường của trẻ.

2. Trẻ không thể tập trung chú ý vào một vật thể. Não của những đứa trẻ này thường ở vào trạng thái không tưởng, chúng thường thích chơi với đá, những thứ giống như lá cây, hơn nữa còn nói chuyện với những thứ này. Sau khi lớn lên, những đứa trẻ này sẽ sa đà vào những tưởng tượng không thực tế, trở thành tù binh của tưởng tượng. Hơn nữa, kiểu tưởng tượng này càng khác thường thì não càng mệt mỏi. Tệ hại là, đã có người cho rằng kiểu tưởng tượng này có thể thúc đẩy sự phát triển

tâm lý, cho rằng nó mang tính sáng tạo, là một biểu hiện của nghệ thuật thiên phú. Kì thực không phải vậy, đối với những đứa trẻ này, trí tưởng tượng của chúng chỉ là hòn đá, lá cây, ngoài ra chẳng có gì hết.

Thế giới tinh thần của con người được xây dựng như thế nào? Nó dựa trên nhân cách hoàn chỉnh có thể sống hòa hợp với thế giới bên ngoài. Sức mạnh tinh thần của con người nên hướng vào sự vật hiện thực, mà không tưởng thì ngược lại, sẽ chỉ gây trở ngại cho sự chú ý của con người đối với hiện thực. Thế giới mà không tưởng xa rời với cuộc sống chắc chắn là trạng thái phát triển bất thường, sẽ không mang lại sự hòa hợp và hoàn thiện cho tinh thần. Có thể nói, không tưởng là một hiện tượng thu nhỏ của cơ quan tinh thần. Để thu hút sự chú ý của trẻ vào vật thật, các giáo viên đã nghĩ ra rất nhiều cách, ví dụ cho trẻ dọn bàn ăn. Những biện pháp này chưa hẳn đã có tác dụng thực tế, biện pháp tốt nhất là giúp trẻ vận động hài hòa và tập trung chú ý tới môi trường xung quanh.

Chúng ta không thể và cũng không cần thiết phải sửa chữa mọi triệu chứng xấu của trẻ. Chữa bệnh phải chữa tận gốc. Chỉ cần trẻ có thể tập trung chú ý, có được những kinh nghiệm cần thiết từ sự vật thực tế, mọi năng lực được phát triển bình thường thì chúng sẽ khôi phục lại sức khỏe.

3. Khuynh hướng mô phỏng. Khuynh hướng này không độc lập mà có quan hệ mật thiết với hai đặc trưng ở trên. Trong cuộc sống hiện đại, khuynh hướng này càng ngày càng trở nên hiện thực. Có thể nói, đây là một nhược điểm mang tính gốc rễ của nhân loại. Khuynh hướng mô phỏng nói ở đây là một đặc trưng biểu hiện cá tính của trẻ 2 tuổi, không thuộc phạm vi phát triển bình thường của trẻ, trẻ ít tuổi hơn cũng có hành vi mô phỏng, song có sự khác biệt, điều này đã từng thảo luận ở phần trước. Do một số năng lực bị ức chế khi phát triển, trẻ bị ép buộc mô phỏng hành vi của người khác, chúng giống như thuyền không có buồm vậy, sóng đưa đi đâu thì tới đó, mất phương hướng phát triển của mình. Chúng tôi đã từng quan sát tỉ mỉ một số trẻ 2 tuổi, phát hiện thấy mọi hiểu biết của chúng đều xuất phát từ mô phỏng, điều này đã cho thấy sự thoái hóa về tâm lý. Bởi vì, sự tiếp thu tri thức của một đứa trẻ bình thường biểu hiện ở sức sáng tạo bên trong. Nguyên nhân của khuynh hướng mô phỏng này có thể là hành vi bất thường hoặc tâm lý kích động. Hành vi này sẽ làm giảm mức độ phát triển của trẻ.

Ví dụ, nếu một đứa trẻ kêu gào âm ỉ vì một nguyên nhân nào đó, hoặc nằm ăn vạ trên nền nhà, vừa khóc vừa gào, những đứa trẻ khác có

thể bắt chước nó, thậm chí còn ghê gớm hơn nó. Đây chính là hành vi mô phỏng khác thường mà tôi nói tới, hành vi này sẽ truyền nhiễm tới cả một tập thể, thậm chí vượt ra khỏi phạm vi của lớp. "Bản năng tập thể" này sẽ khiến rất nhiều đứa trẻ có biểu hiện bất thường, kết quả là chúng làm những việc trái với quy tắc.

Thoái hóa mà mô phỏng kiểu này càng nghiêm trọng thì trẻ càng khó khôi phục lại sự phát triển bình thường. Song, một khi chúng quay trở lại đúng quỹ đạo phát triển thì mọi hiện tượng xấu này sẽ biến mất.

Giả dụ, một giáo viên chỉ biết cho trẻ tự do biểu đạt, biết phương pháp giúp trẻ phát triển, mà không có kinh nghiệm dạy học thực tế, thì sẽ gặp rất nhiều vấn đề đau đầu khi phải quản lý một lớp. Những đứa trẻ sẽ không tuân thủ theo đúng kỷ luật mà cô ta muốn, chúng vô kỷ luật, và làm mọi thứ rối tung lên. Nếu cô ta mặc kệ thì sự việc sẽ càng "bung bét". Bất luật cục diện này hình thành do nguyên nhân gì, thiếu kinh nghiệm dạy học hay suy nghĩ sai lạc, chỉ cần nghiên cứu hoạt động tâm lý của trẻ thì sẽ giải quyết được vấn đề.

Trước hết, cần tìm cách giúp bọn trẻ cảnh tỉnh. Lúc này, một lời nói thân thiết, hơi uy nghiêm có lẽ rất thích hợp. Giáo viên phải dám ngăn chặn hành vi sai trái của trẻ. Điều này rất cần thiết, giống như trước khi muốn chúng trả lời câu hỏi, cần phải gọi tên chúng đã. Muốn những đứa trẻ này cảnh tỉnh thì cần đột kích vào tâm hồn của chúng. Giáo viên nên gạt bỏ lý thuyết giáo dục đã học, lấy đồ vật nhỏ ra khỏi bọn trẻ, sau đó phát huy trí tuệ của mình và bắt đầu công việc giáo dục tùy theo từng vấn đề của mỗi đứa trẻ. Giáo viên đã hiểu vấn đề của từng đứa trẻ thì cũng sẽ tìm ra biện pháp giải quyết. Một bác sĩ giỏi không chỉ biết mỗi việc kê đơn thuốc, một giáo viên giỏi cũng không thể chỉ khẳng định áp dụng các phương pháp giáo dục một cách máy móc, mà nên phân tích từng tình huống cụ thể, từ đó tìm ra biện pháp giải quyết vấn đề. Lúc này, giáo viên cần tìm cách lấy lại trật tự ở lớp, cô ta có thể nói to một chút để bọn trẻ chú ý; Cũng có thể nói thì thầm với một vài đứa trẻ, để gây sự chú ý của những đứa khác. Đương nhiên, giáo viên có thể lựa chọn áp dụng nhiều biện pháp, tùy theo tình hình cụ thể.

Trong thực tế dạy học, có những lớp chưa từng xuất hiện tình trạng lộn xộn, không nghi ngờ gì, lớp này là do một giáo viên giàu kinh nghiệm quản lý. Trước khi ra khỏi lớp, giáo viên đó sẽ quan sát tình trạng của lớp, nếu xuất hiện nguy cơ lộn xộn sau khi mình đi khỏi thì sẽ chuẩn bị sẵn sự chỉ đạo cần thiết. Khi đang khen thưởng hoặc hướng

dẫn trẻ, giáo viên cần nói năng nhẹ nhàng, cần tỏ rõ sự kiên định, song không thể thiếu lòng nhẫn nại.

Còn có một số biện pháp cũng khiến bọn trẻ "ngoan ngoãn", ví dụ, cho chúng sắp xếp lại bàn ghế, đồng thời yêu cầu chúng hết sức tránh phát ra tiếng động, hoặc cho chúng sắp xếp ghế thành một hàng dài, sau đó ngồi ngay ngắn lên trên, hoặc yêu cầu chúng chạy nhẹ nhàng trong phòng học. Những biện pháp này đều có thể tập trung sự chú ý của bọn trẻ. Khi giáo viên cảm thấy "thời cơ đã chín muồi" thì có thể nói "Nào, các con, chúng ta hãy yên lặng một lát", như vậy phòng học sẽ im phăng phắc. Sau đó, giáo viên có thể cho bọn trẻ một ít đồ chơi. Tuy nhiên không được cho chúng chơi quá lâu, bởi lẽ chúng có thể sẽ mệt mỏi, chỉ cần cho chúng biết cách sử dụng là được rồi.

Như vậy, lớp học sẽ luôn luôn trật tự. Bọn trẻ bận rộn, tất bật trong một thế giới hiện thực, mỗi đứa đều đang làm việc của mình, mỗi hành vi đều có mục đích như lau bàn, quét nhà, học cách sử dụng đồ vật nhỏ,...

Rõ ràng, trong môi trường học tập như vậy, mọi năng lực của trẻ sẽ được tăng cường, giáo viên cũng sẽ cảm thấy dễ chịu. Nhưng, tình trạng này lại không thể khiến người ta hoàn toàn thỏa mãn, bởi lẽ, đồ vật nhỏ theo hình thức Montessori kiểu này không bao giờ đủ. Chỉ một số trường học tôi từng dạy, bọn trẻ thường chơi đi chơi lại những thứ đồ chơi giống nhau.

Tuy nhiên, dù có cho trẻ sử dụng rất nhiều đồ chơi, thì cũng xuất hiện một vấn đề, đe dọa tới cục diện ổn định này. Đó chính là trẻ sẽ liên tục thay đổi đồ chơi trong tay (mỗi đồ chơi chỉ chơi một lát, sau đó sẽ tìm đồ chơi khác), giáo viên sẽ nhìn thấy trẻ liên tục chạy về phía tủ đựng đồ chơi. Nếu không có một đồ chơi nào có thể khơi dậy hứng thú trong trẻ thì năng lực của chúng sẽ không được phát triển và cá tính cũng không được tôi luyện. Nếu trẻ giống như con ong mật bay đi bầy lại trong bụi hoa, lại không hút được một tí mật nào thì chúng sẽ cảm thấy khó chịu trong lòng. Và nếu sức mạnh bản năng của trẻ không được đánh thức thì chúng sẽ không thể làm việc, cũng không thể hoàn thành sự phát triển về tính cách và tâm lý.

Khi xuất hiện cục diện này, công việc của giáo viên sẽ trở nên khó khăn hơn, cô ta sẽ phải chạy đi chạy lại giữa bọn trẻ, và không biết làm thế nào cho đúng, ngược lại tâm tư lo lắng của cô ta sẽ lây sang bọn trẻ. Những đứa trẻ cảm thấy buồn bực sẽ gây mất trật tự sau lưng cô ta khi giáo viên chú ý tới đứa này thì đứa khác lại có chuyện. Hiển nhiên, tình

hình này cho thấy, đạo đức và trí lực của bọn trẻ vẫn chưa phát triển toàn diện và còn đợi chúng ta tới khai phá.

Giáo viên hiểu rõ rằng, kỷ luật này là rất mong manh, bất cứ lúc nào cũng có thể xuất hiện tình trạng vô kỷ luật, mất đi sự kiểm soát, sẽ khiến họ ở vào trạng thái căng thẳng, đây là một kiểu dày vò giáo viên, cũng sẽ mang lại ảnh hưởng xấu cho trẻ. Nguyên nhân của nó là, những giáo viên này không được rèn luyện nhiều, lại thiếu kinh nghiệm dạy học. Giáo viên nên hiểu rằng, những đứa trẻ này đang ở vào thời kì chuyển biến tâm lý, con đường phát triển cá tính vẫn chưa được mở ra, chúng vẫn đang đi đi lại lại trên "vùng đất cũ" của mình. Lúc này, hành vi của bọn trẻ đương nhiên sẽ khiến người khác khó chịu, nói gì tới việc đạt đến sự hoàn mĩ. Chúng đã có thể kiểm soát hành vi của mình, song chưa ổn định (lúc thì tốt, lúc lại kém), so với giai đoạn đầu, hầu như chúng chưa tiến bộ là bao. Mặc dù chúng đã tiếp xúc với thế giới hiện thực, nhưng vẫn chưa thể liên hệ nó với bản thân. Đây là một giai đoạn then chốt, giáo viên cần đảm đương hai vai trò, một là giám sát tất cả bọn trẻ, hai là từng bước tiến hành giáo dục chúng. Điều đó có nghĩa là, giáo viên cần quản lý tốt mọi lớp, đồng thời tiến hành chỉ đạo riêng với từng trẻ, bảo cho chúng biết cách sử dụng từng đồ vật. Giáo viên còn cần nhớ rằng, khi hướng dẫn riêng một đứa trẻ nào đó thì không nên "nói xấu" đứa khác, và phải nhớ rằng, mình là nhu cầu của tất cả bọn chúng. Giáo viên cần tiến hành hướng dẫn riêng học sinh, hơn nữa cần tỏ rõ sự thân thiện trong khi hướng dẫn. Như vậy, mới có thể gây xúc động tâm hồn chúng, khơi dậy tiềm năng tiềm ẩn trong chúng. Đến một ngày, trẻ sẽ cảm thấy hứng thú với đồ vật trong tay mình, tập trung sự chú ý vào đồ vật này và sử dụng đi sử dụng lại nó. Thế là, kĩ năng sử dụng tay của trẻ đã được nâng cao, hơn nữa sẽ xuất hiện một trạng thái tích cực và thỏa mãn. Điều này cho thấy, sự phát triển tâm lý của chúng đã ở vào một giai đoạn mới.

Chúng ta biết rằng, tự do lựa chọn vô cùng quan trọng đối với sự phát triển tâm lý của trẻ. Tuy nhiên, lựa chọn như vậy có một tiền đề, trẻ cần hiểu rõ về nhu cầu tâm lý của mình. Nếu trẻ bị hấp dẫn bởi quá nhiều vật bên ngoài thì hứng thú sẽ phân tán (chơi cái này một lát, chơi cái kia một lát). Như vậy sẽ không có tác dụng phát huy ý chí, nói gì tới tự do lựa chọn. Điều này vô cùng quan trọng, nếu trẻ không thể vận dụng ý chí chủ quan của mình thì không thể phát triển một cách hoàn mĩ. Như vậy, trẻ chỉ có thể chịu ảnh hưởng của môi trường một cách bị động (cũng như chịu sự chi phối của những kích thích bên ngoài), tâm lý

của trẻ dao động giống như đồng hồ quả lắc, không thể ổn định và cân bằng. Tiêu chuẩn để tâm lý trẻ phát triển trưởng thành chắc chắn là năng lực tự cảm tri mà trẻ đã có, để tập trung sức lực hoàn thành một việc.

Tự do phát triển cũng quan trọng như vậy đối với các loài sinh vật khác, hầu như mọi sinh vật đều có năng lực lựa chọn trong môi trường phức tạp, chúng ta có thể quan sát thấy từ mọi hoạt động của sinh vật. Thực vật hấp thu thành phần dinh dưỡng đặc biệt từ trong bùn đất, côn trùng chỉ lựa chọn loại hoa mà mình thích. Con người cũng vậy, song khác biệt ở chỗ, năng lực này của con người sau này mới có, mà không phải sinh ra đã có.

Tâm lý của trẻ dưới 1 tuổi vô cùng mẫn cảm, nếu cử chỉ của người lớn không thỏa đáng, rất có thể sẽ giết chết tính mẫn cảm này, khiến chúng cảm thấy thích thú với mọi kích thích, cuối cùng chịu sự chi phối của mọi kích thích bên ngoài. Đa phần người lớn đã đánh mất tính mẫn cảm này, bởi vậy họ rất dễ coi thường năng lực này của trẻ.

Khi trẻ tập trung chú ý vào một vật thể nào đó, tâm lý của trẻ ở vào trạng thái hài hòa, thỏa mãn, người lớn không phải lo lắng vì điều này, mà nên tìm cách thỏa mãn nhu cầu, giúp trẻ loại bỏ những trở ngại gặp phải.

Trước khi trẻ có được trạng thái tâm lý này, giáo viên cần học cách kiểm soát mình, không được can thiệp vào công việc của trẻ, mà cần tìm cho trẻ một không gian hoạt động tự do. Tuy nhiên, điều này không có nghĩa rằng, giáo viên chỉ nhìn trẻ chơi, còn mình thì chẳng làm gì. Giáo viên không những phải giúp đỡ trẻ lúc cần thiết, mà còn cần quan sát hoạt động của chúng (việc trẻ có tập trung chú ý hay không hoàn toàn không dễ dự đoán và nhận biết ngay). Đương nhiên, giáo viên cũng không nên xem mình là trung tâm, không nên tùy tiện giúp đỡ trẻ, mà cần hiểu rõ tình trạng phát triển tâm lý của trẻ. Nếu trẻ tập trung chú ý vào một sự việc nào đó, chúng sẽ vô cùng thích thú, và quên mọi thứ xung quanh để dốc toàn bộ sức lực vào công việc của mình (cá tính của trẻ được hình thành từ chính quá trình này). Khi trẻ bước ra khỏi thế giới của mình, sẽ tràn đầy cảm giác mới mẻ đối với môi trường xung quanh, sẽ yêu thương mọi thứ, thân thiện với mọi người và càng thêm yêu mến những điều đẹp đẽ.

Phản ứng tâm lý này của trẻ lại không hề phức tạp: Để sống tốt đẹp hơn với những người xung quanh, chúng ta nên cách ly họ một thời gian, qua đó thúc đẩy tâm hồn xây dựng sức mạnh tình yêu. Tương tự như

vậy, trước khi "ngược xuôi" vì hạnh phúc nhân loại, người thông minh thường tách rời khỏi quần chúng, ẩn mình trong núi hoặc trong căn nhà nhỏ, một mình suy nghĩ về biện pháp tạo phúc cho con người.

Trẻ nhỏ tạm thời cách ly với thế giới bên ngoài tập trung chú ý hoàn thành công việc rất có lợi cho việc hình thành tính cách vừa bình tĩnh lại vừa kiên nghị của trẻ. Ngoài ra, trẻ còn có được những phẩm chất tốt đẹp như biết hi sinh bản thân, làm việc kỷ luật, có ý thức phục tùng, và lòng yêu thương con người,... Trẻ sẽ biết cách yêu cuộc sống, tình yêu của chúng giống như nước nguồn đổ về, "làm tươi tốt" những người sống cạnh chúng.

Tập trung chú ý còn có thể bồi dưỡng cảm nhận xã hội của trẻ, đây là điều giáo viên không được phép xem nhẹ. Giáo viên nên chú ý những biểu hiện của trẻ, nếu phát hiện thấy cảm nhận xã hội này thì phải tạo điều kiện giúp đỡ trẻ. Trẻ nhỏ luôn tràn đầy hy vọng đối với giáo viên, chúng mong muốn học được mọi thứ từ giáo viên, giống như khao khát thu được dinh dưỡng từ bầu trời xanh, từ hoa cỏ.

Khao khát mãnh liệt của trẻ gây áp lực lớn cho giáo viên, đặc biệt là đối với những người thiếu kinh nghiệm. Giáo viên nên hiểu rõ vấn đề trọng điểm công việc của mình. Giai đoạn đầu tiên, nên chú ý tới yêu cầu cơ bản của trẻ, mà chưa cần quan tâm nhiều tới hành vi quấy phá của chúng. Giáo viên cũng không được để những hiện tượng bên ngoài làm mê hoặc, nhất thiết phải quan tâm tới sự việc chính. Mặc dù công việc của họ là "đứng ở cạnh bên", song lại vô cùng quan trọng (giống như bản lề của cánh cửa, góp phần tạo nên sự an toàn cho ngôi nhà).

Sự phát triển tâm lý của trẻ cần dựa vào bản thân, công việc của giáo viên chỉ đóng vai trò phụ giúp, nhưng lại đòi hỏi phải chuẩn xác, kịp thời và mang tính thường xuyên. Mới đầu, giáo viên có thể không thấy rõ vai trò của mình, bởi lẽ sự nỗ lực của họ lại không thể hiện ở thân thể trẻ. Dần dần, họ sẽ phát hiện thấy trẻ trở nên độc lập, năng lực biểu đạt được nâng cao, tốc độ phát triển cũng nhanh thấy rõ. Thời kỳ này trẻ cần sự chỉ đạo quyền uy. Sau khi chúng hoàn thành một việc (như vẽ một bức tranh hoặc viết được một từ) chúng sẽ chạy lại chỗ giáo viên, hi vọng nhận được sự đánh giá. Trẻ không cần sự chỉ giáo của người khác mà chúng biết một việc phải làm thế nào. Một linh hồn hoàn mỹ có thể lựa chọn tự do và hoàn thành công việc của mình. Tuy nhiên, trẻ chưa nắm vững công việc của mình, chúng cần được nhận sự khẳng định của giáo viên.

Đối với những đứa trẻ hoàn mĩ, sự phát triển của chúng tuân thủ theo yêu cầu bên trong, bản năng này đã bảo vệ sự độc lập về tinh thần và khiến chúng tìm ra phương hướng chính xác. Vì vậy, chúng yêu cầu người lớn quan tâm tới hành vi và muốn nhận được sự đánh giá về thành quả làm việc của mình. Tâm lý này biểu hiện ra khi trẻ học đi, chúng đã có năng lực đi rồi song vẫn đòi hỏi người lớn nhìn chúng hoặc đứng ở đằng trước dang rộng cánh tay chờ chúng đi tới. Khi trẻ hoàn thành một việc nào đó, dù thành tích thế nào giáo viên cũng cần khích lệ, chí ít cũng là mỉm cười đáp lại.

Khi trẻ đã hình thành tiêu chuẩn phán đoán của bản thân, có lòng tin vào mình thì sẽ không tìm kiếm sự khích lệ nữa. Lúc này, trẻ thích làm việc một mình, chúng sẽ làm đi làm lại và nỗ lực hoàn thành tốt công việc của mình, mà không cần sự đánh giá của người khác. Những ai từng tới trường chúng tôi tham quan hẳn vẫn còn nhớ, khi chúng tôi giới thiệu công việc mà bọn trẻ đã làm, không bao giờ nói tên của chúng, bởi lẽ chúng tôi biết, bọn trẻ vốn không quan tâm tới tên của mình, chúng chỉ quan tâm tới thành quả công việc. Các trường học khác lại không như vậy, nếu giáo viên quên không nói tên đứa trẻ đã làm công việc đó thì sẽ cảm thấy khó xử, bởi lẽ đứa trẻ này sẽ không vui, thậm chí còn nói với giọng oán hận: "Đây là việc con làm mà!"

Trường chúng tôi hoàn toàn khác, đứa trẻ làm công việc đó đa phần trốn ở một góc nào đó để tiếp tục sáng tác một tác phẩm mới, chúng ghét nhất là bị người khác làm phiền. Cùng với việc liên tục sáng tạo tác phẩm, tính kỷ luật sẽ dần dần hình thành trong chúng. Trẻ ở thời kì này mặc dù "liên tục bận rộn" song lại rất quy củ, mặc dù yêu cầu độc lập song lại không thiếu ý thức phục tùng, mặc dù mong muốn được quan tâm song lại giàu lòng yêu thương. Chúng giống như đóa hoa mùa xuân, khiến con người tràn đầy hi vọng vào vụ mùa thu hoạch.

CHƯƠNG 5

HỌC CÁCH YÊU TRẺ



TRÍ LỰC VÀ TỰ DO

Cùng với tiến hành giáo dục trẻ, luôn luôn để cơ thể trẻ trong sự vận động, đây là điểm mấu chốt để thực hiện tự do của trẻ.

Những đứa trẻ chạy lung tung khắp mọi nơi vì có mục đích trí lực nào đó, mới có thể liên tục hoàn thiện bản thân, tất nhiên chúng cũng có thể phát triển tự do nhân cách bên trong của mình. Những đứa trẻ làm việc dưới sự giúp đỡ và dẫn dắt của một mục đích trí lực nào đó, mới có thể làm kiên trì không mệt mỏi. Nếu chúng không có mục đích trí lực này, cũng không có thái độ kiên trì với công việc thì sẽ không thể có sự phát triển tốt đẹp bên trong và cũng không thể đạt được những tiến bộ rõ rệt. Khi chúng ta dần dần tự kiểm soát được mình, không còn bất trẻ làm thế này thế khác; khi chúng ta giải thoát trẻ ra khỏi những ảnh hưởng của chúng ta, cho trẻ phát triển trong môi trường thích hợp, thì lòng tin của trẻ đối với trí lực bản thân sẽ tăng lên gấp bội!

Trên cơ sở này, những đứa trẻ sẽ thực hiện một số hoạt động cụ thể mang tính tự phát như: Rửa tay, rửa mặt, thay áo khoác, quét nhà cửa, phủi bụi bám trên đồ đạc, trải thảm, dọn cơm, trồng hoa, chăm sóc động vật nhỏ,... Cảm quan của chúng sẽ bị hấp dẫn, hoặc dưới sự chỉ đạo của cảm quan, chúng sẽ lựa chọn những việc có ích cho sự phát triển của mình. Chính những tư liệu cảm quan này khiến chúng có thể phân biệt sự vật rõ hơn, sau đó tiến hành lựa chọn và suy lí, từ đó giúp cho bản thân phát triển.

Sau khi đã quyết định lựa chọn một việc nào đó, trẻ bắt đầu bắt tay vào làm một cách say mê. Sự biến chuyển này không chỉ khiến nội tâm trẻ liên tục phát triển, mà còn trở thành sức mạnh to lớn thúc đẩy trẻ không ngừng tiến bước. Trong hoàn cảnh này, trẻ sẽ thực hiện công việc của mình từ đơn giản tới phức tạp, đồng thời cơ thể và tâm hồn trẻ luôn tự đào thải. Chính sự tuần tự hình thành bên trong não và những kĩ năng thu được trong cuộc sống đã giúp trẻ bồi dưỡng tính cách của mình.

Để trẻ tự do phát triển chính là để trí năng của trẻ phát triển, mà không phải giao trẻ cho bản năng như mọi người vẫn thường nghĩ. Dưới quan niệm sai lầm này, khi thảo luận về một đứa trẻ tự do, chúng ta thường khó tránh khỏi sự tưởng tượng ra rằng chúng giống như một chú chó nhỏ sửa nhặng xị, chạy khắp mọi nơi tìm đồ ăn. Do vậy, chúng ta đã quen với việc coi những kháng nghị, quấy rối và những biện pháp mà trẻ nghĩ ra để tự bảo vệ mình là biểu hiện của bản năng, và cho rằng những hành vi này của trẻ có gì đó hoang dã giống như loài thú. Tuy nhiên, hãy

nghe xem chúng ta đã làm những gì cho trẻ? Mới đầu chúng ta ví trẻ như thực vật và hoa, khi trẻ lớn hơn một chút, lại tìm cách khiến chúng im lặng như thực vật, cố gắng khiến cảm quan của trẻ giống với thực vật, biến trẻ trở thành nô lệ, tuân theo sự sắp xếp và bố trí của chúng ta. Nếu đối xử với trẻ như vậy, thì chúng ta sẽ không có quyền đòi hỏi và kỳ vọng trẻ có thể trở thành một cây núc hương thơm? Như vậy sẽ chỉ khiến bản tính trong trẻ liên tục bị vùi dập kể cả một chút vết tích thoái hóa về nhân tính cũng mất đi.

Ngược lại, nếu chúng ta cho trẻ là chủ thể của mọi hoạt động trí lực thì tình hình sẽ hoàn toàn biến đổi.

Để bồi dưỡng trẻ trở thành người thực hiện hoạt động trí lực với tinh thần tự giác cao độ, chúng ta buộc phải dành cho trẻ ý nghĩa thật sự của khái niệm tự do.

Tôi tin rằng, trí lực là điểm mấu chốt giải quyết vấn đề tự do của xã hội loài người. Đáng tiếc là, những năm gần đây, xã hội của chúng ta bị làm rối loạn bởi một thiên kiến "chỉ yêu cầu tự do về tư tưởng". Điều này cũng giống như sự lý giải sai của chúng ta hiện nay về tự do của trẻ. Có người cho rằng, chỉ khi quay trở lại trạng thái tự do suy nghĩ sơ khai nhất thì con người mới được giải phóng. Vấn đề là, chúng ta có thể suy nghĩ một cách tự do không? Cái gọi là thời kì tự do này chẳng phải chính là thời kì thần kinh não suy thoái đó sao? Điều này ngang với giao quyền lợi xã hội cho kẻ mù chữ!

Ví dụ, nếu chúng ta để một người lựa chọn giữa sức khỏe và bệnh tật, liệu anh ta có bấy nhiêu tự do để lựa chọn? Nếu chúng ta cho một người nông dân không có văn hóa lựa chọn giữa đầu tư có lợi và đầu tư không có lợi, anh ta sẽ tự do lựa chọn đầu tư nào? Nếu anh ta lựa chọn đầu tư sau, thì chính là anh ta "tự do" chịu bị lừa; Nếu anh ta lựa chọn đầu tư trước, chẳng qua chỉ là may mắn mà thôi, chứ không phải là có quyền tự do lựa chọn nó. Chỉ khi anh ta có đủ kiến thức phân tích đầu tư có lợi và không có lợi thì anh ta mới thực sự có được tự do. Chỉ khi năng lực kiểu này hình thành trong anh ta thì anh ta mới thực sự tự do, nếu chỉ đơn giản dựa vào sự bó buộc của xã hội thì sẽ không thể đạt được mục đích. Nếu tự do của con người đơn giản chỉ là một kiểu tự do giải phóng bản năng, thì chúng ta chỉ cần phát ra mệnh lệnh: Cho kẻ mù được nhìn thấy đồ vật, cho kẻ điếc được nghe thấy âm thanh. Để những người đáng thương này phục hồi lại sức khỏe, đó chẳng phải là tất cả những việc cần giải quyết sao! Song thực tế có đơn giản như vậy không?

Tôi tin rằng, sẽ có một ngày con người ý thức được, quyền lợi cơ bản nhất của mình chính là quyền lợi bồi dưỡng bản thân. Chỉ có đạt được điều này, chúng ta mới không bị kìm hãm, mới không là nô dịch, hơn nữa có thể tự do chọn lựa cách phát triển bản thân trong môi trường mà chúng ta sống. Tóm lại, chỉ có tiếp nhận giáo dục, chúng ta mới có thể tìm thấy biện pháp cơ bản để giải quyết vấn đề xã hội có liên quan tới cá tính.

Quá trình phát triển và trưởng thành của trẻ đã cho chúng ta gợi ý sinh động. Đó chính là: phát triển trí lực là mấu chốt "vạch trần" bí mật trưởng thành của trẻ, là biện pháp bồi dưỡng thế giới nội tâm của trẻ.

Sau khi có được nhận thức này, vệ sinh học trí lực hiển nhiên vô cùng quan trọng. Khi trí lực được xem là điểm mấu chốt bồi dưỡng trẻ, thậm chí là trụ cột trong cuộc sống của trẻ, con người sẽ không còn mù quáng tiêu hao nó, hoặc ức chế và ràng buộc nó khi chưa phân rõ phải trái.

Hiện nay, chúng ta thường quá lo lắng về cơ thể trẻ và những bộ phận thuộc về cơ thể trẻ (như răng, móng tay, chân, tóc,...). Tôi tin rằng, trong tương lai không xa, con người nhất định sẽ nhận thức rõ ràng và đối xử thận trọng hơn đối với vấn đề trí lực của trẻ. Đương nhiên, chúng ta hiểu rằng con đường hướng tới văn minh còn rất dài.

"Trí lực" là gì? Trước hết, chúng ta thảo luận định nghĩa của nó, không cao siêu như triết học, mà chỉ suy xét một chút tới hình ảnh, liên tưởng thúc đẩy hình thành nên tâm trí và sự tổng hợp những hoạt động sáng tạo mới, đồng thời liên hệ những hoạt động tâm trí này với hoàn cảnh. Theo lí luận của Bain, cảm tri về sự khác biệt là khởi đầu của hoạt động trí lực, bước đầu tiên của hoạt động não chính là phân biệt sự khác nhau. Cảm giác chính là tri giác đối với thế giới bên ngoài, thu thập tài liệu và phân biệt những tài liệu này chính là giai đoạn đầu tiên của hoạt động trí lực.

Chúng ta nhất thiết cần phân tích trí lực một cách chính xác, rõ ràng.

Điều hiện diện ngay trước mắt chúng ta chính là, đặc trưng đầu tiên đánh dấu trí lực có liên quan tới thời gian. Rất nhiều người cho rằng, "nhanh" là từ đồng nghĩa của "thông minh". Phản ứng nhạy bén, suy nghĩ nhanh chóng, phán đoán thần tốc trước một kích thích nào đó là những biểu hiện bên ngoài rõ nhất của trí lực. Điều gì khiến con

người có những phản ứng nhanh đến vậy? Chắc chắn có liên quan tới năng lực thu thập thông tin từ thế giới bên ngoài, sắp xếp những thông tin này lại và biểu đạt ra sau khi đã suy nghĩ kĩ trong lòng. Liên quan tới năng lực này, có thể rèn luyện phát triển thêm thông qua hệ thống kiểu như thể dục tâm lý. Quá trình thao tác của hệ thống này là: Với số lượng lớn tài liệu cảm tri thu thập được nên xây dựng mối quan hệ hỗ trợ lẫn nhau giữa chúng, từ đó đưa ra những phán đoán, sau một thời gian sẽ hình thành nên thói quen tự do thể hiện. Do vậy, các nhà tâm lý khuyên rằng, nên tăng cường tính thẩm thấu cho mạch hành vi và mạch suy nghĩ, rút ngắn thời kì phản ứng lại, trong vận động cơ bắp nhằm thúc đẩy trí lực phát triển. Động tác không chỉ cần biểu hiện hoàn thiện hơn mà còn cần được thực hiện nhanh hơn. Những đứa trẻ thông minh mà chúng ta nói tới không chỉ cần lí giải được sự vật, mà còn cần lí giải với tốc độ nhanh. Cùng là một vật, nếu người này phải mất nhiều thời gian hơn để lí giải nó thì có nghĩa là phản ứng của anh ta chậm hơn. Mọi người thích dùng câu nói "chẳng có gì qua được mắt nó" để đánh giá những đứa trẻ thông minh nhanh nhẹn. Quả thực như vậy, sự chú ý của chúng thường là "tập trung cao độ", luôn luôn sẵn sàng tiếp nhận mọi kích thích, cũng giống như cái cân nhạy bén cao độ phản ứng trước mọi biến đổi của trọng lượng dù là cực nhỏ. Bộ não nhạy bén cũng có thể có những phản ứng trước mọi thứ, dù là những thứ chỉ hơi hấp dẫn. Năng lực liên tưởng của những đứa trẻ này là rất mạnh. Chúng ta thường hình dung năng lực của chúng trên phương diện này bằng câu nói "chộp mắt một cái đã hiểu rõ rồi".

Luyện tập cảm quan có thể khơi dậy ý thức hoạt động quan trọng của trẻ. Chúng ta có thể phân tách hợp lý cảm quan của trẻ và vật kích thích để giúp chúng có ý thức rõ ràng; Khiến trẻ cảm nhận sự khác biệt giữa nóng và lạnh, thô ráp và trơn bóng, nặng và nhẹ, thanh âm và tạp âm; Có thể cho trẻ nhắm mắt trong một không gian tĩnh lặng, chờ đợi một âm thanh thuần khiết vang lên đánh thức,... Mục đích của những bài tập này là, giúp trẻ cảm thấy thế giới bên ngoài đang gõ cửa tâm hồn chúng, đồng thời đánh thức mọi hoạt động của tâm hồn chúng. Theo kinh nghiệm của chúng tôi, khi mọi cảm giác hòa hợp với môi trường, chúng có thể tạo ra tác dụng hỗ trợ cho nhau, đồng thời có thể tăng cường hoạt động ý thức "đã được đánh thức". Ví dụ: Một đứa trẻ đang chăm chú tô màu cho bức vẽ, nếu lúc này bật nhạc lên thì trẻ sẽ chọn sắc thái đẹp nhất để tạo nên bức vẽ; Khi một đứa trẻ đang ung dung dạo bước trong vườn trường, những bông hoa tươi tắn trong vườn sẽ khiến trẻ cất cao giọng hát, hát lên ca khúc tuyệt vời nhất.

Khi trẻ bắt đầu tự giáo dục mình, chúng sẽ có những đặc trưng sau: Phản ứng của não trở nên nhạy bén hơn; Tư duy có sự chuẩn bị hơn; Những thứ trước đây chúng chẳng thèm để ý hoặc chỉ gây cho chúng chút hứng thú thì nay hấp dẫn chúng vô cùng; Đồng thời, chúng có thể dễ dàng phát hiện mối quan hệ giữa vật với vật. Do đó, khi tiếp xúc những vật này, nếu thấy xuất hiện những sai sót thì có thể phát hiện ra ngay, thậm chí còn nhanh chóng đưa ra những phán đoán, sau đó sửa chữa. Chính nhờ thể nghiệm cảm quan này mà trẻ đã loàn thành bài luyện tập trí lực "sơ khai mà cơ bản", đánh thức hệ thống thần kinh trung ương của trẻ, khiến nó luôn ở trong trạng thái vận động.

Khi nhìn thấy những đứa trẻ "phản ứng nhanh nhạy, hoạt bát thông minh" miễn cảm trước kích thích nhỏ bé nhất (lúc nào cũng sẵn sàng lao về phía chúng tôi và tập trung chú ý cao độ vào những sự vật gặp phải), bất giác chúng tôi so sánh chúng với những đứa trẻ chậm chạp trong các trường học bình thường khác (những đứa trẻ đó thường có cử chỉ lè mề, phản ứng lãnh đạm trước vật kích thích, thiếu năng lực liên tưởng tự phát). Khi chúng tôi làm những so sánh này, lại có những so sánh về văn minh hiện đại và văn minh cổ đại, ví dụ: Hoàn cảnh xã hội hiện nay thoải mái hơn nhiều so với trước kia; Xe ngựa từng là công cụ giao thông quan trọng, hiện nay nhường chỗ cho ô tô và máy bay, điều này đã khiến chúng ta tiết kiệm được nhiều thời gian hơn; Trước đây, chúng ta trao đổi thông tin với nhau nhờ chim đưa thư, hiện nay chúng ta có thể trao đổi trực tiếp bằng điện thoại; Thời xưa giao chiến với nhau, thường là một đối một, nhưng ngày nay một cuộc sát phạt có thể giết chết hàng nghìn người. Tất cả những điều nêu trên khiến chúng ta ý thức rằng, sự tiến hóa của văn minh không phải xây dựng trên nền móng quý trọng sinh mệnh hay quý trọng linh hồn, mà xây dựng trên nền móng quý trọng thời gian. Quả thực, chúng ta đã cảm nhận thấy sự phát triển của văn minh, và không nghi ngờ gì khi máy móc vận động càng nhanh thì kinh tế càng phát triển mạnh.

Vậy mà, bản thân con người lại không theo kịp bước phát triển của văn minh, cá nhân vẫn chưa thể tự phát triển một cách trật tự. Trong môi trường biến đổi phức tạp này, trẻ vẫn chưa thể ứng phó kịp thời với mọi sự kiện diễn ra trước mắt, cũng như chưa thể ứng dụng triệt để những tiến bộ của nhân loại ở môi trường bên ngoài nhằm phục vụ bản thân. Dù chúng ta đã bước vào một xã hội văn minh, sorg linh hồn của chúng ta vẫn đang bị lừa dối và kìm hãm.

Nếu con người không đứng lên thay đổi mình, để bản thân hòa hợp với thế giới mới, thì sẽ có một ngày bị chính thế giới đó chèn ép tới mức "thịt nát xương tan", thậm chí còn bị hủy diệt.

Phản ứng của trẻ đối với thế giới này không chỉ biểu hiện ở sự thông minh và nhạy bén về tư duy, cũng không chỉ có mối liên quan tới luyện tập, mà còn có mối liên quan tới việc xây dựng tuân tự bên trong tương ứng, tiến hành sắp xếp rõ ràng, có tổ chức đối với những việc quen thuộc. Những điều này càng nói rõ quá trình hình thành trí lực.

Tóm lại, tuân tự là điểm mấu chốt để một người có thể đưa ra những phản ứng nhanh chóng. Một bộ não rối loạn khó mà có nhận thức chính xác đối với một đối tượng tri giác nào đó, (nó không dễ dàng giống như viết một bài luận văn mang tính suy lý). Một xã hội hay một cá nhân chỉ phát triển nhanh chóng khi có tổ chức và tuân tự.

BIỆN PHÁP THƯỞNG PHẠT

Một hôm khi tới trường, tôi bắt gặp một đứa trẻ đang ngồi trên một chiếc ghế tựa trong phòng học, duy nhất có mình nó ngồi như vậy, trông thật chướng mắt. Trước ngực nó đeo một tấm huy chương, đó là phần thưởng mà cô giáo đã phát cho những đứa trẻ có biểu hiện tốt. Cô giáo này nói với tôi, đứa trẻ này đang bị phạt. Tấm huy chương nó đeo là của một đứa trẻ khác, cô ta chỉ cho nó "mượn" một lát rồi sẽ đưa cho đứa trẻ khác. Đứa trẻ được thưởng huy chương cảm thấy khen thưởng như vậy chẳng có tác dụng gì với nó cả, trái lại còn ảnh hưởng tới công việc khác của nó. Đứa trẻ "được cho mượn huy chương" ngồi trên ghế, liếc nhìn huy chương một cái, tiếp đó quan sát xung quanh phòng học, chẳng hề cảm thấy xấu hổ vì bị phạt. Câu chuyện này cho tôi một gợi ý, đó chính là, khen thưởng và trừng phạt hầu như chẳng có ý nghĩa. Tuy nhiên phải quan sát kĩ trẻ mới có thể rút ra kết luận này. Kinh nghiệm đúc kết bấy lâu nay đã chứng minh quan điểm bước đầu của chúng tôi là chính xác. Giáo viên không cần phải khích lệ hoặc trừng phạt đối với những đứa trẻ không quan tâm tới bất cứ sự xử phạt nào. Đây chỉ là cảm giác của giáo viên. Ngạc nhiên hơn nữa là, đa phần trẻ thường có thái độ cự tuyệt đối với khen thưởng. Trẻ được thưởng huy chương, lại đưa huy chương cho đứa trẻ khác, việc này cho thấy trẻ lại không cho rằng đây là một hành vi sai lầm, mà cảm thấy làm vậy rất tốt. Sau này, chúng tôi thường bắt gặp những đứa trẻ đeo huy chương trước mặt, song về mặt lại chẳng biểu lộ tình cảm gì. Điều này cho thấy trẻ đã có cảm nhận về ý thức và sự tôn nghiêm đầu tiên, trước đây việc này là không

thể. Từ đó trở đi, chúng tôi không thực thi khen thưởng và trừng phạt trẻ.

ĐỂ TRẺ QUAY VỀ VỚI TỰ NHIÊN

Rất nhiều người cho rằng, vì sao không tiếp tục tiến hành thể nghiệm trên nền móng giáo dục trẻ nhỏ đầu tiên, để thuận lợi cho việc giáo dục trẻ trên 7 tuổi theo phương thức mới. Thực tế, những người này đã hoài nghi về những nguyên tắc mà chúng tôi đưa ra có phù hợp với trẻ ở giai đoạn này không. Theo tôi hiểu, sự bất đồng quan điểm của họ chủ yếu là trên phương diện tiêu chuẩn đạo đức của trẻ.

Lẽ nào trẻ không hiểu được mong muốn tôn trọng người khác? Lẽ nào vào một ngày nào đó trẻ không tự nguyện tham gia một nhiệm vụ cần hoàn thành? Lẽ nào trẻ không nên có tinh thần hi sinh bản thân?

Ngoài ra, một số người còn nghĩ ra những bài tập kì lạ khó hiểu để trẻ hơn 7 tuổi rèn luyện trí lực. Bạn định vứt bỏ toàn bộ số bài tập này hay là để trẻ khuất phục trước những bài tập được coi là bắt buộc đó?

Hiển nhiên, toàn bộ cuộc tranh luận đều xoay quay việc lý giải từ "tự do" mà tôi nêu ra, mà kiểu tự do này chính là nền tảng kiên cố trong hệ thống giáo dục do tôi đề xướng. Bởi vậy, mọi người đều cần nhìn nhận một cách nghiêm túc.

Tôi biết đưa ra lời giải thích rõ ràng để những người có quan điểm bất đồng hiểu và tâm phục là hoàn toàn khó, bởi lẽ, dù là một số vấn đề hoàn toàn đúng cũng khó tránh khỏi tranh luận. Xin đưa ra một số ví dụ có thể biểu đạt rõ hơn suy nghĩ của tôi. Cho tới nay, rất nhiều người vẫn nhớ như in phương pháp giáo dục xa xưa, như phải quấn tay chân trẻ sơ sinh lại, nếu không sau này chân của chúng sẽ bị vòng kiềng; Phải cắt dây chằng dưới lưỡi thì mới có thể khiến trẻ nói được khi đến tuổi học nói; Phải đội mũ cho trẻ từ sáng tới tối nếu không tai của trẻ sẽ lở ra, trông rất khó coi; Phải nghiêm túc chỉnh đốn tư thế nằm của trẻ, để tránh xương sống non nớt của trẻ biến hình; Một số bà mẹ không ngại phiền hà hàng ngày kéo mũi trẻ, cho rằng làm vậy có thể khiến mũi trẻ vừa dài vừa cao; Còn có một số bà mẹ xuyên lỗ tai cho trẻ ngay từ khi trẻ mới sinh được vài ngày, để "cải thiện thị lực của trẻ". Hiện nay, rất nhiều nước đã bỏ những biện pháp này, song một số nước vẫn áp dụng.

Xin đưa ra một ví dụ khác: chúng ta đều đã từng có lúc dạy trẻ tập đi. Một số bà mẹ "mong con thành tài" hàng ngày đã dành vài tiếng đồng hồ dạy trẻ tập đi, thậm chí khi trẻ mới được vài tháng tuổi, họ đã

keo chặt cơ thể non nớt của trẻ sơ sinh, hiếu kì nhìn chăm chăm vào đôi chân bước những bước không có mục đích của trẻ. Đáng cười là, họ lại cho rằng trẻ đã bắt đầu biết đi. Thực tế, lúc này hệ thống thần kinh của trẻ chưa phát triển hoàn toàn, chúng không thể phối hợp nhịp nhàng các động tác, khung chân của trẻ đang dần dần hình thành, nên chúng bắt đầu mạnh dạn thử bước những bước nhỏ. Do thiếu hiểu biết về phương diện này, những bà mẹ lại cho rằng trẻ tiến bộ như vậy là do cách dạy dỗ của mình. Trong giai đoạn này, trẻ vừa có năng lực vận động, dù chưa có cảm giác thăng bằng, chưa có năng lực đứng thẳng. Các bà mẹ "tự cho mình đúng" đã dùng dây nhắc cơ thể trẻ lên, kéo trẻ tiến lên phía trước. Thậm chí, có lúc, họ cho trẻ vào trong một cái làn thúng đáy khá rộng, loại làn này có thể để phòng trẻ ngã. Họ đã buộc cơ thể trẻ vào trong làn và cho tay trẻ ra bên ngoài, khiến toàn bộ cơ thể trẻ dựa vào thành làn. Dưới "sự trang bị" này, dù trẻ vẫn không thể đứng thẳng được thì trẻ cũng có thể tiến lên phía trước bằng đôi chân, tuy nhiên các bà mẹ lại cho rằng như vậy là trẻ đang đi.

Các ông bố bà mẹ này đã cho trẻ vật phụ giúp học đi, cũng giống như chiếc gậy chuyên dụng của người tàn tật. Những đứa trẻ đã quen với sự trợ giúp của chiếc làn này chắc chắn sẽ liên tục bị ngã khi không cho chúng làn nữa.

Khi chúng ta đưa phương pháp đúng đắn vào trong lĩnh vực giáo dục trẻ, nó sẽ mang lại điều gì cho xã hội này? Tôi cần trình trọng tuyên bố rằng, nó sẽ không dạy bạn làm thế nào khiến mũi trẻ thẳng hoặc đảm bảo tai trẻ có hình dạng đẹp, cũng sẽ không dạy bạn làm thế nào để trẻ biết đi ngay sau khi sinh. Tôi chỉ muốn khuyên bạn rằng: Hãy để tự nhiên quyết định hình dạng đầu, mũi và tai của trẻ; Không cần cắt đứt dây chằng dưới lưỡi, trẻ vẫn sẽ biết nói; Không cần quấn chặt, đôi chân trẻ vẫn tự nhiên thẳng ra, cơ năng đi tự khắc sẽ có. Tốt nhất người lớn không nên can thiệp vào những phương diện này.

Chúng ta cần tuân thủ nguyên tắc: Cố gắng để tự nhiên làm mọi việc, bởi lẽ trẻ càng được phát triển tự do thì càng có thể hình thành nên cơ thể cân đối, hài hòa, càng có thể tạo ra cơ năng cơ thể kiện toàn. Tôi chủ trương xóa bỏ đi các kiểu trói buộc để đảm bảo "an ninh" tối đa cho trẻ dưới trạng thái yên tĩnh. Để đôi chân trẻ hoàn toàn thả lỏng, để cơ thể và tâm hồn trẻ tự do thoải mái mỗi khi nằm, không nên bắt trẻ "khua chân múa tay" như nhiều người vẫn thường làm. Khi thời cơ "chưa chín muồi", nhất thiết không được ép trẻ học đi, bởi lẽ tới tháng tuổi nhất định, trẻ sẽ tự đứng lên và tự đi.

Đáng mừng là, hiện nay đa số các bà mẹ đã tiếp nhận quan niệm này. Những người bán dây buộc, mũ và làn dành phải tìm cách khác để kiếm sống.

Kết quả thế nào? Mọi người có thể tận mắt thấy: Đôi chân trẻ ngày nay đã thẳng hơn so với trước đây, dáng đi của chúng cũng đẹp hơn trước đây.

Đây là một sự thực đáng mừng, thử nghĩ xem, trước đây chúng ta vẫn tin rằng hình dạng của đôi chân, mũi, tai thậm chí não của trẻ đều là kết quả chăm sóc của người lớn, nên chúng ta đã trải qua biết bao ngày "lo lắng hãi hùng"! Chúng ta cảm thấy gánh nặng trên mình quả là nặng nề, tới mức nhiều người cho rằng mình khó mà đảm đương nổi. Sau khi có nhận thức mới, chúng ta có thể nói: "Tự nhiên sẽ giúp chúng ta lo liệu mọi thứ. Chúng ta chỉ cần cho trẻ tự do, còn mình đứng cạnh bên quan sát sự phát triển của trẻ. Sau đó, chúng ta sẽ đảm đương vai trò là người chứng giám cho những kì tích".

Về phương diện hoạt động nội tâm của trẻ, chúng ta đều từng có sự trải nghiệm thế này, đó chính là giúp trẻ hình thành tính cách riêng, khai phá trí lực của trẻ, học cách biểu đạt tình cảm, tất cả đều vô cùng cần thiết. Chúng ta cũng đã từng suy nghĩ về điều này và thường tự hỏi: Chúng ta nên giúp trẻ thế nào? Giống như những bà mẹ thường kéo mũi trẻ hoặc cố định tai trẻ bằng việc đội mũ, chúng ta có thể trói buộc trẻ bằng những biện pháp "đặc biệt" này không? Thực tế, tính cách, trí lực và tình cảm của con người tiến hành song song cùng sự phát triển cơ thể, nếu chúng ta không nhận thức được điều này, thì sẽ không làm được gì ngoài việc sắp xếp theo ý mình.

Cần hiểu rằng, chúng ta không phải là người sáng lập ra tinh thần nhân loại, cũng không phải là người sáng tạo ra vật chất trên thế giới, tất cả đều do tự nhiên khống chế. Hãy thừa nhận "không gây trở ngại trên con đường phát triển tự nhiên của trẻ" là một nguyên tắc cơ bản. Đồng thời khuyên mọi người rằng, không thể độc lập nhìn nhận những vấn đề này. Nói cách khác, không nên đơn phương suy xét nhân tố nào có lợi nhất đối với sự phát triển cá tính, trí lực hoặc tình cảm. Thực tế, chỉ cần làm rõ một vấn đề thì có thể thấy rõ điểm mấu chốt của giáo dục, đó là: Chúng ta nên để trẻ tự do thế nào?

Chỉ cần tuân thủ nguyên tắc tự do thì có thể thiết kế ra toàn bộ phương án khoa học, có lợi cho sự phát triển lành mạnh của trẻ; Chỉ trong một môi trường tự do, đầu, mũi, tai của con người mới có thể phát triển tới trạng thái hoàn mỹ nhất, tư thế đi của trẻ cũng đạt độ hoàn mỹ

dưới sự kích thích của năng lực bẩm sinh. Chỉ có "tự do" mới có thể khiến tính cách, trí lực và tình cảm của trẻ phát triển tối đa. Đồng thời, nhận thức này còn đòi hỏi người làm công tác giáo dục phải đối xử một cách bình tĩnh điềm đạm trước mọi kì tích xuất hiện trong quá trình phát triển của trẻ, từ đó giải phóng chúng ta ra khỏi nhiệm vụ hư cấu.

Bất hạnh của người lớn là ở chỗ, khi chúng ta biết được những nhiệm vụ "ép chúng ta tới mức thở không ra hơi" thực sự không tồn tại thì chúng ta vẫn tự "lừa mình dối người" về nỗ lực hoàn thiện chúng. Trong khi đó, chúng độc lập, có thể tự hoàn thiện. Sau khi có người nói với chúng ta đạo lý này, chúng ta mới cảm thấy hối hận và oán trách sự ngu dốt của mình, nhưng chúng ta vẫn không chịu từ bỏ, và tiếp tục suy nghĩ tới đạo lý sâu xa hơn: Số mệnh và nhiệm vụ thật sự của chúng ta là gì? Nếu mọi hành vi cử chỉ trước đây của chúng ta đều là "lừa mình dối người" thì cái gì mới là chân lý nên theo đuổi? Liệu chúng ta có phạm tội "không làm tròn chức trách" không? Và nguyên nhân của tội lỗi là gì?

Trong quá trình tự nhiên "cơ thể trẻ dần dần hướng tới hoàn thiện, chúng ta nên tiếp nhận sự gợi ý này. Nhìn từ phương diện trên, phương hướng nỗ lực của hệ thống vệ sinh rất chuẩn xác, nó không giới hạn mình ở phạm vi lí thuyết giải phẫu cơ thể. Ngược lại, nó không chỉ khiến con người hiểu rõ về sự phát triển của cơ thể mình, và tin tưởng ở sự phát triển cơ thể dựa vào sức mạnh tự nhiên. Thực tế, hạnh phúc của trẻ sơ sinh chẳng liên quan trực tiếp gì tới sự hoàn mĩ về thể hình. Điều đáng chú ý là tỉ lệ tử vong của trẻ cao tới mức đáng kinh ngạc.

Trong tình trạng bệnh tật liên tục tấn công trẻ, chúng ta lại quá chú ý tới chiều cao của mũi và hình dạng đôi chân trẻ, mà không hề chú ý tới vấn đề trọng đại liên quan tới tỉ lệ tử vong của trẻ sơ sinh. Điều này thực sự đáng kinh ngạc. Tôi tin rằng, rất nhiều người từng nghe thấy mẫu đối thoại này giống như tôi: "Tôi rất có kinh nghiệm chăm sóc trẻ sơ sinh, bởi vì tôi từng có 8 đứa con", "Thế mấy đứa hiện còn sống?", "2". Tỉ lệ sống thấp như vậy mà cô ta vẫn tự cho rằng mình có kinh nghiệm chăm sóc trẻ.

Con số thống kê tỉ lệ trẻ tử vong khiến người ta phải sợ hãi, nó không phải chỉ ở một vùng hoặc một quốc gia, mà tỉ lệ tử vong đáng sợ này còn gây nguy hại tới toàn bộ xã hội loài người. Có 2 nhân tố đóng vai trò quyết định, một là sự non nớt của trẻ, hai là con người thiếu ý thức bảo vệ sự non nớt này. Sai lầm không ở chỗ con người thiếu mong muốn tốt đẹp, cũng không ở chỗ bố mẹ không có tình yêu thương con cái, mà ở chỗ con người thiếu kiến thức, và không hề nhận thấy mối nguy hiểm

đáng sợ. Theo tôi biết, hiện nay nguy hại lớn nhất đối với cơ thể trẻ là các loại bệnh truyền nhiễm, đặc biệt là bệnh truyền nhiễm cơ quan nội tạng, đây gần như là nguyên nhân chủ yếu gây tử vong ở việc trẻ sơ sinh. Do thiếu hiểu biết về chăm sóc trẻ sơ sinh, nhiều người còn làm nặng thêm những bệnh tật này. Sai sót của họ chủ yếu ở việc thiếu kiến thức bảo vệ sức khỏe, không hề có kế hoạch khống chế việc ăn uống của trẻ. Trẻ dài dầm, họ không giặt tã mà phơi tã lót dưới nắng rồi lại quần cho trẻ. Vi khuẩn sau khi lên men rất dễ xâm nhập gây viêm nhiễm khoang miệng, người mẹ không chú ý vệ sinh đầu vú, cho con bú không theo quy luật, cứ thấy trẻ khóc là lại "ấn" đầu vú vào, bất luận là ngày hay đêm, chỉ cho trẻ bú dựa theo tín hiệu khóc này. Trẻ càng quấy khóc do tiêu hóa kém thì người mẹ càng cho con bú nhiều, như vậy bệnh tình của trẻ càng nặng thêm. Đa số mọi người đều từng nhìn thấy cảnh tượng người mẹ ôm đứa con đang sốt vào lòng, để bé khỏi quấy khóc, bà mẹ chỉ còn cách nhét đầu vú vào miệng con. Lúc này, một mặt chúng ta cảm thấy những bà mẹ này có tinh thần hi sinh bản thân, mặt khác cũng thực sự hiểu rõ nỗi khổ não mà họ phải chịu đựng.

Do vậy, lí luận khoa học đã đưa ra một số quy luật đơn giản là yêu cầu chúng ta chú ý giữ gìn vệ sinh. Mỗi quy tắc mà nó đề cập tới đều mới mẻ, nếu người lớn vẫn không hiểu những quy tắc đơn giản này thì quả thực đáng ngạc nhiên. Trẻ sơ sinh cũng nên ăn cơm có quy luật giống người lớn; Sau khi tiêu hóa xong một lần, trẻ mới có thể ăn tiếp một số thức ăn mới; Nên điều tiết thức ăn của trẻ dựa theo sự phát triển của chức năng sinh lý và sự khác biệt ở từng độ tuổi. Ví dụ, mỗi lần cho trẻ uống sữa phải cách nhau vài tiếng; Không phải trẻ ở độ tuổi nào cũng có thể cho ăn bánh mì khô, bởi vì trẻ ở độ tuổi này nuốt vụn bánh mì có thể sẽ không tiêu hóa được. Điểm cuối cùng đặc biệt lưu ý là, vì muốn trẻ ngừng quấy khóc, bố mẹ đã nhét bánh mì khô vào miệng trẻ, hiện tượng này thường thấy rõ nhất ở những vùng lạc hậu.

Vấn đề mà các bà mẹ cảm thấy khó giải quyết nhất là: nên làm gì khi trẻ quấy khóc. Trên thực tế, họ sẽ ngạc nhiên khi phát hiện thấy, không cần có bất cứ sự nỗ lực nào, trẻ khóc một lúc thì tiếng khóc sẽ yếu dần rồi ngừng hẳn. Thậm chí họ còn phát hiện, những đứa trẻ khoảng 1 tuổi sẽ rất ngoan ngoãn giữa mỗi lần uống sữa, má đỏ hồng hào, đôi mắt mở to, sự tĩnh lặng của chúng lúc này giống như đại tự nhiên ngừng vận động trong giây lát.

Vì sao trẻ sẽ liên tục quấy khóc? Thực tế, những tiếng khóc này là tín hiệu của sự khó chịu trong lòng, vậy mà thế giới lại cảm thấy không

thể giúp đỡ gì được cho những sinh linh nhỏ bé này. Chúng bị quăn chặt trong tầng tầng lớp lớp tã, có khi còn bị giao cho một đứa trẻ "không thể đảm đương công việc chăm sóc trẻ" chăm sóc, chúng không có phòng của riêng mình, cũng không có giường cho riêng mình.

Chính khoa học đã cứu vớt bọn trẻ, thiết kế cho chúng phòng riêng, nôi và quần áo vừa người, văn minh công nghiệp cũng chuẩn bị cho chúng thức ăn vệ sinh sau khi chúng cai sữa, chuyên gia vệ sinh học cung cấp tới chúng thực phẩm dinh dưỡng. Có thể nói, chúng đã có một thế giới hoàn toàn mới mẻ. Thế giới này tràn đầy niềm vui và trí tuệ. Trẻ trở thành chủ nhân của quyền lợi sinh tồn bản thân. Tất cả những điều này đều là do mở rộng quy tắc vệ sinh.

Điều này giúp chúng ta hiểu rõ rằng, nên cho trẻ tự do về mặt tinh thần, bởi vì sáng tạo tự nhiên sẽ nhào nặn tinh thần của trẻ hơn cả chúng ta. Đương nhiên, điều này không có nghĩa chúng ta phải coi nhẹ thế giới tinh thần của trẻ, thậm chí cứ để nó tự do phát triển. Kì thực, kiểm điểm lại những việc chúng ta làm sẽ phát hiện thấy, mặc dù chúng ta không sáng tạo nên cá tính riêng của trẻ, không thể gây ảnh hưởng trực tiếp tới trí lực và tình cảm của trẻ, song chúng ta lại có rất nhiều trách nhiệm và sự quan tâm. Lâu nay, chúng ta đã xem nhẹ những trách nhiệm này, một số khiếm khuyết nào đó về tinh thần thể hiện ở bọn trẻ chính là do chúng ta đã coi nhẹ trách nhiệm của mình. Bởi vậy, tự do lại không tùy ý, mà là dẫn dắt chúng ta bước ra khỏi giấc mơ vào với hiện thực, chỉ đạo chúng ta phương pháp chăm sóc trẻ tích cực và có hiệu quả.

GIÁO DỤC BẰNG TÌNH YÊU

Con người coi mỗi công việc làm theo quy luật là con đường thực hiện cái tôi, phát triển hài hòa, có được tình yêu, đây chính là một tiêu chí của sức khỏe con người.

Yêu không phải là sự xốc nổi mà là kết quả của quá trình tích lũy tình cảm của con người. Nó giống như một hành tinh tới từ hệ mặt trời. Động lực của tình yêu vừa là sự sai khiến của bản năng, vừa là sức mạnh mang tính sáng tạo của sinh mệnh. Tình yêu được sinh ra trong quá trình sáng tạo này sẽ đầy ắp suy nghĩ của trẻ và chúng đã thực hiện "cái tôi" bằng tình yêu.

Kiểu xốc nổi không thể chống lại trong toàn bộ thời kì mẫn cảm có liên quan tới môi trường xung quanh của trẻ mà chúng ta tưởng tượng, thực tế là một kiểu tình yêu đối với môi trường của trẻ. Nó không phải là

tình yêu theo cách hiểu thông thường, mà là một kiểu tình cảm gây xúc động lòng người, một kiểu tình yêu trí tuệ có thể lý giải và tiếp nhận. Nó là khát vọng tự nhiên dẫn dắt trẻ quan sát sự vật, được Dante xem là "Trí tuệ của tình yêu".

Trong hiện thực, tình yêu đã phát hiện ra trẻ có thể quan sát vai trò của môi trường bằng phương thức mẫn cảm và nhiệt tình, mà trong môi trường, những thứ này thường bị chúng ta xem nhẹ. Đặc điểm của tình yêu là gì? Đó chính là sự vật mà người khác không chú ý lại gây mẫn cảm cho chúng ta, chúng ta có thể thấy rõ chi tiết nhỏ và đặc tính sự vật khi mà người đó còn chưa ý thức được. Mọi người nên hỏi: "Lẽ nào chỉ có tình yêu mới có thể phát hiện ra chúng?". Đúng vậy, nhờ tình yêu mà trẻ có được trí tuệ, niềm vui, nên những thứ người lớn không nhìn thấy thì trẻ lại có thể thấy.

Người lớn cho rằng trẻ có tình yêu nhờ vào hứng thú bẩm sinh đối với môi trường. Song, người lớn lại không nhìn nó từ độ cao của một kiểu sức mạnh tinh thần và một kiểu phẩm chất đạo đức đi kèm sáng tạo.

Tình yêu của trẻ rất thuần khiết. Tình yêu của trẻ là để thỏa mãn những nhu cầu cảm thấy ấn tượng, là để có được nhu cầu trung gian sinh trưởng. Trẻ liên tục tiếp nhận cái mới và khiến nó trở thành một phần của cuộc sống, từ đó sáng tạo nên sinh mệnh bản chất của chính mình. Người lớn là đối tượng yêu thương và thật đáng kính đối với trẻ. Trẻ không chỉ có được vật chất cần thiết từ người lớn, mà còn nhận được rất nhiều sự quan tâm yêu mến. Điều này cần thiết đối với sự phát triển của trẻ. Trẻ học được nhiều từ cần thiết trong lời nói của người lớn. Trong mắt trẻ, miệng của người lớn giống như miệng suối phun, lời nói của người lớn là chất xúc tác thần kì đối với trẻ. Bằng cử chỉ của mình, người lớn đã thể hiện cho trẻ thấy rõ con người đã hành động thế nào. Trẻ bắt chước người lớn, từ đó bắt đầu cuộc sống độc lập của riêng mình. Ngôn ngữ của người lớn có sức hấp dẫn mạnh mẽ đối với trẻ, thậm chí khiến trẻ mê muội. Điều này cho thấy, sức mạnh ám thị trong ngôn ngữ của người lớn vô cùng mãnh liệt. Trẻ quá mẫn cảm với người lớn, đến nỗi cuộc sống và hành động của chúng bị người lớn chi phối ở một mức độ nào đó và từ đó mất đi cá tính của chính mình.

Trẻ phục tùng sức mạnh bắt nguồn từ những ám thị. Người lớn mãi mãi ghi nhớ trong lòng những lời trẻ nói, cũng giống như khắc lên một hòn đá lớn vậy. Khi người mẹ mở một gói đồ bên trong có đựng khăn tay và chiếc còi trước mặt trẻ, phản ứng đầu tiên của con cô ta chính là coi

gói đồ này là "âm nhạc". Do vậy, trước mặt trẻ người lớn nên suy nghĩ cẩn thận trước khi nói, bởi lẽ trẻ khao khát có được tình yêu như vậy.

Cội nguồn tình thần của trẻ chính là vui vẻ phục tùng người khác. Tuy nhiên, khi những bản năng có lợi cho sự phát triển của trẻ bị người lớn tìm mọi cách vứt bỏ thì trẻ sẽ không chịu phục tùng nữa. Vì lợi ích cá nhân, người lớn sẽ cản trở sự sáng tạo của trẻ. Trẻ cáu giận, có hành động phản kháng là kết quả xung đột giữa sự xóc nổi mang tính sáng tạo của trẻ với người lớn - người chúng yêu mến song lại không hiểu chúng. Khi trẻ không phục tùng hoặc tức giận, người lớn nên nghĩ tới nguyên nhân của xung đột này, đồng thời nghĩ rằng đây là cách phòng vệ tâm lý của hoạt động sinh mệnh cần có trong quá trình phát triển của trẻ đối với người khác.

Trẻ yêu chúng ta, lại muốn phục tùng chúng ta, đây là điều chúng ta cần ghi nhớ. Tình yêu của trẻ đối với bất kì thứ nào đều không thể ngang bằng với tình yêu mà trẻ dành cho người lớn. Song, chúng ta lại chỉ biết tới tình yêu sâu nặng của người lớn dành cho trẻ. Chúng ta thường nghe thấy những câu nói như: "Tình yêu thương vô bờ bến của bố mẹ", "cô giáo yêu học sinh như con mình!". Hơn nữa còn dạy trẻ yêu tất cả mọi thứ, yêu bố mẹ, yêu thầy giáo, yêu tất cả mọi người, yêu động vật, yêu thực vật. Vậy ai có tư cách dạy trẻ yêu đây? Ai có thể làm người thầy dạy trẻ nghệ thuật yêu này? Lẽ nào là những người luôn phê bình trẻ không nghe lời, lúc nào cũng chăm chăm bảo vệ bản thân và tài sản để trẻ không thể xâm phạm tới? Rõ ràng, những người này không thể dạy trẻ yêu được, bởi lẽ họ không có thứ mà chúng ta gọi là "trí tuệ của tình yêu".

Trẻ yêu người lớn và cần người lớn làm bầu bạn bên mình. Hơn nữa trẻ mong muốn có thể thu hút sự chú ý của người lớn đối với mình, để có được niềm vui: "Nhìn con này! Chơi cùng con đi!".

Trẻ muốn được người mình yêu thương ru ngủ mỗi tối. Một đứa trẻ đang bú sữa cũng muốn được ăn cơm cùng chúng ta, mục đích của trẻ không phải là được ăn, mà là được ngồi cùng chúng ta. Người lớn thường coi nhẹ tình yêu thẩm thiết kiểu này của trẻ. Song, những đứa trẻ yêu chúng ta thẩm thiết như vậy cuối cùng sẽ lớn, tình yêu cũng sẽ giảm bớt, chúng ta nên nhớ những điều này. Bởi lẽ, lúc đó không có ai yêu chúng ta như trẻ cả. Không có ai nói với chúng ta bằng giọng chứa chan yêu thương mỗi tối trước khi ngủ: "Ngủ cùng con đi!" mà chỉ là chúc chúng ta "ngủ ngon". Không có ai lại khao khát được ngồi ăn cơm cùng chúng ta như trẻ. Chúng ta sợ và cách li tình yêu này, song không bao giờ có

thể tìm thấy một tình yêu nào giống như vậy. Chúng ta lâu lâu nói với trẻ: "Mẹ không có thời gian! Mẹ hết cách rồi! Mẹ bận chết đi được!". Trong lòng chúng ta còn nghĩ: "Phải thay đổi biện pháp, nếu không sẽ trở thành nô lệ của nó". Chúng ta muốn vút bỏ hòn đá vướng chân là trẻ này, để không thực hiện được những việc chúng ta muốn. Không làm vậy, chúng ta sẽ cảm thấy thật bất tiện. Nếu mỗi sáng trẻ chạy lại đánh thức bố mẹ khỏi giấc ngủ say thì thật bức mình! Bảo mẫu là người bảo vệ giấc ngủ mỗi sáng của các ông bố bà mẹ, bởi lẽ, bảo mẫu sẽ ra sức ngăn cản trẻ làm việc này.

Nếu không phải là tình yêu thì vì cái gì cơ chứ, vừa tỉnh dậy đã chạy đi tìm bố mẹ? Mặt trời vừa mọc, trẻ đã rời khỏi giường, chạy đi tìm bố mẹ đang ngủ ngon giấc, dường như muốn nói: "Cuộc sống thiêng liêng và trong sạch quá! Mặt trời lên cao rồi! Sớm mai đã về!". Tuy nhiên, trẻ lại không phải là thầy giáo dạy dỗ họ, mà chỉ là đi tìm người mình yêu. Phòng của bố mẹ vẫn kéo kín rèm, tối thui, ánh sáng buổi sớm không đủ để đánh thức 2 con người đang say giấc này. Trẻ rón rén bước vào phòng, trẻ sợ bóng tối, trong lòng căng thẳng, tuy nhiên nó đã khắc phục mọi khó khăn, vượt ve bố mẹ một cách âu yếm, vậy mà bố mẹ lại tức giận nói: "Bố mẹ đã nói với con bao nhiêu lần rồi, sao vừa sáng sớm đã tới đánh thức bố mẹ dậy thế!".

Trẻ trả lời: "Con không muốn đánh thức bố mẹ dậy, chỉ là muốn vượt ve bố mẹ một chút thôi, con chỉ muốn thơm bố mẹ một cái". Trong lòng trẻ nghĩ: "mình đâu có muốn đánh thức bố mẹ dậy, chỉ là muốn tinh thần họ thoải mái hơn mà thôi".

Tình yêu của trẻ đối với chúng ta quả thực là quan trọng. Bố mẹ lại hồ hững với cuộc sống, cần một đứa trẻ tới đánh thức họ, kích thích họ bằng một năng lực tràn đầy sức sống mà người lớn đã bi mất. Chúng ta cần một người bạn đặc biệt, mỗi sáng sớm nói với mình: "Bố mẹ không nên hồ hững với cuộc sống! Hãy sống tích cực hơn nữa!".

Đúng vậy. Cần phải sống tích cực hơn! Cần cần phải cảm nhận được sự vỗ về của tình yêu!

Nếu không có sự giúp đỡ của trẻ, người lớn sẽ trở nên suy tàn. Nếu không nỗ lực để mới mình, người lớn sẽ dần dần cứng nhắc, cuối cùng sẽ tê liệt và không còn chút nhiệt tình.

NHỮNG ĐỨA TRẺ BẤT HẠNH

Chúng ta có thể tìm thấy một câu chuyện thực sự cảm động và đáng được khen ngợi trong "Ngôi nhà của trẻ" loạt đầu tiên được sáng lập ở Rome. Ngôi nhà của trẻ này hoàn toàn khác với Ngôi nhà của trẻ đầu tiên, bởi lẽ nó được xây dựng dành cho những đứa trẻ mồ côi may mắn sống sót sau trận động đất ở Messina (một trong những tai nạn lớn nhất trong lịch sử nước Italia). Sau trận động đất, thành phố Messina phát hiện thấy có khoảng 60 đứa trẻ may mắn sống sót, chúng đều không biết tên và gia cảnh gia đình mình. Trận động đất đáng sợ đó đã khiến chúng trở nên bi thương, lạnh lùng, trầm mặc, không thiết ăn và thường xuyên mất ngủ. Buổi tối, người ta thường nghe thấy tiếng kêu khóc của chúng.

Hoàng hậu Ý vô cùng quan tâm tới những đứa trẻ này, bà đã cho xây dựng một nhà trẻ dành riêng cho chúng. Ngôi nhà mới này của chúng có đủ các loại đồ dùng màu sắc mới mẻ, thích hợp với chúng như: tủ nhỏ có cánh, bàn tròn nhỏ, bàn hình chữ nhật hơi cao, ghế đứng và ghế có tay vịn. Cửa sổ thì treo rèm nhiều màu sắc. Đồ nấu ăn và nơi nấu ăn cũng đặc biệt thu hút sự chú ý của mọi người. Chúng có dao, thìa, đĩa, đĩa, khăn ăn của riêng mình, thậm chí xà phòng và khăn mặt cũng được thiết kế kích cỡ phù hợp với từng đứa. Trên tường có treo rất nhiều tranh, xung quanh đặt các bình hoa. Đây là một tu viện có vườn hoa rộng rãi, lối đi thoáng dăng, có bể cá vàng và tổ chim bồ câu, những nữ tu mình mặc áo nâu dài, đội khăn trên đầu bình thản bước đi bước lại.

Những nữ tu sĩ này dạy trẻ hành vi cử chỉ tốt đẹp, dần dần giúp chúng hoàn thiện mình hơn. Rất nhiều người trong số họ xuất thân là quý tộc. Những người này nhớ lại hành vi trước đây của họ trong xã hội thượng lưu và truyền lại cho bọn trẻ. Bọn trẻ học cách dùng bữa giống như nhà vua, học cách bê thức ăn giống như người hầu giỏi nhất. Mặc dù, chúng đã mất đi mong muốn tự nhiên đối với thức ăn, song chúng lại cảm thấy hứng thú đối với những kiến thức mới đã được học và vui vẻ tiến hành mọi hoạt động. Nhu cầu ăn uống của chúng dần dần hồi phục và đã có thể nhanh chóng chìm vào giấc ngủ. Sự biến chuyển của chúng quả thực để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng mọi người. Có thể thấy, chúng chạy nhảy khắp mọi nơi, khi thì mang đồ vật ra vườn hoa hoặc khiêng dụng cụ trong phòng ra gốc cây mà không hề làm hỏng bất cứ thứ gì cũng không va quệt đồ vật vào đâu. Trong suốt quá trình, chúng tỏ rõ tinh thần vui vẻ và hạnh phúc. Chúng từ bi thương chuyển sang vui vẻ, đã khắc phục được rất nhiều khiếm khuyết "thâm căn cố đế".

Không chỉ như vậy, một số đặc trưng thường bị coi là khuyết điểm nào đó cũng biến mất. Do vậy, những đứa trẻ này đã mang lại một cuộc đổi mới "mê hoặc lòng người". Với một phương thức khó tin nào đó, chúng cho thấy rõ, con người vừa phạm phải sai lầm thì cần phải đổi mới hoàn toàn. Kiểu đổi mới này chỉ được phát hiện trong nguồn sáng tạo của một người. Nếu không có sự phát hiện này, những đứa trẻ từng tuyệt vọng ở trường chúng tôi sẽ không thể phân biệt chính xác cái thiện và ác trên cơ thể mình, bởi lẽ đối với người lớn điều này sớm đã quyết định rồi. Tính lương thiện của trẻ được đánh giá dựa theo sự thích ứng của chúng đối với môi trường sống của người lớn, mà không là ngược lại. Bản tính tự nhiên của trẻ bị chính quan niệm sai lầm này che đậy. Đứa trẻ ngây thơ trong sáng đã biến mất, nó hoàn toàn là một người lạ trong cuộc sống xã hội của người lớn.

TRẺ LÀ GÌ

Phương pháp giáo dục với cái tên "Montessori" hoàn toàn khác với hình thức giáo dục hiện đại được phát triển gần đây, nó phát hiện thấy một số đặc trưng tinh thần trong trẻ mà trước đây người lớn chưa từng quan sát thấy, nó nhấn mạnh rằng cần phát triển triệt để tiềm năng của trẻ.

Với nhận thức ở trên, cũng như để hiểu trẻ hơn nữa và chọn ra biện pháp bảo vệ quyền lợi của chúng, chúng ta nên lập tức chọn hành động trực tiếp cứu vớt giáo dục. Chúng ta cần hô hào vận động bảo vệ quyền lợi của trẻ, bởi vì trẻ là quần thể yếu thế dưới sự thống trị quyền uy của bố mẹ, chúng không được hiểu và tôn trọng, ngay cả nhu cầu tâm lý còn con cũng thường bị dẹp bỏ. Sự thực chứng minh, hoàn cảnh sống của trẻ quả thực không hề lạc quan.

Trường học Montessori là nơi có thể khiến trẻ phát triển thoải mái. Ở đây, tâm hồn bị áp bức của trẻ có thể được giải phóng hoàn toàn, chúng có thể tự do biểu đạt suy nghĩ trong lòng, thái độ học tập và phương thức hành vi mà chúng biểu đạt cũng khác với quan niệm giáo dục trẻ lưu hành hiện nay. Nó đã khiến chúng ta suy nghĩ tới những sai lầm nghiêm trọng của giáo dục trước đây, và chuyển trọng tâm giáo dục tới cơ thể lẫn cảm của trẻ.

Cái trẻ biểu đạt với chúng ta thông qua tâm trí của chúng, Một số khuynh hướng hành vi của trẻ cũng chưa từng được các nhà tâm lý và giáo dục nghiên cứu. Ví dụ, chúng ta cho rằng trẻ đều rất thích những thứ giống như đồ chơi, song có trẻ lại chẳng có hứng thú gì, thậm chí

chuyện cổ tích cũng không thể hấp dẫn chúng. Ngược lại, chúng luôn muốn thoát khỏi sự khống chế của người lớn, muốn động tay vào mọi việc, trừ những việc ngoài khả năng của mình ra. Khi làm việc, trẻ vô cùng chăm chú và tĩnh lặng, với tinh thần làm việc hăng say đáng khâm phục!

Kiểu tinh thần và năng lực biểu hiện rõ ở trẻ này, trước đây bị người lớn can thiệp không thỏa đáng, nên đã bị ức chế trong một thời gian dài. Người lớn cho rằng, những việc mình làm nhất định hoàn mỹ hơn trẻ, nên đã áp đặt quy tắc và kiểu mẫu của mình vào trẻ, muốn khống chế hành vi của trẻ, ép chúng khuất phục và từ bỏ ý tưởng sáng tạo cũng như nguyện vọng của chúng.

Người lớn tự cho mình đã hiểu mọi hành vi của trẻ và cho rằng mọi biện pháp đối xử của mình với trẻ đều đúng đắn, điều này đã dẫn đến lệch lạc trong giáo dục trường học, thậm chí đã chỉ đạo sai toàn bộ thể chế giáo dục. Những sai lầm của các phương pháp giáo dục này khiến chúng ta phải suy nghĩ lại. Lâu nay, mối quan hệ giữa người lớn và trẻ nhỏ vẫn ở vào trạng thái mâu thuẫn đối lập nhau. Hiện nay, mối quan hệ đối lập này đang đối mặt với sự sát hạch của xã hội. Muốn thay đổi mối quan hệ đối lập giữa người lớn và trẻ nhỏ, chúng ta buộc phải chọn hành động "cải cách phương pháp giáo dục", hành động này không chỉ nhằm vào những người làm công tác giáo dục, mà còn cần thu hút tất cả mọi người, đặc biệt là những người sắp làm bố, mẹ.

Phương pháp giáo dục của trường Montessori đã gây tiếng vang lớn khắp các nước có nền văn hóa khác nhau trên thế giới. Hiện nay, trường học Montessori được thành lập ở rất nhiều nơi, phương pháp giáo dục của nhà trường nhận được sự coi trọng của các nước, điều này đã chứng minh mâu thuẫn và xung đột giữa người lớn và trẻ nhỏ là hiện tượng phổ biến toàn cầu. Ngay từ lúc sinh ra trẻ đã bắt đầu chịu áp chế của người lớn. Đáng sợ là, nhiều người trong chúng ta lại không hề cảm nhận được điều này. Trong xã hội được cho là văn minh ấy, trẻ không được tự do phát triển, do xã hội đã đặt ra qua nhiều nghi lễ phiền phức cho trẻ, người lớn đã có quá nhiều hành vi trói buộc mang tính cưỡng ép đối với trẻ.

Một đứa trẻ phát triển dưới sự kiểm soát của người lớn, thì nhiều nhu cầu của nó sẽ không được thỏa mãn. Nhu cầu ở đây không đơn thuần là nhu cầu về cơ thể mà quan trọng hơn là nhu cầu về tâm lý. Nhu cầu tâm lý của trẻ có được thỏa mãn hay không là nhân tố quan trọng ảnh hưởng tới sự phát triển đạo đức và trí năng sau này của trẻ.



Trẻ bị người lớn áp chế quá mức, không những không thể làm việc theo ý thích của mình, mà còn không thể thích ứng với môi trường mà mình ghét bỏ. Tất cả những điều này đều là vì người lớn "ngây thơ" cho rằng làm vậy là giúp trẻ học cách đứng vững trong xã hội. Hầu như "không hện mà gặp", mọi hành vi giáo dục này đều đã chọn phương thức mệnh lệnh, thậm chí là biện pháp thô bạo, ép trẻ thích ứng với chuẩn tắc sống của người lớn. Đặc trưng cơ bản của biện pháp này là yêu cầu trẻ phải phục tùng vô điều kiện mệnh lệnh của người lớn. Đồng nghĩa với việc phủ định "trẻ là một cá thể tồn tại độc lập". Đây quả thực là một sự bất công đối với trẻ, Trong khi những tổn thương về cơ thể và tâm hồn mà trẻ gánh chịu ngay cả người lớn cũng khó mà chịu nổi.

Tâm lý quyền uy của người lớn đối với trẻ đã ăn sâu vào từng gia đình, dù những đứa trẻ này có được yêu thương thế nào thì cũng không thể thoát khỏi sự áp chế quyền uy của người lớn. Giáo dục cường quyền trong gia đình kiểu này càng có ở trong các trường học. Hành vi cường quyền có tổ chức trong trường học khiến trẻ sớm thích ứng với xã hội người lớn. Mục đích của kiểu giáo dục này là muốn trẻ sớm hòa hợp với cuộc sống của người lớn. Thực tế, tiêu chuẩn bài học và quy định mang tính cưỡng chế nghiêm khắc ở trường học đã khiến cuộc sống thường ngày của bọn trẻ chứa đầy nỗi lo âu và căng thẳng. Không nghi ngờ gì, phương pháp giáo dục theo kiểu quyền uy của người lớn và nhà trường là một kiểu áp lực to lớn đối với những đứa trẻ thiếu khả năng đề kháng. Trong tình cảnh này, chúng đã thốt lên những tiếng kêu cứu sợ sệt hoang mang, song lại không hề nhận được sự quan tâm chú ý của ai cả. Bọn trẻ mong đợi có người lắng nghe ý kiến của chúng, nhưng chúng "năm lần bảy lượt" va phải tường, tâm hồn non nớt đã bị tổn thương nghiêm trọng. Dần dần, chúng trở thành những đứa trẻ không chịu nghe lời, hơn nữa chẳng coi trọng bản thân và có những hành vi tùy tiện, không đúng phép tắc.

Nếu chúng ta coi hạnh phúc của trẻ là mục đích thì nên chọn biện pháp hợp tình hợp lý, tạo ra một môi trường học tập tốt đẹp cho trẻ. Trẻ có thể tự do phát triển trong môi trường này, mà không chịu bất cứ sự áp chế và sự can thiệp nào của người lớn. Môi trường này giống như nơi tránh gió của trẻ hoặc ốc đảo trên sa mạc, trở thành nơi nuôi dưỡng tâm hồn trẻ, đảm bảo cho trẻ phát triển khỏe mạnh.

Trẻ chịu sự áp chế của người lớn là một vấn đề xã hội của toàn thế giới. Trong lịch sử, những người bị áp chế cường quyền bao gồm nô lệ, người hầu và công nhân, những người thuộc về quần thể yếu thế. Biện



pháp duy nhất để họ có thể thay đổi cuộc đời chính là dựa vào cải cách xã hội, mà cải cách xã hội thông thường xảy ra sau khi có sự xung đột giữa kẻ thống trị và kẻ bị thống trị (mục đích của cuộc nội chiến ở Mỹ là phá bỏ chế độ nô lệ (da đen); Cuộc đại cách mạng ở Pháp là để lật độ giai cấp thống trị, xây dựng chế độ mới,...).

Vấn đề xã hội có liên quan mật thiết với trẻ không đơn thuần là vấn đề của một giai cấp, dân tộc hay quốc gia. Một đứa trẻ chỉ "đóng vai phụ" bên cạnh người lớn sẽ không thể tồn tại độc lập trong môi trường xã hội. Biện pháp "không để ý tới quyền lợi trẻ" của người lớn đã phá hỏng tính chỉnh thể của một xã hội. Những đứa trẻ bị xem là "vật phụ thuộc" vào người lớn "trói gà còn không chặt", nói gì tới đòi hỏi quyền lợi cho mình. Tất cả những ai quan tâm tới phúc lợi của trẻ đều công nhận rằng: Trẻ là người bị hại vô tội, chúng cần nhận được sự đồng tình của toàn xã hội.

Mọi người thường so sánh trẻ bất hạnh với trẻ hạnh phúc, trẻ xuất thân nghèo hèn và trẻ xuất thân trong gia đình giàu có, trẻ bị ghét bỏ và trẻ được yêu chiều. Những kết quả so sánh này đều cho thấy, ngay từ thời kì trẻ nhỏ, đã có sự khác biệt về cá tính con người, hơn nữa những năm tháng ấu thơ thực sự có ý nghĩa sâu sắc và ảnh hưởng to lớn đối với cuộc sống thành niên sau này.

Trẻ là gì? Là vật phẩm do người lớn chế tạo ra? Là một tài sản tư hữu của người lớn? Bất cứ sự sở hữu nào của chủ nô lệ đối với nô lệ đều không thể hoàn toàn giống như bố mẹ đối với con, cũng không có một người hầu nào mãi mãi phục tùng mệnh lệnh giống như trẻ. Xưa nay, chưa có quyền lợi của người lớn nào bị coi thường giống như quyền lợi của trẻ; Chưa có một nhân viên nào phải tuân thủ quy định một cách mù quáng giống như trẻ (chỉ ít ngoài giờ làm, nhân viên còn có thể tự do thời gian, làm việc mình thích). Thiết nghĩ, chẳng ai lại mong muốn mình ở vào địa vị của trẻ (luôn bị người lớn áp chế bằng các quy định nghiêm khắc). Xã hội này xưa nay chưa từng coi trẻ là một người độc lập. Do vậy, trong một gia đình, người mẹ phụ trách việc giặt giũ nấu ăn, người bố lo việc kiếm tiền, họ chỉ cần tiện thể chăm trẻ là được rồi. Người lớn luôn cho rằng, sự sắp xếp như vậy chính là cung cấp sự chăm sóc tốt nhất cho trẻ.

Từ xưa tới nay, mọi tư tưởng đạo đức và lý luận triết học dường như đều coi người lớn là chủ đạo, vấn đề xã hội có liên quan tới trẻ bị xem nhẹ, chưa có ai nghĩ rằng trẻ là một cá thể độc lập hoàn toàn khác với

người lớn, cũng chưa có ai suy nghĩ tới tính tình mỗi trẻ mỗi khác, hoặc nghĩ tới những đứa trẻ đạt thành tích phi phạm sau này có nhu cầu cá biệt gì? Người lớn chỉ coi trẻ là người yếu ớt "chưa biết suy nghĩ", và cho rằng trẻ nên làm việc theo mệnh lệnh của họ. Đáng tiếc là, không có ai thật sự hiểu được rằng trẻ đã phải chịu dày vò như thế nào. Trong lịch sử nhân loại, trang ghi chép có liên quan tới công việc và cuộc sống của trẻ vẫn còn để trống, chúng tôi hi vọng có thể viết đầy trang giấy này.

TRẺ 3 TUỔI

Tạo hóa đã vạch ra một đường ranh giới khi trẻ 3 tuổi, sự phát triển của trẻ dưới 3 tuổi và trẻ trên 3 tuổi được phân tách thành 2 phần. Phần đầu mặc dù rất quan trọng và chứa đầy sự sáng tạo, song giống như thời kì bào thai (trước khi trẻ sinh ra) đã trở thành thời kì bị lãng quên, bởi lẽ trẻ tới 3 tuổi mới bắt đầu có ý thức và có trí nhớ. Trong thời kì phát triển của phôi thai tâm lý, có một số hoạt động phân tách, độc lập như ngôn ngữ và hoạt động của tứ chi, hay như thời kì trước khi sinh, từng cơ quan trong cơ thể thai nhi lần lượt xuất hiện, song bản thân trẻ lại chẳng nhớ gì. Trẻ trước 3 tuổi vẫn chưa hình thành nhân cách, chỉ khi cấu trúc các bộ phận cơ thể hoàn thành thì trẻ mới có thể thống nhất hoàn mỹ.

Quyền kết nối với chúng ta của trẻ hầu như bị tạo hóa cướp mất, trừ khi chúng ta biết được tiến trình sinh mệnh thời kì đầu của trẻ hoặc nhận biết được bản tính của trẻ. Nếu không, rất có thể chúng ta vô ý phá hỏng bộ phận mà trẻ đã xây dựng xong. Chúng ta sáng tạo nên văn minh, song đã xa rời con đường vốn có của sinh mệnh. Nhân loại trải qua thử thách của văn minh, chỉ biết bảo vệ quyền lợi vật chất, mà không biết bảo vệ linh hồn của mình. Kết quả là, để lại cho trẻ môi trường với đầy trở ngại.

Trẻ hoàn toàn lớn lên dưới sự kiểm soát của người lớn, trừ khi có những chỉ thị khoa học tới từ tạo hóa, nếu không chúng sẽ gặp trở ngại do người lớn gây ra trong quá trình phát triển. Trẻ 3 tuổi cần được hoạt động trong môi trường sống mới có thể phát triển thuận lợi. Trẻ có thể vận dụng năng lực có được trong 3 năm đầu tiên, cho dù chúng đã quên những sự việc xảy ra trước đó, song năng lực của trẻ đã "thấm thấu" vào mọi tầng bậc của ý thức, năng lực này có thể được biểu hiện ra nhờ hoạt động của sinh mệnh. Trí tuệ có thể dẫn dắt trẻ chấp hành ý chí tâm hồn trong khi vui chơi.

Trẻ trước 3 tuổi thăm dò thế giới dựa vào tâm hồn, sau 3 tuổi thăm dò thế giới dựa vào đôi tay, năng lực trẻ có được trước đây (ví dụ ngôn ngữ chẳng hạn), cũng sẽ hoàn thiện hơn sau khi trẻ 3 tuổi. Trẻ 3 tuổi mặc dù đã có xu hướng phát triển hoàn thiện mọi mặt, song vẫn cần tiếp tục mở rộng thêm nội dung cho tới khi được 4 tuổi rưỡi, trẻ vẫn có năng lực học tập thời kì phôi thai tâm lý, mà không biết đến mệt mỏi; Lúc này, đôi tay đã trở thành cơ quan tiếp xúc trực tiếp với sự vật, sự phát triển mang tính mở rộng chủ yếu dựa vào đôi tay mà không phải là chạy khắp mọi nơi bằng đôi chân. Trẻ 3 tuổi có thể chơi liên tục trong khoảng thời gian dài, nếu đôi tay liên tục bận rộn thì trẻ sẽ có niềm vui "như cá gặp nước". Đây là thời kì vui chơi mà người lớn cho rằng hạnh phúc nhất. Trên thị trường cũng có rất nhiều đồ chơi "lựa ý hòa theo" nhu cầu vui chơi của trẻ độ tuổi này, kết quả là, trong phòng của trẻ chứa đầy đồ chơi vô bổ và không có lợi cho sự phát triển tâm trí của trẻ. Trẻ muốn mọi đồ chơi bên mình, song người lớn chỉ cho chúng chơi một số thứ, mà cự tuyệt những yêu cầu khác. Thực sự, nên cho trẻ tiếp xúc với cát trong tự nhiên (ở những nơi không có cát, người ta có thể mua về một ít). Nước cũng là thứ có thể cho trẻ chơi, song người lớn lại chỉ cho trẻ một chút cón con, nước và cát đều sẽ làm ướt và bẩn quần áo trẻ, người lớn lại phải giặt rửa, thật phiền phức. Khi trẻ chơi chán cát, người lớn sẽ cho trẻ làm việc nhà, những thứ như căn phòng nhỏ, đàn piano đều không thể thực sự dùng được, họ nhìn thấy trẻ muốn bắt chước người lớn làm việc nhà, nhưng những thứ họ cho trẻ lại đều là đồ giả. Thật nực cười!

Khi không thể chơi cùng trẻ, người lớn sẽ vút cho trẻ một con búp bê làm bầu bạn. Nhưng búp bê lại không biết nói, cũng không thể đáp lại tình yêu mà trẻ dành cho nó (chỉ có thể làm vật thay thế trong cuộc sống của trẻ). Đồ chơi dần dần trở nên quan trọng, bởi vì người lớn nhận thấy rằng nó có ích cho sự phát triển trí lực của trẻ. Điều này đương nhiên tốt hơn là chẳng có thứ gì, vấn đề là trẻ rất nhanh chán và luôn muốn đồ chơi khác. Đôi khi trẻ cố ý phá hỏng đồ chơi của mình, song người lớn vẫn cho rằng trẻ thích tháo rời đồ chơi hoặc có "âm mưu" phá hoại. Đó là vì trẻ không thấy có đồ chơi nào phù hợp với mình, trẻ không thích chúng nữa, có lẽ là vì chúng đều là đồ giả. Trẻ sẽ trở nên thờ ơ, không chuyên chú làm bất cứ việc gì, thậm chí nhân cách cũng lệch lạc. Kì thực, trẻ thời kì này rất muốn bắt chước người lớn mọi mặt để hoàn thiện mình hơn, nhưng sự nỗ lực này thường bị người lớn phủ định, khiến trẻ phạm phải sai lầm.

Xã hội càng văn minh thì hoàn cảnh sống của trẻ càng đáng thương. Trẻ sinh ra trong xã hội đơn giản lại rất vui vẻ, trẻ có thể tự do sử dụng đồ vật xung quanh, bởi lẽ, những đồ vật này không hề đắt đỏ và không phải lo lắng khi phá hỏng chúng. Khi người mẹ giặt quần áo hoặc nướng bánh mì, trẻ cũng có thể tham gia cùng. Nếu có thể tìm được việc phù hợp, trẻ có thể lo liệu cuộc sống của mình.

Sự thực này thật khó tin: Trẻ 3 tuổi nhất thiết phải tự mình làm mọi thứ. Nếu cho trẻ đồ vật có kích cỡ vừa với trẻ, để trẻ được thao tác giống người lớn thì tính cách trẻ sẽ trở nên hài hòa, ổn định. Trẻ không để ý tới những thứ còn thiếu trong môi trường sống, bởi trẻ sẽ thích ứng với môi trường mình đang sống thông qua những việc mình được làm. Tạo hóa đã cho trẻ hưởng thụ niềm vui "hoàn thành một công việc". Bởi vậy, "phương thức giáo dục mới" đã đưa ra lí luận hợp với sức mạnh và hứng thú của trẻ. Người lớn có công việc đồng áng hoặc cuộc sống đời thường thì trẻ cũng như vậy, cũng cần có ruộng vườn và nhà của riêng mình. Không cần thiết phải cho chúng đồ chơi mà chỉ nên cho chúng những công cụ nhỏ để chúng tự làm việc trong vườn của mình; Không cần cho chúng chơi trò "đồ hàng", mà nên cho chúng một ngôi nhà thực sự; Không cần cho chúng búp bê, mà nên cho chúng chơi với các bạn cùng trang lứa, để chúng được thể nghiệm cuộc sống xã hội. Chúng ta nên làm vậy để thay thế những loại đồ chơi đơn nhất trước đây.

Khi chúng ta vứt bỏ đồ giả sang một bên, cho trẻ đồ thật, phản ứng của trẻ sẽ khiến chúng ta không ngờ tới. Bọn trẻ sẽ biểu hiện những tính cách khác nhau, chúng sẽ từ chối sự giúp đỡ và tỏ rõ muốn làm việc độc lập, mẹ hoặc giáo viên chỉ được ngồi quan sát cạnh bên và trẻ đã trở thành chủ nhân nhỏ bé thực sự.

Nhiều năm trước đây, tôi may mắn được nhìn thấy sự thực này ở Rome, nếu lúc đó không có những tình tiết đặc biệt thì tôi cũng không thể thấy được. Giả dụ "Ngôi nhà của trẻ" khi đó là tòa nhà cao cấp được xây dựng ở New York, có lẽ sẽ không thấy được sự thực đáng chú ý này. Rất nhiều trường học quý tộc không hề thiếu giáo cụ, nhưng những đứa trẻ ở đây lại phải chịu sự quấy rầy khác.

Khi đó 3 nhân tố môi trường có lợi cho quan sát là:

1. Trường học được xây dựng ở vùng vô cùng nghèo nàn, trẻ thiếu thốn đủ thứ, song môi trường tự nhiên ở đây rất tốt, bởi vậy, tâm hồn trẻ rất phong phú.

2. Bố mẹ của những đứa trẻ này đa số mù chữ, không biết cách chăm sóc trẻ.

3. Giáo viên đều không phải là những người tốt nghiệp trường chuyên ngành nên vẫn chịu ảnh hưởng của giáo dục truyền thống.

Nếu làm cuộc thí nghiệm này ở Mỹ thì sẽ không thể thành công, bởi lẽ họ sẽ tìm những giáo viên giỏi nhất để hợp tác, mà "giáo viên giỏi" đã học được rất nhiều thứ không hề có ích cho trẻ. Trong đầu họ chứa đầy quan niệm cản trở độc lập tự chủ của trẻ. Họ chỉ biết áp chế quan niệm của mình và nên gây trở ngại cho sự phát triển của trẻ. Chúng tôi đều hi vọng thí nghiệm trên thu được thành công, cần lấy những đứa trẻ nghèo này làm đối tượng nghiên cứu, tạo cho chúng một môi trường mà chúng chưa từng được sống, thiết kế giáo cụ phù hợp với chúng, khơi dậy hứng thú bên trong và làm thức tỉnh sự chú ý của chúng. Thí nghiệm cách đây 40 năm đã gây chấn động mạnh trong xã hội, bởi lẽ, mọi người chưa từng nhìn thấy trẻ 3 tuổi có thể biểu hiện như vậy. Tuy nhiên, trẻ chăm chú vào một việc chỉ là biểu hiện cơ bản nhất của trẻ. Tiếp đến, các cuộc thí nghiệm khác lần lượt được tiến hành và bọn trẻ đều quyến luyến say sưa trong đó. Trong môi trường "không thể khiến trẻ thỏa mãn" trước đây, bọn trẻ chỉ có thể chạy đi chạy lại một cách lo lắng, chứ không thể chuyên tâm làm việc. Hiện nay, chúng tôi đã chứng minh, đó không phải là tính cách thực sự mà trẻ nên biểu hiện.

Chúng ta cần hiểu rằng, trong trẻ 3 tuổi có một thầy giáo luôn luôn dẫn dắt trẻ đi "đúng đường đúng lối". Trẻ tự do mà chúng ta nói tới chính là những đứa trẻ làm theo sự hướng dẫn của sức mạnh tâm hồn. Những đứa trẻ nhận sự chỉ dẫn của tâm hồn sẽ làm việc một cách triệt để. Ví dụ, người lớn vốn chỉ muốn trẻ lau mặt bàn, nhưng trẻ sẽ lau cả chân bàn, xung quanh bàn, thậm chí là cả các kẽ bàn. Nếu giáo viên cho phép trẻ làm việc tự do, trẻ sẽ làm việc một cách say sưa. Trước mặt trẻ, đa số giáo viên thường giáo huấn hoặc cắt ngang lời trẻ. Bởi vậy, những đứa trẻ nhận sự chỉ dẫn tự nhiên của tâm hồn sẽ không thể hòa hợp với giáo viên thích thuyết giáo. Giáo viên có thể cho rằng nên từ dễ tới khó, dần dần dẫn dắt trẻ tiến bộ hoặc để trẻ tiếp thu kiến thức từ đơn giản tới phức tạp, song trẻ lại có thể thích "khó trước dễ sau", thậm chí đôi lúc thể hiện tiến bộ vượt bậc.

Một thành kiến khác của giáo viên chính là nhận thức đối với sự mệt mỏi. Khi trẻ có hứng thú với sự vật nào đó thì sẽ không cảm thấy mệt mỏi, nhưng giáo viên cứ cách vài tiếng lại cho trẻ nghỉ một chút, điều này đã khiến trẻ mất đi hứng thú với việc đang làm và cảm thấy mệt mỏi. Những giáo viên tốt nghiệp trường sư phạm đa phần đều có thiên kiến này, hầu như không có thuốc chữa trị. Đa số các trường đại

học hiện nay cũng có thiên kiến này, cho rằng mỗi tiết học chỉ nên kéo dài 45 phút sau đó nghỉ giải lao một chút, điều này vô cùng có hại với trẻ. Giáo dục là logic phục tùng xã hội loài người, song linh hồn tự nhiên lại có quy tắc khác. Xưa nay, con người xem hoạt động trí lực và hoạt động cơ thể là hai chuyện hoàn toàn khác nhau, cho rằng chỉ có ngồi tĩnh lặng trong phòng học bài mới là hoạt động trí lực, mà hoạt động cơ thể lại nên tách rời khỏi trí lực. Điều này đồng nghĩa với việc tách trẻ làm đôi, khi trẻ suy nghĩ, không cho trẻ hoạt động tay chân, song thực tế, trẻ không dùng đôi tay thì không thể suy nghĩ được, thậm chí còn phải liên tục chạy đi chạy lại, giống như nhà triết học lang thang khắp nơi thời Hi Lạp cổ đại, cần phải tiến hành song song cả hành động và suy nghĩ.

Chúng tôi đang nỗ lực hết sức mình để giúp đỡ giáo viên thoát khỏi những thiên kiến này, thành tích lớn nhất của chúng tôi cũng nằm gọn ở đây. Nếu trong hệ thống giáo dục vẫn có không gian tưởng tượng và ít những giáo viên có quan điểm giáo dục sai lầm thì quả là "cảm tạ trời đất". Đây mới là mô hình lý tưởng. Đương nhiên, giáo viên mới cần phải biết một số sự việc cơ bản nào đó. Ví dụ, đối tượng thí nghiệm đầu tiên của tôi là nhân viên quản lý nhà trẻ, tôi bảo cô ta nên rời đi sau khi dạy trẻ cách sử dụng đồ vật, để chúng tự mình thao tác. Mặc dù chưa từng được học sâu về giáo dục, song cô ta chấp hành nhiệm vụ rất tốt, bởi vậy, khi thấy bọn trẻ biểu hiện vô cùng hoàn mĩ, cô ta đã rất kinh ngạc, cho rằng có một thiên sứ hoặc thần linh đang giúp trẻ làm việc. Có lúc, cô chạy tới chỗ tôi nói với giọng điệu vô cùng phấn kích: "Thưa bà, hôm nay, tôi thấy bọn trẻ bắt đầu viết chữ!" Những những câu chữ xinh đẹp mà bọn trẻ viết ra, dường như có thần linh trong tâm hồn của chúng, bởi vì trước đây chúng chưa từng viết chữ, cũng chưa từng đọc bất kì cuốn sách nào.

Kinh nghiệm cho chúng tôi biết, giáo viên cần mạnh dạn "nói lỏng tay", chỉ chuẩn bị dụng cụ cho chúng, còn để chúng tự làm thao tác. Nhiệm vụ của chúng tôi chính là để phụ huynh và giáo viên hiểu, không nên can thiệp vào công việc của trẻ, dù trẻ làm sai cũng chẳng vấn đề gì, đây chính là cái gọi là "Phương pháp giáo dục không can thiệp". Giáo viên nên phán đoán trẻ có thể muốn gì, giống như một người hầu đứng lui sang một bên sau khi đã chuẩn bị xong, bữa tối cho chủ. Đồng thời cần thường xuyên theo dõi, chú ý tới mọi hoạt động của trẻ và cung cấp cho chúng thêm những tư liệu cần thiết.

Những phụ huynh có trình độ văn hóa thấp nhiệt tình nhất với công việc của chúng tôi. Khi trẻ viết được chữ đầu tiên, những ông bố bà mẹ

không biết chữ sẽ vui mừng tới mức bế bồng con mình lên; Vậy mà những người có tiền lại tỏ vẻ thờ ơ, có thể còn hỏi nhà trường liệu có bài học về giáo dục mĩ đức không, đối với họ thành quả viết ra chữ đầu tiên của trẻ dường như chẳng có ý nghĩa gì. Có phụ huynh sẽ nói công việc kiểu như quét dọn vệ sinh là việc của người hầu, mục đích trẻ tới trường học không phải là làm những công việc hèn kém này; Còn có người cho rằng con mình quá nhỏ, chưa tới tuổi học toán, sợ ảnh hưởng tới não, do vậy đã can thiệp vào công việc giáo dục. Như vậy trẻ sẽ có cảm xúc rất phức tạp (vừa có cảm giác tốt đẹp lại có cảm giác tự ti), trở thành người không khỏe mạnh cả về thể chất lẫn tâm hồn.

Trong thí nghiệm giáo dục của chúng tôi, những sự việc mà người ngoài cho rằng rất tồi tệ lại thường có giá trị thực tế, những thí nghiệm này không chỉ ảnh hưởng tới sự phát triển của trẻ, mà còn khiến người lớn tỉnh ngộ. Trong "Ngôi nhà của trẻ" thời kì đầu, sau khi được thao tác làm việc nhà, bọn trẻ sẽ chạy đi báo với bố mẹ chúng rằng, quần áo bị bẩn sẽ phá hỏng hình tượng của mình. Dần dần, quần áo bố mẹ của chúng cũng bắt đầu trở nên sạch sẽ không vết bẩn, mỗi lần đi ra ngoài họ đều ăn mặc gọn gàng. Không ít ông bố bà mẹ còn bắt đầu đọc sách viết chữ, bởi vì những thứ này con của họ đã biết rồi. Không khí và môi trường của toàn bộ xã hội đã bắt đầu thay đổi nhờ có trẻ, dường như chúng ta đang nắm trong tay một chiếc gạt phép thuật.

NGƯỜI LỚN VÀ TRẺ NHỎ

Hiện nay, giáo dục không chỉ được xem là một môn nghệ thuật, mà còn là một môn nghiên cứu quan trọng trong lĩnh vực khoa học xã hội. Ngoài dựa vào kĩ thuật khoa học thay đổi môi trường bên ngoài ra, biện pháp có hiệu quả nhất cho sự tiến bộ và phát triển nhân loại còn phải nhờ vào sự giúp đỡ của khoa học giáo dục đối với trẻ nhỏ. Không chỉ các nhà khoa học và các nhà giáo dục có hứng thú mạnh mẽ đối với việc nghiên cứu khoa học giáo dục, mà mọi người dân cũng tỏ rõ sự quan tâm tới vấn đề này. Quan niệm giáo dục hiện đại có 2 nguyên tắc chính, một là hiểu và bồi dưỡng đặc chất cá nhân của trẻ (tức là hiểu bản tính của từng trẻ, từ đó dẫn dắt trẻ phát triển dựa theo tính cách riêng của mình), hai là giải phóng trẻ.

Mặc dù khoa học giáo dục đã giải quyết được vô số vấn đề nan giải về giáo dục trẻ nhỏ, song muốn hiểu rõ tôn chỉ của giáo dục hiện đại, còn cần giải quyết nhiều khó khăn khó khắc phục. Trong giáo dục hiện đại, từ "vấn đề" thường được xem là vấn đề nghiên cứu chính. Ví dụ, mọi

người thường đề cập tới vấn đề nhà trường, vấn đề tính cách, vấn đề hứng thú và năng lực,... Tuy nhiên trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học khác lại dùng khá nhiều hai chữ "nguyên lý". Ví dụ nguyên lý bức xạ, nguyên lý sức hút trái đất,... Nói chung, trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học, đa phần vấn đề phát sinh ở những nơi và những bộ phận bên ngoài không rõ ràng, trọng tâm của nghiên cứu khoa học lại bao gồm việc phát hiện và giải quyết vấn đề. Nhưng trong giáo dục hiện đại mang tính thực nghiệm, lại không nhìn thẳng vào vấn đề quan trọng, điều này đồng nghĩa với xa rời quỹ đạo chính của khoa học. Dù cho có người nói: *"Tôi đã giải quyết được toàn bộ vấn đề giáo dục, tôi cũng có nhiều phát hiện mới trong lĩnh vực tinh thần nhân loại, tôi sẽ đưa giáo dục vào vị trí đơn giản, rõ ràng"*, song các học giả vẫn không tin vào luận điệu này. Xã hội có một kiểu áp lực vô hình, ép mọi người phải thích ứng với một số sự việc khó mà tưởng tượng, đồng thời cũng phải thích ứng với một số bó buộc về lễ giáo xã hội. Do vậy, mỗi người ít nhiều đều phải hi sinh bản thân mình. Bọn trẻ cũng vậy, chúng phải hi sinh vì nghĩa vụ học tập, dù chúng ta hi vọng bọn trẻ được hưởng thụ niềm vui học tập. Chúng phải học hành chăm chỉ, nhưng lại không được để bản thân quá mệt mỏi. Một mặt, chúng ta hi vọng trẻ tự do tự tại, mặt khác lại yêu cầu trẻ phục tùng, những mâu thuẫn giữa suy nghĩ và hiện thực này đã dẫn tới rất nhiều vấn đề về giáo dục. Ý nghĩa cơ bản của cái gọi là cải cách giáo dục chính là làm giảm bớt những tổn thương do giáo dục nặng nề mang lại. Ví dụ, chỉnh sửa lại các bài học và cơ chế giáo dục, nhấn mạnh tầm quan trọng của vận động và nghỉ ngơi,... Vậy mà, những phương án bổ sung này lại không thực sự mang lại hiệu quả trong việc cho trẻ tự do phát triển.

Dù thế nào, tuyệt đối chúng ta không được nhượng bộ và thỏa hiệp trong việc giải quyết vấn đề giáo dục. Nhất định chúng ta cần tiến hành cải cách thực sự, khai thông con đường giáo dục mới mẻ, bởi lẽ các vấn đề giáo dục hiện nay vẫn chưa có lối thoát.

Khi các lĩnh vực khoa học khác sớm đã xuất hiện rất nhiều phát minh có lợi cho loài người thì khoa học giáo dục vẫn chưa có tiến bộ gì mới mẻ. Trong lĩnh vực nghiên cứu giáo dục, mỗi hạng mục đang được triển khai đều giới hạn ở việc nghiên cứu hiện tượng bên ngoài. Theo thuật ngữ y học thì đây chính là "trị bệnh mà không trị tận gốc".

Mọi triệu chứng khác nhau có thể đều do một căn bệnh gây ra, muốn giảm bớt đau, nếu chỉ chữa trị lần lượt từng triệu chứng một, mà không tìm ra nguyên nhân gây bệnh thì chỉ uổng phí công sức. Ví dụ,

tim hoạt động khác thường có thể dẫn tới rối loạn chức năng các cơ quan trong cơ thể, nếu chúng ta chỉ chữa trị một trong số các cơ quan đó, mà không tìm cách khôi phục lại chức năng bình thường của tim, thì mọi triệu chứng vẫn sẽ tiếp tục xuất hiện. Hay như ví dụ liên quan tới nhiệm vụ của thần kinh. Giả dụ, một nhà phân tích tâm lý phát hiện thấy, do tâm tư hoảng loạn và suy nghĩ sai lầm khiến người bệnh mắc bệnh thần kinh, vậy thì nhà phân tích tâm lý này sẽ phải tìm ra nguyên nhân của bệnh, làm sáng tỏ nguyên nhân của bệnh được chôn chặt trong tiềm thức. Khi phát hiện ra nguyên nhân chính gây bệnh thì cần từ từ giải quyết mọi vấn đề, đưa ra phương án chữa trị cụ thể, như vậy mới có thể khiến bệnh tình thuyên giảm và không gây hại gì.

Vấn đề giáo dục mà tôi đề cập tới cũng có triệu chứng bên ngoài giống như ví dụ ở trên. Do một nhân tố quan trọng tiềm ẩn gây ra, nhân tố này không liên quan tới ý thức tiềm ẩn của con người. Cách giáo dục của Montessori không kiên trì với "trình tự bệnh trạng" giống với cơ chế giáo dục hiện nay, mà kiên trì với đường lối kì vọng vạch trần và chữa trị khỏi bệnh kinh niên của giáo dục. Sự xuất hiện của giáo dục Montessori đã khắc phục được nguyên nhân dẫn tới những vấn đề nan giải trong giáo dục.

Cái gọi là "vấn đề giáo dục" mà chúng tôi phát hiện ra hiện nay, đặc biệt là những vấn đề có liên quan tới cá tính, phát triển cá tính và phát triển trí năng của trẻ, thực tế đều bắt nguồn từ xung đột và đối lập giữa người lớn và trẻ nhỏ. Những cửa ải khó khăn mà người lớn tạo ra trên con đường phát triển của trẻ nhỏ không những nhiều vô kể, mà còn rất có hại. Khi người lớn tạo ra những khó khăn này, thường lấy danh nghĩa đạo đức và khoa học, hơn nữa muốn thao túng ý chí của trẻ để thỏa mãn nguyện vọng của mình. Bởi vậy, những người gần gũi với trẻ nhất - người mẹ hoặc giáo viên, rất có thể lại là những người gây nguy hại nhất trong quá trình hình thành nhân cách của trẻ. Mâu thuẫn xung đột giữa trẻ nhỏ và người lớn có liên quan tới giáo dục, cũng là nhân tố quan trọng gây nên tinh thần hoảng loạn, tính tình khác thường và tâm tư không ổn định của trẻ khi thành niên. Những vấn đề này truyền từ người lớn sang trẻ, lại từ trẻ sang người lớn, trở thành một vòng tuần hoàn ác tính.

Bởi vậy, cần giải quyết giáo dục ngay từ "gốc rễ". Trước hết, tuyệt đối không nên nhắm vào trẻ, mà nhắm vào người làm công tác giáo dục. Người làm công tác giáo dục cần "làm sạch" mọi quan niệm trong đầu, vứt bỏ đi mọi thiên kiến, cuối cùng còn cần phải thay đổi thái độ của

mình; Tiếp đến tạo cho trẻ một môi trường sống có ích, một không gian học tập không bị cản trở. Việc thiết kế môi trường phải phù hợp với nhu cầu của trẻ, để tâm hồn trẻ được giải phóng, giúp trẻ khắc phục mọi khó khăn và bộc lộ rõ phẩm chất phi phạm của bản thân. Hai bước trên đây đã đặt nền móng cho quan niệm đạo đức mới của người lớn và trẻ nhỏ.

Sau khi chúng ta tạo cho trẻ một môi trường thích hợp, cảm nhận được sự sáng tạo của trẻ từ trong các hoạt động, chúng ta sẽ thấy trẻ thể hiện rõ sự bình tĩnh và vững vàng chưa từng có trong công việc. Một môi trường phù hợp với nhu cầu cơ bản về mặt tinh thần của trẻ có thể khiến trẻ bộc lộ thái độ tiềm ẩn bấy lâu nay của mình, bởi lẽ những phản kháng liên tiếp trước đây với người lớn khiến trẻ buộc phải phòng bị, thể hiện trạng thái tinh thần bị ức chế.

Bằng quan sát chúng ta phát hiện thấy, trong lòng trẻ tồn tại hai trạng thái tâm lý khác nhau: Một là trạng thái tự nhiên mà giàu sức sáng tạo, cho thấy trẻ bình thường, lương thiện, hai là tâm lý tự ti do bị người lớn ức chế. Phát hiện này khiến chúng ta có nhận thức mới mẻ về hình tượng của trẻ, thấp sáng con đường giáo dục và dẫn dắt chúng ta hướng theo con đường khang trang của giáo dục kiểu mới. Sự trong sáng, dũng cảm và tự tin mà trẻ biểu hiện ra đều xuất phát từ sức mạnh của đạo đức, cũng là hiện tượng cho thấy trẻ hòa nhập vào xã hội; Mà khuyết điểm của trẻ như hành vi bất thường, tính tình gắt gỏng, nói dối, xấu hổ, sợ sệt và những biện pháp phản kháng mà người lớn không ngờ tới, ngay lập tức sẽ biến mất mà không để lại vết tích. Hiện nay, kết nối với người lớn là một đứa trẻ đã thay đổi hoàn toàn, giáo viên cũng nên đối xử với trẻ bằng thái độ mới, không nên cho rằng mình có quyền lực và sự uy nghiêm, mà cần giúp trẻ với thái độ khiêm nhường. Chúng ta đã quan sát thấy tâm lý của trẻ có hai trạng thái khác nhau. Khi bắt đầu thảo luận về phương châm giáo dục thì chúng ta cần phải làm sáng tỏ đối tượng cơ bản của thảo luận, chúng ta nên lấy những đứa trẻ bị người lớn áp chế làm đối tượng thảo luận? Hay là lấy những đứa trẻ được tự do phát triển trong môi trường tốt, được phát huy tiềm năng sáng tạo làm đối tượng thảo luận?

Đối với những đứa trẻ bị áp chế, người lớn chính là nguyên nhân gây ra rất nhiều vấn đề không thể giải quyết. Song, đối với những đứa trẻ tự do phát triển thì người lớn lại đóng vai là người tự giác với những sai lầm của mình. Hơn nữa, đối xử bình đẳng với trẻ, người lớn có thể sống hòa hợp vui vẻ, cùng trẻ tận hưởng thế giới mới ấm áp và ngập tràn tình thương.

Khoa học giáo dục cũng nên thực thi dưới thể chế đối xử bình đẳng với trẻ, thực tế quan niệm khoa học chính là: Trước hết giả thiết có sự tồn tại của chân lý, sau đó mới có nền móng cố định, hướng tới sự phát triển, mới có thể tạo ra hàng loạt biện pháp thực sự khả thi, cuối cùng là giảm bớt sai lầm phát sinh. Bản thân trẻ chính là người dẫn dắt chúng ta tìm kiếm chân lý, trẻ hi vọng người lớn có thể giúp đỡ chúng và đây cũng chính là việc người lớn đang tự giúp mình.

Trẻ phát triển nhờ các hoạt động trong môi trường, song ngoài hoạt động ra, trẻ còn cần tiếp xúc với vật chất, trong học tập cần nhận được sự chỉ đạo và cần hiểu rõ vạn vật. Đó là nhu cầu quan trọng đối với sự phát triển của trẻ, và cần được người lớn giúp đỡ. Người lớn phải cung cấp cho trẻ những thứ cần thiết, thực hiện nhu cầu của trẻ, cố gắng tối đa giúp trẻ tự hành động. Nếu như người lớn làm không tốt, trẻ sẽ không thể phát triển thuận lợi. Nhưng nếu người lớn làm tốt, cũng có thể gây trở ngại cho sự phát triển của trẻ, khiến trẻ không thể phát huy sức sáng tạo của mình. Điểm cân bằng ở đây chúng ta gọi là "ngưỡng cửa của sự can thiệp". Cùng với việc tích lũy không ngừng kinh nghiệm giáo dục, chúng ta sẽ dần dần tìm ra thời cơ thích hợp để can thiệp, mà trẻ nhỏ và những người làm công tác giáo dục cũng càng hiểu nhau hơn.

Hoạt động của trẻ có được nhờ thông qua sự tiếp xúc với vật chất. Do vậy, chúng ta cần đặt xung quanh trẻ những giáo cụ đã được lựa chọn bởi luận chứng khoa học, để trẻ tùy ý sử dụng. Vấn đề có liên quan tới tuyên truyền và đón nhận văn hóa cũng sẽ được giải quyết theo biện pháp này. Biện pháp này không những giảm bớt sự can thiệp của người lớn, mà còn đảm bảo hình thức giáo dục tương đối truyền thống, để trẻ tự tìm tòi sáng tạo dựa theo sự phát triển của bản thân. Những đứa trẻ được tự do hoạt động có thể phát huy sức sáng tạo tốt nhất của mình và cũng sẽ tiến bộ không ngừng trong quá trình học tập. Bởi vậy, phát triển cá thể cũng có lợi cho việc tuyên truyền và đón nhận văn hóa. Giáo viên phải giữ vững vai trò của người dẫn dắt, chỉ xuất hiện những lúc cần thiết, cá tính của trẻ phát triển theo quy tắc của bản thân, kéo theo các năng lực của hành vi.

Chúng tôi đã đúc kết ra rất nhiều điều tâm đắc có ích cho giáo dục từ trong kinh nghiệm thực tiễn, những kinh nghiệm tâm đắc này giúp ích rất nhiều cho cương lĩnh giáo dục khoa học mà chúng tôi đã bắt đầu khởi thảo. Một cương lĩnh trong đó là: Sự can thiệp của người lớn đối với trẻ, việc sử dụng giáo cụ và môi trường học tập đều cần hạn chế. Cung cấp giáo cụ quá nhiều hoặc quá ít đều có thể gây ảnh hưởng xấu cho sự phát triển của trẻ. Thiếu giáo cụ có thể làm ngưng trệ việc học tập của

trẻ, nhưng giáo cụ quá nhiều lại dễ khiến trẻ phân tán tư tưởng. Ví dụ, ăn uống nếu thiếu dinh dưỡng sẽ dẫn tới suy dinh dưỡng, mà ăn quá nhiều lại khiến tiêu hóa kém, khiến cơ thể mắc bệnh. Trước đây, mọi người cho rằng ăn nhiều có lợi cho sức khỏe, song hiện nay, mọi người đều đã biết, ăn quá no không thể khiến cơ thể tràn đầy sức lực, mà chỉ khiến con người cảm thấy mệt mỏi. Sau khi bác bỏ quan niệm sai lầm trước đây, y học mới đưa ra tiêu chuẩn chất lượng thực phẩm nhằm bảo vệ sức khỏe con người. Dinh dưỡng học đã cho ra những công thức tính toán chuẩn xác hơn.

Ngày nay, một số người tin rằng giáo cụ là mấu chốt trong giáo dục trẻ. Họ cho rằng, nên cung cấp thật nhiều giáo cụ cho trẻ mà không cần phải hạn chế hay lên kế hoạch gì. Những lý luận này hoàn toàn giống với suy nghĩ trước đây cho rằng chỉ cần ăn nhiều thì cơ thể tự khắc sẽ khỏe mạnh. Sở dĩ 2 vấn đề này được nêu ra ở đây là vì chúng đều liên quan tới "nuôi dưỡng", một cái liên quan tới cơ thể và một cái liên quan tới tâm trí. Mà hiện nay, phương thức liên quan tới phát triển trí lực của chúng ta nghiên cứu về giáo cụ cho thấy, hạn chế sử dụng giáo cụ càng có thể kích thích sự phát triển toàn diện và hoạt động mang tính tự giác của trẻ.

Một số người cho rằng, nhân tố tâm lý có thể vận dụng chỉ là tâm trí và năng lực biểu đạt ngôn ngữ. Những người này rõ ràng quá coi thường trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, bởi lẽ dù là trẻ vừa sinh được vài tháng cũng đã thể hiện tính cách riêng của mình. Luận điệu cho rằng trẻ sơ sinh chỉ cần chăm sóc cơ thể đã làm lẫn lộn quan niệm quan trọng nhất. Tuy nhiên khi người lớn vứt bỏ đi bộ dạng "quan cách" để thử tìm hiểu tâm lý trẻ thì sẽ phát hiện thấy, thế giới nội tâm của trẻ phong phú và trưởng thành hơn rất nhiều so với những gì người lớn biết. Thực tế, từng có nghiên cứu đưa ra báo cáo tỉ mỉ rằng, dù là trẻ sơ sinh rất nhỏ cũng có thể hòa hợp với môi trường. Năng lực thích ứng môi trường còn hơn cả năng lực phát triển cơ bắp của trẻ. Trong trẻ tồn tại một sức mạnh tinh thần tràn đầy sức sống, dù cơ bắp của trẻ còn chưa săn chắc, năng lực ngôn ngữ của trẻ còn chưa phát triển, thì trẻ vẫn cần chúng ta giúp đỡ và che chở về mặt tinh thần. Từ đó có thể thấy, trẻ bẩm sinh đã có tính nhị nguyên, một là sự phát triển tâm lý bên trong và một là sự phát triển cơ thể. Điều này khác với sự phát triển của các loài động vật khác. Khi mới chào đời, hầu như trực giác bẩm sinh của động vật sẽ dẫn dắt hành động của chúng, mà ở trẻ sơ sinh cần tự tiến hành xây dựng bộ cơ chế này, để tỏ rõ tinh thần của bản thân và lựa chọn hành động. Ưu thế

đặc biệt của loài người chính là tự mình phải khởi động các cơ quan phức tạp mà cơ thể dùng để vận động, những vận động này sẽ bộc lộ rõ tính độc đáo của cá thể. Con người buộc phải tự xây dựng bản thân, sở hữu bản thân, cuối cùng là khống chế bản thân. Bởi vậy, trẻ là một cá thể phát triển liên tục, trẻ buộc phải dần dần tìm kiếm sự phát triển cân bằng từ trong các hành động và hoạt động tinh thần. Hành vi của người lớn được tạo nên sau khi đã qua suy nghĩ, còn trẻ nhỏ lại cần tìm cách có được sự nhất trí về suy nghĩ và hành vi. Suy nghĩ và hành vi có nhất trí hay không là điểm mấu chốt trong quá trình phát triển của trẻ.

Do vậy, hành động ngăn cản trẻ chính là đã tạo cản trở trên con đường xây dựng nhân cách của trẻ. Suy nghĩ độc lập với hành động, mà hành động lại có thể tuân theo mệnh lệnh của người khác, động tác không chỉ là phản ứng đối với tinh thần nào đó. Như vậy, tính cách sẽ trở nên mềm yếu, sự thiếu hài hòa trong cơ thể sẽ làm giảm hiệu quả của các hành động. Đối với tương lai của con người, điều này là một việc cần hết sức quan tâm, cũng là vấn đề quan trọng mà giáo dục gia đình và giáo dục trường học cần nghiên cứu.

Tinh thần của trẻ cao thượng hơn những gì người lớn nghĩ. Điều khiến trẻ thường xuyên cảm thấy đau khổ chính là phải làm những việc không có ý nghĩa, mà không là phải làm nhiều việc. Trẻ cảm thấy hứng thú và mong muốn dốc hết sức lực, điều này điều phù hợp với trí năng và sự tôn nghiêm của trẻ. Trong hàng nghìn trường học trên thế giới, tôi đã bắt gặp rất nhiều trẻ làm được những việc mà người lớn cho rằng chúng không thể làm nổi. Khi làm việc, những biểu hiện của trẻ đã cho thấy chúng có thể làm việc trong thời gian dài mà không hề cảm thấy mệt mỏi, chúng làm việc say mê tới mức quên cả thế giới này, những điều này đều là một mặt trong quá trình phát triển nhân cách của trẻ. Về lĩnh vực văn hóa, trẻ cũng tỏ rõ sự trưởng thành sớm, trẻ 4 tuổi rưỡi đã biết viết chữ và vô cùng thích thú với điều này, chúng ta định nghĩa thời kì trẻ thích hội họa và viết chữ này là "hội họa bộc phát".

Khi còn nhỏ tuổi, trẻ học hội họa và viết chữ trong không khí thoải mái, vui vẻ, chúng không hề cảm thấy viết chữ mệt mỏi, bởi lẽ đây là một hoạt động tự phát.

Nhìn những đứa trẻ mạnh khỏe, ngoan ngoãn, ngây thơ, tràn đầy tình yêu và niềm vui, cũng như lúc nào cũng mong muốn giúp đỡ người khác này, tôi nghĩ ngay tới việc, trước đây chúng ta thực sự đã tốn quá nhiều sức lực, có lẽ là do phương pháp giáo dục sai lầm đối với trẻ. Người lớn khiến trẻ trở nên "cái gì cũng không biết làm", trở nên mê muội và

"làm phản". Người lớn đã tước đoạt đi tình lực dồi dào của trẻ, phá hoại cá tính riêng của trẻ. Người lớn vội vã sửa chữa sai lầm của trẻ, khôi phục lại khiếm khuyết về tâm lý và bổ sung khiếm khuyết về cá tính của trẻ, mà không hề biết rằng tất cả những điều này đều do chính mình gây nên. Chúng ta phát hiện thấy mình đang đi vòng quanh trong một mê trận không có lối thoát, "sa lầy" trong nỗi thất bại không chút hi vọng. Người lớn phát hiện thấy mình đang ở trong rừng rậm với vô số vấn đề nan giải, không biết phải làm thế nào, chỉ còn cách đợi tới khi mình có dũng cảm đối mặt với sai lầm và tự sửa chữa sai lầm thì vấn đề mới có thể được giải quyết. Sau khi trẻ trở thành người lớn, lại tiếp tục "kế thừa" những sai lầm này, nếu không sửa đổi, sai lầm này sẽ lại tiếp tục truyền cho thế hệ sau.

TRẺ NHỎ - NGUỒN GỐC CỦA TÌNH YÊU

Trường chúng tôi thường xuyên tổ chức một số hoạt động xã hội, đương nhiên, những hoạt động này chính là những buổi tụ họp mang phong cách điển hình của Montessori, thường có rất nhiều người nhà và bạn bè của học sinh tới tham gia với đủ các thành phần: trẻ sơ sinh, thiếu niên, người lớn, nhân viên công chức, người học vấn cao và cả người không có học vấn và hoà vào nhau không phân biệt giàu nghèo, thứ bậc. Buổi gặp mặt diễn ra trong không khí vui vẻ và thường thành công mỹ mãn. Hiển nhiên, tụ họp tự do kiểu này có khác biệt so với những hội nghị học thuật điển hình. Mọi người từ khắp nơi trên thế giới tới tham gia lớp huấn luyện của chúng tôi, khi những người này rời khỏi Trường Montessori đều đạt được trình độ giáo dục nhất định, đây là điều kiện duy nhất để chúng tôi tiếp nhận họ. Những học viên này tới từ khắp nơi trên thế giới với xuất thân khác nhau, có sinh viên đại học, giáo viên, luật sư, bác sĩ, người bệnh,... Không chỉ như vậy, quan niệm của họ cũng khác nhau. Dù những học viên có sự khác biệt lớn, song giữa họ chưa từng xảy ra xô xát. Vì sao vậy? Đó là vì những người này đều có chung lí tưởng, họ đang được lí tưởng này triệu tập tới Trường Montessori. Bỉ là một quốc gia rất nhỏ, song lại có 2 ngôn ngữ. Dân số của Bỉ cũng rất ít, song quan hệ giữa họ lại rất phức tạp, hơn nữa phân thành nhiều tổ chức xã hội khác nhau (như Thiên chúa giáo, xã hội chủ nghĩa và các đoàn thể chính trị khác). Có thể thấy, những người này tụ họp về đây là điều hiếm thấy. Vậy mà, mọi buổi tụ họp của họ đều thành công. Đây là điều không thể ngờ tới. Báo chí địa phương bình luận rằng:

"Lâu nay, chúng ta vẫn mong muốn tổ chức ra một hội nghị có các đoàn thể tham gia, song vẫn chưa thực hiện được, nay điều này đã trở thành hiện thực".

Đây chính là sức mạnh của trẻ, chính chúng đã tụ tập được những người này về đây. Dù quan niệm chính trị, tín ngưỡng tôn giáo của họ khác nhau, song họ đều rất yêu thương trẻ. Chính tình yêu trẻ này đã khiến họ hòa vào làm một. Vì sự bất đồng về lợi ích và tín ngưỡng mà người lớn đã hình thành nên các đoàn thể khác nhau, nếu tập hợp nhau lại thảo luận sự việc thì rất có thể sẽ dẫn tới bất đồng quan điểm, thậm chí là xô xát. Song khi những người này đối mặt với trẻ, trong lòng họ lại xuất hiện tình cảm giống nhau. Tuy nhiên, vai trò to lớn này của trẻ vẫn chưa được chúng ta chú ý tới.

Dưới đây, chúng ta sẽ cùng thảo luận một chút về bản chất của tình yêu. Trước hết, chúng ta hãy xem nhà thơ và nhà hiền triết đã miêu tả tình yêu thế nào, bởi lẽ nhờ bàn tay của họ, sức mạnh tình yêu mới được biểu đạt đầy đủ. Tình yêu là tình cảm vĩ đại nhất của loài người, nó thai nghén ra sinh mệnh con người, lẽ nào trong nhân gian còn có thứ tốt đẹp hơn tình yêu? Sức mạnh của tình yêu không gì địch nổi, dù là người đã man hay thô bạo nhất cũng đều sẽ khuất phục trước tình yêu, ông vua bạo ngược tàn ác nhất cũng có thể cảm động trước tình yêu. Do vậy, dù hành vi con người có sự khác biệt lớn tới đâu thì trong lòng mỗi người đều ẩn chứa tình yêu, đây là thiên tính của con người. Chỉ cần sức mạnh này phát huy tác dụng thì có thể gây xúc động tâm hồn con người. Nếu trong thiên tính không có tình yêu thì dù tình yêu được miêu tả đẹp đến tới đâu, con người cũng sẽ chẳng có phản ứng gì. Mặc dù vai trò của tình yêu rất nhỏ bé, song từng giờ từng phút nó luôn có ảnh hưởng tới mỗi người, bởi lẽ thiên tính con người luôn khao khát hướng tới tình yêu.

Chúng ta đã hi vọng thế giới này hoàn mỹ hơn thì nên quan tâm tới vai trò của tình yêu, nghiên cứu hàm ý của tình yêu. Trẻ nhỏ là khởi điểm của tình yêu, là nguồn gốc của tình yêu. Những vấn đề có liên quan tới trẻ đều sẽ liên quan tới tình yêu. Rất khó đưa ra định nghĩa chuẩn xác về tình yêu, mặc dù lúc nào chúng ta cũng cảm nhận được tình yêu, song lại hiếm người thực sự hiểu rõ về nó, không ai biết được nguồn gốc tình yêu ở đâu, cũng không ai có thể nói rõ vai trò của tình yêu lớn thế nào. Dù tồn tại sự khác biệt về chủng tộc, tín ngưỡng tôn giáo, địa vị xã hội, song chỉ cần bàn luận tới trẻ thì giữa chúng ta sẽ hình thành một mối liên hệ hòa hợp tốt đẹp.

Chỉ cần sống cùng trẻ, mọi người sẽ trở nên thân thiết, hòa hợp hơn, không còn nổi hoài nghi trong lòng. Tình yêu ban cho con người sinh mệnh, tình yêu là nền móng của đạo đức. Tình yêu không chỉ ẩn chứa trong thiên tính của trẻ, mà còn là một trong phẩm tính của người lớn. Điều này biểu hiện ở sự xúc nối muốn bảo vệ người khác thường thấy ở người lớn. Ngoài ra, sự đoàn kết giữa các tập đoàn người cũng được hình thành do sức mạnh của tình yêu.

Chiến tranh đã gây ra những tai họa khủng khiếp cho con người, có lẽ lúc này không thích hợp để nói tới tình yêu. Song, trái lại con người vẫn ra sức tìm kiếm tình yêu, đây quả là một việc kì lạ! Con người không bị chiến tranh và hận thù làm tê liệt, lại còn đặt ra kế hoạch sống cùng nhau. Điều này không chỉ nói rõ sự tồn tại của tình yêu, mà còn nói rõ tình yêu là nền móng của đoàn kết. Ngày nay, chiến tranh vẫn còn đang đe dọa tới cuộc sống con người, rất nhiều người đang nói: "Vứt bỏ tình yêu của bạn đi, đừng có mơ mộng nữa, hãy đối mặt với hiện thực. Tai họa có thể giáng xuống chúng ta bất kì lúc nào, những tai họa do con người gây ra đang nhắm vào làng mạc, rừng sâu, phụ nữ và trẻ nhỏ, lẽ nào chẳng phải là sự thực sao?". Chúng ta không phủ định sự thực, nhưng dù là như vậy, chúng ta vẫn cần nói tới tình yêu, tìm kiếm tình yêu, tiến hành mọi công việc để xây dựng lại tình yêu. Và cũng có vô số người giống với chúng ta, cũng đang nói tới tình yêu, tìm kiếm tình yêu. Dù là người theo tôn giáo hay không theo tôn giáo, dù giới truyền thông hay người bình thường, dù là người được giáo dục hay người mù chữ, dù người giàu hay người nghèo, đã có khát vọng sống thì đều đang tìm kiếm tình yêu.

Thù hận gây tổn thất nặng nề cho thế giới này, tình yêu bị con người hoài nghi, đã không tìm ra con đường nào khác thì vì sao chúng ta không nghiên cứu tình yêu? Vì sao chúng ta không nghiên cứu sức mạnh của tự nhiên này? Không khiến sức mạnh tình yêu bộc lộ rõ để tạo phúc cho toàn nhân loại? Chúng ta nên tự hỏi, vì sao khi nguy cơ tới gần, chúng ta lại quên sử dụng sức mạnh của tình yêu? Vì sao không kết hợp sức mạnh của tình yêu với các sức mạnh khác? Con người tiêu hao phần lớn sức lực vào việc nghiên cứu hiện tượng tự nhiên, thì vì sao không bớt chút sức lực nghiên cứu sức mạnh này? Tất cả những công việc có thể khơi dậy tình yêu đều đáng được coi trọng. Tình yêu là chủ đề thảo luận thường xuyên của nhà thơ và hiền triết, điều này để lại một ấn tượng, dường như tình yêu là một điều gì đó lí tưởng. Tôi cần nói rằng, tình yêu không chỉ lý tưởng, mà đang tồn tại khách quan, trước đây là như vậy, tương lai cũng sẽ như vậy.

Chúng ta cần hiểu rằng, sở dĩ chúng ta có thể nhận được tình yêu hiện thực, lại không phải do giáo dục nhà trường mang lại, mà là thiên tính của chúng ta đã có sẵn tình yêu.

Lời nói của nhà thơ và hiền triết có thể bị người đời lãng quên, song khát vọng mãnh liệt đối với tình yêu của con người lại không chịu sự chi phối của thế giới bên ngoài. Tình yêu và khát vọng đối với tình yêu là một phần của sinh mệnh con người, không phải cứ học là có, chỉ khi ở trong sinh mệnh, nó mới được thể hiện đầy đủ. Đây là điều mà những lời nói "mĩ miều" của các nhà hiền triết không thể làm được.

Con người quen với việc hiểu tình yêu thông qua tôn giáo và thơ ca, kì thực, chúng ta còn có thể suy xét tình yêu từ góc độ của bản thân sinh mệnh. Nhìn từ góc độ này, tình yêu không chỉ là thứ mà chúng ta mong muốn, mà còn là một kiểu hiện thực sống "vững chắc không gì lay chuyển". Dưới đây, chúng ta hãy cùng thảo luận kiểu tình yêu hiện thực này.

Chúng ta nói "tình yêu là sức mạnh to lớn nhất trong vũ trụ", là không thỏa đáng, bởi lẽ, tình yêu không chỉ là một kiểu sức mạnh, mà còn là một kiểu sáng tạo. Nói chính xác, tình yêu là "năng lượng to lớn của thượng đế".

Tôi rất muốn kể ra đây những lời tán dương của con người về tình yêu (bao gồm lời của nhà thơ, hiền triết, thánh nhân), song quả thực chúng quá nhiều, không sao kể xiết. Tôi chỉ có thể dẫn ra đây lời nói của Saint Paul, bởi vì tôi cảm thấy, vị thánh nhân này thấu hiểu tình yêu nhất, dù đã 2000 năm qua, những lời nói này vẫn kích thích lòng nhiệt tình của chúng ta. Saint Paul nói: "Nếu như không có tình yêu, mọi ngôn ngữ trên thế gian này chẳng qua chỉ là những âm thanh vô nghĩa. Dù chúng ta có thể dự đoán được tương lai phía trước, khám phá những huyền bí, nắm vững mọi tri thức, dù thượng đế ban cho chúng ta năng lực "dời non lấp bể", nhưng nếu không có tình yêu thì chẳng thể làm nổi việc gì. Dù tôi phân phát hết tài sản để cứu vớt người nghèo, dù tôi từ bỏ mạng sống để theo đuổi đạo nghĩa, nhưng nếu không có tình yêu thì còn có thể làm được gì đây?". Nếu chúng ta nói với Saint Paul rằng: "Ngài cảm nhận về tình yêu sâu sắc đến vậy, nhất định ngài hiểu rõ chân lý của tình yêu. Xin hãy giải thích cho chúng tôi nó là thế nào?". Chúng ta nói như vậy với tấm lòng thành kính, bởi lẽ tình cảm cao thượng này rất khó miêu tả. Thực tế, lời nói của Saint Paul đã phản ánh hoàn cảnh sống của người hiện đại, loài người đã có được năng lực "dời non lấp bể" và khả năng chinh phục thế giới giúp cho họ có thể liên lạc từ hai đầu

của trái đất đó sao? Nhưng nếu như thế giới của chúng ta không có tình yêu thì những thứ này còn có ý nghĩa gì? Loài người đã xây dựng cơ cấu tổ chức rộng khắp, cứu vớt những người khốn khổ trên khắp thế giới, cung cấp thức ăn và quần áo cho họ, song nếu thiếu tình yêu thực sự, thì ý nghĩa của những việc làm này chỉ mang tính hình thức mà thôi.

Vậy thì, bản chất của tình yêu là gì vậy? Những lời nói của Saint Paul đã cho chúng ta thấy, tình yêu thật vĩ đại và cao thượng. Vị thánh này còn có những câu nói bất hủ mang lại cho chúng ta rất nhiều suy nghĩ: "Tình yêu có nghĩa là tấm lòng nhân từ, bền bỉ nhẫn nại; Tình yêu chính là không đố kỵ người khác, không làm những việc hổ thẹn với lương tâm, không tự cao tự đại; Tình yêu chính là trừ bỏ ác tâm, vứt bỏ tư lợi, kiềm chế tức giận, không làm việc ác; Tình yêu chính là chân lý và chính nghĩa; Tình yêu chính là khoan dung, tin tưởng, kì vọng và nhẫn nại".

Những lời nói này đã miêu tả thế giới tinh thần của loài người. Nếu chúng ta hiểu rõ về tâm hồn trẻ thì sẽ tìm ra mối liên hệ với những lời nói này. Chúng miêu tả hình tượng "tâm lý có sức hấp dẫn" của trẻ? Tâm hồn trong sáng của trẻ có thể chứa đựng mọi thứ trên thế giới này, và được thể hiện ra bằng hành vi của mình. Trẻ còn non nớt, song lại có tính nhẫn nại. Dù sinh ra ở đâu, dù hoàn cảnh sống gian khổ thế nào, chúng đều có thể dần dần thích ứng, dần dần trưởng thành, hơn nữa, sau khi lớn lên, có thể tìm thấy niềm vui của cuộc đời từ trong cuộc sống. Dù trẻ sinh ra ở sa mạc, đồng bằng, vùng núi hay ở Bắc Cực thì chúng đều thích ứng với hoàn cảnh và cứ thế lớn lên ở đó. Dù môi trường sống chật hẹp hay rộng rãi thì trẻ vẫn có cảm giác thân thiết với nơi này. Nếu phải xa nơi mình ở thì chúng sẽ mất đi cảm giác được sống. Chúng sẽ mãi mãi yêu mến mảnh đất nơi mình đã sinh ra và lớn lên.

"Tâm lý có sức hấp dẫn" đó của trẻ có thể dung nạp mọi thứ. Bất kì thứ gì trong lĩnh vực tinh thần nhân loại đều sẽ thể hiện ra trên cơ thể trẻ (dù là hi vọng, tín ngưỡng, đoàn kết hay nhẫn nại).

Nếu giới tự nhiên không ban cho trẻ năng lực tâm lý này thì bất kì nền văn hóa nào cũng sẽ không được phát triển; Nếu sự phát triển của văn hóa bắt đầu từ sau khi trẻ sinh ra thì văn minh nhân loại sẽ không thể liên tục tiến bộ.

Nhân loại đã sáng tạo ra xã hội của mình, mà nền móng của xã hội chính là "tâm lý có sức hấp dẫn". Đây là những đúc kết mà chúng tôi có được khi quan sát trẻ. Hàng nghìn năm nay, con người đau khổ vì số

mệnh của mình, tuy nhiên, bằng phương thức của tình yêu, trẻ đã chỉ rõ cho chúng ta phương hướng vươn lên trong cuộc sống. Các nhà hiền triết không nói với chúng ta chân lý của tình yêu, song sự phát triển của trẻ lại cho chúng ta thấy quỹ đạo của tình yêu. Chỉ cần chúng ta liên hệ những lời nói của Saint Paul với trẻ thì không thể không nhận định rằng: "Lời nói của thánh đồ này đã thể hiện đầy đủ trên cơ thể trẻ. Cơ thể trẻ đã tập trung mọi nguyên liệu của tình yêu".

Có thể thấy, tình yêu không chỉ tồn tại trong lòng nhà thơ và hiền triết, mà còn ở trong tâm hồn của mỗi người. Đại tự nhiên ban tặng cho mọi người sức mạnh vĩ đại này, khiến họ có thể phát huy tác dụng trong bất cứ trường hợp nào của cuộc sống. Dù loài người vẫn còn thù hận và mâu thuẫn, song tình yêu không hề biến mất khỏi thế giới này, nó "đổ mưa rào" xuống những vùng đất liên tục hạn hán, nuôi dưỡng "cánh đồng tâm hồn" của nhân loại. Sức phá hoại to lớn của chiến tranh cận đại cho thấy, nếu thế gian này không có tình yêu, mọi thứ con người tạo ra, bao gồm cả tiến bộ văn minh đều sẽ mất hết giá trị. Điều này không khó lý giải, bởi vì sinh mệnh đã ban tặng tình yêu tới mỗi người, chỉ khi thiên phú này ở trẻ được phát huy thì hoạt động của nhân loại mới có thành quả. Nếu tiềm năng của tình yêu không được phát triển, mà thói quen cướp đoạt mang tính cảm thú lại phát triển thì nhân loại sẽ chẳng có gì khác biệt với động vật. Chúng ta không hề phủ nhận những thành tựu to lớn mà nhân loại đã đạt được, nhưng nếu chúng ta mong muốn có một cuộc sống tốt đẹp hơn thì nhất thiết phải khiêm tốn học hỏi trẻ, kết hợp sức mạnh của mình với sức mạnh của trẻ. Đó là vì, trong mọi kì tích mà loài người sáng tạo, chỉ có một lĩnh vực không được sử dụng có hiệu quả, đó chính là "kì tích của trẻ".

Tuy nhiên, tình yêu mãi mãi không dừng ở đây. Ngày nay, tình yêu trong lòng mọi người chứa đầy sắc thái mơ mộng. Tôi cho rằng, tình yêu nên là một phần của sức mạnh bản nguyên. Kiểu sức mạnh bản nguyên này cũng chính là "sức hấp dẫn" của vật chất, hoặc là "ái lực", tình yêu nằm trong sức mạnh này, cùng thống trị toàn bộ thế giới. Sức mạnh này hình thành nền móng vật chất (sự vận hành của sao, sự sắp xếp nguyên tử, sự kết hợp vật chất, sự hình thành trái đất, sự kết hợp chất hữu cơ, sự sinh sôi nảy nở của sinh mệnh). Từ đó có thể thấy, tình yêu nên vô thức, song tinh thần của con người có thể ý thức được tình yêu trong cuộc sống, cảm nhận tình yêu một cách đầy đủ.

Sinh mệnh liên tục phát triển, tất cả các loài động vật đều có khả năng sinh sôi nảy nở, đây cũng là biểu hiện của tình yêu trong tự nhiên,

nếu không có vai trò của tình yêu thì sinh mệnh không thể tiếp tục duy trì và nòi giống sẽ bị hủy diệt.

Trong hoạt động của sinh mệnh tự nhiên, tình yêu không chỉ biểu hiện ở sự sinh sôi nảy nở của sinh mệnh, mà còn thể hiện ở hành vi khác của động vật, như: ái lực giữa cùng một loài động vật, sự bảo vệ của quần thể với cá thể. Động vật có thể cảm thấy sức mạnh này, song ý thức của chúng lại không thể trói buộc chúng. Tạo hóa vô cùng quý trọng tình yêu, tự nhiên vô cùng "keo kiệt" khi ban phát tình yêu. Mỗi sinh mệnh đều nhận được tình yêu cần thiết, song không còn dư để lãng phí, tình yêu quý báu như vậy đó. Sinh mệnh mới vừa chào đời sẽ khơi dậy tình yêu của người mẹ, dưới sự điều khiển của sức mạnh này, ngày đêm người mẹ luôn ở bên trẻ, cho trẻ ăn, bảo vệ trẻ, ủ ấm cho trẻ, đảm bảo an toàn và sức khỏe cho sinh mệnh nhỏ bé này. Người mẹ bảo vệ cơ thể non nớt của trẻ là chuyện bình thường, điều này xuất phát từ nhu cầu duy trì cuộc sống sinh mệnh, có điều, giá trị tình yêu ở đây lại không được thể hiện hoàn toàn. Cơ thể non nớt vừa lớn lên, tình yêu này của bố mẹ dần dần tan biến, sợi dây tình cảm giữa bố mẹ và con dần dần giãn ra. Trước đây, cơ thể non nớt nhận được tất cả từ người mẹ, hiện tại nó buộc phải tự mình "thu gom" tư liệu sống. Giả sử nó vẫn muốn nhận được cái gì đó từ người mẹ thì e rằng ngay cả một miếng ăn cũng sẽ gặp phải sự công kích mạnh mẽ của người mẹ. Tình trạng này đã cho thấy điều gì? Nó cho thấy trong sinh mệnh của động vật, khi tình yêu vừa đạt được mục đích thì sẽ biến mất. Sau khi trẻ sơ sinh lớn lên, tình yêu "vây quanh trẻ" sẽ biến mất, hơn nữa ngoài gia đình, trẻ còn phải thích nghi với hoàn cảnh sống mới. Khi chúng ta cần, tình yêu sẽ kết nối rất nhiều người với chúng ta.

Tình yêu là vĩnh hằng, nó không chỉ xuất hiện giữa các cá thể, mà còn xuất hiện ở mọi mặt của cuộc sống con người. Nếu các bậc tiền bối của chúng ta không cảm nhận được sức mạnh của tình yêu thì có lẽ, họ sẽ không xây dựng cơ cấu xã hội, sẽ không tuyên truyền tình yêu giữa người với người.

Tự nhiên đã ban tặng tình yêu cho sinh mệnh một cách có mục đích và đã rất thận trọng khi phân phối sức mạnh này, vậy thì tự nhiên khẳng khái ban tặng tình yêu cho nhân loại rõ ràng cũng có mục đích. Nếu mục đích của tạo hóa là cứu vớt nhân loại bằng tình yêu, nhưng nhân loại coi nhẹ ân huệ quý báu này thì sẽ dẫn tới sự hủy diệt. Dù loài người có thực sự biến mất trong vũ trụ thì tình yêu cũng sẽ không tan biến, sức mạnh này sẽ sống mãi mãi, đồng thời liên tục hoàn thành sứ mệnh sáng tạo và cứu vớt của nó.



Tình yêu là món quà quý báu mà thế giới tự nhiên ban tặng cho nhân loại, giống như vài trò của "ý thức vũ trụ", tình yêu đến với nhân gian này cũng có ý thức và mục đích. Chúng ta phải trân trọng nó, yêu quý nó và phát triển tình yêu vì nó tồn tại trong mọi sinh mệnh, song chỉ có nhân loại mới có thể làm sức mạnh này thăng hoa, và biến nó trở thành nguồn của cải tinh thần vô tận, chính nó đã khiến nhân loại hòa chung thành một khối. Tình yêu không thể biểu đạt bằng khái niệm, nó là một kiểu sức mạnh thực sự.

Chỉ với sức mạnh này, nhân tài mới có thể hưởng thụ đầy đủ sức sáng tạo và thành quả trí tuệ của mình. Nếu mất đi sức mạnh này, hoạt động của nhân loại sẽ rối loạn, mọi phát minh sáng tạo của nhân loại đều không thể bảo tồn và sẽ hoàn toàn bị hủy diệt.

Hiện nay, chúng ta có thể lý giải lời nói của thánh nhân: "Không có tình yêu, mọi thứ đều sẽ trở nên vô ích". Tình yêu không phải là ngọn đèn thấp trong đêm đen, cũng không phải là sóng điện, nó là sức mạnh to lớn nhất trong vũ trụ, có thể xuyên thấu tâm hồn con người, và là sức mạnh vĩ đại nhất trong mọi sức mạnh của nhân loại. Mỗi một đứa trẻ được sinh ra trên cõi đời này, đều mang đến cho nhân loại sức mạnh của tình yêu, dù hoàn cảnh đã kìm hãm sự phát triển của nó, song chúng ta vẫn có thể cảm nhận thấy tác dụng của nó. Chúng ta cần dốc sức nghiên cứu sức mạnh này, bởi vì giới tự nhiên không ban tặng tình yêu cho hoàn cảnh sống của chúng ta, mà trực tiếp trao tặng nó cho chúng ta. Nếu chúng ta muốn hiểu triết để tình yêu thì cần phải quan tâm tới sự phát triển của trẻ. Nếu một người muốn tìm mọi cách cứu vớt nhân loại, khiến nhân loại đoàn kết với nhau hơn, thì cần phải bước tiếp những bước gian nan trên con đường lý tưởng này.

TẠO MÔI TRƯỜNG THÍCH HỢP CHO TRẺ

Xem ra, muốn theo đuổi công tác giáo dục theo hình thức mới, không những cần thay đổi chức năng của giáo viên, mà còn cần thay đổi môi trường học tập, nếu chỉ đơn thuần đưa giáo trình mới vào trong trường học thì không thể mang lại cải cách toàn diện. Nhà trường nên tạo sân chơi cho trẻ hoạt động tự do, để trẻ không những được hưởng thụ về mặt tinh thần, được tự do phát triển mà còn có thể tìm thấy những điều kiện tốt nhất để phát triển. Trường học không chỉ đưa vào môn vệ sinh sinh lý nhằm giúp trẻ nâng cao chất lượng cuộc sống, mà còn cần tiến hành cải cách về trang phục của trẻ, khiến trang phục theo hình thức mới phù hợp với yêu cầu vệ sinh, đơn giản và tiện lợi cho hoạt động

tự do của trẻ, đồng thời còn có thể giúp trẻ biết cách tự mặc quần áo. Không có nơi nào thích hợp để thể nghiệm và phổ cập môn vệ sinh học có liên quan tới dinh dưỡng của trẻ bằng trường học. Nguyên tắc ở trên đặc biệt thích hợp cho những "trường học ở nhà tầng", phụ huynh học sinh có thể sống ở đây, có chút gì đó giống như khái niệm "Ngôi nhà của trẻ" đã được chúng tôi đề cập.

Trong kiểu trường học tự do này, có một số yêu cầu đặc thù đối với phòng học (Ví dụ: chúng tôi sẽ tăng diện tích phòng học theo tiêu chuẩn vệ sinh tâm lý; Ngoài ra, dựa theo nhu cầu hô hấp, bằng "phương pháp cầu dung tích" tính toán không khí và không gian, tương ứng cần thiết cho lưu thông tự do; Diện tích nhà vệ sinh cũng mở rộng, đồng thời xây dựng phòng tắm; Đồ nền bê tông và tường có thể lau sạch, hơn nữa còn mắc hệ thống sưởi ấm; Cung cấp một ngày 3 bữa ăn; Xây dựng vườn hoa, lắp ban công rộng rãi; Cải tạo cửa sổ rộng hơn một chút để ánh nắng tràn vào phòng; Thiết kế nhà tập thể dục, bên trong có phòng ăn và các thiết bị hiện đại, trong đó phức tạp nhất là bàn học của học sinh, chúng tôi thiết kế chỗ ngồi và bàn đều có thể tự động xoay chuyển, để phòng trẻ bị dị tật do ngồi quá lâu một chỗ hoặc liên tục vận động những động tác giống nhau). Tóm lại, để trường học có thể ứng dụng kiến thức vệ sinh sinh lý, đương nhiên đòi hỏi nhà trường phải tiêu tốn rất nhiều tiền của, song nó có thể cung cấp cho trẻ không gian rộng rãi để tự do hoạt động. Không chỉ như vậy, nếu muốn đạt được mức độ lý tưởng và hoàn mỹ, chúng ta cũng nên cung cấp cho trẻ phòng học "tâm lý" rộng gấp đôi phòng học "sinh lý". Theo kinh nghiệm của chúng tôi, muốn đạt được mục đích thoải mái, nhất thiết diện tích phòng phải có 1/2 chỗ trống, không được đặt bất cứ thiết bị nào, đây chính là không gian khiến trẻ cảm thấy thoải mái và có thể hoạt động tự do. Cảm giác của chúng ở đây nhất định tốt hơn nhiều so với một phòng học đã không rộng, lại chứa đầy đồ đạc.

Vấn đề đồ đạc cũng không thể xem nhẹ, trường học chúng tôi sử dụng loại "dụng cụ nhẹ nhàng tiện lợi", dụng cụ này vừa đơn giản lại thiết thực. Chúng tôi còn chọn những dụng cụ có thể rửa sạch, điều này đối với trẻ có ý nghĩa khác thường, một mặt chúng được học cách "rửa sạch", mặt khác lại được luyện một bài tập thú vị và có ý nghĩa giáo dục. Nói về mặt bản chất, "dụng cụ nhẹ nhàng tiện lợi" mà chúng tôi nói tới ở đây cần đạt được tính nghệ thuật thẩm mỹ, song không hề vô bổ hoặc quá xa hoa. "Ngôi nhà của trẻ" được xây dựng nhằm tưởng niệm hầu tước Gongranga. Trong "Ngôi nhà của trẻ" này, hình dạng màu sắc của các thiết bị như bàn, ghế, tủ bếp, đồ đựng, tranh làm từ sản phẩm dệt

cũng như các đồ trang trí khác đều được thiết kế cách điệu với nghệ thuật nông thôn cổ đại, chúng thể hiện rõ sự đơn giản, nho nhã, tự nhiên, thẩm mỹ, và phóng khoáng. Chúng tôi cũng có một ý tưởng mới, nếu làm sống lại nghệ thuật nông thôn kiểu này có lẽ sẽ trở thành một thời thượng mới. Suy luận rộng hơn nữa là, chúng tôi nên thiết kế những dụng cụ đơn giản, nho nhã và khéo léo theo phong cách này, để thay thế những dụng cụ phức tạp lại đắt đỏ mà nhà trường đang sử dụng hiện nay. Như vậy vừa thể hiện được tính thực dụng của đồ dùng, vừa tiết kiệm, lại biểu hiện tinh thần cách mạng của con người.

Theo cách suy nghĩ này, nếu con người tiến hành khai thác triệt để nghệ thuật nông thôn từng lưu hành khắp Italia thì những dụng cụ phong phú đa dạng và đặc sắc này sẽ được sử dụng rộng rãi khắp nơi. Điều này không chỉ khiến khả năng thưởng thức của chúng ta được nâng cao, mà còn có lợi cho việc thay đổi những thói quen xấu của chúng ta. Quan trọng hơn, sự nỗ lực này sẽ mang tới cho loài người một kiểu mẫu giáo dục hoàn toàn mới. Nhân tính hóa của nghệ thuật sẽ khiến bọn trẻ thoát khỏi môi trường u ám và tồi tệ hiện nay. Quả thực như vậy, vừa bước vào phòng vệ sinh chúng ta đã cảm nhận rõ sự "khủng bố", bức tường xám xịt không được trang trí bất cứ thứ gì, thêm một vài dụng cụ màu trắng toát, trông như bệnh viện. Còn trường học thì sao, nói nó giống như một nấm mồ thì quả là hơi quá đáng, ở đó, bàn học màu đen được sắp xếp chẳng khác gì những chiếc linh cữu. Sợ dĩ, nhà trường chọn màu đen là để che đậy những vết bẩn mà học sinh "tạo ra" trong khi học. Ngoài những chiếc bàn đen, bốn bề tường xám xịt bằng phẳng đơn giản, không trang trí gì, còn những thứ khác trong phòng có thể hấp dẫn sự chú ý của trẻ cũng đều được chuyển đi hết. Theo họ làm vậy là để tâm hồn đói khát của trẻ tiếp nhận đầy đủ "thực phẩm tri thức" khó tiêu hóa nổi mà giáo viên truyền thụ. Hay nói cách khác, vất óc khổ cực như vậy là để trẻ tập trung chú ý vào bài giảng của giáo viên. Kì thực, khi trẻ thực sự cuốn hút vào công việc của mình thì sẽ không chú ý tới bất cứ đồ vật nào, trong khi đó môi trường tốt đẹp vừa có thể giúp trẻ tập trung suy nghĩ, lại vừa khiến trẻ phục hồi lại sức lực. Có thể nói, nơi sống thích hợp nhất cũng là nơi đẹp đẽ nhất. Do vậy, nếu chúng ta hi vọng trường học trở thành phòng thực nghiệm để quan sát cuộc sống nhân loại thì cần tập trung những thứ đẹp đẽ tại đây, giống như trong phòng thí nghiệm của nhà sinh vật học nhất thiết phải chuẩn bị tốt bếp lò và đất để nuôi dưỡng khuẩn que.

Dụng cụ, bàn và ghế của trẻ đều nên tinh xảo và dễ dàng dịch chuyển, quan trọng hơn là chúng phải có ý nghĩa giáo dục. Do vậy,

chúng tôi cho trẻ sử dụng bát sứ, cốc thủy tinh và dụng cụ bằng thủy tinh, bởi vì đây là những đồ vật dễ vỡ nhất, khi chúng bị làm vỡ, cũng có nghĩa là cảnh báo trẻ về hành vi "thô lỗ" và cấu thả của mình. Như vậy, có thể dẫn dắt trẻ sửa chữa hành vi, rèn luyện cho chúng thói quen thao tác cẩn thận, cẩn xác, tránh làm hỏng đồ vật, rơi vỡ đồ vật. Điều này giúp hành vi của trẻ ngày một văn minh và nhịp nhàng, và dần dần trở thành người quản lý các dụng cụ giống người chủ nhân thực thụ. Đồng thời, qua đó trẻ cũng sẽ hình thành thói quen cố gắng không làm bẩn, làm hỏng những đồ vật sạch sẽ, đẹp dễ xung quanh. Thông qua những bài học như vậy trẻ sẽ tự hoàn thiện mình khiến mọi động tác trở nên hài hòa, nhịp nhàng, hoạt động cũng sẽ linh hoạt và tự do hơn. Chúng ta có thể thường xuyên cho trẻ nghe những bản nhạc uyển chuyển du dương. Sau khi được nghe những bản nhạc này, bọn trẻ sẽ cảm thấy tap âm và sự ồn ào thật đáng ghét, đồng thời cũng sẽ không tùy ý gây ra tiếng động khó chịu, cũng hết sức tránh cãi nhau với người khác.

Ngược lại, ở những trường học bình thường, dù trẻ có va phải những chiếc bàn kiên cố, nặng trĩu (thậm chí ngay cả công nhân khuân vác cũng khó mà dịch chuyển loại bàn này hàng trăm lần), dù có làm đổ mực ra những chiếc bàn đen này hàng nghìn lần, dù có làm rơi những chiếc đĩa bằng kim loại hàng trăm lần, thì chúng cũng sẽ không bị bất kì sự tổn hại nào, hơn nữa một chút bẩn còn con cũng không nhìn thấy! Tuy nhiên, môi trường như vậy lại khiến bọn trẻ không có chút cảm giác nào về khuyết điểm của mình, khiến chúng giấu giếm lỗi lầm, "phát huy" thủ đoạn giả tạo kiểu ma thuật.

Trẻ cần vận động, đây là nguyên tắc tiếp nhận phổ biến của con người. Bởi vậy, khi chúng ta nói tới "trẻ tự do", thường chỉ những đứa trẻ có thể vận động tự do, bao gồm chạy nhảy tự do. Với sự nỗ lực không ngừng, hiện nay, hầu hết các bà mẹ đều nhận được lời khuyên của bác sĩ nhi khoa, đó là cho trẻ đi công viên, chơi đùa trên bãi cỏ, hoạt động tự do bên ngoài.

Khi nói tới tự do của trẻ trong nhà trường, chúng ta thường tưởng tượng tự do của trẻ là được trèo lên bàn học làm những động tác nguy hiểm, hoặc lao âm âm vào tường, hoặc tự do hoạt động ở một vùng đất rộng. Từ đó có thể thấy, nếu nhốt trẻ trong một căn phòng chật hẹp, chúng sẽ khó tránh khỏi có những hành động bạo lực, trong môi trường rối loạn như vậy công việc của chúng sẽ không hề có trật tự.

Trong lĩnh vực vệ sinh tâm lý, tự do hoạt động lại không chỉ giới hạn ở tự do cơ thể - kiểu trạng thái vô cùng "nguyên thủy". Khi thảo



luận về việc nhìn nhận thế nào về hoạt động tự do của trẻ, chúng ta có thể so sánh động tác của một con mèo con hoặc một con chó con. Dù là mèo con hay chó con đều có thể tự do chạy nhảy, tâm tư của trẻ khi được chạy nhảy thường xuyên trong công viên hoặc trên bãi cỏ cũng như vậy. Nếu chúng ta đối xử với chim non bằng quan niệm tự do vận động này thì rất nhiều biện pháp của chúng ta sẽ có lợi cho chim non (ví dụ, chúng ta buộc trong lồng chim một cành cây hoặc chạc cây vào vị trí thích hợp, để chim non có thể tự do nhảy nhót). Đương nhiên, dù chúng ta có bố trí chu đáo đến đâu, thì đối với một con chim từng được tự do bay nhảy trong không gian rộng lớn quả là bất hạnh khi bị nhốt trong lồng.

Nếu nói, tạo môi trường thích hợp cho một con chim non hoặc loài bò sát có thể tự do vận động là điều cần thiết. Vậy chúng ta có thể suy ra rằng, liệu cũng có thể cho trẻ được tự do giống như chó con và mèo con không? Theo quan sát của chúng tôi, khi trẻ tự mình luyện tập, chúng sẽ thường xuyên tỏ rõ sự bực bội, dễ nổi nóng và kêu khóc, trẻ lớn hơn một chút còn tìm cách nghĩ ra phát minh gì đó. Khi chúng tôi cho trẻ luyện tập một số động tác "nhặt nhèo vô vị" như đi đi lại lại, chạy đi chạy về, chúng tỏ rõ sự khó chịu, thậm chí cảm thấy bị ức hiếp. Do vậy, để trẻ nghe theo những động tác sắp xếp khó khăn lại hiệu quả tốt đẹp, cũng không giúp ích cho sự phát triển của chúng, duy chỉ có một ưu điểm, đó là có một chút tác dụng đối với việc tiêu hóa của chúng. Làm như vậy sẽ khiến hành vi của trẻ trở nên thô lỗ, còn hình thành một số trạng thái chạy nhảy thiếu thẩm mỹ hay những hành vi nguy hiểm khác ở chúng. Cũng chính là nói, những vận động của trẻ không thể "tự tại nhỏ nhen" giống như mèo con, không thể hoàn thiện động tác của mình thông qua sự tự do chạy nhảy tự nhiên giống như các động vật nhỏ. Trẻ không có bất kì khí chất nhỏ nhen nào khi vận động, cũng không có bất cứ sự xúc động nào để hoàn thiện động tác. Do vậy, chúng tôi phải nói rằng, có thể khiến mèo con có được những hoạt động như ý, song lại không thể khiến trẻ nhỏ thỏa mãn. Bản tính của trẻ nhỏ và mèo con đã khác nhau, thì phương thức hoạt động của chúng đương nhiên cũng khác nhau.

Nếu trẻ không có hàm nghĩa về mặt trí năng trong vận động, cũng không có sự chỉ đạo của người lớn để vận động mang lại hiệu quả, thì chúng sẽ cảm thấy mệt mỏi khi vận động. Điều này có thể lý giải được, khi chúng ta bị ép buộc làm một số động tác không có mục đích thì sẽ cảm thấy trống rỗng đáng sợ. Chúng ta biết rằng, nhân loại từng phát minh ra một kiểu hình phạt tàn khốc để trừng phạt nô lệ, đó chính là

bắt họ đào hố sâu trên mặt đất, sau đó lại bắt họ san bằng cái hố vừa đào, mục đích của hình phạt này chính là bắt họ làm việc không có mục đích.

Thí nghiệm của các nhà khoa học về sự mệt mỏi cho thấy, khi công việc con người theo đuổi mang nhân tố trí năng thường không dễ rơi vào trạng thái mệt mỏi so với những công việc mà họ làm không có mục đích. Vì vậy, có bác sĩ tâm lý đã khuyên người bệnh rằng, không nên chữa trị bệnh suy yếu thần kinh của mình bằng cách tập luyện bên ngoài mà nên chữa trị bằng cách làm việc bên ngoài.

Làm rõ sự khác biệt của hai điều trên là vô cùng quan trọng. Tập luyện bên ngoài chẳng có mục đích gì, nó chỉ là một kiểu hoạt động được duy trì liên tục (Như phủi bụi, lau sạch bàn, quét nhà, đánh giày, trải thảm), những công việc này được thực hiện là để bảo vệ đồ vật của người chủ, hoàn toàn khác với những công việc mà công nhân kỹ thuật làm. Nó chỉ là một kiểu lao động đơn giản, nó không đòi hỏi bỏ ra nhiều trí lực mà chỉ cần làm một số động tác đơn giản; Còn làm việc bên ngoài lại là một kiểu công việc mang tính sáng tạo, đòi hỏi phải có sự chuẩn bị cơ bản nhất về trí lực, cần phối hợp nhịp nhàng một loạt các hoạt động cơ bắp có liên quan tới luyện tập.

Công việc mang tính sáng tạo đơn giản kiểu này vô cùng thích hợp đối với trẻ, trẻ có thể tự rèn luyện mình thông qua những công việc sáng tạo này, từ đó phối hợp nhịp nhàng động tác của mình.

Chúng ta nhất thiết phải chuẩn bị cho trẻ một môi trường thích hợp để trẻ làm việc (cũng giống như gác cành cây vào trong lồng chim vậy), nhờ đó trẻ có thể tự do phát huy năng lực hoạt động và mô phỏng của mình. Các thiết bị và đồ vật lắp đặt trong môi trường sống của trẻ cần phù hợp với trẻ, như đồ dùng nên gọn nhẹ, dễ dịch chuyển; Tủ đồ ăn có kích cỡ đủ để trẻ có thể với tay lấy được; Khóa cũng thích hợp cho trẻ sử dụng; Lắp thêm bánh xe nhỏ vào tủ; Cánh cửa mở ra đóng vào dễ dàng; Đóng một vài cái móc quần áo lên tường với độ cao thích hợp; Kích cỡ bàn chải và xà phòng phù hợp với đôi tay của trẻ; Kích cỡ chậu rửa mặt cần thiết kể sao cho trẻ múc và đổ nước dễ dàng; Chổi quét nhà có cán hình tròn và nhẹ; Quần áo dễ mặc và cởi. Đây chính là môi trường có thể kích thích trẻ hoạt động tự phát mà chúng ta đã nói tới. Trong môi trường này, trẻ có thể từng bước phối hợp nhịp nhàng các động tác mà không cảm thấy mệt mỏi.

Tạo môi trường hoạt động tự do cho trẻ sẽ có lợi cho chúng trong việc tự rèn luyện và phát triển bản thân, đó là điều kiện quan trọng để



trẻ trưởng thành, là nhân tố chính hình thành cá tính độc đáo và phức tạp của con người. Ý thức xã hội của trẻ sẽ hình thành khi sống trong môi trường cùng với những đứa trẻ được tự do hoạt động khác. Trẻ cảm thấy thỏa mãn với tất cả những điều mình làm. Ở trong môi trường được bảo vệ và kiểm soát, ý thức của trẻ được thăng hoa. Trong quá trình phát triển ý thức cá tính, trẻ còn cần bồi dưỡng ý chí và phẩm chất kiên trì hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời có được niềm vui từ trong quá trình hoàn thành nhiệm vụ một cách xuất sắc. Trong môi trường như vậy, trẻ không chỉ tự giác làm việc, mà còn phấn khởi hăng say với công việc. Nhờ làm việc, hệ máy cơ thể của trẻ cũng sẽ phát triển và ngày một cường tráng.

CHƯƠNG 6

PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRẺ



VẬN ĐỘNG

Sức sống tràn đầy thì vận động không ngừng, vận động luôn kèm theo mọi hoạt động của cơ thể. Thông qua hoạt động, trẻ được phát triển. Sự phát triển của trẻ không chỉ dựa vào sự phát triển của tâm lý, mà còn dựa vào vận động của thân thể. Vận động đem lại sức khoẻ cho cơ thể, đem lại lòng dũng cảm và sự tự tin, cũng như những ảnh hưởng không dễ coi thường cho tâm lý.

Vận động vô cùng quan trọng đối với trẻ nhỏ, nó là sức mạnh mang tính sáng tạo của sự vận dụng về mặt chức năng, khiến cho con người đạt được sự hoàn thiện. Trẻ nhỏ thông qua hoạt động sẽ cải thiện môi trường bên ngoài, thực hiện sứ mệnh cải tạo thế giới của mình. Vận động không chỉ là sự tất yếu của cơ thể con người, mà còn là sự tất yếu của sự phát triển trí lực, bởi vì con người muốn thiết lập quan hệ rõ ràng với thế giới bên ngoài thì con đường duy nhất để đạt được mục tiêu chính là vận động.

Thông qua vận động rèn luyện thân thể, cơ bắp của trẻ sẽ luôn khoẻ mạnh, không bị suy nhược và trở nên cường tráng đầy sức sống. Nhờ vận động, trẻ nhỏ còn có thể thực hiện ý chí của mình thông qua sự kiểm chế và vận dụng tự chủ cơ quan vận động, đây là sự thể hiện bên ngoài của thành quả trí tuệ ở trẻ.

Tuy nhiên người lớn chưa có sự quan tâm đúng mức đến vận động thân thể ở trẻ.

Rõ ràng, một số nhà khoa học và nhà giáo dục chưa chú ý tới tầm quan trọng của vận động trong quá trình phát triển của con người. Nếu từ "động vật" đã bao hàm ý nghĩa "hoạt động" hoặc "vận động", thì sự khác biệt giữa thực vật và động vật là ở chỗ thực vật bắt rễ vào lòng đất, còn động vật có thể hoạt động ở khắp nơi. Vậy cách nghĩ cấm trẻ vận động của chúng ta thực sự rất nực cười.

Chúng ta đã quá quen với những lời ngợi khen trẻ. Chẳng hạn: Trẻ là "đóa hoa nhỏ", điều này nói lên trẻ phải dịu dàng ít nói; trẻ nhỏ là "thiên sứ nhỏ" tức là nói trẻ nên hoạt bát. Thế giới trẻ thơ mà mọi người nhận thấy dường như chẳng có quan hệ gì với trẻ.

Sự mù quáng của tâm hồn con người là điều không thể hiểu nổi, nhà phân tích tâm lý Floyde cho rằng trong tiềm thức con người tồn tại "điểm mù tâm lý", mức độ mù quáng vô cùng đáng sợ. Từ đó có thể thấy,



khoa học tuy có thể phát hiện bí ẩn của tiềm thức con người nhưng mãi mãi không thể "vạch trần" nó.

Tâm quan trọng của cơ quan cảm giác đối với sự phát triển tâm lý được mọi người thừa nhận. Tâm lý của người mù điếc hoặc trẻ mù điếc phát triển rất khó khăn. Mọi người không nghi ngờ gì quan điểm này, bởi vì đôi mắt và hai tai là cửa sổ của tâm hồn, chúng được cho là "trung gian trí tuệ". Trí lực của người mù điếc thấp hơn một chút so với trí lực của người bình thường, quan điểm này được mọi người đồng tình. Vừa điếc vừa mù là một điều kiện bất lợi nhưng nó không vi phạm tới sức khoẻ của cơ thể. Song nếu tước đoạt thị lực và thính giác của trẻ nhỏ, còn cho rằng trẻ nhỏ sẽ đạt được tri thức văn hoá và đạo đức xã hội cao hơn nữa thì thật là hoang đường, đáng cười.

Dù vậy, muốn mọi người tiếp nhận tư tưởng vận động thân thể có tầm quan trọng như thế nào đối với sự phát triển đạo đức và trí lực là điều rất khó. Một đứa trẻ đang phát triển sẽ gặp trở ngại vì không vận dụng các cơ quan vận động, so với những đứa trẻ không có thị lực hoặc thính lực thì những đứa trẻ này còn thiếu "trung gian trí lực" hơn.

Nỗi khổ mà một người "cơ bắp không tự do" phải chịu rõ ràng và nghiêm trọng hơn so với người mù điếc. Người mù điếc không có cách nào để tiếp xúc với môi trường nhưng qua quá trình thích ứng, giác quan đã bị mất của họ có thể được bù đắp bằng bộ phận nhạy cảm của giác quan khác. Song vận động cơ thể thì không thể dùng thứ khác thay thế, một người không vận động không chỉ làm tổn hại bản thân mà còn tách rời cuộc sống.

Khi mọi người nói tới "cơ bắp", thông thường sẽ tưởng tượng chúng là cơ quan nào đó của cơ thể. Khái niệm này dường như không đồng nhất với khái niệm của chúng tôi về tinh thần, tinh thần tách rời với vật chất sẽ chết cứng giống như tách rời khỏi mọi cơ chế. Vận động hoặc hoạt động thân thể đối với sự phát triển tâm lý và trí lực càng có giá trị hơn so với cảm giác trí lực đạt được thông qua thính giác và thị giác. Điều này tạo nên thách thức đối với một số quan niệm thịnh hành.

Hoạt động mắt và tai của chúng ta cũng tuân theo qui luật vật lý học. Mắt là "máy ảnh giống thật" có kết cấu vô cùng tuyệt diệu, tai là một "đội nhạc" có dây đàn và phím đàn biết rung động.

Khi chúng ta đề cập tới những trang bị tốt để phát triển trí lực này, lại không đối xử với chúng một cách cơ giới hóa, mà coi chúng là trung gian suy xét bản thân. Mối liên hệ của bản thân với thế giới sẽ được xây

dựng thông qua những công cụ kỳ diệu và có sức sống này, chúng ta còn vận dụng những hình thức trung gian để đáp ứng nhu cầu tâm lý của chúng ta. Tác phẩm nghệ thuật, phong cảnh sơn thủy, giọng ca hay, âm hưởng hùng vĩ đều là cái đẹp của tự nhiên, những ấn tượng cảm quan phong phú đa dạng và liên tục này đem lại ngọn nguồn và chất dinh dưỡng cho cuộc sống tâm lý của chúng ta.

Sức mạnh thực sự là bản thân, chủ nhân duy nhất và trung gian của cảm giác là bản thân. Nếu bản thân không cảm nhận được cái đẹp tự nhiên phong phú đa dạng thì những giác quan này còn có giá trị gì nữa? Thị giác hoặc thính giác vốn không quan trọng, nhưng với việc nhìn và nghe, một người có thể đạt được mục đích cao hơn cho sự hình thành và phát triển, đó mới là điều quan trọng nhất.

Chúng ta cũng có thể suy rộng ra mối quan hệ giữa bản thân và sự vận động, mọi cơ quan rõ ràng cần thiết cho vận động, cho dù trình độ chuyên môn hoá cao độ của những cơ quan này không giống tinh thể của màng tai hoặc nhãn cầu. Điều này đã nảy sinh vấn đề cơ bản của cuộc sống con người và giáo dục. Chúng ta nên khích lệ và dẫn dắt thế nào cơ quan vận động của trẻ, khiến cho hành động của chúng có tính chỉ đạo cao hơn, so với những gì bản năng cảm nhận.

Nếu bản thân không đạt được điều kiện cần thiết này thì sẽ chịu sự phá huỷ mang tính chính thể. Bản năng của bản thân dường như tách ra khỏi cơ thể không ngừng phát triển và khó có thể nắm bắt.

TIẾT TẤU

Nếu người lớn không coi vận động của tay là biểu hiện đầu tiên cho bản năng công việc ở trẻ, thậm chí không hiểu trẻ cần vận dụng tay của mình khi vận động thì họ sẽ gây trở ngại cho công việc của trẻ. Đây không chỉ là trạng thái tâm lý phòng ngự của người lớn mà còn biểu hiện một nhân tố khác, đó là người lớn luôn chú ý tới mục đích bên ngoài của hành vi bản thân, đồng thời dựa vào suy nghĩ để định ra phương án hành động. Điều này là quy luật tự nhiên đối với người lớn, tức là "Quy luật hiệu quả là trên hết". Người lớn luôn vận dụng phương pháp trực tiếp nhất, trong thời gian ngắn nhất để thực hiện lợi ích của mình. Nếu một đứa trẻ đang cố gắng làm việc gì đó xem ra lóng ngóng vụng về, không có hiệu quả mà bị người lớn nhìn thấy hoặc người lớn có thể hoàn thành việc này tốt hơn trong chớp mắt, thì lúc này anh ta sẽ cảm thấy trẻ thật khổ sở, muốn giúp trẻ. Trẻ nhỏ rất nhiệt tình đối với những thứ

lặt vặt hoặc vô ích, người lớn nhìn thấy thì cho rằng điều này rất nực cười, thậm chí không thể hiểu nổi. Khi một đứa trẻ phát hiện khăn trải bàn không ngay ngắn thì sẽ phân tích nên trải khăn trải bàn như thế nào cho đẹp hơn. Tuy trẻ làm rất chậm nhưng tập trung toàn bộ sức lực và lòng nhiệt tình. Bởi vì nhiệm vụ chủ yếu của tâm lý trẻ là ghi nhớ. Sắp xếp ngăn nắp một số thứ, đây là một hoạt động đem lại cảm giác thành công đối với trẻ ở giai đoạn phát triển này. Cho dù không có sự giúp đỡ của người lớn, chỉ cần nỗ lực, trẻ cũng có thể làm tốt các việc. Nếu một đứa trẻ muốn tự chải đầu, người lớn lại không ủng hộ cách nghĩ đáng quý này, vậy thì trẻ sẽ cảm thấy không vui, rất có cảm giác bị ức hiếp. Trẻ không thể đạt được tiêu chuẩn của người lớn một cách xuất sắc, chải đầu rất nhanh, còn người lớn lại có thể chải đầu cho trẻ vừa nhanh và đẹp - đây là cách nghĩ của người lớn. Đứa trẻ này đang tiến hành một hoạt động có ích và hứng thú, nếu nó nhìn thấy người lớn tới lấy chiếc lược, nói rằng phải để người lớn chải đầu cho thì nó sẽ cảm thấy người lớn là một người khổng lồ đầy sức mạnh mà nó không thể chống lại được. Tình huống giống như vậy cũng sẽ xảy ra khi người lớn nhìn thấy trẻ thử mặc quần áo hoặc buộc dây giày. Người lớn đều cản trở mọi suy nghĩ của trẻ, thậm chí tức giận vì trẻ thử tiến hành một hoạt động không cần thiết.

Tiết tấu không phải là thứ có thể tùy tiện thay đổi! Người lớn nên hiểu quan niệm mới. Hoạt động của mỗi người đều có một tiết tấu riêng biệt, giống như thể hình của mỗi người. Chúng ta cảm thấy vui khi nhịp hoạt động của người khác gần giống với chúng ta, nhưng nếu chúng ta bị buộc phải thích ứng với nhịp điệu của người khác thì chúng ta sẽ cảm thấy khổ sở. Nếu một bệnh nhân trúng gió chằm chằm nâng cốc lên môi, động tác chậm chạp của anh ta sẽ "nảy sinh xung đột" mạnh mẽ với động tác linh hoạt của chúng ta, cũng sẽ khiến chúng ta cảm thấy khổ sở, chúng ta sẽ giúp đỡ anh ta bằng cách dùng nhịp điệu của mình thay thế nhịp điệu của anh ta, bởi vì điều này khiến chúng ta thoát khỏi sự khổ sở.

Người lớn đối với trẻ cũng tương tự như vậy. Trong tiềm thức, người lớn ngăn cản trẻ tiến hành những hoạt động không có hiệu suất, chậm chạp và có vẻ ngốc nghếch, giống như anh ta buộc phải xua đuổi ruồi nếu không sẽ rất khó chịu.

Người lớn khoan dung với nhịp điệu hoạt động mạnh mẽ và nhanh chóng của trẻ. Sự vô kỷ luật và náo loạn mà đứa trẻ tràn đầy sức sống tạo nên trong môi trường của mình được người lớn chấp nhận, người lớn

sẽ nhẫn nại "ngồi im phó mặc", bởi vì sự việc mà người lớn nhìn thấy thật rõ ràng và dễ hiểu, còn hành vi có ý thức của trẻ có thể bị người lớn khống chế. Người lớn cảm thấy cần can thiệp khi động tác của trẻ chậm chạp và ngay lập tức sẽ hành động thay trẻ. Khi người lớn làm như vậy, không phải để thoả mãn nhu cầu tâm lý cơ bản nhất của trẻ mà là thay trẻ làm những việc trẻ muốn làm. Người lớn đã trở thành vật cản trở lớn nhất trong quá trình phát triển tự nhiên của trẻ, bởi vì họ ngăn cản trẻ tự do hành động. Những đứa trẻ "không nghe lời" muốn tự mình làm chứ không muốn nhờ người khác tắm rửa, mặc quần áo hoặc chải đầu, sẽ kêu khóc tuyệt vọng. Điều này cho thấy rõ chúng quyết tâm phát triển bằng sự nỗ lực của chính mình.

Sự giúp đỡ không cần thiết của người lớn đối với trẻ là sự trói buộc đầu tiên trong mọi sự trói buộc mà trẻ phải gánh chịu. Liệu có ai nghĩ rằng sự trói buộc này sẽ gây hậu quả nghiêm trọng nhất đối với cuộc sống sau này của trẻ không?

Trong tiềm thức của người Nhật Bản có một quan niệm thâm căn cố đế, đó là trẻ nhỏ là nỗi đau khổ. Bố mẹ sẽ đặt trước mộ đứa trẻ chết yếu vài thứ giống như hòn đá để làm vật cúng cho người chết. Hòn đá nhỏ mà họ đặt trước mộ có thể khiến trẻ tránh bị ác quỷ tấn công. Ác quỷ sẽ huỷ hoại những thứ mà trẻ đang xây nên, song những hòn đá chứa đầy sự yêu thương chân thành của bố mẹ có thể giúp trẻ xây dựng lại những thứ đã mất. Trẻ chết đi chịu nhiều khổ sở - đây là một quan niệm khó quên nhất, điều này cho thấy chúng ta đang dùng tiềm thức để giải thích sự việc sau khi chết.

SỰ TRẬT TỰ

Một sự thực rất đơn giản khác dễ được chúng ta thấy. Cô giáo phát cho trẻ một số đồ dùng giảng dạy trực quan giúp trẻ phát triển, sau khi trẻ dùng xong, trả lại cô giáo cất vào chỗ cũ. Cô giáo này nói với tôi, mỗi khi trẻ nhìn thấy cô làm như vậy thì sẽ đứng vây xung quanh cô. Cô yêu cầu trẻ trở về vị trí của mình nhưng chúng không chịu. Sự việc này xảy ra nhiều lần, cô cho rằng trẻ có khuynh hướng không phục tùng quản lý. Nhưng khi tôi quan sát những đứa trẻ này, phát hiện thấy chẳng qua chúng chỉ muốn tự mình cất những tài liệu cảm quan vào chỗ cũ, thế là tôi cho phép chúng tự do hành động. Một cuộc sống mới của trẻ bắt đầu từ đó. Trẻ cho rằng cất một số thứ ngăn nắp là một việc rất hấp dẫn. Nếu một cốc nước trong tay trẻ rơi xuống sàn nhà, chiếc cốc vỡ thì đứa trẻ khác sẽ chạy lại nhặt những mảnh thuỷ tinh vỡ và lau sạch sàn nhà.

Một hôm, cô giáo không cẩn thận làm rơi một chiếc hộp bên trong đựng 80 hình vuông nhỏ với màu sắc khác nhau. Cô giáo này hơi lo lắng, vì việc sắp xếp lại xem ra rất khó khăn do có nhiều hình vuông với màu sắc gần giống nhau. Nhưng lúc này, bọn trẻ lập tức chạy lại phía cô, xếp những hình vuông theo màu sắc đậm nhạt vào vị trí cũ của nó, động tác rất nhanh và chuẩn xác. Tính nhạy cảm với màu sắc của trẻ tốt hơn chúng ta nhiều.

HUẤN LUYỆN "YÊN TĨNH"

Một hôm, tôi để cho mẹ của một cô bé đứng ở ngoài sân, tôi bế cô bé chỉ 4 tháng tuổi vào phòng học. Đứa bé này được quán tã như mọi đứa trẻ khác. Khuôn mặt bé bầu bĩnh, hồng hào, vẻ rất "yên tĩnh". Sự "yên tĩnh" này đã để lại cho tôi ấn tượng rất sâu sắc, tôi muốn chia sẻ thực tế này với bọn trẻ. Tôi nói với chúng: "Em bé thật ngoan". Sau đó tôi nói một cách hài hước: "Hãy nhìn em bé đứng vững như vậy, chẳng ai trong số các cháu làm tốt như em bé" (Tôi nói với bọn trẻ là chân em bé quán trong tã). Tôi thấy bọn trẻ đều chụm chân của chúng lại, rón rén đứng im, chăm chăm nhìn tôi với vẻ lạ lẫm giống như đang chăm chú nghe tôi kể chuyện, cố gắng lĩnh hội ý của tôi. Thật đáng ngạc nhiên! Tôi tiếp tục nói: "Các cháu hãy để ý em bé, em bé thở nhẹ nhàng như vậy, các cháu chẳng ai thở giống em bé đâu...". Những đứa trẻ im phăng phắc, tỏ vẻ lạ lẫm bắt đầu nín thở giống như cô bé. Sự yên tĩnh đặc biệt trong giây phút đó khiến người khác khó quên. Thậm chí bắt đầu nghe thấy tiếng đồng hồ tích tắc mà bình thường khó có thể nghe được. Đứa bé này đã đem đến bầu không khí yên tĩnh cho phòng học, điều mà trước đây chưa từng có. Mỗi đứa trẻ đều không làm bất kỳ động tác nào có thể gây tiếng động, chúng chuyên tâm cảm nhận sự yên tĩnh và ngẫm nghĩ. Hoạt động này đã thu hút tất cả bọn trẻ tham gia. Điều này đương nhiên không phải là kết quả của sự thúc đẩy nhiệt tình, bởi vì nó chủ yếu xuất phát từ nguyện vọng trong lòng, chứ không phải xuất phát từ sự xung đột bên ngoài (như khơi dậy tình cảm). Thời khắc đó, tất cả bọn trẻ đều khống chế hơi thở của mình, ngồi yên tĩnh, khuôn mặt lộ vẻ trầm tư giống như nhà tư tưởng yên lặng và chuyên tâm. Sự yên tĩnh này làm mọi người cảm động, giây phút đó chúng tôi có thể nghe thấy những âm thanh rất nhẹ giống như tiếng nước chảy nơi xa và tiếng chim hót. Từ đó, chúng tôi bắt đầu luyện tập "yên tĩnh".

Một hôm, tôi nghĩ, có thể lấy sự "yên tĩnh" này làm tiêu chuẩn, kiểm nghiệm độ nhạy cảm thính giác của bọn trẻ. Thế là, giống như bác

sỹ trong kiểm tra y tế, từ chỗ rất gần, tôi thấp giọng gọi tên bọn trẻ. Ai nghe thấy tên của mình thì phải bước tới trước mặt tôi mà không gây ra tiếng động nào. Có 40 đứa trẻ tham gia lần luyện tập này. Tôi nghĩ, thông qua luyện tập có thể rèn luyện lòng nhẫn nại cho những đứa trẻ. Đối với những đứa trẻ đạt được yêu cầu, khen thưởng là một ít kẹo. Nhưng chúng từ chối lấy những chiếc kẹo, dường như trong lòng muốn nói: "Đừng phá hoại sự trải nghiệm tốt đẹp của chúng tôi được không? Trong lòng chúng tôi tràn đầy hoan hỉ, xin đừng phân tán sự chú ý của chúng tôi được không?". Cuối cùng tôi nhận thức được rằng, cho dù trong môi trường yên tĩnh dường như rất khó nghe thấy âm thanh gì, nhưng trẻ nhỏ có tính nhạy cảm đối với sự yên tĩnh và tiếng gọi. Chúng biết rón rén đi lại, rất cẩn thận, cố gắng không va chạm vào bất kỳ đồ vật nào, sợ rằng mình sẽ phát ra tiếng động bị người khác nghe thấy.

Sau đó, tôi hiểu rằng, mỗi sự luyện tập đều có hiệu quả chỉnh sửa sai lầm, chẳng hạn lấy yên tĩnh để ngăn cản sự náo động. Những luyện tập này có ích đối với việc hoàn thiện khả năng của trẻ. Chỉ dạy bằng lời thì rất khó đạt hiệu quả luyện tập, còn không ngừng tiến hành sự luyện tập có thể huấn luyện hành vi của trẻ đạt đến mức hoàn mỹ. Bọn trẻ của chúng tôi có thể đi quanh các loại đồ vật nhưng không chạm vào chúng, bước đi nhanh nhẹn mà không phát ra tiếng động đều là kết quả của một quá trình học tập và rèn luyện. Bọn trẻ vui vẻ hoàn thành những động tác này bởi vì bản thân chúng làm rất tốt. Chúng đã phát hiện ra tiềm lực của bản thân, đồng thời hoan hỉ cổ vũ cho bản thân được luyện tập để đạt được sức sống dài lâu.

Tôi khiến bản thân tin rằng kết luận dưới đây đã tồn tại rất nhiều thời gian, đó chính là nguyên nhân sâu xa của việc bọn trẻ từ chối nhận kẹo. Kẹo không phải là đồ ăn cần thiết mà nó thường được coi là một loại phần thưởng cho trẻ. Trẻ thích ăn kẹo là điều ai cũng biết cho nên trẻ từ chối nhận kẹo khiến tôi khó hiểu, tôi mong muốn làm sáng tỏ việc này bằng sự thử nghiệm tiếp theo. Khi tới trường học, tôi đã đem theo một ít kẹo, lúc cho bọn trẻ thì chúng từ chối nhận, có đứa cất vào túi áo khoác chứ không ăn. Tôi cho rằng do gia đình chúng rất nghèo, có thể muốn đem kẹo về nhà. Tôi nói với chúng: "Những chiếc kẹo cô cho các cháu thì các cháu có thể ăn, các cháu có thể mang những chiếc kẹo khác về nhà". Chúng đã nhận kẹo nhưng vẫn cất trong túi và không ăn. Sau đó, khi cô giáo tới thăm một đứa trẻ bị ốm mới phát hiện sự trân trọng của đứa trẻ đối với món quà này khiến cô vô cùng cảm động. Trước tiên, đứa trẻ cảm ơn cô giáo tới thăm, đồng thời lấy một chiếc kẹo từ một chiếc hộp nhỏ

mời cô ăn, đó là kẹo mà nó được cho ở trường. Những chiếc kẹo đựng trong chiếc hộp này đã được cất mấy tuần, đứa trẻ này vẫn không dám ăn hết.

Hiện tượng như vậy rất phổ biến ở trẻ nhỏ. Rất nhiều người sau khi đọc và biết được hiện tượng này đã tới trường của chúng tôi để kiểm chứng. Trong thế giới nội tâm của trẻ, đây là một biểu hiện tự phát và tự nhiên. Đương nhiên, không ai muốn dạy chúng vứt kẹo một cách bừa bãi, cũng không có ai nói với chúng một cách vô lý: "Trẻ con không được chơi đùa, cũng không được ăn kẹo". Khi thế giới của trẻ thăng hoa tới mức độ nhất định, chúng từ chối sự khen thưởng bề ngoài vô ích này, điều đó là hoàn toàn tự nguyện. Một lần, có người nướng bánh ngọt cho chúng ăn, làm bánh thành một số hình dạng khác nhau. Những đứa trẻ này đã không ăn bánh, trái lại còn chăm chú ngắm bánh và nói: "Đây là bánh tròn! Đây là bánh chữ nhật!". Có một câu chuyện thú vị kể về một cậu bé nghèo, cậu chú ý quan sát mẹ mình đang bận nấu ăn trong bếp. Khi mẹ cậu lấy một miếng bơ ra, cậu nói: "Đây là hình chữ nhật!". Mẹ cậu cắt đi một góc, cậu nói: "Bây giờ là hình tam giác!". Tiếp đó, cậu nói: "Miếng còn lại là hình tứ giác". Nhưng cậu vẫn chưa nói: "Cho con bánh mì và bơ!", điều này khiến mọi người bất ngờ.

HOẠT ĐỘNG KHÔNG LOGIC, KHÔNG MỤC ĐÍCH

Người lớn rõ ràng hành động với phương thức logic hợp lý. Trước đó, trẻ nhỏ đã bắt đầu hành động vì mục đích của mình. Thông thường sự việc như thế này thường xảy ra ở trẻ 1 tuổi rưỡi tới 3 tuổi: Theo người lớn, trẻ thường sử dụng đồ vật mặc dù chưa hiểu cách sử dụng. Tôi bắt gặp một đứa trẻ 1 tuổi rưỡi phát hiện thấy một chồng khăn ăn vừa được là phẳng, xếp ngay ngắn với nhau. Cậu bé cẩn thận cầm một chiếc khăn lên, dùng một tay ấn lên trên để cho chồng khăn không bị tung ra, cậu chạy sang phòng đối diện, đặt khăn vào một góc trên nền nhà rồi nói: "Một chiếc". Sau đó, cậu quay lại theo đường cũ. Điều này cho thấy tín hiệu của tính nhạy cảm đặc biệt nào đó đang chỉ dẫn cậu bé. Cậu lại đi vào phòng, dùng động tác như cũ cầm chiếc khăn thứ hai, cẩn thận men theo đường cũ, đặt nó lên trên chiếc khăn thứ nhất, lại nói: "Một chiếc". Cậu làm như vậy đối với tất cả những chiếc khăn. Sau khi cậu hoàn thành quá trình này lại lần lượt cất những chiếc khăn ăn trở về vị trí cũ. Tuy những chiếc khăn xếp hơi lệch một chút, không đẹp như ban đầu, song vẫn rất ngay ngắn. Trong quá trình vận chuyển chậm chạp này, điều may mắn là không có ai ở nhà. Trẻ thường nghe thấy người lớn

quát mắng ở đằng sau: "Dừng lại! Đặt đồ trong tay xuống". Không biết người lớn đã đánh bao nhiêu lần vào đôi tay non nớt của trẻ chỉ vì dạy trẻ không được chạm vào đồ đạc!

Một công việc "cơ bản" khác cuốn hút trẻ là mở nắp bình ra rồi lại đậy lên. Khi nắp bình được làm bằng thủy tinh điêu khắc có thể chiếu ra ánh ngũ sắc thì tình hình này càng nghiêm trọng. Đậy nắp bình xuống, đẩy nắp bình lên dường như là một công việc thích thú không cưỡng lại được của chúng. Cầm nắp lọ mực hoặc nắp hộp đậy lại hoặc mở và đóng cửa bếp cũng là một việc mà trẻ thích. Vì một số đồ vật, trẻ và người lớn thường phát sinh xung đột, điều này hoàn toàn có thể hiểu bởi vì những đồ vật này trước tiên là ở trên bàn của bố hoặc mẹ, hoặc là một bộ phận của đồ gia dụng cho nên bố mẹ cấm trẻ dụng chạm vào. Nhưng những đồ vật này lại có sức hấp dẫn tự nhiên đối với trẻ. Trẻ bị cho là "không vâng lời" thường là kết quả của sự xung đột. Kỳ thực, trẻ lại không thực sự muốn cái bình hay lọ mực, chỉ cần cho trẻ sử dụng một số vật dụng thay thế nào đó, cho phép trẻ tiến hành hoạt động giống như vậy thì trẻ rất thỏa mãn.

Hoạt động cơ bản của những đứa trẻ như vậy có thể được xem là hoạt động ban đầu, chúng không có tính logic và mục đích. Chúng ta đã thiết kế một số giáo cụ trực quan cho trẻ ở thời kỳ chuẩn bị này, chẳng hạn, một loạt hình trụ tròn có kích thước đủ rộng để nhét được những miếng gỗ kích cỡ khác nhau vào bên trong. Do những giáo cụ trực quan này có thể đáp ứng nhu cầu trong thời kỳ này của trẻ nên việc sử dụng giáo cụ đã đạt được hiệu quả rất tốt.

Về mặt lý thuyết, rất dễ lý giải tư tưởng để cho trẻ có được tự do này, nhưng tư tưởng này rất khó thực hiện trong lòng người lớn. Nguyên nhân là trong lòng người lớn tồn tại quá nhiều trở ngại. Vì thế một người lớn, cho dù bề ngoài đồng ý cho trẻ sờ mó và dịch chuyển đồ vật thì anh ta cũng sẽ phát hiện thấy mình không thể cởi bỏ tâm lý "cấm đứa trẻ này hành động". Một phụ nữ New York trẻ tuổi hiểu rõ tư tưởng này, muốn áp dụng vào cậu con trai 2 tuổi rưỡi của mình. Một hôm, đứa trẻ mang bình nước từ bếp lên phòng khách. Cô chú ý thấy con trai căng thẳng cao độ, từ từ đi vào phòng, đồng thời liên tục nhắc nhở bản thân: "Cẩn thận! Cẩn thận!". Mẹ của đứa trẻ nhìn thấy bình nước này rất nặng, cảm thấy cần phải giúp cậu. Thế là cô giúp cậu mang bình nước tới nơi mà cậu muốn. Nhưng đứa trẻ này cảm thấy bị tổn thương, rất đau lòng. Người mẹ thừa nhận nguyên nhân khiến cậu bé đau khổ là do cô, nhưng lại cảm thấy hành vi của mình là đúng đắn. Cô nói, trong lòng cô rất mâu thuẫn, một mặt, cô nhận thức được việc con cô đang làm là

đúng; mặt khác, cô lại cảm thấy đứa con làm như vậy rất mệt, lãng phí nhiều thời gian, không hợp lý, còn cô chỉ cần bỏ ra một chút sức lực là có thể hoàn thành việc này.

Khi người phụ nữ này hỏi ý kiến của tôi, đã thành thật nói: "Tôi biết bản thân làm không đúng. Ngẫm lại cách nghĩ của mình, chẳng qua xuất phát từ bản năng người lớn muốn bảo vệ tài sản nên tôi mới làm vậy". Tôi hỏi cô ta: "Cô có đồ sứ đẹp không? Ví dụ như cốc chẳng hạn? Cho con của cô một chiếc cốc sứ đẹp xem rồi cuộc có chuyện gì". Người phụ nữ này nghe theo đề nghị của tôi. Sau đó cô ấy cho tôi biết, con cô ấy cẩn thận cầm cốc bước đi, đi một bước lại dừng, cuối cùng cầm được chiếc cốc tới đích một cách an toàn. Mẹ của đứa trẻ trong cả quá trình đan xen hai tâm trạng: một mặt cảm thấy vui vì công việc của con, mặt khác lại lo lắng cho chiếc cốc. Do hai tâm trạng rất mãnh liệt, cô không thể tự quyết định được, cuối cùng vẫn để cho con trai mình hoàn thành công việc này. Đây là công việc mà trẻ nhỏ mong muốn được làm, vô cùng cần thiết đối với sự phát triển tâm lý của chúng.

Một lần khác, tôi đưa một cái giẻ lau cho một bé gái mới 14 tháng tuổi, cho phép cô bé làm một số công việc lau chùi. Cô bé ngồi xuống dùng giẻ lau lau sạch rất nhiều đồ đạc, rất hài lòng với công việc của mình. Song mẹ của cô bé lại phản đối, cho rằng trẻ còn nhỏ không nên làm việc nhà bằng giẻ lau chỉ vì cái gọi là thói quen vệ sinh.

Những người không hiểu tầm quan trọng của làm việc theo bản năng ở trẻ nhỏ luôn cảm thấy lạ lẫm khi trẻ lần đầu tiên thể hiện bản năng này. Người lớn nhận thức được sự hi sinh to lớn của bản thân, tức là tôn trọng những hành vi không tương đồng với cuộc sống thường nhật của mình, hơn nữa buộc phải kiềm chế thói quen của bản thân. Người lớn cho rằng trẻ chắc chắn không phải một người trong xã hội. Tuy nhiên, nếu đặt trẻ ra khỏi môi trường này, sẽ đồng nghĩa với việc không cho phép trẻ học nói, gây trở ngại tới sự phát triển lành mạnh của trẻ.

Để giải quyết mâu thuẫn này, khiến trẻ thể hiện bản thân tốt hơn, chúng ta cần chuẩn bị một môi trường thích hợp cho trẻ. Khi trẻ nói câu đầu tiên, lại không cần chuẩn bị cho trẻ bất cứ đồ vật gì, bởi vì giọng nói "ê a" của trẻ là một âm thanh vui tai đối với mọi người trong nhà. Song, bàn tay bé nhỏ của trẻ sẽ đòi một "công cụ làm việc", hãy chọn ra công cụ thích hợp với mục đích làm việc của trẻ. Chúng ta thường phát hiện trẻ tốn nhiều công sức trong các hoạt động nhiều hơn dự tính của chúng ta. Tôi có một tấm ảnh in hình một bé gái nước Anh cầm một chiếc bánh mì to tới mức hai tay bé không đỡ nổi, đành phải áp sát bánh mì vào

người. Cô bé không thể nhìn thấy chân mình phải bước vào dẫu bởi vì bánh mì to quá đã cản lại tầm nhìn. Ở tấm ảnh này còn có một con chó đi theo cô bé trang phạm vi tầm nhìn của nó. Đằng sau cô bé là một nhóm người lớn đang chú ý nhìn cô. Họ phải cố gắng rất nhiều để kiềm chế bản thân không xông tới cầm bánh mì giúp cô.

Có khi, trong một môi trường làm việc thích hợp, trẻ nhỏ đã thể hiện tính kỹ thuật rất thuần thục, khiến chúng ta tán dương không ngớt. Nếu người lớn chuyên tạo cho trẻ một môi trường như vậy thì thế giới trẻ thơ sẽ nảy sinh vai trò xã hội phức tạp. Một bé trai 2 tuổi đã để lại ấn tượng sâu sắc cho tôi. Đứa bé này có sức thu hút mạnh mẽ, để tiếp đãi những đứa trẻ bằng tuổi khác, cậu bé làm những công việc như bày bàn, dọn nhà. Dưới ánh sáng lung linh của hai ngọn nến, cậu cảm thấy những công việc này thật có ý nghĩa. Khi mẹ cậu chuẩn bị bánh sinh nhật cho cậu, chính là lúc đã làm rối loạn ý nghĩa đầu tiên của những việc cậu đang làm, cậu đi đi lại lại, dặc ý nói với mọi người "Tôi 2 tuổi rồi cho nên tôi có hai ngọn nến!".

ĐỌC SÁCH VÀ VIẾT CHỮ

Một hôm, có mấy bà mẹ tới tìm tôi, xin tôi dạy con họ đọc sách và viết chữ. Những phụ nữ này đều không có văn hoá, họ khẩn thiết đề nghị tôi, cuối cùng tôi cũng nhận lời. Lúc đầu tôi từ chối, là vì yêu cầu này vượt quá tưởng tượng của tôi.

Tiếp đó xảy ra một số sự việc đáng ngạc nhiên. Để tiện dạy những đứa trẻ 4 - 5 tuổi này học một số chữ cái, tôi để cho một giáo viên dùng bìa cứng làm thành những chữ cái. Có một số chữ cái được làm bằng bìa đặc biệt, điều đó có thể giúp trẻ dùng ngón tay viết theo hình chữ, đồng thời có thể ghi nhớ hình dạng chữ. Qui loại những chữ có hình dạng gần giống nhau và để cạnh nhau, khi trẻ chạm tới những chữ này, ngón tay của trẻ sẽ tìm hiểu hình chữ, tiến hành động tác mô tả tương tự. Giáo viên này thích như thế nên sắp xếp như vậy, song cô ta lại không giúp ích nhiều cho bọn trẻ.

Những đứa trẻ này vì thế mà cảm động. Chúng giờ cao những chữ cái này giống như giờ lá cờ, đồng thời xếp hàng đi thành vòng, hò hét vui mừng. Vì sao vậy? Một hôm, tôi nhìn thấy một bé trai đi một mình trên đường, miệng liên tục lẩm bẩm: Ghép từ "sofia", cháu nhớ có 1 chữ s, 1 chữ o, 1 chữ f, 1 chữ i, 1 chữ a. Cậu nói đi nói lại từ được ghép bởi những chữ cái này, điều này khiến tôi vô cùng kinh ngạc. Thực tế, cậu đang nghiên cứu và phân tích một từ trong trí não mình, tìm kiếm ngữ âm

tạo nên từ này Chỉ vì hứng thú tìm hiểu đã khiến cho đứa trẻ này nhận thức được mỗi một âm trong những ngữ âm này đều có một chữ cái tương ứng. Âm ghép của rất nhiều chữ trên thực tế là sự đối ứng giữa ngữ âm và dấu. Ngôn ngữ bằng lời vốn cần được nói ra, ngôn ngữ viết chẳng qua là biến một ngữ âm thành ký hiệu có thể nhìn thấy. Sự phát triển đồng thời của hai loại này đã thúc đẩy sự tiến bộ của việc viết. Ngôn ngữ viết là sự biểu đạt văn tự phát sinh từ ngôn ngữ bằng lời tương ứng. Việc viết giúp nắm vững từ và âm tiết. Lúc này, tay dường như vô tình nắm vững được kỹ năng quan trọng giống như nói, đồng thời tạo ra ngôn ngữ viết "phản ánh chính xác ngôn ngữ bằng lời". Đây là một bí mật thực sự mà con người phát hiện được. Vì thế, viết giúp ích cho não và tay. Tay đã cung cấp một động lực học tập mới. Câu do ngữ âm tạo nên dần dần hình thành cách thức của ngôn ngữ viết.

Sự xuất hiện của viết là kết quả hợp logic của tự nhiên khi phát triển văn tự. Vì thế, tay có khả năng mô tả. Những chữ cái này chỉ đại diện cho ngữ âm đặc định cho nên ký hiệu của chúng thông thường rất dễ mô tả. Song, điều tôi không hề nghĩ tới trước đó là mọi việc phát sinh trong "Ngôi nhà của trẻ" khiến mọi người ngạc nhiên và hoàn toàn làm tôi bất ngờ.

Một hôm, một đứa trẻ bắt đầu tự học viết. Cậu hét to một cách kinh ngạc: "Tôi biết viết chữ rồi, tôi biết viết chữ rồi!", những đứa trẻ khác xúm lại xung quanh, xem cậu viết chữ trên bảng bằng phấn một cách thích thú. "Tôi cũng biết, tôi cũng biết viết chữ!", chúng cũng hò hét, chạy đi tìm chỗ viết chữ. Một số trẻ chen nhau vây xung quanh bảng đen, số khác nằm sấp trên sàn nhà luyện tập. Chúng đều luyện viết. Sự luyện tập không biết chán này giống như nạn hồng thủy không thể chống lại. Ở nhà, chúng luyện viết lên mọi chỗ, trên cửa, trên tường, thậm chí trên cả bánh mì. Tài năng viết mà những đứa trẻ chỉ khoảng 4 tuổi này bộc lộ khiến chúng tôi bất ngờ. Chẳng hạn, một giáo viên nói với tôi: "Cậu bé này bắt đầu luyện viết từ 3 giờ chiều hôm qua".

Chúng tôi cảm thấy dường như đã diễn ra kỳ tích to lớn. Khi phát cho bọn trẻ những cuốn sách có hình minh họa đẹp, kết quả mà chúng tôi nhận được là phản ứng của chúng rất thờ ơ. Tuy trong những cuốn sách này có tranh vẽ đẹp nhưng những thứ này chỉ khiến chúng phân tâm, và không thể tập trung viết. Đây đúng là một công việc mới có sức hấp dẫn. Mục đích lúc này của chúng là muốn viết chữ chứ không phải xem tranh. Lâu nay, chúng tôi luôn thử khơi dậy hứng thú của chúng đối với sách, cho dù những đứa trẻ này trước đây có lẽ chưa từng nhìn

thấy sách. Chúng tôi không thể khiến chúng hiểu hàm nghĩa của từ "đọc". Vì thế, nếu có một cơ hội thích hợp hơn, chúng tôi sẽ đưa ra những cuốn sách này. Bọn trẻ không thích đọc những thứ mà người khác viết, có lẽ do chúng không thể đọc được chữ. Khi tôi đọc to những chữ mà chúng viết, đa số bọn trẻ đều ngơ ngác quay mặt lại nhìn, dường như đang hỏi: "Vì sao cô biết?".

Khoảng 6 tháng trôi qua, bọn trẻ bắt đầu hiểu hàm nghĩa của những chữ đọc được. Kết hợp đọc và viết là nguyên nhân chúng tiến bộ. Chúng đều chú ý quan sát tay tôi khi tả chữ ở trên giấy và nhận thức được rằng, đối với tôi, văn tự có thể biểu đạt tư tưởng của mình giống như lời nói. Sau khi nhận thức được điểm này, chúng cầm tờ giấy mà tôi đã viết chữ, đi tới một góc, thử đọc những chữ này. Chúng không đọc thành tiếng to, chỉ đọc thầm. Khuôn mặt của chúng cau lại vì cố gắng suy nghĩ, thỉnh thoảng đột nhiên nở nụ cười, rồi vui mừng nhảy cẫng lên, dường như lò xo ép chặt trong cơ thể chúng bỗng nhiên được thả lỏng. Tình cảnh này cho tôi thấy, chúng đã đọc hiểu những chữ mà tôi viết. Mỗi một câu tôi viết đều là một câu cầu khiến, chẳng hạn, trước đây tôi đã diễn đạt bằng lời: "Mở cửa", "Đi tới trước mặt cô". Bọn trẻ đọc bắt đầu từ những từ như thế. Chúng không mất thời gian để có thể đọc những câu cầu khiến phức tạp. Song dường như những đứa trẻ này hiểu ngôn ngữ viết là một phương thức biểu đạt suy nghĩ khác của mình, giống như ngôn ngữ nói vẫn thường được sử dụng trong giao tiếp giữa người với người.

Khi những khách tham quan tới thăm, rất nhiều trẻ đã thay đổi cách thức tiếp đón bằng lời nói trước đây của mình. Bây giờ chúng tiếp đón trong yên lặng. Có trẻ đứng lên, viết lên bảng "Mời ngồi, cảm ơn đã tới thăm". Một hôm, chúng tôi đang bàn luận về trận động đất đáng sợ xảy ra ở đảo Sicily đã huỷ hoại toàn bộ thành phố Messina, tai hoạ khiến hàng nghìn người tử vong. Đúng lúc này, một đứa trẻ khoảng 5 tuổi đứng dậy đi về phía bảng, viết: "Tôi cảm thấy rất đáng tiếc!". Chúng tôi ai nấy đều nhìn cậu, đoán là cậu sẽ bày tỏ sự thương nhớ bằng lời đối với sự việc này. Song, cậu lại viết: "Tôi là một đứa trẻ, vì thế tôi cảm thấy đáng tiếc". Điều này xem ra là một phản ứng kỳ lạ coi bản thân là trung tâm. Nhưng đứa trẻ này lại viết tiếp một câu khiến người khác ngơ ngàng: "Tôi là người lớn thì tốt rồi, bởi vì tôi sẽ đi giúp họ". Thông qua đoạn viết này, đứa trẻ đã biểu lộ tình yêu thương lòng cậu. Mẹ của cậu chỉ là một phụ nữ bán rau quả trên phố để kiếm sống.

Sau này, trường học của chúng tôi còn phát hiện một số sự việc ngạc nhiên hơn. Để tiện cho những đứa trẻ luyện tập cách nhận biết mặt chữ, chúng tôi đã chuẩn bị cho chúng một số tài liệu liên quan. Thế là những đứa trẻ này bắt đầu đọc chữ in có thể thấy ở trong trường học, nhưng rất khó phân biệt chữ trên lịch bởi vì chữ trên lịch in bằng chữ gôtic. Bố mẹ của những đứa trẻ này còn cho chúng tôi biết, lúc đi trên đường, con của họ chốc chốc dừng lại, chăm chú nhận mặt chữ trên biển hiệu các cửa hàng, vì thế thật bất lợi khi ra phố cùng trẻ. Những đứa trẻ này rõ ràng có hứng thú với việc nhận biết chữ chứ không chỉ là đọc câu. Chúng hi vọng khi biết được hàm nghĩa của chữ sẽ học cách viết khác. Điều này giống như khó khăn của người lớn khi phân biệt văn tự tiền sử khắc trên nham thạch. Đây là một quá trình nghiên cứu dựa vào trực giác, người lớn căn cứ vào tiêu chí phân biệt chính xác đoán ra hàm nghĩa của những ký hiệu, còn trẻ nhỏ có hứng thú mạnh mẽ và ngẫu nhiên đối với bất kỳ thể chữ in nào. Nếu chúng tôi giải thích những ký hiệu in này cho bọn trẻ, một cách quá vội vàng thì sẽ giết chết hứng thú nghiên cứu của chúng. Bắt ép trẻ biết chữ thông qua sách vở ở độ tuổi quá nhỏ sẽ không có lợi cho chúng. Làm những việc thứ cấp này cũng sẽ khiến hoạt động tâm lý tràn đầy sức sống của chúng bị giảm sút. Thế là, trong một thời gian rất dài, những cuốn sách này cứ phải cất ở trong tủ, cho tới sau này bọn trẻ mới được tiếp xúc với chúng. Điều đó được bắt đầu bằng phương thức rất thú vị. Một hôm, có đứa trẻ vui mừng tới lớp, trong tay cầm một tờ giấy nhàu nát nhặt được ở đồng giấy lộn. Cậu bé nói thầm với một bạn: "Cậu đoán xem có cái gì trong tờ giấy này?", "Chẳng có gì, đó chỉ là một tờ giấy". "Không, tờ giấy này có một câu chuyện hay". "Trong đó có một câu chuyện à?", một nhóm trẻ hiếu kỳ lập tức bị cuốn hút chạy lại. Đứa trẻ này cầm trang sách còn sót lại, bắt đầu đọc câu chuyện đó. Cuối cùng, tầm quan trọng của sách được bọn trẻ hiểu, thế là, sách trở thành thứ cần thiết vô cùng đối với chúng. Song, khi rất nhiều đứa trẻ đọc sách phát hiện thấy câu chuyện nào thú vị thì sẽ xé những trang đó đem đi. Cuốn sách thật đáng thương! Vừa phát hiện giá trị của chúng thì bị con người phá hoại. Vì thế, trật tự trước đây của trường học đó nảy sinh hỗn loạn. Những đứa trẻ ham đọc này cần được chúng ta trông coi nếu không sẽ có tính phá hoại. Công việc giáo dục nên bắt đầu trước khi chúng biết đọc sách và tôn trọng sách. Chúng tôi giúp bọn trẻ ghép âm và viết chính xác, thậm chí đạt được trình độ của học sinh lớp 3.



PHƯƠNG PHÁP DẠY ĐỌC VÀ VIẾT

Khi còn là giáo viên của Trường George tâm lý ở Rom, tôi đã bắt đầu áp dụng các phương thức dạy học để tiến hành thực nghiệm đọc viết. Các loại thực nghiệm đối với tôi có tính sáng tạo độc đáo và thiết thực.

Itard và Segun không cung cấp bất kỳ phương pháp dạy viết lý tính nào. Ở phần trước, chúng ta đã thấy Itard tiến hành dạy chữ như thế nào, bây giờ tôi muốn nói một chút về Segun dạy viết ra sao. Ông ấy nói: "Nếu muốn trẻ chuyển từ nhìn hình vẽ sang viết chữ - đây cũng là ứng dụng trực tiếp nhất - giáo viên chỉ cần nói 'D' là một phần của hình tròn, sau đó đặt hai đầu của nửa hình tròn này lên đường thẳng góc. 'A' là hai đường xiên giao nhau ở đỉnh, ở giữa bị một đường ngang cắt". "Chúng ta không cần lo lắng bọn trẻ học viết như thế nào, chúng sẽ tưởng tượng hình vẽ trong não rồi viết. Chúng ta không cần để trẻ căn cứ vào phép tắc so sánh và phân loại để viết chữ. Chẳng hạn, O và I, B và P, T và L".

Theo Segun, chúng ta không cần dạy trẻ viết chữ. Chỉ cần trẻ biết vẽ thì có thể viết. Nhưng, viết có nghĩa là phải viết chữ cái. Ngoài ra, trong sách của Segun chưa từng giải thích học sinh của ông có viết chữ bằng phương thức khác hay không, ngược lại, ông dùng nhiều giấy mực miêu tả hình vẽ, những hình vẽ này chuẩn bị cho việc viết chữ, đồng thời bao gồm cả việc viết văn. Song phương pháp sử dụng hình vẽ này rất khó khăn, phải kết hợp thông qua sự cố gắng của cả Itard và Segun mới có thể thực hiện được.

Quan niệm đầu tiên cần tiếp thu trong hình vẽ là, cần để cho hình vẽ một không gian nhất định. Quan niệm thứ hai là tạo ký hiệu hoặc đường vẽ. Hình vẽ và đường phân đoạn luôn cần có hai khái niệm này.

Hai khái niệm này liên quan tới nhau. Quan hệ giữa chúng nảy sinh quan niệm và tạo ra khả năng vẽ đường thẳng. Bởi vì, chỉ khi những đường thẳng này tuân theo phương pháp nhất định và kéo dài theo hướng xác định thì chúng ta mới có được đường thẳng. Ngược lại, mấu chốt lý tính có thể dùng một danh từ, bởi vì nó có phương hướng xác định, hơn nữa viết chữ đều là thể tập hợp của các đường phân đoạn với hướng khác nhau. Vì thế, trước khi xác nhận điều gì có thể được gọi là hành vi viết chữ theo ý nghĩa thông thường, thì chúng ta cần giữ vững quan niệm mặt phẳng và đường phân đoạn như thế này. Đứa trẻ bình thường có được quan niệm này bằng trực giác, song đối với trẻ có năng lực thấp kém thì phải được truyền thụ tỉ mỉ. Thông qua phương pháp hệ thống,

trẻ có thể thiết lập mối liên hệ lý tính, hơn nữa thông qua việc bắt chước có thể vẽ ra một số đường thẳng đơn giản, sau đó mới dần phức tạp.

Nên tiến hành dạy như sau: Bước 1, vẽ ra các loại đường thẳng khác nhau. Bước 2: Biến những đường thẳng này thành hướng khác nhau và tương ứng với vị trí khác nhau của mặt phẳng. Bước 3: Tổ chức lại những đường thẳng này, hình thành các hình vẽ từ đơn giản tới phức tạp. Cho nên, chúng ta cần dạy học sinh phân biệt đường thẳng và đường cong, đường ngang và đường thẳng góc, cũng như các loại đường xiên. Cuối cùng, chúng ta cần xác định rõ giao điểm của hai đường thẳng hoặc nhiều hơn - một hình vẽ chính là được tạo nên bởi những điểm này.

Kiểu phân tích lý tính đối với hình vẽ này rất quan trọng, viết chữ phát sinh từ đó. Trước khi nhận được sự quan tâm của tôi, một đứa trẻ nọ đã có thể viết rất nhiều chữ cái, cậu đã mất 6 ngày học vẽ đường thẳng góc hoặc đường phân đoạn ngang, vẽ đường cong và đường xiên cũng mất 6 ngày. Học sinh của tôi rất đông, lâu nay chúng không thể bắt chước tôi thủ vẽ một đường thẳng có phương hướng trên giấy, dù là đứa trẻ có khả năng bắt chước nhất, thông minh nhất cũng không vẽ được hình vẽ mà tôi vẽ mẫu cho chúng, chúng đều làm loạn giao điểm (bất luận những giao điểm này rõ ràng như thế nào). Thực tế, tôi đã dạy cho chúng kiến thức tường tận liên quan tới đường thẳng và kết cấu của nó. Những kiến thức này có thể giúp chúng vận dụng mặt phẳng và nối liền các điểm khác nhau. Nhưng qua nghiên cứu, tôi phát hiện thấy học sinh của mình đều có khiếm khuyết. Những tiến bộ mà những học sinh này có được khi vẽ đường thẳng góc, đường ngang, đường xiên và đường cong có liên quan mật thiết tới độ khó mà chúng gặp phải về trí lực khi vẽ những đường này.

Do đó, tôi không những cho bọn trẻ vượt qua một số khó khăn mà còn muốn chúng khắc phục một loạt khó khăn. Xuất phát từ nguyên nhân này, tôi cũng tự hỏi, những khó khăn này phai chăng chưa đủ gian nan, phai chăng chưa khó? Đây là một số quan niệm đã ảnh hưởng rất lớn đến suy nghĩ của tôi.

Công thức hình học đầu tiên là: Qua hai điểm cho trước chỉ có thể vẽ được duy nhất một đường thẳng.

Chúng ta có thể tiến hành biểu diễn bằng tay: Tôi vẽ 2 điểm trên bảng, sau đó thông qua một đường thẳng nối liền chúng lại, học sinh của tôi cũng thủ công việc giống tôi ở trên giấy nhưng có trẻ vẽ đường này lệch sang bên trái của điểm phía dưới, có trẻ lại vẽ lệch sang bên phải.

Sai lầm này là bình thường vì trí lực hoặc thị giác chưa hoàn thiện gây ra chứ không phải do tay. Để giảm bớt sự sai lệch này, tôi đã vẽ ở mỗi bên trái và phải một đường thẳng. Như vậy, trong phạm vi khép kín này, bọn trẻ có thể nối liền hai điểm thông qua hai đường song song. Nếu hai đường này vẫn không dùng được, tôi sẽ đặt hai cái thước thẳng góc ở hai bên giấy để có thể đề phòng sai lệch bằng phương thức tuyệt đối. Song, không nên để cho sự hạn chế này phát huy tác dụng trong thời gian dài. Ban đầu, chúng tôi không sử dụng thước mà chỉ dùng hai đường song song, cho dù trẻ có năng lực thấp kém cũng vẽ được đường thứ ba ở giữa hai đường này. Tiếp đó, tôi xóa đi một đường bất kì, hoặc đường bên trái, hoặc đường bên phải, sau đó chúng tôi xóa hết hai đường này, cuối cùng là hai điểm, hai điểm này đã chỉ rõ vị trí bắt đầu và kết thúc của đường phân đoạn. Như thế, bọn trẻ có thể học được mà không cần sự trợ giúp nào, đồng thời vẽ đường thẳng trong trường hợp không có điểm so sánh.

Khi dạy đường thẳng ngang cũng sử dụng phương pháp tương tự, phương thức chỉ đạo giống nhau cũng đối mặt với khó khăn giống nhau. Nếu lúc đầu, ngẫu nhiên trẻ vẽ rất tốt, chúng tôi buộc phải đợi chúng bắt đầu từ giữa, kéo dài đường ngang sang hai bên bằng phương thức tự nhiên. Nguyên nhân này tôi đã giải thích rồi, nếu hai điểm vẫn không đủ để bọn trẻ vẽ một đường ngang hoàn chỉnh, chúng tôi có thể sử dụng đường song song hoặc thước giống như trên.

Cuối cùng, chúng tôi cho bọn trẻ vẽ một đường thẳng ngang, đặt đường thẳng ngang này và thước vuông góc để tạo nên góc thẳng. Bằng cách này, chúng bắt đầu hiểu rõ thẳng góc và nằm ngang rốt cục là gì. Khi vẽ một hình vẽ như thế này sẽ hiểu rõ quan hệ giữa hai khái niệm này.

"Trong quá trình phát triển khái niệm về "đường", theo lý thuyết dạy đường xiên xem ra nên bám sát vào đường ngang và đường vuông góc, nhưng trên thực tế thì không nên như vậy. Bởi vì nếu đường vuông góc bị lệch hoặc hướng đường ngang biến đổi thì sẽ sinh ra đường xiên. Nếu chúng ta không có sự chuẩn bị tốt trong việc dạy đường xiên, thì quan hệ mật thiết của loại đường này với "đường" sẽ khiến học sinh không thể hiểu."

Segun đã bàn luận nhiều đối với đường có hướng khác nhau. Ông cho học sinh luyện tập với hai đường song song. Ông còn đề cập tới vấn đề 4 đường cong, ông để cho học sinh vẽ đường trên dưới của đường ngang, bên trái và bên phải của đường vuông góc. Ông tổng kết: "Chúng tôi đã tìm được phương pháp giải quyết vấn đề - đường vuông góc, đường

ngang, đường xiên, 4 đường cong, sự kết hợp của 4 đường cong này tạo thành một hình tròn. Như thế đã bao gồm các đường, cũng bao gồm các cách viết chữ."

"Sau khi tiến hành tới bước này, Itard và tôi đã dừng lại một thời gian khá dài. Sau khi nhận thức được những đường này, điều bọn trẻ tiếp tục phải làm là vẽ một số hình vẽ, đồng thời cần bắt đầu bài học của chúng từ một số hình vẽ đơn giản nhất. Itard đề nghị tôi bắt đầu từ hình vuông, tôi đã tiến hành theo ý kiến của ông ta được 3 tháng, nhưng không thể khiến cho bọn trẻ hiểu rõ ý của tôi". Dưới sự hướng dẫn của những quan niệm lý luận có liên quan tới hình vẽ hình học, qua một loạt thử nghiệm, Segun bắt đầu chú ý tới hình tam giác là hình dễ vẽ nhất.

"Từ thử nghiệm này và rất nhiều thử nghiệm khác, tôi đã luận ra chuẩn tắc đầu tiên đối với việc dạy viết và vẽ đối với trẻ có năng lực thấp kém, ứng dụng chuẩn tắc này rất đơn giản với tôi, không cần tiến hành thảo luận".

Đây là những phương pháp dạy trẻ khiếm khuyết học viết từ các bậc tiền bối của tôi.

Còn về đọc, Itard đã áp dụng phương pháp sau: Đóng đinh lên tường, sau đó treo các loại hình vẽ hình học làm bằng gỗ như hình tam giác, hình vuông, hình tròn. Tiếp đó, ông khắc dấu vết chính xác những hình vẽ này lên tường rồi mang những hình vẽ này đi. Thông qua kiểu thiết kế này, Itard đã sáng tạo ra dụng cụ dạy học hình học phẳng. Cuối cùng, ông đã tạc ra một số dạng chữ cái in bằng gỗ rất to, hơn nữa bằng cách này làm ra rất nhiều dấu vết chữ cái. Ông sử dụng dấu vết trên tường, sắp xếp các đinh, để cho bọn trẻ có thể đặt chữ cái lên đó và có thể lấy xuống được. Sau này, Segun dùng mặt ngang thay thế tường, vẽ chữ lên đáy hộp rồi cho trẻ đặt chữ cái lên trên.

Theo tôi, thiếu sót của phương pháp dạy đọc và viết mà Itard và Segun sử dụng vẫn còn nhiều. Phương pháp này có hai sai lầm cơ bản khiến nó không thể giúp ích cho trẻ bình thường. Hai sai lầm này là: Viết chữ hoa in; Thông qua nghiên cứu hình học để chuẩn bị cho việc viết. Tôi cho rằng chỉ có học sinh trung học mới có thể thực hiện được điểm này. Từ những quan sát đối với tâm lý của trẻ và quan hệ của chúng với môi trường xung quanh, Segun đột nhiên chuyển đổi thành sự phát sinh của đường thẳng và quan hệ giữa đường thẳng với mặt phẳng, đã hoàn toàn đảo lộn khái niệm.

Ông nói vì "mệnh lệnh tự nhiên", bọn trẻ vui vẻ vẽ đường thẳng góc, còn đường ngang nhanh chóng bị vẽ thành đường cong. Kiểu "mệnh lệnh

tự nhiên" này biểu hiện thông qua việc mọi người nhìn đường ngang thành đường cong.

Mục đích mà Segun lấy những ví dụ này là để nói rõ tầm quan trọng của việc huấn luyện đặc biệt, nó khiến mọi người có thể thích ứng quan sát, dẫn dắt tư duy lý tính. Quan sát cần tuyệt đối khách quan, nói cách khác, cần loại bỏ kiến giải "cái có trước chiếm vị trí chủ đạo". Trong ví dụ này, kiến giải "hình vẽ hình học nhất định là sự chuẩn bị của việc viết" kiểu này của Segun đã cản trở ông phát hiện ra quá trình tự nhiên vô cùng quan trọng đối với việc chuẩn bị viết chữ. Ngoài ra, ông còn chủ quan cho rằng, có sự tồn tại sai lệch của đường thẳng, đồng thời nhận thấy tính không chuẩn xác của sai lệch này đều do "não và mắt" chứ không phải là "tây".

Segun hầu như cho rằng một phương pháp hay cần bắt đầu từ hình học. Theo ông, chỉ khi thiết lập quan hệ với sự vật trừu tượng thì trí lực của trẻ mới được chú ý. Điều này vốn là một sai lầm, giống như rất nhiều người tự cho mình có tri thức uyên bác nên bắt đầu coi thường những thứ đơn giản. Vậy, chúng ta hãy thử suy nghĩ của những người được cho là thiên tài ra sao: Newton yên lặng ngồi giữa thiên nhiên, táo rơi từ trên cây xuống, ông nhìn thấy và hỏi "Vì sao?". Hiện tượng này từ trước tới nay là chuyện nhỏ, nhưng quả từ trên cây rơi xuống và trọng lực của vũ trụ có quan hệ mật thiết trong não của thiên tài. Nếu Newton là giáo viên dạy trẻ, ông nhất định sẽ để cho bọn trẻ ngắm trời đêm đầy sao, còn vị tiến sĩ lại rất có thể cho rằng, nên để trẻ hiểu một số vi tích phân trừu tượng, bởi lẽ vi tích phân vô cùng quan trọng đối với thiên văn học. Song, Galileo chỉ thông qua quan sát đèn treo đang đưa ở trên cao đã phát hiện ra qui luật quả lắc.

Giống như lĩnh vực đạo đức, khiêm tốn và nghèo khó có thể hướng dẫn chúng ta đạt được sự siêu việt về tinh thần. Ở lĩnh vực trí lực, giảm bớt chính là cần. Loại bỏ các loại thiên kiến "cái có trước chiếm vị trí chủ đạo" trong não, nó có thể hướng dẫn chúng ta phát hiện sự vật mới. Nếu nghiên cứu lịch sử phát hiện của nhân loại, bạn có thể thấy những phát hiện này bắt nguồn từ quan sát khách quan và tư duy logic, song ít khi chúng ta có thể làm được? Chẳng hạn, sau khi Leveran phát hiện ra vi trùng sốt rét có thể xâm nhập vào hồng cầu, chúng ta vẫn hoài nghi khả năng tiêm phòng miễn dịch sốt rét, cho dù chúng ta biết hệ thống huyết dịch là một hệ thống ống dẫn khép kín, không kỳ lạ sao? Ngược lại, cho dù ký sinh trùng là một loại sinh vật xác định, nhưng mọi người rất mơ hồ về những thứ có liên quan tới nó. Tuy nhiên các lý luận ma quỷ tới từ đất trùng, từ luồng gió ở châu Phi, từ nơi ẩm thấp lại được mọi người tin.

Lý luận liên quan tới bệnh sốt rét của Laveran vô cùng hoàn thiện về mặt logic, bản thân lý luận này cũng vô cùng vĩ đại. Như chúng ta đã biết, trong sinh vật học, sự tái tạo của phân tử thể thực vật phân tách thông qua bào tử, còn sự tái tạo của phân tử thể động vật lại kết hợp thông qua tế bào. Tức là, qua một thời gian, tế bào ban đầu phân tách thành tế bào mới có sự tương đồng giữa với nhau. Lúc này sẽ hình thành hai loại tế bào khác nhau - tế bào đực và tế bào cái, chỉ kết hợp hai loại tế bào này thì sự hình thành tế bào mới có thể tiếp tục sinh sản tuần hoàn. Ở thời đại của Laveran, mọi người đều biết điều này. Ai cũng biết vi trùng sốt rét là một loại động vật nguyên sinh, mà sự phân tách của vi trùng sốt rét trong hồng cầu được xem thành một quá trình phân tách, ký sinh trùng sinh ra các hình thể giới tính khác nhau. Điều này dường như hợp với logic, song lúc đó rất nhiều nhà khoa học bao gồm cả Laveran tiến hành nghiên cứu cũng đều không giải thích được sự xuất hiện của sự khác biệt giới tính ở trên. Sau này, Laveran đã đưa ra một quan niệm, cho rằng hai hình thức này là hình thức thoái hoá của vi trùng sốt rét, vì thế không thể phát sinh sự biến đổi bệnh tật xác định. Quan niệm này được mọi người tiếp nhận ngay. Thực sự, khi ký sinh trùng xuất hiện hai hình thức giới tính khác nhau thì bệnh sốt rét mới chữa khỏi (bởi vì hai kiểu tế bào này là không thể kết hợp trong huyết dịch con người). Sự giải thích của Laveran có được là nhờ rút ra gợi ý từ lý luận dị hình và thoái hoá có liên quan đến con người của Morrel. Ngày nay mọi người đều cho rằng nhà bệnh lý học nổi tiếng này đưa ra lý luận trên là một điều may mắn.

Nếu mỗi người đều có thể tiến hành quá trình suy lý như sau: Vi trùng sốt rét là một loài động vật nguyên sinh, tự tái tạo thông qua phân tách, sau khi phân tách xong, chúng ta có thể nhìn thấy hai loại tế bào khác nhau: một loại là hình bán nguyệt, một loại khác là dạng sợi. Chúng là tế bào tính đực và tính cái, giữa chúng tiếp tục tiến hành kết hợp chứ không phân tách. Người suy lý thông qua phương thức này có thể tiến tới các phát hiện mới. Chúng ta có thể tưởng tượng, nếu giáo dục có thể cung cấp cho con người tư duy logic và quan sát chân thực thì thế giới của chúng ta sẽ đạt những tiến bộ to lớn biết bao!

Mục đích khi tôi nói tới điều này là để chỉ ra tính tất yếu sau: Giáo dục thế hệ sau của chúng ta bằng một phương thức lý tính hơn. Tôi cảm thấy đây chính là điều chúng ta cần, thế giới sẽ bắt đầu đạt được tiến bộ to lớn từ những thế hệ này của chúng ta. Chúng ta đã biết lợi dụng môi trường xung quanh, tôi tin chúng ta đã tới thời khắc: Khai thác nguồn

nhân lực thông qua giáo dục lý tính. Song đồng thời, bản năng khiến chúng ta có khuynh hướng thưởng thức sự vật phức tạp vẫn tồn tại, bản năng khiến sự vật phức tạp hoá lại luôn theo sát chúng ta. Segun dạy hình học cho bọn trẻ là để dạy chúng viết, cho trẻ cố gắng học hình học trừu tượng chỉ để viết một chữ cái "R" đơn giản, đây là ví dụ tốt nhất.

Rất nhiều người trong chúng ta hiện nay vẫn tin, để cho trẻ biết viết trước hết cần cho chúng biết vẽ đường vuông góc. Song, để viết chữ trong bảng chữ cái - chúng đều là hình tròn - mà bắt đầu dạy từ đường thẳng và góc nhọn, quả là rất phi tự nhiên. Thực sự, đối với học sinh tiểu học, muốn viết ra một chữ O đẹp được cấu thành bởi đường cong, không có góc cạnh, mềm mại thì thật khó khăn! Vậy mà, bọn trẻ lại bị ép phải cố gắng viết đi viết lại đường thẳng và góc nhọn. Ai đã đề ra quan niệm viết chữ cần phải bắt đầu từ đường thẳng? Nếu đúng như vậy, thì vì sao chúng ta lại phải tránh viết đường cong và góc để làm bước chuẩn bị cho việc viết chữ?

Chúng ta hãy tạm thời vứt bỏ quan điểm "cái có trước chiếm vị trí chủ đạo", tiến hành với một cách thức đơn giản nhé.

Có cần bắt đầu học viết chữ từ đường vuông góc không? Chúng ta chỉ cần suy nghĩ rõ ràng và logic thì có thể trả lời vấn đề này, câu trả lời là "Không". Kiểu luyện tập này sẽ mất nhiều công sức của trẻ. Bước đầu tiên nên là bước đơn giản nhất, tuy nhiên khi vẽ đường vuông góc, vận động trên dưới bằng bút chì lại là khó nhất trong mọi vận động, chỉ có người "chuyên nghiệp" mới có thể vẽ một trang đường vuông góc "chuẩn", còn người bình thường muốn vẽ kín trang giấy chỉ có thể làm một cách gượng gạo. Đường thẳng quả thực vô cùng đặc biệt, nó cho thấy khoảng cách ngắn nhất giữa hai điểm, còn đường lệch khỏi hướng này lại cho thấy chúng không phải là thẳng. Vì thế, vẽ những đường lệch khỏi hướng đã định xem ra dễ hơn nhiều.

Nếu để người lớn vẽ một đường thẳng lên bảng thì ai cũng có thể làm được. Có người bắt đầu từ đầu này, có người bắt đầu từ đầu kia, dường như mọi người đều có thể vẽ thẳng. Nhưng nếu chúng ta yêu cầu họ vẽ một đường thẳng theo hướng bắt buộc từ một điểm xác định thì họ đều vẽ rất lâu. Đó là vì họ cần tập trung sức mạnh để vẽ thẳng. Nếu chúng ta yêu cầu vẽ đường rất ngắn, trong phạm vi hạn chế nhất định, sai lầm sẽ ngày càng tăng lên, bởi lẽ kết quả của việc làm như vậy đã cản trở động lực duy trì hướng xác định của đường thẳng. Còn chính trong phương pháp thông thường áp dụng khi dạy viết, chúng ta đã thêm vào sự hạn chế này, đồng thời còn có hạn chế đối với tư thế viết

chữ, mà không phải để cho bản năng điều khiển chúng một cách tự nhiên. Những hạn chế này khiến cho việc học viết chữ càng khó khăn hơn.

Ở Pháp, tôi đã chú ý tới đường vuông góc mà một số trẻ khuyết tật vẽ, cho dù ban đầu là dạng đường thẳng, nhưng cuối cùng lại thành dạng chữ "C". Điều này cho thấy so với trẻ bình thường, những trẻ khuyết tật này thiếu khả năng kiên trì, ban đầu để bắt chước, chúng đã tỏ rõ sự cố gắng, dần dần một động tác tự nhiên sẽ thay thế động tác mang tính bắt buộc hoặc tính kích thích. Cho nên, đường thẳng từ từ biến thành đường cong, ngày càng giống chữ C. Hiện tượng này chưa từng xuất hiện ở vở luyện tập của trẻ bình thường, bởi vì chúng có thể kiên trì cho tới khi viết hết trang.

Chúng ta hãy quan sát một chút quá trình hội họa tự giác của trẻ bình thường, chẳng hạn khi chúng cầm cành cây vẽ hình trên bãi cát ở vườn hoa, chúng ta sẽ nhìn thấy đó là một số đường cong dài và đan xen lẫn nhau, chẳng có đường ngắn và thẳng. Segun cũng quan sát được hiện tượng này, khi ông để cho học sinh của mình vẽ đường ngang, đường ngang nhanh trở thành đường cong. Nhưng ông lại qui hiện tượng này là do mô phỏng đường thẳng ngang!

Chữ cái được cấu thành bởi đường cong, song chúng ta lại buộc phải luyện tập đường thẳng để chuẩn bị. Bằng việc vẽ đường vuông góc để chuẩn bị cho việc viết chữ cái, điều này xem ra không hợp logic. Song lại có người nói: "Trong rất nhiều chữ cái quả thực có đường thẳng". Đúng vậy, nhưng không có lý do yêu cầu chúng ta bắt đầu viết chữ từ đường thẳng, chúng ta cần chọn một trong các hình vẽ để bắt đầu. Giống như phân tích lời nói để phát hiện ra ngữ pháp, chúng ta có thể dùng phương thức này để phân tích chữ cái nhằm phát hiện đường thẳng và đường cong. Nhưng khi chúng ta nói chuyện lại độc lập với những qui tắc ngữ pháp đó. Vậy khi viết, vì sao chúng ta không thể độc lập với những phân tích, không thể đơn độc xử lý các bộ phận cấu thành chữ cái?

Nếu chỉ sau khi học ngữ pháp, chúng ta mới có thể nói chuyện, hoặc đòi hỏi chúng ta phải học vi tích phân, trước khi ngắm những vì sao trên bầu trời, thì thật đáng buồn! Điều đáng buồn giống như vậy là, trước khi dạy một trẻ có năng lực thấp viết chữ, chúng ta cần khiến cậu bé hiểu rõ sự sai lệch của đường thẳng và vấn đề hình học trừu tượng. Nếu vì viết chữ mà chúng ta phải tuân theo qui tắc cấu thành chữ cái một cách mang tính phân tích thì càng đáng tiếc. Trên thực tế, sự cố gắng này

hoàn toàn cứng nhắc và không tự nhiên, nó không phải dùng để cho con người học viết chữ mà dùng làm minh chứng cho phương pháp dạy viết.

Bây giờ, chúng ta tạm thời gác các loại giáo điều sang một bên, cũng không suy xét tới văn hoá và tập tục. Chúng ta không có hứng với việc tìm hiểu con người bắt đầu viết chữ như thế nào, cũng như khởi nguyên của việc viết chữ. Đồng thời gác sang một bên quan niệm liên quan tới viết chữ đã gieo vào lòng chúng ta - học viết chữ cần bắt đầu từ đường vuông góc, hãy để chúng ta rõ ràng và không có thiên kiến giống như chân lý.

"Chúng ta hãy quan sát một cá thể trong khi viết chữ để phân tích động tác anh ta áp dụng khi viết chữ", việc này nói lên thao tác mang tính kỹ thuật, liên quan tới nghiên cứu triết học của việc viết chữ, vì thế rất nhiều người đều nghiên cứu việc viết chữ bắt đầu từ khách quan. Hơn nữa rất nhiều phương pháp cũng được thiết lập trên phương thức nghiên cứu này. Song điều chúng ta điều tra là cá nhân tiến hành viết chữ chứ không phải bản thân việc viết chữ.

Nghiên cứu được tiến hành bắt đầu từ cá thể (khác hoàn toàn với rất nhiều phương pháp nghiên cứu ở trên), là một phương thức có tính nguyên tắc rất lớn, nó thiết lập trên cơ sở nghiên cứu nhân loại học, đánh dấu rõ ràng một thời đại mới của việc viết chữ.

Khi tiến hành thử nghiệm đối với trẻ bình thường, tôi không hề biết kết quả thử nghiệm sẽ là gì: Nếu phải đặt tên cho phương pháp mới của việc viết chữ này, tôi sẽ gọi là phương pháp của nhân loại học - Nghiên cứu của nhân loại học thực sự đã gợi ý cho phương pháp này. Nhưng kinh nghiệm khiến tôi nghĩ tới một tên gọi khác khiến mọi người ngạc nhiên, nó đến với tôi cũng vô cùng tự nhiên đó là "cách viết tự giác".

Khi tôi dạy trẻ khuyết tật, vừa hay quan sát được một sự thực như sau: Một bé gái trở ngại trí lực 11 tuổi, tay cô bé có sức lực và khả năng vận động thần kinh của người bình thường nhưng lại không thể học may, thậm chí là bước đầu tiên của may - khâu. Việc này đòi hỏi trước hết luồn kim xuống dưới vải rồi luồn trở lại, cứ thế lặp đi lặp lại.

Tôi để cho cô bé đan đệm, cô bé cần làm cho một tờ giấy ngang xen qua một loạt giấy dọc, những giấy dọc này đều cố định hai đầu. Tôi đột nhiên bắt đầu nghĩ tính tương tự giữa hai kiểu luyện tập này, vì thế rất hứng thú quan sát cô bé. Sau này khi cô bé đã trở nên thành thạo trong việc luyện tập đan đệm, tôi lại để cô bé trở lại luyện tập may vá, đồng thời vui mừng phát hiện cô bé bây giờ có thể hoàn thành việc khâu vá. Từ đó, bài giảng học may của chúng tôi bắt đầu từ đan đệm.



Tôi phát hiện khi may, một số động tác cần thiết của tay có thể có được mà không cần luyện tập. Từ đó tôi phát hiện, chúng ta nên tìm được phương pháp dạy trẻ như thế nào để tiến hành một công việc, trước khi cho trẻ thực hiện công việc này. Tôi đặc biệt chú ý thấy, có thể áp dụng một số hoạt động chuẩn bị, đồng thời có thể đơn giản hoá hoạt động chuẩn bị thành một kiểu cơ chế thông qua luyện tập mang tính lặp lại. Kiểu luyện tập mang tính lặp lại này không tồn tại ở bản thân bài tập mà chỉ là một kiểu luyện tập mang tính chuẩn bị. Tiếp đó, học sinh có thể thực hành bài tập thực sự, cho dù trước đây chưa từng tiếp xúc trực tiếp, song chúng cũng có thể hoàn thành bài tập.

Điều khiến tôi cảm thấy rất hứng thú là thông qua phương thức này có lẽ đủ chuẩn bị cho việc viết chữ. Tôi thực sự ngạc nhiên đối với tính đơn giản tiện lợi của phương pháp này, đồng thời cũng cảm thấy vô cùng đáng tiếc vì trước đây chưa từng nghĩ ra nó. Mà phương pháp này lại xuất phát từ việc tôi quan sát một bé gái không thể học may. Tôi đã dạy cho bọn trẻ tiếp xúc với khung hình học phẳng như thế nào. Hiện nay, điều tôi muốn dạy cho chúng chỉ là dùng ngón tay tiếp xúc với hình dạng chữ cái.

Tôi có một số chữ cái được chế tác hoàn mỹ, chữ cái thấp cao 8 cm, chữ cái cao hơn một chút có tỉ lệ tương ứng với chữ cái thấp. Những chữ cái này đều được làm bằng gỗ, dày 0,5 cm, nguyên âm được sơn màu đỏ, còn phụ âm được sơn màu xanh. Phía dưới những chữ cái này không sơn màu mà được bọc bằng pholavon, như thế khá bền. Chúng tôi chỉ có một bộ sản phẩm phục chế của những chữ cái bằng gỗ này, nhưng lại có rất nhiều tranh giấy, bên trên vẽ chữ cái màu xanh, kích cỡ bằng chữ cái gỗ. Những chữ cái gỗ này được đặt trên tranh giấy, sau đó phân thành nhóm dựa theo sự so sánh và phân loại. Chúng tôi còn có một số tranh ảnh vật thể, chữ cái đầu tiên của tên gọi vật thể trong tranh đều đối ứng với mỗi chữ cái trong bảng chữ cái. Bên trên những tranh ảnh này, chữ cái đầu tiên của tên gọi vật thể là dạng viết tay rất to, còn ở bên cạnh lại là chữ dạng in nhỏ hơn một chút. Mục đích của những tranh ảnh này là giúp nhớ phát âm chữ cái, còn kết hợp dạng chữ in nhỏ hơn một chút với chữ cái to dạng viết tay là để giúp cho việc đọc. Tranh ảnh không đại biểu cho quan niệm mới gì, chỉ là đã hoàn thiện một hệ thống trước đây.

Điều thú vị nhất trong thực nghiệm là, sau khi tôi diễn tả cho bọn trẻ làm thế nào đặt chữ cái gỗ lên tranh chữ cái phân nhóm thì cho chúng liên tục tiếp xúc với những chữ cái dạng viết tay mới nhất này.

Tôi lặp lại sự luyện tập này bằng nhiều phương thức, qua đó bọn trẻ đã học được động tác cần thiết của tay, điều này có thể khiến trẻ chưa từng viết chữ nhưng viết lại được hình dạng chữ cái.

Một quan niệm trước đây chưa từng nghĩ tới khiến tôi vô cùng kinh ngạc là trong viết chữ, chúng ta đã phân ra hai loại hình thức vận động khác nhau. Trên thực tế, ngoài vận động viết chữ cái còn tồn tại một hình thức vận động của tư thế cầm bút. Khi trẻ khuyết tật tiếp xúc với các chữ cái đã thành thực nhưng vẫn không biết cầm bút như thế nào. Cầm chắc và vận dụng linh hoạt một cái que nhỏ có liên quan tới cơ chế vận động cơ bắp đặc biệt, cơ chế này bản thân không liên quan tới vận động viết chữ. Trên thực tế, cơ chế này rất cần thiết đối với động tác viết ra những chữ cái khác nhau. Vì thế, nó là một cơ chế đặc biệt, cùng tồn tại với ghi nhớ thần kinh vận động của hình ảnh đơn lẻ. Thông qua việc để trẻ khuyết tật dùng ngón tay tiếp xúc với chữ cái khơi dậy động tác viết chữ, tôi để cho chúng rèn luyện một loại tâm lý - vận động đường thần kinh, làm mạnh mẽ mối quan hệ cơ bắp ghi nhớ với mỗi chữ cái tương ứng. Đồng thời, ở đây cũng tồn tại một kiểu chuẩn bị khác của cơ chế cơ bắp cần thiết đối với việc cầm và dùng bút. Ở giai đoạn thứ hai, trẻ không chỉ dùng ngón trỏ phải, mà còn dùng ngón trỏ và ngón giữa của hai tay tiếp xúc với chữ cái. Ở giai đoạn thứ ba, trẻ dùng một que gỗ nhỏ để tiếp xúc với chữ cái, tư thế tay cầm que phải giống với tư thế cầm bút, thực tế, tôi để cho trẻ lặp đi lặp lại động tác giống như vậy, có lúc cầm công cụ viết chữ, có lúc không cầm.

Tôi đã từng nói trẻ sẽ chuyển động thị giác theo hình dáng của chữ cái. Ngón tay của trẻ thực sự được rèn luyện thông qua việc tiếp xúc hình dáng hình vẽ hình học, nhưng sự rèn luyện này không phải là triệt để. Khi người lớn dùng thủy tinh hoặc giấy trong suốt để vẽ đồ án cũng không thể cảm giác ra hình dáng mà phải vẽ bằng bút.

Vì thế, trẻ khuyết tật không thể luyện tập theo tranh một cách chính xác, bất luận là dùng ngón tay hoặc que gỗ. Trong việc luyện tập đó, dụng cụ dạy học không báo cho biết bất cứ sai lầm nào, hoặc chỉ báo hiệu thị giác không xác định nào đó. Sự báo hiệu thị giác này chỉ là xem ngón tay có tiếp tục tiếp xúc với tranh không. Tôi nghĩ, để cho học sinh vận động chuẩn xác hơn, cũng như để hướng dẫn động tác này trực tiếp hơn, nên thiết kế các chữ cái lõm xuống. Như thế có thể chọc được que gỗ vào bên trong. Tôi đã thiết kế loại dụng cụ này, nhưng do giá quá cao nên chưa thể áp dụng rộng rãi.

Sau khi tiến hành thí nghiệm, tôi đã tường thuật phương pháp này cho các giáo viên phương pháp dạy học ở trường. Tuy những bài giảng này đã xuất bản, cho dù đã có hơn 200 giáo viên tiểu học nắm vững phương pháp này, nhưng trong họ lại chưa có ai nhận được sự giúp đỡ từ đó. Một vị giáo sư đã bày tỏ sự ngạc nhiên về điều đó: "Chúng tôi đã lấy ra một số tấm giấy bên trên in chữ cái nguyên âm màu đỏ. Còn đối với trẻ, những chữ này chỉ là một số hình vẽ màu đỏ bất qui tắc. Đồng thời, chúng tôi cho trẻ chữ cái nguyên âm bằng gỗ màu đỏ để chúng đặt những chữ cái bằng gỗ này lên tấm giấy tương ứng. Chúng tôi cho trẻ tiếp xúc với những chữ cái nguyên âm bằng gỗ tốt nhất, sau đó cho chúng biết tên gọi của từng chữ, những chữ cái nguyên âm này căn cứ vào hình vẽ được xếp lần lượt như sau:

o, e, a

i, u

Tiếp đó, chúng tôi nói với trẻ: "Tìm chữ O, đặt nó vào vị trí tương ứng. Chữ này là chữ nào?". Chúng tôi phát hiện, nếu chỉ để cho chúng nhìn chữ thì rất nhiều trẻ sẽ phạm sai lầm.

Song, chúng lại có thể phân biệt chữ cái nhờ vào tiếp xúc, đây là điều thú vị nhất, sự quan sát này có thể dùng để giải thích loại hình cá thể khác nhau - loại thị giác hay là loại thần kinh vận động.

Chúng tôi để cho trẻ tiếp xúc với chữ cái đặt ở trên tấm giấy, ban đầu chỉ dùng ngón trỏ, sau này đồng thời sử dụng ngón trỏ và ngón giữa, cuối cùng cầm que giống như cầm bút, tiến hành mô tả chữ cái.

Chữ cái phụ âm là chữ màu xanh, căn cứ vào phân loại hình dạng xếp trên tấm giấy tương ứng. Những tấm giấy này đều kèm theo chữ cái bằng gỗ màu xanh di động, những chữ cái phụ âm đặt ở vị trí giống như những chữ cái nguyên âm.

Ngoài ra, bộ giáo cụ này còn gồm một bộ ảnh khác, trên bộ ảnh này ngoài phụ âm còn in một vài tên gọi của vật thể bắt đầu bằng chữ cái này. Cạnh chữ cái dạng viết tay là một số chữ cái in cùng màu nhưng nhỏ hơn một chút.

Giáo viên chỉ vào chữ cái và ảnh, căn cứ vào phương pháp ngôn ngữ học để đặt tên những phụ âm này, sau đó đọc ra tên gọi vật thể in trên ảnh, đồng thời nhấn mạnh chữ cái đầu tiên. Ví dụ: "P – Pear, cho cô biết phụ âm P là chữ nào, sau đó đặt nó lên vị trí tương ứng, hãy chạm vào nó". Những điều này cho chúng ta nghiên cứu khiếm khuyết tồn tại về mặt ngôn ngữ của trẻ. Thông qua phương thức viết để mô tả chữ cái,



chúng ta có thể vận dụng huấn luyện cơ bắp để chuẩn bị cho việc viết chữ. Một bé gái được dạy bằng phương pháp này đã dùng bút viết lại các chữ cái cho dù cô bé còn chưa biết những chữ này. Cô bé biết những chữ này cao 8cm, nhưng có qui tắc khiến người khác ngạc nhiên, thao tác bằng tay của cô rất tốt. Xem ra bọn trẻ dùng một phương thức viết chữ để tiếp xúc, nhận biết chữ, đây cũng chính là chuẩn bị cho đọc và viết. Sờ vào chữ đồng thời nhìn kỹ chữ, bằng sự hài hoà của cảm giác có thể khiến ấn tượng mạnh mẽ hơn. Sau này, hai động tác đó sẽ tách ra, xem chuyển thành đọc, sờ chuyển thành viết. Căn cứ vào sự khác biệt của mỗi cá nhân, có người trước tiên học đọc, có người trước tiên học viết".

Khoảng năm 1899 tôi đã phát minh phương pháp cơ bản về đọc và viết mà đến giờ vẫn đang sử dụng. Một lần, tôi cho một trẻ khuyết tật một chiếc bút màu, cậu bé đã viết lên bảng toàn bộ chữ cái trong bảng chữ cái, cần phải biết đây là lần đầu tiên cậu viết! Khả năng này khiến tôi vô cùng kinh ngạc.

Thực hiện viết nhanh hơn tôi dự kiến. Đúng như những gì tôi nói, có trẻ có thể dùng bút chì viết ra chữ, cho dù chúng có thể không biết chữ nào. Ngoài ra, tôi cũng chú ý thấy ở trẻ bình thường, cảm giác cơ bắp ở thời kỳ trẻ nhỏ phát triển dễ nhất, điều này khiến cho việc viết dễ dàng hơn đối với trẻ. Việc đọc thì không như vậy, đọc cần rèn luyện trong thời gian dài, cần phát triển trí lực ở đẳng cấp cao hơn bởi vì đọc cần giải thích các ký hiệu liên quan, cần điều chỉnh sự đổi giọng, mục đích là hiểu ngôn ngữ, những điều này đều là công việc trí lực thuần túy. Khi viết, dưới sự hướng dẫn của phương pháp dạy, trẻ chuyển biến thanh âm thành ký hiệu, đồng thời tiến hành hoạt động bộ phận tay, điều này đối với trẻ là một việc dễ dàng và đem lại niềm vui. Phát triển khả năng viết của trẻ luôn kèm theo tính giản tiện và tính tự giác, cũng giống như phát triển ngôn ngữ bằng lời. Sự phát triển ngôn ngữ bằng lời là một sự chuyển đổi loại thần kinh vận động thính giác của âm thanh. Ngược lại, bộ phận đọc lại liên quan tới văn hoá trí lực trừu tượng, nó là sự giải thích đối với khái niệm xuất phát từ hệ thống tượng trưng ký hiệu và chỉ có được sau thời kỳ trẻ nhỏ.

Thực nghiệm lần đầu tiên được tiến hành đối với trẻ bình thường bắt đầu vào thượng tuần tháng 11 năm 1907. Tại "Ngôi nhà của trẻ" ở Sen Lorenzo, từ ngày bọn trẻ nhập học (một số trẻ ngày mồng 6 tháng 1, một số trẻ khác là ngày mồng 7 tháng 3) chỉ áp dụng cuộc sống thực tế và trò chơi huấn luyện cảm giác. Tôi không để cho chúng luyện tập viết chữ bởi vì giống những người khác, tôi cho rằng nên cố gắng đẩy lùi sự

luyện tập này lại, giống như không nên dạy đọc và viết trước 6 tuổi. Tuy nhiên, bọn trẻ dường như cần tổng kết những luyện tập này bởi lẽ những luyện tập này đã khiến chúng phát triển trí lực bằng phương thức đáng ngạc nhiên nào đó. Chúng biết mặc và cởi quần áo như thế nào, tắm ra sao; biết quét nhà như thế nào, khử bụi trên đồ đạc, dọn dẹp nhà cửa; biết mở và đóng hộp, chăm sóc hoa cỏ, biết quan sát sự vật rồi; dùng tay để "nhìn" đồ vật,... Rất nhiều đứa trong số chúng chạy tới chỗ tôi, trực tiếp yêu cầu học đọc và viết, cho dù bị từ chối vẫn có đứa tới trường kiêu ngạo tỏ rõ cho chúng bạn thấy, chúng biết viết lên bảng chữ O như thế nào.

Cuối cùng, rất nhiều bà mẹ tới trường yêu cầu chúng tôi dạy con họ viết chữ, họ nói: Trong *"Ngôi nhà của trẻ, trẻ được thức tỉnh, chúng rất dễ học được nhiều thứ, nếu các thầy dạy chúng đọc và viết, chúng nhất định sẽ học rất nhanh, hơn nữa có thể tiết kiệm sức lực cần bỏ ra cho việc học đọc và viết ở cấp tiểu học"*. Các bà mẹ cho rằng con của họ có thể không tốn sức lực khi học đọc và viết ở chỗ chúng tôi, điều này đã để lại ấn tượng sâu sắc cho tôi. Nghĩ tới thành quả đạt được trong trường trẻ khuyết tật, tôi quyết định thử thí nghiệm một lần khi khai giảng vào tháng 9. Vào tháng 9, công việc còn dở dang của tôi sẽ tốt hơn một chút, mà trước khi các trường tiểu học khai giảng vào tháng 10, còn có ích lợi khác khi không tiến hành bất kỳ việc dạy viết và đọc nào. Như vậy, có thể so sánh trẻ của chúng tôi và trẻ tiểu học. Bởi vì học sinh tiểu học và những đứa trẻ của chúng tôi sẽ được dạy giống nhau với một khoảng thời gian giống nhau.

Vì thế, vào tháng 9, tôi bắt đầu tìm người có thể chế tạo giáo cụ cho chúng tôi nhưng chẳng có ai đồng ý làm. Tôi hi vọng có thể có một bộ chữ cái đẹp giống như trong trường trẻ khuyết tật. Sau này tôi đã bỏ ý định đó.

Tháng 10 tới thật nhanh! Trẻ trong tiểu học đã vẽ rất nhiều đường vuông góc, còn chúng tôi vẫn đang đợi, lúc này tôi quyết định vứt bỏ chữ cái bằng giấy to. Tôi nghĩ có thể dùng giấy ráp cắt ra những chữ cái này bởi vì bọn trẻ muốn tiếp xúc với chúng. Dán những chữ cái cắt ra lên tấm thiệp nhẵn bóng, như thế chúng tiếp cận hơn với những dụng cụ huấn luyện cơ bản để luyện tập xúc giác.

Sau khi đã chế tạo hoàn thành những dụng cụ đơn giản, tôi mới chú ý tới những chữ cái này và ưu thế của những chữ cái có kích cỡ lớn đã thiết kế cho trẻ khuyết tật trước đây. Tôi đã lãng phí hai tháng vào những chữ cái lớn đó. Nếu tôi có nhiều tiền thì đã có những chữ cái đẹp

nhưng vô dụng đó rồi - Chúng tôi luôn thích một số thứ cũ, lại không hiểu thứ mới, luôn tìm kiếm cái đẹp của sự vật đã "suy thoái" mà không nhận thức chính trong sự giản ước của quan niệm mới sẽ "nảy mầm" tương lai của chúng tôi. Cuối cùng, tôi phát hiện chữ cái bằng giấy rất dễ làm, hơn nữa có thể khiến nhiều trẻ đồng thời sử dụng, chúng không chỉ được dùng để nhận biết chữ cái mà còn có thể dùng để tạo thành từ đơn. Khi sử dụng chữ cái giấy ráp để sờ vào, tôi đã phát hiện động tác tìm kiếm của ngón tay trẻ. Như thế, không chỉ thị giác mà cả xúc giác đều có thể được sử dụng trực tiếp trong việc giúp trẻ viết chữ chuẩn xác. Sau buổi chiều tan học, một bức tranh toàn diện và rõ ràng hiện ra trong đầu tôi, phương pháp này thật đơn giản. Tôi đã không nhận được cười khi nghĩ tới trước đây chưa từng ý thức được phương pháp này. Câu chuyện thử nghiệm lần đầu tiên của chúng tôi rất thú vị. Một hôm, một cô giáo bị bệnh, tôi nhờ một học sinh là Anna Federi dạy giáo học pháp của trường sư phạm dạy thay. Sau khi kết thúc công việc ngày hôm đó, tôi tới thăm cô ta, cô ta cho tôi xem hai sửa đổi mà cô đã làm, trong đó có một sửa đổi là đằng sau mỗi chữ cái xâu ngang một dây giấy, như thế học sinh có thể nhận ra phương hướng của chữ cái, bởi vì học sinh thường lật ngược chữ cái. Một sửa đổi khác là đã làm một cái hộp, mỗi chữ cái như thế có thể để trong vị trí tương ứng của hộp chứ không bị loạn như lúc đầu. Tới bây giờ tôi vẫn giữ hòm ảnh làm từ chiếc hộp cũ do Federi tìm được ở sân, vẫn còn những đường chỉ trắng khâu vụng về của cô.

Federi cười cho tôi xem những thứ được cô gọi là "thủ công kiệt tác", đã khơi dậy hứng thú và nhiệt tình rất lớn trong tôi. Tôi lập tức phát hiện chữ cái đựng trong chiếc hộp là một sự trợ giúp rất thực dụng đối với việc dạy học. Thực sự, nó có thể khiến bọn trẻ so sánh những chữ cái bằng mắt, đồng thời chọn lựa chữ cái mình cần. Đây chính là khởi nguồn của dụng cụ dạy học mà tôi đã nói ở trên.

Ở đây, tôi chỉ cần đề cập một chút đã có thể nói rõ ưu thế trong phương pháp của chúng tôi. Chỉ nửa tháng hoặc một tháng sau lễ Noel, khi học sinh tiểu học còn đang vất vả nhớ lại chữ "O" và cách viết những chữ cái nguyên âm khác, thì hai cậu bé 4 tuổi của chúng tôi đã có thể viết thư bày tỏ sự chúc phúc và cảm ơn tới người khác. Sự chúc phúc và cảm ơn này được viết trên giấy viết thư, bên trong không có bất kỳ vết bẩn nào, cũng không có sự tẩy xóa, ngang với trình độ của học sinh lớp 3.

TRẺ NHỎ TRONG NHỮNG GIA ĐÌNH GIÀU CÓ

Một số trẻ khác sống trong môi trường xã hội không bình thường đó được sinh ra và lớn lên trong các gia đình giàu có. Mọi người có thể cho rằng, dạy dỗ chúng nhất định dễ hơn nhiều so với trẻ của gia đình nghèo khổ trong "Ngôi nhà của trẻ", hoặc trẻ bất hạnh. Song thực tế, như thế nào? Trẻ trong những gia đình giàu có giống như gia đình chúng, được bao bọc bằng những đồ xa xỉ mà xã hội cung cấp, dường như được hưởng đặc quyền. Chỉ cần dẫn chứng một số trải nghiệm của giáo viên châu Âu và nước Mỹ sẽ đủ nói rõ vấn đề. Những giáo viên này đã nói chuyện với tôi về ấn tượng ban đầu đối với chúng, đồng thời miêu tả những khó khăn mà họ gặp phải khi phản đối quan niệm sai lầm đó.

Cho dù trẻ của gia đình giàu có có hoàn cảnh sống xa hoa, có vườn hoa và những bông hoa tươi đẹp nhưng những thứ này không hấp dẫn chúng. Chúng cũng không hứng thú đối với những thứ "có thể khiến trẻ của gia đình nghèo khổ ham thích", mà chỉ lựa chọn thứ bản thân yêu thích. Vì thế, giáo viên của chúng thực sự cảm thấy mơ hồ và thiếu niềm tin. Ở một số trường học, những đứa trẻ của gia đình nghèo khổ thông thường sẽ chạy tới với những thứ được chuẩn bị cho chúng. Song, trẻ con những gia đình giàu có sớm đã chơi chán những đồ chơi tinh xảo, khi coi những thứ này là vật kích thích thì chúng lại chẳng có phản ứng gì.

Cô G, một giáo viên người Mỹ viết thư cho tôi từ Washington, nói: "Những đứa trẻ này hay tranh giành giáo cụ từ trong tay trẻ khác. Nếu tôi thử cầm một giáo cụ đưa cho một đứa trong đó xem, những đứa khác sẽ vút hết giáo cụ trong tay chúng, hò hét và vây xung quanh tôi. Khi tôi giải thích xong về một giáo cụ, chúng sẽ tranh cãi vì nó. Chúng không có biểu hiện hứng thú thực sự đối với các loại tư liệu giác quan. Chúng không hề quan tâm chú ý khi chuyển từ giáo cụ này sang giáo cụ khác. Có một đứa trẻ thích đi lại, nó không thể ngồi im lấy một lúc. Rất nhiều khi, vận động của trẻ không có mục đích. Chúng không quan tâm những thứ đáng được chú ý, chỉ biết chạy khắp phòng. Chúng va vào bàn, làm đổ ghế, giẫm lên giáo cụ. Có khi, chúng đang chơi ở nơi nào đó, bỗng chạy lại nhặt một giáo cụ sau đó lại ném nó đi một cách tùy tiện".

Cô D viết thư cho tôi từ Pari, nói: "Tôi buộc phải thừa nhận kinh nghiệm của tôi thực sự khiến người khác buồn lòng. Bọn trẻ không có tính chủ động, không thể kiên trì lâu. Trẻ tập trung vào công việc không quá 1 phút. Chúng giống như một bầy dê, cùng nhau đi đi lại lại. Khi một đứa cầm được giáo cụ nào đó, những đứa còn lại cũng phải có giáo cụ này. Thậm chí, có khi chúng còn đánh lộn nhau và làm đổ bàn ghế".



Dưới đây là một đoạn thuật lại được gửi đến từ một trường dạy trẻ của những gia đình giàu có ở Rome "Những đứa trẻ này làm loạn lên khi làm việc và từ chối được hướng dẫn. Cho nên, điều chúng tôi chủ yếu quan tâm là kỷ luật".

Cô G tiếp tục kể lại kinh nghiệm của cô ở Washington: "Nhưng tình hình kỷ luật hiện nay có chuyển biến rồi. Xem ra chúng bắt đầu tự hướng dẫn bản thân, bắt đầu hứng thú đối với những đồ chơi ban đầu bị chúng coi là ngốc nghếch và những giáo cụ trước đây chúng không để ý. Chính nhờ sự hứng thú mới này, chúng bắt đầu hành động độc lập. Một giáo cụ có thể thu hút toàn bộ sự chú ý của trẻ khiến chúng không bị chi phối bởi thứ khác. Những đứa trẻ này đã bắt đầu chú ý tới những thứ mà mọi người hứng thú".

Khi một đứa trẻ tìm được đồ vật gì đó hoặc giáo cụ đặc biệt có thể khơi dậy hứng thú mãnh liệt một cách tự phát của nó, trên thực tế nó đã thắng trận chiến này. Hứng thú này đôi khi đột nhiên phát sinh mà không có sự báo trước. Tôi đã thử dùng giáo cụ gần như khác nhau trong trường học để khơi dậy hứng thú của một đứa trẻ, nhưng không thu hút được sự chú ý của cậu bé. Song ngẫu nhiên một lần, tôi cho cậu hai cái bảng viết chữ, một chiếc màu đỏ, một chiếc màu xanh, muốn cậu chú ý hai màu sắc khác nhau, cậu lập tức đưa tay ra để lấy, dường như đang vô cùng mong ngóng chúng. Cậu đã nhận biết được năm màu sắc ở lớp học. Vài ngày sau đó, cậu đã lấy các loại giáo cụ và dần dần có hứng thú đối với các đồ vật.

Sức chú ý của một đứa trẻ ban đầu chỉ có thể duy trì một thời gian rất ngắn. Sau này, do có hứng thú đối với giáo cụ phức tạp nhất được gọi là "độ dài", đứa trẻ này đã thoát khỏi tình trạng rối loạn. Một tuần liền cậu liên tục chơi giáo cụ này, đã học được đếm số và phép cộng đơn giản. Sau đó, cậu bắt đầu dùng những giáo cụ đơn giản để làm việc, trở nên có hứng thú đối với các loại giáo cụ trong hệ thống giáo dục này.

"Một khi phát hiện loại giáo cụ nào đó mà mình có hứng thú, trẻ có thể khắc phục tính không ổn định, biết tập trung chú ý".

Vị giáo viên này còn khơi dậy cá tính của trẻ, đã kể lại rằng: "Có hai chị em nọ, một đứa 3 tuổi, một đứa 5 tuổi. Đứa 3 tuổi vốn không có cá tính của mình, nên rất nhiều việc đều bắt chước cô chị. Nếu cô chị có một chiếc bút chì màu xanh, cô em sẽ không vui cho tới khi cô cũng có một chiếc như vậy. Nếu cô chị ăn bánh mì bơ thì cô em cũng ăn bánh mì bơ chứ không ăn gì khác. Cô em không có hứng thú đối với bất kỳ việc gì ở trường, chỉ biết theo đuôi chị mình, bắt chước mọi việc cô chị làm. Song,

một hôm cô em đột nhiên bắt đầu có hứng thú đối với hình vuông màu đỏ. Cô bé xếp thành thành luỹ, nhiều lần lặp lại sự luyện tập này và hoàn toàn quên cô chị. Cô chị không hiểu, gọi hỏi: "Vì sao chị xếp vòng tròn, em lại xếp thành luỹ?". Bắt đầu từ đó, cô em không còn là cái bóng của cô chị, cô đã thể hiện cá tính của mình và bắt đầu phát triển.

Cô D đã kể một câu chuyện về một bé gái 4 tuổi như sau. Cô bé này không thể cầm cốc nước mà không làm nước sóng ra ngoài cho dù trong cốc chỉ đựng một nửa nước. Cho nên, cô bé cố ý tránh làm việc này. Nhưng sau khi thực hiện thành công một sự luyện tập khác mà bản thân có hứng thú, cô bé đã có thể dễ dàng cầm mấy cốc nước mang tới cho các bạn đang vẽ tranh màu nước, mà không hề làm sóng ra ngoài một giọt.

Cô B, một giáo viên người Áo đã kể cho chúng tôi một sự thực thú vị khác. Ở trường cô, có một bé gái không biết nói, chỉ phát âm ra một số âm tiết đơn giản. Bố mẹ cô rất lo lắng dốt cô tới bác sỹ để kiểm tra xem có phải là trí lực gặp vấn đề không. Bỗng một hôm, cô bé này bắt đầu có hứng thú đối với hình gắn lập thể, thế là say sưa với công việc "lấy hình trụ tròn bằng gỗ ra khỏi lỗ của nó rồi lại cất lại". Cô bé vui mừng làm đi làm lại rồi chạy tới giáo viên khoe: "Cô xem này!".

Cô B còn miêu tả niềm vui của trẻ trong lúc làm việc: "Chúng tôi cảm thấy khi chúng tôi tạo ra một số đồ vật mới thực sự, trẻ sẽ biểu hiện lòng tự hào. Khi chúng học được một số việc rất đơn giản, sẽ khoa chân múa tay bên cạnh chúng tôi, đồng thời ôm cổ chúng tôi nói: "Cháu tự làm tất cả đấy! Không ngờ! Hôm nay cháu làm tốt hơn hôm qua".

Cô D tiếp tục nói: "Sau lễ Noel, lớp này có sự thay đổi lớn. Tôi không có bất kỳ sự can dự nào, trật tự dường như tự nó lập nên. Những đứa trẻ này đang say sưa với công việc của chúng, không còn làm loạn lên như trước nữa. Chúng chủ động đi tới bên tủ, lựa chọn những giáo cụ trước đây cảm thấy chán ghét và lấy chúng ra mà không hề tỏ vẻ chán nản. Cho nên, trong lớp học đã hình thành không khí làm việc. Những đứa trẻ trước đây chỉ nhất thời chọn lựa giáo cụ, bây giờ biểu hiện rõ nhu cầu bên trong. Chúng tập trung sức lực vào một số công việc tinh tế và có trật tự, hơn nữa đã hiểu niềm vui đích thực khi khắc phục được những khó khăn. Công việc đã có hiệu quả trực tiếp đối với tính cách của chúng. Chúng đã trở thành chủ nhân của bản thân".

Một ví dụ để lại ấn tượng sâu sắc nhất cho cô D có liên quan tới một bé trai 4 tuổi rưỡi. Trí tưởng tượng của cậu bé này vô cùng phong phú, khi cho cậu một giáo cụ, cậu không chú ý tới hình dạng của nó mà lập

tức nhân cách hoá nó, đồng thời cũng nhân cách hoá bản thân. Cậu nói thao thao bất tuyệt cho nên không thể tập trung sức chú ý của mình vào những giáo cụ. Do rối loạn tâm lý, mọi hoạt động của cậu rất ngốc nghếch, thậm chí không biết cài khuy áo. Song kỳ tích nào đó đã tới với cậu. Cô D nói: "Tôi ngạc nhiên về sự thay đổi rõ rệt của cậu bé. Cậu đã coi sự luyện tập là công việc mà bản thân yêu thích nhất. Như thế, cậu đã trở nên trầm tĩnh".

CHƯƠNG 7

SỰ KHỞI ĐẦU CỦA SINH MỆNH



LỰA CHỌN LÀ MỘT KIỂU HOẠT ĐỘNG TRÍ LỰC CẤP CAO

Mọi sự vật trên thế giới vừa có đặc tính lại vừa có tính hạn chế, cơ năng cảm giác tâm lý của con người được xây dựng có chọn lựa. Trong quá trình hình thành tư duy, bước đầu tiên là tiến hành lựa chọn tin tức thông qua cảm quan. Sau đó tư duy lại tiếp tục hạn chế những lựa chọn của cảm quan, trên nền móng lựa chọn hoạt động này đã hình thành sự lựa chọn cụ thể nào đó. Như vậy, sự chú ý của anh ta mới có thể tập trung vào sự vật đặc biệt, mà không phải ở mọi sự vật. Sau đó thông qua sự kiểm soát của ý chí, có thể lựa chọn hành động buộc phải hoàn thành trong rất nhiều hành động có thể.

Hoạt động trí lực cấp cao chính là tiến hành theo phương thức đã nói ở trên. Trí lực tôi luyện ra đặc trưng quan trọng của sự vật thông qua sự chú ý và hoạt động ý chí bên trong của con người, đồng thời hình thành nên ý thức thông qua liên tưởng đối với hình ảnh. Trong quá trình này, hoạt động trí lực của con người sẽ vứt bỏ đi số lượng lớn nhân tố gây rối loạn mối quan hệ trước sau của sự vật. Một bộ não kiện toàn có thể chất lọc những thứ độc đáo, rõ ràng, hấp dẫn và quan trọng, đặc biệt sẽ lưu giữ những thứ có tác dụng đối với sáng tạo, vứt bỏ những thứ dư thừa. Nếu không có hoạt động độc đáo này, trí lực sẽ không thể được gọi là trí lực. Khi sự chú ý của một người tập trung vào trạng thái "chuyển dịch", ý chí của anh ta đang quyết định một hành động nào đó thì sẽ do dự. Nếu một người đang phân tán sự chú ý thì anh ta cũng sẽ không thể chuyên tâm vào bất cứ sự việc gì.

Trong cuộc sống của chúng ta, nếu không có hạn chế đối với những thông tin nhận được thì không thể nhận biết sự vật. Mỗi sự vật đều có hình thức và phạm vi của nó, đây chính là nguyên tắc thần bí nhất trên thế giới này. Hoạt động nội tâm của chúng ta chỉ khiến những hạn chế này rõ ràng hơn, tập trung hơn, cũng chính vì vậy mà hoạt động nội tâm của chúng ta mới có thể thoát khỏi trạng thái hỗn độn ban đầu và liên tục phát triển.

Lựa chọn là nền móng để con người tiến hành phán đoán và suy luận đối với khái niệm của một sự vật hoặc đối với sự vật. Ví dụ, sau khi chúng ta quan sát rất nhiều đặc tính của vật thể hình trụ thì có thể rút ra kết luận: Thể hình trụ là vật chống đỡ. Kết luận này được xây dựng trên nền móng "tiến hành lựa chọn đối với các đặc trưng của nó", cũng chính là rút ra một đặc trưng từ trong rất nhiều đặc trưng cụ thể của hình trụ. Chỉ có khi năng lực lựa chọn như vậy, chúng ta mới có thể tiến

hành suy lý. Như phần trước chúng ta đã từng thảo luận, bồi dưỡng ý chí cần thông qua rèn luyện, khiến một người có thể điều chỉnh thăng bằng tâm tư và sự ức chế, cho tới khi hình thành nên thói quen. Giống như vậy, đối với rèn luyện trí lực, cũng cần liên lưỡng và lựa chọn dưới sự dẫn dắt và trợ giúp của ngoại lực, cho tới khi anh ta có thể đưa ra hạn chế cho các quan điểm và sự lựa chọn, từ đó bồi dưỡng thói quen trí lực đặc sắc riêng của mình. Thông qua hoạt động nội tâm kiểu này, hình thành tính khuynh hướng cá nhân.

Không nghi ngờ gì, lí giải và nghiên cứu suy lý của người khác về bản chất có sự khác biệt với tiến hành suy lý của bản thân. Nghiên cứu quan điểm của nhà nghệ thuật đối với thế giới bên ngoài dựa theo hứng thú của anh ta về màu sắc, (cũng như hình thức biểu đạt của anh ta) sẽ thấy có sự khác biệt về bản chất với việc chúng ta quan sát thế giới bên ngoài từ một phương diện nào đó và tiến hành sáng tạo nghệ thuật dựa trên nền móng như vậy. Trong đầu những người hay học và bắt chước người khác kiến thức của anh ta giống như sạp bán quần áo cũ của người bán hàng rong lộn xộn, lung tung, không hề có sự sắp xếp theo thứ bậc. Ngược lại, nếu chúng được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng trong một gian hàng sáng sủa, rộng rãi thì sẽ không tới mức lộn xộn bung bét như vậy. Một bộ não ngăn nắp mạch lạc giống như một căn phòng sáng sủa gọn gàng, các kiến thức được phân tách rõ ràng để thuận lợi cho việc sử dụng có thể thu được nhiều thứ hơn một bộ não "tích trữ tri thức như một đồng lộn xộn". Tương tự, khi người khác muốn áp đặt lên chúng ta lý giải của anh ta đối với một sự việc, sẽ hoàn toàn khác với việc chúng ta tự chủ động tìm lời lý giải. Điều này giống như nặn tượng bằng bùn đất chỉ có thể lưu lại ấn tượng về một tác phẩm tạm thời, hoàn toàn khác với tác phẩm nghệ thuật được một nhà nghệ thuật khắc trên đá. Một người có thể tự lý giải, sẽ cảm thấy ý thức của mình được giải phóng, cảm thấy trong cơ thể mình có một vật gì đó đang phát sáng lấp lánh. Đối với kiểu người này, lý giải sự vật chính là nhận biết sự khởi đầu của sự vật. Điều này sẽ khiến cuộc sống của chúng ta có thay đổi mới. Có thể nói, trong mọi tình cảm của con người, có lẽ không gì phong phú hơn tình cảm trí lực. Người có phát hiện về thế giới này nhất định được hưởng thụ niềm vui lớn nhất của nhân loại. Suy rộng ra nữa là, người có thể lý giải thế giới sẽ được hưởng thụ nhiều hơn người khác, sẽ vượt qua được mọi gian khổ và bi thương của nhân gian. Quả thực, nếu một người bất hạnh có thể làm rõ nguyên nhân mà mình phải chịu thì anh ta có thể tự cứu và giải phóng mình, anh ta có thể tìm ra ánh sáng trí tuệ và tìm ra biện pháp thoát thân trong sự u tối hỗn loạn, ví dụ một con chó có

thể u buồn mà chết trước nắm mồ của chủ, song một người mẹ vẫn có thể tiếp tục sống ngoan cường sau cái chết của con trai. Sự khác biệt ở đây chính là người mẹ có sự trợ giúp của lý trí. So với con người, chó không có lý trí, sở dĩ nó chết là vì ánh sáng trí tuệ không soi chiếu lên thế giới tâm hồn u tối của nó, để xóa bỏ đi sự bi thương trong nó.

Chính hoạt động trí lực khiến chúng ta xây dựng được mối quan hệ với thế giới này, khiến con tim đau thương có xu hướng bình lặng. Cảm nhận này của chúng ta không thể lĩnh hội từ trong bài giảng "khô khốc" của một vị giáo sư, cũng không thể thức tỉnh từ trong lý luận của một chuyên gia nào đó (bởi lẽ họ không hề quan tâm tới khó khăn của chúng ta). Chúng ta chỉ có thể thu được từ trong những hoạt động trí lực cao thượng. Khi chúng ta nói "một chút lý trí" hoặc "sức mạnh tới từ tín ngưỡng" thì chính chúng ta luôn để trí lực ở vị trí tìm tòi nghiên cứu và hãy để nó tự do hoàn thành nhiệm vụ sáng tạo và cứu vớt linh hồn!

Thử nghĩ một chút, nếu chúng ta thực sự có thể cứu vớt mình ra khỏi bờ vực chết chóc bằng hoạt động trí lực, thì chúng ta sẽ có nhiều niềm vui và sự an ủi.

Khi chúng ta nói, não của một người linh hoạt, chính là lý giải từ góc độ giàu sức sáng tạo của anh ta. Quá trình khai phá não song song cùng với sự lý giải tích cực của anh ta đối với tình cảm. Nó thuộc về phạm trù hoạt động tinh thần.

Tôi biết một bé gái mồ côi mẹ từ nhỏ, cô bé căm ghét những bài học nhặt nhẻo vô vị của giáo viên, dường như rất muốn bỏ học. Thực tế, chính cuộc sống thiếu tình yêu của mẹ này đã khiến cô bé mệt mỏi hơn. Thế là, bố cô bé đã đưa cô về quê, cô sống ở đó 2 năm tự do tự tại, sau đó lại đưa cô trở lại trị trấn, mời vài giáo sư tới nhà dạy cô học. Tuy nhiên, dù có nỗ lực đến đâu, cô bé này vẫn ở vào trạng thái bị động mệt mỏi. Người bố vô cùng lo lắng, thường hỏi cô: "Con sao vậy?" Cô bé trả lời lạnh nhạt: "Con cũng không biết". Một lần tình cờ, bố cô bé nhờ tôi chăm sóc cô. Lúc đó, tôi vẫn là học sinh của trường Y, tôi đã tiếp nhận thử nghiệm cô bằng phương pháp giáo dục của mình. Một hôm, chúng tôi đang học môn hóa học hữu cơ, cô bé đột nhiên nhìn tôi chăm chăm, hai mắt sáng lấp lánh, cô hét lên: "Con đã hiểu rồi!". Tiếp đến, cô đứng lên, vừa chạy vừa kêu: "Bố ơi bố, con đã hiểu rồi!". Cô nắm lấy tay bố nói: "Bây giờ, con có thể nói cho bố biết vậy là sao rồi, não của con đã được khai thông!". Tôi cảm thấy vô cùng ngạc nhiên, bởi vì tôi không hề biết cô bé này đã trải qua quãng ngày đau khổ trước đó. Nhìn cảnh tượng hân hoan của 2 bố con cô bé lúc đó, tôi đã hiểu ra rằng: Trí lực của

chúng ta bị ức chế, do đó cuộc sống của chúng ta đã mất đi quá nhiều niềm vui và sự hứng thú!

Thực tế, mỗi tiến bộ về mặt trí lực của trẻ có thể mang lại niềm vui cho chúng. Bọn trẻ vừa hưởng thụ niềm vui này sẽ không còn thích đồ chơi nữa, đến cả sự hư vinh cũng mất luôn.

Chính biến đổi này đã khiến chúng được coi trọng trong con mắt của người khác.

Nếu có người trách cứ biện pháp nâng cao cấp bậc niềm vui này của chúng tôi thì những đứa trẻ này sẽ phải gánh chịu tổn hại, mà không phải là bản thân biện pháp. Sở dĩ người lớn trách cứ như vậy là vì họ đã không đối xử với trẻ như một con người, trong mắt họ, niềm vui của trẻ chỉ là được thỏa mãn về ăn uống, vui chơi, thậm chí những việc trẻ thích. Thực tế, trẻ không thể giữ mãi những niềm vui này trong thời gian dài, chỉ khi được cảm nhận niềm vui làm người, trẻ mới thấy cuộc sống của mình vui vẻ, có ý nghĩa giống như cô bé nọ đã nói với bố mình mình đã bước khỏi cuộc sống u tối và thiếu sức sống.

Những thay đổi mà chúng ta nhìn thấy trên cơ thể trẻ này chính là biểu hiện thiên tài về mặt trí lực của trẻ, cũng chính là lúc trẻ đã phát hiện ra chân lý. Lẽ nào đây không phải là biểu hiện của cuộc sống trạng thái tâm lý tự nhiên sao? Lẽ nào biểu hiện thiên tài này không phải là biểu hiện nhân sinh chứa đầy sự phấn khích? Chỉ có vậy, con người mới có thể cho thấy rõ tính chân thực chung của nhân loại, thông qua cá tính riêng của mình. Chúng tôi quan sát thấy, con đường mà trẻ tích cực sáng tạo ra tính cách của mình hoàn toàn giống với con đường mà những thiên tài chúng ta quen biết đã đi qua. (Họ vô cùng chuyên tâm, làm việc hăng say, nhờ vậy tránh được mọi quấy rối từ môi trường bên ngoài). Hơn nữa, sự nỗ lực cao độ và kiên trì bền bỉ trong thời gian dài của họ phù hợp với sự phát triển của hoạt động tinh thần. Những nỗ lực và kiên trì bền bỉ này đều sẽ mang lại kết quả. Nó là cội nguồn cho trí lực thăng hoa, là cội nguồn để khai phá khả năng tư duy, đồng thời, cũng là cội nguồn phát triển mạnh mẽ sức căng của biểu hiện bên ngoài.

Bởi vậy, theo chúng tôi, thiên tài chính là người thoát ra khỏi xiềng xích trói buộc tay chân mình, khiến bản thân được tự do, là người kiên trì tiêu chuẩn nhân tính của mình trước mọi người.

Để bồi dưỡng tinh thần chuyên chú này, mọi người nhất thiết phải học cách suy nghĩ. Chúng ta từng thấy thế này, đọc nhiều, đọc liên tục sẽ khiến khả năng tư duy của chúng ta kém đi, học thuộc lòng một

bài thơ và đọc đi đọc lại nó, tất cả những điều này đều không phải là suy nghĩ.

Học thuộc lòng thơ của Dante và suy nghĩ về nội dung trong một bài thơ hay là 2 việc hoàn toàn khác nhau. Học thuộc lòng thơ của Dante có thể "trang sức" cho bộ não con người, nhiều nhất cũng chỉ là lưu lại một chút ấn tượng trong não, mà suy nghĩ về nội dung thơ lại có thể khơi gợi và tạo ra tác dụng của một người. Cảm thụ tác phẩm sâu sắc có thể khiến khí phách của bạn kiên cường hơn, tâm hồn phóng khoáng hơn, tư duy cũng hoạt bát hơn.

Xem ra, biện pháp bồi dưỡng thiên tính của trẻ chính là suy nghĩ, bởi vì không có biện pháp nào tốt hơn có thể khiến trẻ chuyên chú lâu như vậy, hơn nữa lại có lợi cho sự hoàn thiện của tâm hồn. Những đứa trẻ tự đặt mục tiêu cho mình đều có nhu cầu hoạt động nội tâm mạnh mẽ, chúng sẽ nỗ lực bồi dưỡng và phát triển hoạt động nội tâm này và biến nó thành thói quen. Bọn trẻ đang liên tục trưởng thành trong sự tìm kiếm này, trí lực của chúng phát triển nhịp nhàng. Do vậy, khi chúng đã học cách suy nghĩ thì sẽ bước lên con đường chứa đầy văn minh tiến bộ.

Sau khi suy nghĩ đã trải qua rèn luyện, trẻ sẽ vui vẻ học tập. Tiếp đến, chúng sẽ nỗ lực làm việc, cố gắng thể hiện cử chỉ nho nhã, khiến bản thân đắm chìm trong trạng thái vui vẻ có được rõ sau khi tập trung tinh thần.

Luyện tập theo phương pháp trên sẽ củng cố và làm mạnh mẽ hơn cá tính của trẻ, chúng càng ngày càng quen dùng biện pháp đúng đắn này để nhận biết thế giới bên ngoài, để quan sát, suy luận, phán đoán một cách tự phát, đồng thời dùng nó để sửa chữa lỗi lầm trong ý thức. Từ đó trở đi, bọn trẻ có thể hoạt động tự phát, chủ động lựa chọn và duy trì công việc của mình, có được năng lực chuyên chú từ môi trường xung quanh. Chúng sẽ hoạt động dựa vào động lực bên trong của mình, mà không chịu bất kì sự quấy rối nào từ thế giới bên ngoài (bao gồm ảnh hưởng của giáo viên và những đứa trẻ lớn tuổi hơn chúng).

TỪ NGƯỜI SÁNG TẠO TRỞ THÀNH NGƯỜI LÀM VIỆC

Chương trước đã thảo luận về một giai đoạn phát triển của trẻ, sự phát triển của giai đoạn này duy trì tới 3 tuổi. Tình trạng này rất giống với tình trạng khi trẻ nằm trong tử cung, sau khi trẻ được sinh ra, chúng đều không nhớ những gì mình đã trải qua khi ở tử cung. Đường

như đại tự nhiên đã vạch một đường ranh giới ở đó, những sự việc xảy ra ở nửa bên kia đều bị lãng quên, những sự việc xảy ra ở nửa bên này lưu trong kí ức trẻ. Chúng ta gọi bộ phận lãng quên là giai đoạn "phôi thai tinh thần", để phân biệt với giai đoạn "phôi thai sinh lý".

Ở giai đoạn "phôi thai tinh thần", mọi năng lực của trẻ phát triển độc lập (như năng lực nói, năng lực vận động tay, năng lực giữ thăng bằng chân,...). Đồng thời cũng hình thành năng lực cảm giác và các năng lực kiểm soát của tâm lý. Giai đoạn trước khi sinh cũng giống với giai đoạn "phôi thai tinh thần", song cái tự phát triển độc lập không phải là năng lực tinh thần, mà là cơ quan sinh lý. Giai đoạn này xảy ra nhiều chuyện như vậy, nhưng chúng ta lại hoàn toàn không nhớ, bởi vì, chỉ sau khi các cơ quan phát triển hoàn toàn, mới có thể hình thành nhân cách hoàn chỉnh, mới có thể có trí nhớ.

Giống như lúc mới chào đời, khi trẻ 3 tuổi, dường như sinh mệnh lại tái sinh, bởi lẽ ý thức xuất hiện trong thời kì này và bắt đầu phát huy tác dụng, tâm lý của trẻ đã xuất hiện giới hạn rõ ràng, phân biệt rõ hai giai đoạn vô ý thức và có ý thức. Giai đoạn vô ý thức bị lãng quên, trở thành quá khứ. Trước 3 tuổi là thời kì hoàn thiện các chức năng của trẻ, sau 3 tuổi là thời kì phát triển các chức năng, giữa hai giai đoạn này tồn tại một "con sông lãng quên". Một hiện tượng tâm lý phổ biến là: Đa phần mọi người không nhớ những sự kiện trước 3 tuổi, mọi nỗ lực của con người đều uổng công, không ai có thể nhớ những sự việc xảy ra trong thời kì này. Đây là những sự việc mang đầy kịch tính! Con người đã trải qua một quá trình sáng tạo từ không tới có, song lại hoàn toàn không nhớ tới nó.

Trẻ trước 3 tuổi có thể gọi là người sáng tạo ở vào trạng thái vô ý thức, hầu như hoàn toàn phai mờ trong tâm trí con người. Sau 3 tuổi, trẻ dường như trở thành một đứa trẻ khác, sợi dây tự nhiên ràng buộc giữa chúng và người lớn đã bị đứt, chúng thuộc về chính mình. Do vậy, người lớn chúng ta nên suy xét tới những việc trẻ làm trước 3 tuổi, bởi lẽ lúc đó trẻ không có bất cứ năng lực tự bảo vệ mình nào, hoàn toàn dựa vào người lớn. Hành vi của chúng ta có thể sẽ mang tính phá hoại (trừ khi chúng ta có đủ nhận thức về quy luật tự nhiên, hơn nữa tự giác tuân thủ quy luật này).

Sau 3 tuổi, trẻ bắt đầu có năng lực tự bảo vệ mình. Chỉ cần cảm thấy mình bị bó buộc thì trẻ sẽ phản kháng lại bằng ngôn ngữ hoặc hành động quấy rối. Mục đích phản kháng thực sự của trẻ lại không là bảo vệ mình, mà là muốn được tự do, để hiểu về môi trường xung quanh

và thúc đẩy bản thân phát triển. Vậy, trẻ phát triển gì? Chính là phát triển các năng lực hình thành ở giai đoạn trước. Từ 3 tới 6 tuổi, trẻ sẽ có ý thức gia nhập môi trường xung quanh, và thực sự bước vào một giai đoạn mang tính xây dựng. Các năng lực tiềm ẩn trong cơ thể trẻ dần dần xuất hiện, chúng không tách khỏi những kinh nghiệm mà ý thức thu được. Những kinh nghiệm này không còn là trò chơi hoặc hành động mù quáng, mà có được từ trong môi trường. Đôi tay linh hoạt của trẻ bắt đầu thực hiện các hoạt động đặc trưng của con người. Nếu nói, giai đoạn đầu tiên, trẻ chỉ có thể quan sát thế giới một cách bị động, âm thầm đặt nền móng cho tâm lý, thì ở giai đoạn thứ hai, trẻ có thể thực hiện mong muốn của chính mình. Thế là, đôi tay trí tuệ của trẻ bắt đầu bận rộn, trẻ sẽ sáng tạo thế giới này với đôi tay của mình.

Lúc này, ở trẻ đã xuất hiện một giai đoạn phát triển mới, đã bắt đầu một thời kỳ hoàn thiện các năng lực. Minh chứng rõ ràng nhất chính là ngôn ngữ, mặc dù trẻ 2 tuổi rưỡi đã biết nói, hơn nữa sự phát triển tự nhiên của ngôn ngữ duy trì tới 5 tuổi. Song sau 3 tuổi ngôn ngữ mới hoàn thiện, lúc này trẻ không chỉ nói được những từ đơn giản, mà còn nói một số câu. Đồng thời, năng lực cảm giác ngôn ngữ đặc thù của trẻ lại không biến mất, năng lực này sẽ làm mạnh mẽ thêm trí nhớ của trẻ đối với âm thanh, làm phong phú thêm năng lực biểu đạt ngôn ngữ của trẻ.

Trong giai đoạn này, trẻ sẽ tiến hành công việc trên hai phương diện cùng một lúc: Một là tăng cường ý thức đối với hành vi của mình khi giao lưu với môi trường xung quanh; Hai là hoàn thiện các năng lực đã hình thành. Có thể nói, đặc trưng phát triển của trẻ 3 đến 6 tuổi là: Tiến hành "hoàn thiện mang tính xây dựng" đối với bản thân thông qua hành vi.

Ở giai đoạn phát triển trước, não trẻ dựa vào năng lực cảm giác để cảm nhận môi trường xung quanh, hiện tại, năng lực tiếp thu, học hỏi này vẫn còn, nhưng đã tách khỏi trạng thái vô ý thức, đang chủ động phát huy tác dụng dưới sự trợ giúp của kinh nghiệm, do vậy càng phong phú hơn. Trẻ không chỉ cảm nhận môi trường xung quanh mà còn đích thân hòa nhập vào đó, bằng chứng là việc sử dụng đôi tay nâng cao chức năng của não. Trước đây, trẻ chỉ có thể tiếp xúc với môi trường xung quanh dưới sự dẫn dắt của người lớn. Hiện tại, trẻ có thể tự tiếp xúc với mọi vật và phân biệt được chúng. Bởi vậy, trẻ ở độ tuổi này vô cùng bận rộn, chúng luôn chân luôn tay, trong lòng tràn đầy hưng phấn. Lúc này, sự phát triển trí lực của trẻ không còn ở giai đoạn phát sinh, mà chuyển

sang giai đoạn hình thành. Do nhu cầu mãnh liệt của trẻ đối với thế giới nên giai đoạn này còn xuất hiện thêm sự phát triển về tâm lý.

Từ 3 đến 6 tuổi thường được coi là "độ tuổi vui chơi". Điều này cho thấy, trước đây mọi người đã hiểu rõ điều này, song gần đây khoa học mới chính thức bắt tay vào nghiên cứu.

Ở phương Tây, văn minh hiện đại đã tạo ra một ranh giới giữa nhân loại và tự nhiên. Bố mẹ thường mua rất nhiều đồ chơi cho con mình, hi vọng có thể thỏa mãn nhu cầu của chúng, song thứ trẻ cần nhất lại không phải những đồ này. Mặc dù trẻ 3 đến 6 tuổi cần tiếp xúc với mọi thứ, song trẻ ở phương Tây lại rất khó được tiếp xúc với vật thật, hưởng hồ bố mẹ còn cấm con mình tự ý sờ vào đồ vật. Hiện nay, thứ duy nhất mà trẻ được phép sờ vào đó là cát, người lớn đôi khi cũng cho phép trẻ nghịch nước, song có mức độ, nếu không quần áo sẽ ướt hết, hoặc cát đổ lẫn với nước rồi quấy lên, người lớn sẽ thực sự cảm thấy phiền phức khi phải thu dọn "bãi chiến trường" này.

Ở những nước tương đối lạc hậu hoặc ngành đồ chơi không phát triển, bọn trẻ lại có môi trường khá tốt, chúng được tiếp xúc với mọi thứ bên ngoài và có được niềm vui từ đó. Trong môi trường này, trẻ nhỏ làm những việc giống với người lớn, khi người mẹ giặt quần áo hoặc làm bánh ngọt, trẻ cũng làm theo, dù chúng chỉ mô phỏng, song tự do làm theo sự lựa chọn của bản thân đã thể hiện rõ sự thông minh của chúng. Nhìn từ góc độ giáo dục, thông qua những hành vi mang tính mô phỏng này, trẻ đang chuẩn bị để tham gia các hoạt động xung quanh, không chỉ thỏa mãn nhu cầu trước mắt, mà còn thỏa mãn nhu cầu phát triển của mình. Trường học ở phương Tây cung cấp cho trẻ mọi đồ chơi, những đồ chơi này đều mô phỏng sự vật xung quanh, hơn nữa được chế tạo theo đặc điểm của trẻ, kích cỡ, trọng lượng đều phù hợp với trẻ, phòng vui chơi cũng được thiết kế riêng, trẻ có thể tự do vui chơi ở đây mà không bị bó buộc.

Theo người phương Tây hiện đại, những quan điểm trên đây "không nói cũng rõ", song khi tôi bắt đầu đề xướng những quan điểm này, mọi người lại nhìn tôi với ánh mắt kì lạ. Chúng tôi đã chuẩn bị một phòng vui chơi riêng cho trẻ 3 đến 6 tuổi, đây là một việc rất bình thường, song những người xung quanh lại rất ngạc nhiên. Bàn, ghế, bát, đĩa ở phòng này đều được thiết kế dựa theo đặc điểm của trẻ, như vậy, bọn trẻ có thể tự mình làm những việc như: Bày bàn ghế, rửa bát đĩa, quét dọn vệ sinh, hơn nữa tự mình mặc quần áo. Khi đó, sự việc này bị lên án gay gắt, mọi người cho rằng, đây là một cuộc cải cách giáo dục vô cùng kì quái.

Điều trẻ thực sự cảm thấy thú vị là môi trường sống mà chúng sắp sửa bước vào, ở đó có nguồn linh cảm vô tận. Đối với trẻ, những thứ mô phỏng cuộc sống này có ý nghĩa hơn cả đồ chơi.

Giáo sư John D, là một nhà giáo dục nổi tiếng người Mỹ, ông có cùng quan điểm với tôi, hơn nữa đã từng tổ chức một cuộc điều tra riêng về vấn đề này, với hi vọng có thể tìm thấy những thứ như chổi quét nhà nhỏ, ghế nhỏ, bát nhỏ trong các cửa hàng ở New York. Song đáng thất vọng là chẳng thu được kết quả gì cả, mọi người vốn không nghĩ rằng nên chế tạo những thứ này dành riêng cho trẻ. Giáo sư này đã thốt lên rằng: "Người Mỹ đã quên bọn trẻ rồi!".

Mọi người chỉ quên trẻ về mặt này thôi, thậm chí họ đã quên quyền lợi của trẻ. Trong mắt trẻ, thế giới này trống rỗng, chúng không được thỏa mãn về mặt tinh thần, chỉ có thể phá hỏng đồ chơi của mình và gây ra những trò nghịch ngợm.

Trường học của chúng tôi không giống như vậy. Tôi cung cấp cho bọn trẻ những thứ mà chúng thực sự cần, hi vọng chúng có được niềm vui từ đó. Kết quả thật không ngờ, tính cách của bọn trẻ đã có nhiều thay đổi, ý thức độc lập của chúng đã tăng lên mạnh mẽ, dường như chúng đều muốn nói với tôi rằng: "Không cần sự giúp đỡ của cô, tự cháu có thể làm được việc này".

Trong nháy mắt, những đứa trẻ "lúc nào cũng bám lấy mẹ" đã độc lập rồi, chúng trở thành người "không cần sự giúp đỡ của người khác, có thể tự mình làm việc", giáo viên trở thành người quan sát, sự biến chuyển này thật khó tin. Trong môi trường nhỏ hẹp mô phỏng cuộc sống này, trẻ đã được thỏa mãn, tính cách của chúng độc lập hơn, có thể từng bước thích ứng với cuộc sống xã hội.

Tôi tin mọi người sẽ đồng ý rằng biện pháp này còn có ý nghĩa hơn cả việc cho trẻ đồ chơi. Trẻ không chỉ cần niềm vui mà còn cần kiến thức về cuộc sống. Một người phải có sự độc lập về mặt nhân cách và năng lực thì mới có thể thực hiện cuộc sống của mình, chính sự phát triển của trẻ đã cho chúng tôi gợi ý này.

ẢNH HƯỞNG CỦA TRỞ NGẠI ĐỐI VỚI NGÔN NGỮ

Để hiểu rõ hơn nữa về năng lực tiềm ẩn của trẻ, dưới đây chúng ta cùng phân tích đại não của trẻ bằng phương pháp phân tích tâm lý. Trong biểu đồ dưới đây, tôi miêu tả sự phát triển ngôn ngữ của trẻ bằng

các kí hiệu, như vậy có thể đưa ra một ấn tượng trực quan, giúp mọi người hiểu rõ quan điểm của tôi.

Tam giác đen thể hiện danh từ (tên của vật thể), hình tròn đen thể hiện động từ, các từ vựng khác đều có kí hiệu tương ứng. Giả sử hiện tại trẻ có thể sử dụng được 200 - 300 từ vựng, dù những từ vựng này là tiếng Anh, tiếng Italia hay tiếng Tây Ban Nha thì từ vựng giống nhau đều dùng chung một kí hiệu.

Phía tận cùng bên trái biểu đồ có một số thứ lờ mờ, thể hiện những nỗ lực đầu tiên của trẻ, bao gồm thân từ, tiếng gọi; Tiếp đến giai đoạn kết hợp hai âm thanh thành một âm tiết; Cuối cùng là giai đoạn kết hợp ba âm thanh thành một câu; Đầu mút bên phải của biểu đồ biểu hiện các tổ hợp từ vựng, bao gồm một số danh từ trẻ thường dùng; Tiếp đến là cụm từ do hai từ đơn hợp thành; cụm từ này bao hàm nhiều ý nghĩa, có thể đưa ra giải thích khác nhau; Tiếp theo là giai đoạn từ vựng tăng đáng kể, có thể nói là giai đoạn "bùng phát từ vựng", trẻ đã tiếp thu được lượng lớn từ vựng mới. Trong biểu đồ, chúng tôi đã liệt kê ra số lượng từ vựng ước chừng ở từng giai đoạn khác nhau.

Trước đó, trong biểu đồ có một nhóm từ đơn, những từ đơn này đa phần đều là danh từ hợp thành, cạnh danh từ là các loại từ khác sắp xếp không theo trật tự. Trẻ 2 tuổi bắt đầu giai đoạn phát triển ngôn ngữ thứ hai, tổ hợp từ vựng được sắp xếp có trật tự hơn, ở giai đoạn này trẻ sử dụng câu nhiều hơn, có thể nói đây là thời kì "bùng phát câu". Giai đoạn đầu tiên là bùng phát từ vựng, giai đoạn thứ hai là bùng phát suy nghĩ.

Dù bùng phát từ vựng hay bùng phát suy nghĩ thì chắc chắn phải có một quá trình chuẩn bị. Điều này không thể nhìn bằng mắt thường, cũng không thể phán đoán bừa bãi, bởi lẽ chúng ta đã nhìn thấy sự nỗ lực của trẻ từ bên ngoài. Giai đoạn này, người lớn không hiểu trẻ nói gì nên trẻ rất tức giận, vấn đề này tôi đã từng đề cập ở trên, trẻ tức giận là vì đã nỗ lực hết cách mà người lớn vẫn không thể lý giải suy nghĩ của chúng. Đây là việc thường tình của con người, người điếc cũng thích cãi nhau với mọi người, điều này giống với trẻ, người khác không hiểu ngôn ngữ của họ. Trong cơ thể trẻ tiềm tàng năng lượng cực lớn, cần tìm con đường để phát tiết, vì vậy trẻ phải nỗ lực thật nhiều.

Do đó, giai đoạn phát triển này cũng là thời kì khó khăn của trẻ, bởi lẽ trẻ cần khắc phục rất nhiều trở ngại, cũng chính là những hạn chế từ môi trường và bản thân. Đây là giai đoạn khó khăn thứ hai mà con người gặp phải trong quá trình thích ứng với môi trường. Giai đoạn khó khăn đầu tiên là lúc vừa sinh, khi đó trẻ mới tách khỏi cơ thể mẹ, bản

thân phải tự khởi động cơ chế vận hành của mình. Phần trước, chúng tôi đã thảo luận về giai đoạn này, đây là giai đoạn cực kỳ quan trọng đối với trẻ nhỏ, nếu chúng không được quan tâm chăm sóc hợp lý thì sẽ gây ra vết thương về tâm lý, cản trở sự phát triển. Việc học ngôn ngữ của trẻ là quá trình dần dần hướng tới độc lập, nếu gặp phải trở ngại cũng có thể suy thoái.

Người đọc sẽ không quên, giai đoạn sáng tạo này còn có một đặc trưng, đó chính là não trẻ chịu hai ảnh hưởng khác nhau, tác dụng của ảnh hưởng này đối với tâm lý trẻ sẽ mãi mãi lưu lại trong não. Điều này cũng ảnh hưởng tới sự phát âm và ngữ pháp của trẻ, bởi lẽ trẻ không chỉ nhớ những thứ mình cần, mà còn nhớ những ảnh hưởng xấu do trở ngại gây ra. Mỗi giai đoạn phát triển ngôn ngữ của trẻ đều tồn tại ảnh hưởng hai mặt này, những ảnh hưởng xấu này có thể gây nguy hại cho việc hình thành cá tính, dẫn tới sự phát triển bất thường ở trẻ.

Chính trong thời kì này, trẻ đã hình thành năng lực đi và nói, quá trình phát triển này duy trì tới 2 tuổi rưỡi, tiếp đó sẽ phát triển chậm lại. Xuất phát từ nguyên nhân như đã nêu ở trên, trong quá trình tiếp tục phát triển, những năng lực này cũng sẽ gặp rất nhiều trở ngại. Tình trạng này không có gì mâu thuẫn với những phát hiện của học thuyết phân tích tâm lý, một luận điểm quan trọng trong học thuyết này là: "Trở ngại tâm lý của người lớn bắt nguồn từ thời kì ấu thơ".

Những khó khăn của sự phát triển này thuộc vào phạm vi "ức chế". "Ức chế" là một khái niệm tâm lý học, song lại được ứng dụng nhiều trong phân tích tinh thần. Tôi công nhận quan điểm phân tích tinh thần, tức là "ức chế" hình thành ở thời kì trẻ sơ sinh. Nhìn vào nghiên cứu của tôi, ngôn ngữ có thể đưa ra rất nhiều bằng chứng cho quan điểm này.

Sự tiếp thu của trẻ đối với ngôn ngữ phát triển tới thời kì "bùng phát" thì sẽ bắt đầu sử dụng ngôn ngữ. Bởi lẽ tiếp đó trẻ cần dùng câu để biểu đạt suy nghĩ của mình. Hiện nay, giáo dục phương Tây bắt đầu coi trọng sự tự do biểu đạt, điều này sẽ thúc đẩy cơ chế ngôn ngữ của trẻ nhanh chóng "đi vào sử dụng", cũng có ích cho việc phát triển cá tính của trẻ. Một số trẻ khi tới độ tuổi tương ứng, lại chỉ có thể nói được những từ mà trẻ ít tuổi hơn thường sử dụng, mọi người gọi đây là "triệu chứng mất ngôn ngữ tâm lý". Triệu chứng này là một loại bệnh thái tâm lý, hoàn toàn do tâm lý gây ra.

Nghiên cứu của phân tích tâm lý học đối với trở ngại tâm lý phát hiện, triệu chứng nói trên đôi khi tự nhiên biến mất, trẻ đột nhiên nói

chuyện, hơn nữa sử dụng từ rất chính xác, biểu đạt suy nghĩ rõ ràng. Tình trạng này cho thấy, cơ thể trẻ đã có sự chuẩn bị về việc này, chỉ là gặp trở ngại trong quá trình biểu đạt.

Còn có một số trẻ 3 đến 4 tuổi vẫn chưa biết nói, ngay cả những tiếng "ê, a" khi 2 tuổi cũng chưa từng phát ra. Nhưng với sự khơi gợi và kích thích của các chuyên gia, chúng đột nhiên nói được. Vì sao vậy? Tâm lý của những đứa trẻ này từng gặp trở ngại, khiến chúng không thể biểu đạt ngôn ngữ bình thường.

Rất nhiều người lớn cảm thấy nói chuyện rất khó khăn, cần phải tốn nhiều khí lực mới có thể biểu đạt rõ suy nghĩ của mình. Người lớn gặp trở ngại về ngôn ngữ có những kiểu sau:

1. Không có đủ khí nói chuyện.
2. Không biết sắp xếp câu.
3. Cảm thấy khó khăn trong việc sử dụng câu.
4. Nói chuyện chậm, không liên tục.

Những nguyên nhân trên đều là hiện tượng tâm lý tự ti, hiện tại vẫn chưa tìm ra phương pháp chữa trị có hiệu quả.

Còn có một số trở ngại tâm lý ảnh hưởng tới biểu đạt ngôn ngữ, như nói ngọng, phát âm không chuẩn. Những trở ngại này không phải do tâm lý mà là cơ chế ngôn ngữ gặp "trục trặc" khi hình thành. Có thể thấy, mỗi giai đoạn học ngôn ngữ đều xuất hiện những hiện tượng suy thoái với hình thái khác nhau.

Giai đoạn thứ nhất: Giai đoạn hình thành cơ chế từ vựng, suy thoái liên quan: Phát âm không chuẩn, nói ngọng.

Giai đoạn thứ hai: Giai đoạn hình thành cơ chế câu, suy thoái liên quan: Hình thành câu chậm.

Cảm nhận của trẻ nhạy bén, giới tiếp thu những thứ có lợi, giàu sức sáng tạo. Những suy thoái này gây trở ngại cho sức sáng tạo của trẻ, hậu quả này sẽ theo trẻ suốt cả đời. Do vậy, bất cứ lúc nào, người lớn cũng cần quan tâm tới cảm giác của trẻ, giúp trẻ đi đúng con đường phát triển bình thường.

Bất hạnh là, người lớn lại chính là đối tượng thường xuyên cản trở trẻ. Đối xử với trẻ đòi hỏi động tác nhẹ nhàng, mềm mỏng, song động tác của chúng ta lại thường quá thô bạo mà bản thân không ý thức được điều này. Chúng ta cần phải chú ý vào hành vi của mình, giáo dục trẻ trước hết cần phải giáo dục mình. Xuất phát từ lý do này, tôi cho rằng,

tiến hành bồi dưỡng giáo viên quan trọng hơn bất cứ nghiên cứu lí luận nào, hơn nữa còn cần chú trọng bồi dưỡng cá tính giáo viên.

Cảm giác của trẻ nhạy bén khác thường, do vậy rất dễ bị tổn thương. Ví dụ, trẻ rất mẫn cảm với người lớn có "vẻ mặt lạnh tanh", có bà mẹ động tí là nhắc nhở trẻ: "Đừng quên những lời mẹ bảo con đấy nhé!", trẻ con nhà giàu đa phần được bảo mẫu chăm sóc, quan sát phát hiện thấy, bảo mẫu thường nói với trẻ bằng giọng điệu ra lệnh, điều này sẽ gây ảnh hưởng xấu cho trẻ, khiến trẻ ngại nói, thậm chí là nói lắp.

Tôi từng rất nghiêm khắc với trẻ, trong cuốn "*Bí mật trẻ nhỏ*" tôi đã đề cập tới vấn đề này, hơn nữa còn kể ra câu chuyện như sau: Nhìn thấy một đứa trẻ đặt đôi giày bẩn lên tấm khăn trải giường, tôi kiên quyết bảo nó bỏ xuống, sau đó tôi phải sạch chỗ bẩn trên tấm ga trải giường, để cho trẻ thấy đây không phải là nơi để giày. Hai, ba tháng sau khi sự việc này xảy ra, mỗi lần nhìn thấy giày, đứa trẻ này lập tức để nó vào vị trí khác, sau đó nhìn chằm chằm vào ga trải giường. Cuối cùng tôi đã hiểu, hành vi phản ứng của đứa trẻ này là sự phản kháng đối với tôi. Nói cách khác, chúng ta đã làm tổn thương tới trẻ, chúng sẽ không nói: "Không nên đối xử với cháu như vậy, cháu thích đặt giày ở đâu thì kệ cháu!". Trẻ thường không có phản ứng mang tính phản kháng đối với hành vi sai lầm của người lớn. Tôi cho rằng, có lẽ sẽ tốt hơn nếu trẻ phần nộ vì điều này, đã cho thấy trẻ đang bảo vệ mình một cách có ý thức, bảo vệ sự phát triển bình thường của mình. Ngược lại, nếu chúng "hồi đáp" lại với phương thức thay đổi tính cách, rất có thể gây tổn thương đến tâm lý. Người lớn thường không ý thức được điểm này, họ thường cho rằng, chỉ cần trẻ không quấy khóc, không bực bội là có thể yên tâm.

Người lớn còn có một hiện tượng tâm lý khác thường, là cảm thấy sợ hãi một cách vô duyên vô cớ, mà y học gọi là "triệu chứng lo sợ". Người lớn có hiện tượng này đa phần đã từng trải qua sự khủng hoảng tinh thần khi còn nhỏ, ví dụ sợ hãi trước động vật, hay từng bị nhốt trong phòng tối,... Triệu chứng lo sợ có nhiều loại, trong đó một số loại rất phổ biến, như "triệu chứng sợ bị giam cầm", (chính là sợ một mình trong phòng).

Rất nhiều ví dụ có thể chứng minh tổn thương tâm lý trong thời kì trẻ nhỏ. Tôi nhắc tới những điều này chỉ là muốn chứng minh loại hình tâm lý trẻ nhỏ ở độ tuổi này, đồng thời nhắc nhở mọi người chú ý tới ảnh hưởng của mình đối với trẻ. Bởi vì, hành vi của chúng ta không chỉ ảnh

hưởng tới cuộc sống hiện tại của trẻ, mà còn ảnh hưởng tới tương lai của chúng.

Chúng ta nên quan sát hành vi của trẻ, để hiểu rõ những suy nghĩ của chúng và cần nghiên cứu trẻ giống như nhà tâm lý học nghiên cứu tiềm thức của con người. Đương nhiên, không dễ dàng để làm điều này, bởi vì chúng ta không hiểu hết những lời trẻ nói về cũng khó mà hiểu rõ những suy nghĩ của chúng. Chúng ta nhất thiết phải có cái nhìn tổng thể đối với trẻ (ít ra cũng cần hiểu rõ những sự việc vừa xảy ra với trẻ), để có thể giúp trẻ giải quyết khó khăn. Giữa chúng ta và trẻ cần một người phiên dịch! Tôi luôn nỗ lực vì điều này, hi vọng mình có thể hiểu những suy nghĩ mà trẻ biểu đạt. Điều khiến tôi ngạc nhiên là, mỗi khi tôi gần gũi với trẻ, thử tìm cách hiểu chúng, thì chúng cầu cứu sự giúp đỡ của tôi, như thể là tôi thực sự có thể giúp đỡ chúng.

Một số người chỉ biết yêu thương vô về trẻ, một số người khác lại đang nỗ lực lí giải ngôn ngữ của chúng. Tôi phát hiện thấy trẻ hứng thú hơn với đối tượng sau. Trẻ khao khát tìm hiểu thế giới, khao khát được giao lưu với người lớn, chúng gửi gắm hi vọng vào những người biết lí giải ngôn ngữ của chúng. Đối với trẻ, giúp đỡ là món quà còn có ý nghĩa hơn cả sự yêu thương vô về. Tôi quen làm việc từ sớm, một buổi sáng nọ, một bé trai khoảng 1 tuổi bước vào phòng tôi, tôi hỏi bé muốn ăn gì không, câu trả lời của bé đã làm tôi ngạc nhiên khi tôi nghe thấy bé nói "côn trùng nhỏ". Bé thấy tôi không hiểu nên nói tiếp từ "trứng". Tôi suy nghĩ một lúc, đứa trẻ này không muốn ăn gì cả, nhưng rốt cục muốn gì đây? Lúc này đứa trẻ nói "Nina, trứng, côn trùng nhỏ", vậy là tôi đã hiểu ra. Hôm qua chị gái Nina của bé lấy bút màu nước vẽ một vòng tròn giống hình quả trứng, lúc đó bé cũng muốn vẽ, nhưng Nina không đưa bút vẽ cho bé, còn đuổi bé đi. Bây giờ thì tôi đã hiểu bé muốn gì, chị gái từ chối bé, không phải là bé muốn chống đối lại chị, mà là nhẫn nại chờ đợi, tìm cơ hội thực hiện ý đồ của mình. Thế là, tôi đã đưa cho bé một chiếc bút màu nước, bé mừng rỡ vô cùng. Bé không thể vẽ liền một vòng tròn, chỉ có thể vẽ đường ngoằn ngoèo giống những con sóng nhỏ, kết quả là bé đã vẽ ra những con côn trùng nhỏ. Thử nghĩ một chút, để thực hiện nguyện vọng của mình, đứa trẻ này đợi khi mọi người đang ngủ, chỉ có người hiểu rõ lời nói của nó không ngủ thì mới tới cầu xin người này giúp đỡ, hơn nữa nó tin rằng người đó có thể giúp được mình.

Tôi cho rằng, một trong những đặc trưng của trẻ ở giai đoạn này chính là có tính nhẫn nại. Mọi người thường cho rằng tính tình của

chúng ở thời kì này không tốt, dễ nổi nóng. Kì thực chúng biết nhẫn nại chờ đợi, chúng chỉ phẫn nộ khi đã làm mọi cách mà vẫn không thể biểu đạt được mong muốn của mình. Ví dụ trên còn cho thấy, trẻ đang nỗ lực mô phỏng, nếu một đứa trẻ 3 tuổi đang làm một việc nào đó thì một đứa trẻ 1 tuổi rưỡi khác cũng sẽ bắt chước theo.

Hàng xóm của tôi có cậu con trai 1 tuổi rưỡi, cậu lúc nào cũng muốn học nhảy với chị gái 3 tuổi của mình. Cô giáo dạy nhảy nói với tôi: "Đứa trẻ này còn nhỏ quá, tôi làm sao dạy nó được chứ?". Tôi nói với cô ta, đừng bận tâm tới chuyện bé có thể học được bao nhiêu, chỉ cần dạy hết sức mình là được rồi. Cuối cùng cô giáo này cũng miễn cưỡng đồng ý. Không ngờ, cậu bé đột nhiên chạy lên phía trước, hét lên với tôi: "Cháu muốn thật mà!".

Trước lời thỉnh cầu của chúng tôi, cô giáo làm mẫu một tư thế múa, song miệng vẫn lầu bầu: "Nhỏ như vậy học múa sao đây". Đột nhiên, cậu bé tỏ rõ sự tức giận, cậu đứng im một chỗ, cô giáo nói tôi sớm đã biết được điều này, nhưng tôi hiểu trẻ không chú ý tới tư thế múa của giáo viên, sợ dĩ trẻ tức giận là vì giáo viên để mũ trên ghế salon. Đứa trẻ không biết nói hai từ "cái mũ" và "cô giáo", mà lại nói đi nói lại từ "đại sảnh", "cái cốc", ý nghĩ mà trẻ muốn biểu đạt là: "Mũ không được để ở đây, nên treo vào cốc treo mũ ở đại sảnh". Điều này khiến trẻ mất đi hứng thú múa, nó khẩn thiết yêu cầu thay đổi trạng thái mất trật tự trước mắt này. Khi tôi treo mũ lên cốc treo mũ thì đứa trẻ lập tức ngoan ngoãn trở lại, nó bắt đầu học múa. Sự việc này cho thấy, yêu cầu của trẻ về trật tự rất mãnh liệt, hơn cả những yêu cầu về phương diện khác.

Tôi đã nghiên cứu phương thức cảm giác của trẻ và việc sử dụng từ vựng của chúng, từ đó phát hiện thấy rất nhiều thú ẩn sâu trong lòng chúng, mà các nhà tâm lý học không thể tìm ra.

Hai ví dụ trên khiến tôi cảm thấy thú vị, một ví dụ liên quan tới lòng nhẫn nại của trẻ, (một ví dụ liên quan tới cảm giác trật tự của trẻ). Còn có một ví dụ thú vị khác, tôi không kể tường tận tại đây, ví dụ này có thể quy thành "trẻ không đồng ý với kết luận của người nói". Từ những ví dụ này chúng ta thấy, ngoài những biểu đạt bề ngoài ra, còn có rất nhiều điều về tâm lý trẻ mà chúng ta chưa hiểu rõ.

Tôi cho rằng, nên công khai kết quả nghiên cứu về tâm lý trẻ nhỏ, công việc này đương nhiên không dễ, nhưng có thể thúc đẩy trẻ thích ứng với môi trường, do vậy cũng có ý nghĩa quan trọng với loài người. Giúp đỡ trẻ trong thời kì phát triển là một việc không được xem nhẹ, đây

là một công việc mang tính sáng tạo đối với những người làm công tác khoa học trong tương lai, nó sẽ giải được câu đố về sự phát triển tâm lý và hình thành nhân cách của con người. Để thực hiện mục tiêu này, chúng ta cần chú ý những điểm sau:

1. Sự phát triển trong 2 năm đầu đời sẽ ảnh hưởng tới cả một đời người.
2. Trẻ có tiềm năng tâm lý rất lớn, song vẫn chưa được coi trọng đầy đủ.
3. Trẻ cực kì mẫn cảm, chỉ cần một hành động hơi thô lỗ cũng sẽ lưu lại vết thương trong lòng và ảnh hưởng tới cả cuộc đời trẻ.

TƯỞNG TƯỢNG VÀ VĂN HÓA

Thiên tính của trẻ giúp trẻ liên tục tiếp thu những kiến thức cần thiết từ môi trường, do vậy, việc vận dụng đôi tay ở trẻ không chỉ có ý nghĩa thực tiễn mà còn có thể thu được những kiến thức từ đó. Ví dụ để trẻ trong môi trường như ở chương trước đã nói, nhất định sẽ xảy ra những biến đổi không ngờ. Trẻ làm việc vui vẻ, tràn đầy hưng phấn, không biết mệt mỏi, não trẻ cũng sẽ hoạt bát hơn, yêu cầu tìm kiếm tri thức cũng mãnh liệt hơn.

Những biến đổi này sẽ xuất hiện sau "thời kì bùng phát viết", "thời kì bùng phát viết" sẽ khiến trẻ hứng thú hơn. "Thời kì bùng phát viết" lại không bùng phát thứ gì, nó chỉ là một đặc trưng bên ngoài, giống như "một làn khói mỏng bay ra từ lửa". Bùng phát thực sự đang tiềm ẩn, chỉ được thể hiện ra ở phẩm chất bên trong con người. Điều này giống như núi lửa đang hoạt động, bề ngoài xem ra chẳng "có động tĩnh gì", song bên trong lại đang sục sôi, sẽ có một ngày phun lửa dữ dội, thế là chuyên gia có thể nghiên cứu sự biến đổi của địa cầu dựa theo macma được phun ra.

Chúng tôi đã chế tạo ra rất nhiều đồ vật nhỏ, những đồ vật này vô cùng thích hợp với trẻ và có thể khiến chúng hòa nhập vào trong cuộc sống giống như thực tế. Kết quả thu được hoàn toàn khiến chúng tôi bất ngờ.

Chúng ta nên lí giải về việc đó và nỗ lực thực thi cách giáo dục này.

Cách giáo dục chính quy chưa từng thu được kết quả rõ ràng như vậy, đương nhiên, những thực nghiệm giáo dục này đã cho chúng ta nhiều chỉ dẫn. Chúng ta không nên cản trở quá trình phát triển của trẻ, cần nỗ lực cung cấp điều kiện tự nhiên phù hợp cho sinh mệnh, để trẻ có

thể tự do chọn lựa phương thức hành vi của mình. Đây chính là những gợi ý mà chúng tôi rút ra từ nghiên cứu tâm lý học trẻ nhỏ. Nhà thám hiểm Bắc Cực nổi tiếng Peary gọi công việc của chúng tôi là "phát hiện tâm hồn nhân loại". Ông nói: "Việc này không chỉ đang đẩy mạnh một phương pháp giáo dục, mà còn tìm lại thiên tính của nhân loại".

Nghiên cứu của chúng tôi đã phát hiện hai sự thực khác nhau. Một là, khả năng tiếp thu của trẻ về văn hóa sớm hơn chúng tôi tưởng, phương thức học tập này liên quan tới vận động. Trẻ ở độ tuổi này chỉ có thể học tập thông qua hành vi, năng lực tiếp thu của chúng vô cùng mạnh, nhất thiết phải làm một số việc để phát triển mình.

Phát hiện thứ hai của chúng tôi là sự phát triển tính cách của trẻ, vấn đề này sẽ thảo luận sau. Trước mắt, chúng tôi thảo luận về phát hiện đầu tiên.

Chúng tôi thấy, trẻ rất hứng thú với đồ vật từng chơi, chúng dễ dàng tập trung sự chú ý vào những đồ vật này. Ví dụ, phần trước đề cập tới "thời kì bùng phát viết", sự xuất hiện thời kì này liên quan tới năng lực cảm giác ngôn ngữ đặc thù của trẻ. Năng lực cảm giác này sẽ mất khi trẻ khoảng 6 tuổi. Do vậy, trước 6 tuổi, trẻ rất nhiệt tình với việc luyện viết, qua độ tuổi này sẽ mất đi sự trợ giúp của thiên tính, nhất thiết phải nỗ lực một cách có ý thức.

Dương nhiên, năng lực viết của trẻ không chỉ thu được từ những trải nghiệm trước đây, mà còn quyết định ở sự rèn luyện sau này, bởi lẽ, trước khi trẻ tiến hành luyện viết, thì cần phải tiến hành luyện tập thủ công "rèn luyện năng lực phân biệt cảm giác". Vì vậy, tôi cần nêu ra nguyên tắc "chuẩn bị gián tiếp" ở đây.

Tự nhiên có nguyên tắc làm việc của riêng mình, sẽ không sáng tạo bừa bãi ra thứ mà lại không phát huy được tác dụng. Năng lực hình thành ở giai đoạn thứ nhất sẽ được phát huy ở giai đoạn thứ hai. Do vậy, bằng việc hiểu rõ giai đoạn thứ nhất, sẽ tiếp tục nắm vững sự phát triển của giai đoạn thứ hai. Giống như học ngôn ngữ, trẻ sẽ trải qua rất nhiều giai đoạn nhỏ trong thời kì phát triển đầu tiên, tuần tự của hàng loạt phát triển này giống như cuốn sách dạy ngữ pháp ở trường học. Trước hết trẻ sẽ học phát âm, sau đó luyện nói âm tiết, tiếp đến là phân biệt danh từ, động từ, tính từ, phó từ, giới từ, liên từ,... Đã hiểu rõ tuần tự này thì có thể giúp đỡ cho sự phát triển ở giai đoạn thứ hai, đó chính là đầu tiên cần dạy trẻ ngữ pháp. Rất nhiều người cảm thấy thật khó hiểu, dạy trẻ ngữ pháp khi chúng còn chưa biết đọc, biết viết ư?

Trước hết, chúng ta hãy suy nghĩ một chút, cái gì là nền móng để biểu đạt ngôn ngữ? Ngữ pháp. Chẳng phải vậy sao? Khi nói, tất cả mọi người đều phải nắm vững ngữ pháp, trẻ 4 tuổi cần mở rộng vốn từ vựng, hoàn thiện cơ chế ngôn ngữ của mình. Do vậy, nếu lúc này dạy trẻ một số ngữ pháp thì có thể khiến trẻ sử dụng khẩu ngữ lưu loát hơn, rất có lợi cho việc học ngôn ngữ. Thực nghiệm cho thấy, thời kì này trẻ rất hứng thú với ngữ pháp, là thời cơ tốt nhất để học ngữ pháp. Trẻ từ 0 đến 3 tuổi học ngữ pháp một cách vô thức, từ 3 đến 6 tuổi sẽ hoàn thiện việc này một cách có ý thức. Do vậy, trẻ ở độ tuổi này có năng lực cảm nhận riêng đối với từ vựng, sẽ học được rất nhiều từ vựng mới. Thực nghiệm cũng cho thấy, lượng từ vựng của trẻ tăng nhanh chóng. Ở thời kì này, dường như trẻ mắc căn bệnh "đói từ vựng", khao khát được học từ mới, do đó chúng ta nên kịp thời giúp trẻ, dạy trẻ học từ vựng một cách có hệ thống.

Nếu quan điểm này đúng thì sẽ xuất hiện một câu hỏi, đây cũng là câu hỏi cũ của giáo dục, tức là có rất ít giáo viên mầm non có bằng cấp. Các giáo viên viết từ vựng lên bảng, để trẻ đọc thuộc. Song vấn đề nhanh chóng xuất hiện, đó là giáo viên sẽ phát hiện thấy vốn từ vựng của mình còn thiếu (ngoài một số tên gọi ra, họ chẳng biết thêm là mấy, không thể đáp ứng nhu cầu của trẻ). Trong thực nghiệm giáo dục, ngoài dạy những danh từ thông thường, tôi còn dạy một số từ vựng chuyên ngành (như: hình tam giác, hình đa giác, hình thang,... trong hình học), sau đó còn dạy trẻ một số từ vựng chuyên ngành hơn nữa (như nhiệt kế, dụng cụ đo khí áp), rồi lại dạy trẻ một số danh từ thực vật (như: Tràng hoa, đào hoa, nhị đực, nhị cái,...). Trẻ rất nhiệt tình học những từ vựng này, sau khi học xong còn muốn tôi dạy nhiều từ hơn nữa. Khi trẻ vui chơi bên ngoài, chúng thường tranh nhau hỏi giáo viên tên của một số sự vật, có những thứ ngay cả giáo viên cũng chẳng biết, điều này quả là rất đáng ngại.

Trẻ từ 3 đến 6 tuổi hứng thú mạnh mẽ với từ vựng, chúng say sưa học quên cả mệt mỏi. Tuy nhiên, tới giai đoạn phát triển tiếp theo, sự việc sẽ khác, phương hướng phát triển của trẻ sẽ chuyển sang năng lực khác, việc học từ vựng trở nên khó khăn hơn. Chúng tôi nhận thấy rằng, trẻ không dễ quên những từ vựng mà chúng đã học khi ở độ tuổi từ 3 đến 6, những năm tháng sau này trẻ có thể sử dụng lưu loát những từ vựng này. Bởi vậy, thời kì tốt nhất để trẻ học ngôn ngữ là từ 3 đến 6 tuổi. Đương nhiên, chúng ta không thể cưỡng ép việc học từ vựng ở trẻ, mà cần kết hợp từ vựng với vật thực, tiến hành các hoạt động vui chơi bên

ngoài, bảo đảm duy trì việc học từ vựng song song với kinh nghiệm thực tế. Ví dụ, cho trẻ thấy hình vẽ của cây cỏ côn trùng trước rồi để trẻ được tiếp xúc với vật thực, hoặc đưa chúng quả địa cầu và giảng cho chúng nghe một số kiến thức địa lí. Chỉ cần đối chiếu với vật thực, hình ảnh, biểu đồ thì việc dạy trẻ sẽ không hề khó, hơn nữa rất dễ nhớ các từ đơn.

Tôi từng biết một đứa trẻ đã 14 tuổi mà không biết rõ tên gọi của các loại hoa trong vườn, một đứa trẻ khoảng 3 tuổi chạy lại, chỉ vào một loại hoa và bảo với cậu ta "đây là nhị đực". Sau đó lại chạy đi.

Còn có một câu chuyện thú vị khác. Một lần, tôi chỉ vào một số bức hình treo trên tường giảng cho bọn trẻ cách phân loại thân rễ thực vật, một đứa trẻ chạy lại, hỏi tôi bức hình vẽ gì vậy? Tôi giảng cho cậu nghe một lượt. Không lâu sau tiết học, tôi phát hiện thấy mọi cây trong vườn hoa đều bị nhổ tung lên, xem ra cậu bé này vẫn còn khúc mắc về rễ thực vật, do vậy đã nhổ chúng lên để "nghiên cứu". Sự việc thường như vậy, do đó tôi thành thực khuyên mọi người hãy dạy trẻ học từ vựng bằng hình vẽ và vật thực, mặc dù các vị không tán thành, song hãy thử nghĩ một chút, liệu bố mẹ có muốn nhìn thấy hoa cỏ trong vườn nhà mình bị trẻ nhổ tung lên không?

Vậy thì tâm lý của trẻ có phù hợp với sự vật nhìn thấy không? Hoàn toàn không phù hợp. Nhận thức của trẻ đối với sự vật không chỉ bắt nguồn từ cảm nhận trực quan, mà còn bao gồm cả trí tưởng tượng phong phú.

Chúng ta đều biết trẻ có trí tưởng tượng phong phú, song phong phú đến thế nào lại không thể biết. Để có lời giải đáp, chúng tôi đã tiến hành thử nghiệm đối với trẻ 6 tuổi. Chúng tôi giảng cho bọn trẻ nghe kiến thức địa lý, song không bắt đầu từ những kiến thức như sông ngòi, eo biển, hải đảo, mà đưa cho chúng một tấm bản đồ và nói: "Đây là địa cầu".

Kiến thức mà bọn trẻ có vẫn chưa đủ để chúng tưởng tượng ra hình dạng của thế giới, nếu chúng có thể hình thành khái niệm về thế giới thì chỉ có thể nhờ vào trí tưởng tượng. Trên tấm bản đồ của chúng tôi, màu xanh lam biểu thị biển, chấm nhỏ biểu thị lục địa, ngoài ra còn có một số biểu thị khác, song bọn trẻ vừa nhìn thấy bản đồ đã nói:

"Đây là lục địa"

"Đây là biển"

"Đây là châu Mỹ"

"Đây là Ấn Độ"

Bọn trẻ rất thích bản đồ, đa số chúng đều treo bản đồ trong phòng. Trẻ từ 3 đến 6 tuổi không chỉ biết phân biệt sự vật, mà còn có thể tưởng tượng ra những vật chưa từng nhìn thấy. Trí tưởng tượng của trẻ chiếm vị trí quan trọng trong hoạt động tâm lý của chúng. Người lớn thích kể cho trẻ nghe truyện thần thoại, dường như muốn bồi dưỡng trí tưởng tượng của chúng, song chúng ta đã cho rằng trẻ thích tưởng tượng thì vì sao chỉ kể cho chúng nghe truyện thần thoại? Trẻ đã có thể hiểu thần thoại nhờ tưởng tượng thì vì sao không thể tưởng tượng ra châu Mỹ? Khác với giao lưu ngôn ngữ, quan sát bản đồ có thể cho trẻ một ấn tượng trực quan. Suy nghĩ không hề bị động, nó mãi mãi cần hoa lửa của linh cảm.

Một lần, tôi nhìn thấy một nhóm trẻ 6 tuổi đang thảo luận gì đó trước tấm bản đồ, lúc này, một đứa trẻ 3 tuổi chen vào và nói:

"Cho em xem với, thế giới là như vậy à?".

Một đứa trả lời: "Đây là thế giới", đứa trẻ 3 tuổi nghe vậy nói tiếp: "Ồ, bây giờ em biết rồi. Chú em từng du lịch vòng quanh thế giới 3 lần!". Điều này cho thấy nó biết đây chỉ là một mô hình địa cầu, kì thực thế giới phải lớn hơn rất nhiều, nó nhất định đã từng nghe nói tới địa cầu.

Khi tôi giảng bài, một đứa trẻ 4 tuổi cũng tới xem bản đồ. Nó tỉ mỉ quan sát tấm bản đồ, rồi đột nhiên hỏi đứa bên cạnh: "New York ở đâu?". Bọn trẻ đều rất ngạc nhiên vì không ngờ nó hỏi như vậy, sau khi chỉ cho nó thấy vị trí của New York, không ngờ nó lại hỏi tiếp: "Hà Lan ở đâu?", bọn trẻ càng ngạc nhiên hơn, sau khi được biết vị trí của Hà Lan, đứa trẻ này nói: "Bố em năm nào cũng tới Mỹ hai lần, bố em sống ở New York, bố em vừa đi thì mẹ nói hiện bố đang ở trên biển, qua vài ngày, mẹ nói bố tới New York rồi, vài ngày tiếp theo mẹ lại nói bố lại tới biển rồi, khi mẹ nói bố đã tới Hà Lan, chúng ta tới Amsterdam đón bố thôi, em thích lắm".

Đứa trẻ này đã nhiều lần nghe nói tới Mỹ, khi nó nghe thấy có người đang thảo luận về Mỹ trước bản đồ đã biết chạy lại xem, bộ dạng của nó dường như đang nói "mình đã nhìn thấy nước Mỹ rồi".

Giống như xem bản đồ, trẻ muốn hình tượng hóa những dấu hiệu này đòi hỏi một quá trình. Cũng giống như trước đó trẻ cần nhận biết thế giới vật chất, trong quá trình này, trẻ cần liên hệ các từ trừu tượng với đồ vật thật.

Mọi người tin rằng, ở độ tuổi này, trẻ chỉ thích nghe kể chuyện và chơi với gạch. Họ cho rằng, với trò xếp gạch, suy nghĩ của trẻ sẽ liên

tưởng tới việc kiến thiết môi trường, như vậy có thể khiến trẻ hiểu thế giới và nhanh chóng trưởng thành. Nghe kể chuyện được cho rằng có thể làm phong phú trí tưởng tượng của trẻ, sau đó trẻ có thể giải phóng trí tưởng tượng thông qua vui chơi. Mọi người còn tin rằng, trẻ tự mình làm việc có thể rèn luyện thể lực, hơn nữa thúc đẩy não có những liên hệ với thế giới bên ngoài, điều này vô cùng có ích đối với trẻ.

Ngoài ra, trẻ ở độ tuổi này hiếu kỳ với mọi thứ, liên tục hỏi hết cái này đến cái kia, yêu cầu người lớn giải thích, những câu hỏi tới tấp đưa ra, giống như bom đạn từ không trung dội xuống, thường khiến người lớn "đau đầu chóng mặt". Chỉ cần người lớn không thể hiện sự chán nản, trả lời từng câu, từng câu một thì trẻ sẽ vô cùng sung sướng. Song có một điểm cần nhớ: Trẻ không muốn nghe giải thích dài dòng. Mà đây lại là căn bệnh của người lớn.

Có một đứa trẻ hỏi: "Bố ơi vì sao lá cây màu xanh?". Ông bố này cảm thấy câu hỏi này rất uyên thâm, thế là giải thích cho con cái gì là chất diệp lục, lợi dụng ánh mặt trời tiến hành quang hợp ra sao. Ông bố say sưa giảng giải, song trẻ lại tỏ ra thiếu nhẫn nại: "Con chỉ muốn biết vì sao lá cây màu xanh chứ không muốn biết chất diệp lục, vai trò của quang hợp là gì".

Chúng ta đều biết, đặc trưng chính của trẻ độ tuổi này là thích chơi đùa, giàu trí tưởng tượng, thắc mắc nhiều. Quả thực, rất nhiều điều trẻ chưa rõ, câu hỏi của trẻ cũng không dễ trả lời chút nào.

Có thể trẻ sẽ hỏi: "Mẹ ơi, con từ đâu tới?". Một bà mẹ thông minh sẽ trả lời rằng: "Con là con của mẹ, đương nhiên là do mẹ sinh ra rồi".

Câu trả lời của bà mẹ này rất ngắn gọn, song lại thỏa mãn nguyện vọng của trẻ. Có lẽ, một năm sau, cô ta sẽ nói với nó: "Mẹ sắp sinh một em bé nữa", sau khi sinh xong, cô cho nó xem mặt em và nói với nó: "Con nhìn này, đây là em trai con đấy, cả em và con đều là do mẹ sinh ra".

Nếu đó là một đứa trẻ 6 tuổi, lời nói này có thể không làm nó thỏa mãn: "Rốt cục con sinh ra thế nào? Mẹ vẫn đang dối con, con đã lớn rồi mà. Mẹ vừa nói rằng khi mẹ sinh một em trai cho con, con phải chú ý quan sát xem mẹ cần làm gì, nhưng con chẳng thấy mẹ làm gì cả!".

Dù không dễ dàng làm thỏa mãn tâm lý hiếu kỳ của trẻ, song giáo viên và bố mẹ đều cần có đủ lòng nhẫn nại và tài trí để thỏa mãn khát vọng của trẻ. Điều này đòi hỏi tiến hành những bài luyện tập cần thiết, bởi lẽ vấn đề của trẻ rất khó trả lời bằng phương thức thông thường, bạn cần phải từ bỏ mọi biện pháp "tự cho là đúng", sử dụng một số kĩ xảo

phù hợp với tâm lý trẻ 3 - 6 tuổi. Đây chính là những thứ chúng ta thiếu. May mắn là, những thứ trẻ học được từ môi trường mãi mãi hơn hẳn những thứ mà người lớn dạy chúng.

Hiện nay, rất nhiều câu trả lời của chúng ta không thỏa mãn nhu cầu của trẻ, điều này cho thấy chúng ta vẫn hiểu sai tâm lý trẻ, vẫn dạy dỗ trẻ bằng phương pháp "tự cho là đúng". Chúng ta cần vứt bỏ những biện pháp lỗi thời, tìm con đường "hiểu trẻ". Khi thực, biện pháp rất đơn giản, chỉ có bản thân bọn trẻ mới có thể dạy chúng ta cách hiểu chúng thế nào - thông qua hành vi của chúng.

Quan sát cho thấy, trẻ không chỉ khao khát những sự việc thú vị, mà còn muốn biết làm thế nào để thực hiện những sự việc này. Từ đó có thể khẳng định rằng, tồn tại mục đích vô thức trơng hứng thú của trẻ. Đó chính là phối hợp nhịp nhàng vận động của bản thân, khiến mình ở trạng thái tự kiểm soát.

Thêm nữa, trẻ vừa bị cuốn hút vào một việc gì đó thì sẽ làm đi làm lại việc này. Chỉ cần lưu tâm, sẽ phát hiện thấy chúng thường mô phỏng đi mô phỏng lại một số sự việc trong cuộc sống. Ví dụ, trẻ sẽ miệt mài đánh bóng một đồ vật bằng đồng cho tới khi nó bóng loáng, trẻ miệt mài đến vậy, hăng say đến vậy, nhìn từ bề ngoài, mục đích chỉ là một kiểu kích thích. Những hành vi này tồn tại một nhu cầu vô thức, sự trưởng thành của trẻ bắt nguồn từ chính những hiện thực của mục đích vô thức này. Những vận động lặp đi lặp lại đó sẽ thúc đẩy sự hài hòa của cơ bắp, mà kiểu hài hòa có được nhờ sự rèn luyện sau này. Người lớn cũng giống như vậy, chúng ta cần tập luyện bản thân thông qua các hoạt động vui chơi và vận động, mục đích đánh bóng, đánh cầu lông của chúng ta không chỉ là có được niềm vui (hoặc nâng cao kỹ thuật) mà còn muốn nâng cao năng lực vận động của mình thông qua những môn thể thao này.

Chúng ta gọi rất nhiều hoạt động của trẻ là trò chơi, ý nghĩa của những trò chơi này đối với trẻ cũng giống như ý nghĩa của vận động đối với người lớn, chính là có được mọi năng lực cần thiết từ đó.

Nhu cầu thích ứng với môi trường sống là bản năng của sinh mệnh, điều này đúng với mọi sinh vật. Trẻ ở vào thời kì phát triển cần bồi dưỡng năng lực bản thân để thích ứng với nhu cầu của cuộc sống. Thời kì trẻ nhỏ là thời kì tốt nhất để bồi dưỡng năng lực sinh tồn, xuất phát từ chính nguyên nhân này, chúng ta nói năng lực mô phỏng của trẻ là điều kiện tiên đề giúp chúng hoàn thành việc xây dựng bản thân.

Trẻ sinh ra đã có năng lực hoàn thiện bản thân. Hành vi của những người xung quanh có thể khơi gợi hứng thú trong trẻ, chúng sẽ mô

phỏng những hành vi này và bồi dưỡng mọi năng lực. Vậy, rốt cục trẻ đã bồi dưỡng những năng lực gì thông qua hành vi? Lấy ngôn ngữ làm ví dụ, những năng lực này giống như sợi dọc trên máy dệt, những sợi dọc này lại không phải là vải cần dệt mà là nền móng để dệt vải. Nói một cách hình tượng, trên những sợi dọc này bố trí đầy âm thanh từ vựng, những âm thanh này được sắp xếp một cách trật tự giống như quy luật ngữ pháp. Sau một loạt kích thích của kinh nghiệm sống, những sợi dọc này đã dệt nên móng dân tộc nào đó, toàn bộ tấm vải đã được dệt xong bởi trẻ 3 - 6 tuổi. Bởi vậy, giai đoạn trước 6 tuổi là vô cùng quan trọng. Những năng lực được bồi dưỡng trong giai đoạn này sẽ theo suốt đời người. Phương thức đi, làm việc của con người đều được định hình ở giai đoạn này, hơn nữa hình thành một phần nhân cách. Nó sẽ quyết định con người thuộc vào tầng thấp hay cao của xã hội. Sự khác biệt giữa những người thuộc tầng lớp khác nhau không chỉ thể hiện ở phương diện xã hội, mà còn thể hiện ở phương diện cá tính, giống như sự khác biệt của các dân tộc là ở ngôn ngữ.

Bởi vậy, những người thuộc tầng thấp của xã hội muốn leo lên tầng cao của xã hội thì trước hết cần thay đổi hoàn cảnh sống của mình, nếu không sẽ khó thoát khỏi những ảnh hưởng mà cuộc sống mang lại. Giống như vậy, một nhà quý tộc cũng không thể đóng giả làm người công nhân, bởi vì cuộc sống và phong cách làm việc của anh ta sẽ bộc lộ rõ thân phận thực sự của anh ta.

Giai đoạn này cũng rất quan trọng đối với sự phát triển ngôn ngữ, bởi lẽ giọng nói được định hình lúc này. Dù một giáo sư đại học đã quen sử dụng từ vựng chuyên môn cũng không thể thay đổi giọng nói của mình. Quả thực như vậy, giáo dục trình độ cao có thể làm phong phú suy nghĩ của con người, song không thể xóa đi những thứ được hình thành từ thời kì trẻ sơ sinh. Do vậy, những trải nghiệm trong thời kì này cũng vô cùng quan trọng đối với giáo dục xã hội. Giả sử, trẻ gặp một số trở ngại ở giai đoạn đầu tiên, khiến nhân cách méo mó, nhưng vẫn có thể hồi phục lại ở giai đoạn từ 3 đến 6 tuổi. Bởi vì giai đoạn này là giai đoạn phát triển tâm lý cuối cùng của trẻ. Ngoài ra, nếu sử dụng phương pháp khoa học, có thể tiến hành giáo dục trẻ ở thời kì này, thu nhỏ sự khác biệt giữa các quốc gia và dân tộc khác nhau. Như vậy, có thể khiến con người thân thiện với nhau hơn. Nói cách khác, văn minh sáng tạo nhân loại có thể thay đổi bản thân nhân loại, cũng giống như nhân loại có thể thay đổi môi trường tự nhiên tạo nên chính mình.

Giống như vậy, cá tính của trẻ cũng sẽ khiến trẻ phát triển, tác dụng này sẽ biểu hiện thông qua hành vi trong mọi hoạt động của trẻ.

Vậy nên bồi dưỡng năng lực cảm giác của trẻ thế nào?

Cảm giác là cửa sổ nối liền giữa con người với tự nhiên, con người sẽ trở nên sáng dạ và khéo tay nhờ dựa vào những kinh nghiệm mà cảm giác mang lại. Giống như một nghệ sĩ dương cầm tài giỏi có thể đánh lên những ca khúc tuyệt vời với một chiếc piano bình thường; Một công nhân dệt kĩ nghệ cao siêu khi sờ vào tấm vải đã biết ngay đường vân của sợi dệt...

Những năng lực "sinh ra đã có" của con người đều chịu ảnh hưởng của cuộc sống thường ngày. Nếu thiếu sự tác động của trí lực và vận động thì không thể tiến hành giáo dục năng lực cảm giác.

Chính những nhân tố bên trong này đã dẫn tới những sở thích khác nhau. Kinh nghiệm cảm giác có từ những sở thích khác nhau đã hình thành sự khác biệt cá thể. Nói cách khác, con người sinh ra đã có khuynh hướng thích thú nào đó, nó thúc đẩy sự phát triển cá thể, hình thành cá tính khác nhau dựa theo quy luật tự nhiên.

Những đứa trẻ lớn lên ở trường học chúng tôi không chỉ có năng lực tự làm việc mạnh mẽ, mà năng lực cảm nhận đối với thế giới bên ngoài cũng vô cùng nhạy bén. Thế giới của những đứa trẻ này cũng rất phong phú, bởi vì chúng có thể cảm nhận được sự khác biệt của sự vật, trong khi những người "năng lực cảm giác phát triển không hoàn thiện" có thể không nhận thấy sự khác biệt này. Để rèn luyện năng lực cảm giác này, chúng tôi đã sắp xếp một số thứ, những thứ này cũng có thể nâng cao năng lực quan sát của trẻ, vì chúng có thể phân biệt các loại cảm giác: Màu sắc, âm thanh, mùi vị, kích cỡ,... Đương nhiên, những thứ này cũng là một loại hình thức văn hóa, đều có thể khơi gợi sự quan tâm chú ý của con người đối với bản thân và môi trường. Cũng giống như, hai hình thức văn hóa nói và viết đều vô cùng quan trọng, cá tính của chúng ta nhờ vậy mà hoàn thiện, năng lực cũng nhờ vậy được nâng cao.

Cơ quan cảm giác là con đường giúp con người có được tri thức, nhận thức đối với thế giới không thể tách rời. Để rèn luyện năng lực cảm giác của trẻ, chúng tôi đã chế tạo ra một số đồ vật nhỏ cho trẻ, để chúng có thể hiểu rõ chi tiết của sự vật hơn.

Trường học phương Tây có tiết học gọi là "bài học vật thể", trong tiết học này, giáo viên yêu cầu mỗi học sinh rút ra đặc trưng nào đó của vật thể, ví dụ: Màu sắc, hình thái, hoa văn... Sự vật trên thế giới nhiều vô kể, song mỗi thứ có những đặc tính riêng. Tình trạng này giống với từ ngữ,

từ đơn rất nhiều, song chữ cái ghép thành từ đơn lại có hạn. Nếu chúng ta cung cấp tới trẻ rất nhiều vật thể, mà mỗi vật thể có đặc tính khác nhau thì giống như đã cho trẻ một bảng chữ cái nhận biết thế giới hay một chiếc chìa khóa mở cánh cửa kho báu tri thức. Trẻ không chỉ nắm vững những đặc tính này của sự vật, mà còn phát hiện ra quy luật phát triển của sự vật, điều này sẽ đặt nền móng cho trẻ trong việc hiểu rõ thế giới.

Do vậy, có thể nói đồ vật nhỏ mà chúng tôi cl.ế tạo riêng cho trẻ là "bảng chữ cái" của thế giới vật chất này, giá trị của nó không gì sánh nổi. Như trên đã từng nói, văn hóa không chỉ là sự tích lũy liên tục kiến thức, mà còn là đặc trưng bề ngoài của sự phát triển cá tính nhân loại. Điều này có thể trực tiếp cảm nhận được, cũng giống như người làm công tác giáo dục, dạy một đứa trẻ từng được rèn luyện về cảm giác hoàn toàn khác với dạy một đứa trẻ chưa từng được rèn luyện về cảm giác. Đối với những đứa trẻ đã được rèn luyện về cảm giác, một vật thể, một biện pháp đều sẽ khơi gợi hứng thú cực lớn trong chúng, bởi lẽ cảm giác của chúng đối với sự vật rất nhạy bén, có thể phân biệt sự khác biệt dù là rất nhỏ (như hình dạng của lá cây, màu sắc của hoa, cơ quan của côn trùng,...). Tương lai phát triển của trẻ quyết định ở sự vật mà trẻ tiếp xúc và những hứng thú do sự vật mang lại. Đối với trẻ, một bộ não có sự chuẩn bị chính là một người thầy ưu tú, quan trọng hơn mọi thứ.

Mỗi đồ vật mà chúng tôi thiết kế đều có đặc tính khác nhau, do vậy cũng có ích rất lớn đối với trật tự hóa của đại não trẻ.

Dù có sự khác biệt về trình độ, số tuổi, song trẻ đều có thể phân biệt sự vật, hơn nữa nắm vững đặc tính khác nhau của sự vật, đây là kết quả của phát triển tự nhiên. Một người bình thường không cần phải rèn luyện gì đặc biệt cũng có thể phân biệt sự khác nhau của màu sắc, hình dạng và đặc tính của vật thể, năng lực này có liên quan tới hình thức tư duy của nhân loại. Não người chứa đựng tiềm năng vô cùng, không chỉ có trí tưởng tượng, khả năng tư duy, mà còn dự trữ và sắp xếp trật tự mọi thông tin, rút ra "bảng chữ cái đặc trưng" trong những thông tin truyền về từ cảm quan. Điều này đòi hỏi tiến hành sắp xếp, tổng hợp, phân tích, quy nạp đối với mọi thông tin, cũng chính là quá trình tư duy trừu tượng. Thực tế, phát minh ra bảng chữ cái cũng trải qua quá trình tương tự, bởi lẽ mọi từ đơn đều được tạo nên từ những chữ cái trong bảng chữ cái. Từ đơn là hình thức biểu hiện chủ yếu của khẩu ngữ, song bảng chữ cái hình thành từ đơn lại là hệ thống trừu tượng. Có thể thấy, nếu một người không thể vận dụng cùng lúc trí tưởng tượng và khả năng tư duy logic thì anh ta không thể thông minh được, não của người

này cũng chỉ ngang với các động vật khác, bị bó buộc trong hình thức cố định. Điều này chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng xấu tới sự phát triển của anh ta.

Trí tưởng tượng và năng lực trừu tượng là hai năng lực chính của não, chúng không chỉ cung cấp đặc trưng bản chất của sự vật, mà còn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển tâm lý con người. Trước hết, học ngôn ngữ không tách khỏi trí tưởng tượng và năng lực trừu tượng. Nếu muốn phong phú từ vựng hoặc nâng cao tính thực dụng của ngôn ngữ thì cần vận dụng liên tục từ vựng. Những từ vựng mới này chỉ có được nhờ dựa vào bảng chữ cái và quy tắc ngữ pháp, những từ vựng như vậy nhiều không kể xiết. Khi thực, quy luật cấu thành ngôn ngữ cũng là bộ phận cấu thành đại não.

Trong cuộc sống, có lẽ chúng ta sẽ nghe thấy lời đánh giá thế này: "Người này rất thông minh, song tư duy thiếu tính trật tự", có nghĩa là trong não người bị đánh giá này có rất nhiều suy nghĩ, song lại không thể tiến hành phân biệt và định dạng những suy nghĩ này. Có lẽ, bạn từng nghe thấy lời miêu tả về một người thế này: "Bộ não của anh ta như một tấm bản đồ, vừa tinh tế lại chi tiết, phán đoán của anh ta chắc chắn cũng rất chuẩn xác".

Sự tôn sùng đối với tính trật tự của tư duy con người đã khiến chúng ta đặt cho đại não cái tên "bộ não chuẩn xác". Người đầu tiên đặt tên cho não con người như vậy là nhà vật lý học, toán học, triết học người Pháp - Pascal. Theo Pascal, não người ngay từ lúc sinh ra đã rất chuẩn xác, kiến thức của con người bắt nguồn từ sự quan sát chính xác và những phân tích tỉ mỉ. Như ở phần trước chúng tôi đã đề cập tới, cấu trúc não phù hợp với cấu trúc ngôn ngữ. Giống với nền móng ngôn ngữ là ngữ âm và quy tắc ngữ pháp, hoạt động của não cũng tồn tại theo quy luật nhất định. Con người tiến hành nghiên cứu đối với một số phát minh nổi tiếng, và nhận thấy, trong giai đoạn đầu tiên của phát minh, suy nghĩ của các nhà phát minh cũng có quy luật nhất định. Điều này không có gì ngạc nhiên. Thơ và nhạc được sáng tác chủ yếu dựa vào trí tưởng tượng, song lĩnh vực này cũng tồn tại quy luật nhất định, bởi lẽ thơ và nhạc cũng cần tuân theo luật thơ và tiết tấu nhất định.

Do vậy, giáo dục của chúng ta buộc phải rèn luyện đồng thời cả hai năng lực của não. Mặc dù đối với một tính cách nào đó, tác dụng của hai năng lực này không cân bằng, thường lệch hẳn về một năng lực. Song, có thể khẳng định, chúng tồn tại cùng nhau và cùng phát huy tác dụng.

Nếu trong giáo dục, chúng ta chỉ khai thác trí tưởng tượng của trẻ thì sẽ dẫn tới sự mất cân bằng giữa hai năng lực này, ảnh hưởng tới sự phát triển cá tính của trẻ, gây cản trở cho cuộc sống hiện thực của chúng.

Trẻ từ 3 đến 6 tuổi đều có khuynh hướng tìm kiếm sự chuẩn xác, khuynh hướng này sẽ biểu đạt ra với nhiều phương thức. Khi thực, chỉ cần chúng ta bảo với trẻ làm chuẩn xác một sự việc, thì chỉ riêng tính chuẩn xác này cũng sẽ khiến trẻ hứng thú, thúc đẩy chúng phát triển. Việc học tập của trẻ ở trường chủ yếu là rèn luyện sự trật tự và chuẩn xác của hành vi.

Độ tuổi mà trẻ cảm thấy hứng thú nhất với vật thể là 3 - 4, những đồ vật mà chúng tôi chế tạo dành riêng cho trẻ có thể giúp chúng hiểu rõ về môi trường sống, bồi dưỡng tính chuẩn xác của não.

Phương thức giáo dục của chúng tôi khác với những trường bình thường. Ở những trường bình thường, môn toán thường là môn gây "đau khổ" cho rất nhiều trẻ, thậm chí có không ít trẻ gặp trở ngại về tâm lý. Song, thể nghiệm của chúng tôi phát hiện thấy, nếu não trẻ từng được rèn luyện "chuẩn xác" ở thời kì đầu thì sẽ không xuất hiện tình trạng trên.

Môi trường sống hàng ngày của trẻ ít có thứ liên quan tới toán học. Trong tự nhiên có cây, hoa, côn trùng, chính là những thứ không có liên quan trực tiếp tới tính chuẩn xác, như vậy khả năng thiên phú về toán học của trẻ sẽ không được phát huy, ảnh hưởng tới việc học tập sau này của trẻ. Do đó, những đồ vật nhỏ mà chúng tôi chế tạo có thể được coi là "trừu tượng của vật chất", hoặc nền tảng toán học. Đối với việc bồi dưỡng và giáo dục năng lực toán học của trẻ, tôi đã tiến hành thảo luận trên nhiều phương diện ở hai cuốn sách khác, đây là hai cuốn sách chuyên thảo luận về tâm lý học của trẻ.

Trong giai đoạn phát triển đầu tiên, trẻ thu được kinh nghiệm từ thế giới vật chất, đây là giai đoạn "đặt nền móng cho sự phát triển của tương lai". Sự phát triển của trẻ trong giai đoạn này giống như phôi thai, bởi lẽ quá trình phát triển của phôi thai quyết định ở gen. Các nhà khoa học phát hiện thấy, sự phát triển của các cơ quan trong cơ thể trẻ và sự phát triển hành vi con người tuân theo quy luật giống nhau, loại hình phát triển quyết định ở nền móng của thế giới vật chất.

Sự phát triển của năng lực ngôn ngữ khiến trẻ đặt một nền móng khác, đây là nền móng chuẩn xác, cố định không đổi, bởi lẽ nó được cấu thành từ ngôn ngữ và hệ thống ngữ pháp. Những thứ này được hình thành sau này, có liên quan tới cuộc sống quần thể đặc biệt. Quần thể xã

hội còn có rất nhiều quy phạm hành vi (như thói quen, truyền thống, đạo đức). Chúng đều sẽ trở thành một phần năng lực của trẻ. Thuyết tiến hóa cho rằng "truyền thống đã giản hóa cuộc sống con người", bởi lẽ truyền thống mang nghĩa hạn chế đối với một số bản năng tự nhiên nào đó của con người, trong khi phát hiện của chúng tôi lại hoàn toàn ngược lại. "Bản năng tự vệ" của con người không chỉ tìm kiếm trạng thái tốt nhất của sinh mệnh, mà còn bao gồm nhu cầu của văn hóa và đạo đức. Mặc dù truyền thống đã hạn chế sự phát triển của bản năng tự nhiên, gây trở ngại cho sinh mệnh, song con người vẫn mong muốn hi sinh bản năng bẩm sinh để thích ứng với truyền thống. Nói cách khác, con người buộc phải hi sinh một số thứ nào đó, nếu không sẽ không thể tồn tại trong môi trường đặc biệt này. Thời nguyên thủy, thói quen mang tính hạn chế này trở thành sự cấm kỵ nào đó, con người buộc phải tuân thủ chúng, thậm chí thường xuyên xảy ra những sự việc gây tổn thương cơ thể. Tìm kiếm cái đẹp của người xưa chính là một ví dụ, để có được cái đẹp, họ đã phải trả giá bằng nỗi đau. Tiện đây xin đưa ra vài ví dụ: Người châu Phi đeo đồ trang sức ở mũi, trong khi người châu Âu xuyên hoa tai.

Mấy năm trước, ở Ấn Độ xảy ra nạn đói, cướp đi sinh mạng của hàng nghìn người. Đáng ngạc nhiên là, khắp các thành phố và nông thôn Ấn Độ đâu đâu cũng thấy cừu và trâu bò đi lại, song người dân đang chết đói ở đây lại không muốn ăn những động vật này. Có thể thấy, truyền thống không ăn thịt động vật đã ăn sâu vào tâm tư của người Ấn Độ.

Đạo đức là quy phạm hành vi của cuộc sống nhân loại, nó hằn sâu vào tâm tư con người. Nói từ một ý nghĩa nào đó, chính do sự tuân thủ nghiêm khắc những quy phạm hành vi chung này mà nhân loại mới tồn tại, sinh sôi tới tận ngày nay.

Tới một độ tuổi nhất định, trẻ bắt đầu tiếp thu những thứ về mặt tinh thần này, song rốt cuộc chúng đã học được những gì?

Ở đây, tôi muốn so sánh việc học này với việc học ngôn ngữ. Chúng ta biết kiểu mẫu có tính chuẩn xác và tính ổn định. Nếu con người đã tiếp nhận một kiểu mẫu nào đó, kiểu mẫu này sẽ trở thành bộ phận cấu thành của anh ta, phát huy vai trò mang tính sáng tạo. Điều này cùng với "gen quyết định đặc tính, thần kinh trung ương quyết định kiểu mẫu hành vi" là một đạo lý.

Thời kì phát triển đầu tiên sau khi trẻ sinh ra là thời kì phát triển tâm lý, lúc này trẻ sơ sinh học được từ môi trường chung quanh một



kiểu mẫu đặc biệt. Điều trẻ tiếp thu đầu tiên khi ở giai đoạn phát triển tâm lý là kiểu mẫu tâm lý nào đó, mà không phải là kinh nghiệm tâm lý trực tiếp. Biểu hiện tập trung của những kiểu mẫu này chính là những hành vi lặp lại nhiều lần trong cuộc sống thường ngày. Khi trẻ vừa tiếp thu những kiểu mẫu này thì đã ổn định trong cá tính của chúng.

Sự phát triển tiếp theo của trẻ có thể không ổn định bằng giai đoạn đầu tiên, bởi lẽ đã xuất hiện rất nhiều nhân tố cá tính, song những phát triển này vẫn không tách khỏi nền móng nhất định. Giống như vậy, do môi trường biến đổi và ảnh hưởng của nhân tố văn hóa, việc học tiếng mẹ đẻ của trẻ cũng không ổn định, song sẽ không tách rời khỏi ngữ âm và quy tắc ngữ pháp đã tiếp nhận (bởi vì nó đã được xác định từ thời kì phôi thai).

Trật tự hóa và tính chuẩn xác trong não trẻ bộc lộ ra từ rất sớm, điều này không chỉ biểu hiện ở nhu cầu của trẻ đối với tính chuẩn xác của hành vi, mà còn biểu hiện ở nhu cầu của trẻ đối với trật tự và quy tắc. Trẻ có yêu cầu rất cao đối với trật tự, chúng rất miễn cảm với việc "liệu đồ vật có để đúng vị trí không, có hợp quy tắc không". Hiện tượng này cho thấy, khi nhận biết môi trường xung quanh thông qua hành vi của mình, trẻ đã lưu lại trong não mình những đồ vật có quy luật nhất định, nếu không sẽ không thể tập trung sự chú ý.

Với những nghiên cứu như vậy, chúng tôi phát hiện thấy, trẻ đã đưa ra hình thái cơ bản của tâm lý trẻ nhỏ. Tinh thần là một chỉnh thể phát triển hữu cơ, sự hình thành của nó dựa vào một kiểu mẫu tiềm ẩn định trước, nếu không, tâm lý chỉ có thể dựa vào khả năng tư duy và ý chí để phát triển. Điều này quả là hoang đường, bởi vì những năng lực này về sau mới có, hơn nữa hình thành trên nền móng "tiềm năng tâm lý phát huy tác dụng".

Giống như con người không thể sáng tạo nên bản thân nhờ vào suy nghĩ, loại hình tâm lý của con người cũng không thể sáng tạo nên nhờ vào ý thức. Tôi sử dụng từ "sáng tạo" ở đây là chỉ những thứ "vốn không tồn tại" đột nhiên xuất hiện, hơn nữa phát triển dựa theo quy luật nhất định, toàn bộ sự việc đều không chịu sự khống chế của ý thức. Đương nhiên, cái gọi là "đột nhiên" là nhắm vào tri giác của con người và bất cứ sự việc nào đều không thể "tự nhiên mà có", đều cần trải qua một quá trình khởi đầu và hình thành. Thực tế, mọi sinh vật đều hình thành từ sự phát triển của tế bào phôi thai.

Tương tự, quan niệm suy nghĩ của con người cũng có nền móng hình thành và phát triển của nó, hơn nữa là một nền móng có sức sáng tạo.

Từ giai đoạn phát triển đầu tiên thời trẻ sơ sinh, tiềm năng tinh thần của con người từng bước phát huy tác dụng thông qua nhận biết và thích ứng với môi trường, hình thành một nền móng suy nghĩ trong não. Sự phát triển tiếp tục của cá thể dựa trên nền móng này. Cuối cùng, cá thể trở thành một thành viên của quần thể. Quần thể là một thể tập hợp của tâm lý và văn hóa, có tính liên tục nhất định, kế thừa từ đời này sang đời khác, cuối cùng đã hình thành nên lịch sử văn minh nhân loại.

Nghiên cứu trên cho thấy, chỉ khi có năng lực sáng tạo tương ứng, cá thể mới sinh về sau mới phát triển năng lực có sẵn trong nhân cách. Những năng lực này dần dần phát triển giống với kiểu mẫu xã hội, toàn bộ quá trình phát triển luôn dựa vào sự thích ứng của con người đối với môi trường xung quanh. Đây chính là chức năng sinh vật của trẻ, sự phát triển của loài người cũng không tách khỏi điều kiện nhân cách này. Mỗi người đều cần trải qua quá trình mang tính sáng tạo như vậy, mà người lớn lại có thể gây ảnh hưởng đối với quá trình này. Bởi vậy, chúng ta nhất thiết cần cải cách quan điểm giáo dục của chính mình.

PHƯƠNG HƯỚNG MỚI

Hiện nay, nghiên cứu sinh vật học đang có những biến chuyển.

Trước đây, các nhà khoa học thường chọn đối tượng nghiên cứu sinh vật học (*dù là động vật hay thực vật*) là những cá thể thành niên để làm mẫu. Nghiên cứu đối với con người cũng giống như vậy, dù là nghiên cứu lý luận học hay nghiên cứu xã hội học, các nhà khoa học đều chọn người trưởng thành làm đối tượng nghiên cứu. Trong nghiên cứu đối với loài người, các học giả thường thảo luận về vấn đề tử vong, không ai cảm thấy kì lạ về điều này, đó là vì tất cả những người trưởng thành đều đang "*ngày một cận kề cái chết*". Còn những nghiên cứu lý luận đạo đức lại tập trung vào quan hệ lợi ích xã hội và pháp luật. Tình trạng này hiện nay đã có chuyển biến, thậm chí có thể nói chuyển sang hướng "*hoàn toàn ngược lại*". Ngày nay, trọng điểm nghiên cứu đối với mọi hình thái sinh mệnh (*bao gồm cả con người trong đó*) đều đặt vào cá thể ít tuổi, thậm chí ở giai đoạn sớm hơn. sự chuyển biến này xuất hiện đầu tiên trong nghiên cứu đối với phôi thai sinh vật và trong nghiên cứu đối với sinh mệnh tế bào.

Chính nhờ nghiên cứu đối với sinh mệnh hình thái cấp thấp, mà suy nghĩ triết học cũng có thay đổi - một môn triết học mới mẻ đang thịnh hành, dù nó vẫn bao phủ một tấm "màng che mặt" thần bí. Triết

học kiểu này không còn hạn chế ở tư duy lý tính, không còn là những kết luận trừu tượng do các nhà tư tưởng đúc kết ra, mà đã có tính khoa học hơn.

Phôi thai học đưa nghiên cứu đối với cá thể trưởng thành trở về nơi bắt đầu của sinh mệnh. Con người phát hiện ra rằng, giai đoạn đầu tiên của sinh mệnh có sự khác biệt lớn đối với giai đoạn thành niên. Nghiên cứu này đã cho thấy sự thiếu hiểu biết đối với sinh mệnh của các nhà tư tưởng trước đây, cũng đã mang lại "ánh bình minh" cho việc nghiên cứu tính cách của trẻ.

Sự khác biệt giữa cơ thể trẻ nhỏ và cơ thể thành niên có thể được biểu đạt bằng câu: Cơ thể thành niên đang "ngày một cận kề cái chết", cơ thể trẻ nhỏ lại đang hướng tới đỉnh cao của sự sống. Điều trẻ cần làm là khiến bản thân trở thành một người hoàn thiện, khi vừa hoàn thành quá trình này, trở thành người lớn, cũng chính là lúc không còn là đứa trẻ thuở nào nữa. Mọi sinh mệnh thời kì trẻ nhỏ đều phát triển theo hướng hoàn thiện.

Xuất phát từ những lý do trên, chúng ta có thể thấy, bọn trẻ đều rất vui vẻ làm những việc "khiến chúng hoàn thiện", mà quá trình này của sinh mệnh tràn đầy niềm vui. Ngược lại, cuộc sống của người trưởng thành lại đầy áp lực và mệt mỏi.

Đối với trẻ, cuộc sống chính là sự kéo dài bản thân, chúng sống tự do tự tại, hơn nữa dần dần trở nên thông minh, cơ thể cũng ngày một cường tráng, sức mạnh và trí tuệ này xuất phát từ công việc và vui chơi. Đương nhiên, số tuổi lớn dần cũng kéo theo sự bất lợi của nó, trẻ không còn được hoàn thiện bản thân giống như thời kì trẻ nhỏ, cũng không còn được người lớn giúp đỡ như trước đây.

Kết quả của sự trưởng thành ở trẻ nhỏ liên quan mật thiết với người lớn, hơn nữa điều kiện trưởng thành ở trẻ nhỏ cũng không tách khỏi người lớn. Trước khi trẻ sinh ra, phải sống 9 tháng 10 ngày trong tử cung mẹ, trước đó còn cần sự kết hợp của hai tế bào bố và mẹ. Có thể nói, thời kì trẻ nhỏ của sinh mệnh nối liền sự trưởng thành của hai đời người, khởi đầu là sự trưởng thành của đời này, kết thúc là sự trưởng thành của đời khác; Một thời điểm là người được sáng tạo, thời điểm khác là người sáng tạo. Đây chính là con đường trẻ cần đi qua.

Quy luật tự nhiên của sinh mệnh yêu cầu người lớn quan tâm tới con em mình, trẻ sinh ra trong sự yêu thương, cũng không tách rời khỏi sự yêu thương. Yêu thương là cội nguồn của chúng. Trẻ vừa sinh ra đã

nhận được sự quan tâm chăm sóc của bố mẹ, bố mẹ là đường phòng tuyến đầu tiên của trẻ. Tình yêu của bố mẹ đối với trẻ là vô tư, vĩ đại, đây là một kiểu bản năng của sinh mệnh. Chính tình yêu "sinh ra đã có" này, khiến mọi ông bố bà mẹ toàn tâm toàn ý phục vụ trẻ, hi sinh cả tính mệnh để bảo vệ trẻ. Khi bố mẹ cố gắng như vậy, họ lại không hề có cảm giác hi sinh, ngược lại, còn thể nghiệm thấy một niềm vui bản năng. Khi được toàn tâm toàn ý phục vụ trẻ, bố mẹ sẽ cảm thấy vui sướng, đây là thiên tính của sinh mệnh, mọi sinh vật đều như vậy.

Tình cảm tốt đẹp mà trẻ có thể khơi dậy không thể tìm thấy trong quan hệ xã hội. Một thương nhân tuyệt đối sẽ không nói với bạn hàng: "Tôi từ bỏ lợi ích này, nhường anh đấy". Tuy nhiên, khi trong nhà thiếu ăn, anh ta sẽ không hề do dự nhường con mẩu bánh mì duy nhất.

Có thể nói, người lớn có hai cách đối nhân xử thế hoàn toàn khác nhau, một là thái độ của bậc làm cha mẹ, một là thái độ của một thành viên xã hội. Thái độ của bậc làm cha mẹ là thái độ nhân sinh, biểu hiện mặt tốt đẹp của con người.

Tình trạng này cũng xảy ra với động vật. Trong thế giới động vật, dù là mãnh thú hung tợn nhất cũng đối xử vô cùng thân thiện với con mình, chẳng hạn như sư tử hay hổ. Chúng thường bộc lộ tình cảm yêu thương triu mến của mình đối với con, hơn cả sự tưởng tượng của con người. Ngược lại, những động vật hiền lành như hươu, nai, khi con chúng bị uy hiếp, lại tỏ rõ sự dũng mãnh khác thường. Thiên tính bảo vệ con này tồn tại phổ biến, động vật cũng giống như người, cũng có bản năng đặc thù của kẻ làm bố mẹ.

Động vật đều có bản năng tự bảo vệ, nhưng khi con chúng bị uy hiếp, sẽ bất chấp mạng sống xông lên chiến đấu. Loài chim cũng như vậy, đối mặt với nguy hiểm, chúng sẽ có bản năng bay đi, song nếu chúng đang ấp trứng thì sẽ không dễ dàng bỏ tổ bay đi, mà sẽ nằm im trong tổ, dang rộng đôi cánh che chở cho những quả trứng. Một số con chim lại lao xuống bãi cỏ, nhằm dụ chó săn ra xa khỏi tổ chim, dù cho làm vậy rất có thể chúng sẽ mất mạng.

Các nhà khoa học qua nghiên cứu phát hiện, động vật có hai bản năng giống như người, một là tự bảo vệ mình, một là bảo vệ con. J. H. Fabre là nhà sinh vật học vĩ đại nhất thế giới, trong "Kí côn trùng" nổi tiếng của mình, ông đã tổng kết rằng: Dù là sinh vật gì đều nên cảm ơn tình yêu thương vĩ đại của người mẹ, nếu không có sự bảo vệ của mẹ, thì mọi sinh mệnh non nớt đều không thể sống được, bởi lẽ chúng vẫn chưa có kĩ năng cần thiết để sinh tồn. Hổ con khi sinh ra chưa mọc răng,



không thể ăn được, chim con vừa chui ra khỏi trứng chưa có lông vũ, không thể bay, nếu sự sống chỉ dựa vào sự cường tráng của bản thân thì nòi giống sẽ sớm bị tuyệt chủng. Bởi vậy, bố mẹ bảo vệ con cái là điều kiện không thể thiếu cho việc duy trì nòi giống.

Trong nghiên cứu đối với tự nhiên, thần kì nhất chính là nghiên cứu đối với trí tuệ sinh tồn. Tự nhiên quả là kì diệu, bất cứ sinh mệnh nào đều có trí tuệ sinh tồn của riêng mình, dù là động vật hiền lành nhất, kiểu trí tuệ sinh tồn này cũng khó mà quan sát thấy.

Mọi người đều biết, dù sinh vật cấp thấp nhất cũng được trời phú cho bản năng tự vệ, tuy nhiên các nhà khoa học tự nhiên phát hiện, trí tuệ sinh tồn của sinh vật tập trung vào việc bảo vệ con mình. Trí tuệ sinh tồn dùng tương đối ít trong hành vi tự bảo vệ mình, song lại thể hiện rõ trong việc bảo vệ con.

Fabre từng tỉ mỉ quan sát hành vi bảo vệ con của côn trùng, chương 16 trong "Kí côn trùng" đã miêu tả tường tận vấn đề này.

Nghiên cứu của các nhà khoa học đối với mọi loại hình sinh mệnh đã cho thấy rõ, thế giới sinh vật tồn tại hai loại bản năng và hai phương thức sống khác nhau. Nếu con người là kết quả của tiến hóa động vật thì nên thừa nhận tầm quan trọng của hai loại bản năng. Nếu phát hiện này được ứng dụng lên cơ thể con người thì cần tiến hành nghiên cứu trẻ nhỏ, bởi lẽ người lớn không thể cởi bỏ những ảnh hưởng của thời kì trẻ nhỏ. Có thể nói thế này, nghiên cứu của loài người về bản thân nên bắt đầu từ trẻ nhỏ.



CHƯƠNG 8

TÔN TRỌNG SINH MỆNH



NHẬN BIẾT TRẺ NHƯ THẾ NÀO?

Hiện thực quan trọng nhất ngay trước mắt chúng ta là: Trẻ có một cuộc sống tâm lý tinh tế, nhưng chúng ta vẫn chưa chú ý tới cuộc sống tâm lý này, bởi vậy sự phát triển của nó bị người lớn dễ dàng phá hoại một cách vô ý thức.

Môi trường của người lớn không hề thích hợp với trẻ, bị trẻ xem là trở ngại rất lớn. Những trở ngại này được tạo nên xuất phát từ những đề phòng đối với trẻ, nó khiến tính cách của trẻ trở nên kì quái, dễ thuận theo sự sắp xếp của người lớn. Tâm lý học trẻ nhỏ là nội dung cơ bản của giáo dục trẻ nhỏ, song từ trước tới nay chúng vẫn được tiến hành nghiên cứu từ góc độ của người lớn mà không phải từ đặc tính của trẻ nhỏ. Do vậy, xem xét tỉ mỉ lại lần nữa kết quả mà chúng mang lại là vô cùng quan trọng. Chúng ta thường thấy, mỗi phản ứng khác thường của trẻ đều có thể xem là một vấn đề "cần giải quyết" để nghiên cứu; Mỗi cơn "thịnh nộ" của trẻ đều là biểu hiện bên ngoài của những xung đột trong lòng, nói đơn giản là giải thích không thông qua cơ chế đề phòng đối với môi trường không phù hợp, chúng ta nên rút ra kết luận về phẩm chất cao hơn nữa mà trẻ thể hiện. Cấu giận giống như một cơn mưa bão, khi tâm hồn của trẻ gặp trở ngại, bí mật của trẻ được phơi bày, cơn thịnh nộ sẽ xuất hiện.

Tâm hồn thực sự của trẻ hiển nhiên bị che đậy bởi những giả tạo này. Trẻ không thể tỏ rõ cá tính thực sự của mình, nỗ lực tự mình thực hiện bị che đậy bởi những biểu hiện khác thường như nổi cáu và phản kháng. Cá tính của trẻ là do rất nhiều đặc tính cấu thành. Cá tính ẩn giấu đằng sau biểu hiện bên ngoài của những mâu thuẫn này nên là một phôi thai tinh thần cá thể phát triển từ kiểu mẫu phát triển tâm lý tinh tế. Một đứa trẻ chưa được biết tới, một con người tràn đầy sức lực, bị ẩn giấu đằng sau những hiện tượng bên ngoài rõ ràng cần được tự do. Nhiệm vụ cấp bách nhất mà giáo dục phải đối mặt chính là phải hiểu rõ về trẻ, giải phóng trẻ khỏi mọi trở ngại. Tự do có nghĩa là được tự mình phát hiện những thứ mình chưa biết. Tự do cũng có nghĩa là một người biết rằng mình có thể làm được gì thì hãy mạnh dạn làm.

Bí mật của người lớn là một thứ gì đó ẩn trong tiềm thức của việc tự mình ràng buộc, mà bí mật của trẻ hầu như bộc lộ rõ trong môi trường của trẻ. Giúp một người lớn chính là giúp họ thoát khỏi sự rối loạn tâm lý hình thành trong thời gian dài, còn giúp một đứa trẻ chính là cần cung cấp cho nó một môi trường tự do phát triển. Chúng ta nên hoàn

toàn mở rộng cánh cửa lớn cho sự sáng tạo và phát triển của trẻ. Trẻ đang sáng tạo bản thân, đang ở vào quá trình "từ không tồn tại tới tồn tại, từ tính tiềm ẩn tới tính thực tế". Năng lực của trẻ ngày một mạnh mẽ, không cần phải nhọc công thể hiện mình. Trong một môi trường tự do, tâm hồn của trẻ sẽ tự động "vạch trần" bí mật. Nếu coi nguyên tắc này, mọi hình thức giáo dục sẽ rơi vào trong sự hỗn loạn vô cùng.

Phát hiện và giải phóng trẻ là nhiệm vụ hàng đầu của giáo dục trẻ nhỏ theo kiểu mới, tiếp đến là thay đổi cách sống của trẻ, rồi cung cấp sự giúp đỡ cần thiết cho trẻ. Điều này có nghĩa là, trong quá trình phát triển của trẻ, cần tạo ra môi trường phù hợp với sự phát triển của chúng, giảm bớt tối đa vật cản trở, tạo điều kiện giúp trẻ thực hiện các hoạt động tự do phát triển có lợi cho năng lực của chúng. Người lớn cũng ở trong môi trường của trẻ, hơn nữa nên chủ động thích ứng với nhu cầu của trẻ. Người lớn không nên trở thành vật cản đối với các hoạt động độc lập của trẻ, cũng chẳng cần phải "nhúng tay vào" những hoạt động cần thiết giúp cho trẻ phát triển.

NHÂN CÁCH MANG TÍNH THAY ĐỔI

Về phương thức hành động, người lớn không chỉ tìm cách thay đổi hành động của trẻ thông qua hành động của mình, mà còn áp đặt ý chí của mình lên trẻ một cách tinh vi. Tình trạng này đồng nghĩa với người lớn thay trẻ hành động, mà không phải là trẻ đang hành động.

Charlotte có một bệnh viện tâm thần nổi tiếng, nghiên cứu thực nghiệm của ông từng gây chấn động lớn, đó là thông qua thôi miên để làm thay đổi nhân cách của người bệnh tâm thần. Thí nghiệm của ông đã làm thay đổi quan niệm trước đây cho rằng con người làm chủ hành vi của mình. Thí nghiệm của Charlotte đã chứng minh, một số gợi ý nào đó có thể khiến người được thí nghiệm tiếp nhận nhân cách của người thôi miên và đánh mất nhân cách của mình. Những thí nghiệm với số lượng nhỏ được tiến hành trong bệnh viện đã mở ra một lĩnh vực nghiên cứu mới mẻ, tức là phát hiện ra nhân cách "kép" từ hiện tượng này.

Thời kì trẻ nhỏ, trẻ ở vào trạng thái "tính sáng tạo rất dễ bị ảnh hưởng", bởi lẽ khi trẻ bắt đầu ý thức được bản thân thì cũng là lúc ở vào giai đoạn hình thành cá tính. Ở thời kì này, nhân cách của người lớn có thể từ từ "thấm vào" trẻ, người lớn kích thích ý chí của trẻ bằng ý chí của mình, từ đó khiến trẻ thay đổi cá tính.

Chúng tôi phát hiện thấy, nếu trường học chúng tôi dùng những động tác quá nhiệt tình, khuếch trương để làm mẫu cho trẻ làm một số việc nào đó thì chính là đã áp chế năng lực phán đoán và hành động dựa theo nhân cách của trẻ. Sau khi trẻ tự mình phân ly sẽ có một "cái tôi" khác tối thay thế, "cái tôi" mới này mãnh liệt hơn, song nó lại không phải là của trẻ. Nhân cách chưa "chín muồi" của trẻ bị cái tôi "ngoại lai" này tới cướp đoạt. Người lớn làm như vậy là vô ý, họ không hề hi vọng hoặc chưa ý thức được rằng cần chi phối trẻ bằng những ám chỉ được gọi là thôi miên (thậm chí không hề biết đến sự tồn tại của ảnh hưởng này).

Và đây lại là một câu chuyện khác: Một phụ nữ trẻ tuổi nhận được một bưu phẩm đựng quà tặng. Sau khi mở hộp, cô ta lập tức đưa cho con gái mình chiếc khăn tay đựng trong chiếc hộp và đưa cho cô bé một cái còi và đặt vào miệng thổi "toe toe". Cô bé thích quá reo lên: "Nhạc hay quá!". Một thời gian sau, hễ cứ cầm chiếc khăn tay là cô bé này lại nói một cách hưng phấn: "Nhạc hay quá!".

Khi kích thích phản ứng của trẻ, "lệnh cấm" không có tác dụng gì, dù lệnh cấm của người lớn đặc biệt dễ bó buộc hành vi của trẻ. Hiện tượng này thường xảy ra ở những người có giáo dục, có thể tự bó buộc mình và ở những bảo mẫu nho nhã. Có một câu chuyện vô cùng thú vị, một bé gái khoảng 4 tuổi đang ngồi chơi cùng bà ngoại. Để xem nước phun, cô bé muốn mở vòi phun nước nhân tạo trong vườn hoa, nhưng khi cô định làm theo ý mình thì đột nhiên thu tay về. Bà ngoại khích lệ cô bé, cô bé lại nói: "Cháu không mở đâu, vì bảo mẫu không cho phép cháu mở vòi nước". Bà ngoại nói với cô bé rằng bà cho phép cháu làm như vậy, đây là nhà của chúng ta mà. Cô bé cười rất tươi, cho thấy cô mong muốn được nhìn thấy nước phun thế nào, cô thò tay ra song lại rút lại. Lời nói của bà ngoại đứng ngay cạnh cô bé lúc này xem ra ít có hiệu lực hơn so với "lệnh cấm" của cô bảo mẫu không có mặt tại đó.

Một tình huống tương tự như vậy xảy ra với một số trẻ lớn hơn. Một cậu bé khoảng 7 tuổi đang ngồi nhìn những thứ vô cùng thú vị ở tít xa và chuẩn bị chạy lại phía chúng, song cậu dừng ngay ý định đó lại, tiếp tục ngoan ngoãn ngồi im. Dường như cậu rất đau khổ, bởi vì cậu không thể khắc phục được những giao động của ý chí. Ai đã cản trở hành vi tự do của cậu? Điều này đã biến mất khỏi kí ức của đứa trẻ, không ai biết được.

Trẻ rất mẫn cảm với những ám chỉ, đây là một kiểu mở rộng hết mức của tính mẫn cảm bên trong, có lợi cho sự phát triển tâm lý của trẻ. Đặc điểm này của tính mẫn cảm bên trong có thể gọi là "tính ý lại của

hoàn cảnh". Trước hết, trẻ mong muốn được quan sát sự vật và dễ dàng bị chúng thu hút, song trẻ dễ chú ý hơn tới hành vi của người lớn và bắt chước mô phỏng những hành vi đó. Người lớn có một kiểu cảm giác sứ mệnh trên phương diện này: Khích lệ trẻ mạnh dạn hành động, giống như một cuốn sách mở ra, thông qua cuốn sách này có thể dẫn dắt hành động của trẻ, dạy trẻ biết cách hành động thế nào cho chuẩn xác. Tuy nhiên, người lớn nhất thiết phải hành động từ tốn, nhẹ nhàng từ đầu tới cuối, khiến đứa trẻ đang chú ý quan sát có thể thấy rõ từng động tác của anh ta. Ngược lại, nếu người lớn thao tác với tốc độ nhanh mà anh ta đã quen thuộc, thì chính là áp đặt nhân cách của chính anh ta lên trẻ. Anh ta đã thay thế trẻ bằng những ám chỉ, mà không phải là khích lệ và hướng dẫn trẻ.

Nếu một số đối tượng trực quan có sức hấp dẫn đối với cảm quan thì có thể sinh ra một kiểu sức mạnh ám thị trẻ, giống như cục nam châm hút rất nhiều vật bằng sắt. Thực nghiệm về tâm lý học thú vị của giáo sư Levin đã được quay thành phim, đã nói rõ vấn đề này. Trước cùng một vật thể, một số đứa trẻ có khiếm khuyết về tâm hồn và cơ thể có phản ứng khác với những đứa trẻ bình thường. Đây là mục đích thí nghiệm của ông. Hai nhóm trẻ này có số tuổi và hoàn cảnh giống nhau.

Cảnh quay đầu tiên của thước phim này xuất hiện một chiếc bàn dài bày rất nhiều vật thể khác nhau (*bao gồm một số giáo cụ trực quan mà chúng tôi thiết kế*). Một nhóm trẻ bước vào phòng, những vật thể nhanh chóng hấp dẫn chúng. Chúng nở nụ cười tràn đầy sức sống, chúng cảm thấy hứng thú khi được chơi với quá nhiều vật thể khác nhau. Bọn trẻ mỗi đứa bắt tay vào một việc, cầm một đồ vật lên chơi, sau đó đặt nó sang bên cạnh, lại cầm vật khác lên, chúng liên tục lặp đi lặp lại các thao tác của mình.

Một cảnh quay khác xuất hiện ở giữa bộ phim. Nhóm thứ 2 từ từ tiến vào phòng, chúng liên tục nhìn xung quanh. Song chúng chỉ đứng quây quanh chiếc bàn, thỉnh thoảng mới cầm những đồ vật này lên chơi.

Thử đoán xem nhóm nào là nhóm trẻ khiếm khuyết về tâm hồn và cơ thể, còn nhóm nào là nhóm trẻ bình thường? Câu trả lời thật bất ngờ, nhóm khiếm khuyết lại là nhóm tràn đầy sức lực chạy từ chỗ này sang chỗ khác để chơi với hết đồ vật này đến đồ vật khác. Đúng vậy, xem bộ phim này dường như mọi người đều cho rằng những đứa trẻ này là những đứa trẻ thông minh, mọi người đã quen cho rằng những đứa trẻ vui tươi hoạt bát là những đứa trẻ thông minh.



Vậy mà, những đứa trẻ bình thường lại hoàn toàn ngược lại, chúng đứng im rất lâu, nắm vật thể một cách suy tư. Chúng chứng minh bằng phương thức gây kinh ngạc, tiêu chí của trẻ bình thường là hành động có sai bảo và sắp xếp theo sự suy nghĩ chu đáo.

Kết quả thí nghiệm của giáo sư Levin đương nhiên trái ngược với quan niệm lưu hành thông thường, hành động của trẻ thông minh trong môi trường bình thường sẽ giống như bọn trẻ khiếm khuyết trong phim. Chúng ta có thể phát hiện thấy, mặc dù trẻ bình thường chậm chạp và suy tư, song cũng vô cùng hiếu kì, tuy nhiên hành động của trẻ bị khống chế và chỉ đạo bởi lý tính và ý thức bản thân. Trẻ như vậy bị một số vật thể bên ngoài kích động, có thể tự do sử dụng vật thể bên ngoài. Hoạt động có giá trị là hoạt động tự mình kiểm soát và khống chế. Do vậy, quan trọng là, bọn trẻ không chỉ chạy nhảy khắp mọi nơi để cảm nhận mọi thứ theo một phương thức nào đó, mà còn cần nắm vững và vận dụng cơ quan vận động của mình. Trẻ có năng lực tự mình dẫn dắt vận động, mà không chỉ bị chi phối bởi vật thể bên ngoài. Chúng ta cần dẫn dắt trẻ tập trung sự chú ý vào một vật thể.

Hành động theo phương thức suy nghĩ kĩ càng thực tế là điều bình thường đối với một người. Nó có thể được khái quát thành một kiểu trật tự mà chúng ta gọi là "trật tự bên trong". Trật tự bên trong biểu hiện thành một kiểu hành động bên ngoài có quy củ. Khi một người thiếu trật tự bên trong kiểu này thì sẽ mất đi năng lực kiểm soát hành động của bản thân, sẽ bị chi phối bởi ý chí của người khác và trở thành vật hi sinh của ảnh hưởng môi trường bên ngoài (sẽ giống con thuyền không phương hướng). Một người rất khó có hành động quy củ nếu dựa theo ý chí của người khác, bởi lẽ ảnh hưởng bên ngoài không phải là nhân tố mang tính quyết định của hành động này. Có thể nói, khi xảy ra tình trạng này nhân cách con người bị phân tách. Trẻ nên có bản tính của mình, nếu tình trạng này xảy ra ở trẻ thì trẻ sẽ mất đi cơ hội phát triển. Có thể ví dụ về trẻ kiểu này như sau, trẻ được khí cầu từ từ thả xuống sa mạc, đột nhiên khí cầu bị gió thổi đi, một mình trẻ ở lại sa mạc không người giúp đỡ, phát hiện thấy quanh mình không có vật gì có thể thay thế được khí cầu đã mất. Khi trẻ ở vào tình cảnh này sẽ dẫn tới sự cãi lộn giữa trẻ với người lớn do tâm lý trẻ chưa phát triển toàn diện, cách thức thể hiện chưa có trật tự. Chúng ta nói, chính do môi trường người lớn đã tạo nên vật hi sinh này.



ĐIỀU KIỆN PHÁT TRIỂN BÌNH THƯỜNG

Trong cuộc sống thường có rất nhiều thiên kiến và sai lầm. Ví dụ, không ít người nhìn thấy trẻ có những biểu hiện khiếm khuyết về cá tính, song lại không cho rằng đó là việc xấu, ngược lại còn đánh giá cao những khiếm khuyết này. Họ cho rằng những đứa trẻ bị động một cách tiêu cực, thiếu sức sống là những đứa trẻ ngoan; Những đứa trẻ quậy phá, suy nghĩ lung tung là những đứa trẻ có năng khiếu hơn người và có tiền đồ rộng lớn.

Quan niệm xã hội thường phân loại trẻ như sau:

1. Những đứa trẻ không bình thường cần được dạy dỗ để thay đổi chúng.
2. Những đứa trẻ tuân thủ quy tắc mới là trẻ ngoan, chúng là tấm gương cho những đứa trẻ khác noi theo.
3. Những đứa trẻ có cá tính khác thường không giống với mọi người, mạnh mẽ hơn những đứa trẻ bình thường.

Hai quan niệm sau vô cùng phổ biến, trẻ thuộc hai loại này thường được bố mẹ khen ngợi. Ngoài bố mẹ ra thì chẳng có ai thích chúng, đặc biệt là trẻ ở loại sau cùng.

Tôi đã từng nhiều lần lên án thiên kiến kiểu này và yêu cầu mọi người chú ý: Nhận thức sai lầm này đã kéo dài vài trăm năm. Tuy nhiên, ở trường học đầu tiên của tôi và các trường học tiếp đó, khi trẻ bị hấp dẫn bởi một công việc nào đó, những đặc trưng tính cách đầu tiên này của chúng sẽ biến mất. Nói cách khác, những cá tính khác với mọi người của chúng đều sẽ không còn (dù những cá tính này được cho là tốt hay xấu). Hiện tượng này đã chứng tỏ một điều: chúng ta có thiên kiến mang tính thói quen đối với sự phát triển tính cách của trẻ. Như trên vừa nói, tình trạng này đã có từ lâu, bất giác khiến tôi nhớ tới một câu cách ngôn của tôn giáo: "*Chân lí chỉ nằm trong tay thượng đế, những thứ chúng ta nhìn thấy đều là hư ảo*". Thông qua thực tiễn giáo dục, chúng ta phát hiện thấy trẻ rất muốn tự mình làm. Trước đây, mọi người hoàn toàn coi nhẹ điểm này, họ không chú ý tới trẻ sẽ giống với mình, sẽ lựa chọn làm một số việc, họ cho rằng trẻ làm vậy chỉ là chơi đùa. Kì thực, dưới sự chi phối của tâm lý, trẻ thường bận rộn với công việc, vì trẻ có thể tìm thấy niềm vui từ trong đó.

Người lớn vẫn coi nhẹ một điểm quan trọng, những đứa trẻ "tay chân liên tục bận rộn" này vô hình trung đã hình thành tính kỷ luật

nhất định. Bồi dưỡng thế nào tính kỷ luật của trẻ mà không làm tổn hại tới sức sáng tạo của chúng, đây vẫn là một vấn đề khó giải quyết. Thực tế, trẻ đã cho chúng ta đáp án: Chỉ cần chúng ta cho trẻ tự do, chúng sẽ bồi dưỡng được tính kỷ luật cần thiết. Những đứa trẻ được tự do lựa chọn đều sẽ tập trung sức lực làm những việc mình thích, và tính kỷ luật sẽ được hình thành ngay trong quá trình này. Nghiên cứu về giáo dục trẻ 40 năm qua của các nước phương Tây đã chứng minh điểm này. Sự thực cho thấy, chỉ cần trẻ sống trong một môi trường có thể tiến hành hoạt động có quy củ thì sẽ hình thành tính kỷ luật nhất định. Nói thực, tôi tin rằng tình trạng này xảy ra với bất cứ nơi nào trên thế giới. Trước đây, chúng ta đã coi nhẹ vấn đề này, là vì chịu ảnh hưởng của thói quen, thiếu sự quan tâm cần có đối với sự phát triển nhân cách của trẻ.

Ngoài ra, những biến đổi này ở trẻ không xuất hiện dần dần mà hình thành rất tự nhiên. Đối với một đứa trẻ nào đó (ở đây không tồn tại ý thức quần thể nào hết), chỉ là trẻ làm việc của mình một cách chuyên chú. Đương nhiên, tình trạng nêu trên lại không có nghĩa là chúng ta có thể ép buộc những đứa trẻ lười biếng động tay làm việc, mà chỉ cần tạo cho chúng một môi trường tương ứng, để chúng có thể làm việc theo nhu cầu tâm lý của mình. Khi chúng đã chuyên tâm làm việc thì khiếm khuyết về tính cách sẽ dần dần biến mất, những điều này sẽ không thể làm được nếu chúng ta chỉ dùng biện pháp thuyết giáo. Lúc này, trẻ sẽ có thay đổi lớn, hơn nữa các hoạt động ở thế giới bên ngoài hấp dẫn chúng, khiến chúng tập trung toàn bộ sức lực vào những hoạt động này, lặp đi lặp lại một công việc nào đó mà không cảm thấy mệt mỏi.

Dù nhìn từ phương diện nào, con người đều là một chỉnh thể. Chỉnh thể này dần dần hình thành và hoàn thiện dưới vai trò của quy luật tự nhiên, đòi hỏi tích cực tích lũy kinh nghiệm bên ngoài từ cuộc sống. Mọi cơ quan trong cơ thể trẻ mới sinh tới 3 tuổi đều phát triển độc lập, tới giai đoạn phát triển tiếp theo, chính là thời kì từ 3 đến 6 tuổi, đôi tay trẻ mới tiếp nhận mệnh lệnh của não để bắt đầu làm việc. Cũng chính trong thời kì này, mọi cơ quan sẽ hợp thành một chỉnh thể, cùng phát huy tác dụng và hoàn thành nhu cầu công việc của cá thể.

Trong quá trình phát triển, một nhân tố bên ngoài nào đó ảnh hưởng tới sự hình thành trạng thái hòa hợp này thì sức mạnh bị cản trở sẽ phát triển độc lập bên trong cơ thể, phá hoại sự phát triển cân bằng của các cơ quan, dẫn tới tính cách thiếu hụt và chức năng bị cản trở. Nếu như vậy thì tay không thể vận động có mục đích, hoạt động của não cũng sẽ gặp vấn đề, không thể phù hợp với cuộc sống thực tế. Ngôn ngữ

đã mất đi ý nghĩa thực tế, trở thành một kiểu hoạt động giải trí và từ đó cơ thể cũng sẽ trở nên lười vận động. Do các cơ quan phát triển độc lập, tất cả những hậu quả không tốt này đều không thể hình thành nên một chỉnh thể, không thể thực hiện chức năng bình thường của cơ thể, dẫn tới nhân cách phát triển khác thường, trở thành nguồn gốc của sự tuyệt vọng.

Muốn giải quyết những vấn đề này, chỉ có cách phối hợp nhịp nhàng mọi chức năng, để cùng phục vụ một chỉnh thể. Giống như ở trường chúng tôi trẻ chỉ cần có một môi trường thích hợp hấp dẫn chúng, kích thích hoạt động mang tính sáng tạo của chúng, khiến chúng chuyên tâm vào một công việc nào đó, mọi năng lực sẽ được kết hợp, khiếm khuyết về tính cách sẽ được chỉnh sửa. Tuy vậy, cần nói rõ rằng, đây không phải là kết quả của giáo dục, mà là kết quả của sự phát triển cá tính ở trẻ. Bởi lẽ, chúng ta chỉ muốn cá tính trẻ phát triển bình thường. Những khiếm khuyết này biến mất đều do bản thân trẻ vì có liên quan tới giáo dục. Trẻ tự mình điều chỉnh nhân cách, từ đó phát triển bình thường.

Hiện tượng tự điều chỉnh cá tính này có ở mọi trường học của chúng tôi cho dù những đứa trẻ này thuộc thành phần nào của xã hội, dân tộc gì hay thuộc về văn minh gì. Đây chính là kết luận quan trọng nhất trong nghiên cứu của chúng tôi.

Đặc trưng bình thường và khác thường ở trẻ

- | | |
|-----------------------|-----------------------|
| 1. Hòa nhập xã hội | 6. Thích gì làm nấy |
| 2. Sống hòa hợp | 7. Mất trật tự |
| 3. Kỷ luật | 8. Nhút nhát |
| 4. Làm việc | 9. Lười biếng |
| 5. Tập trung tinh lực | 10. Chống đối xã hội. |

Sự chuyển biến này đòi hỏi trẻ tập trung chú ý vào một sự việc nào đó, hơn nữa cần tự mình hoàn thành. Khi thực, phân tích tâm lý học sớm đã dùng biện pháp này để chữa trị cho người lớn, và đã có một thuật ngữ chuyên dụng nói về hiện tượng tâm lý này, đó là "*bình thường hóa*".

Nhiều năm qua, với vô số các thí nghiệm, cuối cùng phát hiện về phương diện này cũng được chấp nhận. Lý luận này đã được ứng dụng trong cuốn sách có tên là: "*Chỉ nam khám bệnh trẻ nhỏ*". Đây là một cuốn sách nghiên cứu về biện pháp trị liệu cho "trẻ có vấn đề", với yêu

cầu mọi người tạo cho trẻ một môi trường có thể tự do hoạt động, hãy để trẻ được tùy ý lựa chọn công việc theo sở thích của mình, sự lựa chọn của chúng là tự do, không chịu sự kiểm soát của giáo viên hay bất cứ người nào khác.

Biện pháp trị liệu này được coi là "liệu pháp giải trí". Nó có thể giúp trẻ tự do lựa chọn trong các trò chơi mô phỏng, phạm vi lựa chọn này cần rộng hơn phạm vi lựa chọn trong gia đình.

Hiện nay, trị liệu gia đình đối với "trẻ có vấn đề" đã rất phổ biến, điều này có lợi cho sự phát triển lý luận vừa nêu và một số lý luận khác. Những biện pháp này cũng có thể thúc đẩy sự phát triển tính cách bình thường của trẻ (chỉ cần đứa trẻ này sống trong một quần thể, và cùng chơi đùa với những đứa trẻ khác).

Đương nhiên, biện pháp này vẫn chưa đủ, bởi lẽ đây chỉ là một biện pháp trị liệu. Chúng ta cần tiến hành nghiên cứu sâu hơn đối với vấn đề "công việc (có ý thức làm việc) và tự do có thể trị liệu khiếm khuyết trong quá trình phát triển", bởi hai yếu tố công việc và tự do chỉ là điều kiện cần cho sự phát triển của trẻ, chứ không bao giờ là điều kiện đủ.

Thực tế, khiếm khuyết về tính cách của trẻ sẽ lặp đi lặp lại. Do môi trường sống thiếu động lực và cơ hội phát triển bình thường, rất nhiều "trẻ có vấn đề" sau khi chữa trị khỏi bệnh về nhà không lâu lại xuất hiện đặc trưng thiếu hụt về tính cách.

Ngoài ra, dù rất nhiều trường học đồng tình với quan niệm của chúng tôi, nỗ lực tạo ra không khí tự do, song sự lý giải của họ về "tự do" lại hoàn toàn khác với quan niệm của chúng tôi.

Ví dụ, lý giải của họ về "tự do" vô cùng lạc hậu. Theo những người này, "tự do" chính là thoát khỏi bó buộc, không chịu sự kiểm soát của quyền uy. Đây không phải là quan niệm đúng về tự do, mà chỉ là phản kháng đối với áp bức. Nếu trường học đưa ra thi hành, trẻ sẽ chỉ có phản ứng thế này: Trút bỏ tâm tư mà không hề có sự kiềm chế. Bởi lẽ trước đó trẻ đã chịu sự khống chế quá nhiều của người lớn, bản năng có một kiểu xu thế phản kháng. Mặc dù nguyên tắc là "để trẻ làm những việc mà mình muốn làm", song nếu chúng thiếu năng lực tự kiểm soát mình, thì không thể có được tự do thực sự.

Rất nhiều sự việc không thể chỉ nhìn từ bề ngoài. Có người nói trẻ làm việc không theo quy luật, sự thực là, rất nhiều người tùy tiện cưỡng ép trẻ làm việc có quy luật; Có người nói trẻ rất lười biếng, sự thực là họ thường cưỡng ép trẻ làm một số việc mà chúng không muốn; Có người

nói trẻ không nghe lời, trong khi những đứa trẻ này luôn luôn bị cưỡng ép phải nghe theo họ.

"Tự do" là tiền đề cũng là kết quả của phát triển, trẻ muốn có được năng lực này, cần có một quá trình giáo dục "biến đổi thắm dần". Sự phát triển nhân cách có tính chủ động, không tách rời khỏi nỗ lực của bản thân trẻ và sự tích lũy kinh nghiệm là một quá trình lâu dài. Con người có thể cưỡng bức kẻ yếu hơn mình, khiến họ khuất phục, và kìm hãm sự trưởng thành của họ, song không thể ngăn cản sự phát triển của họ.

Ngoài ra, nếu tự do được cho là "để trẻ làm bất cứ việc gì mình thích", vậy thì khiếm khuyết về tính cách của trẻ mà họ phát hiện ra sẽ không được sửa chữa, ngược lại sẽ tiếp tục phát triển.

Quan điểm của chúng tôi là, sự phát triển bình thường của trẻ đòi hỏi tập trung sức lực vào công việc. Do vậy, khi chúng ta cung cấp cho trẻ công cụ và môi trường thì cần có mục đích, có chọn lựa, có thể khơi dậy hứng thú của chúng, lại có thể thu hút sự chú ý của chúng. Những thứ này có thể giúp trẻ phát triển thì chúng ta nên giúp chúng chuẩn bị, sao cho thích hợp với độ tuổi và đặc trưng tâm lý, bảo đảm chúng có thể sử dụng dễ dàng. Như vậy, khi trẻ sử dụng những thứ này, năng lực vận động nhịp nhàng sẽ được nâng cao. Nếu trẻ tập trung chú ý làm một việc nào đó thì có thể thúc đẩy sự phát triển tâm lý, nâng cao năng lực vận động, hơn nữa làm thay đổi những khiếm khuyết về cá tính của chúng. Ở đây chúng tôi nhấn mạnh khái niệm "tập trung sự chú ý", chứ không phải khái niệm "làm một việc nào đó". Nếu trẻ làm việc không hề có mục đích thì sẽ không thể sửa chữa được sai sót mà còn có thể mắc nhiều sai sót hơn.

Chỉ khi chúng ta tìm cách khơi dậy hứng thú của trẻ mới có thể làm thay đổi cá tính của chúng. Trị liệu đối với "trẻ có vấn đề" cũng cần một quá trình, song không phải cứ vào trường chúng tôi là có thể chữa khỏi mọi khiếm khuyết. Học ở trường chúng tôi, trẻ tiếp nhận ảnh hưởng của môi trường mới, phát huy đầy đủ "tự do lựa chọn hành vi", từ đó phát triển được cá tính của mình. Chỉ dưới tác động của môi trường, tài năng thiên phú của trẻ mới được thể hiện đầy đủ như tính kỷ luật tự phát, làm việc vui vẻ, hiểu biết xã hội, cảm thông với người khác,... Khi những năng lực này phát huy bình thường, "tự do lựa chọn hành vi của mình" cũng sẽ trở thành một phương thức của quy luật sống ở trẻ.

Nguyên tắc của chúng tôi rất đơn giản: để trẻ làm những công việc mà mình thích. Những công việc này có thể giúp trẻ tập trung chú ý,

khiến chúng không hề cảm thấy mệt mỏi. Những công việc này có thể nâng cao mọi năng lực của trẻ và hoàn thiện sự phát triển tâm lý của chúng.

Nếu người lớn muốn giúp đỡ trẻ thì không nên tùy ý đưa cho trẻ mọi thứ, mà nên lựa chọn tùy theo cá tính và sở thích của chúng. Giống như vậy, chúng ta cũng nên lựa chọn phương pháp giáo dục dựa theo quy luật phát triển tâm lý của trẻ.

Những đứa trẻ học ở trường chúng tôi không chỉ hoàn thiện về cá tính, mà mong muốn tìm kiếm tri thức cũng vô cùng mãnh liệt. Do vậy, mọi người có thể sẽ nói, trẻ đang tiến hành bài luyện tập về tinh thần, chúng đang tìm kiếm con đường hướng tới sự hoàn thiện và làm trong sạch tâm hồn. Trong tác phẩm kinh điển "Tháp tốt lành" của người Ả Rập đã viết về sự phát triển của trẻ nhỏ: *"Để trẻ làm những việc nên làm cực kì quan trọng. Não không thể ngừng hoạt động, nó cần làm việc liên tục, chỉ có chuyên chú làm một số việc, mới có thể phát triển tinh thần của con người. Bộ não lười biếng dễ dàng tiếp nhận thứ xấu xa, do vậy, kẻ lười không thể là người khỏe mạnh"*.

Điều này hoàn toàn giống với quan điểm của chúng tôi. Đúng như Kahlil Gibran đã nói "Công việc là biểu hiện của tình yêu".

KỶ LUẬT TỰ PHÁT

Dù hành vi của trẻ vẫn ở trạng thái tự phát, song ấn tượng chúng để lại trong lòng mọi người lại thường có tính kỷ luật cao. Mỗi trẻ đều tiến hành công việc của mình một cách say mê, toàn tâm toàn ý. Khi lấy hoặc trả đồ vật về chỗ cũ, chúng thường làm rất nhẹ nhàng. Khi rời khỏi phòng học, chúng thường đứng trong sân trường nhìn quanh một lúc rồi quay lại, tuyệt đối không đứng lâu. Chúng chấp hành mệnh lệnh của giáo viên một cách nhanh chóng. Có một cô giáo nói với tôi rằng: *"Trẻ nghe lời như vậy khiến tôi bắt đầu chú ý tới từng câu nói của mình, tôi cảm thấy có trách nhiệm đối với từng câu nói"*. Giáo viên yêu cầu trẻ làm việc nghiêm túc, sau khi cô ta đưa ra yêu cầu, bọn trẻ sẽ ngoan ngoãn chấp hành. Sự phục tùng đối với kỷ luật kiểu này không những không gây cản trở đối với hành động độc lập của trẻ, mà còn giúp chúng trong việc sắp xếp hoạt động hàng ngày theo sở thích. Chúng lựa chọn những giáo cụ cần thiết cho công việc của mình và đảm bảo giữ sạch sẽ những giáo cụ này. Nếu giáo viên đến muộn hoặc chỉ có bọn trẻ ở trong phòng thì tất cả đều vẫn tiến hành bình thường. Chúng kết hợp sự trật tự và

kỷ luật tự phát với nhau, đây là biểu hiện có sức thu hút nhất đối với những người tới tham quan trường chúng tôi.

Chúng vô cùng say sưa, đồng thời tỏ rõ tính kỷ luật cao độ, biểu hiện sự phục tùng trước khi giáo viên đưa ra yêu cầu. Nguyên nhân là gì vậy? Khi trẻ làm việc, trong phòng thường rất yên tĩnh. Không ai muốn phá hỏng không khí tĩnh lặng này, cũng không ai có thể có được sự tĩnh lặng này bằng hình thức giả tạo. Có thể là những đứa trẻ này đã tìm ra con đường phù hợp với sinh mệnh của chúng, giống như các vì sao liên tục phát sáng khi vận động. Quy luật tự nhiên này không có liên quan tới môi trường và trở thành một phần của quy luật vũ trụ. Chúng ta nên hiểu rõ quan niệm thế này, quy luật của giới tự nhiên nhất định đã tạo nền móng cho mọi quy luật của các hình thức khác như cuộc sống xã hội. Thực tế, có thể khơi gợi hứng thú lớn nhất, cung cấp cho lý luận giáo dục "chất dinh dưỡng". Nhiều hơn nữa, là nói rõ "tự do" chỉ có thể sinh ra trên nền móng của trật tự và kỷ luật. Rất nhiều người khó mà lý giải quan điểm này.

Một hôm, con gái của Thủ tướng Ý dẫn Đại sứ nước Cộng hòa Argentina tới tham quan "Ngôi nhà của trẻ". Vị Đại sứ này yêu cầu "giữ bí mật" đến mà không báo trước, cô ta cảm thấy "tai nghe là giả, mắt nhìn là thật", bởi vậy muốn được kiểm chứng một lần. Khi tới trường học họ mới biết hôm đó là ngày nghỉ, trường học đóng cửa. Một số đứa trẻ trong sân trường lập tức chạy lại phía họ, một đứa trong số đó giải thích rằng: "Không sao ạ, mặc dù hôm nay là ngày nghỉ, nhưng chúng cháu vẫn ở trong trường, có thể lấy chìa khóa ở chỗ bảo vệ". Thế là, những đứa trẻ này chạy khắp nơi gọi những đứa trẻ khác lại. Sau khi mở cửa phòng học, chúng tự động bắt tay vào làm việc, điều này đã chứng minh cho các vị khách thấy hành vi tự phát của chúng thật đáng kinh ngạc. Quốc vương, Hoàng hậu Ý và một số người nổi tiếng cũng đã tới đây, những bà mẹ tới trường thăm con của mình đều vô cùng ngạc nhiên, vì trước đây, họ chưa từng nhìn thấy sự việc như vậy xảy ra với con mình. Những bà mẹ này thường chạy tới chỗ tôi, vui mừng phản ánh những chuyện xảy ra trong nhà họ. Họ nói với tôi: "Nếu không phải là con mình, thì những lời nói của những đứa trẻ 3,4 tuổi này thật khiến người ta bức mình. Ví dụ, chúng nói: "Hãy rửa đôi tay nhem nhuốc của mẹ đi", hoặc nói: "Hãy phui vết bẩn trên áo mẹ đi". Chúng tôi không hề bức mình khi nghe những lời nói này của chúng, trái lại cảm thấy như đang trong giấc mơ". Hiện nay, bọn trẻ đã khiến những gia đình nghèo khó này trở nên sạch sẽ hơn, gọn gàng hơn. Chúng dọn dẹp sạch sẽ chiếc lọ bị vỡ trên bậu cửa sổ. Chúng lau chùi cửa sổ sáng bóng. Chúng cũng chăm sóc cẩn

thận những cây quỳ thiên trúc trong vườn hoa. Một số phụ nữ thường đặt cây quỳ thiên trúc lên bậu cửa sổ hoặc trên nền nhà và nấu những món ăn ngon được mọi người yêu thích mang tới phòng học để biểu đạt tình cảm của họ, mà không muốn giáo viên biết mình là ai.

NGUYÊN TẮC GIÁO DỤC

Bằng biện pháp gì mới thu được kết quả như vậy? Tôi sẽ làm rõ vấn đề "biện pháp" này thông qua những miêu tả vấn đề đối với một số sự việc và ấn tượng nào đó. Dưới đây, tôi sẽ nói một chút quan điểm của tôi đối với vấn đề này:

Cái chúng ta thường nhìn thấy là trẻ, mà không phải là biện pháp. Có thể thấy, tâm lý của những đứa trẻ không bị trở ngại trói buộc hoạt động theo bản tính của chúng. Những đặc trưng thời kì trẻ nhỏ mà chúng ta đã nói ở trên hoàn toàn thuộc về cuộc sống trẻ nhỏ, những đặc trưng này vốn không là sản vật của bất cứ "phương pháp giáo dục" nào. Tuy nhiên, đặc tính tự nhiên của trẻ hiển nhiên sẽ bị ảnh hưởng của giáo dục, bởi lẽ cái giáo dục cần làm chính là chọn ra phương pháp có thể giúp trẻ phát triển tự nhiên, để bảo vệ và nuôi dưỡng chúng. Điều này có chút gì đó giống với việc phối ra hoa giống mới. Các nhà trồng hoa có thể làm thay đổi màu sắc, mùi thơm và một số đặc trưng tự nhiên khác của hoa thông qua việc chăm sóc thích hợp cùng với công nghệ nhất định, song lại không làm thay đổi đặc trưng cơ bản của hoa, đó là phải nở.

Mọi hiện tượng trong "*Ngôi nhà của trẻ*" đều biểu hiện một đặc trưng tâm lý trời phú nào đó của trẻ, những đặc trưng tâm lý này không rõ ràng giống như đặc trưng sinh lý của thực vật. Cuộc sống tâm lý của trẻ dễ thay đổi vô cùng, đến nỗi, nếu ở vào một môi trường không thích hợp thì đặc trưng của trẻ sẽ hoàn toàn biến mất và bị thay thế bởi những thứ khác. Bởi vậy, trước khi thảo luận về sự phát triển giáo dục, chúng ta cần tạo ra một môi trường thích hợp để trẻ phát triển bình thường. Muốn thực hiện mục đích này, trước hết cần trừ bỏ vật cản trở. Đây là nền móng và xuất phát điểm của giáo dục. Điều chúng ta cần làm không chỉ là phát triển đặc trưng hiện có của trẻ, mà là phát hiện bản tính của trẻ. Chỉ có như vậy, mới thúc đẩy trẻ phát triển bình thường.

Khi xem xét một số điều kiện ngẫu nhiên khiến đặc trưng của trẻ phát triển bình thường thì sẽ phát hiện thấy một số điều kiện nào đó là vô cùng quan trọng. Một trong số đó là đặt trẻ trong một môi trường vui vẻ, không có bất cứ một áp lực nào. Những đứa trẻ xuất thân từ gia đình

nghèo khó nhất định sẽ phát hiện thấy môi trường mới của chúng vô cùng thoải mái - Phòng học sạch sẽ gọn gàng, đặc biệt là những chiếc bàn nhỏ, ghế nhỏ, ghế tay vịn thiết kế riêng cho chúng và bãi cỏ xinh ngập tràn ánh nắng trong sân trường.

Điều kiện quan trọng thứ hai là vai trò tích cực của người lớn. Bố mẹ của trẻ không có trình độ học vấn gì, giáo viên của chúng lại dùi dẳng tận tụy, điều này đã tạo ra "sự trầm tĩnh của lí trí". Con người sớm đã nhận thức được rằng giáo viên cần phải trầm tĩnh, song kiểu trầm tĩnh này thường bị cho là một kiểu tính cách "điên điên khùng khùng". Tuy nhiên, sự trầm tĩnh sâu hơn nữa là chỉ một trạng thái thông suốt, không suy nghĩ lung tung, là cội nguồn của sự trong sạch cõi lòng và tự do suy nghĩ. Tạo nên sự trầm tĩnh này là sự khiêm tốn của tâm hồn và thuần khiết của lí trí, nó là điều kiện không thể thiếu để lý giải trẻ. Do vậy, chuẩn bị quan trọng nhất của giáo viên chính là có được kiểu trầm tĩnh này.

Một điều kiện quan trọng nữa là cung cấp cho trẻ tài liệu cảm quan khoa học, phù hợp, hấp dẫn giúp trẻ tiến hành rèn luyện cảm quan. Trẻ có thể bị hấp dẫn bởi những tài liệu cảm quan hoàn thiện này, từ đó tiến hành phân tích, cải tiến đối với vận động. Những tài liệu này còn có thể dạy trẻ tập trung chú ý thế nào - Nếu giáo viên chỉ dựa vào "thuyết giáo" thì không thể làm được điều này, bởi lẽ "thuyết giáo" là một kiểu sức mạnh bên ngoài.

Hiện tại chúng ta biết, sự phát triển bình thường của trẻ đòi hỏi môi trường thích hợp, giáo viên khiêm tốn và tư liệu có khoa học. Đây chính là 3 đặc trưng bên ngoài của phương pháp giáo dục ở trường chúng tôi.

Bây giờ, chúng ta hãy thử phát hiện các phức hợp thức biểu hiện của trẻ. Hoạt động liên tục dường như giống cây gậy chần gỗ vào cánh cửa phát triển bình thường của trẻ, điểm này khiến mọi người ngạc nhiên nhất. Hoạt động này đòi hỏi "vận động của đôi tay dưới sự chỉ đạo của tâm lý" tập trung vào một công việc đơn giản. Sự phát triển đặc trưng của trẻ hiển nhiên bắt nguồn từ sự xóc nổi nào đó trong lòng, giống như trẻ vui vẻ tiến hành hoạt động "luyện tập lặp đi lặp lại" và "tự do lựa chọn". Chúng ta sẽ thấy, một đứa trẻ làm công việc của mình một cách hăng say, không biết đến mệt mỏi, là do hoạt động của trẻ giống như quá trình trao đổi chất của tâm lý. Mà sự trao đổi chất này có liên quan mật thiết tới sự phát triển và sinh mệnh của trẻ. Sự lựa chọn của bản thân trẻ sẽ trở thành nguyên tắc chỉ đạo đối với chúng. Trẻ phản ứng

nhật tình với những bài luyện tập tĩnh lặng, trẻ tách những bài học có thể dẫn tới vinh quang và chính nghĩa, chúng kiên thiết mong muốn học cách sử dụng những công cụ có thể phát triển tâm hồn. Trẻ chán ghét những thứ như đồ chơi, bánh kẹo và phần thưởng. Biểu hiện với chúng ta sự trật tự và kỷ luật cũng là điều trẻ quan tâm và mong muốn. Song, trẻ vẫn còn ngây thơ, tràn đầy sức lực, chân thành, vui vẻ, đáng yêu; Khi vui vẻ chúng sẽ hét lên, vỗ tay, chạy khắp nơi; Thích chào khách thật to, cảm ơn đi cảm ơn lại, bày tỏ sự phấn khích bằng những tiếng kêu và chạy qua chạy lại; Trẻ thân thiện, thích những thứ mà mình nhìn thấy, đồng thời khiến mọi thứ thích ứng với mình.

Chúng tôi có thể liệt kê ra một bảng, đưa ra những thứ mà trẻ đích thân chọn lựa từ phương thức biểu hiện tự phát của trẻ. Đồng thời, thêm vào đó những thứ xem ra lãng phí thời gian của trẻ mà trẻ không dùng đến.

Chúng tôi khẳng định có thể phát hiện ra hình dáng cơ bản của phương pháp giáo dục từ bảng liệt kê này. Tóm lại, bản thân trẻ đã cung cấp những nguyên tắc thực tế, chính xác, thậm chí đã được kiểm chứng cho việc xây dựng phương pháp giáo dục. Sự lựa chọn của trẻ là nguyên tắc chỉ đạo của phương pháp giáo dục này, bản tính tự nhiên của trẻ có thể ngăn cản sai lầm xảy ra.

Nhận thức được điểm này, tức là những nguyên tắc này phát huy tác dụng suốt quá trình xây dựng nên phương pháp giáo dục chuẩn xác. Điều này quả là đáng kinh ngạc. Kinh nghiệm lâu năm cũng đã chứng minh điểm này. Nó khiến chúng ta liên tưởng tới phôi thai của động vật có xương sống - trong phôi thai này, chúng ta có thể nhìn thấy một đường thẳng mờ mờ mà sau này sẽ trở thành xương sống. Bên trong đường thẳng này có một số điểm, chúng sẽ dần dần phát triển thành xương non không liền nhau. Chúng ta có thể so sánh thêm một chút: Phôi thai này phân thành 3 bộ phận đầu, ngực và bụng (giống như vậy, hình dáng cơ bản của phương pháp giáo dục của chúng ta cũng là một chỉnh thể sắp xếp theo đường thẳng, nó có một số đặc trưng biến đổi dần dần giống như xương non). Chỉnh thể này cũng bao gồm 3 nhân tố cơ bản, là môi trường, giáo viên và các loại giáo cụ.

Tiến hành tìm kiếm từng bước đối với diễn biến hình dáng cơ bản này sẽ thấy chúng ta vô cùng thú vị. Công việc đầu tiên của xã hội loài người là chịu sự chỉ đạo của trẻ nhỏ, điều này đã cho thấy những nguyên tắc này bước đầu biểu hiện rõ một số phát hiện mới mà con người không ngờ tới. Tốt nhất, nên coi sự phát triển liên tục của phương pháp giáo

dục đặc thù này là một kiểu diễn biến, bởi lẽ điều mới mẻ trong đó bắt nguồn từ bản thân sinh mệnh, mà sự phát triển của sinh mệnh dựa vào môi trường của nó. Môi trường cho trẻ phát triển đã hình thành một thứ đặc thù nào đó, mặc dù nó là do người lớn cung cấp, song về bản chất lại là một kiểu vận động qua lại tích cực của phương thức mới được thể hiện rõ, cùng với sự phát triển sinh mệnh của trẻ.

Mục 1 Những thứ trẻ thích	Công việc cá nhân	Luyện tập nhiều lần
	Tự do lựa chọn	Kiểm soát sai lầm
	Tiến hành phân tích	Luyện tập tĩnh lặng
	Giao lưu xã hội	Hành vi tốt đẹp
	Trật tự môi trường	Giữ vệ sinh cá nhân
	Huấn luyện cảm quan	Viết và đọc
	Thuật lại	Hoạt động tự do
Mục 2 Những thứ trẻ không dùng đến	Khen thưởng và trừng phạt Sách giáo khoa ghép chữ Đồ chơi và bánh kẹo Bục giảng của giáo viên	

Phương pháp giáo dục mới này nhanh chóng được ứng dụng vào các trường mẫu giáo thuộc mọi chủng tộc, mọi xã hội. Điều này đã cung cấp cho chúng tôi rất nhiều tư liệu thực nghiệm phong phú, khiến chúng tôi có thể phát hiện ra những đặc trưng giống nhau, cũng như những xu thế phổ biến. Do vậy, có thể nói, quy luật tự nhiên nên cấu thành nền móng quan trọng của giáo dục.

Điều thú vị là, những trường học xây dựng theo mô phỏng "Ngôi nhà của trẻ" đầu tiên đã chọn nguyên tắc giống như vậy - trước hết chờ đợi biểu hiện tự phát của trẻ, sau đó mới suy xét tới việc chọn biện pháp nhất định cụ thể từ bên ngoài.

NGUỒN GỐC CỦA PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC

Phương pháp giáo dục của chúng tôi chủ yếu nhấn mạnh vào môi trường, tiếp đến là quan tâm chủ ý và thảo luận về vai trò của giáo viên. Nguyên nhân khiến giáo viên trở thành người cản trở hoạt động của trẻ



là do thiếu tinh thần chủ động, quá chú trọng tới hoạt động và quyền uy của bản thân. Khi thấy trẻ hoạt động độc lập và có những tiến bộ, một số giáo viên có tinh thần chủ động sẽ cảm thấy vui mừng và chân thành khen ngợi trẻ. Điểm nhấn mạnh cuối cùng là tôn trọng nhân cách trẻ nhỏ, mức độ tôn trọng không hề có tiền lệ trong bất cứ phương pháp giáo dục nào.

Những người quan tâm tới vận động giáo dục đều hiểu rằng, các phương pháp giáo dục mới thường được thảo luận và chú ý rộng khắp. Phương pháp giáo dục này định vị lại vai trò của người lớn và trẻ nhỏ - Giáo viên lại không là chủ thể dạy học; Coi trẻ là trung tâm của hoạt động, để trẻ có thể học tập độc lập, tự do đi lại và lựa chọn việc mà chúng thích. Mọi người xem đây là một kiểu ảo tưởng. Cách nói như vậy quả là phóng đại.

Dưới đây, chúng tôi nói một chút biện pháp có liên quan tới kiến thiết môi trường. Mọi cơ sở vật chất được thiết kế thích hợp với cơ thể trẻ trong môi trường này của chúng tôi thường nhận được sự tán thành và công nhận của mọi người. Phòng học sạch sẽ sáng sủa, được trang trí hoa, cửa sổ thấp, đồ dùng được thiết kế mô phỏng theo đồ gia dụng hiện đại. Ví dụ các loại bàn nhỏ, ghế tay vịn nhỏ, rèm cửa sổ đẹp dễ, tủ bếp đủ để trẻ với tay tới, trong tủ bếp chứa đầy đồ mà trẻ có thể sử dụng thoải mái. Tóm lại, xem ra mọi thứ đều rất cải tiến, có tính thực tế, giúp ích cho sự phát triển của trẻ. Tôi tin rằng, sẽ có nhiều hơn nữa "Ngôi nhà của trẻ" duy trì và bảo vệ điều kiện thuận lợi bên ngoài. Cải tiến khiến trẻ thích thú kiểu này là đặc trưng chủ yếu trong "Ngôi nhà của trẻ".

Qua nghiên cứu thực nghiệm, chúng tôi cảm thấy cần suy xét nhiều hơn nữa về quan niệm "Ngôi nhà của trẻ", đây là nguồn gốc giải thích lại phương pháp giáo dục trẻ.

Có người cho rằng, chúng ta đưa ra những kết luận kinh ngạc thông qua việc quan sát trẻ, tức là cho rằng trẻ có bản tính thần bí. Bắt nguồn từ kết luận này, chúng ta mới quyết định xây dựng một trường học đặc thù, tạo nên phương pháp giáo dục đặc biệt. Thực tế, cách nghĩ này vô cùng sai lầm. Một người quan sát một đồ vật không biết nào đó bằng trực giác mơ hồ, dường như là điều không thể; Tưởng tượng vô căn cứ trẻ có hai bản tính, rồi tìm cách thể hiện chúng ra bằng thực nghiệm càng là điều không thể. Sự vật mới sinh ra có năng lực phát triển mạnh mẽ, khi nó có cơ hội bước đầu thể hiện, thì người tiếp xúc với nó có thể sẽ có thái độ hoài nghi, giống như rất nhiều người trên thế giới này cự tuyệt

sự vật mới sinh. Mặc dù một số sự vật nào đó đến nay vẫn chưa được công nhận, song chúng lại khẳng định rõ sự phát triển liên tục của mình, cho tới khi được mọi người nhìn thấy, thừa nhận và vui vẻ tiếp nhận. Con người cuối cùng sẽ kinh ngạc trước thứ mới sinh đó và tiếp nhận nó, hơn thế "đón tiếp" nó một cách kiên định, thậm chí dâng hiến cả cuộc đời mình cho nó. Chúng ta thường cho rằng, phát hiện ra thứ mới mẻ là điều khó khăn, muốn bản thân tin vào những thứ mới mẻ lại càng khó khăn hơn, bởi vì cánh cửa lớn của cảm quan chúng ta thường đóng chặt trước những sự vật mới mẻ. Song vừa có cơ hội phát hiện và thừa nhận nó, chúng ta sẽ trở thành người thương nhân tìm kiếm châu báu trong "Kinh thánh", để có thể tìm được một viên châu báu có giá trị thì phải bán hết gia sản mình có.

Tâm hồn của chúng ta giống như phòng tranh của nhà quý tộc không đón tiếp người lạ. Người lạ chỉ được vào khi có người quen giới thiệu. Đó là vì con người thường lặp lại hành vi nói trên trong quá trình "từ đã biết tới chưa biết". Một người chưa được ai giới thiệu sẽ phá vỡ cánh cửa đóng chặt này hoặc "lén lút" luồn vào khi cửa mở hé. Cuối cùng vào được phòng tranh này, anh sẽ trở thành một nhân vật thần kì. Khi quan sát con ếch bị lột da mà tứ chi vẫn co rút, A. Volta thấy rằng có điều gì đó bất thường. Sau khi xem xét sự thực này, ông kiên trì làm thí nghiệm, cuối cùng đã phát hiện ra vai trò của tinh điện. Một kỉ nguyên mới, lĩnh vực mới đôi khi lại mở đầu từ chính những sự việc nhỏ bé như vậy. Về bản chất, là một nhà nghiên cứu, chỉ có tiến hành nghiên cứu sâu thông qua vô số tình tiết nhỏ không hề có ý nghĩa, mới có thể bước tới một lĩnh vực mới.

Vật lý học và y học có tiêu chuẩn nhận định, nghiêm khắc đối với một phát hiện mới. Có thể, một phát hiện mới chính là sự thực chưa từng được phát hiện trước đây trong những lĩnh vực này. Sự thực còn mới mẻ nên luôn bị mọi người hoài nghi hay dường như chúng không tồn tại. Sự thực này lại không dựa vào trực giác cá nhân, nó thường khách quan. Có 2 bước để nhận định sự thực mới: Trước hết, cần phân li nó, đồng thời nghiên cứu nó dưới những điều kiện khác nhau; Tiếp đến, hãy khiến mọi người thừa nhận phát hiện mới trong môi trường nghiên cứu này, chắc chắn rằng nó có thể tái hiện và thực sự tồn tại. Phát hiện mới cần giải quyết vấn đề cơ bản này trước, sau đó mới bắt đầu nghiên cứu, đồng thời phát hiện sự vật mới trong khởi điểm mới. Như vậy mới có thể mang lại thành quả phát hiện thực sự cho người nghiên cứu. Đương nhiên, không ai muốn nghiên cứu những thứ mà mình không thể chứng thực sự tồn tại của chúng. Rất có thể người nghiên cứu chỉ nhận được

một ảo tưởng mà không phải là chân tướng sự thực. Một biện pháp nghiên cứu thường có mối quan hệ với sự tái hiện, bảo tồn và khống chế của phát hiện. Do vậy, nó sẽ không biến mất giống như ảo tưởng, mà ngược lại có giá trị thực sự cao hơn.

LÒNG TỰ TÔN CỦA TRẺ

Tôi nhớ lại câu chuyện kì lạ còn mang nghĩa khác. Hôm đó, tôi muốn dạy bọn trẻ cách xì mũi. Sau khi làm mẫu các biện pháp xì mũi bằng cách sử dụng khăn mùi xoa, tôi còn hướng dẫn chúng làm thế nào để xì hết mũi. Thế là, với phương thức chẳng ai chú ý tới, tôi lấy khăn mùi xoa ra và nhẹ nhàng xì mũi. Bọn trẻ chăm chú theo dõi tôi, không đứa nào cười cả. Sau khi tôi làm mẫu xong, chúng đã vỗ tay nhiệt liệt, đó là những tiếng vỗ tay chỉ có thể nghe thấy trong rạp hát. Quả thực, điều này đã khiến tôi vô cùng ngạc nhiên. Những đôi tay nhỏ bé này có thể vỗ ra những tiếng vang như vậy sao, tôi chưa từng nghe thấy bao giờ và cũng không ngờ rằng những đứa trẻ này lại vỗ tay nhiệt liệt như vậy. Sau đó tôi đã hiểu, tôi đã chạm vào điểm mẫn cảm, trong cuộc sống giao tiếp xã hội hữu hạn của chúng. Bọn trẻ thường cho rằng xì mũi là một việc rất khó. Hành động này thường bị người lớn trách móc, bởi vậy vô cùng mẫn cảm với xì mũi. Sự la hét và mắng mỏ của người lớn đã làm tổn thương tới tình cảm của chúng, khiến chúng cảm thấy khó chịu. Vì sợ trẻ làm mất khăn mùi xoa, người lớn đã ép chúng đeo yếm trong trường học, quả là nực cười. Trong chuyện này, người lớn càng làm tổn thương hơn nữa tới trẻ. Tuy nhiên, dạy trẻ cách xì mũi thế nào, vẫn chưa có ai thực sự làm cả. Chúng ta nên suy nghĩ trên cương vị của trẻ, nói cách khác, phải biết rằng trẻ rất mẫn cảm với sự chế giễu của người lớn, dễ cảm thấy "bị làm mất mặt". Vậy nên, làm thế chúng ta sẽ khiến chúng cảm thấy được đối xử công bằng. Giáo dục như vậy không chỉ gạt sạch sự tủi nhục mà trẻ phải chịu đựng trước đây mà còn khiến chúng có được địa vị hoàn toàn mới trong cuộc sống xã hội. Kinh nghiệm lâu năm của tôi cũng đã chứng minh, lí giải đối với sự thực này là chính xác. Dần dần, tôi nhận thức rằng, cảm giác tôn trọng cá tính của trẻ là vô cùng mãnh liệt. Tâm lý của chúng rất dễ bị tổn thương và cảm thấy bị ức chế, người lớn lại không ý thức được điều này. Hôm đó, khi tôi chuẩn bị ra về, bọn trẻ kêu lên rất to: "Chúng cháu cảm ơn cô, cảm ơn cô vì bài học hôm nay!". Khi tôi rời khỏi trường học, một cảnh tượng thật hiếm có, bọn trẻ nhẹ nhàng đi theo sau tôi, bước xuống phố cùng tôi, chúng nối đuôi nhau thành một hàng dài ngay ngắn trên phố. Cuối cùng, tôi quay

lại bảo chúng: "Về đi các cháu, đi cẩn thận nhé kẻo vấp ngã". Lúc này, bọn trẻ quay người lại, nhanh chóng bước về phía trường học, rồi hoàn toàn mất hút. Tôi thực sự cảm nhận rõ sự tôn nghiêm trong nhân cách của trẻ.

Người tới tham quan "Ngôi nhà của trẻ" phát hiện thấy, bọn trẻ biểu hiện hành vi một cách tự tôn tự trọng. Chúng nhiệt tình tiếp đón khách tới thăm, sau đó thể hiện rõ cho những vị khách này thấy chúng đã tiến hành công việc thế nào. Một hôm, có một giáo viên thông báo với chúng tôi rằng, sẽ có một nhân vật nổi tiếng muốn tới đây thăm bọn trẻ, ông ta muốn hiểu bọn trẻ trường chúng tôi hơn nữa. Tôi chỉ nói một câu với giáo viên này: *"Xin cứ tự nhiên"*.

Tiếp đó, tôi nói với tất cả bọn trẻ: *"Ngày mai sẽ có một vị khách tới đây, cô mong các cháu hãy thể hiện cho ông ấy thấy rằng các cháu là những đứa trẻ cừ nhất thế giới này"*. Sau đó, cô giáo kia đã báo cáo lại kết quả của cuộc đến thăm đó. Cô ấy nói: *"Chúng tôi đã thành công tốt đẹp. Một số đứa trẻ mời vị khách ngồi xuống ghế với giọng điệu cực kì lễ phép: Mời ông ngồi ạ, đứa trẻ khác nói: Chúc ông buổi sáng tốt lành, khi vị khách này chuẩn bị ra về, bọn trẻ xếp thành hàng dài trước cửa nói lớn: Cảm ơn ông đã tới thăm chúng cháu, tạm biệt ông"*. Tôi trách cô giáo này: *"Tôi đã dặn cô rằng không cần phải chú ý bị bất cứ việc gì cơ mà, mọi việc đều diễn ra thật suôn sẻ, vì sao cô phải dạy chúng làm vậy chứ?"*. Cô ta trả lời tôi: *"Tôi không nói với bọn trẻ lời nào từ đầu tới cuối. Chúng tự giác làm vậy đấy chứ"*, cô còn nói thêm: *"Hầu như tôi không dám tin vào mắt mình, tôi nói với chính mình, chắc hẳn đây là kì tích mà thiên sử tạo ra"*, cô còn nói rằng, bọn trẻ đã làm việc rất chăm chỉ, hoàn thành mọi việc xuất sắc, khiến khách tới thăm đều phải kinh ngạc.

Một thời gian khá dài sau đó, tôi vẫn không tin những lời mà cô giáo đó đã nói. Tôi lại hỏi cô ta một lần nữa về chuyện này, bởi lẽ tôi lo rằng cô đã "huấn luyện" bọn trẻ làm vậy. Tuy nhiên, cuối cùng thì tôi cũng hiểu ra rằng, bọn trẻ đã là những đứa trẻ có lòng tự tôn của riêng mình, chúng biết làm việc, có thể tiếp đãi khách tới thăm một cách thân thiện và tỏ rõ cho khách thấy mình đã làm việc thế nào đồng thời tự hào vì điều đó. Tôi chỉ nói với chúng: *"Cô mong các cháu hãy tỏ rõ là những đứa trẻ cừ nhất thế giới này"*, song chắc chắn một điều: bọn trẻ làm vậy không phải chỉ vì lời nói của tôi. Chỉ cần tôi nói với chúng "sẽ có một vị khách tới thăm các cháu" thì cũng có nghĩa rằng những đứa trẻ đầy tự tin này vô cùng vui vẻ với công việc tiếp đãi người khách đã tới phòng khách của trường chúng tôi.

Chỉ ở chỗ chúng tôi mới hiểu được rằng, một lối sự việc mặc dù đơn giản, song lại rất thần kì. Sự e dè, sợ sệt trước đây của những đứa trẻ này không còn nữa, tâm hồn chúng không còn bất cứ sự cản trở nào với môi trường xung quanh. Cuộc sống của trẻ giống như hoa tươi, lớn lên dưới ánh nắng mặt trời, chúng phát triển tự nhiên, tỏa hương thơm nức. Quan trọng hơn nữa là, bọn trẻ phát hiện thấy, con đường phát triển của chúng thường thông suốt, bản thân không phải cựa dấy bất cứ thứ gì, cũng không phải sợ sệt và trốn tránh điều gì. Sự thực có đơn giản như vậy hay không, kết luận của chúng tôi là: Hiện nay, bọn trẻ có thể thích ứng nhanh chóng với môi trường.

Bọn trẻ đã tỏ rõ sự hoạt bát nhanh nhẹn, lại bình tĩnh khoan thai, khiến những người tiếp xúc với chúng đều cảm thấy hưng phấn. Chúng mang lại niềm vui cho tất cả những ai quan tâm yêu mến chúng. Những nhân vật "tai to mặt lớn" đã thực sự ấn tượng khi tới thăm "Ngôi nhà của trẻ". Bọn trẻ tự khắc cũng trở thành tiêu điểm chú ý của cuộc sống xã hội. Một số vị khách đã không thể che giấu nỗi niềm hứng thú trong lòng, thật là có ý nghĩa! Ví dụ, một số phụ nữ ăn mặc lịch sự, quý phái, giống như đi dự tiệc, đương nhiên khi nhìn thấy những đứa trẻ hoạt bát, ngây thơ, khiêm tốn này, họ vô cùng thích thú vì tỏ ý tán thưởng. Khi những vị khách này nhận được những lời đón tiếp nhiệt tình của bọn trẻ, họ vui sướng vô cùng. Bọn trẻ sờ vạt áo của họ, cầm chặt đôi tay quý phái của họ. Một phụ nữ đang gặp chuyện buồn đã thực sự xúc động trước cử chỉ thân thiện của một cậu bé khi cậu tới trước mặt, dựa sát đầu vào cô, sau đó đặt một bàn tay của cô vào đôi tay nhỏ bé của mình, an ủi vỗ về cô. Sau này, người phụ nữ đó đã nói trong nỗi xúc động vô cùng: "Tôi chưa từng nhận được sự an ủi nào lớn lao như vậy".

VẤN ĐỀ GIẤC NGỦ

Người lớn thường nói với giọng điệu áp đặt: "*Con không được chạy lung tung, không được đụng tới đồ của người lớn, không được kêu hét âm ỹ, phải ăn nhiều, phải ngủ nhiều...*", còn nói với trẻ rằng, tốt nhất nên ra ngoài chơi, dù cho chơi với người lạ cũng được. Những ông bố mà mẹ lười nhác sẽ áp dụng biện pháp đơn giản nhất, thoải mái nhất là - ép con mình lên giường ngủ.

Ai nói trẻ không cần ngủ chứ? Mặc dù một số đứa trẻ phục tùng mệnh lệnh nhanh chóng, song chúng vốn không phải là người thích ngủ. Chúng cần ngủ đủ, hơn nữa cũng nên ngủ đủ. Tuy nhiên, chúng ta cần

hiểu rõ sự khác biệt giữa ngủ đủ và ngủ theo sự chỉ đạo của con người. Chúng ta biết một kẻ mạnh không cần nói gì cũng có thể áp đặt ý chí của mình lên kẻ yếu hơn. Một người lớn ép buộc trẻ phục tùng và tuân thủ thời gian ngủ do anh ta đặt ra thì chính anh ta đang âm thầm áp đặt ý chí của mình lên trẻ bằng sự ám chỉ.

Những bà mẹ không có phương pháp giáo dục đúng đắn sẽ trực tiếp yêu cầu con mình đi ngủ, người nông dân biết chuẩn bị một chiếc gối để kéo dài thời gian ngủ của con họ. Tuy nhiên, với một số người (dù họ là tiến sĩ hay chẳng có trình độ văn hóa gì, dù là ông bố không có học thức hay là người bảo mẫu) đều có chung một suy nghĩ "tàn khốc" là phải cho đứa trẻ "hoạt bát nhanh nhẹn này" đi ngủ. Trong những gia đình giàu có, trẻ sơ sinh vài tháng tuổi cho tới trẻ 2, 3, 4 tuổi đều bị yêu cầu ngủ vượt quá thời gian bình thường. Tuy nhiên, ở những gia đình nghèo khó, trẻ lại không được dỗ dành đi ngủ, cả ngày chúng chạy nhảy khắp nơi, bởi lẽ bố mẹ chúng thích chúng tự do tự tại. Con em trong những gia đình nghèo thường điếm đạm hơn con em của nhà giàu. Mọi người cho rằng: "Thời gian ngủ dài" cũng giống như ăn cơm và hít thở không khí trong lành, vô cùng quan trọng cho sức khỏe của trẻ. Ở mức độ nào đó, họ đã tạo nên "cuộc sống kiểu thực vật ở trẻ". Một đứa trẻ 7 tuổi từng thổ lộ nỗi khổ của mình với tôi rằng: "Trời vừa tối bố mẹ cháu đã ép đi ngủ, trong khi cháu chưa từng được ngắm sao". Cậu còn nói: "Cháu muốn được trèo lên đỉnh núi vào buổi tối, nằm trên cỏ ngắm sao". Rất nhiều ông bố bà mẹ nói, con của họ vừa chập tối đã đi ngủ, thói quen này rất là tốt (kì thực, đây là cái cớ để họ có thể tự do ra ngoài).

Giường của những đứa trẻ này được thiết kế riêng, có thể di chuyển được. So sánh những chiếc giường của trẻ được trang trí đẹp dễ, bao bọc xung quanh với những chiếc giường rộng rãi của người lớn thì giường của người lớn giống như "nơi cầm tù", còn giường của trẻ lại thật thoải mái. Tuy nhiên, người lớn vốn không suy xét tới cuộc sống tâm lý cần có của trẻ, họ chưa từng nghĩ rằng trẻ nằm trên chiếc giường nhỏ này lại giống như một kẻ phạm nhân. Đây là "nhà tù" do người lớn tạo nên, đương nhiên nó có lợi cho người lớn. Đối với người lớn, trẻ càng bị hạn chế nhiều thì người lớn càng được tự do. Song, trẻ sẽ chỉ có một cuộc sống thiếu sự ấm áp, bị kìm kẹp và trói buộc.

Giường mà người lớn thiết kế cho trẻ giống như một chuồng chim xây ở chỗ cao. Họ không cần phải cúi đầu khom lưng khi chăm sóc trẻ, khi có việc phải đi cũng không lo trẻ rơi xuống đất. Tiếng khóc của trẻ cũng không làm người lớn khó chịu. Cửa sổ phòng trẻ kéo kín rèm, trong phòng không có ánh nắng, ánh nắng buổi sớm cũng sẽ không "làm

phiên" giấc ngủ của trẻ. Chập tối trẻ đã phải đi ngủ, để bố mẹ còn được tự do ra ngoài chơi; Buổi sớm cũng cần dậy muộn một chút, để tránh quấy rầy giấc ngủ của bố mẹ.

Cho trẻ một chiếc giường mà trẻ cần, để trẻ ngủ đúng giờ, thời gian ngủ không được quá dài, đây là một trong những biện pháp có thể giúp trẻ phát triển tâm lý. Trẻ cần được hưởng quyền lợi: Trẻ muốn ngủ thì ngủ, không muốn ngủ thì đừng ép, trẻ muốn dậy thì để trẻ dậy chơi. Các gia đình hãy nghe theo lời khuyên của chúng tôi: Vứt bỏ giường dành riêng cho trẻ, nên cho chúng một chiếc giường thấp sát nền nhà. Như vậy trẻ có thể tự do hoạt động theo ý thích của mình. Xem ra rất nhiều khó khăn dường như khó giải quyết đã được khắc phục nhờ cải tiến đơn giản này. Những chiếc giường sát đất vừa kinh tế lại thực dụng, cải tiến này hoàn toàn có lợi cho phát triển tâm lý của trẻ. Trẻ cần những thứ đơn giản, mà không phải là những thứ phức tạp ngăn cản sự phát triển của chúng. Rất nhiều gia đình đã làm thế này: Đặt một miếng lót xuống nền nhà, rồi trải một chiếc đệm vừa êm vừa mềm lên trên, nhằm cải thiện giấc ngủ của trẻ. Hiệu quả là: Mới chập tối, trẻ đã vui vẻ chúc bố mẹ ngủ ngon, rồi tự động đi ngủ, sáng sớm dậy cũng không làm phiền giấc ngủ của bố mẹ. Những ví dụ này cho thấy, phương thức giáo dục hiện nay của chúng ta quả là sai lầm lớn! Người lớn áp đặt ý chí của mình lên trẻ, tự làm bản thân mệt mỏi trong việc chăm sóc con cái.

Tóm lại, người lớn nên nỗ lực hiểu những nhu cầu tâm lý của trẻ, tốt nhất cung cấp cho trẻ một môi trường thích hợp có thể khiến trẻ thỏa mãn. Chỉ có như vậy, mới có thể mở ra một cục diện giáo dục mới, giúp đỡ thực sự cho cuộc sống của trẻ. Người lớn tuyệt đối không được coi trẻ nhỏ là đồ vật "tùy ý xách lên" và coi những đứa trẻ lớn hơn là kẻ phụ họa "phục tùng người lớn". Người lớn phải ý thức được rằng mình chỉ đóng vai trò thứ yếu trong quá trình phát triển của trẻ. Tuy nhiên, người lớn muốn ủng hộ và giúp đỡ trẻ phát triển thì cần nỗ lực lí giải tâm lý của trẻ. Đây là mục đích và mong muốn của các bà mẹ và mọi giáo viên. Muốn phát triển cá tính của trẻ, người lớn phải kiểm soát ảnh hưởng của mình, bởi vì trẻ nhỏ yếu đuối hơn người lớn, do đó người lớn cần nỗ lực hiểu rõ những biểu hiện của trẻ. Người lớn nên coi việc hiểu và lí giải trẻ là một việc quan trọng và quang vinh.

ĐI BỘ

Người lớn nên vứt bỏ ưu thế của mình, cần phối hợp nhịp nhàng hành vi của mình với nhu cầu của trẻ trong quá trình phát triển. Đây là phương thức hành vi cần phải tuân thủ.

Bản năng là tiền đề để động vật thích ứng với nhu cầu của sinh mệnh non nớt. Khi voi mẹ dẫn voi con ra nhập đàn voi trưởng thành, những con voi đầu đàn sẽ giảm tốc độ bước của mình để voi con có thể theo kịp. Khi voi con mệt mỏi dừng bước thì cả đàn voi cũng sẽ dừng lại. Đây là điều thực sự thú vị.

Ở khắp các quốc gia, tôi đều có thể phát hiện thấy sự chăm sóc của loài người đối với trẻ nhỏ giống như vậy. Một hôm, tôi nhìn thấy một ông bố người Nhật Bản đang dắt cậu con trai đi tản bộ. Tôi bước theo sau họ, đột nhiên phát hiện thấy đứa trẻ khoảng 1 tuổi rưỡi này đang tay ôm chặt chân bố. Ông bố này đứng lại để cậu bé ôm vòng quanh chân và coi đây là trò chơi của trẻ. Sau khi "chơi xong", hai bố con lại tiếp tục bước đi. Một lát sau, cậu bé ngồi xuống vệ đường, ông bố đứng cạnh cậu. Ông bố này tỏ rõ sự nghiêm túc song lại rất tự nhiên. Dắt con đi bộ, mà bố không làm bất cứ việc gì khác thường, thật là kì diệu.

Lợi ích của việc dắt con đi dạo là nhằm giúp trẻ học cách phối hợp các động tác khác nhau, từ đó khiến chúng có được cảm giác cân bằng. Trẻ học đi cần sự phối hợp nhịp nhàng các động tác, chúng ta buộc phải hiểu rõ điều này.

Sự khác biệt giữa cơ thể người và động vật là ở chỗ, con người buộc phải đi bằng 2 chân, mà không thể đi bằng 4 chân. Cánh tay của khỉ rất dài, có thể giúp chúng đi lại trên mặt đất. Con người là loại động vật duy nhất đi được hoàn toàn dựa vào sự cân bằng của đôi chân. Động vật 4 chân đi rất vững, chúng có thể bước những bước vững chãi, chắc chắn. Song con người lại khác, khi đi, con người bước 1 chân lên trước, rồi mới bước tiếp chân sau. Tự nhiên đã có biện pháp hiệu quả để giải quyết vấn đề khó khăn này của con người. Động vật học đi thông qua bản năng, song con người học đi lại cần có sự nỗ lực chủ quan của cá nhân.

Trẻ nhỏ có được năng lực đi bằng việc đi bộ, mà không phải là ngồi chờ đợi năng lực này tự đến. Bố mẹ vui mừng khôn xiết khi thấy trẻ bước những bước đầu tiên. Đây là những bước chân chinh phục tự nhiên, đánh dấu thời khắc trẻ từ 1 tuổi chuyển sang 2 tuổi. Học đi là lần chào đời thứ 2 của trẻ, từ một cơ thể không thể tự vận động, trẻ đã trở thành một người có năng lực vận động. Sự xuất hiện của năng lực này được tâm lý học cho là tiêu chí chủ yếu đánh dấu sự phát triển bình thường ở trẻ. Tuy nhiên, đây chỉ là bước đầu tiên, tiếp đó trẻ vẫn cần thường xuyên luyện tập. Những bước đi tự tin vững chắc là kết quả của sự nỗ lực không mệt mỏi của cá nhân. Chúng ta biết rằng, trẻ có một kiểu xóc nổi không thể áp chế khi bắt đầu tập đi, trẻ thể hiện rõ sự dũng cảm,

không sợ sệt, thậm chí "liều mạng xông pha", giống như một binh lính dũng cảm xông lên phía trước bất chấp mọi khó khăn. Do vậy, người lớn đã thiết kế ra rất nhiều vật cản trở vây xung quanh trẻ. Đôi chân trẻ đã mạnh lên rồi, song họ vẫn muốn trẻ luyện tập trong môi trường được bảo vệ; Dù trẻ đã có thể đi được rồi, song người lớn vẫn cho trẻ ngồi trong xe đẩy khi ra ngoài dạo chơi.

Do trẻ chưa có đủ độ dẻo dai để đi được xa và đôi chân trẻ ngắn hơn người lớn rất nhiều. Do vậy, trẻ cần chủ động thích ứng với những người lớn "không biết giảm tốc độ bước". Dù là bảo mẫu dắt trẻ ra ngoài chơi, cũng sẽ không thích ứng với bước chân trẻ. Nói cách khác, bảo mẫu đẩy xe đưa trẻ đi chơi, giống như đẩy xe lấy đồ trong siêu thị, cô ta có thể trực tiếp tới những nơi mình muốn theo tốc độ bước của mình. Cô ta không cho trẻ ra khỏi xe đẩy, trừ khi đã tới công viên. Sau khi ngồi xuống, cô ta mới cho phép trẻ chạy nhảy trên cỏ dưới sự giám sát chặt chẽ của mình. Tất cả những việc cô ta làm chỉ là phòng tránh những nguy hiểm xảy ra với cơ thể "giống như thực vật" của trẻ. Trong toàn bộ quá trình này, liệu cô ta có lúc nào suy xét tới nhu cầu cơ bản của sự phát triển cuộc sống tâm lý ở trẻ không?

Trẻ 1 tuổi rưỡi tới 2 tuổi có thể thực hiện những động tác khó như trèo cầu thang, bò lên dốc,... thậm chí có thể đi được vài chục mét. Song điều này hoàn toàn khác với mục đích đi lại của người lớn. Việc đi lại của người lớn là để đạt được một mục đích nào đó, trực tiếp đi tới chỗ đó là được. Mặc dù trẻ bước những bước của mình, song hầu như tiến lên phía trước mà không có mục đích. Bước đi của trẻ là để hoàn thiện mình, phát triển năng lực chinh phục tự nhiên của mình. Những bước chân trẻ chậm rãi, không có tiết tấu cũng chẳng có mục đích, thậm chí trẻ bước đi là bị thu hút bởi những vật xung quanh. Nếu người lớn muốn giúp trẻ học đi, thì cần bước chậm lại, từ bỏ mục đích của mình.

Ở Ý, tôi từng được chứng kiến tận mắt câu chuyện của một cặp vợ chồng trẻ và đứa con 1 tuổi rưỡi của họ. Mùa hè, họ đưa con đi nghỉ mát ở biển, đường tới bãi biển buộc phải đi qua một sườn dốc dài, không một phương tiện giao thông nào đi vào được đoạn đường này. Cặp vợ chồng trẻ thấy nếu bế con trên tay thì thật là mệt mỏi, thế là họ để đứa trẻ tự giải quyết vấn đề này, đứa trẻ đã tự mình đi được hết quãng đường đó. Trên đường đi, lúc thì nó dừng lại ngắm hoa, lúc thì ngồi xuống bãi cỏ, lúc thì đứng ngắm động vật. Có một lần, nó chăm chú ngắm con la mất gần 15 phút. Bởi vậy, đứa trẻ này hôm nào cũng có thể đi đi về về con đường "khó khăn gian khổ" này mà không hề cảm thấy mệt mỏi.

Ở Tây Ban Nha, tôi quen với hai đứa trẻ có thể đi được đoạn đường khá dài, chúng khoảng 2 - 3 tuổi. Còn có rất nhiều đứa trẻ có thể trèo lên trèo xuống hơn một tiếng đồng hồ trên cầu thang chật hẹp.

Tôi nhớ tới một số bà mẹ hề cứ nói tôi leo cầu thang là lo sợ con mình "không nghe lời". Có một bà mẹ bảo với tôi, con gái cô ta mới biết đi được vài hôm, hề cứ nhìn thấy cầu thang là cô bé kêu lên sung sướng, nếu có người bế cô bé lên xuống cầu thang thì cô bé tỏ vẻ bức mình. Người mẹ này không biết con mình kích động bởi cái gì chỉ cần bế cô bé lên xuống cầu thang thì cô bé sẽ khóc ầm ỹ, kích động không thôi, thật không thể hiểu nổi. Cô cho rằng, đây chẳng qua là một sự trùng hợp ngẫu nhiên mà thôi. Tuy nhiên, việc này đã cho thấy rõ cầu thang có sức hấp dẫn đối với đứa trẻ, cô bé chỉ muốn leo lên cầu thang, đặt tay lên các bậc thang hoặc ngồi lên bậc thang. Khi chạy nhảy trên bãi cỏ, cỏ che lấp đôi chân trẻ, không còn chỗ để đặt tay lên. Chỉ có những nơi này trẻ mới được phép đi lại, hơn nữa người lớn còn muốn nắm chặt tay chúng, hoặc đặt chúng trong xe đẩy.

Trẻ thích chạy nhảy, đi lại, thích trượt cầu trượt, chúng hằng hái leo lên, trượt xuống, ngồi xuống, đứng dậy. Đứa trẻ con nhà nghèo chạy đi chạy lại trên phố, chúng dễ dàng biết cách tránh xe cộ, thậm chí có thể tìm được chỗ ngồi trên bậu xe ô tô hoặc xe tải mà không hề tốn công sức. Mặc dù thật là nguy hiểm, song chúng sẽ không giống với con nhà giàu, vì sợ sệt mà trở nên chậm chạp đến mức lười biếng. Sự phát triển của trẻ nhà nghèo và nhà giàu đều không nhận được sự chỉ đạo thực sự. Môi trường nguy hiểm này trên phố gây rủi ro cho trẻ nhà nghèo, mà sự bao bọc bởi rất nhiều thứ sẽ khiến trẻ nhà giàu tách khỏi môi trường nguy hiểm, song cũng gây ra tác dụng không tốt.

SỰ THÀNH LẬP "NGÔI NHÀ CỦA TRẺ" ĐẦU TIÊN

Ngày 1 tháng 6 năm 1907, chúng tôi đã thành lập "Ngôi nhà của trẻ" đầu tiên ở Ý. Khi đó, trường học tiếp nhận những đứa trẻ bình thường từ 3 đến 6 tuổi. Lúc bấy giờ, chưa có phương pháp giáo dục chuyên nghiệp. Tuy nhiên, tôi đã nhanh chóng áp dụng phương pháp giáo dục của mình vào "Ngôi nhà của trẻ". Ngoài 50 đứa trẻ con nhà nghèo ăn mặc rách rưới, tính tình nhút nhát, "Ngôi nhà của trẻ" chẳng có thứ gì cả. Những đứa trẻ này đa phần đều lễ con em các gia đình nghèo, mù chữ, họ nhờ chúng tôi chăm sóc chúng.

Kế hoạch đầu tiên của chúng tôi là tập trung :hững đứa trẻ này lại, như vậy chúng sẽ không chơi đùa trên cầu thang, làm bẩn tường hoặc gây mất trật tự.

Sau khi được mời phụ trách mô hình giáo dục này, tôi có một cảm giác thật kì diệu. Với sự khích lệ của cảm giác này, tôi bắt đầu thành lập "Ngôi nhà của trẻ". Tôi cho rằng, sẽ có một ngày, toàn thế giới sẽ phải công nhận: đây là một sự nghiệp cao cả.

Một ngày, ngồi trong giáo đường, tôi đọc thấy một đoạn trong "Kinh thánh", đây giống như một lời dự đoán đối với tôi: "Nhìn thấy trái đất bị úp chụp bởi màn đêm u tối... song, mặt trời sẽ mọc lên ở đằng đông, ánh hào quang của nó sẽ trở thành kim chỉ nam cho người lớn". Rất nhiều người có mặt trong buổi ra mắt "Ngôi nhà của trẻ" đã ngạc nhiên hỏi tôi rằng: Vì sao cần xây dựng một cơ cấu giáo dục tốt đến vậy cho trẻ em nghèo trên trái đất?

Khi mới bắt tay vào công việc, tâm tư tôi giống như một người nông dân, từ chối gieo giống ngô tốt, tìm vùng đất màu mỡ để được tùy ý gieo trồng. Nhưng khác với kết quả của người nông dân, vùng đất tôi gieo trồng không phải là lương thực mà là vàng - là thứ quý hiếm ẩn trong lòng đất. Tôi lại không cho rằng mình chính là người nông dân đó. Tôi cũng không ngốc nghếch giống Aladin, trong tay đã cầm được chìa khóa kho báu song lại không mở được cánh cửa lớn của kho báu.

Khi làm việc với những đứa trẻ bình thường này, tôi lúc nào cũng cảm thấy kinh ngạc. Nhất thiết phải kể ra đây câu chuyện kì tích này.

Theo nhiều người, điểm mấu chốt để giáo dục những đứa trẻ bình thường phát triển là chọn những biện pháp đã thu được thành công lớn trong quá trình giáo dục những trẻ khiếm khuyết về tâm trí. Tôi đã từng vận dụng những biện pháp này trong khi chữa trị tâm lý cho những đứa trẻ có trí tuệ chậm phát triển và thay đổi phương thức tư duy của chúng. Tôi đã gặt hái được thành công. Nếu trẻ bình thường áp dụng một số phương pháp trong đó thì cũng sẽ phát triển nhanh hơn, tốt hơn. Tuy nhiên, đây cũng không phải là thành công đột nhiên tự đến, bởi lẽ đã có lí luận giáo dục khoa học và thực tế làm nền tảng. Những lí luận này cho rằng tâm lý của con người có một quá trình phát triển cân bằng và suy nghĩ chín muồi. Điều khiến tôi cảm thấy kinh ngạc và nẩy sinh khúc mắc là: Những lí luận này vẫn "chẳng thấm vào đâu", không có hiệu quả như mong đợi khi mới bắt đầu.

Là một phương pháp gợi cảm hứng, những giáo cụ rất có ích cho trẻ có trí lực kém phát triển. Trong khi đó, hiệu quả lại khác khi ứng dụng ở trẻ bình thường và trẻ khiếm khuyết về tâm trí. Bởi lẽ, những giáo cụ này có thể khiến trẻ khiếm khuyết về tâm trí thay đổi được tình trạng tâm lý và học được một số thứ. Tôi thành thật khuyên rằng, nên cho những đứa trẻ này sử dụng giáo cụ. Tuy nhiên, những đứa trẻ bình thường lại không thích hợp. Khi cầm một giáo cụ trong tay, đứa trẻ sẽ làm việc hăng say với tinh thần tập trung cao độ, khiến người khác phải ngạc nhiên. Nó tỏ rõ sự thỏa mãn, sung sướng khi công việc hoàn thành. Điều này thể hiện rõ trên nét mặt ngời sáng của trẻ. Chúng ta cung cấp giáo cụ cho trẻ cũng giống như người bán đồng hồ cung cấp chìa khóa để lên giây cót đồng hồ. Sau khi đồng hồ được lên giây cót nó sẽ chạy mãi không ngừng; Trẻ không những có thể liên tục sử dụng giáo cụ, mà tâm lý của chúng cũng trở nên mạnh khỏe, tràn đầy sức sống hơn trước. Tâm lý được kích thích mới có thể làm việc hăng say đến vậy.

Sau một thời gian quan sát khá lâu, tôi mới tin rằng đây không phải là một kiểu ảo giác. Tôi tự nói với mình rằng: *"Lần này tôi vẫn không tin, lần sau tôi mới tin"*. Tôi cảm thấy vô cùng kinh ngạc, song trong một khoảng thời gian tương đối dài, tôi vẫn không dám tin vào kết quả này. Tôi lại không trách giáo viên liên tục nói với tôi rằng, trẻ đang tự mình làm gì. Tôi nói nghiêm túc: *"Điều này thật sự gây xúc động lòng người"*. Tôi vẫn có thể nhớ lại hình ảnh cô giáo này vừa khóc vừa trả lời tôi: *"Chị hoàn toàn đúng. Mỗi lần tôi bắt gặp tình cảnh này, tôi đều nghĩ rằng, chắc chắn vị thần hộ mệnh của những đứa trẻ này đang khích lệ chúng"*.

Tôi thực sự yêu thương và tôn trọng những đứa trẻ này, tôi đặt tay lên ngực tự hỏi mình trong nỗi xúc động: *"Các con là ai? Lẽ nào các con không phải là những đứa trẻ sơ sinh trong vòng tay của chúa Giê-su?"*.

Tôi tin chắc rằng: Tôi đang nắm giữ trong tay bó đuốc của chân lý, nó soi sáng con đường tôi đang đi.

Tôi vẫn nhớ, khi gặp những đứa trẻ đầu tiên trong "Ngôi nhà của trẻ", trông chúng lo lắng căng thẳng, rụt rè, thậm chí không có cách nào làm cho chúng mở lời; Chúng dò dẫm, ánh mắt vô cảm, dường như cuộc sống chẳng có gì thú vị. Trong hiện thực, chúng sống nghèo khổ, không được quan tâm chăm sóc, chúng sống trong những căn phòng tối tăm, tâm hồn dường như khép kín và thiếu tình yêu thương. Chúng suy dinh dưỡng, thiếu không khí trong lành và ánh sáng. Chúng là những hạt mầm không thể đơm hoa kết trái.

Môi trường mới mẻ này đã khiến bọn trẻ thay đổi hoàn toàn, khiến mọi người phải kinh ngạc. Bởi lẽ, những đứa trẻ này đã có tâm hồn mới, ánh sáng phát ra từ những tâm hồn này sẽ soi sáng cả thế giới.

Biện pháp khiến tâm hồn chúng được giải phóng chính là vứt bỏ đi vật cản trở trong quá trình phát triển. Tuy nhiên ai có thể nói ra biểu hiện thực sự của những vật cản trở này? Hoặc, hoàn cảnh nào mới có thể thúc đẩy tâm hồn của những đứa trẻ này "mọc mầm" và "đơm hoa kết trái"? Rất nhiều hoàn cảnh hiện thực khác xa với mục tiêu chúng ta đã kì vọng.

Nhân đây, xin nói một chút về hoàn cảnh gia đình của những đứa trẻ này. Gia đình chúng thuộc vào tầng lớp thấp nhất trong xã hội, bố mẹ chúng không có việc làm ổn định, hàng ngày đều phải đi tìm việc, làm sao có thời gian và có biện pháp tốt để chăm sóc con cái? Huống hồ bản thân bố mẹ chúng đa phần đều mù chữ.

Rất khó giáo dục những đứa trẻ này, cũng rất khó tìm cho chúng một giáo viên đã được đào tạo. Cuối cùng, chúng tôi mới được một cô giáo trẻ có trình độ. Tuy nhiên, ban đầu cô ấy chưa thể là một giáo viên lí tưởng, cũng chưa thể làm tốt công việc của một giáo viên mầm non thực sự. Đây là cơ cấu giáo dục mang tính phi từ thiện do một hiệp hội kiến trúc sáng lập. Họ tập trung bọn trẻ lại một chỗ chỉ vì muốn giảm bớt chi phí xây dựng và tránh gây tổn hại cho các bức tường của tòa nhà. Bởi vậy, nó không phải là một hạng mục phúc lợi của xã hội, đương nhiên, chưa từng nghĩ tới việc cung cấp bữa trưa miễn phí cho trẻ, cũng không chuẩn bị gì cho việc thành lập một trường học mang mục đích giáo dục. Chi tiêu duy nhất được phép là mua dụng cụ và trang thiết bị cần thiết cho phòng làm việc. Bởi vậy, mới đầu chúng tôi không mua bàn ghế mà trường học cần có, chỉ chuẩn bị đồ dùng cho bản thân.

Ngôi nhà của trẻ đầu tiên này giống như một chiếc máy đo lường ở số 0, mà không phải là một trường học thực sự. Bởi lẽ, số vốn của chúng tôi có hạn, bọn trẻ và giáo viên không có bàn ghế, cũng không có phòng làm việc, không có điều kiện ăn ở cần thiết. Song vào lúc này, chúng tôi có một số thiết bị đặc biệt phục vụ cho mô hình: giáo dục trẻ khuyết về tâm trí mà các trường bình thường không có, đây là điều may mắn duy nhất.

Hiện nay, "Ngôi nhà của trẻ" mà chúng tôi nhìn thấy vô cùng sáng sủa, khiến mọi người cảm thấy vui vẻ, nhưng môi trường "Ngôi nhà của trẻ" đầu tiên lại không giống với hiện tại. Đồ dùng gây ấn tượng nhất là chiếc bàn kiên cố của giáo viên và một chiếc tủ lớn chuyên đựng giáo cụ. Cánh cửa của chiếc tủ này rất chắc chắn, bình thường nó được khóa lại,

giáo viên cầm chìa khóa tủ. Bàn học của bọn trẻ vừa chắc chắn lại vừa bền, ba đứa trẻ dùng chung một bàn. Chiếc bàn này kê sát chiếc bàn kia, giống như mọi trường học khác. Ngoài chiếc ghế dài mà mỗi đứa trẻ thường ngồi ra, còn có những chiếc ghế tay vịn đơn giản. Trong sân trường trồng các loại cây và một bãi cỏ nhỏ. Đây chính là một trong những đặc trưng sau này của trường chúng tôi. Trong môi trường này, dù tiến hành thí nghiệm quan trọng cũng không có gì hấp dẫn cả, tuy nhiên, để hiểu được sự khác biệt về phản ứng của những đứa trẻ bình thường và những đứa trẻ khiếm khuyết về tâm trí, tôi thực sự tin tưởng vào việc tiến hành giáo dục cảm quan. Tôi vô cùng hứng thú với việc hiểu rõ sự khác biệt giữa những đứa trẻ bình thường ít tuổi và những đứa trẻ khiếm khuyết về tâm lý nhiều tuổi hơn. Tôi không coi nhẹ công việc nghiên cứu này. Giáo viên của chúng tôi không bị bó buộc, cũng không bị ép buộc nhiệm vụ gì đặc biệt. Muốn dạy trẻ sử dụng một số tư liệu cảm quan, thì trước hết tôi cần bồi dưỡng cô giáo đó. Như vậy, cô giáo đó có thể dễ dàng làm việc và cảm thấy hứng thú, tôi vẫn thường khích lệ cô phát huy tinh thần sáng tạo của mình.

Ít lâu sau, tôi phát hiện thấy công việc của cô giáo đó bắt đầu khởi sắc, cô đã sáng tạo ra một số giáo cụ khác cho bọn trẻ, (ví dụ cây thánh giá rất tinh xảo). Nguyên liệu mà cô dùng để làm những đồ vật này là giấy, coi chúng là phần thưởng, khích lệ những đứa trẻ có biểu hiện tốt nhất, những đứa trẻ vô cùng sung sướng khi nhận phần thưởng này. Cô khéo léo dạy bọn trẻ cách chào hỏi, dù bọn trẻ đa số đều là bé gái dưới 5 tuổi, song chúng đều rất thích những động tác này. Điều này khiến chúng vui vẻ, tôi cũng cảm thấy sung sướng vô cùng.

Thế là, cuộc sống bình lặng, âm thầm đã bắt đầu. Trong một khoảng thời gian rất dài, chúng tôi đã làm những việc tốt đẹp vì loài người.

MỤC LỤC

<i>Lời mở đầu</i>	5
CHƯƠNG 1. TRẺ RỜI KHỎI CƠ THỂ MẸ	6
Tiếp nhận trẻ đến với thế giới này như thế nào?	8
Không nên trói buộc trẻ	13
Sự chào đời của trẻ	18
Giai đoạn trưởng thành khác nhau	22
Trẻ cần có sự tự lập	31
Sự khởi đầu của sinh mệnh	41
CHƯƠNG 2. SỰ TRƯỞNG THÀNH CỦA TRẺ SƠ SINH	50
Đôi tay và đại não	51
Sự phát triển trí lực	53
Nhận biết về trật tự thế giới bên ngoài	62
Trật tự bên trong	69
Bí mật của tâm hồn	72
Phôi thai của tinh thần	75
Giáo dục của phôi thai tâm lý	93
CHƯƠNG 3.	
CÁC LOẠI NĂNG LỰC CỦA TRẺ VÀ VIỆC BỒI DƯỠNG	97
Sự hình thành ngôn ngữ của trẻ	98
Sự hình thành tính cách trẻ	103
Trẻ tự bồi dưỡng tính cách	111

Giáo dục ý chí của trẻ	118
Cần kiên trì rèn luyện ý chí	124
Bồi dưỡng khả năng tập trung chú ý của trẻ	131
Bồi dưỡng trí tưởng tượng của trẻ.....	140
Bồi dưỡng thần kinh vận động của trẻ.....	149
Đặc điểm phát triển trí lực	153
Năng lực hành vi của trẻ	159
Mô phỏng và chuẩn bị.....	162
Ý nghĩa của vận động đối với trẻ.....	165
Bí mật thiên tài	172

CHƯƠNG 4. CHĂM SÓC TRẺ 178

Chúng ta hãy trở thành người thầy của tình yêu	179
Để trẻ là chủ nhân của chính mình	181
Ba giai đoạn phục tùng ý thức	186
Sai lầm và biện pháp sửa sai.....	194
Giáo dục gia đình với trẻ nhỏ	200
Giáo viên cần chuẩn bị những gì.....	216
Giáo viên và kỷ luật.....	224

CHƯƠNG 5. YÊU TRẺ THẾ NÀO 234

Trí lực và tự do.....	235
Biện pháp thưởng phạt.....	240
Để trẻ quay về với tự nhiên	241
Giáo dục bằng tình yêu.....	246
Những đứa trẻ gặp bất hạnh.....	250
Trẻ là gì.....	251

Trẻ 3 tuổi.....	255
Người lớn và trẻ nhỏ.....	260
Trẻ nhỏ - Nguồn gốc của tình yêu.....	267
Tạo môi trường thích hợp cho trẻ.....	274

CHƯƠNG 6. PHƯƠNG PHÁP GIÁO DỤC TRẺ..... 281

Vận động.....	282
Tiết tấu.....	284
Sự trật tự.....	280
Huấn luyện "yên tĩnh".....	287
Hoạt động không logic, không mục đích.....	289
Đọc sách và viết chữ.....	292
Phương pháp dạy đọc và viết.....	296
Trẻ nhỏ trong những gia đình giàu có.....	311

CHƯƠNG 7. KHỞI ĐẦU CỦA SINH MỆNH..... 315

Lựa chọn là một kiểu hoạt động trí lực cấp cao.....	316
Từ người sáng tạo trở thành người làm việc.....	320
Ảnh hưởng của trở ngại đối với ngôn ngữ.....	324
Tưởng tượng và văn hóa.....	331
Phương hướng mới.....	345

CHƯƠNG 8. TÔN TRỌNG SINH MỆNH..... 349

Nhận biết trẻ như thế nào.....	350
Nhân cách mang tính thay đổi.....	351
Điều kiện phát triển bình thường.....	355
Kỷ luật tự phát.....	360

Nguyên tắc giáo dục 362

Nguồn gốc của phương pháp giáo dục..... 365

Lòng tự tôn của trẻ 368

Vấn đề giấc ngủ 370

Đi bộ 372

Sự thành lập "Ngôi nhà của trẻ" đầu tiên..... 375

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
175 Giảng Võ - Ba Đình - Hà Nội.
ĐT : (04) 8515380 Fax : (04) 8515381
Email: nxblaodong@vnn.vn

DẠY CON TRƯỚC TUỔI LÊN 3

Chịu trách nhiệm xuất bản:

PHAN ĐÀO NGUYỄN

Chịu trách nhiệm bản thảo: TRẦN DŨNG

Biên tập: THANH BÌNH – KIM YẾN

Sửa bản in: NS HUY HOÀNG

Bìa: TRỌNG KIÊN

LIÊN KẾT XUẤT BẢN

Nhà sách Huy Hoàng

95 Núi Trúc, Ba Đình, Hà Nội

Tel/Fax: (04) 736.5859 - 736.6075

Mobile: 0903.262626

Nhà sách Thành Vinh

59 Đường Trần Phú, TP. Vinh, Nghệ An

Tel/Fax: (038) 3591.167 - Mobile: 0912.109349

www.huyhoangbook.com.vn
SIÊU THỊ SÁCH TRỰC TUYẾN XBOOK
Số 57/121 Lê Thanh Nghị - HBT- Hà Nội
<http://xbook.com.vn>
Tel: 04.6278 4538 - 04.62922446

In 2.000 cuốn, khổ 16 x 24 cm. Tại Công ty cổ phần In và Bao bì Sơn La.
Số đăng ký KHXB: 839 - 2007/CXB/38 - 86/LĐ. ngày 16 /10/2007
Số quyết định XB số: 14QĐ/LĐ. In xong và nộp chiểu quý II năm 2008.

Đạy Con Trước Tuổi Lên 3



8 935095 600984
55.000 VNĐ



Nhà sách Huy Hoàng
95 Núi Trúc, Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội
Tel/Fax: 7365859 - 7366075 • Website: www.huyhoangbook.com.vn